ĐẠI HỌC QUỐC GIA TPHCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

HỒ SƠ MỞ NGÀNH

KINH TẾ

MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO: 7310101

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 07 năm 2023

MỤC LỤC

TỜ TRÌNH VỀ VIỆC ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO KINH TẾ 7
1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo 7
2. Tình hình đào tạo của ngành đào tạo ở Việt Nam và trên thế giới 14
3. Về ngành đào tạo và chương trình đào tạo: 15
4. Kết luận và kiến nghị 20
BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC .. 24
1. Thông tin chung về chương trình đào tạo 24
2. Mục tiêu đào tạo 24
3. Thông tin tuyển sinh và kế hoạch đào tạo 25
4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 27
5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp 31
6. Thang điểm 35
7. Khối lượng kiến thức toàn khoá 36
8. Nội dung chương trình đào tạo 37
9. Khả năng liên thông với các chương trình đào tạo khác: 43
10. Dự kiến kế hoạch giảng dạy: (phân bổ theo từng học kỳ và trình độ tiếng Anh) 43
11. Ma trận đầu ra với môn học (kỹ năng): 51
12. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng môn học: 61
CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ: 61
1. PE015IU - Triết học Mác-Lênin (Philosophy of Marxism-Leninism) 61
2. PE016IU - Kinh tế chính trị Mác-Lênin (Marxist-Leninist Political Economy) 61
3. PE017IU - Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism) 62
4. PE018IU - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party) .. 62
5. PE019IU - Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Thoughts) 62
CÁC MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, QUẢN TRỊ VÀ KINH TẾ 63
6. PE008IU - Tư duy phản biện (Critical Thinking) 63
7. BA117IU - Kinh tế vi mô (Introduction to Micro Economics) 63
8. BA119IU - Kinh tế vĩ mô (Introduction to Macro Economics) 63
9. BA118IU - Tâm lý học (Introduction to Psychology) 64
10. BA197IU - Xã hội học (Introduction to Sociology) 64
11. PE007IU - Địa lý kinh tế thế giới (World Economic Geography) 64
12. PE010IU - Lịch sử và văn hoá Việt Nam (Vietnamese History and Culture) 65

13. BA282IU – Toán trong kinh doanh (Mathematics for Business) 65
14. BA080IU - Thống kê ứng dụng trong kinh doanh (Statistics for business) 65
15. BA120IU - Tin học quản lý (Business Computing Skills) 66
CÁC MÔN NGOẠI NGỮ 66
16. EN008IU - Tiếng anh chuyên ngành 1 (Kỹ năng nghe) (Academic english 1-Listening Skills) 66
17. EN007IU - Tiếng anh chuyên ngành 1 (Kỹ năng viết) (Academic english 1-Writing Skills) 66
18. EN012IU - Tiếng anh chuyên ngành 2 (Kỹ năng nói) (Academic english 2-Speaking Skills) 67
19. EN011IU - Tếng anh chuyên ngành 2 (Kỹ năng viết) (Academic english 2-Writing Skills) 67
CÁC MÔN KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH 68
20. BA256IU - Workshop 1 68
21. BA283IU – Kế toán tài chính 1 (Financial Accounting 1) 68
22. BA115IU - Quản trị kinh doanh đại cương (Introduction to Business Administration) 69
23. BA003IU - Nguyên lý tiếp thị (Principles of Marketing) 69
24. BA020IU - Đạo đức kinh doanh (Business Ethics) 70
25. BA068IU - Kinh tế quốc tế (International Economics) 70
26. BA130IU - Hành vi tổ chức (Organizational Behavior) 70
27. BA016IU – Nguyên lý Quản trị Tài chính (Fundamental of Financial Management) 71
28. PE021IU - Pháp Luật Đại Cương (General Law) 71
29. BA081IU - Luật kinh doanh (Business Law) 72
30. EFA209IU - Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế (Research Method in Economic Issues) 72
CÁC MÔN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH 73
31. EFA201IU – Kinh tế vi mô 2 (Intermediate Microeconomics) 73
32. EFA202IU – Kinh tế vĩ mô 2 (Intermediate Macroeconomics) 73
33. EFA203IU – Nhập môn Kinh tế lượng (Introductory Econometrics) 73
34. EFA204IU – Kinh tế lượng chuỗi thời gian (Time Series Econometrics) 74
35. EFA206IU – Kinh tế môi trường (Environmental Economics) 74
36. EFA207IU – Kinh tế phát triển (Development Economics) 74
37. EFA208IU – Kinh tế lao động (Labor Economics) 75
38. IT149IU – Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế (Fundamentals of Programming with Economic Applications) 75

39. IT162IU – Nền tảng học máy với ứng dụng trong kinh tế (Machine Learning Platforms with Economic Applications) 75
40. IT138IU – Trực quan hoá và khoa học dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế (Data Science and Visualization with Economic Applications) 76
41. IT079IU – Nguyên lý quản trị cơ sở dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế (Principles of Database Management with Economic Applications) 76
42. EFA230IU - Workshop 2 on Economic Issues. 76
43. EFA210IU – Kinh tế học thực nghiệm (Experimental Economics) 77
44. EFA211IU – Kinh tế học hành vi (Behavioral Economics) 77
45. EFA212IU – Lý thuyết trò chơi và chiến lược doanh nghiệp (Game Theory and Business Strategy) 78
46. EFA213IU – Kinh tế học tài chính (Financial Economics) 78
47. EFA205IU – Kinh tế lượng số liệu bảng (Panel Data Econometrics) 78
48. EFA214IU – Phân tích dữ liệu marketing (Marketing Analytics) 79
49. EFA231IU - Thực tập 1 (Internship 1) 79
50. EFA232IU - Luận văn tốt nghiệp (Thesis) 79
13. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo: 80
14. Danh sách cố vấn học tập 85
15. Cơ sở vật chất phục vụ học tập 86
16. Hướng dẫn thực hiện chương trình 90
17. Kế hoạch đảm bảo chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo 90
PHỤ LỤC 1 - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC MÔN HỌC 92
PE015IU - TRIẾT HỌC MÁC LÊNIN 93
PE016IU - KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN 102
PE017IU - CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC 117
PE018IU - LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 131
PE019IU - TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 143
PE008IU - CRITICAL THINKING 157
BA117IU - INTRODUCTION TO MICROECONOMICS 170
BA119IU - INTRODUCTION TO MACROECONOMICS 184
BA118IU - INTRODUCTION TO PSYCHOLOGY 197
BA118IU - INTRODUCTION TO SOCIOLOGY 212
PE007IU - WORLD ECONOMIC GEOGRAPHY 225
PE010IU - VIETNAM HISTORY AND CULTURE 238

PE021IU - GENERAL LAW 254
BA282IU - MATHEMATICS FOR BUSINESS 267
BA080IU - STATISTICS FOR BUSINESS 279
BA120IU - BUSINESS COMPUTING SKILLS 292
EN008IU - LISTENING AE1 306
EN007IU - WRITING AE1 318
EN012IU - SPEAKING AE2 332
EN011IU - WRITING AE2 345
BA256IU - WORKSHOP 1 360
BA283IU - FINANCIAL ACCOUNTING 1 373
BA115IU - INTRODUCTION TO BUSINESS ADMINISTRATION 386
BA003IU - PRINCIPLES OF MARKETING 400
BA020IU - BUSINESS ETHICS 414
BA068IU - INTERNATIONAL ECONOMICS 427
BA130IU - ORGANIZATIONAL BEHAVIOR 434
BA016IU - FUNDAMENTALS OF FINANCIAL MANAGEMENT 446
BA081IU - BUSINESS LAW 458
EFA209IU - RESEARCH METHOD IN ECONOMICS 470
BA051IU - INTERNATIONAL FINANCIAL MANAGEMENT 480
BA213IU - CORPORATE GOVERNANCE 489
EFA201IU - INTERMEDIATE MICROECONOMICS 497
EFA202IU - INTERMEDIATE MACROECONOMICS 504
EFA203IU - INTRODUCTORY ECONOMETRICS 511
EFA204IU - TIME SERIES ECONOMETRICS 517
EFA206IU - ENVIRONMENTAL ECONOMICS 524
EFA207IU - DEVELOPMENT ECONOMICS 531
EFA208IU - LABOR ECONOMICS 538
IT149IU - FUNDAMENTALS OF PROGRAMMING WITH ECONOMIC APPLICATIONS 545
IT162IU - MACHINE LEARNING PLATFORMS WITH ECONOMIC APPLICATIONS 552
IT138IU - DATA SCIENCE AND VISUALIZATION WITH ECONOMIC APPLICATIONS 559
IT079IU - PRINCIPLES OF DATABASE MANAGEMENT WITH ECONOMIC APPLICATIONS 565

EFA210IU - EXPERIMENTAL ECONOMICS 571
EFA211IU - BEHAVIORAL ECONOMICS 578
EFA212IU - GAME THEORY AND BUSINESS STRATEGY 585
EFA213IU - FINANCIAL ECONOMICS 592
EFA205IU - PANEL DATA ECONOMETRICS 600
EFA214IU - MARKETING ANALYTICS 606
EFA230IU - WORKSHOP 2 ON ECONOMIC ISSUES 613
EFA231IU - INTERNSHIP 1 619
EFA232IU - THESIS 626
PHỤ LỤC 2 - LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN 630
PHỤ LỤC 3 - XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO 865
PHỤ LỤC 4 - BẢN NHẬN XÉT CỦA CÁC CHUYÊN GIA, CÁC NHÀ QUẢN LÝ VÀ ĐẠI DIỆN CÁC TỔ CHỨC BÊN NGOÀI 870
PHỤ LỤC 5 - KHẢO SÁT NHU CẦU NHÂN LỰC 883
PHỤ LỤC 6 - ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TƯƠNG ĐỒNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ VÀ CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHÁC 885
PHỤ LỤC 7 - BIÊN BẢN HỘI THẢO, KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐỂ LẤY Ý KIẾN XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 895
PHỤ LỤC 8 - QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG ĐỀ ÁN, BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TRƯỜNG VÀ HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG 899
PHỤ LỤC 9 - CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KINH TẾ Ở CÁC NƯỚC 921
PHỤ LỤC 10 - BIÊN BẢN GHI NHỚ HỢP TÁC VỚI CÁC DOANH NGHIỆP, CƠ QUAN HÀNH CHÍNH 932
PHỤ LỤC 11 - HỒ SƠ THẨM ĐỊNH 963

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TPHCM
ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

KHOA KINH TẾ, TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Số: 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2022

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

KINH TẾ

Tên ngành đào tạo: Kinh tế
Mã ngành đào tạo (dự kiến): 7310101
Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC
Loại hình đào tạo: CHÍNH QUY

Kính gửi:
- Đại học Quốc gia Tp.HCM
- Ban Giám hiệu trường Đại Học Quốc tế - ĐHQG TPHCM

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

- Lý do mở ngành đào tạo:

Quá trình toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu sắc đã tạo ra nhiều cơ hội cho Việt Nam tham gia vào chuỗi cung ứng thế giới, tiếp cận những nguồn lực khan hiếm cũng như các tiến bộ khoa học công nghệ, tư duy văn minh của nhân loại. Nhờ vậy, đời sống của đa số nhân dân đã được cải thiện đáng kể. Hàng triệu người đã thoát nghèo. Tuy nhiên, các mối ràng buộc chằng chịt với các nước lan truyền không chỉ những yếu tố tích cực mà còn những yếu tố tiêu cực từ khắp nơi đến nước ta. Nền kinh tế Việt Nam cảm nhận ngày càng rõ nét tác động của những khủng hoảng như khủng bố, chiến tranh mậu dịch Mỹ-Trung Quốc, dịch bệnh Covid-19, chiến tranh Nga-Ukraine, … Năm 2020 và 2021 chứng kiến những đảo lộn chưa từng có trong cuộc sống và sản xuất của nhân dân và doanh nghiệp ở nước ta. Đến nay, tính bất định vẫn chưa có hồi kết khi nguy cơ lạm phát cao và đình trệ kinh tế vẫn còn, hàng chục ngàn công nhân mất việc làm do xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ giảm sút. Do vậy, nhu cầu nhận diện những cơ hội kinh doanh và bảo vệ

quyền lợi trước những rủi ro trong thời đại mới ngày càng trở nên cấp thiết ở cả cấp cá nhân lẫn quốc gia.

Nhu cầu đó có thể được đáp ứng từ ngành đào tạo kinh tế. Ngành này cung cấp kiến thức về sự vận hành của nền kinh tế, của các doanh nghiệp, các hộ gia đình, và cơ quan chính quyền, được kết nối trong vô vàn thị trường khác nhau. Người học có thể sử dụng những mô hình cơ bản để đánh giá tác động của các cú sốc trên thế giới đến các lĩnh vực, các ngành trong nền kinh tế cũng như tác động của các đối sách khả dĩ, từ đó xây dựng các chiến lược tối ưu.

Chương trình đào tạo kinh tế có bổ sung một số môn cơ bản của phân tích dữ liệu sẽ giúp sinh viên tốt nghiệp trở thành những ứng cử viên tiềm năng cho các doanh nghiệp có quy mô lớn, có hoạt động kinh doanh trên thị trường thế giới, có dữ liệu lớn về khách hàng. Những doanh nghiệp này rất mong muốn tuyển dụng các chuyên viên kinh tế có hiểu biết phân tích số liệu nhanh chóng để cung cấp những tư vấn kịp thời cho hoạt động của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp nhỏ và hộ gia đình không có nguồn lực để tuyển dụng các chuyên viên này thì họ trông chờ vào các khuyến nghị hữu ích từ các viện nghiên cứu, cơ quan chính quyền. Do vậy, sinh viên còn có cơ hội làm việc trong các tổ chức phi chính phủ, cơ quan chính quyền, viện nghiên cứu, và giảng dạy tại các trường trung học phổ thông và trường cao đẳng, đại học (sau khi học cao hơn).

Tiến bộ khoa học công nghệ vũ bão hiện nay khiến nền giáo dục Việt Nam và các nước đề cao nhóm ngành STEM (science – khoa học, technology – công nghệ, engineering – kỹ sư, mathematics – toán). Hoa Kỳ xem ngành Kinh tế là thuộc nhóm ngành STEM cho thấy tầm quan trọng của ngành này. Số liệu mới nhất của Cục Dự trữ liên bang Hoa Kỳ cho thấy cử nhân kinh tế từ 22 đến 27 tuổi có mức lương trung vị cao nhất trong khối ngành Kinh doanh và Khoa học xã hội ở Hoa Kỳ.

Nhiều trường đại học ở Việt Nam đã mở ngành Kinh tế ở trình độ đại học, nhưng chất lượng đào tạo chưa đạt yêu cầu do hạn chế về giảng viên và tài liệu học tập bằng tiếng Việt chưa đúng và không cập nhật. Chương trình đào tạo của Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán ở trường Đại học Quốc tế, ĐHQG TPHCM sử dụng tài liệu tiếng Anh mới nhất, do các giảng viên được đào tạo ở nước ngoài, có kinh nghiệm thực tế, sẽ tạo ra những cử nhân có chất lượng cao, phục vụ tốt nhu cầu phát triển của đất nước.

Từ những nhu cầu thực tế trên, chúng tôi nhận thấy việc cung cấp nguồn nhân lực cho ngành kinh tế chất lượng cao là một trong những mục tiêu đào tạo hiện nay. Trong tờ trình này, chúng tôi đề xuất mở ngành kinh tế nhằm đào tạo nguồn nhân lực được trang bị đầy đủ nền tảng kiến thức về kinh tế theo chuẩn mực quốc tế, đạo đức nghề nghiệp, các kỹ năng mềm và khả năng giao tiếp tiếng Anh tốt nhằm phục vụ cho nhu cầu hoạt động phát triển kinh tế xã hội. Ngoài ra, chương trình cũng trang bị cho sinh viên khả năng tự tìm tòi nghiên cứu để thích nghi với biến chuyển không ngừn có liên quan đến nghề nghiệp sau này. Sinh viên tốt nghiệp ngành kinh tế cũng có cơ hội lớn nghiên cứu chuyên sâu và theo đuổi bậc trình độ sau đại học. Ngôn ngữ đào tạo của chương trình là tiếng Anh.

- Căn cứ pháp lý để mở ngành đào tạo:

Căn cứ theo Quyết định số 540/QĐ-ĐHQG về việc ban hành quy định mở ngành đào tạo ngày 9 tháng 5 năm 2023;

Căn cứ theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ theo Công văn số 213/ĐHQT-ĐTĐH ngày 03/7/2023 về việc hướng dẫn các bước thực hiện xây dựng, thẩm định và phê duyệt hồ sơ đề án mở ngành trình độ đại học,

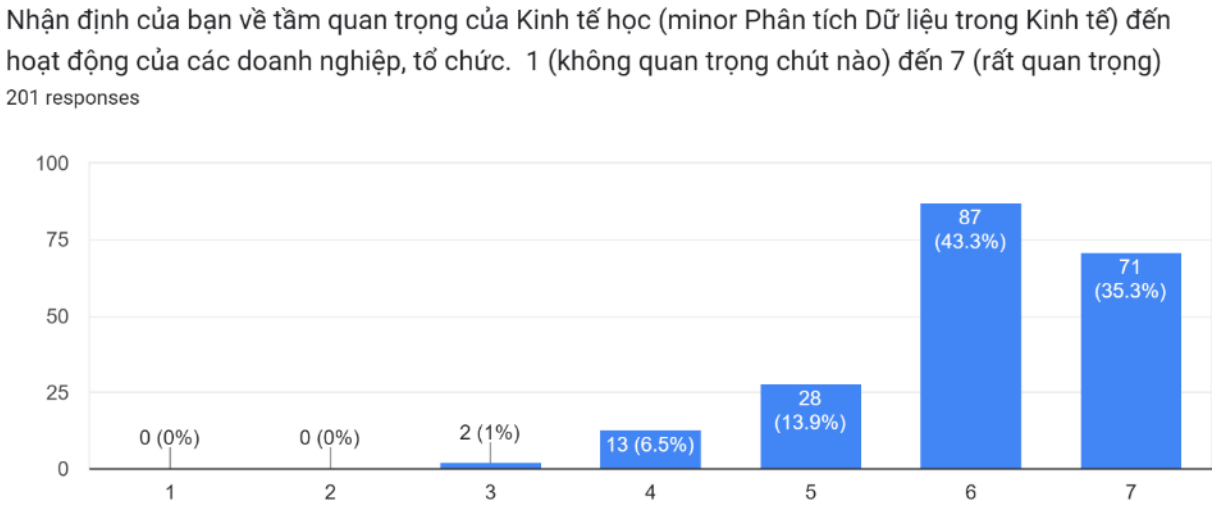
Căn cứ theo Nghị quyết 19/NQ-HĐT phiên họp thứ mười của Hội đồng trường Đại học Quốc tế ngày 10 tháng 4 năm 2023,

Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán tiến hành xây dựng chương trình đào tạo mới ngành Kinh tế, trình độ Đại học. Sau đây là câu hỏi khảo sát về nhu cầu thực tế ngành Kinh tế với các đối tượng là học sinh, sinh viên, học viên sau đại học, các đối tượng đang làm việc trong lĩnh vực Kinh tế trong doanh nghiệp và cả nhân viên văn phòng

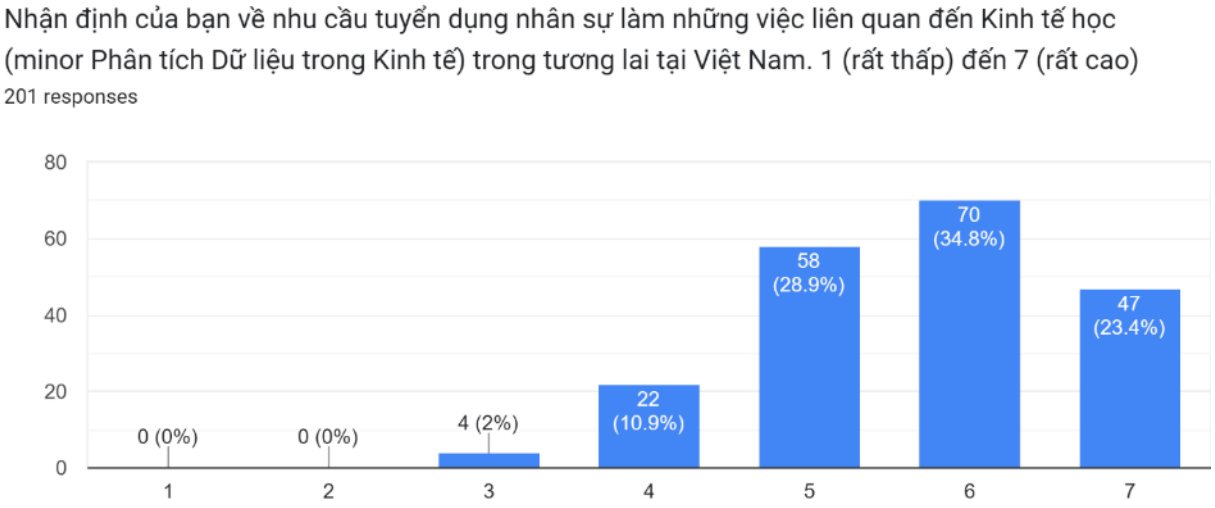
- **Kết quả khảo sát về nhu cầu thực tế ngành Kinh tế:**

Qua khảo sát và tìm hiểu thực tế của Bộ môn Kinh tế thuộc Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán – Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP.HCM, với các đối tượng là học sinh, sinh viên, nhân viên, cựu sinh viên, thậm chí sinh viên từng đi làm thêm ở văn phòng, thì kết quả cụ thể như sau:

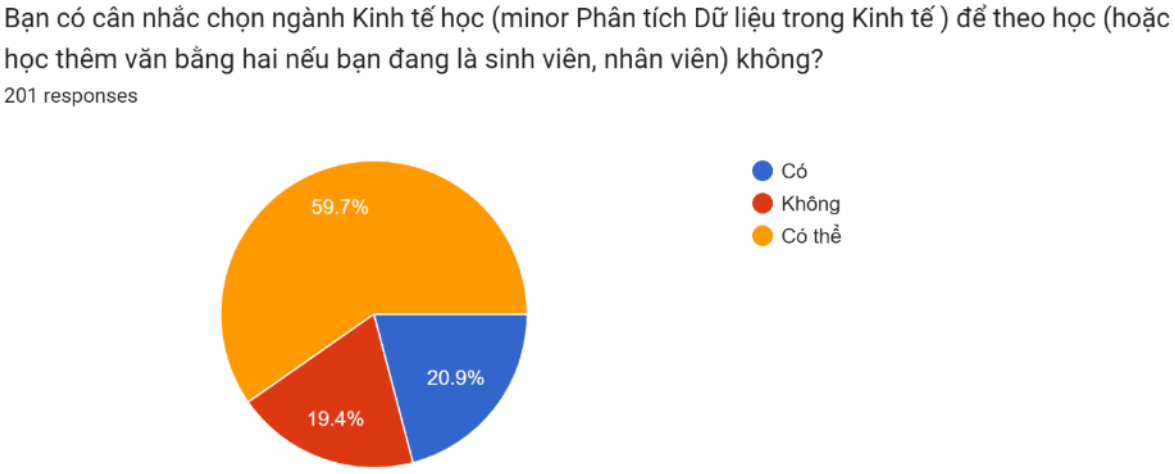
- Với câu hỏi "Nhận định của bạn về tầm quan trọng ngành kinh tế (minor Phân tích Dữ liệu trong Kinh tế) đến hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức.", đa số người được khảo sát nhận định ngành kinh tế (minor Phân tích Dữ liệu trong Kinh tế) có vai trò quan trọng hoặc rất quan trọng trong hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, với 35,3% cho điểm 7 và 43,3% cho thang điểm 6 trong thang điểm từ 1 (không quan trọng) tới 7 (rất quan trọng).



- Với câu hỏi "Nhận định của bạn về nhu cầu tuyển dụng nhân sự làm những việc liên quan đến Kinh tế (minor Phân tích Dữ liệu trong Kinh tế) trong tương lai tại Việt Nam", đại đa số đối tượng được khảo sát cho rằng nhu cầu tuyển dụng nhân sự làm những việc liên quan đến Kinh tế (minor Phân tích Dữ liệu trong Kinh tế) trong tương lai tại Việt Nam là cao hoặc rất cao, 34,8% cho điểm 6 và 23,4% cho điểm 7 trong thang điểm từ 1 (rất thấp) tới 7 (rất cao)

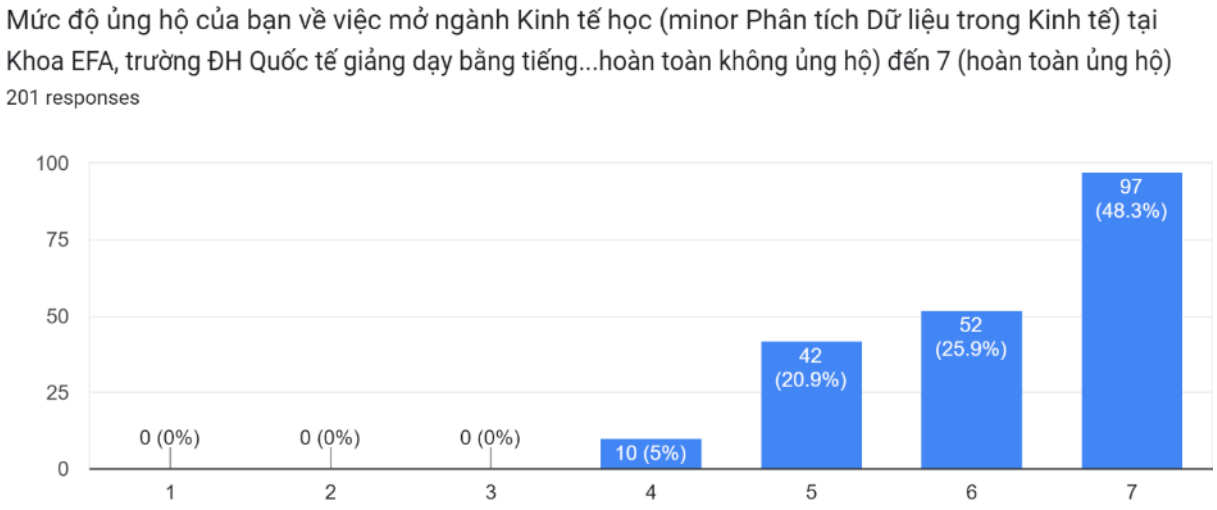


- Với câu hỏi "Bạn có cân nhắc chọn ngành Kinh tế (minor Phân tích Dữ liệu trong Kinh tế) để theo học (hoặc học thêm văn bằng hai nếu bạn đang là sinh viên, nhân viên) không?", khoảng 60% số người được khảo sát tỏ ý sẽ xem xét và gần 21% có mong muốn lấy thêm văn bằng hai cho ngành Kinh tế (minor Phân tích Dữ liệu trong Kinh tế).



- Khi được hỏi "Mức độ ủng hộ của bạn về việc mở ngành Kinh tế (minor Phân tích Dữ liệu trong Kinh tế) tại Khoa EFA, trường ĐH Quốc tế giảng dạy bằng tiếng Anh, với tài liệu chuẩn mực của thế giới.", phần lớn đều thể hiện sự ủng hộ mạnh

mẽ đối với việc mở ngành Kinh tế (minor Phân tích Dữ liệu trong Kinh tế), với 48,3% cho điểm tối đa theo thang đo từ 1 (hoàn toàn không ủng hộ) đến 7 (hoàn toàn ủng hộ).



Tháng 12/2022, Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán đã có liên hệ với các giảng viên tiến sĩ có uy tín tại Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Quốc tế, ĐHQG Hà Nội, và Tổng Giám đốc, chuyên gia có nhiều kinh nghiệm để hỏi ý kiến về tầm quan trọng và nhu cầu mở ngành Kinh tế (ngành học phụ Phân tích Dữ liệu) thuộc Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán, Trường Đại Học Quốc Tế, ĐHQG TPHCM:

TS. Nguyễn Hoàng Bảo, cựu Trưởng khoa Khoa Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TPHCM

Ngành kinh tế cung cấp kiến thức nền tảng dựa trên phương pháp luận chặt chẽ, sử dụng nhiều toán học, giúp định hình tư duy của sinh viên. Người học dễ dàng lý giải các hành vi của người tiêu dùng và của nhà cung ứng trong các cơ cấu thị trường khác nhau nhờ các lý thuyết cơ sở trong kinh tế vi mô. Tương tự, kinh tế vĩ mô, kinh tế quốc tế giúp sinh viên đánh giá tác động tổng thể lên nền kinh tế của các cú sốc, các quy định mới của chính phủ, … Những tác động này không chỉ bao gồm phúc lợi của các cá nhân, tổ chức, mà còn liên quan đến môi trường sống. Điều này ngày càng quan trọng khi thế giới đang chứng kiến biến đổi khí hậu sâu sắc, mà Việt Nam là một trong sáu nước chịu tác động lớn nhất. Những kiến thức tổng quát sẽ giúp sinh viên nắm bắt kịp thời những cơ hội và thách thức đặt ra

cho các tổ chức, và học hỏi nhanh chóng những nghiệp vụ cụ thể của từng công việc, trong từng doanh nghiệp.

TS. Nguyễn Việt Cường, Giảng viên Trường Quốc tế, ĐHQG Hà Nội

Kinh tế học là một ngành quan trọng trong khoa học xã hội nói chung và trong kinh tế tài chính nói riêng. Kinh tế học phân tích đánh giá nguồn lực và hiệu quả của các sự lựa chọn trong phạm vi nguồn lực hạn chế và giúp chúng ta đưa ra các quyết định lựa chọn đúng đắn, sử dụng tài nguyên một cách hiệu quả nhất. Nghiên cứu về kinh tế cũng sẽ giúp chúng ta hiểu thế giới kinh tế xung quanh. Nó giúp chúng ta hiểu rõ hơn về hành vi của người tiêu dùng, doanh nghiệp, và chính phủ trong nền kinh tế, từ đó có những ứng xử phù hợp để mang lại lợi ích kinh tế. Các công cụ phân tích được trang bị trong ngành kinh tế học như thống kê, kinh tế lượng và phân tích dữ liệu cho phép chúng ta có các kỹ năng phân tích thị trường, doanh nghiệp, cũng như các chính sách kinh tế xã hội. Kinh tế học cung cấp nền tảng lý thuyết và công cụ cho phân tích thị trường và chính sách công. Chính vì vậy sinh viên theo học ngành kinh tế học không chỉ làm việc ở các doanh nghiệp mà còn phù hợp làm việc ở các tổ chức phát triển, nghiên cứu và các cơ quan nhà nước.

Mr. Lưu Mân Quang, Trưởng phòng Quản lý danh mục và khoa học dữ liệu, Công ty tài chính HomeCredit Việt Nam

Kinh tế học cung cấp các nền tảng cơ bản về các nguyên lý trong kinh tế như cung cầu, thất bại của thị trường, … và các kỹ năng như phân tích lợi ích chi phí, phân tích dữ liệu, dự báo, kinh tế lượng, thẩm định và quản lý dự án, … Đây là các hành trang cần thiết cho sinh viên mới ra trường có thể sẵn sàng tham gia các mảng trong lĩnh vực tài chính như: (i) hoạch định và phân tích tài chính (financial planning and analysis) gồm phân tích lợi ích – chi phí của từng dự án, thẩm định và quản lý dự án, lên kế hoạch tài chính cho công ty, tổ chức; (ii) quản lý danh mục (portfolio management) gồm áp dụng các kiến thức và kỹ thuật phân tích dữ liệu để dự báo các chỉ số quan trọng của danh mục trong tương lai tương ứng với các biến số vi mô, vĩ mô, đánh giá tác động của từng thay đổi, từng dự án lên hiệu quả hoạt động của danh mục; (iii) thẩm định (underwriting) gồm dùng các công cụ thống kê, phân tích dữ liệu để đề xuất các chính sách thẩm định cho doanh nghiệp, tổ chức, sử dụng các công cụ kinh tế lượng để xây dựng các thẻ điểm tín dụng cho mục đích thẩm định.

TS. Lê Đặng Trung, Nhà sáng lập và Tổng Giám đốc, Công ty Real-Time Analytics

Từ kinh nghiệm của bản thân, kiến thức kinh tế học đã mở ra cho tôi cơ hội được làm việc trong các tổ chức nghiên cứu quan trọng như Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, chuyên tư vấn cho các bộ ngành của chính phủ Việt Nam và các doanh nghiệp. Quá trình làm việc với doanh nghiệp giúp tôi nhận ra rằng các thiết bị điện tử ngày càng phổ biến đang tạo ra khối lượng dữ liệu khổng lồ về khách hàng mà nhiều công ty chưa biết cách quản lý và khai thác để cải thiện sản phẩm và doanh thu của mình. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp đang gặp thách thức trong việc tìm được nhân sự có hiểu biết kinh tế học, kinh tế lượng, và phân tích dữ liệu để sử dụng dữ liệu này. Công ty của tôi hiện đang xây dựng và cung cấp các giải pháp cho họ. Tôi cho rằng nhu cầu tuyển dụng sinh viên ngành này sẽ nhiều hơn nữa trong tương lai.

2. Tình hình đào tạo của ngành đào tạo ở Việt Nam và trên thế giới

a) Tình hình đào tạo ở Việt Nam

STT	CSĐT	Tên ngành/chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Ghi chú
1	Đại học kinh tế quốc dân	Ngành Kinh Tế	Đại học	Cử nhân	https://daotao.neu.edu.vn/vi/ctdt-he-chinh-quy/chuong-trinh-dao-tao-he-chinh-quy
2	Đại học kinh tế TP.HCM	Ngành Kinh Tế	Đại học	Cử nhân	https://student.ueh.edu.vn/Public/TraCuuNganh
3	Đại học Mở	Ngành Kinh Tế	Đại học	Cử nhân	http://v1.ou.edu.vn/ktqlc/Pages/Hoc-che-tin-chi.aspx

b) Tình hình đào tạo trên thế giới

Trong khi đó, trên thế giới đã có nhiều trường đại học mở ngành Kinh tế với nhiều chuyên ngành, đào tạo ở trình độ đại học. Ví dụ như một số trường đại học được liệt kê trong bảng dưới, là những trường có thứ hạng cao trên thế giới, đang đào tạo ngành Kinh tế. Chương trinh đào tạo 3-4 năm tập trung vào các nhóm kiến thức và kỹ năng sau:

1) Kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế
2) Kiến thức phân tích dữ liệu
3) Kỹ năng làm việc nhóm
4) Kỹ năng ra quyết định liên quan đến đạo đức nghề nghiệp
5) Kỹ năng áp dụng công nghệ trong thời đại cách mạng 4.0

STT	Tên nước	CSĐT	Tên ngành/chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Địa chỉ website
1	Úc	University of New South Wales	Kinh Tế - Chuyên ngành Phân Tích Dữ Liệu và Kinh Tế Lượng	Đại học	Cử nhân	https://www.unsw.edu.au/study/undergraduate/bachelor-of-economics?studentType=Domestic
2	Úc	Monash University	Kinh Tế - Chuyên ngành Phân Tích Kinh Doanh	Đại học	Cử nhân	https://handbook.monash.edu/current/courses/B2031
3	Anh	Imperial College London	Kinh Tế, Tài Chính, và Khoa Học Dữ Liệu	Đại học	Cử nhân	https://www.imperial.ac.uk/business-school/programmes/bsc-economics-finance-data-science/
4	Úc	Macquarie University	Kinh Tế	Đại học	Cử nhân	https://www.mq.edu.au/study/find-a-course/courses/bachelor-of-economics
5	Mỹ	MIT	Khoa Học Máy Tính, Kinh Tế, và Khoa Học Dữ Liệu	Đại học	Cử nhân	http://catalog.mit.edu/interdisciplinary/undergraduate-programs/degrees/computer-science-economics-data-science/

3. Về ngành đào tạo và chương trình đào tạo:

- Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;
- Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;
- Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động

của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, hồ sơ quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;
- Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
- Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
- Căn cứ Công văn số 213/ĐHQT-ĐTĐH ngày 03/7/2023 về việc hướng dẫn các bước thực hiện xây dựng, thẩm định và phê duyệt hồ sơ đề án mở ngành trình độ đại học.
- Căn cứ Quyết định 1050/ QĐ-ĐHQT năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế về việc thành lập Hội đồng xây dựng đề án mở ngành Kinh tế,
- Căn cứ nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh phía Nam và Biên bản họp Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán, Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán trường Đại học Quốc tế đề nghị xin được mở ngành đào tạo đại học như sau:
  - Tên ngành đào tạo đăng ký mở: Kinh tế (Economics)
  - Mã ngành đào tạo: 7310101
  - Trình độ đào tạo: Đại học

3.1. Tóm tắt chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên
  - ✓ Chương trình khung của Bộ giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT)

- ✓ Kết quả khảo sát nhu cầu thực tế của các Công ty/ Doanh nghiệp về năng lực cần có của một nhân viên làm việc trong lĩnh vực Kinh tế
- ✓ Tham khảo chương trình đào tạo của các trường tiên tiến trên thế giới, liệt kê trong Bảng

- Tóm tắt về chương trình đào tạo:
  - ✓ Thời gian đào tạo: 4 năm
  - ✓ Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh (trừ các môn thể dục thể chất, chính trị và giáo dục quốc phòng).
  - ✓ Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ, trong đó khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp được phân bổ như sau:

Khối kiến thức	***Số tín chỉ***
Giáo dục đại cương	**47 (36.15%)**
Các môn lý luận chính trị	11
Khoa học xã hội và nhân văn, quản trị và kinh tế	18
Khoa học tự nhiên	10
Ngoại ngữ	8
Giáo dục thể chất	0
Giáo dục quốc phòng	0
Giáo dục chuyên nghiệp	**68 (52.31%)**
Cơ sở ngành	24
Chuyên ngành chính Kinh tế (chuyên ngành phụ Phân tích Dữ liệu) - Bắt buộc: - Tự chọn	 35 9
Thực tập và Báo cáo tốt nghiệp	**15 (11.54%)**

3.2. Năng lực đội ngũ

Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán thuộc trường Đại học Quốc tế nói chung và bộ môn Kinh tế nói riêng đã và đang từng bước xây dựng được một đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn tốt, trẻ, năng động và được đào tạo bài bản, đa phần từ các trường Đại học lớn trên thế giới. Ngoài ra, Khoa còn có thể mời giảng viên cơ hữu của Khoa Công nghệ thông tin thuộc trường Đại học Quốc tế giảng một số môn về phân tích dữ liệu có trong chương trình đào tạo. Vì vậy, đội ngũ giảng viên cơ hữu của Khoa và của trường Đại

học Quốc tế đáp ứng được khối lượng chương trình đào tạo theo quy định tại Điều 5, Quyết định 540/QĐ-ĐHQG.

Ngoài ra, Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán cũng liên kết với một số trung tâm nghiên cứu, doanh nghiệp lớn tại Tp.HCM như Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ (Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam), Viện Nghiên cứu Phát triển TPHCM, Bosch, Intel, …để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên thực tập trong môi trường thực tế, nâng cao kỹ năng làm việc.

Với nhu cầu của xã hội và năng lực của đội ngũ giảng viên, Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán, trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia TPHCM xét thấy đây là thời điểm phù hợp để mở ngành đào tạo Kinh tế trường Đại học Quốc tế cấp bằng và giảng dạy bằng tiếng Anh.

3.3. Quy mô đào tạo dự kiến

- Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo trong 5 năm đầu của ngành đào tạo:

Năm	2023	2024	2025	2026	2027	2028	Từ 2029 trở đi
Tuyển sinh mới	50	50	50	70	70	70	80
Quy mô đào tạo	50	100	150	220	240	260	290

Chương trình đào tạo ngành Kinh tế được xây dựng dựa trên nhu cầu thực tiễn xã hội. Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán, trường Đại học Quốc tế đã tham khảo chương trình giảng dạy của các Đại học nổi tiếng về Kinh tế tại các nước như Anh, Mỹ, Úc (The University of Manchester; Imperial College London; MIT University; University of New South Wales; Monash University) – Business School để làm cơ sở nền tảng xây dựng chương trình đào tạo ngành Kinh Tế – chuyên ngành phụ Phân tích Dữ Liệu tại Đại học Quốc tế.

- Nguồn kinh phí đào tạo: Học phí (thu theo số tín chỉ đăng kí học tập theo quy định của Đại học Quốc tế - ĐHQT), ngân sách và các nguồn tài trợ khác. Lý do như sau: Trường Đại học Quốc tế đã đạt chuẩn kiểm định cấp cơ sở giáo dục của Bộ giáo dục và Đào tạo năm 2016 và chuẩn cấp cơ sở giáo dục của AUN-QA năm 2018. Đồng thời Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán được tách ra từ Khoa Quản trị kinh doanh từ tháng 9 năm 2022, và Khoa đã có 02 chương trình đào tạo đạt chuẩn đánh giá theo AUN-QA là Quản trị Kinh doanh (năm 2012, 2017) và Tài chính Ngân

hàng (năm 2018). Do đó chương trình Kinh tế được đào tạo cùng điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất như các chương trình đào tạo trên, và chuẩn chương trình đào tạo cũng tương tự, do đó học phí cho chương trình đào tạo ngành Kinh tế sẽ được thu theo mức học phí của 02 chương trình đào tạo trên và theo Đề án đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Quốc tế.

- Tóm tắt về quá trình xây dựng chương trình đào tạo, dựa theo thông tư 02/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo Dục và Đào tạo:
- Bước 1: Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực trong ngành kinh tế; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành kinh tế;
- Bước 2: Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;
- Bước 4: Đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành/ chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện chương trình đào tạo;
- Bước 5: Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo đã xác định;
- Bước 6: Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài cơ sở đào tạo, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp (nếu có) về chương trình đào tạo;
- Bước 7: Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng;
- Bước 8: Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn học và phương pháp giảng dạy dựa trên các tiến bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động.

4. Kết luận và kiến nghị

Căn cứ vào nhu cầu nguồn nhân lực về Kinh tế tại Việt Nam và các mục tiêu trên, Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán, trường Đại học Quốc tế kính đề nghị Đại Học Quốc Gia TPHCM cho phép mở ngành Kinh tế.

Đính kèm: Biên bản họp Hội đồng khoa học Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:
- P.ĐTạo trường ĐHQT
- ĐHQG
- Lưu VT, Khoa KT,TC, và KT

TM TỔ SOẠN THẢO ĐỀ ÁN
(Ký tên, đóng dấu)



Lê Văn Chơn

Đại học Quốc Tế - ĐHQG HCM
Khoa Kinh Tế, Tài Chính, và Kế Toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc
TPHCM, Ngày 30 Tháng 12 Năm 2022

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA

Về việc: **Mở ngành Kinh Tế**

Thời gian: 10:00 ngày 30/12/2022

Địa điểm: O2.706

I. Thành phần tham dự:

1. Chủ trì: TS. Lê Văn Chơn, Phó Khoa EFA và Leader của nhóm làm Hồ sơ mở ngành Kinh Tế
2. Thư ký: TS. Hoàng Thị Ánh Ngọc
3. Thành phần khác:
   - TS. Trịnh Quốc Đạt, Trưởng khoa EFA
   - PGS.TS. Nguyễn Văn Phương
   - PGS.TS. Võ Thị Quý
   - TS. Nguyễn Phương Anh
   - TS. Nguyễn Thị Lê Hà
   - TS. Võ Xuân Hồng
   - TS. Trịnh Thu Nga
   - TS. Nguyễn Ngọc Duy Phương
   - TS. Nguyễn Bá Trung

II. Nội dung cuộc họp:

TS. Lê Vơn Chơn trình bày hồ sơ mở ngành Kinh Tế – ngành phụ Phân tích Dữ Liệu, bao gồm:

- Lý do mở ngành, nhu cầu đối với ngành, khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp của sinh viên trong các cơ quan tổ chức nào.
- Kết quả khảo sát với sinh viên về ngành học mới rất khả quan (hơn 80% sinh viên muốn học ngành này)
- So sánh chương trình đào tạo của ngành Kinh Tế với các chương trình đào tạo trong nước và ngoài nước.

- Liệt kê các môn học trong chương trình học.

Các ý kiến thảo luận về hồ sơ mở ngành và hai tên ngành: Kinh Tế – ngành phụ Phân tích Dữ Liệu, và Kinh Tế Số.

- PGS.TS. Nguyễn Văn Phương:
  - Đề xuất sửa tên gọi ngành.
  - Cân nhắc syllabi các môn học về Khoa Học Dữ Liệu có thể thiên về IT nhiều
  - Cân nhắc các môn học elective từ các Khoa khác (ví dụ bộ môn Vật Lý có môn Định Vị)
  - Kiểm tra lại việc có thể cho phép không bắt buộc làm luận văn đối với tất cả sinh viên hay không.
  - Có thể sẽ không được thu học phí theo chuẩn kiểm định nếu ngành mới chưa được kiểm định. Vì vậy, giải pháp đề xuất: chương trình tiên tiến hoặc kiểm định ngành học trước khi đào tạo.
  - Xem xét việc mở chuyên ngành mới.
- PGS.TS. Võ Thị Quý:
  - Cân nhắc tên ngành để có thể cạnh tranh với các trường khác.
  - Cân nhắc về tên Kinh Tế Quản Lý
  - Hướng tới thiết lập các chỉ số kinh tế Việt Nam để tạo tên tuổi
  - Rà soát lại chuẩn đầu ra của ngành Kinh Tế Số.
  - Xem xét đổi tên môn Financial Accounting thành Principle of Accounting.
  - Xem xét khả năng double degree với chương trình Data Science của Khoa IT.
- TS. Nguyễn Ngọc Duy Phương
  - Tên ngành Kinh Tế Số sẽ dễ tuyển sinh hơn.
- TS. Trịnh Quốc Đat
  - Cần so sánh phần trăm similarities giữa chương trình đào tạo ngành mới và chương trình đào tạo ngành tương tự ở các trường top ở nước ngoài.
  - Xem xét bỏ môn Khoa Học Môi Trường.

- Cân nhắc đổi tên môn elective Marketing Analytics theo hướng không tạo ấn tượng là môn này chỉ dành cho bộ phận Marketing.
- Rà soát các môn đại cương không cần thiết, và thay thế bằng một số môn Coding (ví dụ: Advanced Excel).

▪ TS. Nguyễn Phương Anh
- Đồng ý tên Kinh Tế Số
- Làm rõ sự khác biệt về khả năng làm việc tại các cơ quan tài chính với chương trình đào tạo của ngành tài chính.
- Cân nhắc thêm kiến thức toán và kinh tế lượng.

▪ TS. Nguyễn Bá Trung
- Trên thế giới không có ngành Kinh Tế Số (Digital Economics) nên tạo khó khăn cho việc tham khảo chương trình đào tạo.
- Xem xét chức danh Giám Đốc chương trình đào tạo để các chương trình đạo tạo được cập nhật kịp thời theo yêu cầu của thị trường.

III. Kết luận cuộc họp

1. Sử dụng tên ngành Kinh Tế để tạo thuận lợi cho việc tuyển sinh, thu hút được phụ huynh và học sinh, cạnh tranh với các trường khác.
2. Vì trên thế giới chưa có ngành Kinh Tế Số (chỉ có môn học Kinh Tế Số), nên việc tham khảo các chương trình đào tạo tương tự của các trường top trên thế giới có khó khăn. Nhóm làm hồ sơ mở ngành đã tham khảo một số chương trình đào tạo có kết hợp giữa kinh tế với Khoa Học Dữ Liệu hoặc với Phân Tích Dữ Liệu hoặc với Phân Tích Kinh Doanh của các trường uy tín ở Úc, Mỹ, và Anh.
3. Xem xét bỏ một số môn đại cương không cần thiết, và thay thế bằng một số môn phù hợp hơn với ngành Kinh Tế Số.
4. Xem xét đổi tên một số môn chuyên ngành.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 11:20 ngày 30/12/2022.

THƯ KÝ	**CHỦ TỌA**
(*Ký và ghi rõ họ tên)*	(*Ký và ghi rõ họ tên)*
	(đã ký)
Hoàng Thị Ánh Ngọc	Lê Văn Chơn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
  + Tiếng Việt: Kinh tế
  + Tiếng Anh: Economics
- Mã ngành đào tạo: 7310101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
  + Tiếng Việt: Cử nhân Kinh tế
  + Tiếng Anh: Bachelor of Arts in Economics
- Nơi đào tạo: Trường Đại Học Quốc Tế - Đại Học Quốc Gia TP.HCM

2. Mục tiêu đào tạo

a. Mục tiêu chung

Ngành Kinh tế tại Trường ĐH Quốc tế đào tạo ra các chuyên kinh tế đạt được 5 mục tiêu sau:

(i) Hiểu rõ hơn các vấn đề về môi trường, xã hội, an ninh và kinh tế ảnh hưởng đến quyết định và đạo đức nghề nghiệp. Có phẩm chất chính trị tốt, sống và làm việc tuân theo pháp luật của nhà nước Việt Nam.

(ii) Có nền tảng các kiến thức cơ bản vững chắc về kinh tế và phân tích kinh tế lượng (và các ngành kinh doanh liên quan như tài chính, quản trị kinh doanh).

(iii) Có khả năng vận dụng sáng tạo đổi mới các kiến thức cơ bản trong ngành để giải quyết các vấn đề trong đa dạng lĩnh vực nghề nghiệp.

(iv) Có các kỹ năng mềm cần thiết. Có khả năng làm việc nhóm, khả năng lãnh đạo và kỹ năng quản lý. Có khả năng giao tiếp và làm việc chuyên môn bằng tiếng Anh (ở mức thành thạo).

(v) Nhận thức và hiểu rõ tầm quan trọng của việc không ngừng học tập, trau dồi bản thân và khả năng học tập lâu dài.

b. Mục tiêu cụ thể

Các mục tiêu cụ thể của chương trình bao gồm:

1. Kiến thức chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế và kỹ năng phân tích số liệu; có khả năng theo đuổi các bậc trình độ sau đại học.

2. Kỹ năng nghề nghiệp:

Có kỹ năng nghiên cứu; kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo bao gồm thu thập và phân tích số liệu, từ đó đưa ra những nhận định sâu sắc giúp tổ chức cải thiện hoạt động kinh doanh, lập kế hoạch, tư vấn; và kỹ năng quản lý hiệu quả.

3. Kỹ năng mềm:

Có kỹ năng giải quyết vấn đề, đặc biệt là các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế; có khả năng làm việc nhóm, khả năng lãnh đạo và quản lý. Có khả năng giao tiếp và làm việc chuyên môn bằng tiếng Anh (ở mức thành thạo) và đạt chuẩn đầu ra của Trường Đại Học Quốc Tế - Đại Học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh.

4. Năng lực thực hành nghề nghiệp:

Có khả năng tự học hoặc tham gia các khoá bồi dưỡng để nắm bắt các kiến thức mới liên quan đến Kinh tế và Kinh tế lượng, và đủ năng lực học tiếp sau đại học và thi các chứng chỉ nghề nghiệp.

3. Thông tin tuyển sinh và kế hoạch đào tạo

a. Đối tượng tuyển sinh

Ngành Kinh tế thuộc khoa Kinh tế, Tài chính vào Kế toán tuyển sinh theo quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

- Căn cứ theo quy chế tuyển sinh THPT hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo, dự thi đủ số môn quy định trong kỳ thi tuyển sinh THPT hàng năm do Bộ Giáo dục & Đào tạo tổ chức; và đạt điểm trúng tuyển do trường ĐHQT – ĐHQG TPHCM quy định

– Các công dân nước ngoài hoặc công dân nước Việt Nam đang theo học các chương trình quốc tế được xét tuyển theo quy định của trường Đại học Quốc Tế, Đại học Quốc Gia TP HCM.

b. Hình thức tuyển sinh

Trường Đại học Quốc Tế thực hiện tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh Đại học ban hành hàng năm bởi Bộ GDĐT, căn cứ vào Đề án tuyển sinh hàng năm của ĐHQG-HCM và Đề án tuyển sinh của Trường ĐHQT. Trong năm 2023, Trường ĐHQT tuyển sinh theo các phương thức sau:

- Phương thức 1 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Tốt nghiệp Trung học Phổ thông (THPT)

  đối với học sinh đã tham gia và hoàn thành kỳ thi Tốt nghiệp THPT 2023. Xét tổng điểm của 3 môn thi trong kỳ thi Tốt nghiệp THPT 2023 theo tổ hợp xét tuyển do thí sinh đăng ký.
- Phương thức 2 – Ưu tiên xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia TPHCM đối với học sinh giỏi tốt nghiệp THPT 2023 của các trường trong danh sách do ĐHQG TPHCM công bố. Xét tuyển dựa trên danh hiệu học sinh giỏi trong 3 năm học lớp 10, 11, và 12, hoặc là thành viên đội tuyển của trường hoặc tỉnh thành tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia.
- Phương thức 3 – Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2023 của Bộ GD-ĐT hoặc thí sinh giỏi nhất trường THPT năm 2023.
- Phương thức 4 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM hoặc do ĐHQG Hà Nội.
- Phương thức 5 – Xét tuyển đối với thí sinh tốt nghiệp chương trình trung học phổ thông nước ngoài hoặc thí sinh tốt nghiệp THPT và có chứng chỉ quốc tế.
- Phương thức 6 – Xét tuyển dựa trên kết quả học tập trình độ THPT (phương thức này chỉ áp dụng cho các chương trình liên kết đào tạo với đối tác nước ngoài).

c. Tổ hợp môn dự tuyển:

- Phương thức 1 và 2: Khối A, A1, D1
- Phương thức 4: Toán (bắt buộc) và 1 môn tự chọn trong các môn: Vật lý, Hoá học và tiếng Anh

d. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo

Bảng 1: dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo

Năm	2023	2024	2025	2026	2027	2028	Từ 2029 trở đi
Tuyển sinh mới	50	50	50	70	70	70	80
Quy mô đào tạo	50	100	150	220	240	260	290

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên được trang bị những kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ cơ bản và chuyên sâu các lĩnh vực Kinh tế và Kinh tế lượng, như sau:

Bảng 2: Chuẩn đầu ra của chương trình dựa theo mục tiêu đào tạo

Stt	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	*Kiến thức và lập luận ngành*	
1.1	Năng lực kiến thức: - Nắm vững lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng để hiểu các phản ứng của phía cầu trên thị trường trước các cú sốc, và cách các cá nhân lựa chọn trước các bất định. - Hiểu rõ lý thuyết về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau, cách các doanh nghiệp hành xử trước các quy định của chính phủ về môi trường, quyền sở hữu, quan hệ với người lao động. - Biết cách sử dụng các phần mềm phổ biến để thu thập, xử lý số liệu, và áp dụng các kiến thức về thống kê, kinh tế lượng để phân tích số liệu, tìm ra những kết luận hữu ích giúp cá nhân và các tổ chức đưa ra các quyết định hợp lý hơn. - Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để đánh giá những tác động của các biến chuyển trong và ngoài nước đến nền kinh tế, từng ngành, để tư vấn cho các doanh nghiệp, cơ quan chính quyền, tổ chức trong thời đại toàn cầu hóa nhiều bất định. (PLO1)	5.0
2.	*Kỹ năng, thái độ cá nhân và nghề nghiệp*	
2.1	Kỹ năng phân tích: - Có khả năng phân tích các tác động của các cú sốc trong và ngoài nước, giúp cá nhân và tổ chức ra quyết định hợp lý trong ngắn và dài hạn. - Khả năng suy luận phản biện, kiểm tra, đánh giá các vấn đề về rủi ro và mức độ tin cậy của các dữ liệu, từ đó đưa ra các ước tính định lượng của các cú sốc đó. (PLO3)	5.0
2.2	Kỹ năng nghiên cứu: - Khả năng nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực Kinh tế và Kinh tế lượng. - Khả năng nghiên cứu các quy định của chính quyền các cấp, của các tổ chức quốc tế để đề ra phương án tối ưu cho doanh nghiệp, cơ quan chính quyền. (PLO4)	4.0
2.3	Kỹ năng tổ chức quản lý: - Kĩ năng tổ chức và quản lý trong hoạt động liên quan đến Kinh tế. (PLO5)	3.5
2.4	Kỹ năng xử lý thông tin: - Kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm chuyên dụng trong việc thu thập và phân tích dữ liệu liên quan đến kinh tế. (PLO6)	4.0
2.5	Thái độ : Sinh viên tôn trọng nguyên tắc đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và quy định nghề nghiệp; nhiệt tình và có trách nhiệm với công việc. (PLO9)	4.0

3.	*Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp*	
3.1	Kỹ năng làm việc nhóm: Sinh viên chứng tỏ được kĩ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, tranh luận, trình bày ý tưởng. (PLO7)	4.0
3.2	Quan điểm chính trị: Sinh viên theo học ngành Kinh tế tại trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh có kiến thức căn bản về cấu trúc và nguyên tắc của đường lối chính trị của Đảng cộng sản Việt Nam và những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin. (PLO2)	3.5
4.	*Năng lực thực hành nghề nghiệp*	
4.1	Đạo đức nghề nghiệp: Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Cụ thể là phải đề cao tính liêm chính trong việc đánh giá phân tích thị trường, ngành, doanh nghiệp, người tiêu dùng; tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong việc thu thập và xử lý dữ liệu liên quan đến các cá nhân và tổ chức. Tuân thủ nội quy, kỷ luật của doanh nghiệp và pháp luật nhà nước. (PLO8)	5.0
4.2	Sinh viên có khả năng thu thập, xử lý thông tin, ứng dụng các phương pháp mới trong lĩnh vực kinh tế; yêu thích và nỗ lực phát triển nghề nghiệp, tham gia hoạt động của các tổ chức nghề nghiệp; tôn trọng sự khác biệt, đa dạng trong môi trường đa văn hoá, chủ động và nỗ lực trong việc cải thiện môi trường làm việc theo hướng tích cực. (PLO10)	4.0

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Có biết qua/có nghe qua
2.0 -> 3.0	Có hiểu biết/có thể tham gia
3.0 -> 3.5	Có khả năng ứng dụng
3.5 -> 4.0	Có khả năng phân tích
4.0 -> 4.5	Có khả năng tổng hợp
4.5 -> 5.0	Có khả năng đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra bên trên, Bảng trình bày các môn học cụ thể với trình độ năng lực tương ứng

Bảng 3: Bảng trình bày các môn học cụ thể với trình độ năng lực tương ứng

Stt	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	**Kiến thức giáo dục đại cương**	
1.1.	***Các môn lý luận chính trị***	
1.1.1.	Triết học Mác-Lênin	2.0
1.1.2.	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2.0
1.1.3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0
1.1.4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.0
1.1.5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0
1.2.	***Khoa học xã hội và nhân văn, quản trị và kinh tế***	

1.2.1.	Tư Duy Phản Biện	3.0
1.2.2.	Kinh tế vi mô	3.0
1.2.3.	Kinh tế vĩ mô	3.0
1.2.4.	Tâm lý học	3.0
1.2.5.	Xã hội học	3.0
1.2.6.	Địa lý kinh tế thế giới	3.0
1.2.7.	Lịch sử và văn hoá Việt Nam	3.0
1.3.	*Khoa học tự nhiên*	
1.3.1.	Toán trong kinh doanh	3.5
1.3.2.	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	3.5
1.3.3.	Tin học đại cương	3.5
1.4.	*Ngoại ngữ*	
1.4.1.	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng nghe)	3.0
1.4.2.	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng viết)	3.0
1.4.3.	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng nói)	3.0
1.4.4.	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng viết)	3.0
	Giáo dục thể chất	
1.4.5.	Giáo dục thể chất 1	3.0
1.4.6	Giáo dục thể chất 2	3.0
2.	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**	
2.1	***Kiến thức cơ sở của ngành***	
2.1.1.	Kế toán tài chính 1	4.0
2.1.2.	Quản trị kinh doanh đại cương	3.5
2.1.3.	Nguyên lý tiếp thị	3.5
2.1.4.	Đạo đức kinh doanh	3.5
2.1.5.	Kinh tế quốc tế	3.5
2.1.6.	Hành vi tổ chức	3.5
2.1.7.	Quản trị tài chính đại cương	3.5
2.1.8.	Pháp luật đại cương	3.5
2.1.9.	Luật kinh doanh	3.5
2.1.10.	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	3.5
2.1.11.	Workshop 1	3.0
2.2	***Kiến thức chuyên ngành***	
2.2.1.	*Kiến thức bắt buộc*	
2.2.1.1.	Kinh tế Vi mô 2	5.0
2.2.1.2.	Kinh tế Vĩ mô 2	5.0
2.2.1.3.	Nhập môn Kinh tế lượng	5.0
2.2.1.4.	Kinh tế lượng chuỗi thời gian	5.0
2.2.1.5.	Kinh tế môi trường	5.0
2.2.1.6.	Kinh tế phát triển	5.0
2.2.1.7.	Kinh tế lao động	5.0
2.2.1.8.	Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế	5.0
2.2.1.9.	Nền tảng học máy với ứng dụng trong kinh tế	5.0
2.2.1.10.	Trực quan hoá và khoa học dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	5.0

2.2.1.11.	Nguyên lý quản trị cơ sở dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	5.0
2.2.1.12.	Workshop 2 cho ngành kinh tế	4.0
2.2.2.	*Kiến thức tự chọn*	
2.2.1.1.	Kinh tế học thực nghiệm	3.5
2.2.1.2.	Kinh tế học hành vi	3.5
2.2.1.3.	Lý thuyết trò chơi và chiến lược doanh nghiệp	5.0
2.2.1.4.	Kinh tế học tài chính	5.0
2.2.1.5.	Kinh tế lượng số liệu bảng	5.0
2.2.1.6.	Phân tích dữ liệu marketing	5.0
3.	**Thực tập và luận văn tốt nghiệp**	
3.1	Luận văn tốt nghiệp	5.0

Sau đây là bảng ma trận giữa mục tiêu đào tạo (i – v) và chuẩn đầu ra của chương trình theo mục tiêu đào tạo (PLO 1 – PLO 10)

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra của chương trình theo mục tiêu đào tạo									
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
(i)	✓	✓	✓		✓			✓		✓
(ii)	✓	✓	✓		✓			✓		✓
(iii)			✓			✓		✓		
(iv)				✓			✓			
(v)									✓	

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Các cử nhân ngành Kinh tế của trường Đại học Quốc tế, ĐHQG TPHCM có thể làm việc ở hầu hết các đơn vị và tổ chức trong xã hội như các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, dịch vụ, ngân hàng, công ty bảo hiểm, các cơ quan tài chính, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các viện nghiên cứu, các trường đại học. Danh sách các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức dự kiến cho sinh viên thực tập có thể tham khảo ở phụ lục 10. Ngoài ra, sinh viên ngành Kinh tế của trường Đại học Quốc tế có thể đảm nhận các vai trò như chuyên viên phân tích kinh tế vĩ mô, phân tích và dự báo thị trường, phân tích các phân khúc khách hàng, phân tích tình hình hoạt động của các bộ phận sản xuất kinh doanh, xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển tại các doanh nghiệp. Trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp của chính phủ, sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí tổng hợp số liệu về tình hình kinh tế xã hội của địa phương, đánh giá tác động của các chính sách, quy định của chính quyền đến các thành phần trong nền kinh tế dưới nhiều góc độ bao gồm cả những ảnh hưởng đến môi trường, xem xét những thách thức toàn cầu hiện có như biến đổi khí hậu, nguy cơ xung đột trong khu vực và trên thế giới, từ đó đề xuất các giải pháp cho các cơ quản hữu quan.

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;
- Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Căn cứ Quyết định số 45/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ"
- Căn cứ Quy chế đào tạo học chế tín chỉ của ĐHQG-TPHCM năm 2017
- Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 9 năm 2022 của ĐHQG-TPHCM về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại ĐHQG-HCM
- Căn cứ Quyết định số 223/QĐ-ĐHQT-ĐT ngày 20 tháng 08 năm 2008 của Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TPHCM về việc " Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ - bậc Đại học"
- Căn cứ Quyết định số 719/QĐ-ĐHQT ngày 6 tháng 12 năm 2021 của Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TPHCM về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Quốc tế Đại học Quốc gia TPHCM
- Căn cứ theo Nghị quyết 19/NQ-HĐT phiên họp thứ mười của Hội đồng trường Đại học Quốc tế ngày 10 tháng 4 năm 2023,
- Chương trình đào tạo ngành Kinh tế thuộc Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán của trường Đại học Quốc tế được thiết kế như sau:

Bảng 4: Chương trình đào tạo ngành kinh tế

Kiến thức giáo dục đại cương (47 tín chỉ)	
Bắt buộc (41 tín chỉ)	**Tự chọn (6 tín chỉ)**
- Các môn lý luận chính trị (Political Theory Subjects) (11) - Kinh tế vi mô (Micro Economics) (3) - Kinh tế vĩ mô (Macro Economics) (3) - Tiếng anh chuyên ngành 1 & 2 (Academic English 1&2) (8) - Toán trong kinh doanh (Maths for Business) (4) - Thống kê kinh doanh (Statistics for Business) (3)	*Chọn 1 trong 2 môn sau (3 tín chỉ):* - Xã hội học (Introduction to Sociology) - Tâm lý học (Introduction to Psychology) *Chọn 1 trong 2 môn sau* (3 tín chỉ): - Lịch sử và Văn hoá Việt Nam (Vietnamese History and Culture)

- Tin học quản lý (Business Computing Skills) (3) - Pháp luật đại cương (General Law) (3) - Tư duy phản biện (Critical Thinking) (3)	- Địa lý kinh tế thế giới (World Economic Geography)
Kiến thức cơ sở ngành (27 tín chỉ)	
Bắt buộc (24 tín chỉ)	**Tự chọn (3 tín chỉ)**
- Nguyên lý tiếp thị (Principles of Marketing) (3) - Đạo đức kinh doanh (Business Ethics) (3) - Quản trị tài chính đại cương (Fundamentals Of Financial Management) (3) - Luật doanh nghiệp (Business Law) (3) - Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế (Research Methods in Economics) (3) - Kinh tế quốc tế (International Economics) (3) - Kế toán tài chính I (Financial Accounting I) (3) - Workshop 1 (3)	*Chọn 1 trong 4 môn sau (3 tín chỉ):* - Quản trị tài chính quốc tế (International Financial Management) (3) - Quản trị công ty (Corporate Governance) (3) - Quản trị kinh doanh đại cương (Introduction to Business Administration) (3) - Hành vi tổ chức (Organizational Behavior) (3)
Kiến thức chuyên ngành (41 tín chỉ)	
Bắt buộc (35 tín chỉ)	**Tự chọn chuyên ngành (6 tín chỉ)**
- Kinh tế Vi mô 2 (Intermediate Microeconomics) (3) - Kinh tế Vĩ mô 2 (Intermediate Macroeconomics) (3) - Nhập môn Kinh tế lượng (Introductory Econometrics) (3) - Kinh tế lượng chuỗi thời gian (Time Series Econometrics) (3) - Kinh tế môi trường (Environmental Economics) (3) - Kinh tế phát triển (Development Economics) (3) - Kinh tế lao động (Labor Economics) (3) - Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế (Fundamentals of Programming with Economic Applications) (3) - Nền tảng học máy với ứng dụng trong kinh tế (Machine Learning Platforms with Economic Applications) (3) - Trực quan hoá và khoa học dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế (Data Science and	*Chọn 2 trong các môn sau (6 tín chỉ):* - Kinh tế học thực nghiệm (Experimental Economics) - Kinh tế học hành vi (Behavioral Economics) - Lý thuyết trò chơi và chiến lược doanh nghiệp (Game Theory and Business Strategy) - Kinh tế học tài chính (Financial Eonomics) - Kinh tế lượng số liệu bảng (Panel Data Econometrics) - Phân tích dữ liệu marketing (Marketing Analytics)

Visualization with Economic Applications) (3) - Nguyên lý quản trị cơ sở dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế (Principles of Database Management with Economic Applications) (3) - Workshop 2 on Economic Issues (Special topics – with guest speakers) (2)	
Thực tập, Khoá luận tốt nghiệp (15 tín chỉ)	
- Internship 1 (3) Và - Luận văn tốt nghiệp (Thesis) (12 tín chỉ)	

5.2. Chỉ tiêu, quy mô đào tạo dự kiến

Bảng 5: Chỉ tiêu, quy mô đào tạo dự kiến

Năm	2023	2024	2025	2026	2027	2028	Từ 2029 trở đi
Tuyển sinh mới	50	50	50	70	70	70	80
Quy mô đào tạo	50	100	150	220	240	260	290

- **Thời gian tuyển sinh:** Tháng 7 hàng năm theo quy định của BGD ĐHQG và trường ĐHQT
- **Nguồn kinh phí đào tạo**: học phí, ngân sách và các nguồn tài trợ khác
- **Tổ hợp môn thi**: A, A1, D1 – Xét tuyển theo khối thi từ kết quả cuộc thi SAT và THPT Quốc gia
- **Học chế đào tạo**: Học chế tín chỉ
- **Ngôn ngữ giảng dạy**: Tiếng Anh

5.3. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Kinh tế thuộc Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán của trường Đại học Quốc tế là:

- Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ cho phép trao đổi sinh viên và đảm bảo liên thông đào tạo trình độ sau đại học chuyên ngành liên quan.
- Chương trình đào tạo bằng tiếng Anh, toàn thời gian và thời lượng thiết kế 4 năm. Sinh viên viết và bảo vệ luận văn bằng tiếng Anh.
- Chương trình cho phép và tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên có thành tích học tập xuất sắc được làm khóa luận tốt nghiệp tại các trường, viện nước ngoài mà Trường Đại học Quốc tế hợp tác.

- Chương trình được xây dựng theo hướng đảm bảo chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT và ĐHQG – TPHCM quy định, các môn học chung, môn học tự chọn theo hướng phân ngành và môn học tự chọn có thời lượng từ 2 đến 4 tín chỉ có tính chất bổ sung chuyên môn và định hướng nghiên cứu. Bài giảng cho mỗi môn học được soạn thành nhiều chuyên đề chuyên sâu, do giảng viên cơ hữu và các chuyên gia, giảng viên thỉnh giảng đảm nhận.
- Sinh viên bắt buộc phải hoàn thành luận văn để đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

5.4. Điều kiện tốt nghiệp và danh hiệu tốt nghiệp:

Chương trình đào tạo được thiết kế theo phương thức đào tạo tín chỉ gồm 8 học kỳ chính hức và 3 học kỳ hè, bao gồm 130 tín chỉ.

Sinh viên được xem xét cấp bằng tốt nghiệp khi thỏa mãn đầy đủ các điều kiện sau:

1. Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
2. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
3. Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, chứng chỉ GDQP-AN, GDTC và hoàn thành các học phần điều kiện theo quy định của ĐHQG-TPHCM và của trường ĐHQT;
4. Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
5. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo các quy định, quy chế của nhà trường đã được ban hành chính thức.

Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân Kinh tế (Bachelor of Arts in Economics)

Loại văn bằng: Cử nhân (Bachelor of Arts)

6. Thang điểm

Ngành kinh tế vận hành theo quy định chung của Trường Đại Học Quốc Tế và cách tính điểm và thang điểm. Trường Đại Học Quốc Tế sử dụng thang điểm 100. Điểm môn học làm tròn thành số nguyên. Điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích luỹ làm tròn đến một số lẻ.

- Thang điểm quy đổi quy từ 100 sang các thang điểm 10: theo tỉ lệ 10/1.
- Thang điểm quy đổi quy từ 100 sang các thang điểm khác:

Bảng 6: Thang điểm

Xếp loại	Thang điểm 100	Thang điểm 4	Thang điểm A, B
Đạt			
Xuất sắc	90 ≤ ĐTBTL ≤ 100	4.0	A^+
Giỏi	80 ≤ ĐTBTL < 90	3.5	A
Khá	70 ≤ ĐTBTL < 80	3.0	B+
Trung bình khá	60 ≤ ĐTBTL < 70	2.5	B
Trung bình	50 ≤ ĐTBTL < 60	2.0	C
Không đạt			
Yếu	40 ≤ ĐTBTL < 50	1.5	D+
Kém	30 ≤ ĐTBTL < 40	1.0	D

Điểm trung bình học kỳ sau từng học kỳ, từng năm học được dùng để xét học bổng, khen thưởng, được lấy theo kết quả thi kết thúc môn học ở lần thi thứ nhất.

Điểm trung bình chung tích luỹ được dùng để xét học cùng một lúc ở nhiều ngành, phân loại kết quả học tập của khoá học, xét tốt nghiệp, ngừng học hay thôi học, được tính theo điểm thi cao nhất trong các lần thi.

ĐTBHK, ĐTBTL được tính theo thang điểm 4 hoặc theo thang điểm 100 và được làm tròn đến 1 chữ số thập phân

Không tính kết quả thi các môn học Giáo dục quốc phòng và điểm trung bình học kỳ, năm học hay khoá học. Việc đánh giá kết quả và điều kiện cấp chứng chỉ đối với môn học này theo qui định của Bộ Giáo dục và đào tạo

7. Khối lượng kiến thức toàn khoá

- **Thời gian đào tạo**: 4 năm, đào tạo theo học chế tín chỉ
- **Tổng số tín chỉ**: 130 tín chỉ
    - 1 tín chỉ = 15 tiết lý thuyết trên lớp (30 – 45 tiết bài tập, thực hành)
- **Ngôn ngữ giảng dạy**: tiếng Anh
- **Phân bổ khối lượng kiến thức của chương trình**: tổng cộng **130 tín chỉ** (không kể giáo dục thể chất và giáo dục Quốc phòng) bao gồm:

Bảng 7: Bảng khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Khối lượng	
		Số tín chỉ	**%**
I.	Khối kiến thức giáo dục đại cương	**47**	**36.15**

II.	Khối kiến thức cơ sở ngành (bắt buôc)	**24**	**18.46**
III	Khối kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)	**35**	**26.92**
IV.	Kiến thức bổ trợ (kiến thức tự chọn cơ sở ngành và chuyên ngành)	**9**	**6.92**
V	Thực tập/ Khóa luận/ Luận văn tốt nghiệp	**15**	**11.54**
	Tổng cộng	**130**	**100**

8. Nội dung chương trình đào tạo

Bảng 8: Nội dung chương trình đào tạo

STT	Mã MH	Tên môn học (MH)		Loại MH (bắt buộc/tự chọn)	Tín chỉ			Phòng TN (**)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	
1	**Kiến thức giáo dục đại cương**							
1.1	**Các môn lý luận chính trị**							
1	PE015IU	Triết học Mác-Lênin	Philosophy of Marxism-Leninism	Bắt buộc	3	3	0	
2	PE016IU	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	Bắt buộc	2	2	0	
3	PE017IU	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	Bắt buộc	2	2	0	
4	PE018IU	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of Vietnamese Communist Party	Bắt buộc	2	2	0	
5	PE019IU	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Thoughts	Bắt buộc	2	2	0	
	Tổng cộng				**11**	**11**	**0**	
1.2	**Khoa học xã hội - nhân văn – Nghệ thuật**							

6	PE008IU	Tư Duy Phản Biện	Critical Thinking	Bắt buộc	3	3	0	
7	BA117IU	Kinh tế vi mô	Introduction to Microeconomics	Bắt buộc	3	3	0	
8	BA119IU	Kinh tế vĩ mô	Introduction to Macroeconomics	Bắt buộc	3	3	0	
9	BA118IU	Giới thiệu về Tâm lý học	Introduction to Psychology	Tự chọn	3	3	0	
10	BA197IU	Giới thiệu về Xã hội học	Introduction to Sociology	Tự chọn	3	3	0	
11	PE007IU	Địa lý kinh tế thế giới	World Economic Geography	Tự chọn	3	3	0	
12	PE010IU	Lịch sử văn hoá Việt Nam	Vietnamese History and Culture	Tự chọn	3	3	0	
13	PE021IU	Pháp luật Đại cương	General Law	Bắt buộc	3	3	0	
	Tổng cộng				**18**	**18**	**0**	
1.3	**Toán – Tin học - Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường**							
14	BA282IU	Toán trong kinh doanh	Maths for business	Bắt buộc	4	4	0	
15	BA080IU	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	Statistics for business	Bắt buộc	3	3	0	
16	BA120IU	Tin học quản lý	Business Computing Skills	Bắt buộc	3	3	0	
	Tổng cộng				**10**	**10**	**0**	
1.4	***Ngoại ngữ***							
17	EN008IU	Tiếng Anh chuyên ngành 1	Academic English 1	Bắt buộc	2	2	0	

		(kỹ năng nghe AE1)	(listening skill)					
18	EN007IU	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng viết AE1)	Academic English 1 (writing skill)	Bắt buộc	2	2	0	
19	EN012IU	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng nói)	Academic English 2 (speaking skill)	Bắt buộc	2	2	0	
20	EN011IU	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng viết)	Academic English 2 (writing skill)	Bắt buộc	2	2	0	
	Tổng cộng				**8**	**8**	**0**	
1.5	**Giáo dục thể chất**							
21	PT001IU	Giáo dục thể chất 1	Physical Training 1	Bắt buộc	3	0	3	
22	PT002IU	Giáo dục thể chất 2	Physical Traning 2	Bắt buộc	3	0	3	
	Tổng cộng				**6**	**0**	**6**	
1.6	**Giáo dục quốc phòng**				0			
2	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**							
2.1	**Kiến thức cơ sở của ngành**							
23	BA256IU	Workshop 1		Bắt buộc	3	3	0	
24	BA283IU	Kế toán tài chính I	Financial Accounting I	Bắt buộc	3	3	0	
25	BA115IU	Quản trị kinh doanh đại cương	Introduction to Business Administration	Tự chọn	3	3	0	
26	BA003IU	Nguyên lý tiếp thị	Principles of Marketing	Bắt buộc	3	3	0	
27	BA020IU	Đạo đức kinh doanh	Business Ethics	Bắt buộc	3	3	0	

28	BA068IU	Kinh tế quốc tế	International Economics	Bắt buộc	3	3	0	
29	BA130IU	Hành vi tổ chức	Organizational Behavior	Tự chọn	3	3	0	
30	BA016IU	Nguyên lý Quản trị Tài chính	Fundamental of Financial Management	Bắt buộc	3	3	0	
31	BA081IU	Luật kinh doanh	Business Law	Bắt buộc	3	3	0	
32	EFA209IU	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	Research Methods in Economics	Bắt buộc	3	3	0	
	Tổng cộng				**27**	**27**	**0**	
2.2	**Kiến thức chuyên ngành**							
2.2.1.	**Kiến thức bắt buộc**							
33	EFA201IU	Kinh tế Vi mô 2	Intermediate Microeconomics	Bắt buộc	3	3	0	
34	EFA202IU	Kinh tế Vĩ mô 2	Intermediate Macroeconomics	Bắt buộc	3	3	0	
35	EFA203IU	Nhập môn Kinh tế lượng	Introductory Econometrics	Bắt buộc	3	3	0	
36	EFA204IU	Kinh tế lượng chuỗi thời gian	Time Series Econometrics	Bắt buộc	3	3	0	
37	EFA206IU	Kinh tế môi trường	Environmental Economics	Bắt buộc	3	3	0	
38	EFA207IU	Kinh tế phát triển	Development	Bắt buộc	3	3	0	

			Economics					
39	EFA208IU	Kinh tế lao động	Labor Economics	Bắt buộc	3	3	0	
40	IT149IU	Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế	Fundamentals of Programming with Economic Applications	Bắt buộc	3	3	0	
41	IT162IU	Nền tảng học máy với ứng dụng trong kinh tế	Machine Learning Platforms with Economic Applications	Bắt buộc	3	3	0	
42	IT138IU	Trực quan hoá và khoa học dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	Data Science and Visualization with Economic Applications	Bắt buộc	3	3	0	
43	IT079IU	Nguyên lý quản trị cơ sở dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	Principles of Database Management with Economic Applications	Bắt buộc	3	3	0	
44	EFA230IU	Workshop 2 cho ngành kinh tế	Workshop 2 on Economic issues	Bắt buộc	2	2	0	
	Tổng cộng				**35**	**35**	**0**	
2.2.2	**Kiến thức ngành tự chọn (sinh viên chọn tối thiểu 6 tín chỉ trong nhóm môn học sau)**			Tự Chọn				

45	EFA210IU	Kinh tế học thực nghiệm	Experimental Economics		3	3	0	
46	EFA211IU	Kinh tế học hành vi	Behavioral Economics		3	3	0	
47	EFA212IU	Lý thuyết trò chơi và chiến lược doanh nghiệp	Game Theory and Business Strategy		3	3	0	
48	EFA213IU	Kinh tế học tài chính	Financial Eonomics		3	3	0	
49	EFA205IU	Kinh tế lượng số liệu bảng	Panel Data Econometrics		3	3	0	
50	EFA214IU	Phân tích dữ liệu marketing	Marketing Analytics		3	3	0	
51	BA051IU	Quản Trị Tài Chính Quốc Tế	International Financial Management		3	3	0	
52	BA213IU	Quản trị công ty	Corporate Governance		3	3	0	
	Tổng cộng				**6**	**6**	**0**	
3		**Luận văn tốt nghiệp, thực tập**		Bắt buộc				
53	EFA231IU	Thực tập	Internship		3	0	3	
54	EFA232IU	Luận văn tốt nghiệp	Thesis		12	12	0	
	Tổng cộng				**15**	**12**	**3**	
	Tổng số (Tín chỉ)				**130**			

9. Khả năng liên thông với các chương trình đào tạo khác:

Ngành kinh tế của trường Đại học QuốcTế, ĐHQG TPHCM nếu được mở sẽ có khả năng liên kết với các trường dưới đây:

Các chương trình Kinh tế	Quốc gia	Bậc trình độ	Đường dẫn tham khảo chương trình đào tạo	Mức độ tương đồng
Macquarie University	Úc	Đại học	https://www.mq.edu.au/study/find-a-course/courses/bachelor-of-economics	78%
University of New South Wales	Úc	Đại học	https://www.unsw.edu.au/study/undergraduate/bachelor-of-economics?studentType=Domestic	73%
Monash University	Úc	Đại học	https://handbook.monash.edu/current/courses/B2031	70%
Imperial College London	Anh	Đại học	https://www.imperial.ac.uk/business-school/programmes/bsc-economics-finance-data-science/	74%
Đại học Kinh tế Tp.HCM	Việt Nam	Đại học	https://student.ueh.edu.vn/Public/TraCuuNganh	70%

So sánh chi tiết các chương trình đào tạo ở phụ lục 5

10. Dự kiến kế hoạch giảng dạy: (phân bổ theo từng học kỳ và trình độ tiếng Anh)

Phân bổ các môn học theo từng trình độ tiếng Anh (năm 1 và năm 2)

Trình độ tiếng Anh đầu vào theo quy định của trường.

YEAR 1	**SEMESTER 1**							
	1	ENTP01	Intensive English 1-Twinning Program	17	2	ENTP02	Intensive English 2-Twinning Program	13
	SEMESTER 2				**SUMMER SEMESTER**			
	No.	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**	**No.**	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**
	1	EN007IU	Writing AE1	2	1	EN011IU	Writing AE2	2
	2	EN008IU	Listening AE1	2	2	EN012IU	Speaking AE2	2

	3	PT001IU	Physical Training 1	3	3	PT002IU	Physical Training 2	3
	4	BA120IU	Business Computing Skills	3	4	BA119IU	Introduction to Macro Economics	3
	5	BA117IU	Introduction to Micro Economics	3	5	BA283IU	Financial Accounting 1	3
	6	PE015IU	Philosophy of Marxism-Leninism	3	6	PE016IU	Marxist-Leninist Political Economy	2
	7	PE008IU	Critical Thinking	3				
	8	BA282IU	Math for Business	4				
	Total Credits			**20**	**Total credits**			**12**
YEAR 2	**SEMESTER 1**				**SEMESTER 2**			
	No.	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**	**No.**	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**
	1	BA003IU	Principles of Marketing	3	1	BA256IU	Workshop 1	3
	2	BA080IU	Statistics for Business	3	2	EFA201IU	Intermediate Microeconomics	3
	3	PE021IU	General Law	3	3	BA016IU	Fundamental of Financial Management	3
	4	PE017IU	Scientific socialism	2	4	PE019IU	Ho Chi Minh's Thoughts	2
	5	PE018IU	History of Vietnamese Communist Party	2	5	EFA203IU	Introductory Econometrics	3
					Choose 01 of 02 following courses			
	Choose 01 of 02 following courses				6	PE007IU	World Economic Geography	3

	7	BA118IU	Introduction to Psychology	3	7	PE010IU	Vietnamese History and Culture	3
	8	BA197IU	Introduction to Sociology					
	Total credits			**16**	**Total credits**			**17**

Trình độ tiếng Anh đầu vào theo quy định của trường.

	SEMESTER 1				**SEMESTER 2**			
	No.	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**	**No.**	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**
	1	ENTP01	Intensive English 1-Twinning Program	17	1	EN007IU	Writing AE1	2
	2	ENTP02	Intensive English 2-Twinning Program	13	2	EN008IU	Listening AE1	2
	3	PT001IU	Physical Training 1	3	3	PT002IU	Physical Training 2	3
	4	BA120IU	Business Computing Skills	3	4	BA282IU	Math for Business	4
					5	BA283IU	Financial Accounting 1	3
					6	PE015IU	Philosophy of Marxism-Leninism	3
	Total credits			**3**	**Total credits**			**14**
	SUMMER SEMESTER							
YEAR 1	**No.**	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**	**No.**	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**
	1	EN011IU	Writing AE2	2	3	PE008IU	Critical Thinking	3

	2	EN012IU	Speaking AE2	2	4	PE016IU	Marxist-Leninist Political Economy	2
	Total credits							**9**
YEAR 2	**SEMESTER 1**				**SEMESTER 2**			
	No.	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**	**No.**	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**
	1	BA003IU	Principles of Marketing	3	1	BA256IU	Workshop 1	3
	2	BA080IU	Statistics for Business	3	2	EFA201IU	Intermediate Microeconomics	3
	3	PE021IU	General Law	3	3	BA016IU	Fundamental of Financial Management	3
	4	BA117IU	Introduction to Micro Economics	3	4	BA119IU	Introduction to Macro Economics	3
	5	PE017IU	Scientific socialism	2	5	EFA203IU	Introductory Econometrics	3
					6	PE018IU	History of Vietnamese Communist Party	2
	Choose 01 of 02 following courses				***Choose 01 of 02 following courses***			
	8	BA118IU	Introduction to Psychology	3	7	PE007IU	World Economic Geography	3
	9	BA197IU	Introduction to Sociology		8	PE010IU	Vietnamese History and Culture	
	Total credits			**17**	**Total credits**			**20**
	SUMMER SEMESTER							
	No.	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**				

	1	PE019IU	Ho Chi Minh's Thoughts	2	
	Total credits			**2**	

Trình độ tiếng Anh đầu vào theo quy định của trường.

	SEMESTER 1				**SEMESTER 2**			
	No.	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**	**No.**	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**
	1	ENTP01	Intensive English 1- Twinning Program	17	1	ENTP02	Intensive English 2- Twinning Program	13
	2	PT001IU	Physical Training 1	3	2	PT002IU	Physical Training 2	3
					3	BA283IU	Financial Accounting 1	3
	Total credits			**0**	**Total credits**			**3**
	SUMMER SEMESTER							
	No.	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**	**No.**	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**
YEAR 1	**1**	BA282IU	Math for Business	4	3	BA120IU	Business Computing Skills	3
	2	PE015IU	Philosophy of Marxism-Leninism	3	4	PE016IU	Marxist-Leninist Political Economy	**2**
	Total credits							**12**
YEAR 2	**SEMESTER 1**				**SEMESTER 2**			

	No.	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**	**No.**	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**
					1	EN011IU	Writing AE2	2
					2	EN012IU	Speaking AE2	2
	1	EN007IU	Writing AE1	2	3	BA256IU	Workshop 1	3
	2	EN008IU	Listening AE1	2	4	BA119IU	Introduction to Macro Economics	3
	3	BA003IU	Principles of Marketing	3	5	EFA201IU	Intermediate Microeconomics	3
	4	BA080IU	Statistics for Business	3	6	BA016IU	Fundamental of Financial Management	3
	5	PE021IU	General Law	3	7	EFA203IU	Introductory Econometrics	3
	6	BA117IU	Introduction to Microeconomics	3				
	7	PE017IU	Scientific socialism	2	***Choose 01 of 02 following courses***			
					7	PE007IU	World Economic Geography	3
					8	PE010IU	Vietnamese History and Culture	
	Total credits			**18**	**Total credits**			**22**
	SUMMER SEMESTER							
	No.	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**	**No.**	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**

	1	PE008IU	Critical Thinking	3	***Choose 01 of 02 following courses***			3
	2	PE019IU	Ho Chi Minh's Thoughts	2	3	BA118IU	Introduction to Psychology	
	3	PE018IU	History of Vietnamese Communist Party	2	4	BA197IU	Introduction to Sociology	
	Total credits							**10**

Phân bố môn học năm 3 và năm 4

ECONOMICS								
	SEMESTER 1				**SEMESTER 2**			
	No.	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**	**No.**	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**
YEAR 3	1	BA020IU	Business Ethics	3	1	BA068IU	International Economics	3
	2	BA081IU	Business Law	3	2	EFA202IU	Intermediate Macroeconomics	3
	3	IT149	Fundamentals of Programming with Economic Applications	3	3	EFA204IU	Time Series Econometrics	3
	4	IT162	Machine Learning Platforms with Economic Applications	3	4	IT138	Data Science and Visualization with Economic Applications	3
	5		Elective 1	3	5	IT079	Principles of Database Management with Economic Applications	3
					Choose 01 of 02 following courses			3

				6	BA051IU	International Financial Management	
				7	BA051IU	Corporate Governance	
				8	BA115IU	Introduction to Business Administration	
				9	BA130IU	Organizational Behavior	
	Total Credits		**15**	**Total credits**			**18**
	SUMMER SEMESTER						
	No.	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**			
	1	EFA231IU	Internship	3			
	Total credits			**3**			
YEAR 4	**SEMESTER 1**				**SEMESTER 2**			
	No.	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**	**No.**	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**
	1	EFA209IU	Research Methods in Economics	3	1	EFA232IU	Thesis	12
	2	EFA206IU	Environmental Economics	3				
	3	EFA207IU	Development Economics	3				
	4	EFA208IU	Labor Economics	3				
	5	EFA230IU	Workshop 2 on Economic Issues	**2**				
	6		Elective 2	3				
	Total Credits			**17**	**Total credits**			**12**
	ELECTIVE COURSES (Choose 02 of 06 following courses)							
	No.	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**	**No.**	**COURSE ID**	**COURSE NAME**	**Cr.**
	1	EFA210IU	Experimental Economics	3	4	EFA213IU	Financial Eonomics	3
	2	EFA211IU	Behavioral Economics	3	5	EFA205IU	Panel Data Econometrics	3

	3	EFA212IU	Game Theory and Business Strategy	3	6	EFA214IU	Marketing Analytics	3
	7	***Workshops (Choose 02 of 05 following courses)***						***6***
		BA272IU	Workshop 2 on Hospitality Management	2		BA273IU	Workshop 2 on International Business	2
		BA275IU	Workshop 2 on Marketing	2		BA274IU	Workshop 2 Business Management	2
		BA257IU	Workshop 2 on Finance	2		EFA230IU	Workshop 2 on Economic Issues	2

11. Ma trận đầu ra với môn học (kỹ năng):

Bảng 10: Bảng ma trận đầu ra với môn học

Mã môn học	**Tên môn học**	**Chuẩn đầu ra**									
		PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**
Kiến thức giáo dục đại cương											
Các môn lý luận chính trị											
PE015IU	Triết học Mác-Lênin	**1**	**3**	**1**	**1**	**1**	**1**	**2**	**1**	**2**	**1**
PE016IU	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	**1**	**3**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**
PE017IU	Chủ nghĩa xã hội khoa học	**1**	**3**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**
PE018IU	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	**1**	**3**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**

PE019IU	Tư tưởng Hồ Chí Minh	**1**	**3**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**
Khoa học xã hội và nhân văn, quản trị và kinh tế											
PE008IU	Tư Duy Phản Biện	**2**	**1**	**3**	**3**	**2**	**2**	**3**	**1**	**2**	**2**
BA117IU	Kinh tế vi mô	**2**	**1**	**3**	**3**	**1**	**2**	**2**	**1**	**2**	**1**
BA119IU	Kinh tế vĩ mô	**2**	**1**	**3**	**3**	**1**	**2**	**2**	**1**	**2**	**1**
BA118IU	Tâm lý học	**1**	**1**	**3**	**3**	**3**	**2**	**3**	**1**	**2**	**1**
BA197IU	Xã hội học	**1**	**1**	**3**	**3**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**1**
PE007IU	Địa lý kinh tế thế giới	**1**	**1**	**3**	**3**	**2**	**2**	**2**	**1**	**2**	**1**
PE010IU	Lịch sử và văn hoá Việt Nam	**1**	**1**	**3**	**3**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**1**
PE021IU	Pháp Luật Đại Cương	**2**	**1**	**3**	**3**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**
Khoa học tự nhiên											
BA282IU	Toán trong kinh doanh	**2**	**1**	**3**	**3**	**3**	**3**	**2**	**1**	**1**	**2**
BA080IU	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	**2**	**1**	**3**	**3**	**2**	**3**	**2**	**1**	**1**	**3**

BA120IU	Tin học quản lý	**2**	**1**	**3**	**3**	**3**	**3**	**2**	**1**	**2**	**3**
Ngoại ngữ											
EN008IU	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng nghe)	**2**	**1**	**3**	**3**	**1**	**2**	**3**	**1**	**2**	**3**
EN007IU	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng viết)	**2**	**1**	**3**	**3**	**2**	**2**	**3**	**1**	**2**	**3**
EN012IU	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng nói)	**2**	**1**	**3**	**3**	**2**	**2**	**3**	**1**	**2**	**3**
EN011IU	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng viết)	**2**	**1**	**3**	**3**	**2**	**2**	**3**	**1**	**2**	**3**
Giáo dục quốc phòng											
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp											
Kiến thức cơ sở của ngành											
BA283IU	Kế toán tài chính I	**3**	**1**	**3**	**3**	**1**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**
BA115IU	Quản trị kinh doanh	**3**	**1**	**3**	**3**	**3**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**

	đại cương										
BA003IU	Nguyên lý tiếp thị	**2**	**1**	**3**	**3**	**1**	**2**	**2**	**1**	**2**	**1**
BA020IU	Đạo đức kinh doanh	**2**	**1**	**3**	**3**	**1**	**2**	**2**	**3**	**2**	**1**
BA068IU	Kinh tế quốc tế	**2**	**1**	**3**	**3**	**3**	**2**	**3**	**2**	**3**	**2**
BA130IU	Hành vi tổ chức	**2**	**1**	**3**	**3**	**3**	**2**	**3**	**2**	**2**	**2**
BA016IU	Nguyên lý quản trị tài chính	**2**	**1**	**3**	**3**	**3**	**2**	**2**	**1**	**2**	**2**
BA081IU	Luật kinh doanh	**2**	**1**	**3**	**3**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**
EFA209IU	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	**2**	**1**	**3**	**3**	**2**	**3**	**2**	**1**	**2**	**2**
BA256IU	Workshop 1	**2**	**1**	**3**	**3**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**
Kiến thức chuyên ngành											
Kiến thức bắt buộc											
EFA201IU	Kinh tế Vi mô 2	**3**	**1**	**3**	**3**	**2**	**2**	**1**	**2**	**2**	**2**
EFA202IU	Kinh tế Vĩ mô 2	**3**	**1**	**3**	**3**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**
EFA203IU	Nhập môn Kinh tế lượng	**3**	**1**	**3**	**3**	**2**	**3**	**2**	**2**	**2**	**2**
EFA204IU	Kinh tế lượng	**3**	**1**	**3**	**3**	**1**	**2**	**2**	**3**	**2**	**3**

	chuỗi thời gian										
EFA206IU	Kinh tế môi trường	**3**	**1**	**3**	**3**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**3**
EFA207IU	Kinh tế phát triển	**3**	**1**	**3**	**3**	**2**	**3**	**2**	**3**	**2**	**3**
EFA208IU	Kinh tế lao động	**3**	**1**	**3**	**3**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**3**
IT149IU	Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế	**3**	**1**	**3**	**3**	**3**	**2**	**2**	**3**	**2**	**2**
IT162IU	Nền tảng học máy với ứng dụng trong kinh tế	**3**	**1**	**3**	**3**	**2**	**2**	**2**	**1**	**2**	**2**
IT138IU	Trực quan hoá và khoa học dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	**3**	**1**	**3**	**3**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**
IT079IU	Nguyên lý quản trị cơ sở dữ liệu	**3**	**1**	**3**	**3**	**1**	**2**	**2**	**3**	**2**	**3**

	với ứng dụng trong kinh tế										
EFA230IU	Workshop 2 cho ngành kinh tế	**3**	**1**	**3**	**2**	**1**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**
Kiến thức ngành tự chọn											
EFA210IU	Kinh tế học thực nghiệm	**2**	**1**	**3**	**1**	**3**	**2**	**2**	**1**	**2**	**2**
EFA211IU	Kinh tế học hành vi	**2**	**1**	**3**	**3**	**1**	**2**	**2**	**1**	**2**	**2**
EFA212IU	Lý thuyết trò chơi và chiến lược doanh nghiệp	**2**	**1**	**3**	**3**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**
EFA213IU	Kinh tế học tài chính	**2**	**1**	**3**	**3**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**
EFA205IU	Kinh tế lượng số liệu bảng	**2**	**1**	**3**	**3**	**1**	**2**	**2**	**1**	**2**	**2**
EFA214IU	Phân tích dữ liệu marketing	**2**	**1**	**3**	**3**	**2**	**2**	**2**	**1**	**2**	**2**
BA051IU	Quản trị tài chính quốc tế	**2**	**1**	**3**	**3**	**2**	**2**	**2**	**1**	**2**	**2**
BA213IU	Quản trị công ty	**2**	**1**	**3**	**3**	**3**	**2**	**3**	**2**	**2**	**2**

Nghiên cứu, thực tập và luận văn tốt nghiệp.											
EFA231IU	Thực tập	**2**	**1**	**3**	**3**	**3**	**2**	**3**	**2**	**2**	**2**
EFA232IU	Luận văn tốt nghiệp	**2**	**1**	**3**	**3**	**3**	**3**	**2**	**1**	**2**	**3**

Ghi chú:
1- Không đóng góp; 2 – Đóng góp ít; 3 – Đóng góp nhiều
2- Xem bảng 2 trang 28 về định nghĩa của các chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes – PLO)

Bảng: Ma trận môn học và mục tiêu đào tạo

STT	**Tên môn học**		**Mục tiêu đào tạo**				
			MT1	**MT2**	**MT3**	**MT4**	**MT5**
1	Triết học Mác-Lênin	Philosophy of Marxism-Leninism	✓	✓	✓		
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	✓	✓	✓		
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific socialism	✓	✓	✓		
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of Vietnamese Communist Party	✓	✓	✓		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Thoughts	✓	✓	✓		
6	Tư Duy Phản Biện	Critical Thinking	✓	✓	✓	✓	✓
7	Kinh tế vi mô	Introduction to Microeconomics	✓	✓	✓	✓	
8	Kinh tế vĩ mô	Introduction to Macroeconomics	✓		✓		
9	Tâm lý học	Introduction to Psychology		✓			
10	Xã hội học	Introduction to Sociology		✓			
11	Địa lý kinh tế thế giới	World Economic Geography	✓	✓		✓	✓

12	Lịch sử và văn hoá Việt Nam	Vietnamese History and Culture	✓	✓	✓	✓	✓
13	Pháp Luật Đại Cương	General Law	✓	✓	✓	✓	
14	Toán trong kinh doanh	Maths for business	✓	✓	✓	✓	✓
15	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	Statistics for business	✓	✓	✓	✓	
16	Tin học quản lý	Business Computing Skills	✓	✓	✓	✓	
17	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng nghe)	Academic English 1 (listening skill)	✓	✓	✓	✓	
18	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng viết)	Academic English 1 (writing skill)	✓	✓	✓	✓	✓
19	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng nói)	Academic English 2 (speaking skill)	✓	✓	✓	✓	✓
20	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng viết)	Academic English 2 (writing skill)	✓	✓	✓	✓	
21	Giáo dục thể chất 1	Physical Training 1	✓	✓	✓	✓	
22	Giáo dục thể chất 2	Physical Traning 2	✓	✓	✓	✓	

23	Workshop 1		✓	✓	✓	✓	
24	Kế toán tài chính I	Financial Accounting I	✓	✓	✓	✓	
25	Quản trị kinh doanh đại cương	Introduction to Business Administration	✓	✓	✓	✓	
26	Nguyên lý tiếp thị	Principles of Marketing	✓	✓	✓	✓	
27	Đạo đức kinh doanh	Business Ethics	✓	✓	✓	✓	
28	Kinh tế quốc tế	International Economics	✓	✓	✓	✓	
29	Hành vi tổ chức	Organizational Behavior	✓	✓	✓	✓	
30	Quản trị tài chính đại cương	Fundamental of Financial Management	✓	✓	✓	✓	
31	Luật kinh doanh	Business Law	✓	✓	✓	✓	
32	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	Research Methods in Economics	✓	✓	✓	✓	
33	Kinh tế Vi mô 2	Intermediate Microeconomics	✓	✓	✓	✓	
34	Kinh tế Vĩ mô 2	Intermediate Macroeconomics	✓	✓	✓	✓	
35	Nhập môn Kinh tế lượng	Introductory Econometrics	✓	✓	✓	✓	
36	Kinh tế lượng chuỗi thời gian	Time Series Econometrics	✓	✓	✓	✓	
37	Kinh tế môi trường	Environmental Economics	✓	✓	✓	✓	
38	Kinh tế phát triển	Development Economics	✓	✓	✓	✓	
39	Kinh tế lao động	Labor Economics	✓	✓	✓	✓	

40	Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế	Fundamentals of Programming with Economic Applications	✓	✓	✓	✓	
41	Nền tảng học máy với ứng dụng trong kinh tế	Machine Learning Platforms with Economic Applications	✓	✓	✓	✓	
42	Trực quan hoá và khoa học dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	Data Science and Visualization with Economic Applications	✓	✓	✓	✓	
43	Nguyên lý quản trị cơ sở dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	Principles of Database Management with Economic Applications	✓	✓	✓	✓	
44	Workshop 2 cho ngành kinh tế	Workshop 2 on Economic issues	✓	✓	✓	✓	
45	Kinh tế học thực nghiệm	Experimental Economics	✓	✓	✓	✓	
46	Kinh tế học hành vi	Behavioral Economics	✓	✓	✓	✓	
47	Lý thuyết trò chơi và chiến lược doanh nghiệp	Game Theory and Business Strategy	✓	✓	✓	✓	
48	Kinh tế học tài chính	Financial Eonomics	✓	✓	✓	✓	

49	Kinh tế lượng số liệu bảng	Panel Data Econometrics	✓	✓	✓	✓	
50	Phân tích dữ liệu marketing	Marketing Analytics	✓	✓	✓	✓	
51	Quản Trị Tài Chính Quốc Tế	International Financial Management	✓	✓	✓	✓	
52	Quản trị công ty	Corporate Governance	✓	✓	✓	✓	
53	Thực tập	Internship	✓	✓	✓	✓	
54	Luận văn tốt nghiệp	Thesis	✓	✓	✓	✓	

12. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng môn học:

CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ:

1. PE015IU - Triết học Mác-Lênin (Philosophy of Marxism-Leninism)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin cung cấp cho sinh viên những cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; từ đó giúp xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng và từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

2. PE016IU - Kinh tế chính trị Mác-Lênin (Marxist-Leninist Political Economy)

Số tín chỉ: 2 (2,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Môn học đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng

tạo, kỹ năng, tư duy phẩm chất người học, tính liên thông khắc phục trùng lắp, tăng cường tích hợp, và giảm tải lược bớt những nội dung không còn phù hợp hoặc mang tính kinh viện.

3. PE017IU - Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)

Số tín chỉ: 2 (2,0)

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, giúp sinh viên vận dụng những tri thức cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.

4. PE018IU - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party)

Số tín chỉ: 2 (2,0)

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả vắn tắt nội dung:

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới

5. PE019IU - Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Thoughts)

Số tín chỉ: 2 (2,0)

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả vắn tắt nội dung:

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

CÁC MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, QUẢN TRỊ VÀ KINH TẾ

6. PE008IU - Tư duy phản biện (Critical Thinking)

Số tín chỉ: 3 (3,0)
Điều kiện tiên quyết: Không
Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này cung cấp sinh viên những kiến thức nền về tư duy phản biện. Khóa học cung cấp kỹ năng hữu ích đối với mọi đối tượng ngành nghề.

7. BA117IU - Kinh tế vi mô (Introduction to Micro Economics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)
Điều kiện tiên quyết: Không
Mô tả vắn tắt nội dung:

Các kiến thức trong chủ đề này sẽ cho phép sinh viên hiểu biết không chỉ các khái niệm về kinh tế và nguồn lực khan hiếm, về thị trường và các thành tố của nó mà còn có thể đánh giá những dạng cấu trúc thị trường khác nhau cũng như các can thiệp của chính phủ vào thị trường. Môn học này cũng cung cấp cho sinh viên những khả năng cần thiết để đánh giá các yếu tố về hiệu quả của nền kinh tế. Tất cả các khái niệm và kiến thức này giúp cho sinh viên lập kế hoạch cho một doanh nghiệp trong ngắn hạn và dài hạn phát triển một cách hiệu quả hơn nhờ vào việc xem xét các ảnh hưởng của chính sách chính phủ.

8. BA119IU - Kinh tế vĩ mô (Introduction to Macro Economics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)
Điều kiện tiên quyết: Không
Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức để hiểu biết về các chủ đề rộng về kinh tế của một quốc gia hay một khu vực và đánh giá những chính sách kinh tế vĩ mô cũng như những thay đổi của nền kinh tế cả trên phạm vi quốc gia và thế giới. Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên khả năng cần thiết để đánh giá các hợp phần. kinh tế như

một tổng thể. Tất cả các khái niệm và kiến thức này giúp cho sinh viên lập kế hoạch cho một doanh nghiệp trong ngắn hạn và dài hạn phát triển một cách hiệu quả hơn nhờ vào việc xem xét các ảnh hưởng của chính sách vĩ mô của chính phủ.

9. BA118IU - Tâm lý học (Introduction to Psychology)

Số tín chỉ: 3 (3,0)
Điều kiện tiên quyết: Không
Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học giới thiệu các nguyên tắc và lý thuyết bao gồm cả phương pháp luận và những phân tích vắn tắt về những nội dung của các lĩnh vực từ phát triển, nhận thức và học tập về động cơ, cảm xúc, cá nhân và quá trình xã hội.

10. BA197IU - Xã hội học (Introduction to Sociology)

Số tín chỉ: 3 (3,0)
Điều kiện tiên quyết: Không
Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này cung cấp những hiểu biết nền tảng về bản chất của Khoa học xã hội. Nội dung môn học giới thiệu về lĩnh vực xã hội học và những chủ đề liên quan đến lĩnh vực quản lý và kinh doanh cũng như xã hội hiện đại. Môn học này khuyến khích sự phát triển nhận thức về ngôn ngữ và phương pháp luận của nghiên cứu khoa học xã hội.

11. PE007IU - Địa lý kinh tế thế giới (World Economic Geography)

Số tín chỉ: 3 (3,0**)**
Điều kiện tiên quyết: Không
Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này cung cấp những khía cạnh khác nhau của địa lý kinh tế thế giới trong thời đại toàn cầu hoá. Trên thế giới, khuynh hướng thương mại toàn cầu đang gia tăng, địa lý kinh tế thế giới là rất cần thiết cho tất cả những ai muốn biết điều gì đang xảy ra với nền kinh tế toàn cầu của họ

Môn học cung cấp những khái niệm và thuật ngữ rất căn bản trong nghiên cứu về địa lý kinh tế. Giảng viên sẽ nhấn mạnh vào những thay đổi địa lý trong kinh tế thế giới. Chúng ta sẽ xem xét tổ chức địa lý của hoạt động kinh tế trên thế giới trên những qui mô địa lý khác nhau (toàn cầu, khu vực, vùng, địa phương) cũng như mối liên hệ giữa điều kiện địa lý và sự phát triển kinh tế trong những trạng thái khác nhau.

12. PE010IU - Lịch sử và văn hoá Việt Nam (Vietnamese History and Culture)

Số tín chỉ: 3 (3,0)
Điều kiện tiên quyết: Không
Mô tả vắn tắt nội dung:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam. Trang bị cho sinh viên những phương pháp cần thiết để nhận thức sâu sắc những biến đổi cơ bản trong lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thuỷ đến nay và các yếu tố khác nhau của nền văn minh và văn hoá của Việt Nam. Nâng cao nhận thức của sinh viên về văn hoá, xã hội, lịch sử của Việt Nam.

CÁC MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

13. BA282IU – Toán trong kinh doanh (Mathematics for Business)

Số tín chỉ: 4 (4,0)
Điều kiện tiên quyết: Không
Mô tả vắn tắt nội dung:

Khóa học sẽ cung cấp cho sinh viên một sự hiểu biết về các kỹ thuật toán học cơ bản và phương pháp để bối cảnh kinh doanh và ra quyết định quản lý. Cụ thể hơn, khóa học sẽ giới thiệu lý thuyết cơ bản và khái niệm về Calculus, Đại số tuyến tính và Tối ưu hóa, với các ứng dụng quản lý, kinh tế, tài chính. Các chủ đề bao gồm Các hàm Toán học, Vectơ và Ma trận, Sự khác biệt và Tích hợp, Lập trình tuyến tính.

14. BA080IU - Thống kê ứng dụng trong kinh doanh (Statistics for business)

Số tín chỉ: 3 (3,0)
Điều kiện tiên quyết: Không
Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học "Thống kê trong Kinh doanh" giới thiệu cho sinh viên các khái niệm và quy trình cơ bản về thống kê có thể được áp dụng trong kinh doanh. Môn học này bao gồm những phần cơ bản sau: thống kê mô tả, khái niệm cơ bản về xác suất, các phân bố xác suất rời rạc và liên tục, phân bố mẫu, khoảng tin cậy, kiểm định giả thuyết thống kê, kỹ thuật phân tích phương sai, và hồi quy bội.

15. BA120IU - Tin học quản lý (Business Computing Skills)

Số tín chỉ: 3 (3,0)
Điều kiện tiên quyết: Không
Mô tả vắn tắt nội dung:

Trang bị kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ nhu cầu xử lý thông tin của doanh nghiệp. Môn học này còn phát triển kỹ năng xử dụng một số phần mềm cơ bản giúp nhà quản trị gia tăng năng suất, bao gồm Microsoft PowerPoint, Microsoft Excel, Microsoft Word và sử dụng thư điện tử.

CÁC MÔN NGOẠI NGỮ

16. EN008IU - Tiếng anh chuyên ngành 1 (Kỹ năng nghe) (Academic english 1-Listening Skills)

Số tín chỉ: 2
Điều kiện tiên quyết: Có TOEFL iBT $\geq$ 61, IELTS $\geq$ 6.0
Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này được thiết kế để chuẩn bị cho sinh viên kỹ năng ghi chép tiếng anh một cách hữu hiệu, để cho sinh viên có thể theo đuổi các môn học khác trong suốt chương trinh học mà không có bất kỳ khó khăn nào. Môn học này được thiết kế theo hướng thuyết giảng trong đó thuyết giảng và quy trinh học tập được xây dựng trên bài giảng dựa trên các chủ đề đa dạng khác nhau bao gồm kinh doanh, khoa học và nhân loại.

17. EN007IU - Tiếng anh chuyên ngành 1 (Kỹ năng viết) (Academic english 1-Writing Skills)

Số tín chỉ: 2
Điều kiện tiên quyết: Có TOEFL iBT > 61, IELTS > 6.0

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này cung cấp cho sinh viên với sự hướng dẫn toàn diện và thông lệ trong kỹ năng viết tiểu luận, bao gồm chuyển đổi ý tưởng thành những chức năng khác nhau của viết học thuật như là mô tả quá trình, nhân quả, so sánh-đối chiếu, tranh luận, và tiểu luận tổng hợp ý tưởng. Trong xuyên suốt môn học, sinh viên được yêu cầu đọc các văn bản bằng tiếng anh ở mức độ đại học để phát triển khả năng đọc phản biện và phản hồi một cách chính xác, mạch lạc và học thuật khi viết văn. Mặc dù khoá học cung cấp cho sinh viên với kĩ năng viết quan trọng như là brainstorming, kiểm tra, ghi chép và biên tập, môn học này cũng chuẩn bị cho sinh viên những kỹ năng để sinh viên có thể tham gia môn học Academic English 2 (kỹ năng viết).

18. EN012IU - Tiếng anh chuyên ngành 2 (Kỹ năng nói) (Academic english 2-Speaking Skills)

SỐ TÍN CHỈ: 2

ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT: Có TOEFL iBT > 61, IELTS > 6.0

Mô tả vắn tắt nội dung:

Trình bày bằng tiếng anh đã trở thành một kĩ năng thiết yếu cho sinh viên để thành công không chỉ ở đại học nhưng cũng thành công trong công việc ở tương lai. Tuy nhiên, trình bày bằng tiếng anh có thể được xem như là một công việc đau đầu, nhất là khi phải trình bày bằng tiếng nước ngoài. Tiếng anh chuyên ngành 2 (kĩ năng nói) cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể thuyết trình một cách hữu hiệu. Để làm được chuyện này, môn học này bao phủ những khía cạnh khác nhau của việc trình bày bằng tiếng anh: lập và lên kế hoạch, sử dụng ngôn ngữ thích hợp, áp dụng những hỗ trợ về hình ảnh hữu hiệu, xây dựng sự tự tin, thể hiệu ngôn ngữ cơ thể, giải quyết với các câu hỏi và phản hồi.

19. EN011IU - Tếng anh chuyên ngành 2 (Kỹ năng viết) (Academic english 2-Writing Skills)

SỐ TÍN CHỈ: 2

ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT: Tiếng Anh chuyên ngành 1 (Academic English 1)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về việc viết một bài báo nghiên cứu, đặc biệt là vai trò của tổng quát hoá, định nghĩa, phân loại, và cấu trúc của một bài báo nghiên cứu khoa học cho sinh viên học ở trình độ đại học. Môn học cũng cung cấp cho sinh viên với những phương pháp phát triển và trình bày sự tranh luận, so sánh và đối chiếu. Sinh viên được yêu cầu làm việc trên những công việc được giao để tối đa hoá việc giao tiếp với giảng viên bằng phương pháp viết và hi vọng sinh viên sẽ trở thành người viết có đủ năng lực trong một loại cụ thể: bài báo nghiên cứu khoa học.

Bởi vì kĩ năng viết là một phần của kĩ năng chính yếu của đọc và viết ở nơi mà đọc phục vụ như là đầu vào để châm ngòi sự viết, môn học này được thiết kế để làm quen sinh viên mà ngôn ngữ chính không phải là tiếng anh với cơ sở lý thuyết học thuật trong việc học chuyên ngành của họ bằng cách cho sinh viên đọc một cách phản biện đối với tài liệu đến từ những chủ đề khác nhau từ khoa học tự nhiên ví dụ như sinh học tới khoa học xã hội và nhân văn như là giáo dục, ngôn ngữ học và tâm lý học.

CÁC MÔN KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH

20. BA256IU - Workshop 1

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Khóa học cung cấp cho sinh viên những kỹ năng mềm và thái độ đúng đắn để thành công trong trường đại học và môi trường làm việc chuyên nghiệp trong tương lai. Khóa học này bao gồm chín bài thuyết trình được thực hiện bởi các diễn giả là giám đốc / người quản lý hoặc các chuyên gia có ít nhất năm năm kinh nghiệm. Các bài thuyết trình được lên kế hoạch một cách có hệ thống và khoa học để cho phép sinh viên thực hành những gì họ học trong lớp và thực hiện các bài tập làm việc theo nhóm được đưa ra bởi các diễn giả khách mời

21. BA283IU – Kế toán tài chính 1 (Financial Accounting 1)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Mục đích và mục tiêu của môn học này chuẩn bị cho sinh viên (1) hoàn thành các yêu cầu về bằng cấp; (2) đạt được hoặc cải thiện các kỹ năng kiếm việc; (3) đạt được những tiêu chuẩn cho những công việc kinh doanh hoặc những công việc có liên quan đến kế toán; (4) trở thành những nhà khởi nghiệp; (5) đạt được những mục đích cá nhân; và/hoặc (6) hiểu báo cáo tài chính và những quy trình kế toán căn bản.

22. BA115IU - Quản trị kinh doanh đại cương (Introduction to Business Administration)

Số tín chỉ: 3 (3,0)
Điều kiện tiên quyết: Không
Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này kiểm tra vai trò của kinh doanh đối với xã hội; các hoạt động có liên quan chéo thông qua đó việc làm kinh doanh cung cấp hang hóa và dịch vụ cần thiết đối với xã hội đương đại; và các mối tương quan giữa việc làm kinh doanh và chính quyền, người lao động, và xã hội rộng lớn. Các lĩnh vực chung của nghiên cứu tập trung vào: nền tảng của kinh doanh, sự quản trị các tập đoàn, các hoạt động tiếp thị, các vấn đề phát triển và kinh doanh đương đại.

23. BA003IU - Nguyên lý tiếp thị (Principles of Marketing)

Số tín chỉ: 3 (3,0)
Điều kiện tiên quyết: Không
Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức và thông tin cơ bản về Tiếp thị. Cụ thể là hiểu được nhu cầu thị trường, hành vi khách hàng, chiến lược Tiếp thị của doanh nghiệp về sản phẩm, giá cả, phân phối, khuyến mãi… Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp cho sinh viên các phương pháp để nghiên cứu thị trường, phân tích các yếu tố môi trương ảnh hưởng đến các hoạt động Tiếp thị.

24. BA020IU - Đạo đức kinh doanh (Business Ethics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Mục tiêu của môn học này nhằm truyền đạt sự hiểu biết về lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực đạo đức kinh doanh và kinh doanh bền vững. Sinh viên được học về các đặc điểm của các phạm trù đạo đức trong kinh doanh. Sinh viên sẽ làm quen với những lý thuyết chung của đạo đức kinh doanh như : lý thuyết về đạo đức, thuyết về các bên liên quan, lý thuyết về trách nhiệm, khởi nghiệp bền vững, những vấn đề về quyền con người, cũng như các lý thuyết và thực tiễn trong việc thực hành đạo đức kinh doanh. Sinh viên cũng tiếp thu được những khả năng để xử lý những tình huống đạo đức tiến thóai lưỡng nan một cách có hệ thống. Kết quả kỳ vọng của môn học là sinh viên có ý niệm đúng đắn về những vấn đề đang xảy ra trong kinh doanh ngày nay liên quan đến đạo đức kinh doanh và kinh doanh bền vững, những hiểu biết cơ bản về thuyết đạo đức và ứng dụng trong kinh doanh, những kỹ năng để phân tích sự tiến thóai lưỡng nan về phạm trù đạo đức, kiến thức về những phương thức và công cụ để quản lý đạo đức.

25. BA068IU - Kinh tế quốc tế (International Economics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô (Introduction to Microeconomics - BA117IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Students will learn the basic concepts and real practical considerations governing International Economic and Trading Relations: national accounting system, international money supply demand impact on country interest and exchange rates, trading block formation such as European Community, ASEAN, NAFTA, WTO and other trading pacts on national and international economies. Focus would be on Vietnam in the age of globalization and economic integration.

26. BA130IU - Hành vi tổ chức (Organizational Behavior)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học được thiết kế để cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những hành vi của con ngọời trong tổ chức ảnh hưởng đến việc quản lý nhân viên cũng như thành tích, ra quyết định, lập kế hoạch và thành tích công tác cũng nhọ sự phát triểncủa tổ chức. nó bao gồm hầu hết tất cả khía cạnh của đời sống một tổ chức: sự lãnh đạo, quyền lực, mệnh lệnh và điều khiển, văn hóa tổ chức và sự thay đổi.

27. BA016IU – Nguyên lý Quản trị Tài chính (Fundamental of Financial Management)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kế Toán Tài chính (Financial Accounting – BA184IU/BA005, hoặc Financial Accounting 1 - BA283IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Kiến thức về tài chính rất có ích cho các nhà quản lý trong bất kỳ hình thức kinh doanh nào. Môn học này được thiết kế như là một môn học tài chính nhập môn và là môn tiên tiên quyết để học môn Tài chính doanh nghiệp mà môn này hướng dẫn sâu hơn về các chủ đề liên quan đến tính toán. Nội dung của môn học này kết hợp cả vừa lý thuyết vừa tính toán.

Môn học còn cung cấp các khái niệm cơ bản về giá trị tiền tệ, giá trị và lợi nhuận, chi phí vốn và sử dụng vốn. Sinh viên sẽ biết thị trường vốn hoạt động như thế nào, các loại chứng khoán và các công cụ tài chính hiện hành, và làm thế nào để quản lý dòng tiền. Quản lý rủi ro và vốn lưu động, đòn bẩy, dự báo và phân tích báo cáo tài chính và các chỉ số. Môn này có thể cung cấp cho sinh viên các kỹ năng toán tài chính cơ bản và là môn học nhập môn vững chắc cho môn quản lý tài chính.

28. PE021IU - Pháp Luật Đại Cương (General Law)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về hệ thống Luật Việt nam và các luật mà chúng qui định những vấn đề lớn và chủ yếu về dân sự, hành chính, và những mối quan hệ giữa con người với con người cũng như giữa con người với chính quyền. Những nhánh chính của luật như hiến pháp, hành chính, dân sự, hình sự, lao động, kinh doanh sẽ được giới thiệu chi tiết hơn trong môn học này.

29. BA081IU - Luật kinh doanh (Business Law)

Số tín chỉ: 3 (3,0)
Điều kiện tiên quyết: Pháp luật Đại Cương (General Law – PE021IU)
Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này giới thiệu chung về môi trường pháp lý ảnh hưởng đến các cá nhân, thương nhân và các giao dịch thương mại. Sinh viên sẽ được làm quen và từ đó hiểu được các hình thức và quy định pháp lý về doanh nghiệp, các nguyên tắc cơ bản về luật hợp đồng, trong đó bao gồm giao kết, thực hiện, vi phạm và các chế tài áp dụng cho vi phạm hợp đồng. Ngoài ra, môn học sẽ xem xét các nguyên tắc cơ bản của pháp quy về trách nhiệm sản phẩm, bất động sản, giao dịch có bảo đảm và luật phá sản.

30. EFA209IU - Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế (Research Method in Economic Issues)

Số tín chỉ: 3 (3,0)
Điều kiện tiên quyết: Thống kê trong kinh doanh (Statistics for business – BA080IU), Toán trong kinh doanh (Maths for business – BA282IU)
Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên làm quen với một số chủ đề quan trọng trong lĩnh vực chung của phương pháp nghiên cứu trong kinh tế theo một phương pháp đơn giản và đầy đủ thông tin. Các chủ đề bao gồm vai trò và tầm quan trọng của nghiên cứu, lựa chọn vấn đề, lấy mẫu, đo lường, thu thập dữ liệu, mô tả và diễn dịch thống kê, nghiên cứu thực nghiệm và phi thực nghiệm, nghiên cứu bán-thực nghiệm, viết và trình bày một nghiên cứu. Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên một nền tảng kiến thức vững

chắc để triển khai một bài báo nghiên cứu khoa học và gửi đến một tạp chí khoa học chuyên khảo.

CÁC MÔN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

CÁC MÔN BẮT BUỘC

31. EFA201IU – Kinh tế vi mô 2 (Intermediate Microeconomics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô (Introduction to Microeconomics – BA117IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn Kinh Tế Vi Mô II được thiết kế để nghiên cứu các lý thuyết về cung và cầu, các quyết định của người tiêu dùng và nhà sản xuất, chính sách giá của công ty, thị trường sản phẩm và tài nguyên trong điều kiện cạnh tranh hoàn hảo và không hoàn hảo, và thông tin không hoàn hảo và bất cân xứng.

32. EFA202IU – Kinh tế vĩ mô 2 (Intermediate Macroeconomics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô (Introduction to Macroeconomics – BA119IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học nghiên cứu toàn bộ nền kinh tế, bao gồm tăng trưởng thu nhập, thay đổi giá cả và tỷ lệ thất nghiệp. Mục tiêu của môn học nhằm tăng sự hiểu biết về các chủ đề kinh tế vĩ mô, ví dụ như điều gì quyết định tăng trưởng kinh tế, hậu quả của biến động kinh tế là gì, và các yếu tố ngắn hạn và dài hạn quyết định đến tổng thu nhập, tiền lương, tỷ giá hối đoái, lạm phát, lãi suất, và tỷ lệ thất nghiệp.

33. EFA203IU – Nhập môn Kinh tế lượng (Introductory Econometrics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Thống kê ứng dụng trong kinh doanh (Statistics for Business – BA080IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học Nhập môn Kinh tế lượng giới thiệu việc sử dụng kinh tế lượng để khám phá và ước tính các mối quan hệ kinh tế bằng cách sử dụng các mô hình hồi quy tuyến tính. Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên hiểu biết cơ bản về các phương pháp để lập mô hình mối quan hệ qua lại giữa các biến và chuẩn bị cho các nghiên cứu sâu hơn về kinh tế lượng.

34. EFA204IU – Kinh tế lượng chuỗi thời gian (Time Series Econometrics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Thống kê ứng dụng trong kinh doanh (Statistics for Business – BA080IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học Kinh Tế Lượng Chuỗi Thời Gian cung cấp phần giới thiệu bao quát, hoàn chỉnh, và có hệ thống về các mô hình kinh tế lượng tài chính và các ứng dụng của các mô hình này để mô hình hóa và dự đoán dữ liệu chuỗi thời gian trong tài chính. Môn học sử dụng các ví dụ thực tế và dữ liệu tài chính thực để áp dụng các mô hình và phương pháp chuỗi thời gian.

35. EFA206IU – Kinh tế môi trường (Environmental Economics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô (Introduction to Microeconomics – BA117IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này nghiên cứu sự phụ thuộc lẫn nhau giữa nền kinh tế và môi trường. Các quan điểm trái chiều về cả kinh tế và môi trường đều được trình bày. Môn học xem xét kỹ lưỡng lý thuyết và chính sách kinh tế đối với môi trường và nhiều nghiên cứu liên quan điển hình.

36. EFA207IU – Kinh tế phát triển (Development Economics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô hoặc Kinh tế vĩ mô (Introduction to Microeconomics hoặc Introduction to Macroeconomics – BA117IU hoặc BA119IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này được thiết kế để trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về nguyên nhân và hậu quả của các mô hình tăng trưởng và phát triển không đồng đều, các đặc điểm cấu trúc điển hình của nền kinh tế ở các nước đang phát triển, các chính sách có thể áp dụng ở các nước kém phát triển và cách đo lường tác động của chúng.

37. EFA208IU – Kinh tế lao động (Labor Economics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)
Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô (Introduction to Microeconomics – BA117IU)
Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này giới thiệu về kinh tế lao động với trọng tâm là lý thuyết kinh tế vi mô ứng dụng và phân tích thực nghiệm. Các chủ đề sẽ được đề cập bao gồm: cung và cầu lao động, thuế và chuyển nhượng, lương tối thiểu, nhập cư, vốn nhân lực, giáo dục, bất bình đẳng, phân biệt đối xử, công đoàn và đình công, và thất nghiệp.

38. IT149IU – Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế (Fundamentals of Programming with Economic Applications)

Số tín chỉ: 3 (3,0)
Điều kiện tiên quyết: Không
Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này tập trung vào những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ lập trình. Môn học giúp sinh viên làm quen với ngôn ngữ lập trình Python, bao gồm các cấu trúc dữ liệu cơ bản, luồng điều khiển, module và giới thiệu về OPP trong Python.

39. IT162IU – Nền tảng học máy với ứng dụng trong kinh tế (Machine Learning Platforms with Economic Applications)

Số tín chỉ: 3 (3,0)
Điều kiện tiên quyết: Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế (Fundamentals of Programming with Economic Applications – IT149IU)
Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực thế để phát triển nhiều mô hình học máy bằng cách sử dụng các nền tảng học máy phổ biến. Môn học tập

trung vào các phương pháp ứng dụng dựa trên máy học như NLP, hình ảnh y khoa, phân tích chuỗi thời gian, … Mục tiêu chung của môn học nhằm cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật học máy một cách bao quát nhưng không chuyên sâu, và chủ yếu là cách tiếp cận dựa trên công nghệ.

40. IT138IU – Trực quan hoá và khoa học dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế (Data Science and Visualization with Economic Applications)

Số tín chỉ: 3 (3,0)
Điều kiện tiên quyết: Không
Mô tả vắn tắt nội dung:

Mục tiêu của khóa học này là giới thiệu cho sinh viên các nguyên lý cơ bản, các phương pháp và kỹ thuật trực quan hóa dữ liệu một cách hiệu quả. Khóa học bắt đầu với các mục tiêu và nguyên lý chính của trực quan hóa dữ liệu. Khóa học tiếp tục với các khía cạnh khác của trực quan hóa bao gồm cả kỹ thuật và phương pháp để trình bày các loại dữ liệu khác nhau. Xuyên suốt khóa học, học viên sẽ được giới thiệu với nhiều hệ thống và công cụ trực quan hóa để phân tích dữ liệu.

41. IT079IU – Nguyên lý quản trị cơ sở dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế (Principles of Database Management with Economic Applications)

Số tín chỉ: 3 (3,0)
Điều kiện tiên quyết: Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế (Fundamentals of Programming with Economic Applications – IT149IU)
Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này giới thiệu cho sinh viên nguyên lý cơ bản của thiết kế cơ sở dữ liệu và các khái niệm liên quan. Khóa học đồng thời giới thiệu các kỹ thuật thiết kế cơ sở dữ liệu như thiết kế quan hệ và phân tích E-R. Cách thức truy vấn cơ sở dữ liệu sử dụng SQL cũng được trình bày trong các bài giảng và được hỗ trợ bởi các bài tập thực hành.

42. EFA230IU - Workshop 2 on Economic Issues.

Số tín chỉ: 2 (2,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên cơ hội để tiếp xúc thực tế với những công việc và dự án mà sinh viên ngành kinh tế sẽ phải đối mặt khi đi làm thực tế. Xuyên suốt khoá học, những diễn giả sẽ trình bày "Những công việc dở dang" và "chia sẻ kinh nghiệm". Bằng cách này sinh viên sẽ mở rộng kiến thức kinh tế và ứng dụng của phân tích dữ liệu trong việc ra quyết định kinh doanh và hiểu sâu hơn về con đường phát triển nghề nghiệp của mình. Để đánh giá môn học, sinh viên được yêu cầu phải nộp 3 báo cáo ngoại khoá đối với 3 chủ đề được diễn giả trình bày.

43. EFA210IU – Kinh tế học thực nghiệm (Experimental Economics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô (Introduction to Microeconomics – BA117IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Thí nghiệm đang ngày càng được sử dụng nhiều trong kinh tế học để nghiên cứu hành vi của con người. Trong khóa học này, học sinh sẽ học cách để thiết kế các thí nghiệm và giải thích các kết quả của chúng.

44. EFA211IU – Kinh tế học hành vi (Behavioral Economics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô (Introduction to Microeconomics – BA117IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Kinh tế học hành vi kết hợp nguyên lý kinh tế và tâm lý để giải thích các hành vi kinh tế. Có hai dòng công việc chung trong Kinh tế học hành vi: Lý thuyết quyết định hành vi (BDT) và lý thuyết trò chơi hành vi (BGT). BDT xác định và giải thích các hành vi lựa chọn không nhất quán trong việc ra quyết định cá nhân. Khóa học này tập trung vào Lý thuyết quyết định hành vi (BDT).

45. EFA212IU – Lý thuyết trò chơi và chiến lược doanh nghiệp (Game Theory and Business Strategy)

Số tín chỉ: 3 (3,0)
Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô (Introduction to Microeconomics – BA117IU)
Mô tả vắn tắt nội dung:

Khóa học này giới thiệu về Lý thuyết trò chơi. Khóa học này thiết kế để khám phá những công cụ và khái niệm của lý thuyết trò chơi và xác định một số tình huống kinh doanh thực tế nơi những kiến thức và công cụ của Lý thuyết trò chơi có thể hữu ích trong việc hỗ trợ ra quyết định cho người quản lý. Khóa học là nền tảng cho sự hiểu biết về chiến lược kinh doanh hiện đại.

46. EFA213IU – Kinh tế học tài chính (Financial Economics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)
Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô và Toán trong kinh doanh (Introduction to Microeconomics and Maths for Business – BA117IU and BA282IU)
Mô tả vắn tắt nội dung:

Khóa học này giới thiệu về khía cạnh cơ bản của hệ thống tài chính với những tiến bộ đột phá trong lý thuyết và thực hành trong những thập kỷ qua. Khóa học này giới thiệu các nguyên lý mô hình phân tích tài chính hiện đại và ứng dụng của chúng để giải quyết các thách thức trong kinh doanh.

47. EFA205IU – Kinh tế lượng số liệu bảng (Panel Data Econometrics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)
Điều kiện tiên quyết: Thống kê ứng dụng trong kinh doanh (Statistics for Business – BA080IU)
Mô tả vắn tắt nội dung:

Khóa học này cung cấp tổng quan về lý thuyết và các mô hình kinh tế lượng khi phân tích dữ liệu bảng.

48. EFA214IU – Phân tích dữ liệu marketing (Marketing Analytics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô và Toán trong kinh doanh (Introduction to Microeconomics and Maths for Business – BA117IU and BA282IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Khóa học này giới thiệu cho sinh viên các công cụ, phương pháp phân tích Marketing. Sinh viên sẽ được trang bị các công cụ, phương pháp phân tích dữ liệu nhằm hỗ trợ hoạch định các chiến lượng marketing hiệu quả, bao gồm: xác định phân khúc, thị trường mục tiêu, định vị thương hiệu, sự hài lòng, phân tích vòng đời khách hàng, sự lựa chọn của khách hàng, sản phẩm và giá cả.

49. EFA231IU - Thực tập 1 (Internship 1)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Đây là kỳ thực tập bắt buộc trong đó sinh viên phải trải qua một thời gian làm việc thực tế tại doanh nghiệp. Thời gian thực tập tối thiểu là 32 ngày làm việc (tương đương khoảng 2 tháng toàn thời gian hoặc 4 tháng bán thời gian) (2 tháng hoặc 4 tháng chỉ là ước lượng tuỳ vào sinh viên thực tập bao nhiêu ngày trong tuần rồi cộng lại trên 32 ngày làm việc là đạt yêu cầu chứ không nhất thiết phải là 2 tháng hay tháng).

50. EFA232IU - Luận văn tốt nghiệp (Thesis)

Số tín chỉ: 12 (12,0)

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế (Research Method in Eonomic Issues – EFA209IU), Thực tập định hướng 1 (EFA231IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Đây là nghiên cứu tốt nghiệp, trong đó sinh viên thực hiện một nghiên cứu với sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian 1 học kỳ. Sinh viên sẽ tự chọn chủ đề, xây dựng đề cương và tiến hành nghiên cứu, lập báo cáo và sau đó trình bày trước hội đồng.

13. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo:

13.1 Danh sách giảng viên cơ hữu

Bảng danh sách giảng viên cơ hữu giảng dạy các môn học trong chương trình đào tạo Kinh tế

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
1	Hồ Nhựt Quang, 24/1/1966	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2011	Kinh tế	10/2004			23		15	
2	Nguyễn Văn Phương, 11/8/1970	Việt Nam	PGS, 2016	TS, Hoa Kỳ, 2011	Kinh tế	2012			13	5	105	
3	Mai Ngọc Khương, 7/5/1975	Việt Nam	PGS, 2018	TS, Thái Lan, 2011	Quản trị sự phát triển	2012			11		115	
4	Bùi Quang Thông, 16/11/1975	Việt Nam		TS, Thụy Điển, 2007	Thương mại điện tử	11/2013			10		11	
5	Nguyễn Hồng Anh, 18/6/1974	Việt Nam		TS, Philippines, 2018	Kinh doanh quốc tế	2006			17		8	
6	Nguyễn Tấn Minh, 17/1/1982	Việt Nam		ThS, Hoa Kỳ, 2009	Quản trị Kinh doanh	2013			10		8	
7	Phan Triều Anh, 4/10/1972	Việt Nam		TS, Anh quốc, 2008	Quản trị Kinh doanh	2008			15		15	
8	Phan Ngọc Anh, 5/11/1982	Việt Nam		ThS, Hoa Kỳ, 2010	Quản trị Kinh doanh-Tài chính	2012			11		2	
9	Lê Đình Minh Trí, 3/6/1986	Việt Nam	PGS, 2023	TS, Úc, 2018	Marketing	2011			12		15	

10	Mai Thế Kiên, 21/2/1988	Việt Nam		ThS, Anh quốc, 2011	Phát triển Quốc tế	2012			11		5	
11	Võ Tường Huân, 28/2/1988	Việt Nam		TS, Nhật Bản, 2018	Nghiên cứu quốc tế (Luật quốc tế)	2012			11		6	
12	Bùi Thị Thảo Hiền, 3/8/1989	Việt Nam		ThS, Úc, 2013	Quản trị Kinh doanh	4/2014			9		5	
13	Cao Minh Mẫn, 1/5/1962	Việt Nam		TS, Hoa Kỳ, 2012	Kinh doanh quốc tế	2015			37		5	
14	Bùi Đoàn Danh Thảo, 12/8/1988	Việt Nam		ThS, Anh quốc, 2012	Luật Kinh tế Quốc tế	2014			10		5	
15	Nguyễn Ngọc Duy Phương, 15/1/1981	Việt Nam		TS, Thái Lan, 2013	Quản trị Phát triển	2018			20		90	
16	Hà Minh Trí, 19/12/1970	Việt Nam		TS, Bỉ, 2015	Nghiên cứu Phát triển	2017			8		17	
18	Vũ Thúy Mai Uyên, 4/2/1990	Việt Nam		ThS, Hoa Kỳ, 2014	Tài chính	2016			7		3	
19	Nguyễn Trần Nguyên Khai, 27/5/1990	Việt Nam		ThS, Anh quốc, 2015	Quản trị Du lịch và Marketing	2012			11		8	
20	Nguyễn Như Tỷ, 20/5/1986	Việt Nam	PGS, 2021	TS, Đài Loan, 2015	Quản lý Công nghiệp	2016			14		30	
21	Võ Thị Quý, 9/9/1960	Việt Nam	PGS, 2012	TS, Thái Lan, 2013	Quản trị Kinh doanh Quốc tế	2014			38		43	
22	Võ Xuân Hồng, 17/10/1976	Việt Nam		TS, Hoa Kỳ, 2015	Tài chính và các thể chế tài chính	2016			21		4	
23	Phước Vân Hạnh, 23/6/1990	Việt Nam		ThS, Úc, 2014	Quản trị Nguồn Nhân lực	2014			9		1	
24	Trịnh Quốc Đạt, 27/12/1982	Việt Nam		TS, Pháp, 2017	Tài chính	2018			5		8	

25	Phạm Thanh Huyền, 10/2/1990	Việt Nam		ThS, Anh quốc, 2014	Quản trị Du lịch	2015			9		8	
26	Nguyễn Đức Trí Anh, 2/9/1993	Việt Nam		ThS, Pháp, 2019	Kinh tế Kinh doanh	2015			8		2	
27	Lê Hồng Nhung, 19/1/1980	Việt Nam		ThS, Pháp, 2016	Tài chính và Ngân hàng	2009			14		4	
28	Nguyễn Thế Nam, 7/11/1985	Việt Nam		TS, Úc, 2021	Kế toán và Quản trị Doanh nghiệp	2011			12		4	
29	Lê Văn Chơn, 24/1/1976	Việt Nam		TS, Hoa Kỳ, 2010	Kinh tế	2015			21		20	
30	Vũ Tuấn Anh, 9/12/1992	Việt Nam		ThS, Hoa Kỳ, 2017	Kế toán	2018			5		3	
31	Trần Nhật Minh, 1997	Việt Nam		ThS, Italy, 2021	Tài chính	2022			1		0	
32	Hoàng Thị Ánh Ngọc, 1982	Việt Nam		TS, Úc, 2020	Kinh tế	2010			13		3	
33	Nguyễn Bá Trung, 1987	Việt Nam		TS, Nhật Bản, 2019	Kinh tế	2020			14		5	
34	Nguyễn Trà My, 21/5/1993	Việt Nam		TS, Hoa Kỳ, 2020	Kinh tế	2022			3		22	
35	Trịnh Công Tâm, 14/6/1982	Việt Nam		TS, Úc, 2017	Kinh tế	2021			6		6	
36	Nguyễn Cảnh Tiên,	Việt Nam		TS, New Zealand, 2019	Kế toán	2006			17		7	
37	Nguyễn Phương Anh, 7/11/1975	Việt Nam		TS, Pháp, 2000	Toán ứng dụng	2013			22		24	
38	Võ Khánh Thiện, 25/3/1995	Việt Nam		ThS, Úc, 2019	Tài chính	2021			3		1	
39	Trịnh Thu Nga, 21/2/1980	Việt Nam		TS, Hoa Kỳ, 2016	Tài chính	2019			14		2	

40	Trương Diệu Khiêm,	Việt Nam		ThS, Anh quốc	Kế toán						3	
41	Lê Đặng Thùy Trang	Việt Nam		ThS, Anh quốc							4	
42	Nguyễn Phương Thảo, 9/6/1989	Việt Nam		ThS, Anh quốc, 2012	Kinh tế, Tài chính, và Quản trị	2013			10		0	

Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy các môn học trong chương trình đào tạo Kinh tế

Số TT	Họ và tên	Môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
1		Triết học Mác Lênin	Năm 1	X				X
2		Kinh tế chính trị Mác Lênin	Năm 1	X				X
3		Chủ nghĩa xã hội khoa học	Năm 1	X				X
4		Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Năm 1	X				X
5		Tư tưởng Hồ Chí Minh	Năm 1	X				X
6		Tư duy phản biện	Năm 1	X				X
7	Bùi Thị Thảo Hiền	Kinh tế vi mô	Năm 1	X				X
8	Cao Minh Mẫn	Kinh tế vĩ mô	Năm 1	X				X
9	Phạm Tấn Nhật	Xã hội học	Năm 1			X		X
10	Nguyễn Thị Phương Châu	Địa lý kinh tế thế giới	Năm 1			X		X
11	Võ Văn Sen	Lịch sử và văn hoá Việt Nam	Năm 1			X		X
12	Trịnh Quốc Đạt	Toán trong kinh doanh	Năm 2	X				X
13	Hoàng Thị Ánh Ngọc	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	Năm 2	X				X
14	Nguyễn Ngọc Trường Minh	Tin học quản lý	Năm 2	X				X
15		Tiếng anh chuyên ngành 1 (Kỹ năng nghe)	Năm 1	X				X

16		Tiếng anh chuyên ngành 1 (Kỹ năng viết)	Năm 1	X				X
17		Tiếng anh chuyên ngành 2 (Kỹ năng nói)	Năm 1	X				X
18		Tếng anh chuyên ngành 2 (Kỹ năng viết)	Năm 1	X				X
19	Dương Minh Hoàng	Workshop 1	Năm 2	X				X
20	Nguyễn Phương Thảo	Kế toán tài chính 1	Năm 2	X				X
21	Phước Vân Hạnh	Quản trị kinh doanh đại cương	Năm 2	X				X
22	Trần Tiến Khoa	Nguyên lý tiếp thị	Năm 2	X				X
23	Alan Thớ	Đạo đức kinh doanh	Năm 2	X				X
24	Hồ Nhựt Quang	Kinh tế quốc tế	Năm 2	X				X
25	Mai Ngọc Khương	Hành vi tổ chức	Năm 2	X				X
26	Nguyễn Cảnh Tiên	Nguyên lý Quản trị Tài chính	Năm 2	X				X
27	Võ Tường Huân	Pháp Luật Đại Cương	Năm 2	X				X
28	Bùi Đoàn Danh Thảo	Luật kinh doanh	Năm 2	X				X
29	Nguyễn Văn Phương	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	Năm 3	X				X
30	Nguyễn Trà My	Kinh tế vi mô 2	Năm 3	X				X
31	Nguyễn Bá Trung	Kinh tế vĩ mô 2	Năm 3	X				X
32	Hoàng Thị Ánh Ngọc	Nhập môn Kinh tế lượng	Năm 3	X				X
33	Võ Xuân Hồng	Kinh tế lượng chuỗi thời gian	Năm 3	X				X
34	Lê Văn Chơn	Kinh tế môi trường	Năm 4	X				X
35	Nguyễn Văn Phương	Kinh tế Phát triển	Năm 4	X				X
36	Nguyễn Trà My	Kinh tế lao động	Năm 4	X				X
37	Nguyễn Thị Thúy Loan	Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế	Năm 3	X				X
38	Mai Hoàng Bảo An	Nền tảng học máy với ứng dụng trong kinh tế	Năm 3	X				X

39	Trần Thanh Tùng	Trực quan hoá và khoa học dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	Năm 3	X				X
40	Nguyễn Thị Thúy Loan	Nguyên lý quản trị cơ sở dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	Năm 3	X				X
41	Dương Minh Hoàng	Workshop 2 on Economic Issues	Năm 3	X				X
42	Hoàng Thị Ánh Ngọc	Kinh tế học thực nghiệm	Năm 4			X		X
43	Nguyễn Đức Trí Anh	Kinh tế học hành vi	Năm 4			X		X
44	Lê Văn Chơn	Lý thuyết trò chơi và chiến lược doanh nghiệp	Năm 4			X		X
45	Lê Văn Chơn	Kinh tế học tài chính	Năm 4			X		X
46	Nguyễn Bá Trung	Kinh tế lượng số liệu bảng	Năm 4			X		X
47	Nguyễn Bá Trung	Phân tích dữ liệu marketing	Năm 4			X		X
48	Tất cả thầy cô	Thực tập 1	Năm 3	X				X
49	Tất cả thầy cô	Luận văn tốt nghiệp	Năm 4	X				X

13.2 Danh sách giảng viên thỉnh giảng

Bộ môn dự tính sẽ mời các chuyên gia trong ngành, các lãnh đạo doanh nghiệp và các giảng viên có tiếng đến từ các trường đại học khác, đặc biệt là trong môn Workshop 1 và Workshop 2, bộ môn sẽ mời các chuyên gia và lãnh đạo của các công ty kiểm toán Big 4 chia sẻ kinh nghiệm và giảng dạy cho các bạn sinh viên.

13.3 Kế hoạch đào tạo giảng viên

Bảng 13: Bảng kế hoạch đào tạo giảng viên

Năm	2023	2024	2025	2026
Cử GV đi đào tạo TS chuyên ngành Kinh tế	-	-	1	-
Cử GV đi đào tạo các khoá ngắn hạn chuyên ngành Kinh tế	-	-	-	-

Các trường dự kiến liên kết đào tạo ngành Kinh tế

- Singapore Management University – SMU
- The University of the West of England – UWE
- Macquarie University

14. Danh sách cố vấn học tập

Bảng 14: Bảng danh sách cố vấn học tập

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Nơi công tác

1.	Võ Thị Quý	PGS.Tiến sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
2.	Trịnh Quốc Đạt	Tiến sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
3.	Lê Văn Chơn	Tiến sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
4.	Võ Xuân Hồng	Tiến sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
5.	Nguyễn Cảnh Tiên	Tiến sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
6.	Nguyễn Bá Trung	Tiến sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
7.	Trịnh Công Tâm	Tiến sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
8.	Hoàng Thị Ánh Ngọc	Tiến sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
9.	Nguyễn Thế Nam	Tiến sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
10.	Nguyễn Thị Lê Hà	Tiến sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
11.	Nguyễn Phương Anh	Tiến sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
12.	Trịnh Thu Nga	Tiến sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
13.	Lê Phương Thảo	Thạc sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
14.	Nguyễn Phương Thảo	Thạc sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
15.	Lê Ngọc Anh Khoa	Thạc sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
16.	Trương Diệu Khiêm	Thạc sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
17.	Vũ Tuấn Anh	Thạc sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
18.	Phan Ngọc Anh	Thạc sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
19.	Lê Hồng Nhung	Thạc sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
20.	Vũ Thúy Mai Uyên	Thạc sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
21.	Dương Minh Hoàng	Thạc sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
22.	Nguyễn Đức Trí Anh	Thạc sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
23.	Võ Khánh Thiện	Thạc sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT
24.	Trần Nhật Minh	Thạc sĩ	Khoa KTTCKT – ĐHQT

15. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ chương trình đào tạo Kinh tế

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)	Môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	142	9775.54			= 1.1 + 1.2 + 1.3 + 1.4 + 1.6
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	0	0			
1.2	Phòng học từ 100-200 chỗ	9	1987.6			Tất cả các phòng học tại IU đều là phòng học đa phương tiện
1.3	Phòng học từ 50-100 chỗ	56	4136.38			
1.4	Phòng học dưới 50 chỗ	33	1622			
1.5	Phòng học đa phương tiện	98	7745.98			1.5 = 1.1 + 1.2 + 1.3 + 1.4
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	44	2029.56			Văn phòng Khoa, Bộ môn, Ban Giám hiệu, phòng Giảng viên
2	Thư viện, trung tâm học liệu	3	1435			
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	66	4732			

Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước (Sách in)	Số lượng bản	Tên môn học sử dụng	Mã môn học	Ghi chú
1	Critical Thinking: A Student's Introduction	Bassham, Irwin, Nardone, and Wallace	McGraw Hill, New York, 2019	15	Tư duy phản biện	PE008IU	Sách in
2	Principles of Microeconomics	Mankiw			Kinh tế vi mô	BA117IU	Chỉ có E-book
3	Principles of Economics	Mankiw	Mason, South - Western Cengage Learning,2008.	20	Kinh tế vi mô	BA117IU	Sách in + Ebook
4	Principles of Macroeconomics	Mankiw	Singapore:Cengage, 2021	3	Kinh tế vĩ mô	BA119IU	Sách in + Ebook
5	Principles of Economics	Mankiw	Australia, South - Western, 2012.	20	Kinh tế vĩ mô	BA119IU	Sách in + Ebook
6	Introduction to Psychology, 9th ed.	Rod Plotnik	USA, Cengage Learning,2011.	20	Tâm lý học	BA118IU	Sách in
7	Sociology: A Brief Introduction	Schaefer	Mc Graw Hill, New York,2019	15	Xã hội học	BA118IU	Sách in + Ebook
8	Mathematics for Economics and Business	Ian Jacques	Harlow, England :FT Prentice Hall,2006.	1	Toán trong Kinh doanh	BA282IU	Sách in
9	Applied Statistics in Business and Economics	Doane, Seward	Mc Graw Hill :New York,2019	16	Thống kê Trong Kinh Doanh	BA080IU	Sách in + Ebook
10	Lecture Ready 3	Laurie Frazie, Shalle Leming	New York , Oxford University Press, 2013.	10	Kỹ năng nghe AE1	EN008IU	Sách in
11	Lecture Ready 3	Laurie Frazie, Shalle Leming	New York , Oxford University Press, 2013.	10	Kỹ năng viết AE1	EN007IU	Sách in
12	Study Writing	Hamp-Lyons, Heasley	U.K, Cambridge University Press, 2013.	10	Kỹ năng viết AE2	EN011IU	Sách in
13	Financial & Managerial Accounting	Carl S. Warren, James M. Reeve	Mason, Thomson/South - Western, 2007.	2	Kế toán tài chính 1	BA283IU	
14	Understanding Business, 13th ed.	William G. Nickels, James M.	New York, Mc Graw Hill ,2022	15	Quản trị Kinh Doanh	BA115IU	Sách in

		McHugh, Susan M.McHugh			Đại Cương		
15	Principles of Marketing, 18th ed.	Philip Kotler, Gary Armstrong	England:Pearson,2021	3	Nguyên lý tiếp thị	BA003IU	Sách in + Ebook
16	Business ethics: Now	Andrew Ghillyer			Đạo đức kinh doanh	BA020IU	Chỉ có E-book
17	Essentials of International Economics	Feenstra, Taylor	New York, Worth Publishers, 2014.	3	Kinh tế quốc tế	BA068IU	Sách in
18	Financial Management: Theory and Practice	Brigham, Ehrhardt	Australia, Cengage Learning, 2017.		Nguyên lý Quản trị Tài chính	BA016IU	Sách in
19	Business Research Methods, 14th ed.	Cooper, Schindler	New York, Mc Graw Hill ,2022	15	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	EFA209IU	Sách in
20	International Corporate Finance	Madura	Australia, South - Western, 2012.	20	Quản Trị Tài Chính Quốc Tế	BA051IU	Sách in
21	*Macroeconomics, 7th ed.*	Mankiw	New York, Worth Publishers, 2010.	1	Kinh tế vĩ mô 2	EFA202IU	Sách in
22	Introductory Econometrics: A Modern Approach	Wooldridge	Ohio, Thomson, 2003.	1	Nhập môn Kinh tế lượng	EFA203IU	Sách in
23	Environmental Economics: An Introduction	Field, Field	New York, McGraw Hill, 2013.	20	Kinh tế môi trường	EFA206IU	Sách in
24	Economics of development	Perkins, Radelet, Lindauer, Block	New York, W. Norton & Co., 2001.	1	Kinh tế phát triển	EFA207IU	Sách in
25	Modern labor economics: Theory and public policy	Ehrenberg, Smith, Hallock	Boston, Pearson Addison-Wesley,|2009.	1	Kinh tế lao động	EFA208IU	Sách in
26	The Visual Display of Quantitative Information	Edward R. Tufte	Cheshire Conn Graphics Press, 2015.	5	Trực quan hoá và khoa học dữ liệu với	IT138IU	Sách in

					ứng dụng trong kinh tế		
27	Database System Concept, 6th ed.	Abraham Silberschatz, Henry F. Korth, S. Sudarshan	New York, McGraw-Hill, 2011.	35	Nguyên lý quản trị cơ sở dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	IT079IU	Sách in
28	Investments	Zvi Bodie, Alex Kane, Alan J. Marcus	New York, Mc Graw Hill, 2014.	2	Kinh tế học tài chính	EFA213IU	Sách in

16. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Ngành kinh tế sẽ bắt đầu thực hiện tuyển sinh từ tháng 9 năm 2023 với quy mô tuyển sinh là 50 sinh viên. Sinh viên sẽ được học các môn học thuộc kiến thức giáo dục đại cương, rồi đến các môn học thuộc kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ và hoàn toàn bằng tiếng Anh, cho phép trao đổi sinh viên sang các trường đại học liên kết ở nước ngoài và đảm bảo liên thông đào tạo trình độ sau đại học trong và ngoài nước. Ngoài ra chương trình cũng cung cấp các môn học tự chọn có thời lượng từ 2 đến 4 tín chỉ nhằm bổ sung chuyên môn và định hướng nghiên cứu. Bài giảng cho mỗi môn học được soạn thành nhiều chuyên đề chuyên sâu, do giảng viên cơ hữu và các chuyên gia, giảng viên thỉnh giảng đảm nhận.
TS. Trần Tiến Khoa, Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế chủ trì, tổ chức thực hiện chương trình giáo dục này cùng với sự cố vấn của Ban Cố Vấn và Hội Đồng Khoa Học nhà trường
- Trưởng khoa KTTC&KT cùng Ban soạn thảo chương trình có trách nhiệm tham mưu cho Ban Giám hiệu, lập kế hoạch triển khai và đảm bảo chất lượng cho chương trình.
- Toàn thể giảng viên cơ hữu của khoa KTTC&KT đảm nhiệm công tác cố vấn học tập , hướng dẫn sinh viên thực hiện chương trình giáo dục này.
- Mọi thắc mắc của sinh viên đều được tiếp nhận và giải quyết theo quy trình của trường Đại học Quốc tế, ĐHQG TP Hồ Chí Minh

17. Kế hoạch đảm bảo chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo

Thời gian	Công việc
01/2026	Rà soát chương trình đào tạo -

1/2027	Bộ môn tự đánh giá chương trình theo chuẩn FIBAA Đăng ký kiểm định theo chuẩn FIBAA
1/2028 12/2028	Tham gia kiểm định cấp ĐHQG - Lập kế hoạch cải tiến - Đăng ký kiểm định chính thức theo chuẩn FIBAA
12/2029	Tham gia đính chính thức theo chuẩn FIBAA

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS. TS. Trần Tiến Khoa

PHỤ LỤC 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC MÔN HỌC

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐẠI HỌC QUỐC TẾ
KHOA KINH TẾ, TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

PE015IU - TRIẾT HỌC MÁC LÊNIN

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

Triết học Mác-Lênin
(Philosophy Marx – Lenin)

1. Thông tin chung

Tên môn học (tiếng Việt):	Triết học Mác-Lênin
Tên môn học (tiếng Anh):	Philosophy Marx – Lenin
Mã số môn học:	PE015IU
Thuộc khối kiến thức:	Cơ sở
Số tín chỉ:	3
Số tiết lý thuyết:	*30 (trên lớp)*
Số tiết thực hành:	*15 (trên lớp)*
Số tiết tự học:	*90 (về nhà)*
Giảng viên phụ trách	Khoa Chính trị - Hành chính, ĐHQG-HCM

2. Mục đích/mục tiêu môn học (Course Purposes/Aims)

2.1. Môn học trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác – Lênin.

2.2. Giúp cho sinh viên vận dụng những tri thức về thế giới quan, phương pháp luận triết học triết học Mác – Lênin một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.

3. Mô tả môn học (Course Outlines)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin

4. Tài liệu phục vụ học tập:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin,* Nxb.

Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Hội đồng Trung ương (2008), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Chuẩn đầu ra môn học (Course Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra	Mô tả	Tiêu chí đánh giá	Mục tiêu môn học	Chuẩn đầu ra CDIO CTĐT	Mức độ giảng dạy (I/T/U)
5.1. Kiến thức					
LO.1	TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI	LO.1.1 - Khái lược được triết học, một số khái niệm cơ bản trong triết học	2.1	1.1.3	I3
		LO.1.2 – Nhận biết được sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học			
		LO.1.3 – Nắm được chủ nghĩa duy vật biện chứng – hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật biện chứng			
		LO.1.4 – Nắm rõ được sự ra đời, đối tượng, chức năng và vai trò của triết học Mác - Lênin			
LO.2	CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	LO.2.1- Hiểu rõ vật chất theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng	2.1	1.1.3	T4
		LO.2.2 – Hiểu rõ ý thức theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng	2.1		
		LO.2.3 – Giải quyết được mối quan hệ giữa vật chất và ý thức theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng	2.1		
		LO.2.4 – Hiểu được phép biện chứng và phép biện chứng duy vật	2.1		

		LO.2.5 – Hiểu rõ được hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật và rút ra ý nghĩa phương pháp luận của từng nguyên lý	2.1 2.2		
		LO.2.6 – Hiểu rõ được các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật và rút ra ý nghĩa phương pháp luận từng cặp phạm trù	2.1 2.2		
		LO.2.7 - Hiểu rõ được các quy luật cơ bản của cơ bản của phép biện chứng duy vật và rút ra ý nghĩa phương pháp luận từng quy luật	2.1 2.2	1.1.3	T4
		LO.2.8 - Hiểu rõ được thực tiễn, nhận thức, vai trò của thực tiễn đối với nhận thức và chân lý	2.1		
LO.3	CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ	LO.3.1 - Nắm được vai trò của sản xuất vật chất và phương thức sản xuất đối với sự tồn tại và phát triển xã hội	2.1 2.2	1.1.3	T4
		LO.3.2 - Hiểu rõ được mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất			
		LO.3.3 - Hiểu rõ được mối quan hệ biện chứng giữa CSHT và KTTT; sự phát triển tự nhiên của các hình thái KT-XH			
		LO.3.4 - Hiểu rõ được giai cấp, đấu tranh giai cấp; dân tộc và mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại			
		LO.3.5 - Hiểu rõ được nhà nước và mạng xã hội			
		LO.3.6 - Hiểu rõ được mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội			

		LO.3.7 - Hiểu rõ được con người, bản chất con người; hiện tượng tha hóa và giải phóng con người; mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, vai trò của quần chúng nhân dân			
5.2. Kỹ năng					
LO.4	THỂ HIỆN KHẢ NĂNG KHÁI QUÁT HÓA, TƯ DUY, TRANH LUẬN, PHẢN BIỆN, LÀM VIỆC NHÓM	LO.4.1. Có kỹ năng khái quát hóa để rút ra *Từ khóa tri thức* đối với mỗi nội dung và tư duy có hệ thống LO.4.2. Có kỹ năng trình bày, thuyết minh, phản biện, tranh luận, hùng biện những tri thức lý luận đang học tập, nghiên cứu dựa trên thực tiễn LO.4.3. Có kỹ năng giao tiếp xã hội, hợp tác và làm việc nhóm, chia sẻ tri thức và kinh nghiệm, khả năng điều hành nhóm làm việc	2.1 2.2	2.1.1 2.3.1 2.4.4 2.5 3.1.5	U4
5.3. Thái độ					
LO.5	THỂ HIỆN Ý THỨC, NHẬN THỨC TRONG VA SAU KHI HỌC TẬP	LO.5.1. Có ý thức trách nhiệm bảo vệ tính khoa học, cách mạng, nhân văn của CN Mác – Lênin LO.5.2. Có ý thức, trách nhiệm cá nhân đối với tập thể, cộng đồng LO.5.3. Có nhận thức về sự cần thiết học tập, nghiên cứu suốt đời và vận dụng nó trong cuộc sống.	2.1 2.2	3.1	U3

6. Kế hoạch giảng dạy theo buổi học (Course Plan):

TT (tiết)	Nội dung giảng dạy	LO	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
1 (1 tiết)	**Giới thiệu về môn học**	LO.1, LO.4;	**Dạy**: - Giới thiệu đề cương môn học - Giới thiệu nội dung đề tài thuyết trình nhóm GHW) **Học ở lớp**: - Chia nhóm (5 SV/nhóm) - Giới thiệu nhóm học tập **Học ngoài lớp**: -Chọn đề tài thuyết trình của nhóm (GHW) - Đọc trước tài liệu chương 1.	
2 (15 tiết)	**Chương 1** TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI	LO.1; LO.4 LO.5	**Dạy**: I. TRIẾT HỌC VÀ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC 1. Khái lược về triết học 2. Vấn đề cơ bản của triết học 3. Biện chứng và siêu hình II. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI 1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin 2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin 3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp **Học ngoài lớp**: - Phác thảo nội dung thuyết trình nhóm GHW - Đọc trước tài liệu chương 2.	Thi giữa kỳ (Quiz)
3 (15 tiết)	**Chương 2** CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	LO.2 LO.4 LO.5	**Dạy**: I. VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC 1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất 2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức 3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức II. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT 1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật 2. Nội dung của phép biện chứng duy	Thi giữa kỳ (Quiz) Thi cuối kỳ (FEX)

			vật III. LÝ LUẬN NHẬN THỨC 1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng 2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức 3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức 4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức 5. Chân lý **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp **Học ngoài lớp**: Đọc trước tài liệu chương 3	
4 (14 tiết)	**Chương 3** CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ	LO.3 LO.4 LO.5	**Dạy**: I. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI 1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội 2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất 3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội 4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên II. GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC 160 1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp 2. Dân tộc 3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại III. NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI 1. Nhà nước 2. Cách mạng xã hội IV. Ý THỨC XÃ HỘI 1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội V. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI 1. Khái niệm con người và bản chất con người 2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người 3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử 4. Vấn đề con người trong sự nghiệp	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)

			cách mạng ở Việt Nam **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp **Học ngoài lớp**: Hoàn thiện bài thuyết trình	

7. Đánh giá môn học

STT	Mã	Tên	Mô tả	Tỷ trọng	Hình thức	LO
1	GHW	Thuyết trình nhóm	Thuyết trình nhóm về đề tài đã phân công	15%	Thuyết trình và bản báo cáo nhóm	LO.2 LO.3 LO.4 LO.5
2	Quiz	Bài thi giữa kỳ	Thi theo đề thi chung	20%	Tự luận đề mở	LO.1 LO.2;
3	DIC	Thảo luận, chuyên cần tại lớp (Discussion in Class)	Điểm thảo luận được tính theo phương pháp tương đối. SV có số lần thảo luận tại lớp nhiều nhất sẽ được điểm tối đa, điểm của các bạn khác được tính dựa theo bạn có số lần thảo luận cao nhất.	15%	Phát biểu/đặt câu hỏi trên lớp hoặc phiếu trả lời trong các nghiên cứu tình huống tại lớp	LO.4 LO.5
4	FEX	Thi cuối kỳ	Đề thi bao quát toàn bộ nội dung môn học	50%	Tự luận đề đóng	LO.2; LO.3; LO.4;
			Tổng cộng	**100%**		

8. Tiêu chí đánh giá chuẩn đầu ra môn học

TT	Chuẩn đầu ra	Nội dung	Phương pháp	Tiêu chí đánh giá
LO.1	Nhận biết được sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học; vai trò của triết học Mác - Lênin	Chương 1	Thi giữa kỳ (Quiz)	Ngân hàng đề thi của GV

LO.2 LO.4	Nắm rõ nội dung: Vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa chúng; các nguyên lý, các quy luật và các phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật	Chương 2	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm Ngân hàng đề thi của GV
LO.3 LO.4	Nhận biết và nắm được nội dung của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Chương 3	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của GV

9. Một số lưu ý khác:

- Khi có các thắc mắc liên quan môn học, sinh viên có thể liên lạc với quản lý Bộ môn Hồ Chí Minh học & Lịch sử Đảng và Khoa Chính trị - Hành chính qua email: daotao.spas@vnuhcm.edu.vn

- Quy định về Bài thuyết trình nhóm GHW

Thành lập nhóm: 5 sinh viên/nhóm. Hạn chót đăng ký đề tài nhóm Quản lý trên forum là Buổi 2 hoặc trực tiếp nộp cho GV buổi 1.

Tuần 4 (buổi thứ 4) thuyết trình theo thứ tự. Lưu ý các nhóm cần có mặt đủ và mang theo tất cả các tài liệu liên quan đến GHW khi đi thuyết trình.

Hình thức nộp bài: Nộp file và biên bản làm việc nhóm qua mail cho GV

- Quy định về giờ giấc, chuyên cần, kỷ luật trong khóa học: Lên lớp đúng giờ, dự tối thiểu 80% thời gian học trên lớp (chỉ được phép vắng mặt tối đa 20% số tiết học). Nếu vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi theo quy chế. Có đầy đủ điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc học phần & nhiệt tình thảo luận, phát biểu xây dựng bài, nghiêm túc trong giờ học.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2020

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KHOA CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

TS. Nguyễn Đình Quốc Cường

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐẠI HỌC QUỐC TẾ
KHOA KINH TẾ, TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

PE016IU - KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

Kinh tế chính trị Mác-Lênin
(Marxist – Leninist Political Economy)

1. Thông tin chung

Tên môn học (tiếng Việt):	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
Tên môn học (tiếng Anh):	Marxist – Leninist Political Economy
Mã số môn học:	PE016IU
Thuộc khối kiến thức:	Cơ sở
Số tín chỉ:	2
Số tiết lý thuyết:	*20 (trên lớp)*
Số tiết thực hành:	*10 (trên lớp)*
Số tiết tự học:	*60 (về nhà)*
Môn học song hành:	1. Triết học Mác - Lênin
Giảng viên phụ trách:	Khoa Chính trị - Hành chính, ĐHQG-HCM

2. Mục đích/mục tiêu môn học (Course Purposes/Aims)

2.1. Một là, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông khắc phục trùng lắp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với sinh viên các trường Cao đẳng, Đại học không chuyên lý luận.

2.2. Hai là, trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

2.3. Ba là, góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lê nin đối với sinh viên.

3. Mô tả môn học (Course Outlines)

Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lê nin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.

4. Tài liệu phục vụ học tập:

- Tài liệu bắt buộc: Giáo trình kinh tế chính trị Mác – Lê nin dành cho bậc đại học không chuyên kinh tế chính trị.
- Tài liệu đọc thêm::

+ Robert, JR và Robert F. Hebert (2003), Lịch sử các học thuyết kinh tế, Bản tiếng Việt, Nxb Thống kê.

+ Viện Kinh tế chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lê nin, NXB Lý luận Chính trị.

+ Các. Mác – Ph. Ăng gen: Toàn tập, tập 20, tập 23, tập 25, Nxb Chính trị quốc gia, 1994.

+ V.I.Lê nin toàn cập, tập 3, tập 27, NXB Tiến bộ Maxcơva, 1976.

+ Davig Begg, Stanley Fisher, Rudiger Dornbusch, Kinh tế học, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội 1992.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận – thực tiễn qua ba mươi năm đổi mới (1986 – 2016), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 về: "Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"

+ Chỉ thị số 16/CT-TTg (2017) "về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4".

+ Jeremy Rifkin (2014), Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba, bản dịch tiếng Việt, NXB Lao động xã hội.

+ Manfred B. Steger (2011), Toàn cầu hóa, Nxb Tri thức.

+ Klaus Schwab (2015): Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, 2018.

5. Chuẩn đầu ra môn học (Course Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra	Mô tả	Tiêu chí đánh giá	Mục tiêu môn học	Chuẩn đầu ra CDIO CTĐT	Mức độ giảng dạy (I/T/U)
5.1. Kiến thức					
LO.1	ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN	LO.1.1 –Nắm được sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2.1		I3
		LO.1.2 – Xác định được đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin.			
		LO.1.3 – Hiểu rõ được phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin			
		LO.1.4 – Hiểu rõ các chức năng của môn học kinh tế chính trị Mác – Lênin.			
LO.2	HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG.	LO.2.1- Hiểu rõ sản xuất hàng hóa và điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa	2.1		T4
		LO.2.2 – Hiểu rõ hàng hóa, hai thuộc tính của hàng hóa và mối quan hệ giữa hai thuộc tính			
		LO.2.3 – Hiểu rõ mối quan hệ giữa tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa với hai thuộc tính của hàng hóa			
		LO.2.4 – Hiểu rõ mặt chất và lượng của giá trị hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa			
		LO.2.5 – Hiểu rõ được nguồn gốc, bản chất và chức năng của tiền tệ.			
		LO.2.6 – Hiểu rõ về thị trường, vai trò của thi trường, cơ chế thị trường và nền kinh tế thị trường.			

		LO.2.7 - Hiểu rõ được một số quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường.			
		LO.2.8 - Hiểu rõ vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.			
LO.3	GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	LO.3.1 – Hiểu rõ được tư bản là gì, công thức chung của tư bản và mâu thuẫn công thức chung của tư bản.	2.1		T4
		LO.3.2 - Hiểu rõ được hàng hóa sức lao động là gì, tại sao nghiên cứu hàng hóa sức lao động giải quyết mâu thuẫn công thức chung của tư bản	2.1		
		LO.3.3 - Hiểu rõ được giá trị thặng dư là gì. Xác định được có mấy phương pháp sản xuất giá trị thặng dư.	2.1 2.3		
		LO.3.4 - Hiểu rõ được bản chất của tích lũy tư bản, nhưng nhân tố làm tăng quy mô tích lũy tư bản và hệ quả của tích lũy tư bản.	2.3		
		LO.3.5 - Hiểu rõ được các khái niệm: chi phí sản xuất, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, lợi nhuận bình quân, lợi nhuận thương nghiệp, các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận.	2.1		
		LO.3.6 - Hiểu rõ được lợi tức là gì.	2.1		
		LO.3.7 - Hiểu rõ được địa tô tư bản chủ nghĩa. Có mấy loại địa tô tư bản chủ nghĩa và giá cả ruộng đất.	2.1 2.3		
		LO.4.1 – Hiểu rõ được quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	2.1		

LO.4	CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	LO.4.2 - Hiểu rõ được nguyên nhân hình thành độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	2.1.		T3
		LO.4.3 - Hiểu rõ được những đặc điểm kinh tế cơ bản của độc quyền trong chủ nghĩa tư bản theo quan điểm của V.I. Lênin	2.1		
		LO.4.4 - Hiểu rõ được nguyên nhân hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.	2.1		
		LO.4.5 - Hiểu rõ được bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước và những biểu hiện chủ yếu của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản.	2.3		
		LO.4.6 – Nắm được vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản.	2.1		
LO.5	KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM	LO.5.1 – Hiểu rõ được khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	2.1		T4
		LO.5.2 - Hiểu rõ được tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	2.1		
		LO.5.3 – Nắm được những đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.	2.1		
		LO.5.4 – Hiểu rõ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là gì và sự cần thiết phải hoàn thiện nó.	2.1		
		LO.5.5 – Nắm được những nội dung cơ bản của hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	2.1		
		LO.5.6 – Hiểu rõ được khái niệm lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế	2.2		
		LO.5.7 –Hiểu rõ được vai trò của nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích	2.1		
		LO.6.1 – Hiểu rõ được cách mạng công nghiệp là gì, khái quát được các cuộc cách mạng đã diễn ra trong lịch sử.	2.1		T4
		LO.6.2 - Hiểu rõ vai trò của cách mạng công nghiệp đối với sự phát	2.1		

LO.6	CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM	triển. LO.6.3 – Hiểu được công nghiệp hóa là gì và các mô hình công nghiệp hóa tiêu biểu trên thế giới. LO.6.4 – Hiểu rõ tính tất yếu khách quan của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. LO.6.5 – Nắm được những nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. LO.6.6 – Nắm được công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. LO.6.7 – Hiểu rõ được hội nhập kinh tế quốc tế là gì. Vì sao hội nhập kinh tế quốc tế là sự cần thiết khách quan. LO.6.8 – Nắm được những nội dung và tác động tích cực và tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế. LO.6.9 – Nắm được phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam	2.1 2.1 2.1 2.3 2.1 2.3 2.3		
5.2. Kỹ năng					
LO.7	THỂ HIỆN KHẢ NĂNG KHÁI QUÁT HÓA, TƯ DUY, TRANH LUẬN, PHẢN BIỆN, LÀM VIỆC NHÓM	LO.7.1. Có kỹ năng khái quát hóa để rút ra *Từ khóa tri thức* đối với mỗi nội dung và tư duy có hệ thống LO.7.2. Có kỹ năng trình bày, thuyết minh, phản biện, tranh luận, hùng biện những tri thức lý luận đang học tập, nghiên cứu dựa trên thực tiễn LO.7.3. Có kỹ năng giao tiếp xã hội, hợp tác và làm việc nhóm, chia sẻ tri thức và kinh nghiệm, khả năng điều hành nhóm làm việc	2.1 2.2 2.4		U4
5.3. Thái độ					
LO.8	THỂ HIỆN Ý THỨC, NHẬN THỨC TRONG VÀ SAU KHI HỌC TẬP	LO.8.1. Có ý thức trách nhiệm bảo vệ tính khoa học, cách mạng, nhân văn của CN Mác – Lênin LO.8.2. Có ý thức, trách nhiệm cá nhân đối với tập thể, cộng đồng LO.8.3. Có nhận thức về sự cần thiết học tập, nghiên cứu suốt đời và vận	2.1 2.2 2.3		U3

		dụng nó trong cuộc sống.			

6. Kế hoạch giảng dạy theo buổi học (Course Plan):

TT (tiết)	Nội dung giảng dạy	LO	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
1 (1 tiết)	Giới thiệu về môn học	LO.1, LO.7;	**Dạy**: - Tự giới thiệu về giảng viên - Giới thiệu đề cương và tài liệu môn học - Hướng dẫn cách thức dạy và học và cách đánh giá. - Giới thiệu nội dung đề tài thuyết trình nhóm GHW) **Học ở lớp**: - Chia nhóm (5 SV/nhóm) - Giới thiệu nhóm học tập **Học ngoài lớp**: -Chọn đề tài thuyết trình của nhóm (GHW) - Đọc trước tài liệu chương 1.	
2 (2 tiết)	**Chương 1** ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN	LO.1; LO.7 LO.8	**Dạy**: I. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA KTCT MÁC – LÊNIN 1. Giai đoạn từ cổ đại đến thế kỷ 18 2. Giai đoạn từ sau thế kỷ 18 đến nay II. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN. 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Mục đích nghiên cứu III. CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN. 1. Chức năng nhận thức 2. Chức năng thực tiễn 3. Chức năng tư tưởng 4. Chức năng phương pháp luận **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp. **Học ngoài lớp**: - Phác thảo nội dung thuyết trình nhóm	Thi giữa kỳ (Quiz)

			GHW - Đọc trước tài liệu chương 2.	
3 (6 tiết)	**Chương 2** HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG.	LO.2 LO.7 LO.8	**Dạy**: I. LÝ LUẬN CỦA CÁC MÁC VỀ SẢN XUẤT HÀNG HÓA VÀ HÀNG HÓA. 1. Sản xuất hàng hóa -Khái niệm sản xuất hàng hóa - Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa. 2. Hàng hóa - Khái niệm hàng hóa - Hai thuộc tính của hàng hóa - Lượng giá trị và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa - Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa. 3. Tiền - Nguồn gốc và bản chất của tiền - Chức năng của tiền 4. Dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt. II. THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG. 1. Thị trường - Khái niệm về thị trường - Vai trò của thị trường. - Cơ chế thị trường - Nền kinh tế thị trường. 2. Vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. - Người sản xuất. - Người tiêu dùng. - Các chủ thể trung gian trong thị trường. - Nhà nước. **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp **Học ngoài lớp**: Đọc trước tài liệu chương 3	Thi giữa kỳ (Quiz) Thi cuối kỳ (FEX)
4 (6 tiết)	**Chương 3** GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	LO.3 LO.7 LO.8	**Dạy**: I. LÝ LUẬN CỦA CÁC MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ. 1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư 2. Bản chất của giá trị thặng dư 3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. II. TÍCH LŨY TƯ BẢN. - Bản chất của tích lũy tư bản - Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy.	Thi giữa kỳ (Quiz) Thi cuối kỳ (FEX)

			- Một số hệ quả của tích lũy tư bản. III. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG. 1. Lợi nhuận 2. Lợi tức 3. Địa tô tư bản chủ nghĩa **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp **Học ngoài lớp**: Hoàn thiện bài thuyết trình Đọc trước tài liệu chương 4	
5 (5 tiết)	**Chương 4** CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	LO.4 LO.7 LO.8	**Dạy**: I. QUAN HỆ GIỮA CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG. II. ĐỘC QUYỀN VÀ ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG. 1. Lý luận của V.I. Lênin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường. - Nguyên nhân hình thành và tác động của độc quyền. - Những đặc điểm kinh tế cơ bản của độc quyền trong chủ nghĩa tư bản 2. Lý luận của V.I. Lê nin về độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản. - Nguyên nhân ra đời và phát triển của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản. - Bản chất của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản.. - Những biểu hiện chủ yếu của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản. - Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản. **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp **Học ngoài lớp**: Đọc trước tài liệu chương 5	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)
6 (5 tiết)	**Chương 5** KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM	LO.5 LO.7 LO.8	**Dạy**: I. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM 1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. II. HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)

			THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM. 1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam một số khía cạnh chủ yếu. III. CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM. 1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế. 2.Vai trò của nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp **Học ngoài lớp**: Hoàn thiện bài thuyết trình Đọc trước tài liệu chương 6	
7 (5 tiết)	**Chương 6** CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM	LO.6 LO.7 LO.8	**Dạy**: I. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM. 1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa. - Khái quát về cách mạng công nghiệp - Công nghiệp hóa và các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới 2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. - Tính tất yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. - Nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. 3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4. II. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM. 1. Khái niệm và các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế. - Khái niệm và sự cần thiết khách quan của hội nhập kinh tế quốc tế. - Những nội dung của hội nhập kinh tế quốc tế 2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam. - Tác động tích cực. - Tác động tiêu cực 3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)

			Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp **Học ngoài lớp**: Hoàn thiện bài thuyết trình.	

7. Đánh giá môn học

STT	Mã	Tên	Mô tả	Tỷ trọng	Hình thức	LO
1	GHW	Thuyết trình nhóm	Thuyết trình nhóm về đề tài đã phân công	15%	Thuyết trình và bản báo cáo nhóm	LO.4 LO.5 LO6 LO.7 LO.8
2	Quiz	Bài thi giữa kỳ	Thi theo đề thi chung	20%	Tự luận đề mở	LO.2 LO.3
3	DIC	Thảo luận, chuyên cần tại lớp (Discussion in Class)	Điểm thảo luận được tính theo phương pháp tương đối. SV có số lần thảo luận tại lớp nhiều nhất sẽ được điểm tối đa, điểm của các bạn khác được tính dựa theo bạn có số lần thảo luận cao nhất.	15%	Phát biểu/đặt câu hỏi trên lớp hoặc phiếu trả lời trong các nghiên cứu tình huống tại lớp	LO.7 LO.8
4	FEX	Thi cuối kỳ	Đề thi bao quát toàn bộ nội dung môn học	50%	Tự luận đề đóng	LO.2 LO.3 LO.4 LO.5 LO.6 LO.7 LO.8
			Tổng cộng	**100%**		

8. Tiêu chí đánh giá chuẩn đầu ra môn học

TT	Chuẩn đầu ra	Nội dung	Phương pháp	Tiêu chí đánh giá

LO.1	Nhận biết được vị trí của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong hệ thống lịch sử tư tưởng kinh tế và nắm được đối tượng, phương pháp và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin.	Chương 1	Thi giữa kỳ (Quiz)	Ngân hàng đề thi của GV
LO.2 LO.7	Nắm rõ nội dung: sản xuất hàng hóa, điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa, khái niệm hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa, chất và lượng của giá trị hàng hóa, mối quan hệ giữa tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa với hai thuộc tính của hàng hóa, các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa, nguồn gốc ra đời, bản chất và chức năng của tiền. Thị trường, cơ chế thị trường, nền kinh tế thị trường và vai trò các chủ thể tham gia thị trường	Chương 2	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm Ngân hàng đề thi của GV
LO.3 LO.7	Hiểu rõ và nắm được những nội dung: tư bản là gì?. Công thức chung và mâu thuẫn công thức chung của tư bản. Hàng hóa sức lao động và tính chất đặc biệt của giá trị sử dụng hàng hóa sức lao động. Giá trị thặng dư và hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư. Tích lũy tư bản và những nhân tố làm tăng quy mô tích lũy. Các khái niệm về chi phí sản xuất, lợi nhuận, lợi tức và địa tô tư bản chủ nghĩa	Chương 3	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của GV
LO.4 LO.7	Hiểu rõ và nắm được những nội dung: quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Tổ chức độc quyền là gì?, nguyên nhân hình thành các tổ chức độc quyền. Những đặc điểm kinh tế cơ bản của độc quyền theo quan điểm của V.I. Lênin. Lý luận về độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản. Vai trò lịch sử	Chương 4	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của GV

	của chủ nghĩa tư bản.			
LO.5 LO.7	Hiểu rõ và nắm được những nội dung: kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, những đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế. Vai trò của nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích.	Chương 5	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của GV
LO.6 LO.7	Hiểu rõ và nắm được những nội dung: cách mạng công nghiệp là gì? Vai trò của cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển. Công nghiệp hóa là gì?. Các mô hình công nghiệp hóa tiêu biểu trên thế giới. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam là gì. Tính tất yếu khách quan phải công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Hội nhập kinh tế quốc tế là gì, sự cần thiết khách quan phải hội nhập kinh tế quốc tế. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.	Chương 6	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của GV

9. Một số lưu ý khác:

- Khi có các thắc mắc liên quan môn học, sinh viên có thể liên lạc với giảng viên qua email: lethong0804@gmail.com
- Quy định về Bài thuyết trình nhóm GHW

Thành lập nhóm: 5 sinh viên/nhóm. Hạn chót đăng ký đề tài nhóm Quản lý trên forum là Buổi 2 hoặc trực tiếp nộp cho GV buổi 1.

Tuần 4 (buổi thứ 4) thuyết trình theo thứ tự. Lưu ý các nhóm cần có mặt đủ và mang theo tất cả các tài liệu liên quan đến GHW khi đi thuyết trình.

Hình thức nộp bài: Nộp file và biên bản làm việc nhóm qua mail cho GV

- Quy định về giờ giấc, chuyên cần, kỷ luật trong khóa học: Lên lớp đúng giờ, dự tối thiểu 80% thời gian học trên lớp (chỉ được phép vắng mặt tối đa 20% số tiết học). Nếu vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi theo quy chế. Có đầy đủ điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc học phần & nhiệt tình thảo luận, phát biểu xây dựng bài, nghiêm túc trong giờ học.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2020

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KHOA CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

TS. Nguyễn Đình Quốc Cường

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐẠI HỌC QUỐC TẾ
KHOA KINH TẾ, TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

PE017IU - CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

Chủ nghĩa xã hội khoa học
(Scientific socialism)

1. Thông tin chung

Tên môn học (tiếng Việt):	Chủ nghĩa xã hội khoa học
Tên môn học (tiếng Anh):	Scientific socialism
Mã số môn học:	PE017IU
Thuộc khối kiến thức:	Cơ sở
Số tín chỉ:	2
Số tiết lý thuyết:	*30 (trên lớp)*
Số tiết thực hành:	
Số tiết tự học:	*6 0 (về nhà)*
Môn học trước:	1. Kinh tế chính trị Mác – Lênin, 2. Triết học Mác - Lênin
Giảng viên phụ trách	Khoa Chính trị - Hành chính, ĐHQG-HCM

2. Mục đích/mục tiêu môn học (Course Purposes/Aims)

2.1. Môn học trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học (một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin).

2.2. Giúp cho sinh viên vận dụng những tri thức cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.

3. Mô tả môn học (Course Outlines)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học

4. Tài liệu phục vụ học tập:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của chủ*

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Hội đồng Trung ương (2008), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Chuẩn đầu ra môn học (Course Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra	Mô tả	Tiêu chí đánh giá	Mục tiêu môn học	Chuẩn đầu ra CDIO CTĐT	Mức độ giảng dạy (I/T/U)
5.1. Kiến thức					
LO.1	NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	LO.1.1 - Khái lược sự ra đời Chủ nghĩa xã hội khoa học, hoàn cảnh lịch sử và vai trò của Các Mác và Ph. Ăngghen, LO.1.2 – Nhận biết được các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học thể hiện qua các tác phẩm tiêu biểu từ giai đoạn C. Mác đến giai đoạn Lênin và sau Lênin LO.1.3 – Nắm rõ được đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.1	1.1.3	I3
LO.2	SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN	LO.2.1- Hiểu rõ khái niệm giai cấp công nhân và đặc điểm của giai cấp công nhân LO.2.2 – Nắm rõ nội dung, đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân LO.2.3 – Giải thích được những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân LO.2.4 – Phân tích được những điểm tương đồng và khác biệt của giai cấp công nhân hiện nay và việc thực hiện sứ mệnh của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay LO.2.5 – Nắm rõ những đặc điểm cơ bản của giai cấp công nhân Việt Nam và nội dung sứ mệnh	2.1 2.1 2.1 2.1 2.1 2.2	1.1.3	T4

		lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay	2.1 2.2		
		LO.2.6 – Trình bày được phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.			
LO.3	CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.3.1 - Hiểu rõ Chủ nghĩa xã hội là giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội công sản chủ nghĩa	2.1	1.1.3	I3
		LO.3.2 – Trình bày được những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội			
		LO.3.3 – Giải thích được tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và những đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội			
		LO.3.4 – Hiểu rõ đặc trưng của thời kỳ quá độ và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, trình bày được những phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Viêt Nam hiện nay			
LO.4	DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	LO.4.1 – Giải thích được quan niệm về dân chủ và sự ra đời và phát triển của dân chủ trong lịch sử xã hội loài người	2.1	1.1.3	T4
		LO.4.2 – Nắm rõ quá trình ra đời và bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa	2.1		
		LO.4.3 – Hiểu được sự ra đời, bản chất và chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng như mối quan hệ giữa dân chủ và nhà nước	2.1		
		LO.4.4 – Hiểu được sự ra đời, phát triển và bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghãi ở Việt Nam	2.1		
		LO.4.5 – Trình bày được đặc điểm và các giải pháp cơ bản	2.2		

		nhằm xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay			
LO.5	CƠ CẤU XÃ HỘI GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.5.1 - Trình bày được khái niệm cơ cấu xã hội - giai cấp và sự biến đổi của cơ cấu xã hội giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội LO.5.2 – Giải thích được tính tất yếu và nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội LO.5.3 – Hiểu rõ cơ cấu xã hội - giai cấp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ và trình bày được những giải pháp cơ bản nhằm xây dựng, phát triển khối liên minh giai cấp, tầng lớp xã hội ở Việt Nam hiện nay	2.1	1.1.3	I3
LO.6	VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.6.1- Hiểu rõ khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc và quan điểm của chủ nghĩa Mác - Leenin về vấn đề dân tộc LO.6.2 – Trình bày được những đặc điểm cơ bản của dân tộc ở Việt Nam và quan điểm chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam LO.6.3 – Hiểu được bản chất, nguồn gốc, tính chất của tôn giáo và nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội LO.6.4 – Giải thích được những đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam và chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng tôn	2.1 2.1 2.1 2.1 2.1 2.2	1.1.3	T4

		giáo hiện nay	2.1 2.2		
		LO.6.5 – Hiểu rõ được đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam và trình bày được các định hướng cơ bản nhằm giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay			
LO.7	VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.7.1 - Khái lược được vị trí, chức năng và vai trò của gia đình trong xã hội LO.7.2 – Nhận biết được các cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội LO.1.3 – Giải thích được sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ và trình bày được những phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2.1	1.1.3	I3
5.2. Kỹ năng					
LO.8	THỂ HIỆN KHẢ NĂNG KHÁI QUÁT HÓA, TƯ DUY, TRANH LUẬN, PHẢN BIỆN, LÀM VIỆC NHÓM	LO.8.1. Có kỹ năng khái quát hóa để rút ra *Từ khóa tri thức* đối với mỗi nội dung và tư duy có hệ thống LO.8.2. Có kỹ năng trình bày, thuyết minh, phản biện, tranh luận, hùng biện những tri thức lý luận đang học tập, nghiên cứu dựa trên thực tiễn LO.8.3. Có kỹ năng giao tiếp xã hội, hợp tác và làm việc nhóm, chia sẻ tri thức và kinh nghiệm, khả năng điều hành nhóm làm việc	2.1 2.2	2.1.1 2.3.1 2.4.4 2.5 3.1.5	U4

5.3. Thái độ					
LO.9	THỂ HIỆN Ý THỨC, NHẬN THỨC TRONG VA SAU KHI HỌC TẬP	LO.9.1. Có ý thức trách nhiệm bảo vệ tính khoa học, cách mạng trong lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. LO.9.2. Có ý thức, trách nhiệm cá nhân đối với tập thể, cộng đồng. LO.9.3. Có nhận thức về sự cần thiết học tập, nghiên cứu suốt đời và vận dụng nó trong cuộc sống.	2.1 2.2	3.1	U3

6. Kế hoạch giảng dạy theo buổi học (Course Plan):

TT (tiết)	Nội dung giảng dạy	LO	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
1 (1 tiết)	**Giới thiệu về môn học**	LO.1, LO.4;	**Dạy**: - Giới thiệu đề cương môn học - Giới thiệu nội dung đề tài thuyết trình nhóm GHW) **Học ở lớp**: - Chia nhóm (5 SV/nhóm) - Giới thiệu nhóm học tập **Học ngoài lớp**: -Chọn đề tài thuyết trình của nhóm (GHW) - Đọc trước tài liệu chương 1.	
2	**Chương 1** NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	LO.1; LO.4 LO.5	**Dạy**: 1. SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC 11.. Hoàn cảnh lịch sử sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học 1.2. Vai trò của C. Mác và Ăngghen 2. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC 2.1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học 2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới 2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi Lênin qua đời đến nay 3. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC 3.1. Đối tượng nghiên cứu của chủ	Thi giữa kỳ (Quiz)

			nghĩa xã hội khoa học 3.2. Phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học 3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp **Học ngoài lớp**: - Phác thảo nội dung thuyết trình nhóm GHW - Đọc trước tài liệu chương 2.	
3	**Chương 2** SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN	LO.2 LO.4 LO.5	**Dạy**: 1. QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LEENIN VỀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ SỨ MỆNH LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN 1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân 1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2. GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ VIỆC THỰC HIỆN SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN HIỆN NAY 2.1. Giai cấp công nhân hiện nay 2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay 3. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM 3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam 3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay 3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp **Học ngoài lớp**: Đọc trước tài liệu chương 3	Thi giữa kỳ (Quiz)
4	**Chương 3** CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.3 LO.4 LO.5	**Dạy**: 1. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa 1.2. Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội 1.3. Những đặt trưng cơ bản của chủ	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi giữa

			nghĩa xã hội 2. THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3. QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM 3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa 3.2. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp **Học ngoài lớp**: Đọc trước tài liệu chương 4	kỳ (Quiz)
5	**Chương 4** DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	LO.2 LO.4 LO.5	**Dạy**: 1. DÂN CHỦ VÀ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA 1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ 1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa 2. NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA 2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa 2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa 3. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM 3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp **Học ngoài lớp**: Đọc trước tài liệu chương 5	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)
6	**Chương 5** CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ	LO.3 LO.4 LO.5	**Dạy**: 1. CƠ CẤU XÃ HỘI GIAI CẤP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã	Thuyết trình nhóm (GHW)

	ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI		hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội 1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2. LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 3. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM 3.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp **Học ngoài lớp**: Đọc trước tài liệu chương 6	Thi cuối kỳ (FEX)
7	**Chương 6** VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.2 LO.4 LO.5	**Dạy**: 1. DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc 1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam 2. TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 2.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo 2.2.Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay 3. QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM 3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay 3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp **Học ngoài lớp**: Đọc trước tài liệu chương 7	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)
8	**Chương 7**	LO.2	**Dạy**:	Thuyết

	VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.4 LO.5	1. KHÁI NIỆM, VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG CỦA GIA ĐÌNH 1.1. Khái niệm gia đình 1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội 1.3. Chức năng cơ bản của gia đình 2. CƠ SỞ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội 2.2.Cơ sở chính trị - xã hội 2.3. Cơ sở văn hóa 3. XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 3.1. Sự biến đổi gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp **Học ngoài lớp**: Hoàn thiện bài thuyết trình	trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)

7. Đánh giá môn học

STT	Mã	Tên	Mô tả	Tỷ trọng	Hình thức	LO
1	GHW	Thuyết trình nhóm	Thuyết trình nhóm về đề tài đã phân công	15%	Thuyết trình và bản báo cáo nhóm	LO.3 LO.4 LO.5 LO.6 LO.7
2	Quiz	Bài thi giữa kỳ	Thi theo đề thi của GV	20%	Tự luận đề mở	LO.1 LO.2 LO.3
3	DIC	Thảo luận, chuyên cần tại lớp (Discussion in Class)	Điểm thảo luận được tính theo phương pháp tương đối. SV có số lần thảo luận tại lớp nhiều nhất sẽ được điểm tối đa, điểm của các bạn khác được tính dựa theo bạn có số lần thảo luận cao nhất.	15%	Phát biểu/đặt câu hỏi trên lớp hoặc phiếu trả lời trong các nghiên cứu tình huống tại lớp	LO.3 LO.4 LO.5 LO.6 LO.7
4	FEX	Thi cuối kỳ	Đề thi bao quát toàn bộ nội dung môn học	50%	Tự luận đề đóng	LO.3 LO.4 LO.5 LO.6 LO.7

			Tổng cộng	**100%**		

8. Tiêu chí đánh giá chuẩn đầu ra môn học

TT	Chuẩn đầu ra	Nội dung	Phương pháp	Tiêu chí đánh giá
LO.1	Nhận biết quá trình ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học và các giai đoạn phát triển cơ bản	Chương 1	Thi giữa kỳ (Quiz)	Ngân hàng đề thi của GV
LO.2 LO.4	Nắm rõ nội dung: quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân, nội dung, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh đó trong bối cảnh hiện nay	Chương 2	Thi giữa kỳ (Quiz)	Ngân hàng đề thi của GV
LO.3 LO.4	Nhận biết và nắm được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - lênin về chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vào điều kiện cụ thể của Việt Nam	Chương 3	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi giữa kỳ (Quiz)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của GV
LO.3 LO.4	Nhận biết và nắm được bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa nói chung và ở Việt Nam nói riêng	Chương 4	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của Khoa
LO.3 LO.4	Nhận biết và nắm được những kiến thức nền tảng về cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá	Chương 5	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp

	độ lên chủ nghĩa xã hội			Ngân hàng đề thi của Khoa
LO.3 LO.4	Nhận biết và nắm được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc, tôn giáo, mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo, tầm quan trọng của vấn đề dân tộc, tôn giáo và nội dung chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam	Chương 6	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của Khoa
LO.3 LO.4	Nhận biết và nắm được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội hiện nay.	Chương 7	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của Khoa

9. Một số lưu ý khác:

- Khi có các thắc mắc liên quan môn học, sinh viên có thể liên lạc với quản lý Bộ môn Hồ Chí Minh học & Lịch sử Đảng và Khoa Chính trị - Hành chính qua email: daotao.spas@vnuhcm.edu.vn
- Quy định về Bài thuyết trình nhóm GHW

  Thành lập nhóm: 5 sinh viên/nhóm. Hạn chót đăng ký đề tài nhóm Quản lý trên forum là Buổi 2 hoặc trực tiếp nộp cho GV buổi 1.

  Giảng dạy kết thúc chương 3, các nhóm thuyết trình theo thứ tự. Lưu ý các nhóm cần có mặt đủ và mang theo tất cả các tài liệu liên quan đến GHW khi đi thuyết trình.

  Hình thức nộp bài: Nộp file và biên bản làm việc nhóm qua mail cho GV
- Quy định về giờ giấc, chuyên cần, kỷ luật trong khóa học: Lên lớp đúng giờ, dự tối

thiểu 80% thời gian học trên lớp (chỉ được phép vắng mặt tối đa 20% số tiết học). Nếu vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi theo quy chế. Có đầy đủ điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc học phần & nhiệt tình thảo luận, phát biểu xây dựng bài, nghiêm túc trong giờ học.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2019

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA
CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

TS. Nguyễn Đình Quốc Cường

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐẠI HỌC QUỐC TẾ
KHOA KINH TẾ, TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

PE018IU - LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

(History of Vietnamese communist party)

1. Thông tin chung

Tên môn học (tiếng Việt):	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
Tên môn học (tiếng Anh):	History of Vietnamese communist party
Mã số môn học:	PE018IU
Thuộc khối kiến thức:	Cơ sở
Số tín chỉ:	2
Số tiết lý thuyết:	*20 (trên lớp)*
Số tiết thực hành:	*10 (trên lớp)*
Số tiết tự học:	*90 (về nhà)*
Môn học trước:	1. Triết học Mác – Lênin, 2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin, 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học
Giảng viên phụ trách	Khoa Chính trị - Hành chính, ĐHQG-HCM

2. Mục đích/mục tiêu môn học (Course Purposes/Aims)

2.1. Về nội dung: cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

2.2. Về tư tưởng: Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin đối với sự nghiệp lãnh đạo của Đảng.

2.3. Về kỹ năng: Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.

3. Mô tả môn học (Course Outlines)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

4. Tài liệu phục vụ học tập:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Chương trình môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam,* ban hành 2019.

- Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tái bản có sửa chữa, bổ sung)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Chuẩn đầu ra môn học (Course Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra	Mô tả	Tiêu chí đánh giá	Mục tiêu môn học	Chuẩn đầu ra CDIO CTĐT	Mức độ giảng dạy (I/T/U)
5.1. Kiến thức					
LO.1	NHẬP MÔN ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	LO.1.1 – Nắm rõ được đối tượng, mục đích học tập, nghiên cứu và một số yêu cầu cơ bản về phương pháp học tập, nghiên cứu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.1	1.1.3	I3
LO.2	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)	LO.2.1 – Nắm được bối cảnh lịch sử tác động đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam	2.1	1.1.3	T4
		LO.2.2 – Nắm được quá trình chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng của Nguyễn Ái Quốc	2.1		

		LO.2.3- Nắm được nội dung hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	2.1		
		LO.2.4 – Hiểu được ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	2.1		
		LO.2.5 – Nắm rõ các phong trào cách mạng 1930-1935 và các chủ trương khôi phục phong trào năm 1932-1935	2.1		
		LO.2.6 – Nắm rõ phong trào dân chủ năm 1936-1939			
		LO.2.7 – Nắm rõ phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945	2.1		
		LO.2.8 – Hiểu rõ tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945	2.1		
LO.3	ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)	LO.3.1 – Hiểu được chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946	2.1		
		LO.3.2 – Hiểu rõ Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946-1950	2.1	1.1.3	T4
		LO.3.3 – Hiểu rõ chủ trương Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950	2.1	1.1.3	T4
		LO.3.4 - Hiểu rõ được Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ			

		LO.3.5 – Nắm được quá trình lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965 của Đảng			
		LO.3.6 – Nắm vững sự lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975 của Đảng	2.1		
		LO.3.7 – Hiểu rõ Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975			
LO.4	ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975-2018)	LO.4.1 – Hiểu rõ chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981	2.1 2.2	1.1.3	T4
		LO.4.2 – Nắm rõ nội dung Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986			
		LO.4.3 – Nắm rõ quan điểm Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996 của Đảng			
		LO.4.4 – Nắm rõ thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới			
		LO.4.5 - Hiểu rõ những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng từ năm 1930 đến 2018	2.1 2.2		
		LO.4.6 - Hiểu rõ những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng từ năm 1930 đến 2018			
5.2. Kỹ năng					

LO.5	THỂ HIỆN KHẢ NĂNG KHÁI QUÁT HÓA, TƯ DUY, TRANH LUẬN, PHẢN BIỆN, LÀM VIỆC NHÓM	LO.5.1. Rèn luyện năng lực tư duy độc lập trong nghiên cứu đường lối, chiến lược, sách lược cách mạng của Đảng. LO.5.2. Có tư duy phê phán, kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá những vấn đề liên quan đến môn học. Từ đó, vận dụng kiến thức đã học để chủ động, tích cực nhận thức những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. LO.5.3 Có kỹ năng viết, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả nghiên cứu.	2.1 2.2 2.3	2.1.1 2.3.1 2.4.4 2.5 3.1.5	U4
5.3. Thái độ					
LO.6	THỂ HIỆN Ý THỨC, NHẬN THỨC TRONG VÀ SAU KHI HỌC TẬP	LO.6.1. Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam. LO.6.2. Quyết tâm phấn đấu thực hiện đường lối cách mạng của Đảng. LO.6.3. Có thái độ nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu khoa học, trong nhận thức về cuộc sống, xã hội, tự rèn luyện bản thân trở thành người có phẩm chất , bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, trình độ chuyên môn tốt; hình thành tình cảm, niềm tin vào con đường cách mạng mà dân tộc ta đã lựa chọn.	2.1 2.2 2.3	3.1	U3

6. Kế hoạch giảng dạy theo buổi học (Course Plan):

Buổi (3 tiết)	Nội dung giảng dạy	LO	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
1	**Giới thiệu về môn học**	LO.1, LO.5;	**Dạy**: - Giới thiệu đề cương môn học - Giới thiệu nội dung đề tài thuyết trình nhóm GHW) **Học ở lớp**: - Chia nhóm (5 SV/nhóm) - Giới thiệu nhóm học tập **Học ngoài lớp**: -Chọn đề tài thuyết trình của nhóm (GHW)	
2	**Chương nhập môn** ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	LO.1;	**Dạy**: I. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA MÔN HỌC LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Phạm vi nghiên cứu II. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA MÔN HỌC LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng 2. Nhiệm vụ của môn học III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 1. Phương pháp luận 2. Các phương pháp cụ thể **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp **Học ngoài lớp**: - Phác thảo nội dung thuyết trình nhóm GHW - Đọc trước tài liệu chương 1.	Thi giữa kỳ (Quiz)
3	**Chương 1** ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)	LO.2	**Dạy**: I. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG (THÁNG 2-1930) 1. Bối cảnh lịch sử 2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng 3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị	Thi giữa kỳ (Quiz) Thi cuối kỳ (FEX)

			đầu tiên của Đảng 4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam II. ĐẢNG LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945) 1. Phong trào cách mạng 1930-1935 và khôi phục phong trào 1932-1935 2. Phong trào dân chủ 1936-1939 3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp **Học ngoài lớp**: Đọc trước tài liệu chương 2	
4	**Chương 2** ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)	LO.3 LO.5	**Dạy**: I. ĐẢNG LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954) 1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946 2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946-1950 3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950 4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ **Dạy:** Chấm thuyết trình & phản biện **Học ở lớp**: Các nhóm thuyết trình tại lớp II. LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)

			CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC, GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954-1975) 1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965 2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975 3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975 **Học ngoài lớp**: Đọc trước tài liệu chương 2	
5	**Chương 3** ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975-2018)	LO.4 LO.5	**Dạy**: I. ĐẢNH LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975-1986) 1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981 2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986 **Dạy:** Chấm thuyết trình & phản biện **Học ở lớp**: Thảo luận tại lớp II. LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ (1986-2018) 1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996 2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996-2018 3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới TỔNG LUẬN	Thảo luận nhóm (DIC) Thi cuối kỳ (FEX)

			1. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam 2. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng **Học ngoài lớp**: Hoàn thiện bài thuyết trình	

7. Đánh giá môn học

STT	Mã	Tên	Mô tả	Tỷ trọng	Hình thức	LO
1	GHW	Thuyết trình nhóm	Thuyết trình nhóm về đề tài đã phân công	20%	Thuyết trình và bản báo cáo nhóm	LO.3 LO.4 LO.5
2	Quiz	Bài thi giữa kỳ	Thi theo đề thi chung	30%	Tự luận	LO.1 LO.2;
3	DIC	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class)	Điểm thảo luận được tính theo phương pháp tương đối. SV có số lần thảo luận tại lớp nhiều nhất sẽ được điểm tối đa, điểm của các bạn khác được tính dựa theo bạn có số lần thảo luận cao nhất.	Cộng tối đa 1 điểm vào bài thi cuối kỳ	Phát biểu/đặt câu hỏi trên lớp hoặc phiếu trả lời trong các nghiên cứu tình huống tại lớp	
4	FEX	Thi cuối kỳ	Đề thi bao quát toàn bộ nội dung môn học	50%	Trắc nghiệm	LO.2; LO.3; LO.4;
			Tổng cộng	**100%**		

8. Tiêu chí đánh giá chuẩn đầu ra môn học

TT	Chuẩn đầu ra	Nội dung	Phương pháp	Tiêu chí đánh giá
LO.1	- Nắm được đối tượng, mục đích học tập, nghiên cứu và một số yêu cầu cơ bản về phương pháp học tập, nghiên cứu	Chương nhập môn	Thi giữa kỳ (Quiz)	Ngân hàng đề thi của GV
LO.2	Hiểu rõ quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930),	Chương 1	Thi giữa kỳ (Quiz)	Ngân hàng đề thi của GV

	nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập, giành chính quyền (1930-1945)			
LO.3 LO.5	Nắm rõ quá trình lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước thời kỳ 1945-1975	Chương 2	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm Ngân hàng đề thi của GV
LO.4 LO.5	Hiểu được quá trình phát triển đường lối và sự lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ sau ngày thống nhất đất nước năm 1975 đến nay. Từ đó rút ra được những thắng lợi và những bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng.	Chương 3	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Ngân hàng đề thi của GV

9. Một số lưu ý khác:

- Khi có các thắc mắc liên quan môn học, sinh viên có thể liên lạc với quản lý Bộ môn Hồ Chí Minh học & Lịch sử Đảng và Khoa Chính trị - Hành chính qua email: daotao.spas@vnuhcm.edu.vn
- Quy định về Bài thuyết trình nhóm GHW

Thành lập nhóm: 5 sinh viên/nhóm. Hạn chót đăng ký đề tài nhóm Quản lý trên forum là Buổi 2.

Tuần 4 thuyết trình theo thứ tự. Lưu ý các nhóm cần có mặt đủ và mang theo tất cả các tài liệu liên quan đến GHW khi đi thuyết trình.

Hình thức nộp bài: Nộp file và biên bản làm việc nhóm qua mail cho GV

- Quy định về giờ giấc, chuyên cần, kỷ luật trong khóa học: Lên lớp đúng giờ, dự tối thiểu 80% thời gian học trên lớp (chỉ được phép vắng mặt tối đa 20% số tiết học). Nếu vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi theo quy chế. Có đầy đủ điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc học phần & nhiệt tình thảo luận, phát biểu xây dựng bài, nghiêm túc trong giờ học./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2020

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

TS. Nguyễn Đình Quốc Cường

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐẠI HỌC QUỐC TẾ
KHOA KINH TẾ, TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

PE019IU - TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

Tư tưởng Hồ Chí Minh
(Ho Chi Minh's Thoughts)

1. Thông tin chung

Tên môn học (tiếng Việt):	Tư tưởng Hồ Chí Minh
Tên môn học (tiếng Anh):	Ho Chi Minh's Thoughts
Mã số môn học:	PE019IU
Thuộc khối kiến thức:	Cơ sở
Số tín chỉ:	2
Số tiết lý thuyết:	*20 (trên lớp)*
Số tiết thực hành:	*10 (trên lớp)*
Số tiết tự học:	*90 (về nhà)*
Môn học trước:	1. Triết học Mác – Lênin, 2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin, 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học
Giảng viên phụ trách	Khoa Chính trị - Hành chính, ĐHQG-HCM

2. Mục đích/mục tiêu môn học (Course Purposes/Aims)

2.1. Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

2.2. Về kỹ năng: Giúp cho sinh viên khả năng tư duy, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

2.3. Về thái độ: Giúp sinh viên nâng cao về bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1

3. Mô tả môn học (Course Outlines)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

4. Tài liệu phục vụ học tập:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Khoa Chính trị - Hành chính, DHQG-HCM, *Tài liệu hướng dẫn học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh*

- Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

- Hồ Chí Minh (2016), *Biên niên tiểu sử,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

5. Chuẩn đầu ra môn học (Course Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra	Mô tả	Tiêu chí đánh giá	Mục tiêu môn học	Chuẩn đầu ra CDIO CTĐT	Mức độ giảng dạy (I/T/U)
5.1. Kiến thức					
LO.1	KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	LO.1.1 – Nắm được khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh	2.1	1.1.3	I3
		LO.1.2 – Nắm rõ được đối tượng nghiên cứu.	2.1		
		LO.1.3 - Nắm được một số yêu cầu cơ bản về phương pháp học tập, nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh.	2.1		
		LO.1.4 - Nắm được ý nghĩa học tập, nghiên cứu môn học tư tưởng đối với sinh viên.	2.1		
LO.2	CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	LO. 2.1 - Hiểu rõ được cơ sở thực tiễn, tiền đề lý luận và nhân tố chủ quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh	2.1	1.1.3	I4
		LO.2.2 – Hiểu rõ được quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.	2.1		
		LO.2.3 – Nắm được giá trị tư tưởng			

		Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và sự phát triển tiến bộ của nhân loại.	2.1		
LO.3	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.3.1 – Nhận thức được bản chất khoa học, cách mạng và những sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc.	2.1	1.1.3	I3
		LO.3.2 – Nắm được quan điểm của Hồ Chí Minh về tính tất yếu đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	2.1		
		LO.3.3 – Nắm được quan điểm Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.	2.1		
		LO.3.4 – Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng hiện nay.	2.1	1.1.3	T4
LO.4	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN	LO.4.1 – Nắm được nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam	2.1	1.1.3	I4
		LO.4.2 - Nắm được nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân	2.1		I4
		LO.4.3 – Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước.	2.1		T4
LO.5	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ	LO.5.1 – Hiểu được những quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc.	2.1	1.1.3	I4
		LO.5.2 –Hiểu được những quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế.	2.1		
		LO.5.3 – Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay	2.1		T4
LO.6	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI	LO.6.1 – Nắm được kiến thức cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa.	2.1	1.1.3	I4
		LO.6.2 – Nắm được kiến thức cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức mới (đạo đức cách mạng).	2.1		

3

		LO.6.3 – Nắm được kiến thức cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa.	2.1		I4
		LO.6.4 – Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người trong việc xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay.	2.1		T4
5.2. Kỹ năng					
LO.7	THỂ HIỆN KHẢ NĂNG TƯ DUY, PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ, TRANH LUẬN, PHẢN BIỆN, LÀM VIỆC NHÓM	LO.7.1 Có kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá tư tưởng Hồ Chí Minh.	2.2	2.1.1 2.3.1	U4
		LO.7.2. Có kỹ năng trình bày, thuyết minh, phản biện, tranh luận, hùng biện những tri thức lý luận đang học tập, nghiên cứu dựa trên thực tiễn	2.2	2.4.4	
		LO.7.3. Có kỹ năng vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.	2.2	2.5 3.1.5	
5.3. Thái độ					
LO.7	THỂ HIỆN Ý THỨC, NHẬN THỨC TRONG VA SAU KHI HỌC TẬP	LO.6.1. Nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2.3	3.1	U3
		LO.6.2. Có bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.	2.3		
		LO.6.3. Thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, nghiên cứu, vận dụng trong cuộc sống, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	2.3		

6. Kế hoạch giảng dạy theo buổi học (Course Plan):

Buổi (3 tiết)	Nội dung giảng dạy	LO	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
1		LO.1,	Dạy:	

(1 tiết)	**Giới thiệu về môn học**	**LO.5;**	- Giới thiệu đề cương môn học - Giới thiệu nội dung đề tài thuyết trình nhóm GHW). **Học ở lớp**: - Chia nhóm (5 SV/nhóm) - Giới thiệu nhóm học tập **Học ngoài lớp**: -Chọn đề tài thuyết trình của nhóm (GHW). - Đọc trước tài liệu chương 1.	
2	**Chương 1** KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	LO.1;	**Dạy**: I. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 3. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh 4. Một số phương pháp cụ thể IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận 2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước 3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác. **Học ở lớp**: Trao đổi, phát biểu trên lớp **Học ngoài lớp**: - Phác thảo nội dung thuyết trình nhóm GHW - Đọc trước tài liệu chương 2.	
3	**Chương 2** CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ	LO.2	**Dạy**: I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Cơ sở thực tiễn 2. Cơ sở lý luận	Thi giữa kỳ (Quiz) Thi cuối kỳ (FEX)

	MINH		3. Nhân tố chủ quan II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Thời kỳ trước ngày 5 – 6-1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm con đường mới 2. Thời kỳ từ năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản 3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam 4. Thời kỳ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo 5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9 – 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Đối với cách mạng Việt Nam 2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp **Học ngoài lớp**: Đọc trước tài liệu chương 3	
4	**Chương 3** TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.3 LO.5	**Dạy**: I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC 1. Vấn đề độc lập dân tộc 2. về cách mạng giải phóng dân tộc **Dạy:** Chấm thuyết trình & phản	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)

6

			biện **Học ở lớp**: Các nhóm thuyết trình tại lớp	
			II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM 1. Tư tưởng Hồ Chí Kinh về chủ nghĩa xã hội 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội 2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY 1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định 2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa 3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống chính trị 4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái ề tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và"tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ	

7

			Học ngoài lớp: Đọc trước tài liệu chương 4	
5	**Chương 4** **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN VÀ VÌ NHÂN DÂN**	LO.4 LO.5	**Dạy**: I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh **Dạy:** Chấm thuyết trình & phản biện **Học ở lớp**: Thảo luận tại lớp II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN 1. Nhà nuoqsc dân chủ 2. Nhà nước pháp quyền 3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC 1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh 2. Xây dựng Nhà nước **Học ngoài lớp**: Hoàn thiện bài thuyết trình	Thảo luận nhóm (DIC) Thi cuối kỳ (FEX)
6	**Chương 5** **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ**		**Dạy:** I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC 1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc 2. Lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc 3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc 4. Hình thức, nguyên tắc tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc – Mặt trận dân tộc thống	

8

			nhất 5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc **Dạy:** Chấm thuyết trình & phản biện **Học ở lớp**: Thảo luận tại lớp II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ 1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế 2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức 3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY 1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng 2. xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công – nông – trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng 3. Đại đoàn kết dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế	
7	**Chương 6** **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI**		**Dạy:** I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA 1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan niệm giữa văn hóa với các lĩnh vực khác 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa 3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới **Dạy:** Chấm thuyết trình & phản biện **Học ở lớp**: Thảo luận tại lớp II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC 1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng	

9

			2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng 3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI 1. Quan niệm Hồ Chí Minh về con người 2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người 3. Quan niệm Hồ Chí Minh về xây dựng con người IV. XÂY DỰNG VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người 2. Về xây dựng đạo đức cách mạng	

7. Đánh giá môn học

STT	Mã	Tên	Mô tả	Tỷ trọng	Hình thức	LO
1	GHW	Thuyết trình nhóm	Thuyết trình nhóm về đề tài đã phân công	150%	Thuyết trình và bản báo cáo nhóm	LO.2; LO.3; LO.4; LO.5; LO.6.
2	Quiz	Bài thi giữa kỳ	Giảng viên cho thi	20%	Trắc nghiệm (đề đóng) hoặc tự luận (đề mở)	LO.2; LO.3.
3	DIC	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class)	Điểm thảo luận được tính theo phương pháp tương đối. SV có số lần thảo luận tại lớp nhiều nhất sẽ được điểm tối đa, điểm của các bạn khác được tính dựa theo bạn có số lần thảo luận cao nhất.	15%	Phát biểu/đặt câu hỏi trên lớp hoặc phiếu trả lời trong các nghiên cứu tình huống tại lớp	LO.3; LO.4; LO.5; LO.6.

4	FEX	Thi cuối kỳ	Thi đề chung Đề thi bao quát toàn bộ nội dung môn học	50%	Tự luận (đề mở)	LO.2; LO.3; LO.4; LO.5; LO.6.
			Tổng cộng	**100%**		

8. Tiêu chí đánh giá chuẩn đầu ra môn học

TT	Chuẩn đầu ra	Nội dung	Phương pháp	Tiêu chí đánh giá
LO.1	- Hiểu được khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh. - Nắm được đối tượng; phương pháp nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh.	Chương 1	Hỏi - Đáp	Cộng điểm
LO.2	- Hiểu rõ cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh . - Nắm được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và thế giới.	Chương 2	Thi giữa kỳ (Quiz)	Đề thi của GV
LO.3	- Nắm rõ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. - Hiểu được sự vận dụng tư tưởng Hồ về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước ta.	Chương 3	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi giữa kỳ (Quiz) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm Đề thi của GV Ngân hàng đề thi của khoa Chính trị - Hành chính

11

LO.4	- Nắm rõ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt nam và Nhà nước của dân, do dân, vì dân. - Hiểu được sự vận dụng của Đảng và Nhà nước ta vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước.	Chương 4	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm Ngân hàng đề thi của khoa Chính trị - Hành chính
LO.5	- Nắm được nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế. - Hiểu được sự vận dụng của Đảng và Nhà nước ta trong việc hoạch định chủ trương, đường lối, chính sách về đại đoàn kết dân tộc và đối ngoại.	Chương 5	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm Ngân hàng đề thi của khoa Chính trị - Hành chính
LO.6	- Nắm được nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người. - Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người trong việc rèn luyện, tu dưỡng bản thân.	Chương 6	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm Ngân hàng đề thi của khoa Chính trị - Hành chính

12

9. Một số lưu ý khác:

- Khi có các thắc mắc liên quan môn học, sinh viên có thể liên lạc với quản lý Bộ môn Hồ Chí Minh học & Lịch sử Đảng và Khoa Chính trị - Hành chính qua email: daotao.spas@vnuhcm.edu.vn
- Quy định về Bài thuyết trình nhóm GHW: Thành lập nhóm: 5 sinh viên/nhóm.

+ Hạn chót đăng ký đề tài nhóm Quản lý trên forum là Buổi 2.

+ Tuần 4 thuyết trình theo thứ tự. Lưu ý các nhóm cần có mặt đủ và mang theo tất cả các tài liệu liên quan đến GHW khi đi thuyết trình.

+ Hình thức nộp bài: Nộp file và biên bản làm việc nhóm qua mail cho GV

- Quy định về đánh giá môn học: theo Quy định về việc giảng dạy và học tập các môn Lý luận chính trị của khoa Chính trị - Hành chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2020

KT.TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

TS. Nguyễn Đình Quốc Cường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

PE008IU - CRITICAL THINKING

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Tư duy phản biện
  + Tiếng Anh: **Critical thinking**
- Mã số môn học: **PE008IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒Kiến thức cơ bản ☐Kiến thức cơ sở ngành

☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Tư duy phê phán là một quá trình không thể thiếu đối với tất cả những người có học thức - quá trình mà chúng tôi phát triển và hỗ trợ niềm tin của chúng tôi và đánh giá sức mạnh của các lập luận của những người khác trong các tình huống thực tế. Nó bao gồm thực hành trong lý luận quy nạp và suy diễn, trình bày các đối số ở dạng nói và viết, và phân tích việc sử dụng ngôn ngữ để tác động đến suy nghĩ. Khóa học cũng áp dụng quy trình lý luận cho các lĩnh vực khác như kinh doanh, khoa học, luật, khoa học xã hội, đạo đức và nghệ thuật.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- Critical Thinking: A Student's Introduction, 2nded. (Bassham, Irwin, Nardone, and

Wallace).

Tài liệu khác:

- Critical Thinking, 9 th ed. (B. N. More, R. Parker
  http://highered.mcgrawhill.com/sites/0072879599/student_view0/chapter1/multiple_choice_quiz.html
  http://highered.mcgraw-hill.com/sites/0072879599/student_view0/

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi bạn đã hoàn thành khóa học này, bạn sẽ được nhiều hơn: • Tự ý thức, công nhận những thành kiến và ảnh hưởng của riêng bạn; • tò mò và tò mò, muốn tìm hiểu thêm về các vấn đề trước khi thông qua phán quyết; • Mục tiêu, căn cứ vào bản án của bạn về bằng	PLO1, PLO3 …	5%

	chứng và tránh bằng chứng xoắn để phù hợp với ý kiến của bạn; • Tư duy cởi mở, có khả năng nói, "Tôi không biết" hoặc "tôi đã sai"; • Nhạy cảm với ngôn ngữ, tránh ngôn ngữ nghiêng, nhận ra ngôn ngữ mơ hồ, mơ hồ, đầy cảm xúc, xác định các thuật ngữ chính; • Tưởng tượng, tiếp cận các chủ đề và các vấn đề từ các góc độ khác nhau; • Công bằng và trung thực về mặt trí tuệ, tránh xuyên tạc ý tưởng của người khác hoặc hiểu sai dữ liệu và nghiên cứu để phù hợp với mục		

	đích của riêng bạn.		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6 …	5%

G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	**Mô tả CĐR (2)**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)**
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu	I, T, U

	hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	
…		
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U

…		
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		

A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu về môn học	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Những rào cản của tư duy phản biện	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Đọc và ghi nhận	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2. Quiz

			Quiz	
4	Những lý thuyết về logic căn bản	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Suy nghĩ diễn dịch và quy nạp	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Logic phân loại	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Logic mệnh đề	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

8	Ngôn ngữ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Lối nguỵ biện logic	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Lối nguỵ biện logic (tt)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Phân tích biện luận	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Đánh giá biện luận và tuyên bố sự thật	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1 Bài tập nhóm

			Bài tập nhóm	
13	Lập luận quy nạp	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Tìm kiếm, đánh giá và sử dụng nguồn	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành	Gx.x	Dạy:…	Ax.x

	1:…	…	Học ở lớp:… Học ở nhà:…	…
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng

hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023
KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA117IU - INTRODUCTION TO MICROECONOMICS

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Kinh tế vi mô
  + Tiếng Anh: **Introduction to Microeconomics**
- Mã số môn học: **BA117IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒Kiến thức cơ bản ☐Kiến thức cơ sở ngành

☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Kinh tế vi mô là khóa học giới thiệu về kinh tế học. Khóa học được thiết kế để dạy cho bạn những công cụ cơ bản về phân tích kinh tế vi mô. Kinh tế vi mô là chi nhánh của kinh tế học có liên quan đến sự tương tác của các hộ gia đình và các công ty trong các thị trường riêng lẻ. Một số vấn đề chúng ta sẽ nghiên cứu bao gồm giá cả và mức đầu ra được xác định, điều gì sẽ xảy ra khi chính phủ can thiệp vào thị trường, khi thị trường "thất bại", làm thế nào để thị trường sản xuất "sử dụng hiệu quả" tài nguyên khan hiếm của xã hội và là thị trường kết quả công bằng. Học "suy nghĩ như một nhà kinh tế" sẽ giúp bạn trở thành một sinh viên, người tiêu dùng, nhân viên và cử tri có hiểu biết nhiều hơn. Khóa học này không có bất kỳ yêu cầu kiến thức nào về kinh tế học. Tuy nhiên, nếu bạn đã đăng ký kinh tế học vĩ mô, nó cho phép bạn hiểu rõ hơn về kinh tế vi mô.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Principles of Microeconomics – 8ed (Mankiw)

Tài liệu khác:

Lecture Ready1, 2 – Laurie Frazie, Shalle Leming, Oxford University Press **Phần mềm:**

N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Kiến thức	Khi hoàn tất khóa học này, sinh viên sẽ có thể: Nhận thức tầm quan trọng của các mô hình kinh tế trong phân tích kinh tế. Hiểu chi phí cơ hội và cách khái niệm này có thể được áp dụng trong tất cả các khía cạnh của cuộc sống.	PLO1, PLO3	5%
		…	

	Sử dụng phân tích cung và cầu để dự đoán những thay đổi về giá / số lượng trên thị trường, bao gồm cả khi chính sách của chính phủ đóng vai trò thiết yếu trong các thị trường này. Xác định độ co giãn ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng và quyết định sản xuất của doanh nghiệp như thế nào. Nhận biết vai trò của tiện ích trong các lựa chọn tiêu dùng. Áp dụng mối quan hệ giữa sản xuất và chi phí để xác định sản lượng tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp ở		

	các loại thị trường khác nhau. Hiểu một cơ thể kiến thức khoa học xã hội và quan điểm kỷ luật của nó. Hiểu các thị trường được đặc trưng bởi sự cạnh tranh độc quyền và không hoàn hảo.		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề /	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6 …	5%

	vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	**Mô tả CĐR (2)**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)**
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
…		
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra	I, T, U

	các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	
…		
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu những kiến thức căn bản về kinh tế	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Những kiến thức căn bản về kinh tế	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng	N/A

			Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
3	Cung cầu và giá thi trường	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Cung cầu và giá thi trường (tt)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Sự co giãn và sự áp dụng	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dung	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

7	Sự sản xuất và chi phí sản xuất	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Thị trường cạnh tranh hoàn hảo	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Sự độc quyền	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

11	Độc quyền cạnh tranh và độc quyền nhóm	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Độc quyền cạnh tranh và độc quyền nhóm (tt)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Thị trường của các yếu tố đầu vào	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán / bộ môn Kinh tế

- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA119IU - INTRODUCTION TO MACROECONOMICS

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Kinh tế vĩ mô
  + Tiếng Anh: **Introduction to Macroeconomics**
- Mã số môn học: **BA119IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒Kiến thức cơ bản ☐Kiến thức cơ sở ngành

☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

1. Mục tiêu chính của kinh tế vĩ mô là để hiểu rõ hơn về các vấn đề kinh tế rộng lớn của một quốc gia, một khu vực và nền kinh tế toàn cầu cũng như đánh giá tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đối với nền kinh tế trong nước và toàn cầu. Các chủ đề bao gồm tăng trưởng kinh tế, chi phí sinh hoạt, tiết kiệm và đầu tư, thất nghiệp, lạm phát, tổng cầu và cung, chính sách tài chính và tiền tệ. Học sinh được tiếp xúc với cả lý thuyết kinh tế vĩ mô và các vấn đề kinh tế vĩ mô đương đại. Học sinh tập trung vào cách phát triển các công cụ kinh tế và áp dụng những công cụ đó để hiểu các vấn đề đương đại.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Mankiw, N.G., Principles of Macroeconomics or Principles of Economics, South-Western, Cengage Learning, 6e.

Tài liệu khác:

Begg, D., Fischer, S., and Dornbusch, R., Economics, McGraw-Hill, 9e.

Blanchard, O., and Johnson, D.R., Macroeconomics, Pearson, 6e.

DeLong, B., and Olney, M., Macroeconomics, McGraw-Hill/Irwin, 2e.

Olney, M., Macroeconomics as a Second Language, Wiley, 1e.

McConnell, C., Brue, S., and Flynn, S., Macroeconomics, McGraw-Hill, 19e.

Williamson, S.D., Macroeconomics, Pearson, 5e.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần phải phát triển kỹ năng - Hiểu bốn vấn đề kinh tế vĩ mô và cách chúng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của một quốc gia. - Biết cách đo lường tốc độ tăng trưởng kinh tế hoặc suy thoái kinh tế, lạm phát, thất nghiệp, thâm hụt ngân sách và	PLO1, PLO3	5%
		…	

	thâm hụt thương mại trong nền kinh tế - Hiểu các chính sách kinh tế vĩ mô như: chính sách tài chính, chính sách tiền tệ, chính sách đối ngoại và chính sách thu nhập. Sau khóa học, sinh viên sẽ có thể: - Phân tích tình hình kinh tế trong nước và xây dựng kế hoạch ứng phó hiệu quả. - Đo lường hiệu quả kinh tế của một quốc gia và các chỉ số kinh tế vĩ mô như thất nghiệp, lạm phát, cán cân thanh toán, v.v. - Hiểu được hiệu quả của các loại chính sách của chính phủ đối với nền kinh tế và phát triển các hoạt động để đối phó với những tác động tiêu cực.		

G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		…	
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

	nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)		

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	**Mô tả CĐR (2)**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)**
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U

…		
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
…		
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Đo lường thu nhập của Quốc Gia	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng	N/A

			Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
2	Đo lường chi phí sống Ảnh hưởng của lạm phát	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Sản xuất và phát triển	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Tiết kiệm, Đầu tư và hệ thống tài chính của quốc gia	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Thất nghiệp và tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
6	Hệ thống tiền tệ	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Sức mạnh của đồng tiền và tỷ lệ lạm phát	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Kiến thức căn bản: yếu tố vi mô của nền kinh tế mở.	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng	N/A

			Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
10	Lý thuyết kinh tế vĩ mô về nên kinh tế mở	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Tổng cung và tổng cầu	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Ảnh hưởng của chính sachs tiền tệ và tài khoá lên tổng cầu	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	**Sự đánh đổi ngắn hạn giữa thất nghiệp và lạm phát**	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
14	REVIEW	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Ôn tập thi cuối kỳ Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành	Gx.x	Dạy:…	Ax.x

	1:…	…	Học ở lớp:… Học ở nhà:…	…
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng

hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán / bộ môn Kinh tế
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023
KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA118IU - INTRODUCTION TO PSYCHOLOGY

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Tâm lý học
  + Tiếng Anh: **Introduction to Psychology**
- Mã số môn học: **BA118IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐Kiến thức cơ bản ☒Kiến thức cơ sở ngành

☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Các nguyên tắc và lý thuyết tâm lý bao gồm phương pháp luận và phân tích ngắn gọn về các lĩnh vực nội dung chính từ phát triển, nhận thức và học tập đến động lực / cảm xúc, nhân cách và quy trình xã hội.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Dennis Coon & John O. Mitterer (2009) Introduction to Psychology –Active Learning Through Modules 12th Ed. WADSWORTH Cengage Learning

Tài liệu khác:

Stephen F. Davis & Joseph J. Palladino (2013) Psychology, 7th Ed. Pearson Custom Publishing.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Kiến thức	Hướng tới mục tiêu này, các mục tiêu là mỗi học sinh sẽ: Về chủ đề: Tìm hiểu cách mọi người cư xử — những gì họ thấy, cảm nhận của họ, cách họ làm việc, cách họ yêu thích, điều gì khiến họ hạnh phúc, v.v. Điều này áp dụng cho bạn, cho sự nghiệp của bạn, và mối quan hệ cá nhân của bạn như với bạn bè, cha mẹ, con cái	PLO1, PLO3	5%
		…	

	tương lai, ông chủ, đồng nghiệp và đối thủ. Khóa học kết hợp một tập hợp các tài liệu bao gồm một loạt các chủ đề phụ, từ phát triển và học tập đến động lực / cảm xúc, cá tính, gián điệp sức khỏe, rối loạn tâm lý và các quá trình xã hội. Ngoài ra, khóa học còn cung cấp nhiều tài liệu cho sinh viên để lựa chọn việc học thêm. Học sinh học nhiều hơn thế giới kinh doanh, nghiên cứu hầu hết các khía cạnh thân mật và quan trọng trong cuộc sống của chúng ta, như chúng ta		

	hạnh phúc, cách chúng ta lớn lên, cách chúng ta già đi, xã hội ảnh hưởng đến chúng ta như thế nào và cơ thể chúng ta ảnh hưởng đến chúng ta như thế nào. Vì nó là một lĩnh vực rộng lớn, chúng tôi sẽ chỉ lấy mẫu một số phần tâm lý - những thứ liên quan đến các phần quan trọng của cuộc sống và của thế giới kinh doanh. Về tài nguyên: Tìm hiểu cách sử dụng một loạt thông tin, từ trang web đến các bài báo học thuật đến sách, để sinh viên có thể tiếp tục học hỏi, phát triển		

	trong sự hiểu biết về hành vi của con người trong suốt cuộc đời. Về phương pháp: Tìm hiểu cách phát hiện thông tin sai - một số thông tin là gì, cách họ đến, cách họ được ủng hộ, lý do họ sai, bằng chứng trái ngược là gì và cách thực hiện bước tiếp theo. Về ứng dụng: Tìm hiểu cách áp dụng chúng vào cuộc sống của bạn. Thông qua các ứng dụng, bạn học sâu hơn, giữ lại nhiều hơn và hưởng lợi nhiều hơn. Kiến thức có thể trở thành sức mạnh cho bạn.		

G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		…	
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

	công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)		

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	**Mô tả CĐR (2)**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)**
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản	I, T, U

	trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	
…		
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
…		
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng	I, T, U

	cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Tâm lý học là gì?	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Cảm giác và nhận thức	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Học tập	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Bộ nhớ con người	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

5	Trí thông minh và nhận thức	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Động cơ và cảm xúc	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Động cơ và cảm xúc	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Tình dục con người	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
10	Nhân cách con người	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Human Personality	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Tâm lý học sức khỏe	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Tâm lý xã hội	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn quản trị doanh nghiệp
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA118IU - INTRODUCTION TO SOCIOLOGY

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Xã hội học
  + Tiếng Anh: **Introduction to Sociology**
- Mã số môn học: **BA118IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐Kiến thức cơ bản ☒Kiến thức cơ sở ngành

☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này cung cấp một sự hiểu biết cơ bản về bản chất của khoa học xã hội, giới thiệu các lĩnh vực xã hội học và các chủ đề chính của nó, và tạo điều kiện cho sự phát triển của nhận thức về ngôn ngữ và phương pháp liên quan đến nghiên cứu khoa học xã hội.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- Schaefer, R. T. (2008), *Sociology: A Brief Introduction*, 12th ed., McGraw Hill.

Tài liệu khác:

- Brinkerhoff, D. et al (2011), *Essentials of Sociology*, 8th edition, Wadsworth.

- Marsh, I. and Keating, M. (2006), *Sociology – Making Sense of Society*, 3rd Edition, Pearson & Prentice Hall.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể: • biết và hiểu các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của xã hội học khi chúng liên quan đến nghiên cứu quản lý kinh doanh. • tổ chức các ý tưởng thu được từ sự hiểu biết lý thuyết về xã hội học và áp dụng chúng vào các tình huống kinh doanh và quản lý Học sinh có thể thực hiện các	PLO1, PLO3 …	5%

	việc sau khi hoàn thành lớp học này: • Giải thích một số lý do để nghiên cứu xã hội học. • Xác định và thảo luận các vấn đề chính liên quan đến các cuộc tranh luận về thay đổi xã hội trong các lĩnh vực như nhóm và tổ chức, giới tính, tương tác xã hội và mạng lưới, cấu trúc xã hội, văn hóa, v.v. • Thảo luận và phân tích các quan điểm lý thuyết xã hội học cơ bản chung • Phát triển các kỹ năng tư duy phê phán khi các chủ đề khóa học		

	được thảo luận và tranh luận. • Nâng cao kỹ năng viết thông qua các bài tiểu luận và bài tập viết trong lớp.		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6 …	5%

	phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	**Mô tả CĐR (2)**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)**

G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
…		
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế.	I, T, U

	• Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	
…		
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**
	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%

A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Hiểu Xã hội học	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Hiểu Xã hội học	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

3	Hiểu Xã hội học	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Văn hóa - Phần 1	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Văn hóa - Phần 2	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Văn hóa - Phần 3	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Tương tác xã hội và cấu trúc xã hội	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Các nhóm và tổ chức - Phần 1	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Các nhóm và tổ chức - Phần 2	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Gia đình và mối quan hệ thân mật	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

12	Phân tầng theo giới tính	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Độ lệch và kiểm soát xã hội	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Quản trị doanh nghiệp
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

PE007IU - WORLD ECONOMIC GEOGRAPHY

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Địa lý kinh tế thế giới
  + Tiếng Anh: **WORLD ECONOMIC GEOGRAPHY**
- Mã số môn học: **PE007IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐Kiến thức cơ bản ☒Kiến thức cơ sở ngành

☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

• Khóa học cung cấp các khía cạnh khác nhau của địa lý kinh tế thế giới (WEG) trong thời đại toàn cầu hóa.

• Trong một thế giới, xu hướng thương mại toàn cầu ngày càng quan trọng, WEG là một mệnh lệnh cho tất cả những ai muốn biết điều gì đang xảy ra với nền kinh tế toàn cầu của họ.

• Khóa học cung cấp các khái niệm và thuật ngữ cơ bản trong nghiên cứu địa lý kinh tế.

• Về mặt kinh tế, nó liên quan:

o những cách kiếm tiền khác nhau,

o các mô hình hoạt động của con người để sản xuất,

o các hàng hóa và dịch vụ được phân phối và tiêu thụ, và

o khuôn khổ địa lý của thương mại và kinh doanh thế giới.

• Các bài giảng sẽ tập trung vào những thay đổi về địa lý trong nền kinh tế thế giới.

• Chúng tôi sẽ kiểm tra tổ chức địa lý hoạt động kinh tế trên toàn thế giới ở các quy mô địa lý khác nhau (toàn cầu, khu vực và địa phương) cũng như mối quan hệ giữa điều kiện địa lý và phát triển kinh tế ở các bang khác nhau

• Khóa học đòi hỏi tư duy phê phán về các vấn đề kinh tế và xã hội hiện tại từ góc độ địa lý

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- Paul Knox, John Agnew and Linda McCarthy (2003). The Economic of the World Economy. Arnold. London.

Tài liệu khác:

- Anthony R.S., Frederick P.S. (1994). World Economiy – Resources, Location, Trade, and Development. Macmilian College Publishing Company. New York
- Jerome Fellmann, Arthur and Judith Getis (1997). Human Geography: Landscapes of Human Activities. Brown & Benchmark.
- William Norton. (1998). Human Geography. Oxford University Press. New York.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Kiến thức	Sau khóa học, sinh viên có thể: • hiểu các khái niệm cơ bản.	PLO1, PLO3	5%
		…	

	• nhận thức được mối quan hệ giữa điều kiện địa lý và phát triển kinh tế. • hiểu sự phân bố và di cư của con người trong quá trình tăng trưởng kinh tế. • phân loại và phân tích các nguyên tắc của vị trí. • phân biệt các mối quan hệ của sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế của các bang, • hiểu rõ đặc điểm của các tập đoàn xuyên quốc gia (TNCs) và các khối kinh tế khu vực		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6 …	5%

	thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

	dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)		

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	**Mô tả CĐR (2)**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)**
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng.	I, T, U

	• Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	
…		
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
…		
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự	I, T, U

	kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu về Địa lý và Địa lý Kinh tế	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Giới thiệu về Địa lý và Địa lý Kinh tế	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Giới thiệu về Địa lý và Địa lý Kinh tế	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Dân số - Dân số và Kinh tế Thế giới	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1 Bài tập nhóm

			Bài tập nhóm	
5	Dân số - Dân số và Kinh tế Thế giới	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Các mẫu thế giới và xu hướng khu vực	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Các mẫu thế giới và xu hướng khu vực	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

9	Điều kiện địa lý và phát triển kinh tế	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Toàn cầu hoá trong phát triển kinh tế	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Toàn cầu hoá trong phát triển kinh tế	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Điều chỉnh sang nền kinh tế toàn cầu mới	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Điều chỉnh sang nền kinh tế toàn cầu mới	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1 Bài tập nhóm

			Bài tập nhóm	
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ

email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

PE010IU - VIETNAM HISTORY AND CULTURE

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: **LỊCH SỬ VĂN HOÁ VIỆT NAM**
  + Tiếng Anh: **VIETNAM HISTORY AND CULTURE**
- Mã số môn học: **PE010IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐Kiến thức cơ bản ☒Kiến thức cơ sở ngành

☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lịch sử và văn hóa Việt Nam từ những quan điểm lịch sử, khuyến khích một thái độ tích cực đối với Việt Nam như một nghiên cứu khu vực, xây dựng niềm tin của sinh viên trong nghiên cứu độc lập về lịch sử và văn hóa và văn hóa Việt Nam cũng như nâng cao nhận thức văn hóa, xã hội - văn hóa của họ.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- … Le Mau Han, Tran Ba De, Nguyen Van Thu, …. Over view of Vietnamese history (Dai cuong lich su Viet Nam), volume 1, 2, 3 publisher of Education, Hanoi, 1998.
- Uy ban Khoa hoc Xa hoi Viet Nam, History of Vietnam, Vol I, II, Social Science Publisher, Hanoi, 1976
- Tran Ngoc Them, Fundamentals of Vietnamese Culture, Social sciences Publisher, Hanoi, 1996
- Nguyen Khac Vien, Vietnam - Along history, The gioi publishers, Ha noi, 1993

Tài liệu khác:

- Oscar Chapuis, A History of Vietnam from Hong Bang to Tu Duc, Green wood Press, Connecticut, 1995.
- Stanley Karnow, Vietnam: A history. The Viking press, New York, 1983
- Jaynes S. Werner and Luu Doan Huynh (ed.), the Vietnam War – Vietnamese and American Perspectives. New York: M. E. Sharpe, 1993
- B Woodside, Vietnam and the Chinese Model: A comparative study of Vietnamese and Chinese government in the first halt of the nineteenth century. Cambridge, MA: Harvard University Press, 1988

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần phải phát triển các kỹ năng trong: • Cung cấp cho	PLO1, PLO3	5%
		…	

	sinh viên hiểu biết cơ bản về lịch sử và văn hóa Việt Nam từ những quan điểm lịch sử • Trang bị cho sinh viên các chiến lược và phương pháp cần thiết để nhận biết sâu sắc những biến đổi cơ bản trong lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thủy đến nay và các yếu tố khác nhau của nền văn minh và văn hóa Việt Nam • Khuyến khích một mức độ tích cực đối với Việt Nam như một nghiên cứu khu vực, xây dựng niềm tin của sinh viên vào nghiên cứu độc lập về		

	lịch sử và văn hóa và văn hóa Việt Nam cũng như nâng cao nhận thức văn hóa, xã hội - văn hóa của họ.		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6 …	5%

	phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	**Mô tả CĐR (2)**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)**

G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
…		
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế.	I, T, U

	• Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	
…		
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**
	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%

A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu một số đặc điểm chính của lịch sử và văn hóa Việt Nam. Văn Lang - Âu Lạc và nền văn minh đầu tiên của Việt Nam	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

2	Từ lâu tháng 3 đến độc lập (thế kỷ thứ 1 trước thế kỷ thứ 10 đến thế kỷ thứ A. D.). Sinicization và Desinicization trong sự thống trị của phong kiến Trung Quốc.	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Các quốc gia độc lập tập trung (thế kỷ thứ 10 đến thế kỷ 14). Nền văn minh Đại Việt (thời đại văn hoá Lý - Trần)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Một giai đoạn mới trong chế độ quân chủ phong kiến: triều đại nhà Lê (thế kỷ 15 đến thế kỷ 17). Cuộc chiến nông dân và thời đại Tây Sơn (thế kỷ 17 đến 18).	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

5	Việt Nam dưới triều Nguyễn: mất độc lập, chuyển đổi kinh tế xã hội ở Đông Dương thuộc Pháp	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Người dân đang đấu tranh chống lại sự thống trị của Pháp vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 và sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Phong trào Dân chủ Quốc gia 1930 - 1945, Cách mạng tháng 8 năm 1945 và sự hình thành nước Cộng hoà Dân chủ Việt Nam	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1 Bài tập nhóm

			Bài tập nhóm	
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	"Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp" (1945 -1954)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Cuộc kháng chiến năm 1954 - 1975 chống Mỹ cứu quốc gia (Chiến tranh Việt Nam) (1)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
11	Cuộc kháng chiến năm 1954 - 1975 chống Mỹ cứu quốc gia (Chiến tranh Việt Nam) (2)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Đổi mới ở Việt Nam (“doimoi”)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

13	Phương Tây hóa và phương Tây hóa trong văn hóa Việt Nam	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Hội thảo (“một số đặc điểm chính của lịch sử và văn hóa Việt Nam”)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh

- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

PE021IU - GENERAL LAW

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Pháp luật Đại Cương
  + Tiếng Anh: **General Law**
- Mã số môn học: **PE021IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐Kiến thức cơ bản ☒Kiến thức cơ sở ngành

☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát, khái niệm cơ bản, nguyên tắc, các ngành pháp lý chính phục vụ nền tảng của hệ thống pháp luật Việt Nam và. Trong khóa học, sinh viên cũng sẽ được làm quen với ngôn ngữ pháp lý; tham gia vào tư duy phê phán; và tiếp xúc với các lý luận pháp lý và kỹ năng giải quyết vấn đề để phát triển khả năng áp dụng chúng vào các tình huống thực tế của học sinh. Đây là khóa học nền tảng cho tất cả sinh viên kinh doanh và là điều kiện tiên quyết cho các sinh viên khác như Luật doanh nghiệp, Luật kinh doanh quốc tế, Nhượng quyền thương mại và v.v.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Legal Texts:

1. Constitution of Vietnam - 2013
2. Civil Code of Vietnam - 2015
3. Criminal Code of Vietnam - 1999
4. Law on Law on Handling of Administrative Violations 2012
5. Law on Enterprises – 2014
6. Commercial Law 2005

Labour Code 2012

Tài liệu khác:

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần có: • Kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam và các khái niệm, nguyên tắc chính của nó. • Kiến thức về	PLO1, PLO3	5%
		…	

	chi nhánh cụ thể của pháp luật theo hệ thống này và cách nó định hình trong toàn bộ hệ thống • Phân tích và kỹ năng giải quyết vấn đề được áp dụng cho các trường hợp thực tế		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6 …	5%

	trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR **(X.x)** **(1)**	**Mô tả CĐR** **(2)**	**Mức độ giảng dạy** **(I, T, U)** **(3)**
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
…		
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị.	I, T, U

	• Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	
…		
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu các quy tắc của Luật và Ứng dụng	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

2	Luật Hiến pháp	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Luật Hiến pháp (tt)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Luật hành chính	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Luật hành chính (tt)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

6	Pháp luật hình sự	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Luật Dân sự (Phần I)	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Luật Dân sự (Phần II)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
10	Luật Dân sự (Phần II) (tt)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Luật lao động	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Luật lao động (tt)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Luật Kinh doanh	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng	

			Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Giới thiệu về Luật quốc tế, các tổ chức quốc tế và khu vực mà Việt Nam là một bên	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá (5)

			(4)	
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Quản trị
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA282IU - MATHEMATICS FOR BUSINESS

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: **Toán trong Kinh doanh**
  + Tiếng Anh: **MATHEMATICS FOR BUSINESS**
- Mã số môn học: **BA282IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒Kiến thức cơ bản ☐Kiến thức cơ sở ngành

☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 4
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học sẽ cung cấp cho sinh viên một sự hiểu biết về các kỹ thuật toán học cơ bản và phương pháp để bối cảnh kinh doanh và ra quyết định quản lý. Cụ thể hơn, khóa học sẽ giới thiệu lý thuyết cơ bản và khái niệm về Calculus, Đại số tuyến tính và Tối ưu hóa, với các ứng dụng quản lý, kinh tế, tài chính. Các chủ đề bao gồm Các hàm Toán học, Vectơ và Ma trận, Sự khác biệt và Tích hợp, Lập trình tuyến tính.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Ian Jacques, Mathematics for Economics and Business, 8th edition, Prentice Hall, 2015.

Tài liệu khác:

Haeussler, Paul, Wood, Introductory Mathematical Analysis for Business, Economics, and the Life and Social Sciences, 13th Edition, Pearson, 2011.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Kiến thức	Khóa học nhằm mục đích cung cấp cho sinh viên một sự hiểu biết về kỹ thuật toán học cơ bản và phương pháp để bối cảnh kinh doanh và ra quyết định quản lý. Khóa học cũng sẽ cung cấp cho sinh viên khuôn khổ toán học và phương pháp tiếp cận khoa học của mô hình kinh doanh và hành vi kinh tế.	PLO1, PLO3	5%
		…	

G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		…	
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

	công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)		

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	**Mô tả CĐR (2)**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)**
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản	I, T, U

	trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	
…		
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
…		
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng	I, T, U

	cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Phương trình tuyến tính và phi tuyến tính	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Toán tài chính	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Toán tài chính	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Sự khác biệt	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
5	Ứng dụng của sự khác biệt	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Phân biệt từng phần Tối ưu hóa không bị giới hạn Hạn chế tối ưu Các nhân đấu Lagrange	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Phân biệt từng phần Tối ưu hóa không bị giới hạn Hạn chế tối ưu Các nhân đấu Lagrange	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

9	Hội nhập Ứng dụng	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Hội nhập Ứng dụng	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Ma trận	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Ma trận	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Ma trận	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
14	Lập trình tuyến tính	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán / bộ môn Tài Chính Ngân Hàng
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023
KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA080IU - STATISTICS FOR BUSINESS

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Thống kê Trong Kinh Doanh
  + Tiếng Anh: **Statistics for Business**
- Mã số môn học: **BA080IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒Kiến thức cơ bản ☐Kiến thức cơ sở ngành

☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

BA080IU - Thống kê cho doanh nghiệp là một trong những khóa học cơ bản dành cho sinh viên Quản trị kinh doanh. Nó cung cấp cho sinh viên kiến thức về các kỹ thuật xác suất và thống kê để thu thập, phân tích và diễn giải dữ liệu. Nó thể hiện việc sử dụng các kỹ thuật thống kê trong nhiều ứng dụng thực tế. t cung cấp những điều cơ bản cho các khóa học BA161IU - Phương pháp nghiên cứu kinh doanh và BA168IU - Phương pháp định lượng cho doanh nghiệp.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Doane and Seward, *Applied Statistics for Business and Economics, 5ed.*

Tài liệu khác:

Brealey, R.A., Myers, S.C. and Marcus, A.J., *Fundamentals of Corporate Finance, 7th ed, McGraw Hill 2013*

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Kiến thức	Mục đích của khóa học này là để kiểm tra các khái niệm khác nhau trong xác suất và thống kê. Khóa học này cũng thảo luận về các kỹ thuật thống kê khác nhau và việc sử dụng chúng trong các tình huống thực tế. Các chủ đề chính của khóa học này bao gồm: số liệu thống kê mô tả, biến ngẫu nhiên rời rạc và liên	PLO1, PLO3 …	5%

	tục, phân tích lấy mẫu và lấy mẫu, khoảng tin cậy, kiểm tra giả thuyết, phân tích phương sai, tuyến tính đơn giản và nhiều hồi quy.		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		…	

	chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR	Mô tả CĐR	Mức độ giảng dạy

(X.x) **(1)**	**(2)**	**(I, T, U)** **(3)**
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
…		
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp	I, T, U

	phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	
…		
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**

A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu và Thống kê mô tả	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Xác suất	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

3	Xác suất	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Biến ngẫu nhiên	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Biến ngẫu nhiên	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Lấy mẫu và phân phối mẫu	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

7	Khoảng tin cậy	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Thử nghiệm giả thuyết	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	So sánh hai quần thể	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Phân tích phương sai	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
12	Mô hình hồi quy	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Kỹ thuật Nonparametric	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán / bộ môn Kinh tế
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN	Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023
(Ký, ghi rõ họ tên)	**KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT**
	PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
	(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA120IU - BUSINESS COMPUTING SKILLS

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Tin Học Quản Lý
  + Tiếng Anh: **Business Computing Skills**
- Mã số môn học: **BA120IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒Kiến thức cơ bản ☐Kiến thức cơ sở ngành

☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Bởi vì sử dụng máy tính là một phần không thể thiếu trong kinh doanh, khả năng sử dụng công nghệ thông tin để cải thiện năng suất của tổ chức và giảm thiểu sự thiếu hiệu quả là rất quan trọng. Khóa học này thu hẹp khoảng cách giữa công nghệ thông tin và sử dụng phần cứng, phần mềm và các tài nguyên khác trong học tập và kinh doanh. Khóa học này sẽ tập trung vào các tính năng nâng cao và ứng dụng bảng tính Excel tích hợp, phát triển cơ sở dữ liệu giới thiệu sử dụng MS Access, giới thiệu về tạo tài liệu trang web bằng HTML và giới thiệu kiến trúc hệ thống máy tính, bảo mật, truyền thông và kết nối mạng.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- James A. O'Brien, George Marakas (2008), Introduction to Information Systems, Mc-Graw Hill
- Succeeding in Business with MS Office Excel 2007, Thomson Course Technology, 2008, ISBN 978-1-4239-0605-6
- New Perspective MS Office Access 2007 Brief, Thomson Course Technology, 2008, ISBN 978-1-4239-0587-5
- Case Grader - MS Office Excel 2007, Thomson Course Technology, 2008, ISBN 978-1-4239-9823-5.

Tài liệu khác:

- Fundamentals of Information Systems, 4th Edition, Thomson Course Technology, 2007, ISBN 978-1-4239-0113-5.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần phải phát triển kỹ năng • Phát triển các kỹ năng tư duy phê phán trong việc sử dụng công nghệ thông tin và	PLO1, PLO3	5%
		…	

	truyền thông (ICT). • Phát triển các kỹ năng dựa trên máy tính kỹ thuật cần thiết để chuẩn bị tài liệu, bản trình bày và bảng tính bằng phần mềm Office Suite của Microsoft (tập trung vào Excel và Access). • Sử dụng các chiến lược tự định hướng để tìm hiểu các tính năng mới của các gói phần mềm và công nghệ khác. • Biên soạn các hướng dẫn bằng văn bản, dự án phòng thí nghiệm và các tài liệu kinh doanh cụ thể cho các đồng nghiệp khác. • Sử dụng kỹ		

	năng quản lý và lập lịch để hỗ trợ quản lý và giám sát. • Chứng minh các kỹ năng Internet bao gồm quản lý e-mail, nghiên cứu web và trao đổi tài liệu.		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6 …	5%

	thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	**Mô tả CĐR (2)**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)**
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
…		
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng	I, T, U

	các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	
…		
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**

(1)			
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu về máy tính và hệ thống thông tin	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Ổ cứng và ổ mềm	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
3	Dữ liệu của tổ chức và thông tin	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	MS Access 2007	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	E-commerce và hệ thống quy trình giao dịch	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Giới thiệu về Excel 2007	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

7	Giới thiệu về Excel 2007 (tt)	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Giới thiệu về Excel 2007 (tt)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Giới thiệu về Excel 2007 (tt)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Giới thiệu về Excel 2007 (tt)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
12	Phát triển hệ thống Kết hợp các ứng dụng của MS Office	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa CNTT
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

EN008IU - LISTENING AE1

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  - + Tiếng Việt: Kỹ năng nghe AE1
  - + Tiếng Anh: **Listening AE1**
- Mã số môn học: **EN008IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒Kiến thức cơ bản ☐Kiến thức cơ sở ngành

☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  - + Lý thuyết: 2
  - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Có TOEFL iBT $\geq$ 61, IELTS $\geq$ 6.0
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học được thiết kế để chuẩn bị cho sinh viên các kỹ năng nghe và ghi chú hiệu quả để họ có thể theo đuổi các khóa học chuyên ngành của họ mà không gặp khó khăn đáng kể. Do đó, khóa học dựa trên bài giảng trong đó quy trình dạy và học được xây dựng trên các bài giảng về nhiều chủ đề khác nhau như kinh doanh, khoa học và nhân văn.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Lecture Ready 3 – Laurie Frazie, Shalle Leming, Oxford University Press, 2007

Tài liệu khác:

Lecture Ready1, 2 – Laurie Frazie, Shalle Leming, Oxford University Press **Phần mềm: N/A**

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên có thể: - đối phó với các bài giảng học thuật với các chiến lược và sự tự tin phù hợp; - nâng cao kiến thức chuyên môn của họ về các bài giảng học thuật; và - giao tiếp hiệu quả với bạn cùng lớp và giáo sư	PLO1, PLO3	5%
		…	
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		…	

	thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

	lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)		

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR **(X.x)** **(1)**	**Mô tả CĐR** **(2)**	**Mức độ giảng dạy** **(I, T, U)** **(3)**
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục	I, T, U

	tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	
…		
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
…		
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc	I, T, U

	theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	ORIENTATION	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	**Chapter 1** **New Trends in Marketing Research**	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	**Chapter 2** **Business Ethics**	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	REVIEW	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	**Chapter 3**	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng	A1.1 Bài tập nhóm

	Trends in Children's Media Use		Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
6	**Chapter 4** **The Changing Music Industry**	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	WRAP-UP AND REVIEW	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	**Chapter 5** **The Placebo Effect**	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
10	**Chapter 6** **Intelligent Machines**	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	**Chapter 7** **Sibling Relationships**	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	**Chapter 8** **Multiple Intelligences**	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	**Chapter 9** **The Art of Graffiti**	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

14	WRAP-UP AND REVIEW	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Ôn tập thi cuối kỳ Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Ngôn Ngữ
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

EN007IU - WRITING AE1

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Kỹ năng viết AE1
  + Tiếng Anh: **Writing AE1**
- Mã số môn học: **EN007IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒Kiến thức cơ bản ☐Kiến thức cơ sở ngành

☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 2
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Có TOEFL iBT > 61, IELTS > 6
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Ability to communicate effectively in English using appropriate communication methods to address the domestic and international audience. Students are also expected to have ethical behavior at work; cognitive ability and perspective on globalization; work in team; Self-study and career development skills.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Lecture Ready 3 – Laurie Frazie, Shalle Leming, Oxford University Press, 2007

Tài liệu khác:

Lecture Ready1, 2 – Laurie Frazie, Shalle Leming, Oxford University Press **Phần mềm: N/A**

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể: - hiểu và làm theo các bước khác nhau trong quá trình viết để tạo ra một bài luận hoàn chỉnh, - cải thiện khả năng viết của họ thông qua tự đánh giá, phản hồi của bạn bè và nhận xét của giáo viên, - sử dụng các chức năng viết khác nhau để truyền đạt thành công mục đích của họ tới khán giả (các mô tả quy trình, các hiệu ứng nguyên nhân, so sánh, đối chiếu, và các bài luận tóm tắt), - đọc	PLO1, PLO3	5%
		…	

	và trả lời một cách nghiêm túc bằng văn bản, phân tích và chú giải một văn bản học thuật.		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		…	
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

	tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)		

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	**Mô tả CĐR (2)**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)**
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh	I, T, U

	vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng	I, T, U

	trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	**The process of Academic Writing** Step1:Creating (Prewriting) Step2: Planning (Outlining) Step 3: Writing Step 4: Polishing	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	**From Paragraph to Essay** The introductory paragraph Body paragraphs The concluding paragraph	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	**From Paragraph to Essay (Cont'd)** Essay outlining Review Writing Practice Reading (Questions & Suggestions for Discussion or Writing)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2. Quiz

			Quiz	
4	**Process Essays** Thesis statements for process essay Transitional signals Writing Practice	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	**Process Essays (Cont'd)** Review/ Correction Reading 2 (Questions & Suggestions for Discussion or Writing)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	**Cause – Effect Essays** Organization Signal words and phrases Writing Practice	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

7	**Cause – Effect Essays (Cont'd)** Review/ Correction Reading (Questions & Suggestions for Discussion or Writing)	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	**Comparison – Contrast Essays** Organization Signal words Writing Practice	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

10	**Comparison – Contrast Essays (Cont'd)** Review Peer correction/ Self assessment	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	***Paraphrase and Summary*** Paraphrasing Plagiarism and How to avoid Plagiarism	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	***Paraphrase and Summary (Cont'd)*** Review/ Correction Summarizing	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1 Bài tập nhóm

			Bài tập nhóm	
13	**Argumentative Essays** Organization The introductory paragraph Writing Practice	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	**Argumentative Essays (Cont'd)** Review/Correction Topic 1 – Reading 1 & 2 (Questions)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Ôn tập thi cuối kỳ Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.
Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Ngôn Ngữ
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

EN012IU - SPEAKING AE2

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Kỹ năng nói AE2
  + Tiếng Anh: **Speaking AE2**
- Mã số môn học: **EN012IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒Kiến thức cơ bản ☐Kiến thức cơ sở ngành

☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 2
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: TOEFL iBT $\geq$ 61, IELTS $\geq$ 6.0
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Đưa ra các bài thuyết trình ngày hôm nay sẽ trở thành một kỹ năng quan trọng cho sinh viên để thành công không chỉ trong trường đại học mà còn trong công việc trong tương lai. Tuy nhiên, điều này có thể được coi là một nhiệm vụ thần kinh-kệ, đặc biệt là khi trình bày bằng một ngôn ngữ nước ngoài. Phát biểu AE2 cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để cung cấp các bài thuyết trình hiệu quả. Để thực hiện điều này, khóa học bao gồm nhiều khía cạnh của việc trình bày: chuẩn bị và lập kế hoạch, sử dụng ngôn ngữ thích hợp, áp dụng các trợ giúp trực quan hiệu quả, xây dựng sự tự tin, thực hiện ngôn ngữ cơ thể, giải quyết các câu hỏi và trả lời, v.v.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- J *Effective Presentations* - Jeremy Comfort, Oxford University Press, 1997.

Tài liệu khác:

- *Study Speaking: a course in spoken English for academic purposes* - By Kenneth Anderson, Joan Maclean, Tony Lynch - Cambridge University Press (2004)

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Kiến thức	Khi hoàn thành khóa học, sinh viên có thể - để chuẩn bị và cung cấp các bài thuyết trình có hiệu quả, chính thức, có cấu trúc phù hợp với môi trường và đối tượng cụ thể. - Chuẩn bị và lập kế hoạch, sử dụng ngôn ngữ thích hợp, áp dụng viện trợ trực quan hiệu quả, xây dựng sự tự tin, thực hiện	PLO1, PLO3 …	5%

	ngôn ngữ cơ thể, giải quyết các câu hỏi và trả lời, v.v.		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		…	

G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	**Mô tả CĐR (2)**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)**
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi	I, T, U

	trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	
…		
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một	I, T, U

	cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	
…		
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**

(1)			
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	ORIENTATION	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	BUILDING UP CONFIDENCE	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng	N/A

			Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
3	EFFECTIVE PRESENTATIONS **Unit 1: What is the Point?** Pages 6-11 Video clip Handouts: - Page 11 (Student book)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	EFFECTIVE PRESENTATIONS **Unit 2: Making a Start** Pages 12-17 Video clip Handouts: - Page 17 (Student book)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	EFFECTIVE PRESENTATIONS **Unit 3: Linking the Parts** Pages 18-23 Video clip Handouts:	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

	- Page 22 (Student book)			
6	EFFECTIVE PRESENTATIONS **Unit 7: Finishing Off** Pages 40-43 Video clip Handouts:	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	PRACTICE PRESENTATIONS 1	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	EFFECTIVE PRESENTATIONS **Unit 4: The Right Kind of Language**	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	N/A

	Pages 24-29 Video clip Handouts: - Pages 74-74 (Student book)		Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
10	EFFECTIVE PRESENTATIONS **Unit 5: Visual Aids** Pages 30-35 Video clip Handouts: - Page 35 (Student book)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	REPORTING CHANGE	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	EFFECTIVE PRESENTATIONS **Unit 6: Body Language** Pages 36-39 Video clip	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

13	EFFECTIVE PRESENTATIONS **Unit 8: Questions Time** Pages 44-49 Video clip Handouts: - Page 49 (Student book)	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	EFFECTIVE PRESENTATIONS **Unit 9: Finishing Up** Pages 44-49 Video clip Unit 1 & Unit 9	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Ôn tập thi cuối kỳ Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Ngôn Ngữ
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

EN011IU - WRITING AE2

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Kỹ năng viết AE2
  + Tiếng Anh: **Writing AE2**
- Mã số môn học: **EN011IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒Kiến thức cơ bản ☐Kiến thức cơ sở ngành

☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 2
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh chuyên ngành 1 (Academic English 1)
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này giới thiệu các khái niệm cơ bản trong văn bản nghiên cứu, đặc biệt là vai trò của khái quát, định nghĩa, phân loại và cấu trúc của một bài nghiên cứu cho sinh viên theo học cao đẳng hoặc đại học tiếng Anh. Nó cũng cung cấp cho họ các phương pháp phát triển và trình bày một đối số, so sánh hoặc tương phản. Học sinh được yêu cầu phải làm việc trên các nhiệm vụ được lựa chọn để tối đa hóa sự tiếp xúc của họ với giao tiếp bằng văn bản và được mong đợi trở thành nhà văn có thẩm quyền trong thể loại cụ thể: bài nghiên cứu. Vì văn bản là một phần của kỹ năng đọc và viết được tích hợp để đọc làm đầu vào để kích hoạt bài viết, khóa học này được thiết kế để làm quen với các sinh viên không phải là người bản địa với các tài liệu học thuật trong nghiên cứu chính của họ. các chủ đề từ khoa học tự nhiên như sinh học đến khoa học xã hội và nhân văn như giáo dục, ngôn ngữ học và tâm lý học.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- Study Writing - Hamp-Lyons, L. and B. Heasley. Cambridge, UK: Cambridge University Press. (2006)

Tài liệu khác:

- Folse, K. S. & Pugh, T. (2010). Great writing 5: Greater essays. Boston: Heinle, Cengage Learning.
- McCormack, J. & Slaught, J. (2009). English for academic study: Extended writing and research skills. Cambridge: Cambridge University Press. Garnet Education
- Keezer, S. (ed) (2003). Write your research report. A real-time guide. New Jersey: Pearson Learning Group.
- Articles and Essays taken from The Allyn and Bacon Guide to Writing by Ramage et al (2009), Pearson Longman.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Kiến thức	- Hiểu các khái niệm cơ bản trong văn bản nghiên cứu, đặc biệt là vai trò của khái quát, định nghĩa, phân loại và cấu trúc của bài nghiên cứu cho	PLO1, PLO3	5%
		…	

	sinh viên theo học cao đẳng hoặc đại học - Cung cấp cho họ các phương pháp phát triển và trình bày một đối số, so sánh hoặc tương phản - Sau khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể sử dụng các kỹ năng viết nghiên cứu thu được để làm việc trên giấy của mình trong nghiên cứu chính của họ. - làm quen với các tài liệu học thuật trong nghiên cứu chính của họ bằng cách đọc và trả lời các văn bản của nhiều chủ đề		

	khác nhau, từ khoa học tự nhiên như sinh học đến khoa học xã hội và nhân văn như giáo dục, ngôn ngữ học và tâm lý học		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		…	

	chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	**Mô tả CĐR (2)**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)**
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
…		
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra	I, T, U

	các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	
…		
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp.	I, T, U
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	**Orientation of the Course** **Unit 1: The Academic Writing Process** **Introduction**	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
2	**Unit 1: The Academic Writing Process (Cont.)** Thinking about writing processes Distinguishing between academic and personal styles of writing Grammar of academic discourse	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	**Unit 2: Researching and Writing** Recognizing categories and classification The language of classification The structure of a research paper	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	**Unit 3: Fundamentals & Feedback** Exploring comparison and contrast structures The language of comparison and contrast Using comparisons and contrasts to evaluate and recommend	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	**Unit 3: Fundamentals & Feedback (Cont.)** The research paper	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng	A1.1 Bài tập nhóm

	Identifying a research gap The writing process		Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
6	**Unit 4: Definitions, Vocabulary & Clarity** The clarity principle The language of definition The place of definition The writing process	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	**Unit 5: Generalizations, Facts and Honesty** Honesty principle The language of generalization	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

9	**Unit 5: Generalizations, Facts and Honesty (Cont.)** Writing a literature review The writing process Brainstorming and clustering	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	**Unit 6: Seeing Ideas and Sharing Texts** Writing about events in time Connecting events Learning about peer reviews	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	**Unit 7: Description, Methods & Reality** Describing processes and products The language for writing about processes Writing the Methods section Giving and getting formal peer feedback	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	**Unit 8: Results, Discussion & Relevance** What is an argument?	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng	A1.1 Bài tập nhóm

	The language of argument The Results and Discussion sections Finding an academic voice		Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
13	**Unit 9: The Whole Academic Text** S-P-S-E: Focus on structure S-P-S-E in the introduction The language of coherence and connection Teacher evaluation	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	**Unit 10: Creating the Whole Text** Structure of the research paper Creating your own research Plagiarism Creating citations Paraphrase and summary Authorial identity	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Ôn tập thi cuối kỳ Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Ngôn Ngữ
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA256IU - WORKSHOP 1

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Hội thảo 1
  + Tiếng Anh: **Workshop 1**
- Mã số môn học: **BA256IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒Kiến thức cơ bản ☐Kiến thức cơ sở ngành

☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học cung cấp cho sinh viên những kỹ năng mềm và thái độ đúng đắn để thành công trong trường đại học và môi trường làm việc chuyên nghiệp trong tương lai. Khóa học này bao gồm chín bài thuyết trình được thực hiện bởi các diễn giả là giám đốc / người quản lý hoặc các chuyên gia có ít nhất năm năm kinh nghiệm. Các bài thuyết trình được lên kế hoạch một cách có hệ thống và khoa học để cho phép sinh viên thực hành những gì họ học trong lớp và thực hiện các bài tập làm việc theo nhóm được đưa ra bởi các diễn giả khách mời.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

I Brigham, E.F. & Ehrhardt M.C. *Financial Management: Theory and Practice, 14th ed, Thompson South-Western.*

Tài liệu khác:

Brealey, R.A., Myers, S.C. and Marcus, A.J., *Fundamentals of Corporate Finance, 7th ed, McGraw Hill 2013*

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Kiến thức	Khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể: Nhận biết và áp dụng các kỹ năng mềm có liên quan như quản lý công việc, làm việc theo nhóm, cân bằng công việc, cuộc sống, vv trong các hoạt động học tập của họ; Phát triển nhận thức và trách nhiệm xã hội của họ; Nâng cao khả năng	PLO1, PLO3 …	5%

	thuyết trình trước công chúng và thuyết trình chuyên nghiệp; Làm quen với tư duy đa quan điểm về các vấn đề khác nhau.		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		…	

	chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR	Mô tả CĐR	Mức độ giảng dạy

(X.x) **(1)**	**(2)**	**(I, T, U)** **(3)**
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
…		
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp	I, T, U

	phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	
…		
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**

A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Kỹ năng học tập hiệu quả	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Kỹ năng làm việc nhóm	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng	N/A

			Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
3	Kỹ năng giao tiếp (bao gồm giao dịch với những người có địa vị khác nhau, viết email, v.v.)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Kỹ năng tự tin và quyết đoán	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Kỹ năng phỏng vấn & viết CV	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Giải quyết vấn đề và ra quyết định	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
7	Quản lý cảm xúc và căng thẳng	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Tự khám phá / Tự kỷ luật / Tự kiểm soát / Kiên nhẫn	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

10	Cân bằng cuộc sống công việc	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Định hướng nghề nghiệp	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Kỹ năng quản lý thời gian	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

13	Ôn tập	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA283IU - FINANCIAL ACCOUNTING 1

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Kế toán tài chính 1
  + Tiếng Anh: **Financial Accounting 1**
- Mã số môn học: **BA283IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐Kiến thức cơ bản ☒Kiến thức cơ sở ngành

☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này được thiết kế để cung cấp cho sinh viên một sự hiểu biết về các nguyên tắc cơ bản, khái niệm, và các ứng dụng của kế toán tài chính. Khóa học nhằm mục đích giải quyết các khái niệm kế toán cơ bản và các nguyên tắc chung được chấp nhận dựa trên lý thuyết và thực tiễn kế toán; chu kỳ kế toán; lập báo cáo tài chính bao gồm báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và bảng cân đối kế toán; kế toán tiền mặt, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định và vô hình, nợ hiện tại, trả chậm và nợ tiềm ẩn.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Financial & Managerial Accounting, 2nd edition, by Weygandt, Kimmel, and Kieso

Tài liệu khác:

The lecturer will attempt to make lecture notes and additional reading available on Blackboard. However this is not an automatic entitlement for students taking this course. Note that this is not a distance learning course, and you are expected to attend lectures and take notes so that you will get the additional benefit of class interaction and demonstration.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	• Xác định tầm quan trọng của thông tin kế toán trong việc ra quyết định và vai trò của nó trong môi trường kinh doanh • Coi trọng, hiểu và chứng minh các thủ tục có liên quan của chu kỳ thông tin kế toán cuộc sống và chuyển đổi của	PLO1, PLO3	5%
		…	

	thông tin kế toán trong quá trình này, và • Hiểu sự phát triển của các nguyên tắc và chính sách kế toán thông qua các lý thuyết kế toán và thực hiện các ngành nghề kế toán		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6 …	5%

	trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	**Mô tả CĐR (2)**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)**
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
…		
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị.	I, T, U

	• Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	
…		
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu về kế toán và doanh nghiệp	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

2	Phân tích giao dịch	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Quy trình điều chỉnh	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Hoàn thành quy trình kế toán	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
5	Kế toán cho doanh nghiệp buôn bán	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm

6	Hàng tồn kho	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
7	Quản lý nội bộ, tiền mặt và các khoảng phải thu	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Các khoản phải thu	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

10	Tài sản cố định	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Tổng công ty: Tổ chức, giao dịch cổ phiếu và cổ tức	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Bảng lưu chuyển tiền tệ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
13	Phân tích báo cáo tài chính	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm

14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ

email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán / bộ môn Kế toán Kiểm toán
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA115IU - INTRODUCTION TO BUSINESS ADMINISTRATION

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Quản trị Kinh Doanh Đại Cương
  + Tiếng Anh: **Introduction to Business Administration**
- Mã số môn học: **BA115IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒Kiến thức cơ bản ☐Kiến thức cơ sở ngành

☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này xem xét vai trò của doanh nghiệp trong xã hội; các hoạt động liên quan thông qua đó doanh nghiệp cung cấp hàng hóa và dịch vụ cần thiết cho xã hội đương đại; và mối tương quan giữa doanh nghiệp và chính phủ, lao động và xã hội nói chung. Các lĩnh vực chung của trung tâm nghiên cứu về: nền tảng kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, hoạt động tiếp thị và các vấn đề kinh doanh đương đại và phát triển.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

William G. Nickels, James M. McHugh, Susan M.McHugh – Understanding Business, 8th edition - 2008, McGraw-Hill

Tài liệu khác:

Boone, Louis E. and David L. Kurtz, Contemporary Business, Eleventh Edition, South-Western, Mason, OH, 2008

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên sẽ có thể: • Giải thích nhanh chóng thế giới kinh doanh đang thay đổi như thế nào và tầm quan trọng của việc học tập suốt đời. • Phát triển một mức độ quen thuộc cao với một hoặc nhiều lĩnh vực kinh doanh chức	PLO1, PLO3	5%
		…	

	năng. • Giải thích cách các vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến các thực thể kinh doanh • Giải thích cách các vấn đề toàn cầu tác động đến khách hàng • Chứng minh giao tiếp bằng văn bản hiệu quả. • Phát triển kỹ năng xây dựng nhóm và hiểu động lực nhóm • Phát triển các kỹ năng tư duy phê phán áp dụng của học sinh và • Truyền thông thông qua việc phát triển danh mục đầu tư của một công ty trong ngành mà họ quan tâm.		

	• Tổ chức và phân tích thông tin một cách hợp lý: Lý thuyết và khái niệm. • Tổ chức và phân tích thông tin một cách hợp lý: Phát triển kỹ năng và thực hành.		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		…	

	để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	**Mô tả CĐR (2)**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)**
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
…		
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng	I, T, U

	các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	
…		
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**

(1)			
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Quản lý trong môi trường kinh doanh năng động: Lấy rủi ro và tạo ra lợi nhuận	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

2	Làm thế nào kinh tế ảnh hưởng đến kinh doanh: sự sáng tạo và phân phối của cải	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Chọn hình thức sở hữu	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Quản lý, lãnh đạo và trao quyền cho nhân viên	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Điều chỉnh tổ chức cho thị trường hiện nay	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

6	Sản xuất hàng hóa và dịch vụ đẳng cấp thế giới	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Thúc đẩy nhân viên và xây dựng đội ngũ tự quản lý	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	HRM: Tìm kiếm và giữ nhân viên tốt nhất	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
10	Tiếp thị: Xây dựng mối quan hệ khách hàng	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Phát triển và định giá sản phẩm và dịch vụ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Phân phối sản phẩm nhanh chóng và hiệu quả	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Sử dụng kỹ thuật quảng cáo hiệu quả	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng	

			Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá (5)

			(4)	
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Quản trị
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA003IU - PRINCIPLES OF MARKETING

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Nguyên lý tiếp thị
  + Tiếng Anh: **Principles of Marketing**
- Mã số môn học: **BA003IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐Kiến thức cơ bản ☒Kiến thức cơ sở ngành

☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học là một giới thiệu về ngôn ngữ và các vấn đề tiếp thị với trọng tâm là học cách phát triển các chiến lược tiếp thị đáp ứng đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Khóa học tập trung vào các khái niệm tiếp thị cơ bản, vai trò của tiếp thị trong tổ chức và vai trò của tiếp thị trong xã hội. Các chủ đề bao gồm phân khúc thị trường, phát triển sản phẩm, quảng bá, phân phối và định giá. Các chủ đề khác, sẽ được đưa vào khóa học, là môi trường bên ngoài (sẽ tập trung vào các chủ đề tích hợp với tiếp thị, như kinh tế, chính trị, chính phủ và tự nhiên), nghiên cứu tiếp thị, thông tin tiếp thị. tiếp thị quốc tế / toàn cầu với sự liên quan đến đa dạng văn hóa, đạo đức, tác động của công nghệ lên tiếp thị và nghề nghiệp trong tiếp thị.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Philip Kotler and Gary Armstrong (2014). Principles of Marketing. Pearson Education 2014, 15th Edition. ISBN 978-0-13-325541-6.

Tài liệu khác:

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Kiến thức	Sau khóa học, sinh viên sẽ có thể: • Hiểu các khái niệm tiếp thị cơ bản và các nguyên tắc được sử dụng trong việc phát triển các chương trình tiếp thị trong một công ty. • Tổng quan và phân tích các quy trình, vấn đề và hoạt động liên quan đến việc lập kế hoạch và thực hiện quan	PLO1, PLO3	5%
		…	

	niệm, định giá, quảng bá và phân phối các ý tưởng, hàng hóa và dịch vụ để tạo ra trao đổi. • Xác định thuật ngữ tiếp thị một cách thích hợp; giải thích các hạn chế nội bộ và bên ngoài ảnh hưởng đến việc ra quyết định tiếp thị; xác định các thành phần của chiến lược tiếp thị hiệu quả. • Hiểu nội dung của các chiến lược tiếp thị về mặt giá cả, khuyến mãi, phân phối và sản phẩm.		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6 …	5%

	thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác,	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

	xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)		

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	**Mô tả CĐR (2)**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)**
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng.	I, T, U

	• Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	
…		
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
…		
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự	I, T, U

	kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Tiếp thị: Tạo và nắm bắt giá trị khách hàng	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Phân tích môi trường tiếp thị	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Quản lý thông tin tiếp thị để hiểu rõ hơn về khách hàng	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Thị trường tiêu dùng và hành vi người mua của người tiêu dùng	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
5	Thị trường kinh doanh và hành vi của người mua doanh nghiệp	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Chiến lược tiếp thị theo hướng khách hàng: Tạo ra giá trị cho khách hàng mục tiêu	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Sản phẩm, dịch vụ và thương hiệu: Xây dựng giá trị khách hàng Nhóm trình bày phân tích trường hợp	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Sản phẩm giá cả: Hiểu và nắm bắt giá trị khách hàng	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Kênh tiếp thị: phân phối giá trị khách hàng	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Truyền đạt giá trị khách hàng: Chiến lược truyền thông tiếp thị tích hợp	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
12	Quảng cáo và quan hệ công chúng	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Quảng cáo và quan hệ công chúng	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz

15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép

đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/Bộ môn Marketing
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA020IU - BUSINESS ETHICS

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Đạo đức kinh doanh
  + Tiếng Anh: **Business Ethics**
- Mã số môn học: **BA020IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐Kiến thức cơ bản ☒Kiến thức cơ sở ngành

☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Trong khóa học này, sinh viên sẽ học cách giá trị cá nhân, giá trị doanh nghiệp, kích thước và đạo đức xã hội và pháp lý ảnh hưởng đến khả năng ra quyết định của các nhà quản lý trong một tổ chức. Học sinh sẽ làm quen với cơ sở lý thuyết về đạo đức kinh doanh và vai trò của họ trong hành vi xã hội và doanh nghiệp của một tổ chức. Học sinh sẽ học các đặc điểm của các vấn đề đạo đức trong kinh doanh, có cơ hội được tiếp xúc với sự phức tạp của việc ra quyết định đạo đức trong các tổ chức kinh doanh, và phát triển các kỹ năng phân tích của họ để giải quyết các vấn đề đạo đức.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- Andrew Ghillyer (2012). Business ethics: Now. International Edition. New York, NY: McGraw Hill.

Tài liệu khác:

- Joseph W. Weiss (2003). Business ethics: a stakeholder and issues management approach (3rd ed.). Quebec, Canada: Thomson Learning.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học này, sinh viên cần có: - Hiểu biết sâu sắc về các khái niệm lý thuyết cơ bản về đạo đức kinh doanh và tính bền vững - Một khả năng nâng cao để kiểm tra nghiêm túc các thực tiễn kinh doanh từ nhiều quan điểm đạo đức khác nhau	PLO1, PLO3	5%
		…	

	- Tăng khả năng suy nghĩ, nói và hành động theo những cách đạo đức - Thể hiện các kỹ năng Internet bao gồm quản lý e-mail, nghiên cứu web và trao đổi tài liệu.		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		…	

	để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	**Mô tả CĐR (2)**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)**
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
…		
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng	I, T, U

	các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	
…		
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**

(1)			
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Hiểu về đạo đức	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Hiểu về đạo đức	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng	N/A

			Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
3	Định nghĩa đạo đức kinh doanh	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Định nghĩa đạo đức kinh doanh	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Đạo đức tổ chức	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

6	Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Quản trị doanh nghiệp	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Đạo đức và Công nghệ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
10	Đạo đức và toàn cầu hóa	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Làm cho nó dính: Làm điều gì đúng trong một thị trường cạnh tranh	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Làm cho nó dính: Làm điều gì đúng trong một thị trường cạnh tranh	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

13	Làm cho nó dính: Làm điều gì đúng trong một thị trường cạnh tranh	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/Bộ môn Quản trị
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023
KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA068IU - INTERNATIONAL ECONOMICS

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Kinh tế quốc tế
  + Tiếng Anh: **International Economics**
- Mã số môn học: **BA068IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐Kiến thức cơ bản ☒Kiến thức cơ sở ngành
☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác
☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Kinh tế Vi mô (Introduction to Micro Economics-BA117IU)
- Môn học song hành: Không

3. COURSE AIMS AND OUTCOMES

3.1 Course Aims

Students will learn the basic concepts and real practical considerations governing International Economic and Trading Relations: national accounting system, international money supply demand impact on country interest and exchange rates, trading block formation such as European Community, ASEAN, NAFTA, WTO and other trading pacts on national and international economies. Focus would be on Vietnam in the age of globalization and economic integration.

3.2 Student Learning Outcomes

Upon the successful completion of this course students will be able to:

Competency level	Course learning outcome (CLO)
Attitude	CLO1. Reason around ethical issues in international economics conduct and apply ethical practices.
Knowledge	CLO2. Demonstrate a proficiency in utilising numerical and graphical techniques as well as verbal presentation of international economic concepts. CLO3. Select and apply an appropriate model to a given international economic problem in a logical, rigorous, and precise manner.
Skills	CLO4. Develop communications skills through the presentation of students' work and interactions during class discussion sessions.

	CLO5. Assess the international economic theories and models in terms of their policy implications, advantages and limitations. CLO6. Demonstrate the ability to produce a clear and concise written report that demonstrates higher order understanding of key concepts in international economics.

3.3 Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

	PLO									
CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						
5						x	x			
6						x	x			

3.4 Teaching Strategies

The learning system in this course consists of lectures and scheduled presentations/discussions. Lectures elaborate the appropriate theoretical content in the textbook and readings. Classes provide a more detailed and refined analysis of both concepts and applied materials. Classes are strongly oriented towards interactive discussion of the text and cases. In order to gain the most from the lectures and class activities, the assigned text/reading should be read *before* the lecture to participate in the discussions.

From the second week, the students will need to form small discussion groups (3-4 students/group) which will take turns in presenting the assigned cases each week. However, all students are required to take active part in the discussions in class. Look at articles and clippings from business sections of relevant electronic and print media which are relevant to the presentation topic. The students should explain how the material relates to the theory discussed in the text. Discuss with group members as to the common strategy for sourcing, documenting, analyzing and presenting cases each week - for which a basic minimum interaction will be necessary. For the audience, it is important that they contribute to the case by getting additional information carefully beforehand so that they are fully familiar with the materials, and are prepared to participate in the discussions.

4. GENERAL CONDUCT AND BEHAVIOR

You are expected to conduct yourself with considerable and respect for the needs of your fellow students and teaching staff. Conduct that unduly disrupts or interferes with a class, such as ringing, or talking on mobile phones, or chatting on internet, is not acceptable and students may be asked to leave the class.

Most classes will begin with a “cold call” to one specific student that will open the case, which is selected from the textbook, reference materials, and business news, and provoke class discussion. In the course of a semester, every student will receive a cold call at least once. After the opening question, the class will collectively analyze, argue, approach, and persuade polite society (the class). The instructor’s role is one of orchestration and additional stimulation of discussion.

5. LEARNING ASSESSMENT

5.1 Formal Requirements

In order to pass this course, the students must:

- achieve a composite mark of at least 50; and
- make a satisfactory attempt at all assessment tasks (see below).

5.2 Assessment Details
Performance will be evaluated on the basis of 2 home assignments, a midterm exam and a final exam,

Mid-Term Exam (One Hour)	30%
Written Assignment	30%
Final Exam (Two Hours)	40%
Total	100%

5.3 Written Assignment

A 10% per day penalty will be applied to late assignments. Assignments more than 3 days late will not be accepted. Technological issues are not considered a valid excuse for late assignments.

5.4 Exam Dates & Policies
Failure to take the final exam at the scheduled time will result in a grade of zero unless there is a serious family or personal matter of which I must be notified before the exam.

All academic work must meet the standards relevant to referencing and plagiarism.

5.5 Class participation

Students are expected to attend every class and be on time. Students are entitled to 2 absences from class without loss of grade. For each additional absence without a doctor's excuse, I will deduct one-half point from the final grade.

5.6 Special Consideration

Request for special consideration (for final examination only) must be made to the Office of Academic Affairs within one week after the examination. General policy and information on special consideration can be found at the Office of Academic Affairs.

6. ACADEMIC HONESTY AND PLAGIARISM

Plagiarism is the presentation of the thoughts or work of another as one's own (*definition proposed by the University of Newcastle*). Students are also reminded that careful time management is an important part of study and one of the identified causes of plagiarism is poor time management. Students should allow sufficient time for research, drafting, and the proper referencing of sources in preparing all assessment items. The university regards plagiarism as a form of academic misconduct, and has very strict rules regarding plagiarism.[1]

7. STUDENT RESOURCES

[1] This is adapted with kind permission from the University of New South Wales.

7.1 Course Resources

Please note that it is very important to gain familiarity with the subject matter in the readings and cases *prior to* attendance in classes.

Required text: Feenstra, Robert C. and Alan M. Taylor, Essentials of International Economics, Third Edition, New York: Worth Publishers, 2014. (Earlier versions are acceptable.)

Other useful texts:

Eichengreen, B., Globalizing Capital: A History of the International Monetary System., Princeton University Press, 2e.

Gerber, J., International Economics, Prentice Hall, 7e.

Pugel, T., International Economics, McGraw-Hill, 16e.

Salvatore, D., International Economics, John Wiley & Sons, 12e

Additional materials provided in Blackboard

The lecturer will attempt to make lecture notes and additional reading available on Blackboard. However this is not an automatic entitlement for students doing this subject. Note that this is not a distance learning course, and you are expected to attend lectures and take notes. This way, you will get the additional benefit of class interaction and demonstration.

Recommended Internet sites

UNCTAD (United Nations Conference on Trade and Development)
WTO (World Trade Organization)
Business Week
The Economist
Fortune
Forbes

Recommended Journals

Harvard Business Review
International Business Review
Journal of Management Studies
Asia Pacific Journal of Management

7.2 Other Resources, Support and Information

Additional learning assistance is available for students in this course and will be made available in Blackboard. Academic journal articles are available through connections via the VNU - Central Library. Recommended articles will be duly informed to the students.

8. COURSE SCHEDULE

Week	Topic	Learning materials and activities
1	The global economy	Textbook, Chapter 1

2-4	Trade and technology: the Ricardian model	Textbook, Chapter 2
5-6	Trade and resources: The Heckscher-Ohlin model	Textbook, Chapter 4
7-8	Tariffs and quotas under perfect competition	Textbook, Chapter 7
	Midterm Exam	
9-10	Introduction to exchange rates and the foreign exchange market	Textbook, Chapter 10
11-13	Exchange rates I: the monetary approach in the long run	Textbook, Chapter 11
14	National and international accounts: Income, wealth, and the balance of payments	Textbook, Chapter 13
15	Review	

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực

hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán/ bộ môn Kinh tế
- Địa chỉ và email liên hệ:

…

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023
KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA130IU - ORGANIZATIONAL BEHAVIOR

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Hành vi tổ chức
  + Tiếng Anh: **Organizational Behavior**
- Mã số môn học: **BA130IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐Kiến thức cơ bản ☒Kiến thức cơ sở ngành

☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này kiểm tra lý thuyết và thực hành về cách thức và lý do tổ chức hoạt động theo cách họ làm. Khóa học phân tích các yếu tố gây ra hành vi nhất định trong một tổ chức và trình bày các khuôn khổ khái niệm để phân tích cách hành vi đó ảnh hưởng đến việc ra quyết định và hiệu quả tổ chức như thế nào. Các chủ đề chính của nghiên cứu bao gồm: sự năng động của con người và tổ chức, quản lý truyền thông, hệ thống xã hội và văn hóa tổ chức, động lực và hệ thống khen thưởng, lãnh đạo và trao quyền, thái độ và tác động của nó, hành vi giữa các cá nhân và nhóm, nhóm và xây dựng nhóm, quản lý thay đổi, căng thẳng và tư vấn .....

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- Donald R. Brown, *An Experiential Approach to Organization Development*, 8th edition, Prentice Hall
- Naomi Stanford, *Organizational Design: The Collaborative Approach*, 1st edition, Elsevier
- Richard Daff, Organizational Theory and Design, 10th edition, South Western.

Tài liệu khác:

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần phải phát triển các kỹ năng trong: – Phân tích cách tổ chức có thể sử dụng các lý thuyết và thực hành Hành vi tổ chức để tăng cường việc học tập và hợp tác trong tổ chức. – Pha trộn cẩn thận lý thuyết và thực hành để các khái niệm và mô hình Hành vi tổ chức được áp	PLO1, PLO3 …	5%

	dụng trong thế giới thực để xây dựng các tổ chức tốt hơn và hiệu quả trong môi trường kinh doanh cạnh tranh. – Suy nghĩ nghiêm túc về cách quản lý khía cạnh con người của tổ chức khi không phải mọi hành vi đều hoàn toàn hợp lý.		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6 …	5%

	trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR **(X.x)**	**Mô tả CĐR** **(2)**	**Mức độ giảng dạy** **(I, T, U)**

(1)		(3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
…		
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn.	I, T, U

	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	
…		
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu về hành vi tổ chức	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	PHẦN I: CÁ NHÂN TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	PHẦN I: CÁ NHÂN TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	PHẦN I: CÁ NHÂN TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
5	PHẦN I: CÁ NHÂN TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	PHẦN II: NHÓM TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	PHẦN II: NHÓM TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	PHẦN II: NHÓM TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng	N/A

			Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
10	PHẦN II: NHÓM TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	PHẦN II: NHÓM TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	PHẦN III: HỆ THỐNG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	PHẦN III: HỆ THỐNG TỔ CHỨC (tt)	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham

khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA016IU - FUNDAMENTALS OF FINANCIAL MANAGEMENT

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Nguyên lý Quản trị Tài chính
  + Tiếng Anh: **Fundamentals of Financial Management**
- Mã số môn học: **BA016IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐Kiến thức cơ bản ☒Kiến thức cơ sở ngành

☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Kế toán tài chính (BA184IU/BA005IU) hoặc Kế toán tài chính 1 (BA283IU)
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Mục tiêu của khóa học này là để tiếp xúc với sinh viên và làm quen chúng với các khung lý thuyết và các vấn đề thực tế về quản lý tài chính. Kinh nghiệm học tập sẽ bao gồm: giới thiệu về quản lý tài chính; giá trị thời gian của tiền; kỹ thuật định giá các công cụ tài chính như trái phiếu và cổ phiếu; đánh giá các dự án lớn; mối quan hệ giữa rủi ro và lợi nhuận; giới thiệu về mô hình định giá tài sản vốn (CAPM) và lý thuyết danh mục đầu tư; và chi phí vốn và cơ cấu vốn.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

I Brigham, E.F. & Ehrhardt M.C. *Financial Management: Theory and Practice, 14th ed, Thompson South-Western.*

Tài liệu khác:

Brealey, R.A., Myers, S.C. and Marcus, A.J., *Fundamentals of Corporate Finance, 7th ed, McGraw Hill 2013*

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên sẽ có thể: • Giải thích mục đích, mục đích và tầm quan trọng của quản lý tài chính; • Tính toán các chỉ tiêu tài chính và tiến hành phân tích tài chính cơ bản của công ty; • Hiểu báo cáo tài chính; Có thể diễn giải thông tin kế toán cho các quyết định quản lý • Hiểu mối quan hệ giữa rủi ro và lợi tức;	PLO1, PLO3 …	5%

	• Hiểu được giá trị thời gian của tiền và có các kỹ năng để chuyển đổi các giá trị thời gian tài chính; • Định giá cơ bản các trái phiếu, cổ phiếu và các dự án đầu tư; • Đánh giá các lựa chọn thay thế ngân sách vốn, sử dụng chi phí vốn của công ty kết hợp với tỷ suất hoàn vốn nội bộ và các kỹ thuật giá trị hiện tại ròng; • Tính chi phí vốn và cơ cấu vốn.		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		…	

	và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR **(X.x)** **(1)**	**Mô tả CĐR** **(2)**	**Mức độ giảng dạy** **(I, T, U)** **(3)**
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
…		
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù	I, T, U

	hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	
…		
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	

	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu về quản lý tài chính	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Phân tích báo cáo tài chính	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Phân tích báo cáo tài chính	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz

4	Giá trị thời gian của tiền	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Giá trị thời gian của tiền	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
6	Trái phiếu và giá trị	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
7	Cổ phiếu và giá trị	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

9	Tiêu chí đầu tư dự án và Quyết định ngân sách vốn	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Ngân sách vốn và dự báo dòng tiền	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
11	Ngân sách vốn và dự báo dòng tiền	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
12	Rủi ro, lợi nhuận và ngân sách vốn	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
13	Cơ cấu vốn và chi phí vốn	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm

14	Ôn tập	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham

khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán / bộ môn Tài chính Ngân hàng
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA081IU - BUSINESS LAW

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Luật kinh doanh
  + Tiếng Anh: **Business law**
- Mã số môn học: **BA081IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐Kiến thức cơ bản ☒Kiến thức cơ sở ngành
☐Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác
☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Pháp luật Đại cương (PE021IU)
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Tiếp theo là Giới thiệu về hệ thống pháp luật Việt Nam, khóa học này cung cấp thêm kiến thức pháp lý cụ thể và thực tiễn hơn về quy định áp dụng cho toàn bộ vòng đời của doanh nghiệp, tức là từ khi thành lập, hoạt động cho đến khi giải thể / phá sản doanh nghiệp. Ngoài ra, sinh viên sẽ được giới thiệu với các tổ chức thương mại quốc tế và các quy tắc thương mại quốc tế chính được áp dụng rộng rãi và cần thiết cho các doanh nghiệp Việt Nam trong khi giao dịch với các thực thể nước ngoài trong thời đại toàn cầu hóa. Chủ đề này sẽ tăng cường hơn nữa khả năng giải quyết vấn đề của học sinh và kỹ năng phân tích pháp lý với khả năng áp dụng được cải thiện trong các tình huống thực tế hàng ngày.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- - Bộ luật Dân sự Việt Nam - 2015
- - Luật Thương mại - 2005
- - Luật Đầu tư - 2014
- - Luật Doanh nghiệp - 2014
- - Luật phá sản - 2014
- - Mã thủ tục dân sự - 2015
- - Luật Trọng tài thương mại - 2010.

…

Tài liệu khác:

- ĐạihọcluậtHàNội, GiáotrìnhLuậtThươngmại 1, (10thedn, Công An NhânDân 2014).

- ĐạihọcluậtHàNội, GiáotrìnhLuậtThươngmại 2, (9thedn, Công An NhânDân 2015)

Phần mềm:
[..] Tên hang phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*
…

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần có: • Kiến thức cơ bản về quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh và doanh nghiệp. Các khái niệm và nguyên tắc chính. • Kiến thức về các vấn đề cụ thể cho hoạt động, tổ chức lại và khả năng thanh toán của doanh nghiệp • Có khả năng phân tích và lựa chọn cách tốt nhất để giải quyết các tranh chấp kinh doanh và áp dụng các quy định phù hợp nhất cho doanh nghiệp. • Kiến thức sâu sắc về ngôn ngữ pháp lý và ứng dụng của nó.	PLO1, PLO3	5%
		…	
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Phân tích và kỹ năng giải quyết vấn	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		…	

	đề được áp dụng cho các trường hợp thực tế. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3: Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%
		…	

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát
(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	**Mô tả CĐR (2)**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)**
G1.1	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần có: • Kiến thức cơ bản về quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh và doanh nghiệp. Các khái niệm và nguyên tắc chính. • Kiến thức về các vấn đề cụ thể cho hoạt động, tổ chức lại và khả năng thanh toán của doanh nghiệp • Có khả năng phân tích và lựa chọn cách tốt nhất để giải	I, T, U

	quyết các tranh chấp kinh doanh và áp dụng các quy định phù hợp nhất cho doanh nghiệp. • Kiến thức sâu sắc về ngôn ngữ pháp lý và ứng dụng của nó.	
…		
G1.2	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Phân tích và kỹ năng giải quyết vấn đề được áp dụng cho các trường hợp thực tế. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	I, T, U
…		
G1.3	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	I, T, U
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học
(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.
(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**
	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%

A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.2, G1.3	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá
(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá
(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	**Chương I:** Luật kinh doanh và thực thể kinh doanh • Giới thiệu khóa học và giải thích về giáo trình và các vấn đề học thuật khác • Giới thiệu về Luật doanh nghiệp - Luật kinh doanh là gì? - Vấn đề của nó - Chủ đề chính của nó - Nguồn của nó - Vai trò của nó - Nghiên cứu so sánh các hệ thống luật kinh doanh nghiêm trọng • Giới thiệu về các thực thể kinh doanh • Tổng quan và bản chất của các đơn vị kinh doanh tại Việt Nam	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

2	**Chương II:** Đơn vị kinh doanh: Hộ kinh doanh, Doanh nghiệp tư nhân và Đối tác. • Đặc điểm • Cơ cấu quản lý • Điểm mạnh và điểm yếu • So sánh với các thực thể khác	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	**Chương III:** Đơn vị kinh doanh: Công ty trách nhiệm hữu hạn (Thành viên ký và hai thành viên trở lên) • Đặc điểm • Cơ cấu quản lý • Điểm mạnh và điểm yếu • So sánh với các thực thể khác	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
4	**Chương IV:** Đơn vị kinh doanh: Công ty cổ phần và doanh nghiệp nhà nước • Đặc điểm • Cơ cấu quản lý • Điểm mạnh và điểm yếu • So sánh với các thực thể khác	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
5	**Chương V:** Đăng ký kinh doanh và tổ chức lại: Đăng ký kinh doanh: • Thủ tục • Thủ tục	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	A1.2 Quizzes

	Tổ chức lại doanh nghiệp: • Hợp nhất • Sáp nhập • Tách biệt • Phòng ban • Giải tán.		Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
6	**Chương VI:** Luật phá sản • Khả năng thanh toán • Thủ tục phá sản • Hậu quả pháp lý của phá sản	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
7	**Chương VII:** Luật đầu tư Giới thiệu chung: • Hoạt động đầu tư kinh doanh • Lĩnh vực đầu tư kinh doanh • Chính sách đầu tư (bảo lãnh đầu tư, hỗ trợ và ưu đãi) • Thủ tục đầu tư kinh doanh	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
8	**Chương VIII:** Giải quyết tranh chấp kinh doanh: • Giới thiệu về các phương pháp giải quyết tranh chấp. • Định nghĩa và bản chất của từng phương pháp giải quyết tranh chấp • Ưu và nhược điểm của từng phương pháp giải quyết tranh chấp	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

	• Giải quyết tranh chấp theo hệ thống tòa án theo thủ tục tố tụng dân sự của Việt Nam - Thẩm quyền của Tòa án - Nguyên tắc giải quyết tranh chấp - Thủ tục giải quyết tranh chấp - Phiên tòa sơ thẩm - Xét xử phúc thẩm - Đường mòn Cassation - Mở lại bản dùng thử			
9	Giải quyết tranh chấp kinh doanh: • Giải quyết tranh chấp theo Trọng tài theo luật pháp Việt Nam - Giới thiệu chung về quy định của Trọng tài Việt Nam và Pháp lệnh Trọng tài 2010 • Thẩm quyền của Trọng tài • Thủ tục giải quyết tranh chấp	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Luật hợp đồng: quy định chung • Giới thiệu chung: - Định nghĩa - Đối tượng - Nguyên tắc	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

	• Hiệu lực của hợp đồng • Hình thành hợp đồng - Đề nghị và chấp nhận - Hình thức hợp đồng - Thời gian và địa điểm - Nội dung hợp đồng • Hiệu lực của hợp đồng			
11	Luật hợp đồng: Quy định chung • Hiệu suất hợp đồng - Nguyên tắc - Hiệu suất hợp đồng trong các trường hợp cụ thể • Vi phạm và Biện pháp khắc phục • Chấm dứt hợp đồng	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
12	Luật kinh doanh và thực thể kinh doanh • Giới thiệu khóa học và giải thích về giáo trình và các vấn đề học thuật khác • Giới thiệu về Luật doanh nghiệp - Luật kinh doanh là gì? - Vấn đề của nó - Chủ đề chính của nó - Nguồn của nó - Vai trò của nó	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

	- Nghiên cứu so sánh các hệ thống luật kinh doanh nghiêm trọng • Giới thiệu về các thực thể kinh doanh • Tổng quan và bản chất của các đơn vị kinh doanh tại Việt Nam			
13	Luật thương mại quốc tế Giới thiệu • Giới thiệu về Luật Thương mại Kinh doanh • Nguồn luật thương mại quốc tế • Giới thiệu về các Tổ chức Thương mại Quốc tế chính: WTO • Giới thiệu về các tổ chức thương mại khu vực: EU, ASEAN, MERCOSUR…	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
14	Luật kinh doanh quốc tế Giới thiệu • Bán hàng hóa quốc tế - Incoterm 2010 - Công ước Vienna về bán hàng hóa quốc tế 1980 • Vận chuyển hàng hóa quốc tế • Thanh toán quốc tế: 600 UCP	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

15	**Thi cuối kì**	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Quản Trị Kinh Doanh/ Bộ môn Quản trị
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023
KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

EFA209IU - RESEARCH METHOD IN ECONOMICS

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế
  + Tiếng Anh: **Research Method in Economics**
- Mã số môn học: **EFA209IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐Kiến thức cơ bản ☐Kiến thức cơ sở ngành
☒Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác
☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành
- Môn học tiên quyết: Thống Kê Trong Kinh Doanh (BA080IU)
- Môn học song hành: Khóa học này kết hợp kiến thức của tất cả các khóa học (đặc biệt là các khóa học chuyên môn của bạn) và lý thuyết phương pháp nghiên cứu (sẽ được cung cấp trong khóa học này) để giải quyết một dự án / vấn đề thực tế

2. Mô tả môn học

Khóa học này cung cấp các chủ đề quan trọng trong lĩnh vực nghiên cứu. Nó giới thiệu toàn bộ quá trình nghiên cứu, từ xây dựng các câu hỏi nghiên cứu đến thiết kế nghiên cứu và kết thúc bằng việc viết báo cáo. Nội dung khóa học nhấn mạnh vào phương pháp thiết kế nghiên cứu định lượng, nó cũng cung cấp các kỹ thuật cho phương pháp thu thập dữ liệu, thiết kế dụng cụ đo lường và sàng lọc, chuẩn bị và phân tích dữ liệu. Khóa học cũng đề cập đến các vấn đề đạo đức trong nghiên cứu.

3. Tài liệu học tập

Giáo trình:

- Cooper, R.D. & Schindler, S.P. (2011). Business Research Methods. 12nd Ed. McGraw-Hill Irwin. NY.
- Bhattacherjee (2012), Social Science Research: Principles, Methods, and Practices
- Woodside (2010), Case Study Research: Theory, Methods, Practice.**Tài liệu khác:**

Phần mềm:

N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Đến cuối khóa học, học sinh được mong đợi đạt được thành thạo trong các lĩnh vực sau: - phân biệt giữa nghiên cứu và nghiên	PLO1, PLO3	5%
		…	

	cứu tốt không đạt chất lượng chuyên nghiệp - đánh giá cao giá trị của việc học các kỹ năng quy trình nghiên cứu - xác định và xây dựng các câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết - viết và phê bình các đề xuất nghiên cứu - xác định các vấn đề đạo đức và nghiên cứu và hiểu sự cần thiết phải tuân thủ các nguyên tắc đạo đức khi tiến hành nghiên cứu - hiểu và áp dụng các loại thiết kế nghiên cứu chính - hiểu các mối quan hệ tồn tại giữa các biến trong thiết kế nghiên cứu và các bước để đánh giá các mối quan hệ đó - lập kế hoạch và thu thập dữ liệu mẫu cho một dự án nghiên cứu - hiểu và đánh giá nội dung, tiêu chí liên quan và xây dựng tính hợp lệ và độ tin cậy - phát triển các công cụ khảo sát và tiến hành nghiên cứu khảo sát - Thu thập, mã và phân tích các loại dữ liệu khác nhau - khám phá, hiển thị và kiểm tra dữ liệu - kết quả nghiên cứu hiện tại qua cả báo		

	cáo bằng văn bản và bằng miệng.		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		…	
G3: Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh tế chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	3%
		…	
…			

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát
(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	**Mô tả CĐR (2)**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)**
G1.1	Đến cuối khóa học, học sinh được mong đợi đạt được thành thạo trong các lĩnh vực sau:	I, T, U

	- phân biệt giữa nghiên cứu và nghiên cứu tốt không đạt chất lượng chuyên nghiệp - đánh giá cao giá trị của việc học các kỹ năng quy trình nghiên cứu - xác định và xây dựng các câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết - viết và phê bình các đề xuất nghiên cứu - xác định các vấn đề đạo đức và nghiên cứu và hiểu sự cần thiết phải tuân thủ các nguyên tắc đạo đức khi tiến hành nghiên cứu - hiểu và áp dụng các loại thiết kế nghiên cứu chính - hiểu các mối quan hệ tồn tại giữa các biến trong thiết kế nghiên cứu và các bước để đánh giá các mối quan hệ đó - lập kế hoạch và thu thập dữ liệu mẫu cho một dự án nghiên cứu - hiểu và đánh giá nội dung, tiêu chí liên quan và xây dựng tính hợp lệ và độ tin cậy - phát triển các công cụ khảo sát và tiến hành nghiên cứu khảo sát - Thu thập, mã và phân tích các loại dữ liệu khác nhau - khám phá, hiển thị và kiểm tra dữ liệu - kết quả nghiên cứu hiện tại qua cả báo cáo bằng văn bản và bằng miệng.	
…		
G1.2	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề	I, T, U

	quan trọng, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	
…		
G1.3	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh tế chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	I, T, U
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học
(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.
(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	40%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	25%
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	35%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá
(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá
(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	**Chương I:** Giới thiệu	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
2	**Chương II:** Quy trình nghiên cứu	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	**Chương III:** Làm rõ câu hỏi nghiên cứu thông qua dữ liệu thứ cấp và thăm dò	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
4	**Chương IV:** Thiết kế nghiên cứu **Buổi dạy kèm I**	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
5	**Chương V:** Phương pháp định lượng **Buổi dạy kèm II**	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes

6	**Chương VI:** Kiểm tra đo lường và chất lượng **Buổi dạy kèm III**	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
7	**Chương VI:** Kiểm tra đo lường và chất lượng (tiếp theo)	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
8	**Thuyết trình**	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
9	**Chương VII:** Lấy mẫu Tương quan và hồi quy (Phương pháp định lượng) **Buổi dạy kèm 4**	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
10	**Chương VIII:** Tiến hành nghiên cứu và viết và trình bày bài báo	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	A1.2 Quizzes

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
11	**Chương IX:** Hội thảo về các chủ đề được chọn trong tài chính **Buổi dạy kèm 5**	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
12	**Chương X:** Hội thảo về nghiên cứu điển hình	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
13	**Chương XI:** Hội thảo về các đề tài mẫu được lựa chọn	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
14	Thuyết trình	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes

15	Thuyết trình	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán / bộ môn Kinh tế
- Địa chỉ và email liên hệ:

…

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023
KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA051IU - INTERNATIONAL FINANCIAL MANAGEMENT

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Quản Trị Tài Chính Quốc Tế
  + Tiếng Anh: **International Financial Management**
- Mã số môn học: **BA051IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐Kiến thức cơ bản ☐Kiến thức cơ sở ngành
☐Kiến thức chuyên ngành ☒Kiến thức khác
☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Nguyên lý quản trị tài chính (Fundamentals of Financial Management – BA016IU)
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Chủ đề này giới thiệu và mở rộng việc ra quyết định tài chính trong bối cảnh quốc tế. Nó sẽ giới thiệu tỷ giá hối đoái vào phương trình, quan sát các tác động và điều tra các yếu tố có thể giải thích các biến động tỷ giá hối đoái. Ngoài ra, nó sẽ xem xét các chiến lược để giảm thiểu tác động của thay đổi tỷ giá hối đoái. Nó cũng sẽ bao gồm một loạt các vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa của thị trường vốn, bao gồm đầu tư quốc tế, chi phí đa quốc gia về vốn, cấu trúc vốn và tái cơ cấu.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

[1] Madura J. (2012), International Corporate Finance, 11th edition, South-Western, Cengage Learning

-

…

Tài liệu khác:

The Wall Street Journal, The Economist, Business Week

Phần mềm:

[..] Tên hang phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

…

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức		PLO1, PLO3	5%

	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần phải phát triển kỹ năng • Từ vựng tài chính quốc tế • Kỹ năng tài chính (Toán) trong phân tích các chủ đề kinh doanh quốc tế • Hiểu được rủi ro cụ thể đối với môi trường quốc tế	…	
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		…	
G3: Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%
		…	

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát
(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần phải phát triển kỹ năng • Từ vựng tài chính quốc tế • Kỹ năng tài chính (Toán) trong phân tích các chủ đề kinh doanh quốc tế • Hiểu được rủi ro cụ thể đối với môi trường quốc tế	I, T, U
…		
G1.2	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	I, T, U
…		
G1.3	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	I, T, U
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.2, G1.3	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá
(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá
(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Tổng quan về quản lý tài chính đa quốc gia	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Cán cân thanh toán	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Thị trường ngoại hối	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
4	Xác định tỷ giá hối đoái và hệ thống quản lý tỷ giá hối đoái	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
5	Xác định tỷ giá hối đoái và hệ thống quản lý tỷ giá hối đoái	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
6	Mối quan hệ giữa lãi suất, lạm phát và tỷ giá hối đoái	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
7	Mối quan hệ giữa lãi suất, lạm phát và tỷ giá hối đoái (cont.) Tỷ giá hối đoái dự báo	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
8	Thi giữa kỳ	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng	N/A

			Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
9	Công cụ để bảo hiểm rủi ro tỷ giá hối đoái: Hợp đồng chuyển tiếp, Hợp đồng tương lai và Tùy chọn	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Công cụ để bảo hiểm rủi ro tỷ giá hối đoái: Hợp đồng chuyển tiếp, Hợp đồng tương lai và Tùy chọn (Tiếp)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
11	Tỷ giá hối đoái dự báo	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
12	Đo độ phơi sáng đối với biến động tỷ giá hối đoái	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
13	Quản lý và tiếp xúc ngoại hối:	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng	N/A

	Quản lý phơi nhiễm giao dịch		Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
14	Quản lý và tiếp xúc ngoại hối: Quản lý phơi nhiễm kinh tế và dịch phơi nhiễm	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
15	Ôn tập thi cuối kì			

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán /Bộ môn Tài Chính Ngân Hàng
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023
KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA213IU - CORPORATE GOVERNANCE

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Quản trị công ty
  + Tiếng Anh: **Corporate Governance**
- Mã số môn học: **BA213IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐Kiến thức cơ bản ☐Kiến thức cơ sở ngành
☐Kiến thức chuyên ngành ☒Kiến thức khác
☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: N/A

2. Mô tả môn học

Quản trị doanh nghiệp đề cập đến quyền sở hữu, kiểm soát và trách nhiệm của các tập đoàn. Nó đã trở thành một vấn đề quan trọng hiện nay với các mối quan tâm như: các công ty đang mang lại lợi ích cho những ai; cơ chế nào được đưa ra để đảm bảo rằng lợi ích của cổ đông được đảm bảo an toàn; cơ sở nào là thích hợp cho việc thiết lập mức lương cho cấp quản lý; và tại sao mặc dù nhiều quy trình thủ tục và hành động quản lý tốt đã được đưa ra áp dụng chính thức, mọi việc vẫn đi sai hướng và dẫn đến sự sụp đổ của công ty trong một số trường hợp và thất bại của sự tự tin trong việc quản lý công ty nói chung?

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

IFC (2010) *Corporate Governance Manual for Vietnam.*

Solomon, J. (2010) *Corporate Governance and Accountability*. 3rd edn. John Wiley & Sons.

Tricker, R. (2009) *Corporate Governance: Principles, Policies and Practices.* Oxford University Press.

Monks and Minow (2011) *Corporate Governance.* 5th edn. John Wiley & Sons.

…

Tài liệu khác:

1. Accounting, Auditing and Accountability Journal
2. Accounting, Organisations and Society
3. Business and Society Review
4. Corporate Governance: An international Review
5. Critical Perspectives on Accounting

6. European Accounting Review
7. International Journal of Accounting

…

Phần mềm:

[..] Tên hang phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

…

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Kiến thức	• Để giới thiệu khái niệm và lý thuyết cơ bản về quản trị doanh nghiệp. • Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của quản trị doanh nghiệp và sự phát triển, thực tiễn áp dụng, phương pháp và lý thuyết của quản trị doanh nghiệp. • Để nâng cao kiến thức của sinh viên về sự ảnh hưởng khác nhau của các bên đến công ty, bao gồm cả cổ đông, Hội đồng quản trị, và các nhà quản lý. • Để hiểu được mối quan hệ giữa các bên để việc quản trị tốt hơn.	PLO1, PLO3	5%
		…	
G2: Kỹ năng	• Áp dụng phong cách viết rõ ràng, ngắn gọn, thuyết phục và chính xác cho mục đích kinh doanh.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		…	

	• Hoàn thành một bản lý lịch chính xác, đầy đủ và thư giới thiệu • Tiến hành các cuộc phỏng vấn được chuẩn bị tốt và hoàn thành thư từ việc làm tiếp theo • Chứng minh khả năng trình bày các báo cáo bằng miệng hiệu quả.		
G3: Thái độ	1. Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) 2. Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%
		…	

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát
(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	**Mô tả CĐR (2)**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)**
G1.1	• Để giới thiệu khái niệm và lý thuyết cơ bản về quản trị doanh nghiệp. • Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của quản trị doanh nghiệp và sự phát triển, thực tiễn áp dụng, phương pháp và lý thuyết của quản trị doanh nghiệp. • Để nâng cao kiến thức của sinh viên về sự ảnh hưởng khác nhau của các bên đến công ty, bao gồm cả cổ đông,	I, T, U

	Hội đồng quản trị, và các nhà quản lý. • Để hiểu được mối quan hệ giữa các bên để việc quản trị tốt hơn.	
…		
G1.2	• Áp dụng phong cách viết rõ ràng, ngắn gọn, thuyết phục và chính xác cho mục đích kinh doanh. • Hoàn thành một bản lý lịch chính xác, đầy đủ và thư giới thiệu • Tiến hành các cuộc phỏng vấn được chuẩn bị tốt và hoàn thành thư từ việc làm tiếp theo • Chứng minh khả năng trình bày các báo cáo bằng miệng hiệu quả.	I, T, U
…		
G1.3	1. Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) 2. Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	I, T, U
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học
(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.
(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.2, G1.3	30%

	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá
(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá
(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu về Quản trị doanh nghiệp (CG)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Giới thiệu về Quản trị doanh nghiệp (CG)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Các lý thuyết và triết lý của CG	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
4	Công khai và minh bạch	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng	N/A

			Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
5	Cổ đông và các bên liên quan	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
6	Vai trò, nhiệm vụ và trách nhiệm pháp lý của Ban giám đốc	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
7	Thành phần và cấu trúc của Hội đồng quản trị hiệu quả	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
8	Thành phần và cấu trúc của Hội đồng quản trị hiệu quả	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

9	**Thi Giữa Kỳ**			
10	Giám sát tài chính			
11	Quản trị chiến lược, đánh giá việc truyền tải chiến lược và đánh giá hiệu suất của giám đốc điều hành	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
15	**Buổi ôn tập**			
16	**Thi Cuối Kỳ**			

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán / bộ môn Tài Chính Ngân Hàng
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023
KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA201IU - INTERMEDIATE MICROECONOMICS

Course Name: Intermediate Microeconomics

Course Code: EFA201IU

1. General information

Course designation	*Following the introduction to microeconomics course, this course is designed to study of theories of supply and demand; consumer and producer decision-making; firm pricing policies; product and resource markets under conditions of perfect and imperfect competition; and imperfect and asymmetric information.*
Semester(s) in which the course is taught	1,2
Person responsible for the course	Dr. Nguyen, Tra My
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, lesson, project, seminar.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours[2]: 90
Credit points	3

[2] When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

<table>
<tr><td>Required and recommended prerequisites for joining the course</td><td>Introduction to Microeconomics</td></tr>
<tr><td>Course objectives</td><td>The objectives of this course are to: (i) Present microeconomic theory as a tool for consumer and producer decision-making, and for public policy analysis. (ii) Introduce mathematical models to model economic concepts. (iii) Explain microeconomic behavior using problem solving and application of the theories to the analysis of economic issues. (iv) Develop analytical and critical thinking skills within the framework of microeconomic analysis.</td></tr>
<tr><td>Course learning outcomes</td><td>Upon the successful completion of this course students will be able to:
<table>
<tr><th>Competency level</th><th>Course learning outcome (CLO)</th></tr>
<tr><td>Attitude</td><td>CLO1. Reason around ethical issues in microeconomics conduct and apply ethical practices.</td></tr>
<tr><td>Knowledge</td><td>CLO2. Demonstrate a proficiency in utilising numerical and graphical techniques as well as verbal presentation of microeconomic concepts.
CLO3. Select and apply an appropriate model to a given microeconomic problem in a logical, rigorous, and precise manner.</td></tr>
<tr><td>Skills</td><td>CLO4. Develop communications skills through the presentation of students’ work and interactions during class discussion sessions.
CLO5. Assess the microeconomic theories and models in terms of their policy implications, advantages and limitations.
CLO6. Demonstrate the ability to produce a clear and concise written report that demonstrates higher order understanding of key concepts in microeconomics.</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

<table>
<tr><td>Content</td><td>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.
Weight: lecture session (3 hours)
Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)
<table>
<tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr>
<tr><td>The Basics of Supply and Demand</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Consumer Behavior</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Individual and Market Demand</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Uncertainty and Consumer Behavior</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Production</td><td>2</td><td>T</td></tr>
<tr><td>The Cost of Production</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Profit Maximization and Competitive Supply</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>The Analysis of Competitive Markets</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Market Power: Monopoly and Monopsony</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Monopolistic Competition and Oligopoly</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Markets with Asymmetric Information</td><td>1</td><td>T</td></tr>
<tr><td>Externalities and Public Goods</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Examination forms</td><td>Multiple-choice questions, short-answer questions, problem solving questions</td></tr>
<tr><td>Study and examination requirements</td><td>Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged.
Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.</td></tr>
<tr><td>Reading list</td><td>[1] Pindyck, R., & Rubinfeld, D. (2018). Microeconomics, (8th edition). Pearson Education.</td></tr>
</table>

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

	PLO									
CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						
5						x	x			
6						x	x			

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	The Basics of Supply and Demand	1,3		Lecture, Discussion,	[1]
2	Consumer Behavior	1,2,3		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
3-4	Individual and Market Demand	2,4,5	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
5	Uncertainty and Consumer Behavior	2,3,6	Quiz 1 Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation, In-class quiz	[1]
6	Production	2,3,4		Lecture, Group work, Discussion	[1]
7	The Cost of Production	2,3,5		Lecture, Group work, Discussion	
8	Profit Maximization and Competitive Supply	2,3,5	Quiz 2 Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation, In-class quiz	[1]
9-10	Midterm				
11	The Analysis of Competitive Markets	2,3,4,5	Presentation	Lecture, Group work, Discussion,	[1]
12	Market Power: Monopoly and Monopsony	2,3,4,5		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
13	Monopolistic Competition and Oligopoly	2,3,4,5		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
14	Markets with Asymmetric Information	2,3,5,6	Quiz 3 Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation, In-class quiz	[1]
15	Externalities and Public Goods	2,3,4,5		Lecture, Discussion,	[1]
16	Revision			Review-Test	
17	Final exam				

4. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
In-class exercises/quizzes (15%)		x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass		
Group project (15%)	x 80%Pass				x 80%Pass	x 80%Pass
Midterm exam (30%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass		
Final exam (40%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass		

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

5. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student: …….. HW/Assignment: ……. Date: …… Evaluator: ……			
	Max.	**Score**	**Comments**
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	**Description**
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.

2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	**Milestone**		**Benchmark**
	4	**3**	**2**	**1**
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence *Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion*	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/ hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	**Milestone**		**Benchmark**
	4	**3**	**2**	**1**

Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.
Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

6. Date revised: November 5, 2022

Ho Chi Minh City, 6 / July / 2023

Vice Dean of School

Lê Văn Chơn

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA202IU - INTERMEDIATE MACROECONOMICS

Course Name: Intermediate Macroeconomics

Course Code: EFA202IU

7. General information

Course designation	Macroeconomics is the study of the economy as a whole, including growth in incomes, changes in prices, and the rate of unemployment. The objective of this course is to gain a formal understanding of macroeconomic topics such as what determines economic growth, what are the consequences of economic fluctuations, and what are the short run and long run determinants of aggregate income, wages rates, exchange rates, inflation rates, interest rates, and unemployment rates.
Semester(s) in which the course is taught	1,2
Person responsible for the course	Dr. Trung, Nguyen Ba
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, lesson, project, seminar.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours[3]: 90

[3] When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

<table>
<tr><td>Credit points</td><td>3</td></tr>
<tr><td>Required and recommended prerequisites for joining the course</td><td>Introduction to Macroeconomics</td></tr>
<tr><td>Course objectives</td><td>The objective of this course is to gain a formal understanding of macroeconomic topics such as what determines economic growth, what are the consequences of economic fluctuations, and what are the short run and long run determinants of aggregate income, wages rates, exchange rates, inflation rates, interest rates, and unemployment rates. In order to do this we will study the main models that have been developed by macroeconomists to explain the behavior of economies and to investigate the implications of those models for policy-making decisions. The principal material of this course is a presentation of the basic macroeconomic models of (a) long run growth and output mix and (b) business cycles and government policies which might be used to mitigate them. By the end of this course, you should have an understanding of the functioning of a modern macroeconomy and its ability to deliver goods and services both in the short-run and the long run.</td></tr>
<tr><td>Course learning outcomes</td><td>Upon the successful completion of this course students will be able to:
<table>
<tr><th>Competency level</th><th>Course learning outcome (CLO)</th></tr>
<tr><td>Attitude</td><td>CLO1. Reason around ethical issues in macroeconomics conduct and apply ethical practices.</td></tr>
<tr><td>Knowledge</td><td>CLO2. Be able to describe the determinants of long-run economic growth, employment and inflation.
CLO3. Be able to explain the causes and consequences of short-run fluctuations in economic activity using different macroeconomic models.
CLO4. Be able to explain the role of international trade in macroeconomic fluctuations</td></tr>
<tr><td>Skills</td><td>CLO5. Develop communications skills through the presentation of students’ work and interactions during class discussion sessions.
CLO6. Assess the macroeconomic theories and models in terms of their policy implications, advantages and limitations.
CLO7. Demonstrate the ability to produce a clear and concise written report that demonstrates higher order understanding of key concepts in macroeconomics.</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

<table>
<tr><td>Content</td><td>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.
Weight: lecture session (3 hours)
Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)
<table>
<tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr>
<tr><td>Chapters 1 & 2: Introduction to Macroeconomics
Chapter 3: National Income</td><td>2</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Chapter 4 & 5: Money and Inflation</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Chapter 7: Unemployment</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Chapter 8: Economic Growth I</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Chapter 9: Economic Growth II</td><td>1</td><td>T</td></tr>
<tr><td>Chapter 10: Introduction to Economic Fluctuations</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Chapter 11: Aggregate Demand I</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Chapter 12: Aggregate Demand II</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Chapter 6: The Open Economy</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Chapter 13: Open Economy: Mundell-Fleming Model</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Chapter 14: Aggregate Supply and the Short-Run Tradeoff Between Inflation and Unemployment</td><td>1</td><td>T</td></tr>
<tr><td>Chapter 15: Review</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Examination forms</td><td>Multiple-choice questions, short-answer questions, problem solving questions</td></tr>
<tr><td>Study and examination requirements</td><td>Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged.
Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.</td></tr>
<tr><td>Reading list</td><td>[1] Macroeconomics 10th Edition is written by N. Gregory Mankiw</td></tr>
</table>

8. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

	PLO									
CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						

5						x	x			
6						x	x			

9. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1-2	Chapters 1 & 2: Introduction to Macroeconomics Chapter 3: National Income	2,5		Lecture, Discussion,	[1]
3	Chapter 4 & 5: Money and Inflation	2,5,6		Lecture, Discussion,	[1]
4	Chapter 7: Unemployment	2,5,6	Quiz 1	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
5	Chapter 8: Economic Growth I	2,5,6		Lecture, Group work, Discussion, Presentation, In-class quiz	[1]
6	Chapter 9: Economic Growth II	2,5,6	Quiz 2	Lecture, Group work, Discussion	[1]
7	Chapter 10: Introduction to Economic Fluctuations				
8	Midterm examination				
9-10	Chapter 11: Aggregate Demand I	3,,5,6		Lecture, Group work, Discussion	
11	Chapter 12: Aggregate Demand II	3,5,6	Quiz 3	Lecture, Group work, Discussion, Presentation, In-class quiz	[1]
12	Chapter 6: The Open Economy	4,5,6		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
13-14	Chapter 13: Open Economy: Mundell-Fleming Model	4,5,6		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
15	Chapter 14: Aggregate Supply and the Short-Run Tradeoff Between Inflation and Unemployment	3,5,6	Quiz 4	Lecture, Group work, Discussion,	[1]
16	Chapter 15: Review + Presentation	1,5,7	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, iz	[1]
17	Final exam				

10. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
In-class exercises/quizzes (15%)		x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass			
Group project (15%)	x 80%Pass				x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass
Midterm exam (30%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass			
Final exam (40%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass			

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

11. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student: …….. HW/Assignment: ……. Date: …… Evaluator: ……			
	Max.	**Score**	**Comments**
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	**Description**
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.

3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	**Milestone**		**Benchmark**
	4	**3**	**2**	**1**
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence *Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion*	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/ hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	**Milestone**		**Benchmark**
	4	**3**	**2**	**1**

Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.
Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

12. Date revised: November 5, 2022

Ho Chi Minh City, 6 / July / 2023

Vice Dean of School

Lê Văn Chơn

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA203IU - INTRODUCTORY ECONOMETRICS

Course Name: Introductory Econometrics

Course Code: EFA203IU

13. General information

Course designation	*This course introduces the use of econometrics to explore and estimate economic relationships using linear regression models. The course will give students a basic understanding of methods required to model the inter-relationship between variables and prepare them for further studies of econometric methods.*
Semester(s) in which the course is taught	1, 2
Person responsible for the course	
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, lesson, project, seminar.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours[4]: 90
Credit points	3

[4] When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

<table>
<tr><td>Required and recommended prerequisites for joining the course</td><td>Statistics for Business</td></tr>
<tr><td>Course objectives</td><td>This unit introduces some basic econometric techniques employed by economists in the analysis of economic relationships. These techniques are also used extensively in marketing and finance. Topics covered will usually include: estimation and hypothesis testing; simple and multiple regression; prediction; the interpretation and evaluation of regression models, including an elementary discussion of nonlinear modelling, heteroscedasticity, autocorrelation, multicollinearity and specification error; and the use of categorical or qualitative data in regression models.</td></tr>
<tr><td>Course learning outcomes</td><td>Upon the successful completion of this course students will be able to:
<table>
<tr><th>Competency level</th><th>Course learning outcome (CLO)</th></tr>
<tr><td>Attitude</td><td>CLO1. Critically evaluate the assumptions of a classical (or standard) regression model and the consequences of violation of the assumptions.</td></tr>
<tr><td>Knowledge</td><td>CLO2. Analyse and apply key statistical concepts, including probability distributions, parameters and estimators, the sampling distribution of an estimator, point and interval estimation, and hypothesis testing.
CLO3. Summarise and interpret the estimation results and draw valid inferences utilising hypothesis tests.</td></tr>
<tr><td>Skills</td><td>CLO4. Specify, estimate, and interpret a regression model.
CLO5. Employ an econometric software program to solve an econometric problem.</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

<table>
<tr><td>Content</td><td>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.
Weight: lecture session (3 hours)
Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)
<table>
<tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr>
<tr><td>Econometrics and economic data</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Basic mathematical tools</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Fundamentals of statistics I</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Fundamentals of statistics II</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>The simple regression model</td><td>1</td><td>T</td></tr>
<tr><td>Multiple regression analysis: estimation</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Multiple regression analysis: inference</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Multiple regression analysis: OLS asymptotics</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Model specification</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Multiple regression analysis: dummy variables</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Heteroscedasticity</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>More on Specification and Data Issues</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Econometrics in action</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Examination forms</td><td>Multiple-choice questions, short-answer questions, problem solving questions</td></tr>
<tr><td>Study and examination requirements</td><td>Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged.
Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.</td></tr>
<tr><td>Reading list</td><td>[1] Introductory Econometrics: Asia-Pacific Edition, Jeffrey M. Wooldridge, Mokhtarul Wadud, Jenny Lye, and Roselyne Joyeuxt, 2nd ed (2021).</td></tr>
</table>

14. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

	PLO									
CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						
5						x	x			

15. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Econometrics and economic data	2	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
2	Basic mathematical tools	2	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
3	Fundamentals of statistics I	2,3	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
4	Fundamentals of statistics II	2,3	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
5	The simple regression model	1,4,5	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
6	Multiple regression analysis: estimation	1,4,5	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
7	Multiple regression analysis: inference I	4,5	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
8	Multiple regression analysis: OLS asymptotics	4,5	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
9-10	Midterm				
11	Model specification	4,5	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
12	Multiple regression analysis: dummy variables	4,5	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
13	Heteroscedasticity	1,4,5	Quiz Due: Assignment	Lecture, Discussion	[1]
14-15	Econometrics in action	1,3,4, 5	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
16	More on Specification and Data Issues	1,4,5	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
17	Revision			Revision	
18	Final exam				

16. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Quizzes (10%)	x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass	
Assignment (20%)			x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass
Midterm exam (30%)	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass		
Final exam (40%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

17. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student: …….. HW/Assignment: ……. Date: …… Evaluator: ……			
	Max.	**Score**	**Comments**
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	**Description**
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	**Milestone**		**Benchmark**
	4	**3**	**2**	**1**

Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence *Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion*	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/ hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

18. Date revised: October 30, 2022

Ho Chi Minh City, 6 / July / 2023

Vice Dean of School

Lê Văn Chơn

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA204IU - TIME SERIES ECONOMETRICS

Course Name: Time Series Econometrics

Course Code: EFA204IU

19. General information

Course designation	This course provides a broad, mature, and systematic introduction to current financial econometric models and their applications to modeling and prediction of financial time series data. It utilizes real-world examples and real financial data to apply the time-series models and methods.
Semester(s) in which the course is taught	1, 2
Person responsible for the course	Dr. Vo Xuan Hong
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, quiz, class discussion, problem-solving, lab session
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (lecture and discussion): 45 The private study including examination preparation, specified in hours[5]: 90
Credit points	3

[5] When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organization of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

<table>
<tr><td>Required and recommended prerequisites for joining the course</td><td>Statistics for Business</td></tr>
<tr><td>Course objectives</td><td>The main objectives of this course are to provide some knowledge of financial time series, introduce some statistical tools useful for analyzing these series and gain experience in financial applications of various econometric methods. Because of the applied emphasis, Python is chosen to practically implement the time-series models and methods discussed in the lectures.</td></tr>
<tr><td>Course learning outcomes</td><td>Upon the successful completion of this course students will be able to:
<table>
<tr><th>Competency level</th><th>Course learning outcome (CLO)</th></tr>
<tr><td>Knowledge</td><td>CLO1. Acquire the basic skills in time series analysis in terms of model selection, model estimation, model estimation, and model diagnostics</td></tr>
<tr><td>Skills</td><td>CLO2. Apply time series analysis techniques and Python to solve real-world problems in finance and economics
CLO3. Summarize and interpret results of time series analysis in written, oral, and visual form.
CLO4. Learn within teams (such skills as task assignment and management, conflict resolution and cooperation, consensus building, and leadership)</td></tr>
<tr><td>Attitude</td><td>CLO5. Express well-considered opinions on issues relating to financial econometrics.</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Content</td><td>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.
Weight: lecture session (3 hours)
Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)
<table>
<tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr>
<tr><td>Financial time series and their characteristics</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Linear time series analysis and its applications</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Multivariate time series analysis and its applications</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Multivariate time series analysis and its applications</td><td>6</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Short-and long-run relationships among time series</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Conditional heteroscedastic models and their application</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Multivariate volatility models and their applications</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Deep learning and machine learning for time series forecasting</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Time-series analysis with Python</td><td>4</td><td>I, T, U</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Examination forms</td><td>Quiz, homework, group project, and mid-term and final exams</td></tr>
</table>

Study and examination requirements	Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged. Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.
Reading list	Textbooks: [1] Tsay, Ruey S., 2010, *Analysis of financial time series*, 3rd Edition, Wiley [2] Laopodis, Nikiforos T., *Financial economics and econometrics*, Routledge [3] Atwan, Tarek A., 2022, *Time series analysis with Python cookbook: Practical recipes for exploratory data analysis, data preparation, forecasting, and model evaluation*, Packt Publishing [4] Brook, Chris, 2019, *Introductory econometrics for finance*, 4th Edition, Cambridge University Press.

20. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-5) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-9) is shown in the following table:

	PLO								
CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1		x							
2		x	x		x	x			
3		x	x		x	x			
4	x			x					x
5	x			x			x	x	

21. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Financial time series and their characteristics	1	Quiz/HW	Lecture, Discussion, Exercises	[1] Chapter 1 [2] Chapter 3
2-3	Linear time series analysis and its applications	1,2,3	Quiz/HW	Lecture, Discussion, Exercises	[1] Chapter 2 [2] Chapter 4 [4] Chapter 6
4-5	Multivariate time series analysis and its applications	1,2,3	Quiz/HW	Lecture, Discussion, Exercises	[1] Chapter 8 [4] Chapter 7
6-8	Time-series analysis with Python (Part 1)	1,2,3,4	Quiz/HW	Lecture, Discussion, lab, Exercises	[3] Chapters 1-10
9-10	Midterm				
11-12	Short-and long-run relationships among time series	1,2,3	Quiz/HW	Lecture, Discussion, Exercises	[2] Chapter 5 [4] Chapter 8
13-14	Conditional heteroscedastic models and their application	1,2,3	Quiz/HW	Lecture, Discussion, Exercises	[1] Chapter 3 [2] Chapter 11 [4] Chapter 9
15	Multivariate volatility models and their applications	1,2,3	Quiz/HW	Lecture, Discussion, Exercises	[1] Chapter 10 [2] Chapter 12

16	Deep learning and machine learning for time series forecasting	1,2,3	Quiz/HW	Lecture, Discussion, Exercises	[3] Chapter 13
17	Time-series analysis with Python (Part 2)	1,2,3,4,5	Quiz/HW	Lecture, Discussion, lab, Exercises	[3] Chapters 11, 13
18	Final exam				

22. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Participation/in-class exercises/quizzes (20%)		x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass	
Group project (20%)	x 80%Pass			x 80%Pass	x 80%Pass
Midterm exam (20%)		x 70%Pass	x 70%Pass		x 70%Pass
Final exam (40%)		x 70%Pass	x 70%Pass		x 70%Pass

Note: %Pass: Target that % of students have scores greater than 50 out of 100.

23. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student: …….. HW/Assignment: ……. Date: …… Evaluator: ……			
	Max.	**Score**	**Comments**
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	**Description**
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	**Milestone**		**Benchmark**
	4	**3**	**2**	**1**
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence *Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion*	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/ hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.

Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	**Milestone**		**Benchmark**
	4	**3**	**2**	**1**
Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.
Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

24. Date revised: November 5, 2022

Ho Chi Minh City, 6 / July / 2023

Vice Dean of School



Lê Văn Chơn

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA206IU - ENVIRONMENTAL ECONOMICS

Course Name: Environmental Economics

Course Code: EFA206IU

25. General information

Course designation	*This course investigates the interdependencies between the economy and the environment. We study competing perspectives on both the economic and environmental analysis. The course examines thoroughly economic theory and policies for the environment and several relevant case studies.*
Semester(s) in which the course is taught	1, 2
Person responsible for the course	Dr. Le, Van Chon
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, lesson, presentation, problem sets.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours[6]: 90
Credit points	3

[6] When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

<table>
<tr><td>Required and recommended prerequisites for joining the course</td><td>Introduction to Microeconomics</td></tr>
<tr><td>Course objectives</td><td>The course is designed to teach students the application of economics to environmental issues. The course covers topics such as scarcity, choice, economic value, market efficiency, and market failures which need the role of government in the regulation of the environment. It will help students develop the tools to estimate the costs and benefits of environmental regulations. In addition, students will examine how different strategies and policies deal with management and use of natural resources and relevant externalities.</td></tr>
<tr><td>Course learning outcomes</td><td>Upon the successful completion of this course students will be able to:
<table>
<tr><th>Competency level</th><th>Course learning outcome (CLO)</th></tr>
<tr><td>Attitude</td><td>CLO1. Express well considered opinion on issues relating to environmental economics.</td></tr>
<tr><td>Knowledge</td><td>CLO2. Demonstrate knowledge of economic approach to environmental problems that are prominent in the local and global economy.
CLO3. Understand complementary views of environmental economics.</td></tr>
<tr><td>Skills</td><td>CLO4. Develop economic tool kit to evaluate applied problems in enrivonmental economics.
CLO5. Present economic information in a technically complete way that is accessible to a non-technical audience.</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

<table>
<tr><td>Content</td><td>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.
Weight: lecture session (3 hours)
Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)
<table>
<tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr>
<tr><td>Introduction – Environmental Economics</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Benefits and Costs, Supply and Demand</td><td>2</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Externalities and Public Goods</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>The Economics of Environmental Quality</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Benefit-Cost Analysis: Benefits</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Benefit-Cost Analysis: Costs</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Criteria for Evaluating Environmental Policies</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Decentralized Policies: Liability Laws, Property Rights, Voluntary Action</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Command-and-Control Strategies: The Case of Standards</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Incentive-Based Strategies: Emission Charges and Subsidies</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Incentive-Based Strategies: Market Trading Systems</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Examination forms</td><td>Multiple-choice questions, short-answer questions, and/or problem solving questions</td></tr>
<tr><td>Study and examination requirements</td><td>Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged.
Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.</td></tr>
<tr><td>Reading list</td><td>Required:
[1] Environmental Economics: An Introduction, Barry C. Field, Martha K. Field, 7th ed.
Suggested:
[1] The Economics of the Environment, Dollars and Sense Collective, 3rd ed.
[2] Environmental and Natural Resource Economics: A Contemporary Approach, Jonathan Harris, Brian Roach, 5th ed.
[3] Environmental Economics, Charles D. Kolstad, 2nd ed.</td></tr>
</table>

26. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

	PLO									
CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x

2	x									
3	x									
4	x		x	x						
5						x	x			
6						x	x			

27. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Introduction What is environmental economics? The economy and environment	2,3		Lecture, Discussion,	[1]
2-3	Benefits and Costs, Supply and Demand	2,3		Lecture, Discussion,	[1]
4-5	Externalities and Public Goods	2,3		Lecture, Discussion	[1]
6	The Economics of Environmental Quality	2,3		Lecture, Discussion	[1]
7-8	Benefit-Cost Analysis: Benefits	2,3,4	Home assignments	Lecture, Discussion	[1]
9-10	Midterm				
11-12	Benefit-Cost Analysis: Costs	2,3,4		Lecture, Discussion	[1]
13	Criteria for Evaluating Environmental Policies	2,3,4, 5	Group Presentation	Lecture, Discussion, Group work, Presentation	[1]
14	Decentralized Policies: Liability Laws, Property Rights, Voluntary Action	2,3,4, 5	Group Presentation	Lecture, Discussion, Group work, Presentation	[1]
15	Command-and-Control Strategies: The Case of Standards	2,3,4, 5	Group Presentation	Lecture, Discussion, Group work, Presentation	[1]
16	Incentive-Based Strategies: Emission Charges and Subsidies	2,3,4, 5	Group Presentation	Lecture, Discussion, Group work, Presentation	[1]
17	Incentive-Based Strategies: Market Trading Systems	2,3,4, 5	Group Presentation, Home assignments	Lecture, Discussion, Group work, Presentation	[1]
18	Final exam				

28. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Home assignments (15%)		x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass
Group project (15%)	x 80%Pass				x 80%Pass

Midterm exam (30%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	
Final exam (40%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

29. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student: …….. HW/Assignment: ……. Date: …… Evaluator: ……			
	Max.	**Score**	**Comments**
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	**Description**
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence *Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion*	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/ hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.

Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

30. Date revised: November 8, 2022

Ho Chi Minh City, 6 / July / 2023

Vice Dean of School



Lê Văn Chơn

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA207IU - DEVELOPMENT ECONOMICS

Course Name: Development Economics

Course Code: EFA207IU

31. General information

Course designation	*This course is designed to equip students with an understanding of the causes and consequences of uneven patterns of growth and development; structural features that are typical of the economies in developing countries; policies that can be applied in less developed countries and how to measure their effects.*
Semester(s) in which the course is taught	1,2
Person responsible for the course	Dr. Nguyen, Tra My
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, lesson, project, seminar.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours[7]: 90
Credit points	3

[7] When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

<table>
<tr><td>Required and recommended prerequisites for joining the course</td><td>Introduction to Microeconomics or Introduction to Macroeconomics</td></tr>
<tr><td>Course objectives</td><td>The objectives of this course are to: (i) Understand the essential tools and concepts of development economics. (ii) Understand what makes underdevelopment persist and what helps development succeed. (iii) Describe the basic characteristics of a developing economy. (iv) Explain growth theories and describe their shortcomings for developing countries. (v) Survey and examine how economic policies can solve different development problems</td></tr>
<tr><td>Course learning outcomes</td><td>Upon the successful completion of this course students will be able to:
<table>
<tr><th>Competency level</th><th>Course learning outcome (CLO)</th></tr>
<tr><td>Attitude</td><td>CLO1. Reason around ethical issues in development economics conduct and apply ethical practices.</td></tr>
<tr><td>Knowledge</td><td>CLO2. Demonstrate a sound understanding of the core concepts and tools of development economics
CLO3. Apply economic models to study development problems and to critically analyze relevant issues in economic development.</td></tr>
<tr><td>Skills</td><td>CLO4. Develop communications skills through the presentation of students’ work and interactions during class discussion sessions.
CLO5. Critically evaluate government policies
CLO6. Demonstrate the ability to produce a clear and concise written report that demonstrates higher order understanding of key concepts in development economics.</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

<table>
<tr><td>Content</td><td>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.
Weight: lecture session (3 hours)
Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)
<table>
<tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr>
<tr><td>Patterns of Development</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Measuring Economic Growth and Development</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Economic Growth: Concepts and Patterns</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Theories of Economic Growth</td><td>1</td><td>T</td></tr>
<tr><td>Inequality and Poverty</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Population</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Education</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Health</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Investment and Savings</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Fiscal Policy</td><td>1</td><td>T</td></tr>
<tr><td>Foreign Aid</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Trade and Development</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Examination forms</td><td>Multiple-choice questions, short-answer questions, problem solving questions</td></tr>
<tr><td>Study and examination requirements</td><td>Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged.
Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.</td></tr>
<tr><td>Reading list</td><td>[1] Perkins, D. H., Radelet, S., Lindauer, D. L., & Block, S. A. (7th edition). Economics of development. WW Norton & Company, Inc.</td></tr>
</table>

32. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

	PLO									
CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						
5						x	x			
6						x	x			

33. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Patterns of Development	1,3		Lecture, Discussion,	[1]
2	Measuring Economic Growth and Development	1,2,3		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
3	Economic Growth: Concepts and Patterns	2,3,4	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
4-5	Theories of Economic Growth	2,3,4, 6	Quiz 1 Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation, In-class quiz	[1]
6	Inequality and Poverty	2,3,4, 5		Lecture, Group work, Discussion	[1]
7	Population	2,3,5		Lecture, Group work, Discussion	
8	Education	2,3,5	Quiz 2 Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation, In-class quiz	[1]
9-10	Midterm				
11	Health	2,3,4, 5	Presentation	Lecture, Group work, Discussion,	[1]
12	Investment and Savings	2,3,4, 5		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
13	Fiscal Policy	2,3,4, 5		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
14	Foreign Aid	2,3,5, 6	Quiz 3 Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation, In-class quiz	[1]
15	Trade and Development	2,3,4, 5		Lecture, Discussion,	[1]
16	Revision			Review-Test	
17	Final exam				

34. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
In-class exercises/quizzes (15%)		x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass		
Group project (15%)	x 80%Pass				x 80%Pass	x 80%Pass
Midterm exam (30%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass		
Final exam (40%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass		

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

35. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student: …….. HW/Assignment: ……. Date: …… Evaluator: ……			
	Max.	**Score**	**Comments**
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	**Description**
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.

2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	**Milestone**		**Benchmark**
	4	**3**	**2**	**1**
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence *Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion*	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/ hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	**Milestone**		**Benchmark**
	4	**3**	**2**	**1**

Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.
Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

36. Date revised: November 6, 2022

Ho Chi Minh City, 6 / July / 2023

Vice Dean of School

Lê Văn Chơn

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA208IU - LABOR ECONOMICS

Course Name: Labor Economics

Course Code: EFA208IU

37. General information

Course designation	*This course is an introduction to labor economics with an emphasis on applied microeconomic theory and empirical analysis. Topics to be covered include: labor supply and demand, taxes and transfers, minimum wages, immigration, human capital, education production, inequality, discrimination, unions and strikes, and unemployment.*
Semester(s) in which the course is taught	1,2
Person responsible for the course	Dr. Nguyen, Tra My
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, lesson, project, seminar.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours[8]: 90
Credit points	3

[8] When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

<table>
<tr><td>Required and recommended prerequisites for joining the course</td><td>Introduction to Microeconomics</td></tr>
<tr><td>Course objectives</td><td>The objectives of this course are to: (i) Apply appropriate economic skills to the analysis of labor markets. (ii) Explain key features of labor markets in their countries as well as other developed countries. (iii) Classify and appropriately organize empirical evidence in the discussion of labor market policy. (iv) Explain the role of labor unions in wage determination. (v) Summarize inequality and wage pay gaps</td></tr>
<tr><td>Course learning outcomes</td><td>Upon the successful completion of this course students will be able to:
<table>
<tr><th>Competency level</th><th>Course learning outcome (CLO)</th></tr>
<tr><td>Attitude</td><td>CLO1. Reason around ethical issues in labor economics conduct and apply ethical practices.</td></tr>
<tr><td>Knowledge</td><td>CLO2. Demonstrate a sound understanding of the core concepts and tools of Labor Economics and Policy.
CLO3. Apply economic principles and reasoning to critically analyze labor market phenomena and contemporary academic literature.</td></tr>
<tr><td>Skills</td><td>CLO4. Develop communications skills through the presentation of students’ work and interactions during class discussion sessions.
CLO5. Critically evaluate government policies affecting work and jobs
CLO6. Demonstrate the ability to produce a clear and concise written report that demonstrates higher order understanding of key concepts in labor economics.</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

<table>
<tr><td>Content</td><td>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.
Weight: lecture session (3 hours)
Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)
<table>
<tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr>
<tr><td>Overview of the Labor Market</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>The Demand for Labor</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Labor Demand Elasticities</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Frictions in the Labor Market</td><td>1</td><td>T</td></tr>
<tr><td>Supply of Labor to the Economy: the Decision to Work</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Labor Supply: Household Production, the Family, and the Life Cycle</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Compensating Wage Differentials and Labor Markets</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Investments in Human Capital: Education and Training</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Worker Mobility: Migration, Immigration, and Turnover</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Gender, Race, and Ethnicity in the Labor Market</td><td>1</td><td>T</td></tr>
<tr><td>Unions and the Labor Market</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Unemployment</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Examination forms</td><td>Multiple-choice questions, short-answer questions, problem solving questions</td></tr>
<tr><td>Study and examination requirements</td><td>Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged.
Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.</td></tr>
<tr><td>Reading list</td><td>[1] Ehrenberg, R. G., Smith, R. S., & Hallock, K. F. (11th edition). Modern labor economics: Theory and public policy. Pearson.</td></tr>
</table>

38. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

	PLO									
CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						
5						x	x			
6						x	x			

39. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Overview of the Labor Market	1,3		Lecture, Discussion,	[1]
2	The Demand for Labor	1,2,3		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
3-4	Labor Demand Elasticities	2,3,4	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
5	Frictions in the Labor Market	2,3,4, 6	Quiz 1 Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation, In-class quiz	[1]
6	Supply of Labor to the Economy: the Decision to Work	2,3,4, 5		Lecture, Group work, Discussion	[1]
7	Labor Supply: Household Production, the Family, and the Life Cycle	2,3,5		Lecture, Group work, Discussion	
8	Compensating Wage Differentials and Labor Markets	2,3,5	Quiz 2 Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation, In-class quiz	[1]
9-10	Midterm				
11	Investments in Human Capital: Education and Training	2,3,4, 5	Presentation	Lecture, Group work, Discussion,	[1]
12	Worker Mobility: Migration, Immigration, and Turnover	2,3,4, 5		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
13	Gender, Race, and Ethnicity in the Labor Market	2,3,4, 5		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
14	Unions and the Labor Market	2,3,5, 6	Quiz 3 Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation, In-class quiz	[1]
15	Unemployment	2,3,4, 5		Lecture, Discussion,	[1]
16	Revision			Review-Test	
17	Final exam				

40. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
In-class exercises/quizzes (15%)		x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass		
Group project (15%)	x 80%Pass				x 80%Pass	x 80%Pass
Midterm exam (30%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass		
Final exam (40%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass		

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

41. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student: …….. HW/Assignment: ……. Date: …… Evaluator: ……			
	Max.	**Score**	**Comments**
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	**Description**
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.

3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	**Milestone**		**Benchmark**
	4	**3**	**2**	**1**
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence *Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion*	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/ hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	**Milestone**		**Benchmark**
	4	**3**	**2**	**1**

Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.
Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

42. Date revised: November 6, 2022

Ho Chi Minh City, 6 / July / 2023

Vice Dean of School

Lê Văn Chơn

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
School of Computer Science and Engineering

COURSE SYLLABUS

IT149IU - FUNDAMENTALS OF PROGRAMMING WITH ECONOMIC APPLICATIONS

Course Name: Fundamentals of Programming with Economic Applications
Course Code: IT149IU

1. General information

Course designation	Learning the basics of programming
Semester(s) in which the course is taught	2
Person responsible for the course	Assoc. Prof. Nguyen Thi Thuy Loan, Dr.
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, lesson, project, seminar.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	Total workload: 195 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 (lecture) + 30 (laboratory) Private study including examination preparation, specified in hours: 120
Credit points	Number of credits : 4 Lecture: 3 Laboratory: 1
Required and recommended prerequisites for joining the course	
Course objectives	This course concentrates on learning the basics of programming languages which is the foundation for further studies. The course enables students to get familiar with the Python programming language.

<table>
<tr><td></td><td>The course covers all basic Python data structures, control flows, module and introduction to OOP in Python</td></tr>
<tr><td>Course learning outcomes</td><td>CLO 1. Understand programming languages and applications, how applications work
CLO 2. Able to write applications using Python
CLO 3. Understand basic data structure of Python programming

<table><tr><th>Competency level</th><th>Course learning outcome (CLO)</th></tr><tr><td>Knowledge</td><td>1</td></tr><tr><td>Skill</td><td>2, 3</td></tr><tr><td>Attitude</td><td></td></tr></table></td></tr>
<tr><td>Content</td><td>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.
Weight: lecture session (~~3~~ hours)
Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)
<table><tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr><tr><td>Introduction to Programming Language</td><td>3</td><td>I</td></tr><tr><td>Introduction to Python Programming</td><td>3</td><td>I, T</td></tr><tr><td>Data Types and Variables in Python</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Numbers and Operators in Python</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Control Flow: Branching Statements</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Control Flow: Loops</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Lists in Python</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Tuples in Python</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Sets in Python</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Functions</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Modules</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>File Handling</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Exception Handling</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Object and Classes in Python</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Inheritance and Polymorphism</td><td>3</td><td>T, U</td></tr></table></td></tr>
<tr><td>Examination forms</td><td>Multiple-choice questions, short-answer questions</td></tr>
<tr><td>Study and examination requirements</td><td>Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged.
Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.</td></tr>
<tr><td>Reading list</td><td>Eric Matthes, Python Crash Course: A Hands-On, Project-Based Introduction to Programming, 2nd Edition, No Starch Press, 2019</td></tr>
</table>

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (SLO) (1-6) is shown in the following table:

CLO\SLOT	1	2	3	4	5	6
1	x					
2		xx				
3		xx				

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Introduction to Programming Language	1	Quiz	Lecture	1
2	Introduction to Python Programming	1	Quiz	Lecture	1
3	Data Types and Variables in Python	1	Quiz	Lecture	1
4	Numbers and Operators in Python	2, 3	Quiz, Lab, Midterm	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1
5	Control Flow: Branching Statements	2, 3	Quiz, Lab, Midterm	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1
6	Control Flow: Loops	2, 3	Quiz, Lab, Midterm	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1
7	Lists in Python	2, 3	Quiz, Lab, Midterm	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1
8	Tuples in Python	2, 3	Quiz, Lab, Midterm	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1
Midterm					
9	Sets in Python	2, 3	Quiz, Lab, Final	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1

10	Functions	2, 3	Quiz, Lab, Final	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1
11	Modules	2, 3	Quiz, Lab, Final	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1
12	File Handling	2, 3	Quiz, Lab, Final	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1
13	Exception Handling	2, 3	Quiz, Lab, Final	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1
14	Object and Classes in Python	2, 3	Quiz, Lab, Final	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1
15	Inheritance and Polymorphism	2, 3	Quiz, Lab, Final	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1
Final					

4. Assessment plan

Assessment Type	**CLO1**	**CLO2**	**CLO3**
Quiz / Assignment (10%)	50%	10%	10%
Labs (20%)	10%	30%	30%
Midterm examination (30%)	30%	30%	30%
Final examination (40%)	10%	30%	30%

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

1. When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organization of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.↩

5. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports	
Student: ……..	HW/Assignment: …….

Date: …… Evaluator: ……			
	Max.	**Score**	**Comments**
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	**Description**
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	**Milestone**		**Benchmark**
	4	**3**	**2**	**1**
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence *Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion*	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.

Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/ hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	**Milestone**		**Benchmark**
	4	**3**	**2**	**1**
Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.
Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.

	credibility/ authority on the topic.	presenter's credibility/ authority on the topic.	presenter's credibility/ authority on the topic.	
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

Date revised: February 15, 2022

Ho Chi Minh City, 6 / July / 2023

Vice Dean of School of Economics, Finance and Accounting

Lê Văn Chơn

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
School of Computer Science and Engineering

COURSE SYLLABUS

IT162IU - MACHINE LEARNING PLATFORMS WITH ECONOMIC APPLICATIONS

Course Name: MACHINE LEARNING PLATFORMS WITH ECONOMIC APPLICATIONS
Course Code: IT162IU

1. General information

Course designation	This course intends to give student an overview on selected machine learning platforms used in Industry.
Semester(s) in which the course is taught	7
Person responsible for the course	Mai Hoang Bao An, PhD.
Language	English
Relation to curriculum	elective
Teaching methods	Lecture, lesson, project, seminar.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	Total workload: 195 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 (lecture) + 30 (laboratory) Private study including examination preparation, specified in hours: 120
Credit points	Number of credits : 4 Lecture: 3 Laboratory: 1
Required and recommended prerequisites for joining the course	Fundamentals of Programming with Economic Applications
Course objectives	The goal of this course is to equip students with the understanding, knowledge, and some sorts of practical skills to develop many machine learning models with the use of different popular Machine Learning Platforms. In this course, we emphasize on a class of application approaches based on Machine Learning such as NLP, Medical Imaging, Time Series Analysis., etc. Also, we attempt to introduce a list of potential tools that can help students play around with

<table>
<tr><td></td><td>different Advanced Machine Learning techniques. So that, the general goal of this course is to provide students the Machine Learning techniques broadly, not deeply, and the contents are most likely technology-based approach.</td></tr>
<tr><td>Course learning outcomes</td><td>CLO 1. gain understanding of selected popular machine learning platforms used in Industry.
CLO 2. can practice with these platforms at a basic level.
CLO 3. can understand and reproduce different machine learning use cases based on these platforms.
CLO 4. learn how to select and use machine learning algorithms with a bunch of application.
<table>
<tr><th>Competency level</th><th>Course learning outcome (CLO)</th></tr>
<tr><td>Knowledge</td><td>CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4</td></tr>
<tr><td>Skill</td><td>CLO 3, CLO 4</td></tr>
<tr><td>Attitude</td><td>CLO 3, CLO 4</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Content</td><td>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.
Weight: lecture session (~~3~~ hours)
Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)
<table>
<tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr>
<tr><td>Why Machine Learning needs Platforms
History of some well-known platforms</td><td>1</td><td>I</td></tr>
<tr><td>Introduction to Google Cloud and the use of Colab.</td><td>1</td><td>I, U</td></tr>
<tr><td>Remind on tabular Machine Learning and data pipeline</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Introduction to platforms for advanced ensemble learning: autosklearn, xgboost, catboost, …</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Text Analytics with an emphasis to topic modeling</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Remind on Spark, and pyspark with an emphasis on Spark ML</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Introduction to AWS ML Platform for Data Science</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Introduction to Tensorflow 2x and Keras</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Pytorch in deep learning</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Time Series Analytics with Tensorflow and pytorch</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Introduction to ML in Medical Imaging</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

	Introduction to detectron2, yolo family, and use cases	2	T, U
	Practical session: Focused discussion on a bunch of problems.	1	I, U
Examination forms	short-answer questions, long-answer questions, projects.		
Study and examination requirements	Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged. Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.		
Reading list	[1] Antonio Gulli, Amita Kapoor, Sujit Pal., Deep Learning with TensorFlow 2 and Keras: Regression, ConvNets, GANs, RNNs, NLP, and more with TensorFlow 2 and the Keras API., Packt, 2017. [2] Seema Acharya, Subhasini Chellappan, "Big Data Analytics" Wiley 2015. [3] Eli Stevens, Luca Antiga, and Thomas Viehmann., Deep Learning with PyTorch., Manning, 2020. [4] Michael Berthold, David J. Hand, "Intelligent Data Analysis", Springer, 2007.		

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (SLO) (1-6) is shown in the following table:

	SLO					
CLO	1	2	3	4	5	6
1	X					
2	X				X	
3			X	X		X
4		X				

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Why Machine Learning needs Platforms History of some well-known platforms	1		Lecture, Discussion	[2,4] Chapter 1
2	Introduction to Google Cloud and the use of Colab.	1, 2	Exercises	Lecture, In-class exercises	[3] Chapter 1
3	Remind on tabular Machine Learning and data pipeline	1, 2	Exercises, lab	Lecture,	[4] Chapter 2, 3

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
				In-class exercises	
4	Introduction to platforms for advanced ensemble learning: autosklearn, xgboost, catboost, …	2, 3	Exercises, lab	Lecture, In-class exercises	[4] Chapter 4, 5
5	Text Analytics with an emphasis to topic modeling	2, 3	Exercises, lab	Lecture, In-class exercises	[2,3] Chapter 5,6
6	Remind on Spark, and pyspark with an emphasis on Spark ML	2, 3	Exercises, lab	Lecture, In-class exercises	[2] Chapter 7, 8
7	Introduction to AWS ML Platform for Data Science	2, 3	Exercises, lab	Lecture, In-class exercises	[1] Chapter 5, 6
8	Introduction to Tensorflow 2x and Keras	2, 3	Exercises, lab	Lecture, In-class exercises	[1] Chapter 2, 3, 4
9	Pytorch in deep learning	2, 3			
10	**Midterm**				
11	Pytorch in deep learning (continue)	2, 3	Exercises, lab	Lecture, In-class exercises	[3] Chapter 1, 2, 3
12	Time Series Analytics with Tensorflow and pytorch	2, 3	Exercises, lab	Lecture, In-class exercises	[1,2,3] Chapter 4, 5, 6
13	Introduction to ML in Medical Imaging	3, 4	Exercises, lab	Lecture, In-class exercises	[1,3] Chapter 6, 7, 8
14-15	Introduction to detectron2, yolo family, and use cases	3, 4	Lab	Lecture, In-class exercises	[1,2,3] Chapter 4, 5, 6
16	Practical session: Focused discussion on a bunch of problems.	4	Seminar	Lecture, In-class exercises	[3] Chapter 6, 7, 8
17	**Final exam**				

4. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Quiz (5%)	10%		20%	20%

Labs (10%)	30%	30%		
Midterm examination (30%)	50%	40%		
Projects/Presentations/ Report (15%)	10%		30%	30%
Final examination (40%)		30%	50%	50%

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

1. When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.↩

5. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student: …….. HW/Assignment: ……. Date: …… Evaluator: ……			
	Max.	**Score**	**Comments**
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2.Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	**Description**
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence *Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion*	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/ hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.

Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

Date revised: February 15, 2022

Ho Chi Minh City, 6 / July / 2023

Vice Dean of School of Economics, Finance and Accounting

Lê Văn Chơn

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
School of Computer Science and Engineering

COURSE SYLLABUS

IT138IU - DATA SCIENCE AND VISUALIZATION WITH ECONOMIC APPLICATIONS

Course Name: Data Science and Visualization with Economic Applications
Course Code: IT138IU

1. General information

Course designation	Introduction to Data Visualization
Semester(s) in which the course is taught	4,6
Person responsible for the course	Tran Thanh Tung, Dr.
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory / elective / specialisation Names of other study programmes with which the module is shared
Teaching methods	Lecture, lesson, project, seminar.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): Private study including examination preparation, specified in hours: Student responsibility: Students are expected to spend at least 8 hours per week for self – studying. This time should be made up of reading, working on exercises and problems and group assignment.
Credit points	Number of credits : 4 Lecture: 3 Laboratory: 1
Required and recommended prerequisites for joining the course	
Course objectives	The goal of this course is to introduce students to the key principles, methods, and techniques for effective visual analysis of data. The course begins with aims and key principles of data visualization. The course continues with different aspects of visualization including techniques and method for presenting different data types, and for discussing and analyzing

<table>
<tr><td></td><td>visualizations. Thorough the course, students will be introduced to many visualization systems and visual tools via hand-on exercises.</td></tr>
<tr><td>Course learning outcomes</td><td>CLO 1. Understand the principles of data and graphic design.
CLO 2. Create well-designed data visualizations with appropriate tools.
CLO 3. Evaluate a visualization design.
<table>
<tr><th>Competency level</th><th>Course learning outcome (CLO)</th></tr>
<tr><td>Knowledge</td><td>CLO1</td></tr>
<tr><td>Skill</td><td>CLO2, CLO3</td></tr>
<tr><td>Attitude</td><td>CLO3</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Content</td><td>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.
Weight: lecture session (3 hours)
Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)
<table>
<tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr>
<tr><td>Visualization design principles</td><td>3</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Perception, Cognition, Color</td><td>3</td><td>T</td></tr>
<tr><td>Data abstraction, data types</td><td>3</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Visual encoding with marks and channels</td><td>3</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Tasks and Interactivity</td><td>3</td><td>T</td></tr>
<tr><td>Validation and visualization</td><td>3</td><td>T</td></tr>
<tr><td>Arrange text and sets</td><td>3</td><td>T</td></tr>
<tr><td>Arrange spatial data</td><td>3</td><td>T</td></tr>
<tr><td>Arrange tree and graphs/networks</td><td>3</td><td>T</td></tr>
<tr><td>Facets and views</td><td>3</td><td>T</td></tr>
<tr><td>Focus+Context</td><td>3</td><td>T</td></tr>
<tr><td>Filtering and Aggregation</td><td>3</td><td>T</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Examination forms</td><td>Multiple-choice questions, short-answer questions</td></tr>
<tr><td>Study and examination requirements</td><td>Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged.
Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.</td></tr>
<tr><td>Reading list</td><td>[1] Edward R. Tufte, The Visual Display of Quantitative Information 2nd, 2001
[2] Tamara Munzner, Visualization Analysis and Design 1st, 2014
[3] Colin Ware, Visual Thinking for Design 1st, 2004
[4] Scott Murray, Interactive Data Visualization for the Web 1st, 2013
[5] Alberto Cairo, The Functional Art: An introduction to information graphics and visualization 1st, 2012
[6] Cole Nussbaumer Knaflic, Storytelling with Data: A Data Visualization Guide for Business Professionals 1st, 2015</td></tr>
</table>

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (SLO) (1-6) is shown in the following table:

	SLO					
CLO	1	2	3	4	5	6
1	X	X				
2		X	X			
3		X				

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Visualization design principles	1	Quiz	Teaching, presentation	
2	Perception, Cognition, Color	1,2	Quiz, Project	Teaching, presentation	
3	Data abstraction, data types	2,3	Quiz, Project	Teaching, presentation	
4	Visual encoding with marks and channels	2,3	Quiz, Project	Teaching, presentation	
5	Tasks and Interactivity	2,3	Quiz, Project	Teaching, presentation	
6	**Midterm**				
7	Validation and visualization	1,3	Quiz, in-class exercises, Project	Teaching, Discussion	
8	Arrange text and sets	2,3	Quiz, in-class exercises, Project	Teaching, Discussion	
9	Arrange spatial data	2,3	Quiz, in-class exercises, Project	Teaching, Discussion	
10	Arrange tree and graphs/networks	2,3	Quiz, in-class exercises, Project	Teaching, Discussion	
11	Facets and views	2,3	Quiz, in-class exercises, Project	Teaching, Discussion	
12	Focus+Context	2,3	Quiz, in-class exercises, Project	Teaching, Discussion	
13	Filtering and Aggregation	2,3	Quiz, in-class exercises, Project	Teaching, Discussion	
14	**Final exam**				

4. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3
Labs (20%)		x	x
Midterm examination (30%)	x	x	
Final examination (40%)		x	x

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3
Exercises/ Quiz (10%)	x	x	

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

1. When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.↩

5. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student: …….. HW/Assignment: ……. Date: …… Evaluator: ……			
	Max.	**Score**	**Comments**
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	**Description**
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence *Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion*	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/ hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.

Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

Date revised: February 15, 2022

Ho Chi Minh City, 6 / July / 2023

Vice Dean of School of Economics, Finance and Accounting



Lê Văn Chơn

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
School of Computer Science and Engineering

COURSE SYLLABUS

IT079IU - PRINCIPLES OF DATABASE MANAGEMENT WITH ECONOMIC APPLICATIONS

Course Name: Principles of Database Management with Economic Applications
Course Code: IT079IU

1. General information

Course designation	
Semester(s) in which the course is taught	4,6
Person responsible for the course	Assof. Pror. Dr. Nguyen Thi Thuy Loan
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, lesson, project, seminar.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): Private study including examination preparation, specified in hours: Student responsibility: Students are expected to spend at least 8 hours per week for self – studying. This time should be made up of reading, working on exercises and problems and group assignment.
Credit points	Number of credits: 4 Lecture: 3 Laboratory: 1
Required and recommended prerequisites for joining the course	Fundamentals of Programming with Economic Applications
Course objectives	This subject introduces the students to basic database design and implementation concepts. Database design techniques, including relational design and E-R analysis, are presented. Database queries using SQL are covered in lectures and supported by practical exercises.
Course learning outcomes	CLO 1. Produce an (Extended) Entity-Relationship (E-R) model from specifications.

<table>
<tr><td></td><td>CLO 2. Apply data normalization principles to transforming an ER model into a database schema.
CLO 3. Construct efficient SQL queries to retrieve and manipulate data as required.
<table>
<tr><th>Competency level</th><th>Course learning outcome (CLO)</th></tr>
<tr><td>Knowledge</td><td>CLO1</td></tr>
<tr><td>Skill</td><td>CLO2, CLO3</td></tr>
<tr><td>Attitude</td><td>CLO3</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Content</td><td>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.
Weight: lecture session (hours)
Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)
<table>
<tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr>
<tr><td>Introduction to Database Systems</td><td>3</td><td>I</td></tr>
<tr><td>Relational Model and Relational Algebra</td><td>6</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Structured Query Language</td><td>6</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>(Extended) Entity Relationship Model</td><td>6</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Relational Database Design</td><td>9</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Normalization</td><td>6</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Advanced SQL</td><td>6</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Review</td><td>3</td><td>I, U</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Examination forms</td><td>Multiple-choice questions, short-answer questions</td></tr>
<tr><td>Study and examination requirements</td><td>Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged.
Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.</td></tr>
<tr><td>Reading list</td><td>1. Abraham Silberschatz, Henry F. Korth, S. Sudarshan, Database System Concept 7th, 2020
2. Jeffrey A. Hoffer, Ramesh Venkataraman, Heikki Topi, Modern Database Management 13th, 2019
3. Ramez Elmasri, Shamkant Navathe, Fundamentals of Database Systems 7th, 2016</td></tr>
</table>

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (SLO) (1-6) is shown in the following table:

	SLO					
CLO	1	2	3	4	5	6
1	XXX					
2		XXX			X	
3		XX			XX	

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Introduction to Database Systems	1	Quiz	Lecture	[1,3]
2	Relational Model and relational Algebra	2	Quiz, Midterm, Project	Lecture, Discussion, In-class, exercise	[1,3]
3	Structured Query Language	3	Quiz, Lab, Project, Midterm	Lecture, Discussion, In-class, exercise	[1,2,3]
4	(Extended) Entity Relationship Model	2	Quiz, Project, Midterm	Lecture, Discussion, In-class, exercise	[1,2,3]
5	**Midterm**				
6	Relational Database Design	2,3	Project, Final, Quiz, Lab	Lecture, Discussion, In-class, exercise	[1,2]
7	Normalization	2,3	Quiz, Project, Final	Lecture, Discussion, In-class, exercise	[2,3]
8	Advanced SQL	3	Quiz, Project, Final	Lecture, Discussion, In-class, exercise	[1,3]
9	Review	2,3	Quiz	Discussion, In-class, exercise	[1,2,3]
10	**Final exam**				

4. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3
Labs (10%)		10%	20%
Midterm examination (25%)	40%		20%
Quiz (5%)	10%	20%	
Projects/Presentations/ Report (20%)	30%	20%	30%
Final examination (40%)	20%	50%	30%

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

1. When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.↩

5. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student: …….. HW/Assignment: ……. Date: …… Evaluator: ……			
	Max.	**Score**	**Comments**
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		

Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	**Description**
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	**Milestone**		**Benchmark**
	4	**3**	**2**	**1**
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence *Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion*	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.

Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/ hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	**Milestone**		**Benchmark**
	4	**3**	**2**	**1**
Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.
Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.

Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

Date revised: February 15, 2022

Ho Chi Minh City, 6 / July / 2023

Vice Dean of School of Economics, Finance and Accounting

Lê Văn Chơn

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA210IU - EXPERIMENTAL ECONOMICS

Course Name: Experimental Economics
Course Code: EFA210IU

1. General information

Course designation	*Given the recent growth of interest in behavioral considerations, experiments are increasingly used in economics to study human behavior. Students will learn how to design experiments and interpret their results and will also overview some of the most important existing results.*
Semester(s) in which the course is taught	1, 2
Person responsible for the course	
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, lesson, experiments.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours[9]: 90
Credit points	3

[9] When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

<table>
<tr><td>Required and recommended prerequisites for joining the course</td><td>Introduction to Microeconomics</td></tr>
<tr><td>Course objectives</td><td>This course is designed to introduce the methodology of experimental economics and discuss what we have learned from the application of these techniques. Economics is fundamentally the study of how individuals, firms and governments allocate scarce resources. This involves decision making which is the focus of experimental economics. One of the focuses is on performing and engaging in experiments.</td></tr>
<tr><td>Course learning outcomes</td><td>Upon the successful completion of this course students will be able to:
<table>
<tr><th>Competency level</th><th>Course learning outcome (CLO)</th></tr>
<tr><td>Attitude</td><td>CLO1. Integrate the economic concepts/theories into the experiments.</td></tr>
<tr><td>Knowledge</td><td>CLO2. Explain how individuals make decisions in a wide range of situations.
CLO3. Identify situations where these preferences for altruism, fairness and reciprocity are important and when they are overshadowed by factors such as competition.</td></tr>
<tr><td>Skills</td><td>CLO4. Demonstrate the importance of taking into account preferences for altruism, fairness and reciprocity to the predictions of standard theory.
CLO5. Conduct their own experiments.</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

<table>
<tr><td>Content</td><td>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.
Weight: lecture session (3 hours)
Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)
<table>
<tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr>
<tr><td>Introduction: Decisions Game Theory and Market Equilibria</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Pit Market</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Introduction to experiments on game theory</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Randomized Strategies</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Markets: Monopoly and Cournot</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Ultimatum Bargaining</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Trust, Reciprocity and Principal Agent Games</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Methodology</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Voluntary Contributions</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Externalities, Congestion and Common Pool Resources</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Private Value Auctions and The Winner’s Curse</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Risk and Decision Making (Lottery Choices) Lottery Choice Anomalies,</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Examination forms</td><td>Multiple-choice questions, short-answer questions, problem solving questions</td></tr>
<tr><td>Study and examination requirements</td><td>Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged.
Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.</td></tr>
<tr><td>Reading list</td><td>[1] Markets, Games, & Strategic Behavior, Charles A. Holt, 2nd ed (2019).</td></tr>
</table>

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-5) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

	PLO									
CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						
5						x	x			

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Introduction: Decisions Game Theory and Market Equilibria	1,2		Lecture, Discussion,	[1]
2	Pit Market	1,2	Engaging in Experiments	Lecture, Discussion,	[1]
3	Introduction to experiments on game theory	1,2,5	Engaging in Experiments	Lecture, Discussion	[1]
4	Randomized Strategies	1,2	Engaging in Experiments	Lecture, Discussion	[1]
5	Markets: Monopoly and Cournot	1,2,3	Engaging in Experiments	Lecture, Discussion	[1]
6	Ultimatum Bargaining	1,2		Lecture, Discussion	[1]
7	Trust, Reciprocity and Principal Agent Games	3,4,5	Engaging in Experiments	Lecture, Discussion	[1]
8	Methodology	1,2		Lecture, Discussion	[1]
9-10	Midterm				
11	Voluntary Contributions	2,3,5	Engaging in Experiments	Lecture, Discussion	[1]
12-13	Externalities, Congestion and Common Pool Resources	1,2,5	Engaging in Experiments	Lecture, Discussion	[1]
14-15	Private Value Auctions and The Winner's Curse	1,2,5	Engaging in Experiments	Lecture, Discussion,	[1]
16	Risk and Decision Making (Lottery Choices) Lottery Choice Anomalies,	1,2,5	Engaging in Experiments	Lecture, Discussion,	[1]
17	Revision				
18	Final exam				

4. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
In-class exercises/quizzes (15%)		x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass	
Experiment Participation (15%)	x 80%Pass				x 80%Pass
Midterm exam (30%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	
Final exam (40%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

5. Rubrics (optional)

a. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	**Description**
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

b. Experiment evaluation rubric

	Excellent	**Competent**	**Needs work**
Participation and Teamwork	Actively participates in classroom discussions, answering questions and cooperating with group member(s) during the activity.	Occasionally participates in classroom discussions and cooperates somewhat with group member(s).	Does not participate in classroom discussion. Does not cooperate with group member(s) during the activity.
Conducting the Experiment	Successfully created a hypothesis, set up the experiment, collected data, and obtained results.	Acceptably created a hypothesis, set up the experiment, collected data, and obtained results. Not all parts of the experiment were successful.	Did not complete the experiment or collect data or obtain results. Incomplete experiment.
Knowledge	Demonstrates complete understanding of the concepts with no misconceptions.	Addresses the concepts, but in an incomplete way and/or with one or more misconceptions.	Does not address primary concepts or demonstrate understanding of the concepts.
Report Writing	Reported research, hypothesis, results, and conclusions in a clear and precise manner.	Reported most of the information compiled but not all key pieces. The writing was	Reported some of the information around the experiment. Writing was disorganized and

		somewhat unclear and disorganized.	didn't clearly state conclusions.

c. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence *Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion*	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/ hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

6. Date revised: October 30, 2022

Ho Chi Minh City, 6 / July / 2023

Vice Dean of School of Economics, Finance and Accounting



Lê Văn Chơn

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA211IU - BEHAVIORAL ECONOMICS

Course Name: Behavioral Economics
Course Code: EFA211IU

1. General information

Course designation	*Behavioral Economics combines economic and psychological principles to explain observed economic behaviors that violate the rationality assumption and deviate from standard economic prediction. There are two general streams of works in Behavioral Economics: Behavioral Decision Theory (BDT) and Behavioral Game Theory (BGT). BDT identifies and explains inconsistent choice behaviors in individual decision making. BGT identifies and explain boundedly rational actions in strategic decision making. This course focusses on the BDT stream.*
Semester(s) in which the course is taught	1, 2
Person responsible for the course	
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, lesson, project.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours[10]: 90
Credit points	3

[10] When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

<table>
<tr><td>Required and recommended prerequisites for joining the course</td><td>Introduction to Microeconomics</td></tr>
<tr><td>Course objectives</td><td>The goal of the course is to equip students with the theory and framework to understand the inconsistent choices and boundedly rational actions observed in experiments, and to identify similar inconsistency and bounded rationality in choices and actions in business. Finally, in applying behavioral economics to nudge behavioral change, students will have their first exposure to be the choice architect of a real-life situation.</td></tr>
<tr><td>Course learning outcomes</td><td>Upon the successful completion of this course students will be able to:
<table>
<tr><th>Competency level</th><th>Course learning outcome (CLO)</th></tr>
<tr><td>Attitude</td><td>CLO1. Criticize the implications of the deviation of choices from economic prediction in a business setting.</td></tr>
<tr><td>Knowledge</td><td>CLO2. Identify when and how choices deviate from economic prediction
CLO3. Explain why such deviations occur.</td></tr>
<tr><td>Skills</td><td>CLO4. Utilize the understanding to design plans to induce behavioral change.</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

<table>
<tr><td>Content</td><td>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.
Weight: lecture session (3 hours)
Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)
<table>
<tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr>
<tr><td>Introduction to Behavioral Economics</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Choice and Decision Architecture</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Choice under Certainty – Utility Framework</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Choice under Certainty – Reference Dependence</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Judgment under Risk and Uncertainty – Probability Updating</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Judgment under Risk and Uncertainty – Heuristics and Biases</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Choice under Uncertainty – Expected Utility</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Choice under Uncertainty – Loss Aversion and Framing</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Intertemporal Choice – Time Preference, Present Bias</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Designing Nudges: Case Discussion</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Analytical Game Theory</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Behavioral Game Theory</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Behavioral Policy</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Examination forms</td><td>Multiple-choice questions, short-answer questions, problem solving questions</td></tr>
<tr><td>Study and examination requirements</td><td>Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged.
Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.</td></tr>
<tr><td>Reading list</td><td>[1] A Course in Behavioral Economics, Erik Angner, 3rd ed, Red Globe Press, (2020)
[2] Choice Architecture, Richard H. Thaler, Cass R. Sunstein, and John P. Balz, April 2010, SSRN, https://dx.doi.org/10.2139/ssrn.1583509.
[3] Psychology and Economics: Evidence from the Field, Stefano DellaVigna, 2009, Journal of Economic Literature, 47 (2): 315-72.
[4] Managing Congestion in Singapore—A Behavioral Economics Perspective, Lew Yii Der and Leong Wai Yan, Journeys (Land Transport Authority, Singapore), 2009</td></tr>
</table>

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

	PLO									
CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Introduction to Behavioral Economics	2,3		Lecture, Discussion	[1]
2	Choice and Decision Architecture	2,3		Lecture, Discussion	[2]
3	Choice under Certainty – Utility Framework	1,2,3		Lecture, Discussion	[1], [3]
4	Choice under Certainty – Reference Dependence	1,2,3	Quiz 1	Lecture, Discussion	[1]
5	Judgment under Risk and Uncertainty – Probability Updating	1,2,3		Lecture, Discussion	[1]
6	Judgment under Risk and Uncertainty – Heuristics and Biases	1,2,3	Quiz 2	Lecture, Discussion	[1]
7	Choice under Uncertainty – Expected Utility	1,2,3		Lecture, Discussion	
8	Choice under Uncertainty – Loss Aversion and Framing	1,2,3		Lecture, Discussion	
9-10	Midterm				
11-12	Intertemporal Choice – Time Preference, Present Bias	1,2,3		Lecture, Discussion	[1]
13	Designing Nudges: Case Discussion	2,3,4		Lecture, Discussion	[2], [4]
13	Analytical Game Theory	2,3	Quiz 3	Lecture, Discussion	[1]
14	Behavioral Game Theory	2,3		Lecture, Discussion	[1]
15	Behavioral Policy	2,3,4	Due: Group Project	Lecture, Discussion	[1]
16	Revision			Review-Test	
17	Final exam				

4. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Quizz (10%)		x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass

Group project (20%)	x 80%Pass			x 80%Pass
Midterm exam (30%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass
Final exam (40%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

5. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student: …….. HW/Assignment: ……. Date: …… Evaluator: ……			
	Max.	**Score**	**Comments**
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	**Description**
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	**Milestone**		**Benchmark**
	4	**3**	**2**	**1**
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence *Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion*	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/ hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Date revised: October 30, 2022

Ho Chi Minh City, 6 / July / 2023

Vice Dean of School



Lê Văn Chơn

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA212IU - GAME THEORY AND BUSINESS STRATEGY

Course Name: Game Theory and Business Strategy
Course Code: EFA212IU

1. General information

Course designation	*This course is an introduction to Game Theory. It is designed to explore the basic conceptual tools from game theory and identify some real-life business situations where these tools can be useful to a manager. The course is fundamental to the understanding of modern business strategy.*
Semester(s) in which the course is taught	1, 2
Person responsible for the course	Dr. Le, Van Chon
Language	English
Relation to curriculum	Elective
Teaching methods	Lecture, lesson, project, seminar.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours[11]: 90
Credit points	3

[11] When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

<table>
<tr><td>Required and recommended prerequisites for joining the course</td><td>Introduction to Microeconomics</td></tr>
<tr><td>Course objectives</td><td>The course introduces students to the basic tools of game theory and its applications to business choices. This course covers normal-form and extensive-form games and games of perfect and imperfect/incomplete information, and explains equilibrium concepts such as Nash Equilibrium, Subgame-Perfect Equilibrium and Perfect Bayesian Equilibrium. Students also examine repeated games and the theory of reputation. The games are presented to the essence of particular aspects of strategic interactions that arise in real-life situations. Applications provided by the course enable students to apply the abstract theory to specific real-world problems.</td></tr>
<tr><td>Course learning outcomes</td><td>Upon the successful completion of this course students will be able to:
<table>
<tr><th>Competency level</th><th>Course learning outcome (CLO)</th></tr>
<tr><td>Attitude</td><td>CLO1. Express well considered opinion on issues relating to business strategies.</td></tr>
<tr><td>Knowledge</td><td>CLO2. Understand the basic principles of strategic analysis.
CLO3. Compute equilibria in purely sequential-move (C 3) and simultaneous-move situations (C 4-5).
CLO4. Compute equilibria in mixed situations. (C 7)
CLO5. Understand endogenous barriers to achieving mutually beneficial cooperative outcome in two-player and multi-player games.
CLO6. Understand auction types and bidding strategies.</td></tr>
<tr><td>Skills</td><td>CLO7. Construct written reports which are logically and professionally presented.
CLO8. Communicate ideas in a succinct and clear manner.</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

<table>
<tr><td>Content</td><td>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.
Weight: lecture session (3 hours)
Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)
<table>
<tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr>
<tr><td>Introduction – What is a Game?</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Games with Sequential Moves</td><td>2</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Simultaneous-Move Games: Discrete Strategies</td><td>2</td><td>I, T, U</td></tr>
<tr><td>Simultaneous-Move Games: Continuous Strategies</td><td>2</td><td>I, T, U</td></tr>
<tr><td>Simultaneous-Move Games: Mixed Strategies</td><td>2</td><td>I, T, U</td></tr>
<tr><td>The Prisoners’ Dilemma and Repeated Games</td><td>2</td><td>I, T, U</td></tr>
<tr><td>Collective-Action Games</td><td>2</td><td>I, T, U</td></tr>
<tr><td>Bidding Strategy and Auction Design</td><td>2</td><td>I, T, U</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Examination forms</td><td>Multiple-choice questions, short-answer questions, and/or problem solving questions</td></tr>
<tr><td>Study and examination requirements</td><td>Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged.
Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.</td></tr>
<tr><td>Reading list</td><td>Required:
[1] Games of Strategy, Avinash K. Dixit, Susan Skeath, David Reiley, 4th ed.
Suggested:
[1] The Art of Strategy: A Game Theorist’s Guide to Success in Business and Life, Avinash K. Dixit, Barry J. Nalebuff.
[2] Co-opetition, Adam M. Brandenburger, Barry J. Nalebuff.
[3] Industrial Organization: Markets and Strategies, Paul Belleflamme, Martin Peitz, 2nd ed.</td></tr>
</table>

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

	PLO									
CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						
5						x	x			
6						x	x			
7										

8										

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Introduction What is a Game?	2		Lecture, Discussion	[1]
2-3	Games with Sequential Moves	2,3		Lecture, Discussion	[1]
4-5	Simultaneous-Move Games: Discrete Strategies	2,3,7, 8	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
6-7	Simultaneous-Move Games: Continuous Strategies	2,3,7, 8	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
8	Simultaneous-Move Games: Mixed Strategies	2,4,7, 8	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
9-10	Midterm				
11	Simultaneous-Move Games: Mixed Strategies	2,4,7, 8	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
12-13	The Prisoners' Dilemma and Repeated Games	2,5,7, 8	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
14-15	Collective-Action Games	2,5,7, 8	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
16-17	Bidding Strategy and Auction Design	2,6,7, 8	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
18	Final exam				

4. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8

Home assignments (15%)		x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass		
Group project (15%)	x 80%Pass						x 80%Pass	x 80%Pass
Midterm exam (30%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass		
Final exam (40%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass		

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

5. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student: …….. HW/Assignment: ……. Date: …… Evaluator: ……			
	Max.	**Score**	**Comments**
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	**Description**
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.

0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	**Milestone**		**Benchmark**
	4	**3**	**2**	**1**
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence *Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion*	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/ hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	**Milestone**		**Benchmark**
	4	**3**	**2**	**1**

Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.
Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

Date revised: Octover 8, 2022

Ho Chi Minh City, 6 / July / 2023

Vice Dean of School

Lê Văn Chơn

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA213IU - FINANCIAL ECONOMICS

Course Name: Financial Economics
Course Code: EFA213IU

1. General information

Course designation	*This course provides a rigorous introduction to fundamental aspects of the financial system that has experienced path-breaking advances in theory and practice over the past decades. The changes are further accelerated by the extensive globalization of financial markets and the rapid development in financial technologies.*
Semester(s) in which the course is taught	1, 2
Person responsible for the course	Dr. Le, Van Chon
Language	English
Relation to curriculum	Elective
Teaching methods	Lecture, lesson, presentation, problem sets.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours[12]: 90
Credit points	3

[12] When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

<table>
<tr><td>Required and recommended prerequisites for joining the course</td><td>Introduction to Microeconomics and Maths for Business</td></tr>
<tr><td>Course objectives</td><td>The course introduces the principles of modern financial analysis and their applications to business challenges. It includes a critical discussion of the efficient markets theory, an overview of quantitative methods in finance, considers risk aversion in the context of utility theory, examines portfolio theory, the Capital Asset Pricing Model and Index Model, covers bond pricing, duration and convexity. The emphasis is on a thorough coverage of modern finance theory as applied to investment analysis and of the application of both old and new theoretical perspectives to understand the current environment for financial investment decisions.</td></tr>
<tr><td>Course learning outcomes</td><td>Upon the successful completion of this course students will be able to:
<table>
<tr><th>Competency level</th><th>Course learning outcome (CLO)</th></tr>
<tr><td>Attitude</td><td>CLO1. Express well considered opinion on issues relating to financial economics.</td></tr>
<tr><td>Knowledge</td><td>CLO2. Apply utility theory to describe and analyze investment decisions under risk aversion.
CLO3. Describe and apply modern portfolio theory.
CLO4. Critically understand models of risk and return.
CLO5. Describe the efficient markets hypothesis.
CLO6. Identify and describe the risks of managing portfolios of various securities.</td></tr>
<tr><td>Skills</td><td>CLO7. Demonstrate the ability to deliver an effective oral presentation with appropriate visuals.</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

<table>
<tr><td>Content</td><td>
The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.
Weight: lecture session (3 hours)
Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)
<table>
<tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr>
<tr><td>Introduction – The Investment Environment, Asset Classes and Financial Instruments</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>How Securities are Traded</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Mutual Funds and Other Investment Companies</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Asset Returns and Measures of Risk</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Capital Allocation to Risky Assets</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Efficient Allocation</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>The Capital Asset Pricing Model</td><td>1</td><td>I, T, U</td></tr>
<tr><td>Index Models</td><td>1</td><td>I, T, U</td></tr>
<tr><td>The Efficient Market Hypothesis</td><td>1</td><td>I, T, U</td></tr>
<tr><td>Bond Prices and Yields</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>The Term Structure of Interest Rates</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Equity Valuation Models</td><td>1</td><td>I, T, U</td></tr>
<tr><td>Introduction to Option Markets</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Option Valuation</td><td>1</td><td>I, T, U</td></tr>
<tr><td>Future Markets</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td>Examination forms</td><td>Multiple-choice questions, short-answer questions, and/or problem solving questions</td></tr>
<tr><td>Study and examination requirements</td><td>Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged.
Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.</td></tr>
<tr><td>Reading list</td><td>Required:
[1] Investments, Zvi Bodie, Alex Kane, Alan J. Marcus, 12th ed.
Suggested:
[1] Essentials of Corporate Finance, Stephen Ross, Randolph Westerfield, Bradford Jordan, 9th ed.
[2] Money, Banking, and the Financial System, Glenn Hubbard, Anthony OBrien, 3rd ed.</td></tr>
</table>

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

	PLO									
CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						
5						x	x			
6						x	x			
7										

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Introduction – The Investment Environment, Asset Classes and Financial Instruments	1		Lecture, Discussion,	[1]
2	How Securities are Traded	1		Lecture, Discussion,	[1]
3	Mutual Funds and Other Investment Companies	1		Lecture, Discussion,	[1]
4	Asset Returns and Measures of Risk	2		Lecture, Discussion,	
5	Capital Allocation to Risky Assets	2,3		Lecture, Discussion,	
6	Efficient Allocation	3,4		Lecture, Discussion,	[1]
7	The Capital Asset Pricing Model	3,4,7	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
8	Index Models	3,4,7	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
9-10	Midterm				
11	The Efficient Market Hypothesis	5,7	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
12	Bond Prices and Yields	6		Lecture, Discussion,	[1]
13	The Term Structure of Interest Rates	6		Lecture, Discussion,	[1]
14	Equity Valuation Models	6,7	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
15	Introduction to Option Markets	6		Lecture, Discussion,	[1]
16	Option Valuation		Presentation	Lecture, Group work,	[1]

		6,7		Discussion, Presentation	
17	Future Markets	6		Lecture, Discussion,	
18	Final exam				

4. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
In-class exercises/quizzes (15%)		x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass	
Group project (15%)	x 80%Pass						x 80%Pass
Midterm exam (30%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	
Final exam (40%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

5. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student: …….. HW/Assignment: ……. Date: …… Evaluator: ……			
	Max.	**Score**	**Comments**
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	**Description**

5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	**Milestone**		**Benchmark**
	4	**3**	**2**	**1**
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence *Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion*	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/ hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.
Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

Date revised: October 8, 2022

Ho Chi Minh City, 6 / July / 2023
Vice Dean of School



Lê Văn Chơn

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA205IU - PANEL DATA ECONOMETRICS

Course Name: Panel Data Econometrics
Course Code: EFA205IU

1. General information

Course designation	*This course introduces the use of econometrics to explore and estimate economic relationships using linear regression models. The course will give students a basic understanding of methods required to model the inter-relationship between variables and prepare them for further studies of econometric methods.*
Semester(s) in which the course is taught	1, 2
Person responsible for the course	Dr. Trung, Nguyen Ba
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, lesson, project, seminar.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours[13]: 90
Credit points	3

[13] When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

<table>
<tr><td>Required and recommended prerequisites for joining the course</td><td>Statistics for Business</td></tr>
<tr><td>Course objectives</td><td>This course provides a theoretical and empirical overview of econometric techniques that may be used when studying panel data. Panel data are pooled observations of a cross-section of units such as individuals, households, firms, states, or countries, over time. The number of pooled observations per unit does not have to be the same, but that case does present some further complications. When feasible, the theoretical discussion of econometric techniques will be illustrated with empirical studies that use those same techniques. The techniques can also be used when cross-sectional data consist of groups, for example by city, state, and so forth, rather than of pooled data over several years.</td></tr>
<tr><td>Course learning outcomes</td><td>Upon the successful completion of this course students will be able to:
<table>
<tr><th>Competency level</th><th>Course learning outcome (CLO)</th></tr>
<tr><td>Attitude</td><td>CLO1. Understand ethical principles for data collection and data analysts</td></tr>
<tr><td>Knowledge</td><td>CLO2. Learn econometric techniques for panel data
CLO3. be able to conduct panel data analysis and interpret the results from these models.</td></tr>
<tr><td>Skills</td><td>CLO4. Explore statistical/econometric software in regard to panel-econometric techniques.</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

<table>
<tr><td>Content</td><td>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.
Weight: lecture session (3 hours)
Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)
<table>
<tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr>
<tr><td>Introduction and</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>One-way error component model</td><td>2</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Two-way error component model</td><td>2</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Hypothesis testing</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Heteroskedasticity and serial correlation</td><td>1</td><td>T</td></tr>
<tr><td>Simultaneous equation model</td><td>2</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Dynamic panel data model</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Models for unbalanced panel data</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Limited dependent variable models</td><td>2</td><td>T, U</td></tr>
<tr><td>Review</td><td>1</td><td>T, U</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Examination forms</td><td>Short-answer questions, problem solving questions</td></tr>
<tr><td>Study and examination requirements</td><td>Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged.
Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.</td></tr>
<tr><td>Reading list</td><td>[1]. Econometric Analysis of Panel Data, Sixth Edition, by Badi H. Baltagi
[2] Introductory Econometrics: A Modern Approach, by Jeffrey M. Wooldridge</td></tr>
</table>

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

	PLO									
CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						
5						x	x			

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Introduction	2,3		Lecture, Discussion Assignment	[1]
2-3	One-way error component model	2,3	Assignment Computer tasks	Lecture, Discussion Assignment	[1]
4-5	Two-way error component model	2,3	Assignment Computer tasks	Lecture, Discussion Assignment	[1]
6	Hypothesis testing	2,3	Assignment Computer tasks	Lecture, Discussion Assignment	[1]
7	Heteroskedasticity and serial correlation	2,3	Assignment Computer tasks	Lecture, Discussion Assignment	[1]
8-9	Midterm				
10-11	Simultaneous equation model	2,3	Assignment Computer tasks	Lecture, Discussion Assignment	[1]
12 -13	Dynamic panel data model	2,3	Assignment Computer tasks	Lecture, Discussion Assignment	[1]
14	Models for unbalanced panel data	2,3	Assignment Computer tasks	Lecture, Discussion Assignment	[1]
15-16	Limited dependent variable models	2,3	Assignment Computer tasks	Lecture, Discussion Assignment	[1]
17	Review	2,3		Lecture, Discussion Assignment	[1]
18	Final exam		Individual Report/Project		

4. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Attendance (10%)	x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass	
Assignment (20%)			x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass
Midterm exam (30%)	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass		
Final exam (40%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

5. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student: …….. HW/Assignment: ……. Date: …… Evaluator: ……			
	Max.	**Score**	**Comments**
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	**Description**
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	**Milestone**		**Benchmark**
	4	**3**	**2**	**1**

Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence *Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion*	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/ hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Date revised: October 30, 2022

Ho Chi Minh City, 6 / July / 2023

Vice Dean of School

Lê Văn Chơn

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA214IU - MARKETING ANALYTICS

Course Name: Marketing Analytics
Course Code: EFA214IU

1. General information

Course designation	This course will provide you with an introduction to marketing analytics. We will study various tools for generating marketing insights from data in such areas as segmentation, targeting and positioning, satisfaction management, customer lifetime analysis, customer choice, product and price decisions using conjoint analysis, and text analysis and search analytics.
Semester(s) in which the course is taught	1, 2
Person responsible for the course	Dr. Trung, Nguyen Ba
Language	English
Relation to curriculum	Elective
Teaching methods	Lecture, lesson, presentation, problem sets.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours[14]: 90
Credit points	3

[14] When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

<table>
<tr><td>Required and recommended prerequisites for joining the course</td><td>Introduction to Microeconomics and Maths for Business</td></tr>
<tr><td>Course objectives</td><td>The student understands how data about customers and the firms marketing activities can be collected and leveraged to improve marketing productivity and organizational performance. The student understands the statistical and mathematical principles underlying modern marketing analytics tools. The student knows how to apply various techniques in the marketing analytics toolkit in order to harness actionable insights from data concerning the firms customers, products, marketing communications and pricing.</td></tr>
<tr><td>Course learning outcomes</td><td>Upon the successful completion of this course students will be able to:
<table>
<tr><th>Competency level</th><th>Course learning outcome (CLO)</th></tr>
<tr><td>Attitude</td><td>CLO1. Understand ethical principles for marketing data analysts</td></tr>
<tr><td>Knowledge</td><td>CLO2. Choose appropriate data sources and analytical tools to design a sophisticated analytical study
CLO3. Learn how to apply quantitative techniques to marketing strategic decisions.</td></tr>
<tr><td>Skills</td><td>CLO4. Apply appropriate software in developing marketing analytics solutions
CLO5. Demonstrate the ability to deliver an effective oral presentation with appropriate visuals</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Content</td><td>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.
Weight: lecture session (3 hours)
Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)
<table>
<tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr>
<tr><td>Course Introduction
Introduction to Marketing Analytics</td><td>1</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Segmentation and targeting</td><td>2</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Positioning</td><td>2</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Customer lifetime value</td><td>2</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Customer choice</td><td>2</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Conjoint analysis</td><td>2</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>Text analysis and search analytics</td><td>2</td><td>I, T</td></tr>
<tr><td>The marketing Mix</td><td>2</td><td>I, T</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

Examination forms	Problem solving questions and group project
Study and examination requirements	Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged. Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.
Reading list	Required: [1] Lilien, Gary L., Arvind Rangaswamy, and Arnaud de Bruyn (2017), Principles of Marketing Engineering and Analytics, 3 rd edition, State College, PA: DecisionPro, Inc.. Suggested: [1] Marketing Analytics: Essential Tools for Data-Driven Decisions by Rajkumar Venkatesan (Author), Paul W. Farris (Author), Ronald T. Wilcox [2] R For Marketing Research and Analytics by Chris Chapman, Elea McDonnell Feit

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

	PLO									
CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						
5						x	x			
6						x	x			
7										

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Course Introduction Introduction to Marketing Analytics	1		Lecture, Discussion,	[1]
2-3	Segmentation and targeting	2,3,4, 5	Quiz1	Lecture, Discussion, Lab	[1]
4-5	Positioning	2,3,4, 5		Lecture, Discussion, Lab	[1]
6-7	Customer lifetime value		Quiz2	Lecture, Discussion,	

		2,3,4, 5		Lab	
8	Midterm Examination				
9-10	Customer choice	2,3,4, 5		Lecture, Discussion, Lab	
11-12	Conjoint analysis	2,3,4, 5	Quiz3	Lecture, Discussion, Lab	[1]
13-14	Text analysis and search analytics	2,3,4, 5		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
15-16	The marketing Mix	2,3,4		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
17	Final exam	1,2,3, 4,5	Report + Presentation		

4. Assessment plan

Assessment Type	**CLO1**	**CLO2**	**CLO3**	**CLO4**	**CLO5**
Attendance/ In-class exercises/quizzes (20%)	x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass
Midterm exam (30%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass
Final exam (50%)	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

5. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student: …….. HW/Assignment: ……. Date: …… Evaluator: ……			
	Max.	**Score**	**Comments**
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		

Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	**Description**
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	**Milestone**		**Benchmark**
	4	**3**	**2**	**1**
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence *Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion*	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.

Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/ hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	**Milestone**		**Benchmark**
	4	**3**	**2**	**1**
Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.
Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.

Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

Date revised: Octover 8, 2022

Ho Chi Minh City, 6 / July / 2023
Vice Dean of School

Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

EFA230IU - WORKSHOP 2 ON ECONOMIC ISSUES

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: workshop 2 cho những vấn đề kinh tế
  + Tiếng Anh: **Workshop 2 on economic issues**
- Mã số môn học: **EFA230IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐Kiến thức cơ bản ☐Kiến thức cơ sở ngành

☒Kiến thức chuyên ngành ☐Kiến thức khác

☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 3
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Hội thảo này sẽ cung cấp cho sinh viên cơ hội tìm hiểu những vấn đề nổi bật đang diễn ra trong nền kinh tế. Trong buổi trình bày, các diễn giả được mời sẽ trình bày vấn đề đang diễn ra và chia sẻ hiểu biết của họ. Nó sẽ giúp sinh viên mở rộng kiến thức thực tiễn và cơ hội nghề nghiệp. Cuối cùng, sinh viên phải nộp 03 báo cáo bằng văn bản để đánh giá cơ sở hiểu biết của họ về 03 chủ đề nhất định.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

TBA

Tài liệu khác: N/A

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x)(3)**	**TĐNL (4)**
G1: Khái niệm	Bằng cách tham dự Hội thảo 2, sinh viên sẽ có thể • Nhận diện các vấn đề nổi bật trong nền kinh tế quốc gia và quốc tế • Hiểu và giải thích công việc của chuyên viên kinh tế và phân tích dữ liệu • Hiểu những yêu cầu của các công việc liên quan • Lên kế hoạch chuẩn bị các kỹ năng cần thiết	PLO1, PLO3	5%
		…	
		…	

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	**Mô tả CĐR (2)**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)**
G1.1	Bằng cách tham dự Hội thảo 2, sinh viên sẽ có thể • Nhận diện các vấn đề nổi bật trong nền kinh tế quốc gia và quốc tế	I, T, U

	• Hiểu và giải thích công việc của chuyên viên kinh tế và phân tích dữ liệu • Hiểu những yêu cầu của các công việc liên quan • Lên kế hoạch chuẩn bị các kỹ năng cần thiết	
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	**TBA**	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong

thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán/ bộ môn Kinh tế
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN	Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023
(Ký, ghi rõ họ tên)	**KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT**
	PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

EFA231IU - INTERNSHIP 1

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Thực tập
  + Tiếng Anh: **Internship 1**
- Mã số môn học: **EFA231IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐Kiến thức cơ bản ☐Kiến thức cơ sở ngành
☐Kiến thức chuyên ngành ☒Kiến thức khác
☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 0
  + Thực hành: 3
- Môn học tiên quyết: Sau khi hoàn thành 2 năm học đại cương
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Đây là kỳ thực tập bắt buộc trong đó sinh viên phải trải qua một thời gian làm việc thực tế tại doanh nghiệp. Thời gian thực tập tối thiểu là 32 ngày làm việc (tương đương khoảng 2 tháng toàn thời gian hoặc 4 tháng bán thời gian) (2 tháng hoặc 4 tháng chỉ là ước lượng tuỳ vào sinh viên thực tập bao nhiêu ngày trong tuần rồi cộng lại trên 32 ngày làm việc là đạt yêu cầu chứ không nhất thiết phải là 2 tháng hay tháng).

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

N/A

Tài liệu khác:

N/A

Phần mềm:

[..] Tên hang phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

…

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức		PLO1, PLO3	5%
		…	
G2: Kỹ năng		PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		…	
G3: Thái độ		PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

		…	

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát
(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	**Mô tả CĐR (2)**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)**
G1.1	Có cơ hội kiểm chứng sự ưa thích của mình trong một lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể trước khi cam kết theo đuổi lâu dài	I, T, U
…		
G1.2	Có cơ hội phát triển những thái độ thích hợp để xây dựng những mối quan hệ giữa các cá nhân trong tổ chức	I, T, U
…		
G1.3	Tăng cường ý thức trách nhiệm	I, T, U
…		
G1.4	Xác định được thái độ học tập và phương pháp học tập phù hợp để tích lũy kiến thức cần thiết cho nghề nghiệp tương lai.	I, T, U

(1): Ký hiệu CĐR của môn học
(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.
(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**
A1. Nội dung báo cáo thực tập	a. Giới thiệu nội dung	G1.2, G1.3	5%
	b. Tổng quan về công ty	G1.1, G1.2	15%
	c. Miêu tả lại các công việc được giao trong kỳ thực tập	G1.1, G1.2	35%

	d. Các kỹ năng tích luỹ được từ kỳ thực tập	G1.1, G1.2	35%
	e. Kết luận	G1.1, G1.2	5%
	f. Đánh giá của công ty về quá trình thực tập	G1.2, G1.3	5%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá
(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá
(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

N/A

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

1. **CÁC ĐỢT THỰC TẬP**
   a. **Đợt 1:** Học kỳ hè
   b. **Đợt 2:** Học kỳ I
   c. **Đợt 3:** Học kỳ II

Sinh viên có thể chọn 1 trong 3 kỳ thực tập trên và đáp ứng đúng các yêu cầu thực tập

2. **ĐỐI VỚI SINH VIÊN ĐĂNG KÍ THỰC TẬP VÀO ĐỢT 1 (Học kỳ hè)**
   a. **Thời gian thực tập:**
      i. 2 tháng nếu làm toàn thời gian, toàn thời gian được tính khi làm từ 4 ngày/tuần (tổng cộng 32 ngày làm việc)
      ii. 4 tháng nếu làm bán thời gian, bán thời gian được tính khi làm 2 ngày/tuần (tổng cộng 32 ngày làm việc)

   b. **Yêu cầu thực tập:**

i. Đảm bảo đủ thời gian thực tập: tối thiểu là 32 ngày làm việc.
ii. Được học tối đa 1 môn trong học kỳ hè nếu đi thực tập
iii. Đáp ứng các yêu cầu, quy định của công ty thực tập dành cho thực tập sinh
iv. Khoa KTTC&KT sẽ cử thầy cô trong khoa theo dõi tiến độ thực tập và sinh viên có trách nhiệm liên hệ, báo cáo tiến độ thực tập và được hỗ trợ từ thầy cô hướng dẫn thực tập của mình.
v. Nộp báo cáo thực tập đáp ứng đúng nội dung và cách trình bày như được hướng dẫn
vi. Lưu ý tuyệt đối không được sao chép và vi phạm các vấn đề đạo văn.
vii. Sinh viên sẽ được chấm điểm và lấy được 3 tín chỉ cho kỳ thực tập nếu đáp ứng đúng các yêu cầu trên

   c. **Các mốc thời gian quan trọng:**

Khoa KTTC&KT sẽ hỗ trợ sinh viên tìm công ty thực tập, tuy nhiên Khoa cũng khuyến khích sinh viên tự liên hệ công ty thực tập. Bên cạnh đó sinh viên phải tuân thủ các thời hạn sau:

i. ***Từ 26-03 đến 06-04:*** Các sinh viên sẽ đăng ký với khoa về thông tin cá nhân (online form)
ii. ***Từ ngày 26-03 đến 15-06****:* Sinh viên sẽ liên hệ với khoa để xin giấy giới thiệu của trường.
iii. ***Từ ngày 18-06 đến 24-08:*** Sinh viên đến thực tập tại các công ty (toàn thời gian)

Từ ngày 18-06 đến 12-10: Sinh viên đến thực tập tại các công ty (bán thời gian)

iv. ***Ngày 13-07****:* Hạn chót cho sinh viên nộp Giấy chứng nhận thực tập (có xác nhận của công ty)
v. ***Ngày 07-09:*** Hạn chót cho sinh viên làm việc toàn thời gian nộp báo cáo thực tập
Ngày 19-10: Hạn chót cho sinh viên làm việc bán thời gian nộp báo cáo thực tập

3. ĐỐI VỚI SINH VIÊN ĐĂNG KÍ THỰC TẬP VÀO ĐỢT 2 (Học kỳ I)

a. Thời gian thực tập

i. 2 tháng nếu làm toàn thời gian, toàn thời gian được tính khi làm 4 ngày/tuần (tổng cộng 32 ngày làm việc)
ii. 4 tháng nếu làm bán thời gian, bán thời gian được tính khi làm 2 ngày/tuần (tổng cộng 32 ngày làm việc)

b. Yêu cầu thực tập

i. Đảm bảo đủ thời gian thực tập: tối thiểu là 32 ngày làm việc
ii. Số môn được học tối đa trong học kỳ I năm học 2018-2019
- Đối với thực tập toàn thời gian: 2 môn
- Đối với thực tập bán thời gian: 4 môn (liên hệ với giáo viên chủ nhiệm để được tư vấn thêm)

iii. Đáp ứng các yêu cầu, quy định của của công ty thực tập dành cho thực tập sinh
iv. Khoa KTTC&KT sẽ cử thầy cô trong khoa theo dõi tiến độ thực tập và sinh viên có trách nhiệm liên hệ, báo cáo tiến độ thực tập và được hỗ trợ từ thầy cô hướng dẫn thực tập của mình.
v. Nộp báo cáo thực tập đáp ứng đúng nội dung và cách trình bày như được hướng dẫn
vi. Sinh viên sẽ được chấm điểm và lấy được 3 tín chỉ cho kỳ thực tập nếu đáp ứng đúng các yêu cầu trên

c. Các mốc thời gian quan trọng:

i. ***Từ 10-09 đến 28-09:*** Các sinh viên sẽ đăng ký với khoa về thông tin cá nhân (online form)
ii. ***Từ ngày 10-09 đến 28-09****:* Sinh viên sẽ liên hệ với khoa để xin giấy giới thiệu của trường.
iii. ***Từ ngày 17-09 đến 16-11:*** Sinh viên đến thực tập tại các công ty (toàn thời gian)

Từ ngày 17-09 đến 04-01: Sinh viên đến thực tập tại các công ty (bán thời gian)

iv. ***Ngày 05-10****:* Hạn chót cho sinh viên nộp Giấy chứng nhận thực tập (có xác nhận của công ty)
v. ***Ngày 30-11:*** Hạn chót cho sinh viên làm việc toàn thời gian nộp báo cáo thực tập
Ngày 11-01: Hạn chót cho sinh viên làm việc bán thời gian nộp báo cáo thực tập

4. ĐỐI VỚI SINH VIÊN ĐĂNG KÍ THỰC TẬP VÀO ĐỢT 3 (Học kỳ II)

a. Thời gian thực tập

i. 2 tháng nếu làm toàn thời gian, toàn thời gian được tính khi làm 4 ngày/tuần (tổng cộng 32 ngày làm việc)

ii. 4 tháng nếu làm bán thời gian, bán thời gian được tính khi làm 2 ngày/tuần (tổng cộng 32 ngày làm việc)

b. Yêu cầu thực tập

i. Đảm bảo đủ thời gian thực tập: tối thiểu là 32 ngày làm việc
ii. Số môn được học tối đa trong học kỳ II năm học 2018-2019
- Đối với thực tập toàn thời gian: 2 môn
- Đối với thực tập bán thời gian: 4 môn (liên hệ với giáo viên chủ nhiệm để được tư vấn thêm)

iii. Đáp ứng các yêu cầu, quy định của của công ty thực tập dành cho thực tập sinh
iv. Khoa KTTC&KT sẽ cử thầy cô trong khoa theo dõi tiến độ thực tập. Và sinh viên có trách nhiệm liên hệ, báo cáo tiến độ thực tập và được hỗ trợ từ thầy cô hướng dẫn thực tập của mình.
v. Nộp báo cáo thực tập đáp ứng đúng nội dung và cách trình bày như được hướng dẫn
vi. Sinh viên sẽ được chấm điểm và lấy được 3 tín chỉ cho kỳ thực tập nếu đáp ứng đúng các yêu cầu trên

c. Các mốc thời gian quan trọng:

i. Từ 11-02 đến 22-02: Các sinh viên sẽ đăng ký với khoa về thông tin cá nhân (online form)
ii. Từ ngày 07-01 đến 25-01: Sinh viên sẽ liên hệ với khoa để xin giấy giới thiệu của trường.
iii. Từ ngày 11-02 đến 12-04: Sinh viên đến thực tập tại các công ty (toàn thời gian)
Từ ngày 11-02 đến 31-05: Sinh viên đến thực tập tại các công ty (bán thời gian)
iv. Ngày 01-03: Hạn chót cho sinh viên nộp Giấy chứng nhận thực tập (có xác nhận của công ty)
v. Ngày 06-04: Hạn chót cho sinh viên làm việc toàn thời gian nộp báo cáo thực tập
Ngày 07-06: Hạn chót cho sinh viên làm việc bán thời gian nộp báo cáo thực tập

8. Quy định của môn học

- Đảm bảo đủ thời gian thực tập: tối thiểu là 32 ngày làm việc
- Số môn được học tối đa trong học kỳ II năm học 2018-2019
- Đối với thực tập toàn thời gian: 2 môn
- Đối với thực tập bán thời gian: 4 môn (liên hệ với giáo viên chủ nhiệm để được tư vấn thêm)
- Đáp ứng các yêu cầu, quy định của của công ty thực tập dành cho thực tập sinh
- Khoa KTTC&KT sẽ cử thầy cô trong khoa theo dõi tiến độ thực tập. Và sinh viên có trách nhiệm liên hệ, báo cáo tiến độ thực tập và được hỗ trợ từ thầy cô hướng dẫn thực tập của mình.
- Nộp báo cáo thực tập đáp ứng đúng nội dung và cách trình bày như được hướng dẫn
- Sinh viên sẽ được chấm điểm và lấy được 3 tín chỉ cho kỳ thực tập nếu đáp ứng đúng các yêu cầu trên

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023
KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

EFA232IU - THESIS

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
  + Tiếng Việt: Luận văn tốt nghiệp
  + Tiếng Anh: **Thesis**
- Mã số môn học: **EFA232IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐Kiến thức cơ bản ☐Kiến thức cơ sở ngành
☐Kiến thức chuyên ngành ☒Kiến thức khác
☐Môn học chuyên về kỹ năng chung ☐Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:
  + Lý thuyết: 12
  + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh (BA161IU), Thực tập định hướng 1 (BA153IU)
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Đây là nghiên cứu tốt nghiệp, trong đó sinh viên thực hiện một nghiên cứu với sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian 1 học kỳ. Sinh viên sẽ tự chọn chủ đề, xây dựng đề cương và tiến hành nghiên cứu, lập báo cáo và sau đó trình bày trước hội đồng

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

N/A

Tài liệu khác:

N/A

Phần mềm:

[..] Tên hang phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

…

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức		PLO1, PLO3	5%
		…	
G2: Kỹ năng		PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		…	
G3: Thái độ		PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

		…	

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát
(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T, U)

CĐR (X.x) (1)	**Mô tả CĐR (2)**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)**
G1.1	Nắm vững về phương pháp thực hiện một nghiên cứu, từ việc hình thành ý tưởng, xây dựng đề cương, tiến hành nghiên cứu, thu thập và phân tích dữ liệu	I, T, U
…		
G1.2	Có khả năng viết một báo cáo khoa học với các lập luận và văn phong hàn lâm	I, T, U
…		
G1.3	Có khả năng tổng hợp các lý thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu	I, T, U
…		
G 1.4	Có khả năng ứng dụng lý thuyết để phân tích và tìm lời giải cho một vấn đề thực tế	I, T, U
…		
G 1.5	Có khả năng tự học, lập kế hoạch và quản lý dự án nghiên cứu của chính mình	I, T, U
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học
(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.
(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	**Bài đánh giá (Ax.x)**	**CĐR môn học (G.x.x)(3)**	**Tỷ lệ % (4)**
Luận văn	Bảo vệ thành công trước hội đồng chấm	G1.2, G1.3	100%
		G1.1, G1.2	

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá
(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5):chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

N/A

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

N/A

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1:…	Gx.x …	Dạy:… Học ở lớp:… Học ở nhà:…	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khoẻ. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023
KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

PHỤ LỤC 2

LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: Hồ Nhựt Quang ;Năm sinh: 24/01/1966 ; Giới tính: Nam

2. Đơn vị đang công tác: Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP.HCM

3. Học vị: Tiến sĩ ;năm cấp: 2011

4. Học hàm: ;năm phong:

5. Chức vụ hiện nay: Phó Hiệu trưởng

6. Liên lạc

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
i	Địa chỉ	Khu phố 6 – LinhTrung – Thủ Đức	190 đường Tôn Đản, phường 8, Quận 4, TP.HCM
ii	Điện thoại		0903338767
iii	Email		hnquang@hcmiu.edu.vn

7. Trình độ ngoại ngữ

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*	
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*
i	Tiếng Anh	X			X			X			X	
ii	Tiếng Nga	X				X			X		X	
iii												

8. Quá trình công tác

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
8/1991-5/1993	Công ty Khai thác Nước sông Sài gòn	Nhân viên phòng Kế hoạch
6/1993 – 4/1998	Công ty TNHH Xây dựng Thanh Bình	Trưởng phòng Kế hoạch – Vật tư
5/1998 – 7/2000	Đại học Văn Lang	Giảng viên cơ hữu
8/2000 – 10/2004	Đại học Công Nghiệp TP.HCM	Phó Khoa Quản trị Kinh doanh ; Trưởng Khoa Ngoại ngữ
10/2004 –	Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP.HCM	Trưởng Khoa Quản

1

nay		trị Kinh doanh; Phó Hiệu trưởng.

9. Quá trình đào tạo

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*
Đại học	1986-1991	Học viện Quản lý Quốc gia Moscow - Nga	Quản lý xây dựng
Đại học	1993-1997	Đại học Ngoại ngữ Hà Nội	Ngoại ngữ Anh
Thạc sỹ	1996-1998	Dự án Cao học Kinh tế Phát triển – Viện Khoa học Xã hội – Hà Lan	Kinh tế Phát triển
Tiến sỹ	2004-2011	Trường Đại học Kinh tế - Luật-Đại học Quốc gia TP.HCM	Kinh tế học

II. LĨNH VỰC CHUYÊN MÔN VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

1.1. Chuyên môn đang giảng dạy

- **Lĩnh vực: Kinh tế**
- **Chuyên ngành: Kinh tế học**
- **Chuyên môn: Kinh tế Vi mô; Kinh tế Vĩ mô; Kinh tế Quốc tế; Kinh Doanh Quốc tế**

11.1 Hướng nghiên cứu:

1. Kinh tế Vĩ mô và Vi mô, Kinh tế Quốc tế; Kinh Doanh Quốc tế
2. Kinh tế Công; Đạo đức kinh doanh

1.2. Hướng nghiên cứu chính

Kinh tế học và Kinh doanh Quốc tế

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Các đề tài đã hoàn thành

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*
1	Xây dựng Mô hình chuẩn cho các Khu Chế xuất tại Việt Nam	**Cấp trường**	**2000**		**Tham gia**	**2009**	**Đạt**
2	Nhận thức của doanh nghiệp trong việc vận dụng chuỗi giá trị nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh tại TP.HCM" – 1012	**Cấp trường**	**2012**		**Chủ nhiệm**	**2012**	**Đạt loại khá**
3	Xây dựng Chương trình trách nhiệm xã hội cho các doanh nghiệp ngành thực phẩm chế biến tại TP.HCM	**Sở KHCN - TP.HCM**	**2013-2014**		**Chủ nhiệm**	**2016**	**Đạt loại khá**

4	Xây dựng và Phát triển Thương hiệu cho các sản phẩm có sức cạnh tranh: hoa xứ lạnh (Lyli, Lan Hồ Điệp), rượu Sim, cá tầm Măng Đen trên địa bàn huyện Kon Lpong. – 2017	**Tỉnh Kontum**	**2015-2016**		**Chủ nhiệm**	**7/2017**	**Đạt loại khá**

2.2. Các bài báo đăng

2.2.1 Đăng trên tạp chí quốc tế

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản*	*Điểm IF*	*Số hiệu ISSN*	*Link bài báo*
(1)Bài báo trên tạp chí quốc tế thuộc danh sách SCI, SCI-Expanded, SSCI				
1				
2				
(2)Bài báo trên tạp chí quốc tế thuộc ISI				
1				
2				
(3) Bài báo trên tạp chí quốc tế thuộc Scopus				
1				
2				
(4) Bài báo trên tạp chí / hội thảo quốc tế ngoài ISI				
1	A Study on Factors Affecting Consumer Purchase Intention toward Home-Use Blood Pressure Monitor of Omron Health care Vietnam in Ho Chi Minh city – 2014			
2	The Effects of Leaders' Emotional Intelligence on Employee Engagement in Vietnamese Construction Companies – A Case of Hoa Binh Corporation – 2015			
3	Measuring the impact of electronic Word-of-mouth (e-WOM) on consumer purchase intention in Ho Chi Minh City – 2015			
4	. Obstructive Factors in Building Corporate Social Responsibility Programs at Firms in Food and Beverage Industry in Ho Chi Minh city, Vietnam – 2015			
5	Effect of University Image on Student Satisfaction, Student Loyalty and Word of Mouth Intention – The Case of International University – VNU- HCM			
6	The Effects of Corporate Social Responsibility Program and Product Quality on Customer Loyalty with the Moderating Role of Corporate Image. The Case of Vinamilk – 2017			
7	Effects of Emotional Intelligence and Word-of-Mouth on Consumer Purchase Decision in Social Network Online Purchase toward Cos,metic Market – A Study in HCM city, Vietnam- 2018			

8	Testing Cultural Tourism Typology and Implication for Marketing Strategies: the Case of HCM city- 2018			

2.2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	***Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản***	***Số hiệu ISSN***	***Điểm IF***
1	Bài báo " Lợi ích của việc đào tạo nguồn nhân lực thông qua các hoạt động R&D tại các công ty nước ngoài – tạp chí Kinh tế Phát triển. Năm 2002	ISSN 1859-1124	
2	Bài báo " Đầu tư trực tiếp nước ngoài và sự mất cân đối trong tăng trưởng công nghiệp vùng – tạp chí Khoa học Công nghệ - Đại học Ngân hàng. 2009	ISSN 1859-3682	
3	Roles of a Flagship University in Recovering Trust of the Community: The Case of Vietnam National University Ho Chi Minh and the Food and Bevarage Manufacturing Sector in HCMcity, Vietnam, 2017	ISSN 2525-2267	

2.3. Sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình

TT	*Tên sách*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Chủ biên*	*Tham gia*	*Bút danh*
1						

Xác nhận cơ quan

TP.HCM, ngày tháng năm 2018

Người kê khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ Khánh Quang

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: NGUYỄN VĂN PHƯƠNG

2. Ngày sinh: 11/08/1970 **3. Nam/nữ:** Nam

4. Nơi đang công tác:

- *Trường/viện:* Đại học Quốc Tế- Đại học Quốc Gia TP. HCM
- *Phòng/ Khoa:* Quản Trị Kinh Doanh
- *Bộ môn: Quản trị.*
- *Phòng thí nghiệm:*
- *Chức vụ:* Trưởng Khoa Quản Trị Kinh Doanh

5. Học vị: Tiến sĩ **năm đạt:** 2011.

6. Học hàm: Phó Giáo Sư **năm phong:** 2016

7. Liên lạc:

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	**Địa chỉ**	Khu phố 6, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.HCM	93 Cách Mạng, phường Tân Thành, quận Tân Phú, TP.HCM
2	**Điện thoại/ fax**	0837244270	0938903979
3	**Email**	nvphuong@hcmiu.edu.vn	nvphuong@hcmiu.edu.vn
	Website	www.hcmiu.edu.vn	

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
1	Tiếng Anh	x			x			x			x		
2													

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
Tháng 08/1993-08/2004	Công ty Viễn Thông Quốc Tế	Phó phòng TCKTTK
Tháng 11/2010-11/2011	Học Viện Bưu Chính Viễn Thông tại TP.HCM	Giảng viên
Tháng 01/2012 -hiện tại	Đại học Quốc tế-Đại học Quốc gia	Giảng viên – Trưởng Khoa

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
Đại học	1989-1993	ĐH Kinh tế TP.HCM	Kế toán	
Cao Học	1994-1996	Vietnam-Netherlands Program.	Economic Development	Foreign Direct Investment and Its Contribution to Economic Growth.

Cao Học	2004-2006	State University of New York at Buffalo, USA	Economics	
Tiến sĩ	2004-2010	State University of New York at Buffalo, USA	Economics	Productivity Growth and Technology Spillovers from Foreign Direct Investment: Evidence from Vietnam.

11. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

11.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- **Lĩnh vực: Kinh tế**
- **Chuyên ngành: Kinh tế**
- **Chuyên môn: Kinh tế và quản trị**

11.2 Hướng nghiên cứu:

1. Hoạt động doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chuyển giao công nghệ và giao thương quốc tế.
2. Thương mại điện tử, ứng dụng công nghệ trong kinh doanh, hoạt động khởi nghiệp và quản trị trong lĩnh vực y tế và giáo dục.

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Đề tài/dự án

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*
1	Đánh giá hiệu quả liên kết giữa hộ nông dân nuôi cá Tra và các doanh nghiệp chế biến tại tỉnh An Giang.	Trường	1 năm	35	Chủ nhiệm	25/08/2015	Tốt
2	Giải pháp nâng cao năng lực công nghệ thông qua chuyển giao công nghệ và R&D ở các doanh nghiệp ngành dược và thực phẩm tại thành phố Hồ Chí Minh	*Sở KHCN – TP.HCM*	2 năm	300	Tham gia	17/09/2014	Khá
3	Vai trò quản lý của Nhà nước tác động tới hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại tỉnh Bình Dương	*Sở KHCN – Bình Dương*	15 tháng	399.60	Chủ nhiệm	*Tháng 06/2018*	Đạt
4	Mối quan hệ giữa mức độ hội nhập và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam. Tác động điều phối của nhân tố khoản dự phòng tổ chức lên mối quan hệ này	*ĐHQG TP.HCM*	18 tháng	100	Chủ nhiệm	*(đang thực hiện-chờ bài báo được đăng)*	
5	Sự lan toả công nghệ, kế thừa nguồn nhân lực, khả năng và thời gian thích ứng kể từ lúc doanh nghiệp nước ngoài đầu tư: Kết quả thực nghiệm từ các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam.	*NAFOSTED*	2 năm	570	Chủ nhiệm	*Đang triển khai*	

2. Hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	Tên SV , HVCH, NCS	Tên luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)
1	Tăng Thị Bích Hiền	Testing the imperfect elasticity hypothesis: edivence from Vietnam labor supply.	2011	Thạc sỹ	
2	Võ Khôi Nguyên	Impacts of foreign direct investment on labor productivity of food processing industry: case of Vietnam	2011	Thạc sỹ	
3	Lê Thị Hồng Ngân	Ranking credit in bank system	2013	Thạc sỹ	
4	Phạm Anh Nhi	M&A in Vietnam banking system: Opportunities, Challenges, and Solutions for M&A activity effectiveness	2012	Thạc sỹ	
5	Mai Quang Huy	Constructing Stable Preferences - Dimensions of Experience (Learning, Tasting, Choice, Effort, and Consumption): A case of movie domain in Ho Chi Minh City	2013	Thạc sỹ	
6	Nguyễn Minh Quân	Online game service satisfaction and preference: an empirical study of Vietnamese Online gaming industry	2013	Thạc sỹ	
7	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Study of factors affecting online shopping intention of customers: Case study in Ho Chi Minh city, Vietnam	2013	Thạc sỹ	
8	Đặng Ngọc Thùy Trang	The factors affecting the relationship of lawyer-client	2014	Thạc sỹ	
9	Võ Công Minh	Effects of working capital management on firms performance	2014	Thạc sỹ	
10	Nguyễn Thị Thùy Diễm	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng ứng dụng e-marketing ở các cơ sở kinh doanh cá thể và mức độ ảnh hưởng của việc ứng dụng e-marketing đối với hiệu quả e-marketing ở các cơ sở kinh doanh cá thể.	2015	Thạc sỹ	Đề tài sinh viên cấp trường mã số SV2014-BA-36

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh
1						

2						

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)*	*Điểm IF*
1	Mai Q. Nguyen and Phuong V. Nguyen, The Impact of External Environment, Technology and Innovation Capacities, and Leadership Development on Organizational Performance in Food Industry. A Qualitative Study of Food Enterprises in Ho Chi Minh City, Vietnam. International Journal of Business, Humanities and Technology, Vol. 3 No. 4, p.49-60, April 2013.	Số QĐ 541/QĐ-SKHCN.	2162-1357	
2	Phuong V. Nguyen and Toan T.B. Tran, Modeling of Determinants Influence in Consumer Behavior towards Counterfeit Fashion Products. Business Management Dynamics, Vol. 2, Issue 12, p.12-23, 2013		2047-7031	
3	Phuong V. Nguyen, Nhi H.X. Dang , Quyen L.N. Do, Kien T. Mai. The impacts of consumers' familiarity on their behavioral intentions towards frozen pangasius products: A study in Ho Chi Minh City, Vietnam. Review of European Studies. Vol.7, No.7, (2015). p.97-108.		1918-7173	
4	Phuong V. Nguyen, Phuong M. To, Van T. T. Bui, An T.H. Nguyen. Understanding 3G Mobile Service Acceptance in Ho Chi Minh city, Vietnam. Vol. 10, No. 4 (2015), p.70-81. International Journal of Business and Management.		1833-3850	
5	Han Ngoc Ton Nu, Phuong Van Nguyen, Huan Ba Nguyen. The Investigation of Entrepreneurial Intention Among International University. International Journal of Applied Business and Economic Research. Vol. 13, No. 1 (2015), p.105-122.		0972-7302	
6	Diem T. T. Nguyen, Phuong V. Nguyen, Van T. T. Bui, An T.H Nguyen, FACTORS AFFECTING APPLICATION OF E-MARKETING AT PROPRIETORSHIPS AND THE IMPACT OF E-MARKETING USE ON PROPRIETORSHIPS' MARKETING SUCCESS. International Journal of Economic Research. Vol. 12, No. 1 (2015), p.47-60.		0972-9380	
7	Nhi H. X. Dang, Phuong V. Nguyen, The Intention To Play Online Mobile Games In Ho Chi Minh City, Vietnam. International Journal of Applied Business and Economic Research. Vol. 13, No. 1 (2015), p.363-382.		0972-7302	
8	Van Bui, Phuong Nguyen, Dung Pham, Kien Mai, UNDERSTANDING CUSTOMERS' E-LOYALTY IN THE AIRLINE INDUSTRY: A CASE STUDY OF VIETNAM AIRLINES COMPANY LIMITED. International Journal of Applied Business and Economic Research. Vol. 13, No. 5 (2015), p.3039-3064.		0972-9380	
9	Uyen H. P. Phan, Phuong V. Nguyen, Kien T. Mai, & Thao P. Le. Key Determinants of SMEs in Vietnam. Combining Quantitative and Qualitative Studies. Review of European Studies, Vol. 7, No. 11, (2015), p359-375.		1918-7173	

10	Anh N. Nguyen, Phuong V. Nguyen, Tam D. B. Luong. Factors Influencing Loyalty of Dentists Towards Dental Product Suppliers. International Journal of Economic Research. Vol. 12, No. 3 (2015), p.607-632. **Index in Scopus**		0972-9380	
11	Phuong V. Nguyen, Nhi H.X. Dang, Trang T.H.Nguyen, Examing Customer Satisfaction of E-Customs Services in Ho Chi Minh City, Vietnam. International Business Management, Vol. 10 (21), 2016, p.5180-5188		1993-5250	
12	Anh Thi Tuyet Luong, Phuong Van Nguyen, The Impact of Buddhist Ethics on Employee Performance at Enterprises in Southern Vietnam. International Business Management, Vol. 11 (2), 2017, p.530-542		1993-5250	
13	Phuong V. Nguyen, Tran Thi Ngoc Vo, Squeaky clean. Asian Management Briefs, Singapore Management University, 15 September 2017.		2424-8614	
14	Hau Vinh Nguyen, Phuong V. Nguyen, Brewing the best of the best. Asian Management Briefs, Singapore Management University. 15 September 2017.		2424-8614	
15	Chiem Hoang Hung Phat, Ho Phi Dinh, Phuong V. Nguyen, Consumer Behavior Analysis for Vietnamese Higher quality Goods Certificate. Evidence in Ho Chi Minh City. International Journal of Applied Business and Economic Research, Vol. 15, Number 20, 2017, p.345-361.		0972-7302	
16	Bui Thi Kim Dung, Nguyen Van Phuong, From Motivation to Co-Creation: A Way for Innovation Enhancement. International Journal of Applied Business and Economic Research, Vol. 15, Number 24, 2017, p.105-117.		0972-7302	

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISSN*	*Ghi chú*
1	Nguyễn Văn Phương, Viễn thông Việt Nam: trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Phát triển Kinh Tế, Mục lục số 138, Tháng 02 năm 2002.		1859-1124	
2	Nguyen Van Phuong, VOIP Services Creating an Emerging Competitive Environment, Economic Development Review, Economic University, No. 200, 52-59, April 2011.		1859-1124	
3	Nguyen Van Phuong, Matching Algorithm of the Auctions eBay, Science Journal of HMC Open University, 40-47, 2011.		1859-3453	
4	Nguyen Van Phuong, the Effects of R&D Expenditures on the Market Value in the Telecommunication Industry-Evidence from North America, Science Journal of HMC Open University, 88-94, 2011.		1859-3453	
5	Nguyen Van Phuong, The Demand for Self-Treatment in the Public Health Insurance: Evidence from Vietnam, Economic Development Review, Economic University, No. 201, 52-59, May 2011.		1859-1124	
6	Nguyen Van Phuong, Offshore outsourcing and R&D Outsourcing, Economic Development Review, Economic University, No. 206, 40-49, October 2011.		1859-1124	
7	Nguyen Van Phuong, The impact of research results on the research expenditure at the U.S Universities, Science Journal of HCMC Open University, No. 1(4), 2012.		1859-3453	

8	Nguyen Van Phuong, The Determinants of the Patent Applications at United Universities: How can Vietnamese Universities Learn from the Evidence?, Journal of Science-Economics and Business, Vietnam National University, Hanoi. No. 5E (28), 51-61, 2012.		0866-8612	
9	Nguyen Van Phuong and Doan Thi Ngoc Bich, Consumers' Perception on Online Shopping – Evidence from Students in Ho Chi Minh city, Economics and Business Administration, Thainguyen University, No.4, 66-71, September 2012.		1859-4298	
10	Nguyen Van Phuong, On the Relationship between Inventory Turnover Performance and Capital Intensity and Sales Growth. Evidene from the Listed Companies at HCM Stock Excahnge, Economic Development Review, Economic University, No. 215, 87-103, January 2013.		1859-1116	
11	Nguyen Van Phuong, Hospitalization issues in the public health care system: Evidence from Vietnam. Science Journal of HCMC Open University, No. 2(7), 28-38, 2013.		1859-3453	
12	Nguyen Van Phuong, Moral Harzard Problems Under Public Health Insurance: Evidence from Vietnam, Journal of Economics and Business, December 2013.		0866-8612	
13	Nguyen Van Phuong, Bui Thanh Thuy Van, Huynh Thi Ngoc Hien, The deterioration of weakly vertical linkages in tra catfish industry in An Giang Province, Vietnam., Jounal of Science HCMC Open University, No.2 (10), 13-26, 2014.		1859-3453	
14	Nguyen Van Phuong, Nguyen Dinh Khoi, Nguyen Thi Hong An, The Influence of Governmental Management, Customers and Supllers Relationship to Foreign Direct Investment Companies' Performance in Binh Duong Province: A Qualitative Study. Jounal of Science HCMC Open University, Vol.2 (18), 14-31, 2016.		1859-3453	
15	Pham Bich Uyen, Nguyen Van Phuong, Bui Doan Danh Thao, Sity Rohay Ni, Celebrity Endorsement as the Divers of an Advertising Strategy: The Case of Toc Tien Endorsing OPPO. VNU Journal of Science Economics and Business, Vol. 33, No.2, 87-100, 2017.		2588-1108	
16	Le Hong Yen Nhi, Nguyen Thi Quynh Nhi, Nguyen Van Phuong, Nguyen Thi Hong An, Student Career Preparation in the Regional Economic Integration – ASEAN Economic Community. Jounal of Science HCMC Open University, Vol.21 (1), 47-60, 2017.		1859-3453	
17	Lê Thị Thanh Tâm, Nguyễn Văn Phương, Tác động của môi trường và khả năng thích ứng công nghệ đến hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến: Nghiên cứu điển hình một số doanh nghiệp tại tỉnh Bình Dương. Tạp chí Phát triển Kinh tế, 28 (5), 83-116.		1859-1124	

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISBN*	*Ghi chú*
1	Vu Thi Hai Yen, Duong Thuy Tram Anh, Nguyen Van Phuong: The Factors impact on Value and Purchase Intention of Imported Ice-Cream Stores in Ho Chi Minh City, Vietnam..		978-616-92401-0-5	

	Paper presented at New Perspectives in Business, Economics and Management Research and Practice. (July 2015, Ho Chi Minh city).			
2	Nguyen Van Phuong, Phan Ngoc Anh, Dang Hien Xuan Nhi, Le Thi Thuy Dung, Bui Thanh Thuy Van: Young consumers' acceptance of mobile marketing: a study in Ho Chi Minh City, Vietnam.. Paper presented at New Perspectives in Business, Economics and Management Research and Practice. (July 2015, Ho Chi Minh city).		978-616-92401-0-5	
3	Dao Thi Truc Ngan, Phan Ngoc Anh, Bui Thanh Thuy Van, Nguyen Van Phuong: The formation of destination image and future behavioral intentions – an integrated approach to domestic visitors in Ba Ria – Vung Tau, Vietnam.. Paper presented at New Perspectives in Business, Economics and Management Research and Practice. (July 2015, Ho Chi Minh city).		978-616-92401-0-5	
4	Nguyen Minh Van, Nguyen Van Phuong, Nguyen Thi Hong An: FACTORS INFLUENCING ORGANIZATIONAL IDENTIFICATION, JOB PERFORMANCE, AND JOB SATISFACTION OF EMPLOYEES. A CASE STUDY AT AN GIANG PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY.. Paper presented at New Perspectives in Business, Economics and Management Research and Practice. (July 2015, Ho Chi Minh city).		978-616-92401-0-5	
5	Luu Hoa, Nguyen Van Phuong, Phan Hoang Phuong Uyen, Bui Thanh Thuy Van: THE RELATIONSHIP BETWEEN THE INTERNAL TO SUPPLY CHAIN RISK AND BUSINESS PERFORMANCE VIA GUANXI IN CHINESE COMMUNITY IN HO CHI MINH CITY, VIETNAM.. Paper presented at New Perspectives in Business, Economics and Management Research and Practice. (July 2015, Ho Chi Minh city).		978-616-92401-0-5	
6	To Ngoc Kieu Phuong, Phan Ngoc Anh, Nguyen Van Phuong, Dang Hien Xuan Nhi: Mediating factors that create the impact of leadership on job satisfaction: evidence in Lam Dong province, Vietnam.. Paper presented at New Perspectives in Business, Economics and Management Research and Practice. (July 2015, Ho Chi Minh city).		978-616-92401-0-5	
7	Tran Hoa Binh, Nguyen Van Phuong, Nguyen Thi Thuy Trang: THE DERIVATION OF HERDING BIAS FROM PERSONALITY TRAITS AND RISK TOLERANCE. EVIDENCE FROM HO CHI MINH CITY.. Paper presented at New Perspectives in Business, Economics and Management Research and Practice. (July 2015, Ho Chi Minh city).		978-616-92401-0-5	
8	Le Minh Hung, Le Dang Thuy Trang, Phan Hoang Phuong Uyen, Nguyen Van Phuong: FACTORS AFFECTING TURNOVER INTENTION AND JOB SATISFACTION OF FRONTLINE EMPLOYEES. CASE STUDY OF SEVEN HOTELS IN VUNG TAU AND HO CHI MINH CITY, VIETNAM. Paper presented at New Perspectives in Business, Economics and Management Research and Practice. (July 2015, Ho Chi Minh city).		978-616-92401-0-5	
9	Nguyen Ba Huan, Le Dang Thuy Trang, Nguyen Van Phuong: Factors Impacts on Entrepreneurship Intention of University Students. A Study in Vietnam National University. Paper presented at New Perspectives in Business, Economics and Management Research and Practice. (July 2015, Ho Chi Minh city).		978-616-92401-0-5	

10	Khanh Hai Dao, Phuong Van Nguyen, The Role of Spiritual Leadership in Manufacturing and Service Sector in Ho Chi Minh City. International Business Engineering Conference. (26-27, September 2016, Kualalumpur, Malaysia)		9-789670-691916	
11	Nguyen Van Phuong, Trieu Doan Xuan Hoa, Phan Thuy Kieu, Labor Productivity of Vietnamese Manufacturing SMEs. International Conference of University of Economics Ho Chi Minh City (November 2016)		978-604-922-418-8	
12	Phuong V. Nguyen, Hoa D.X. Trieu, hien T.N.Huynh, Kieu T. Phan, Khoa T. Tran, An T.H. Nguyen, The Relationship of Internationalization and Vietnamese Firms' Performance: The Moderating Effect of Organizational Slacks. Asia Pacific Conference on Economic Dynamics 2 (December 2016)		978-604-73-4742-1	
13	Nguyen Van Phuong, Trieu Doan Xuan Hoa, Huynh thi Ngoc Hien, nguyen Dinh Khoi, FDI spillovers in Vietnam: The overall view of transferring channels, and internal characteristics and international trade policies of domestic firms. International Conference of University of Economics Ho Chi Minh City (September 2017)		978-604-922-568-0	
14	Nguyen Van Phuong, Le Tran Phuoc mai Hoang, The Impact of B2B's Relationship Quality on Loyalty and Positive Feedback from Word of Mouth Communication. (The 2nd Interntional Conference on Business, Open University HCMC, October 2017)		978-604-73-6585-3	
15	Pham Phuong Thao, Nguyen Van Phuong, The Impact of Consumer Ethnocentrism and Cultural Sensitivity on Customer Intention to Purchase Imported or Local Product. The Case Study of Candy, Biscuits and Cake. (The 2nd Interntional Conference on Business, Open University HCMC, October 2017)		978-604-73-6585-3	
16	Giang Kim Hai Trieu, Nguyen Van Phuong, The Role of Corpoarte Image and Switching Barriers in Customer Retention-Evidence from Domestic Mobile Telecommunication Industry in Vietnam. (The 2nd Interntional Conference on Business, Open University HCMC, October 2017)		978-604-73-6585-3	

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISBN*	*Ghi chú*
1				
2				

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	*Tên giải thưởng*	*Nội dung giải thưởng*	*Nơi cấp*	*Năm cấp*
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế (patent)

TT	*Tên bằng*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	*Tên giải pháp*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	*Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao*	*Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng*	*Năm chuyển giao*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	*Thời gian*	*Tên chương trình*	*Chức danh*

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	*Thời gian*	*Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị*	*Chức danh*

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	*Thời gian*	*Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu*	*Nội dung tham gia*

Ngày 28 tháng 05 năm 2018
Người khai
(Họ tên và chữ ký)

Nguyễn Văn Phương

Đại học Quốc gia
Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu R03

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: **Mai Ngọc Khương**

2. Ngày sinh: **07/05/1975**

3. Nam/nữ: **Nam**

4. Nơi đang công tác:

Trường: *Trường Đại Học Quốc Tế - ĐHQG, TP.HCM*

Khoa: *Quản Trị Kinh Doanh*

Chức vụ: *Giảng Viên*

5. Học vị: Tiến sĩ **năm đạt:** 2011

6. Học hàm: **năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	**Địa chỉ**	P. 207, KP6, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP.HCM	62/9 Đường Lưu Chí Hiếu, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM
2	**Điện thoại/ fax**	*(08)37244270*	0933679763
3	**Email**	mnkhuong@hcmiu.edu.vn	maingockhuong@yahoo.com

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
1		X			X			X			X		
2													

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
2012	Đại Học Quốc Tế - ĐHQG, TP.HCM	Giảng Viên
2006 - 2011	Đại Học Quốc Tế - ĐHQG, TP.HCM	Chuyên viên Phòng QHQT&QLKH
2003 - 2005	Đại Học Văn Lang	Giảng Viên

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
Đại học	1997-2001	Van Lang University	Tourism Management	Planning and developing ecotourism for Con Dao national park in period 2000 – 2005
Thạc sỹ	2002-2004	Wageningen University – The Netherlands	Leisure, Tourism and Environment	Tourist expectations and satisfaction assessment for ecotourism product development at can gio biosphere reserve – Ho Chi Minh City – Vietnam
Tiến sỹ	2008-2011	National Institute of Development Administration	Development Management	Enhancing Successful Inter-Organization Relationships: A Study of Vietnamese Travel Companies with Thai Partners

11. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

11.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- **Lĩnh vực:** Development Management
- **Chuyên ngành:** Tourism Management
- **Chuyên môn:** Hospitality Management

11.2 Hướng nghiên cứu:

1. Inter-organizational Relationship (IOR)
2. Tourism and Hopitality Development Management
3. Marketing Research (Consumer behavior)
4. Organizational behavior (Leadership - Employee Behavior)
5. Business Ethics

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Đề tài/dự án

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*
4	Các yếu tố tác động đến sự hài lòng và ý định quay trở lại của du khách quốc tế với điểm đến du lịch TP. Hồ Chí Minh – Thực trạng và giải pháp	204/2016/ HĐ-SKHCN	1,5 năm	480	Chủ nhiệm	6/2018	Chưa nghiệm thu
3	Xây dựng và quảng bá mô hình du lịch cộng đồng tại làng Kon Pring và làng Viôlăk trên địa bàn huyện	*01/2015/HĐ-KHCN* Huyện Kon	1 năm	292	Chủ nhiệm	07/2016	Khá

	Kon Plong	Plong, Kon Tum					
2	Determinants of Business Relationships between Thai and Vietnamese Travel Agencies	*2557A157 92061*	1 năm	130.000 Bath	Đồng chủ nhiệm	10- 2015	
1	Factors affecting the business success of international travel companies of Vietnam having cooperative relationship with Thai partners.	*T2012-14-BA*	1 năm	50	Chủ nhiệm	11 - 2013	- 3 bài báo hội nghị quốc tế - 2 bài báo đăng tạp chí quốc tế

2. Hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	*Tên SV , HVCH, NCS*	*Tên luận án*	*Năm tốt nghiệp*	*Bậc đào tạo*	*Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)*
		CAO HỌC			
26	**ĐINH NGUYỄN GIA ÂN** MBAIU14048	FACTORS AFFECTING DESTINATION IMAGE AND INTERNATIONAL TOURISTS' RETURN INTENTION – A EMPIRICAL STUDY IN HO CHI MINH CITY, VIETNAM	2017	Thạc sỹ	
25	**ĐÀO THỊ NGỌC LAN** MBAIU14061	THE EFFECTS OF LEADERSHIP BEHAVIORS ON EMPLOYEE JOB PERFORMANCE –AN EMPIRICAL STUDY IN FERTILIZER INDUSTRY	2017	Thạc sỹ	
24	**HOÀNG THI MỸ DUYÊN** MBAIU15058	THE EFFECTS OF DESTINATION IMAGE, PERCEIVED VALUE AND SERVICE QUALITY ON TOURIST SATISFACTION AND RETURN INTENTION – A STUDY IN HO CHI MINH CITY	2017	Thạc sỹ	
23	**LÊ TRẦN TƯỜNG VY** MBAIU14095	THE KEY FACTORS AFFECTING THE PURCHASING DECISION OF FOODSTUFF ORGANIZATIONS/ INSTITUTIONS IN DONG NAI PROVINCE AND HO CHI MINH CITY	2016	Thạc sỹ	
22	**BÙI CÔNG HUY** MBAIU14056	THE IMPACT OF PARTICIPATIVE LEADERSHIP ON EMPLOYEE'S MOTIVATION AND COMMITMENT	2016	Thạc sỹ	

21	**NGUYỄN THUẬN AN** MBAIU14043	THE EFFECT OF ENTREPRENEURIAL ECOSYSTEM ON ENTRECPRENEURIAL SUCCESS OF SMALL AND MEDIUM ENTERPRISES (SMES) – AN EMPERICAL STUY IN HO CHI MINH CITY	2016	Thạc sỹ	
20	**LÊ HỮU PHÚC** *MPMIU15010*	CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỘNG LỰC VÀ HIỆU SUẤT LÀM VIỆC CỦA CÔNG CHỨC, NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM TẠI TỈNH TÂY NINH	2016	Thạc sỹ	
19	**NGUYỄN THANH TUẤN** MPMIU140140	CÁC YẾU TỐ CHÍNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM CÔNG CỦA CÁC TỔ CHỨC GIÁO DỤC TẠI TỈNH ĐỒNG NAI	2016	Thạc sỹ	
18	**TRẦN TÚ ANH** MBAIU14004	HOW LEADERSHIP BEHAVIORS AFFECT EMPLOYEE SATISFACTION AND JOB COMMITMENT A STUDY IN TOURISM INDUSTRY IN HO CHI MINH CITY	2016	Thạc sỹ	
17	**TRẦN NGỌC DIỄM CHÂU** MBAIU13056	FACTOR AFFECT BUYING DECISION OF HOME BUILDER IN CEMENT INDUSTRY	2016	Thạc sỹ	
16	**PHAM NGOC HOAI NAM** MBAIU13023	CUSTOMER SATISFACTION OF FINE DINING RESTAURANT IN HCMC	2016	Thạc sỹ	
15	**DO THI THANH TRUC** MBAIU13047	THE IMPACTS OF ATMOSPHERIC ENVIRONMENTS TO REPURCHASE INTENTION IN FAST FOOD RESTAURANTS	2015	Thạc sỹ	
14	**TRAN THUAN TAN** MBA04034	IDENTIFYING FACTORS THAT AFFECT CONSUMER PURCHASE INTENTION IN AIRLINES INDUSTRY THE CASE OF KOREAN AIR IN VIETNAM MARKET	2015	Thạc sỹ	
13	**NGUYEN QUANG TOAN** MBA07060	FACTORS AFFECTING BUSINESS SUCCESS OF THE RELATIONSHIP BETWEEN AQUACULTURE PRODUCERS AND DISTRIBUTORS – A STUDY OF UP AND CP COMPANIES	2015	Thạc sỹ	
12	**DINH DUC TAM** MBAIU13037	THE EFFECTS OF GUERILLA MARKETING ON GEN Y'S PURCHASE INTENTION – A STUDY IN HO CHI MINH CITY	2015	Thạc sỹ	
11	**ĐẶNG THỊ THÚY QUYÊN** MBA06025	DETERMINANTS OF INTER-ORGANIZATIONAL	2015	Thạc sỹ	

		RELATIONSHIP SUCCESS BETWEEN THAI BINH CORPORATION AND ITS BUSINESS PARTNERS			
10	**NGUYEN THI PHUONG TRAM** MBA07062	THE EFFECTS OF LEADER EMOTIONAL INTELLIGENCE ON EMPLOYEES' ORGANIZATIONAL COMMITMENT TOWARD BANKS IN HO CHI MINH CITY – A MEDIATION ANALYSIS OF PERSONALITY TRAITS	2015	Thạc sỹ	
9	**DƯƠNG NGỌC THÁI** MBA06030	THE KEY FACTORS AFFECTING ORGANIZATIONAL PURCHASE DECISION IN THE GOVERNMENT EDUCATION SECTOR OF VIETNAM	2015	Thạc sỹ	
8	**NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG** ID: MBA06024	THE DIRECT AND INDIRECT EFFECTS OF TIMES OF VISITS, LENGTH OF STAY, PUSH AND PULL FACTORS ON TOURIST LOYALTY THROUGH THE MEDIATION OF TOURIST DESTINATION SATISFACTION A STUDY OF INTERNATIONAL LEISURE TOURISTS IN HO CHI MINH CITY	2014	Thạc sỹ	
7	**TRẦN HOÀNG CẨM TÚ** ID: MBA04042	FACTORS AFFECTING ADULT LEARNERS' PERSISTENCE IN E-LEARNING PROGRAM – A STUDY IN HO CHI MINH CITY	2014	Thạc sỹ	
6	**TRỊNH HOÀNG HIỆP** ID: MBA05009	FACTORS AFFECTING CUSTOMER SATISFACTION ON SERVICES OF SAIGON TOURIST CABLE TV LTD. (SCTV) IN HO CHI MINH CITY	2014	Thạc sỹ	
5	**NGÔ HOÀI DIỄM NGA** ID: MBA05022	THE EFFECTS OF GUESTS' SATISFACTION ON HOTEL SERVICE QUALITY – A STUDY OF LUXURY HOTELS IN HO CHI MINH CITY	2014	Thạc sỹ	
4	**THÁI PHƯƠNG LAM** ID: MBA05016	A STUDY ON FOREIGN VISTORS SATISFACTION TOWARDS DESTINATION OF HO CHI MINH CITY	2014	Thạc sỹ	
3	**TRƯƠNG QUANG THANH** ID: MBA04035	FACTORS AFFECTING CUSTOMER COMPANIES SATISFACTION ON USING INTERNET ADVERTISING	2013	Thạc sỹ	

		SERVICES – A STUDY IN HO CHI MINH CITY			
2	**LÊ THỊ THUỲ LINH** ID: MBA04020	EFFECTIVENESS OF INTER-ORGANIZATIONAL RELATIONSHIPS BETWEEN VIETNAMESE TRAVEL COMPANIES AND THEIR TOURIST PARTNERS	2013	Thạc sỹ	
1	**TRẦN THIÊN ÂN** ID: MBA03002	FACTOR AFFECTING MUSIC LEARNING MOTIVATION – HOW TO ENHANCE CONTEMPORARY MUSIC EDUCATION AT SUOI NHAC MUSIC SCHOOL	2012	Thạc sỹ	

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách

1.1 Chương sách xuất bản Quốc tế

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*
1	Nguyen Nhu Tung and Mai Ngoc Khuong (June, 2015). A Chain of Hands: Pro-social integration in a coffee supply chain setting. *The Handbook of Behavioral Operations Management: Social and Psychological Dynamics in Production and Service Settings*, Bendoly, Van Wezel, Bachrach (Eds.), Oxford Press, 2015.	ISBN-13: 978-0199357222	Oxford Press	2015	- Nguyen Nhu Tung - Mai Ngoc Khuong	

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)*	*Điểm IF*
68	Mai Ngoc Khuong and Nguyen Thanh Phuong (2017, October). The Effects of Destination Image, Perceived Value, and Service Quality on Tourist Satisfaction and Word-Of-Mouth – A Study in Ho Chi Minh City, Vietnam. *International Journal of Trade, Economics and Finance*, Vol.8(5), pp.217-224.	204/2016/HĐ-SKHCN	ISSN: 2010-023X	
67	Mai Ngoc Khuong and Hoang Thi My Duyen (October, 2017). The Effects of Destination Image, Perceived Value and Service Quality on Tourist Return Intention through Destination Satisfaction — A Study in Ho Chi Minh City, Vietnam.	204/2016/HĐ-SKHCN	ISSN: 2010-0248 doi: 10.18178/ijimt.201	

	International Journal of Innovation, Management and Technology, Vol.8(5), pp. 401-408.		7.8.5.761	
66	Mai Ngoc Khuong, Tran Ly Thao Vy and Nguyen Thanh Tuan (2017, August). The Effects of Organizational Influence, Purchase Importance and Supplier Trust on Public Purchase Decision in Dong Nai Province – A Mediation Analysis of Organizational Emotions. *International Journal of Innovation, Management and Technology*, Vol.8(4), pp. 276-283. doi: 10.18178/ijimt.2017.8.4.741		ISSN: 2010-0248	
65	Mai Ngoc Khuong and Nguyen Thi Lan Chi (July, 2017). Effects of the Corporate Glass Ceiling Factors on Female Employees Organizational Commitment - An Empirical of Ho Chi Minh City, Vietnam. *Journal of Advanced Management Science*, Vol.5(4), pp.255.263. doi: 10.18178/joams.5.4.255-263		ISSN: 2168-0787	
64	Mai Ngoc Khuong and Nguyen Truong Minh Bao (2017, February). Factors Affecting Foreign Tourist's Word-Of-Mouth toward Ho Chi Minh City – A Mediation Analysis of Destination Image. *International Journal of Trade, Economics and Finance*, Vol.8(1), pp.55-61. DOI: 10.18178/ijtef.2017.8.1.539	204/2016/HĐ-SKHCN	ISSN: 2010-023X	
63	Mai Ngoc Khuong and Pham Anh Nguyen (2017, February). Factors Affecting Tourist Destination Satisfaction and Return Intention – A Study in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Journal of Economics, Business and Management*, Vol. 5(2), pp.95-102. doi: 10.18178/joebm.2017.5.2.493	204/2016/HĐ-SKHCN	ISSN: 2301-3567	
62	Mai Ngoc Khuong and Ngo Thi Kim Chau (2017, February). Factors of Event Sponsorship Affecting Customer's Brand Trust and Word Of Mouth - A Case of Toyota, Vietnam. *Journal of Economics, Business and Management*, Vol. 5(2), pp.88-94.		ISSN: 2301-3567	
61	Mai Ngoc Khuong and Ngo Thi Kim Chau (2017). The Effect of Event Sponsorship on Customer's Brand Awarness and Purchase Intention - A Case Study of Toyota Vietnam. *Review of European studies*, Vol.9 No.1, pp. 148-157. DOI: http://dx.doi.org/10.5539/res.v9n1p148		ISSN 1918-7173 (Print) ISSN 1918-7181 (Online)	
60	Phung Thai Minh Trang, Mai Ngoc Khuong, and Nguyen Huu Tho (2016, December). The Big Five Traits, Moods, and Investment Decisions in Emerging Stock Markets. *International Journal of Business Research*. Vol. 16 (5), pp.99-108. http://dx.doi.org/10.18374/IJBR-16-5.8		ISSN: 1555-1296 E-ISSN: 2378-8577	
59	Phung Thai Minh Trang, Nguyen Minh Tuan and Mai Ngoc Khuong (2016). Solutions for motivating more individual investors to emerging stock markets. *Actual problems of economics*, No.2(188), pp.299-308.		ISSN: 19936 788	
58	Mai Ngoc Khuong and Nguyen Thuan An (2016, July). The Mediation of Job Satisfaction between Leadership Behaviors and Employee Organizational Commitment – An Empirical Study of Tourism Sector in Ho Chi Minh City, Vietnam. *European Journal of Scientific Research*, Vol.140 No.3, pp.294-307.		ISSN: 1450-216X	
57	Mai Ngoc Khuong and Nguyen Phuong Quyen (2016, September). Factors Affecting International Tourists'		ISSN 1918-7173 (Print)	

	Perceived Service Quality and Return Intention – A Study in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Review of European studies*, Vol 8 No 3, pp. 133-147.		ISSN 1918-7181 (Online)	
56	Mai Ngoc Khuong, Nguyen Thanh Phuong, and Tran Ngoc Diem Chau (2016, June). The Effects of Travel Service Quality on Organization Perceived Value, Satisfaction and Word-of-mouth - A study in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Review of European studies,* Vol 8 No.3, pp. 36-48.		ISSN 1918-7173 (Print) ISSN 1918-7181 (Online)	
55	Mai Ngoc Khuong and Tran Thi Tuyet Thanh (2016, October). The Impacts of Viral Marketing on Vietnamese Travelers Decision to Thailand – A Study in Ho Chi Minh City, Vietnam. *International Journal of Innovation, Management and Technology, Vol. 7, No. 5, pp.200-205.*		ISSN: 2010-0248	
54	Mai Ngoc Khuong and Tang My Hong (2016, October). The Impact of Product Packaging Design on Consumer Repurchase Intention - A Study of VinaMilk, Vietnam. *International Journal of Innovation, Management and Technology, Vol. 7, No. 5, pp.219-223.*		ISSN: 2010-0248	
53	Mai Ngoc Khuong and Do Quang Dai (2016, October). The Factors Affecting Customer Satisfaction and Customer Loyalty – A Study of Local Taxi Companies in Ho Chi Minh City, Vietnam. *International Journal of Innovation, Management and Technology, Vol. 7, No. 5, pp.228-233.*		ISSN: 2010-0248	
52	Mai Ngoc Khuong and Lu Kim Khanh (2016, August). The Influence of Leadership Styles on Employee Mood and Job Performance: A study of Hotels and Restaurants in Ho Chi Minh City, Vietnam. *International Journal of Trade, Economics and Finance.* Vol.7(4), pp.140-147.		ISSN: 2010-023X doi: 10.18178/ijtef.2016.7.4.513	
51	Mai Ngoc Khuong, Nguyen Tran Nguyen Khai and Do Ai Dao (2016). Factors Affecting Chinese Tourist's Loyalty towards Ho Chi Minh City – A Mediation Analysis of Tourists' Perceived Value. *Journal of Open University.* Vol.19(3), pp.23-34.		ISSN: 1859-3453	
50	Phung Thai Minh Trang and Mai Ngoc Khuong (March, 2017). Personality Traits, Perceived Risk, Uncertainty, and Investment Performance in Vietnam. *Global Business & Finance Review*, Vol.22 (1), pp.67-79.		pISSN 1088-6931/eISSN 2384-1648	
49	Mai Ngoc Khuong, Nguyen Tran Nguyen Khai, Pham Thanh Huyen, Nguyen Vo Hoai Thuong, and Nguyen Thi Minh Phuong (2016, June). Factors Affecting Employee Performance through a Mediation of Job Satisfaction – An Empirical Study of Hospitality Industry in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Journal of Open University.* Vol.2(18), pp.49-62.		ISSN: 1859-3453	
48	Mai Ngoc Khuong, Le Thi My Linh, Nguyen Quang Toan, and Nguyen Thi Minh Phuong (2016, April). The Effects of Personality and Communication Skill on Employee Job Performance at Multi-national Companies in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Journal of Economics, Business and Management*, Vol.4(4), pp.296-302.		ISSN: 2301-3567	
47	Mai Ngoc Khuong and Nguyen Hong Hanh (2016, April). Factors Affecting Band Equity of Online Travel Booking Service in Ho Chi Minh City – A Mediation Analysis of E-Word of Mouth. *Journal of Economics, Business and*		ISSN: 2301-3567	

	Management, Vol. 4(4), pp.266-271.			
46	Mai Ngoc Khuong and Tran Thi Huong (2016, April). The influence of Social Media Marketing on Vietnamese traveller's purchase intention in Tourism Industry in Ho Chi Minh City. *Journal of Economics, Business and Management*, Vol. 4(4), pp.280-285.		ISSN: 2301-3567	
45	Mai Ngoc Khuong and Thai Hoang Quoc (2016, April). The Effects of Organizational Justice and Ethical Leadership on Employee Performance in Binh Duong's Industrial Parks, Vietnam. *Journal of Economics, Business and Management*, Vol. 4(4), pp.327-333.		ISSN: 2301-3567	
44	Mai Ngoc Khuong and Nguyen Hoang To Uyen (2016, April). Factors Affecting Employee Job Engagement towards Aircraft Maintenance Organizations – A Mediation Analysis of Job Satisfaction. *Journal of Economics, Business and Management*, Vol.4(4), pp.339-346.		ISSN: 2301-3567	
43	Mai Ngoc Khuong and Hoang Thi My Duyen (2016, April). Personal Factors Affecting Consumer Purchase Decision towards Men Skin Care Products – A Study in Ho Chi Minh City, Viet Nam. *International Journal of Trade, Economics and Finance*. Vol.7(2), pp.44-50.		ISSN: 2010-023X	
42	Mai Ngoc Khuong, Nguyen Vu Ai Hoa, and Truong Duc Nguyen (2016, April). The Effect of Television Commercials on Customers' Loyalty — A Mediation Analysis of Brand Awareness. *International Journal of Trade, Economics and Finance*. Vol.7(2), pp.18-24.		ISSN: 2010-023X	
41	Mai Ngoc Khuong and Vu Hai Yen (2016, April). Investigate the Effects of Job Stress on Employee Job Performance – A Case Study at Dong Xuyen Industrial Zone, Vietnam. *International Journal of Trade, Economics and Finance*. Vol.7(2), pp.31-37.		ISSN: 2010-023X	
40	Mai Ngoc Khuong and Nguyen Huu An (2016, February). The Factors Affecting Entrepreneurial Intention of the Students of Vietnam National University - A Mediation Analysis of Perception toward Entrepreneurship. *Journal of Economics, Business and Management*, Vol. 4, No. 2, pp.104-111.		ISSN: 2301-3567 DOI: 10.7763/JOEBM.2016.V4.375	
39	Mai Ngoc Khuong, Nguyen Thi Hong An, and Nguyen Thi Mai Uyen (2016, February). Direct and Indirect Effects on International Tourists' Destination Satisfaction – The Case of the World Natural Heritage of Halong Bay, Vietnam. *Journal of Economics, Business and Management*, Vol. 4, No. 2, pp.85-91.		ISSN: 2301-3567 DOI: 10.7763/JOEBM.2016.V4.372	
38	Mai Ngoc Khuong and Do Thi Thuy Dung (2015, August). The Effect of Ethical Leadership and Organizational Justice on Employee Engagement - The Mediating Role of Employee Trust. *International Journal of Trade, Economics and Finance*. Vol.6(4), pp.235-240.		ISSN: 2010-023X DOI: 10.7763/IJTEF.2015.V6.475	
37	Mai Ngoc Khuong and Dang Thuy Hoang (2015, August). The Effects of Leadership Styles on Employee Motivation in Auditing Companies in Ho Chi Minh City, Vietnam. *International Journal of Trade, Economics and Finance*. Vol.6(4), pp. 210-217.		ISSN: 2010-023X DOI: 10.7763/IJTEF.2015.V6.471	

36	Mai Ngoc Khuong and Ta Bao Tran (2015, August). Factors Affecting Impulse Buying toward Fashion Products in Ho Chi Minh City – A Mediation Analysis of Hedonic Purchase. *International Journal of Trade, Economics and Finance.* Vol.6(4), pp. 223-229.		ISSN: 2010-023X DOI: 10.7763/IJTEF.2015.V6.473	
35	Mai Ngoc Khuong, Pham Le Hoang Ngan, and Nguyen Thi Minh Phuong (2015, June). Factors of Affecting Guests' Satisfaction and Their Loyalty - A Study of Luxury Hotels in Ho Chi Minh City, Vietnam. *International Journal of Innovation, Management and Technology*. Vol.6(3), pp.223-229.		ISSN: 2010-0248 DOI: 10.7763/IJIMT.2015.V6.599	
34	Mai Ngoc Khuong and Pham Dac Luan (2015, August). Factors Affecting Tourists' Satisfaction towards Nam Cat Tien National Park, Vietnam-A Mediation Analysis of Perceived Value. *International Journal of Innovation, Management and Technology*. Vol.6(4), pp.238-243.		ISSN: 2010-0248 DOI: 10.7763/IJIMT.2015.V6.609	
33	Mai Ngoc Khuong, Vo Anh Linh, and Vo Minh Duc (2015, June). The Effects of Transformational and Ethics-Based Leaderships on Employee's Loyalty toward Marketing Agencies in Ho Chi Minh City, Vietnam. *International Journal of Innovation, Management and Technology*. Vol.6(3), pp.158-165.		ISSN: 2010-0248 DOI: 10.7763/IJIMT.2015.V6.595	
32	Dinh Duc Tam and Mai Ngoc Khuong (2015, August). The Effects of Guerilla Marketing on Gen Y's Purchase Intention – A Study in Ho Chi Minh City, Vietnam. *International Journal of Trade, Economics and Finance.* Vol.6(4), pp. 191-198.		ISSN: 2010-023X DOI: 10.7763/IJTEF.2015.V6.468	
31	Hoang Thanh Nhon and Mai Ngoc Khuong (2015 - December). The Effects of Consumer-Generated Media on Vietnamese Travelers' Decision Making – A Mediation Analysis of Perceived Credibility and Trust. *International journal of Electronic Eommerce Studies.* Vol.6(2), pp.315-330.		ISSN 2073-9729 SCOPUS	
30	Mai Ngoc Khuong and Nguyen Vu Quynh Nhu (2015, December). The Effects of Ethical Leadership and Organizational Culture towards Employees' Sociability and Commitment – A Study of Tourism Sector in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Journal of Advanced Management Science.* Vol.3(4), pp.329-336.		ISSN: 2168-0787 doi: 10.12720/joams.3.4.329-336	
29	Mai Ngoc Khuong and Tran Uyen Tran (2015, December). Factors Affecting Guest Perceived Service Quality, Product Quality, and Satisfaction – A Study of Luxury Restaurants in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Journal of Advanced Management Science.* Vol.3(4), pp. 284-291.		ISSN: 2168-0787 doi: 10.12720/joams.3.4.284-291	
28	Mai Ngoc Khuong and Nguyen ThaoTrinh (2015, December). Factors Affecting Tourists' Return Intention towards Vung Tau City, Vietnam - A Mediation Analysis of Destination Satisfaction. *Journal of Advanced Management Science.* Vol.3(4), pp. 292-298.		ISSN: 2168-0787 doi: 10.12720/joams.3.4.292-298	
27	Mai Ngoc Khuong and Vo Minh Duc (2015, September). The Effect of Ethics-Based Leadership on Employee's Virtuous Behavior through Regulatory Focus Factors – A Study of Marketing Agencies in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Journal of Economics, Business and Management*, Vol. 3, No. 9, pp.832-		ISSN: 2301-3567 DOI: 10.7763/JOEBM.2015.V3.294	

	839.			
26	Mai Ngoc Khuong and Truong Duc Nguyen (2015, September). The Effects of Television Commercials on Customers Purchase Intention – A Study of Milk Industry in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Journal of Economics, Business and Management*, Vol. 3, No. 9, pp.851-857.		ISSN: 2301-3567 DOI: 10.7763/JOEBM.2015.V3.297	
25	Ho Nhut Quang, Mai Ngoc Khuong, and Nguyen Hoang Le (2015 - August). The Effects of Leaders' Emotional Intelligence on Employee Engagement in Vietnamese Construction Companies – A Case of Hoa Binh Corporation. *Journal of Economics, Business and Management*. Vol.3(8), pp.746-752.		ISSN: 2301-3567 http://dx.doi.org/10.7763/JOEBM.2015.V3.279	
24	Mai Ngoc Khuong and Vu Ngoc Bich Tram (2015 - May). The Effects of Emotional Marketing on Consumer Product Perception, Brand Awareness and Purchase Decision - A Study in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Journal of Economics, Business and Management*. Vol.3(5), pp.524-530. ISSN: 2301-3567.		ISSN: 2301-3567 http://dx.doi.org/10.7763/joebm.2015.v3.240	
23	Pham Hong Hoa, Vu Thi Thanh Truc, and Mai Ngoc Khuong (2015 - May). Film-Induced Tourism - Factors Affecting Vietnamese Intention to Visit Korea. *Journal of Economics, Business and Management*. Vol.3(5), pp.565-570. ISSN: 2301-3567.		ISSN: 2301-3567 http://dx.doi.org/10.7763/joebm.2015.v3.247	
22	Ho Nhut Quang, Mai Ngoc Khuong, and Nguyen Hoang Le (2015 - August). The Effects of Leaders' Emotional Intelligence on Employee Engagement in Vietnamese Construction Companies – A Case of Hoa Binh Corporation. *Journal of Economics, Business and Management*. Vol.3(8), pp.746-752.		ISSN: 2301-3567 http://dx.doi.org/10.7763/JOEBM.2015.V3.279	
21	Mai Ngoc Khuong and Nguyen Vu Quynh Nhu (2015, December). The Effects of Ethical Leadership and Organizational Culture towards Employees' Sociability and Commitment – A Study of Tourism Sector in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Journal of Advanced Management Science*. Vol.3(4), pp.329-336.		ISSN: 2168-0787 doi: 10.12720/joams.3.4.329-336	
20	Mai Ngoc Khuong and Tran Uyen Tran (2015, December). Factors Affecting Guest Perceived Service Quality, Product Quality, and Satisfaction – A Study of Luxury Restaurants in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Journal of Advanced Management Science*. Vol.3(4), pp. 284-291.		ISSN: 2168-0787 doi: 10.12720/joams.3.4.284-291	
19	Mai Ngoc Khuong and Nguyen ThaoTrinh (2015, December). Factors Affecting Tourists' Return Intention towards Vung Tau City, Vietnam - A Mediation Analysis of Destination Satisfaction. *Journal of Advanced Management Science*. Vol.3(4), pp. 292-298.		ISSN: 2168-0787 doi: 10.12720/joams.3.4.292-298	
18	Mai Ngoc Khuong and Vo Minh Duc (2015). The Effect of Ethics-Based Leadership on Employee's Virtuous Behavior through Regulatory Focus Factors – A Study of Marketing Agencies in Ho Chi Minh City, Vietnam.		ISSN: 2301-3567	
17	Mai Ngoc Khuong and Truong Duc Nguyen (2015). The Effects of Television Commercials on Customers Purchase Intention – A Study of Milk Industry in Ho Chi Minh City, Vietnam.		ISSN: 2301-3567	
16	Mai Ngoc Khuong and Tran Huong Giang (2014, December). The Effects of Service Innovation on Perceived Value and		ISSN: 2010-023X	

	Guest's Return Intention - A Study of Luxury Hotels in Ho Chi Minh City, Vietnam. *International Journal of Trade, Economics and Finance.* Vol.5(6), pp. 503-510.		Doi: 10.7763/IJTEF.2014.V5.423	
15	Mai Ngoc Khuong and Huynh Thi Thu Ha (2014, December). The Influences of Push and Pull Factors on the International Leisure Tourists' Return Intention to Ho Chi Minh City, Vietnam - A Mediation Analysis of Destination Satisfaction. *International Journal of Trade, Economics and Finance.* Vol.5(6), pp. 490-496.		ISSN: 2010-023X Doi: 10.7763/IJTEF.2014.V5.421	
14	Mai Ngoc Khuong and Le Truc Mai Uyen (October, 2014). The Factors Affecting Vietnam Airlines Service Quality and Passenger Satisfaction – A Mediation Analysis of Service Quality. *International Journal of Innovation, Management and Technology,* Vol.5(5), pp.327-333.		ISSN: 2301-3680 DOI: 10.7763/IJIMT.2014.V5.535	
13	Mai Ngoc Khuong and Trinh Hoang Hiep (2014 - July). Factors Affecting Customer Satisfaction on Services of Saigon Tourist Cable Television in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Journal of Global Management.* Vol. 8(1), pp.23-34.		ISSN: 977-2229-919X	
12	Mai Ngoc Khuong, Nguyen Nhu Tung, and Pham Hoang Trang (2014 - June). The Effects of Leadership Styles toward Salespersons' Loyalty - A Study of Import-Export Companies in Ho Chi Minh City, Vietnam. *International Journal of Current Research and Academic Review,* Vol.2(6), pp.121-131.		ISSN: 2347-3215	
11	Mai Ngoc Khuong and Trinh Hoang Hiep (2014 - June). The Effects of Customer Satisfaction Through Perceived Value and Service Quality of Saigon Tourist Cable Television services, Vietnam. *International Journal of Current Research and Academic Review,* Vol.2(6), pp.1-17.		ISSN: 2347-3215	
10	Mai Ngoc Khuong and Do Thu Thao (2014, March). The Impact of Corporate Social Responsibility on Brand Image and Customer Brand Loyalty – A Case Study of VinaMilk Corporation in Vietnam. *Asian Academis Research Journal of Social Science and Humanities.* Vol.1(21), pp.342-361. (http://www.asianacademicresearch.org/march2014.html)		ISSN: 2278-859X	
9	Nguyen Nhu Tung, Mai Ngoc Khuong, and Nguyen Van Phuong (2014 – March). Factors Affecting Employees' Organizational Commitment–A Study of Banking Staff in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Journal of Advanced Management Science.* Vol.2(1), pp. 7-11, March 2014.		ISSN: 2168-0787 doi: 10.12720/joams.2.1.7-11	
8	Mai Ngoc Khuong and Phan Le Vu (2014 - February). Measuring the Effects of Drivers Organizational Commitment through the Mediation of Job Satisfaction A Study in Ho Chi Minh City, Vietnam. *International Journal of Current Research and Academic Review,* Vol.2(2), pp.1-16. ISSN: 2347-3215.		ISSN: 2347-3215	
7	Mai Ngoc Khuong and Nguyen Hoang Yen (2014 - January). The effects of leadership styles and sociability trait emotional intelligence on employee engagement A study in Binh Duong City, Vietnam. *International Journal of Current Research and Academic Review,* Vol.2(1), pp.121-136. ISSN: 2347-3215.		ISSN: 2347-3215.	
6	Mai Ngoc Khuong and Bui Diem Tien (2013, December). Factors Influencing Employee Loyalty Directly and Indirectly Through Job Satisfaction – A Study of Banking Sector in Ho Chi Minh City, Vietnam. *International Journal of Current*		ISSN: 2347-3215.	

	Research and Academic Review, Vol.1(4), pp.81-95. ISSN: 2347-3215.			
5	Mai Ngoc Khuong (2013 - June). Enhancing business success of the international partnership between travel companies. *International Journal of the Social Research Foundation.* Vol. 1 (1), pp.34-60. ISSN-2321-211X.	*T2012-14-BA*	ISSN-2321-211X	
4	Mai Ngoc Khuong and Hoang Thi Hoang Anh (2013 - August). Direct and Indirect Effects of Customer Satisfaction Through Product and Service Quality – A Study of Phu Nhuan Jewelry Stores in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Journal of Economics, Business and Management.* Vol.1(3), pp.285-290. ISSN: 2301-3567.		ISSN: 2301-3567 http://dx.doi.org/10.7763/joebm.2013.v1.62	
3	Mai Ngoc Khuong (2013 - June). Determinants of financial benefits of inter-organizational relationship marketing between international travel companies. *Journal of Contemporary Management Research,* Vol. 09, No. 02, pp.193-210.	*T2012-14-BA*	ISSN: 1813-5498 http://dx.doi.org/10.7903/cmr.11065	
2	Mai Ngoc Khuong (2012 - June). The Factor Affecting Inter-Organizational Relationship Success: A Study of Vietnamese Travel Companies and Thai Partners. *NIDA Development Journal,* Vol. 52 (2), pp.1-32. (http://www.tci-thaijo.org/index.php/NDJ/issue/view/511)		ISSN: 0125-3689	
1	Jerry J. Vaske; Rachel Kiriakos; Stuart P. Cottrell; Mai Ngoc Khuong (2009 - January). Importance-Performance and Segmentation: An Application at a Biosphere Reserve in Vietnam. *Journal of Travel & Tourism Marketing.* Binghamton: Jan 2009. Vol. 26 (1), pp.30-41.		ISSN: 1054-8408 http://dx.doi.org/10.1080/10548400802656736	

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	***Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản***	***Sản phẩm của đề tài/ dự án*** *(chỉ ghi mã số)*	***Số hiệu ISSN***	***Ghi chú***
1				
2				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	***Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức***	***Sản phẩm của đề tài/ dự án*** *(chỉ ghi mã số)*	***Số hiệu ISBN***	***Ghi chú***
46	Mai Ngoc Khuong and Nguyen Hoang To Uyen (2016). Factors Affecting Employee Job Engagement towards Aircraft Maintenance Organizations – A Mediation Analysis of Job Satisfaction. *Proceeding of 2016 3rd International Conference on Economics and Business Administration – ICEBA 2016. January 26-27, 2016, Pattaya, Thailand.*			
45	Mai Ngoc Khuong and Hoang Thi My Duyen (2015, November). Personal Factors Affecting Consumer Purchase Decision towards Men Skin Care Products – A Study in Ho Chi Minh City, Viet Nam. *Proceeding of International Conference on Marketing, Business and Management - ICMBM 2015.*			

	November 25-26, Hong Kong.			
43	Mai Ngoc Khuong, Nguyen Vu Ai Hoa, and Truong Duc Nguyen (2015, November). The Effect of Television Commercials on Customers' Loyalty — A Mediation Analysis of Brand Awareness. *Proceeding of International Conference on Marketing, Business and Management - ICMBM 2015.* November 25-26, Hong Kong.			
42	Mai Ngoc Khuong and Vu Hai Yen (2015, November). Investigate the Effects of Job Stress on Employee Job Performance – A Case Study at Dong Xuyen Industrial Zone, Vietnam. *Proceeding of International Conference on Marketing, Business and Management - ICMBM 2015.* November 25-26, Hong Kong.			
41	Mai Ngoc Khuong and Nguyen Thi Phuong Tram (2015, July). The Effects of Leader Emotional Intelligence on Employees' Engagement through the Mediation of Job Satisfaction – An Empirical Study of Banking Sector in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Proceeding of the International Conference on "NEW PERSPECTIVE IN MULTIDISCIPLINARY RESEARCH & PRACTICE".* July 9-11, 2015. International University – VNU-HCMC, Ho Chi Minh City, Vietnam.			
40	Mai Ngoc Khuong and Dang Thuy Hoang (2015, July). The effects of Leadership Styles on Job Satisfaction in Auditing Companies- A Study in Ho Chi Minh City. *Proceeding of the International Conference on "NEW PERSPECTIVE IN MULTIDISCIPLINARY RESEARCH & PRACTICE".* July 9-11, 2015. International University – VNU-HCMC, Ho Chi Minh City, Vietnam.			
39	Mai Ngoc Khuong and Do Thi Thuy Dung (2015, August). The Effect of Ethical Leadership and Organizational Justice on Employee Engagement - The Mediating Role of Employee Trust. *Proceeding of the 2015 International Conference on Economics, Business, and Trade – ICEBT 2015.* August 25-26, 2015, Hong Kong.			
38	Mai Ngoc Khuong and Dang Thuy Hoang (2015, August). The Effects of Leadership Styles on Employee Motivation in Auditing Companies in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Proceeding of the 2015 International Conference on Economics, Business, and Trade – ICEBT 2015.* August 25-26, 2015, Hong Kong.			
37	Mai Ngoc Khuong and Ta Bao Tran (2015, August). Factors Affecting Impulse Buying toward Fashion Products in Ho Chi Minh City – A Mediation Analysis of Hedonic Purchase *Proceeding of the 2015 International Conference on Economics, Business, and Trade – ICEBT 2015.* August 25-26, 2015, Hong Kong.			
36	Dinh Duc Tam and Mai Ngoc Khuong (2015, August). The Effects of Guerilla Marketing on Gen Y's Purchase Intention – A Study in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Proceeding of the 2015 International Conference on Economics, Business, and Trade – ICEBT 2015.* August 25-26, 2015, Hong Kong.			
35	Mai Ngoc Khuong, Pham Le Hoang Ngan, and Nguyen Thi Minh Phuong (2015, June). Factors of Affecting Guests'			

	Satisfaction and Their Loyalty - A Study of Luxury Hotels in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Proceeding of the 2015 2nd International Conference on Innovations in Business and Management (ICIBM 2015)*. June 9th – 10th, 2015, Kuala Lumpur, Malaysia.			
34	Khuong Mai Ngoc and Pham Dac Luan (2015, June). Factors Affecting Tourists' Satisfaction towards Nam Cat Tien National Park, Vietnam-A Mediation Analysis of Perceived Value. *Proceeding of the 2015 2nd International Conference on Innovations in Business and Management (ICIBM 2015)*. June 9th – 10th, 2015, Kuala Lumpur, Malaysia.			
33	Mai Ngoc Khuong, Vo Anh Linh, and Vo Minh Duc (2015, June). The Effects of Transformational and Ethics-Based Leaderships on Employee's Loyalty toward Marketing Agencies in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Proceeding of the 2015 2nd International Conference on Innovations in Business and Management (ICIBM 2015)*. June 9th – 10th, 2015, Kuala Lumpur, Malaysia.			
32	Mai Ngoc Khuong and Nguyen Huu An (2015, March). The Factors Affecting Entrepreneurial Intention of the Students of Vietnam National University, Ho Chi Minh City - A Mediation Analysis of Perception towards Entrepreneurship. *Proceeding of the 2015 5th International Conference on Economics, Trade and Development (ICETD 2015)*. March 8th-9th, 2015, Seoul, South Korea.			
31	Mai Ngọc Khương (2015, March). Doanh Nghiệp Lữ Hành Quốc Tế của Việt Nam và Mô Hình Mối Quan Hệ Thành Công Với Các Đối Tác Thái Lan. *Kỷ Yếu Hội Thảo Khoa Học Quốc Tế về Toàn Cầu Hóa Du Lịch và Địa Phương Hóa Du Lịch*. Nhà Xuất Bản Đại Học Quốc Gia – TP.HCM. Ngày 6-7 Tháng 3 Năm 2015. pp.391-400.			
30	Mai Ngoc Khuong, Nguyen Thi Hong An, and Nguyen Thi Mai Uyen (2015, March). Direct and Indirect Effects on International Tourists' Destination Satisfaction – The Case of the World Natural Heritage of Halong Bay, Vietnam. *Proceeding of the 2015 5th International Conference on Economics, Trade and Development (ICETD 2015)*. March 8th-9th, 2015, Seoul, South Korea.			
29	Mai Ngoc Khuong and Nguyen Thi Phuong Tram (2015, January). The Effects of Leader Emotional Intelligence on Employees' Organizational Commitment towards Banks in Ho Chi Minh City, Vietnam – A Moderation Analysis of Openness to Experience. *Proceeding of the International Research Conference on Business, Economics and Social Sciences (IRC-2015)*. January 25th - 26th, 2015, Singapore.			
28	Tran Hoang Cam Tu and Mai Ngoc Khuong (2014, October 28-30). Factors Affecting Adult Learners' Persistence in E-Learning Programs in Ho Chi Minh City, Vietnam – A Mediation Analysis of Learners' Motivation. *Proceeding of the 28th Annual Conference of the Asian Association of Open Universities (AAOU 2014)*. Hong Kong. October 28-31, 2014.		ISBN 978-988-8238-06-4	
27	Mai Ngoc Khuong and Vo Minh Duc (2014, November 8-10). The Effect of Ethics-Based Leadership on Employee's Virtuous Behavior through Regulatory Focus Factors – A Study of			

	Marketing Agencies in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Proceeding of the 2014 International Conference on Business, Marketing and Management (ICBMM2014).* Hong Kong. November 8-10, 2014.			
26	Mai Ngoc Khuong and Truong Duc Nguyen (2014, November 8-10). The Effects of Television Commercials on Customers Purchase Intention – A Study of Milk Industry in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Proceeding of the 2014 International Conference on Business, Marketing and Management (ICBMM2014).* Hong Kong. November 8-10, 2014.			
25	Mai Ngoc Khuong and Huynh Thi Thu Ha (2014, September 25-26). The Influences of Push and Pull Factors on the International Leisure Tourists' Return Intention to Ho Chi Minh City, Vietnam - A Mediation Analysis of Destination Satisfaction. *Proceeding of the 2014 4th International Conference on Business and Economics Research (ICBER2014).* Bangkok, Thailand. September 25-26, 2014.			
24	Mai Ngoc Khuong and Tran Huong Giang (2014, September 25-26). The Effects of Service Innovation on Perceived Value and Guest's Return Intention - A Study of Luxury Hotels in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Proceeding of the 2014 4th International Conference on Business and Economics Research (ICBER2014).* Bangkok, Thailand. September 25-26, 2014.			
23	Mai Ngoc Khuong and Le Truc Mai Uyen (2014, September 2-3). The Factors Affecting Vietnam Airlines Service Quality and Passenger Satisfaction – A Mediation Analysis of Service Quality. *Proceeding of the 2014 2nd International Conference on Aviation Engineering and Management (ICAEM2014).* Kuala Lumpur, Malaysia. September 2-3, 2014.			
22	Mai Ngoc Khuong and Nguyen Vu Quynh Nhu (2014, September 2-3). The Effects of Ethical Leadership and Organizational Culture towards Employees' Sociability and Commitment – A Study of Tourism Sector in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Proceeding of the 2014 5th International Conference on E-business, Management and Economics (ICEME 2014).* Kuala Lumpur, Malaysia. September 2-3, 2014.			
21	Mai Ngoc Khuong and Tran Uyen Tran (2014, September 2-3). Factors Affecting Guest Perceived Service Quality, Product Quality, and Satisfaction – A Study of Luxury Restaurants in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Proceeding of the 2014 5th International Conference on E-business, Management and Economics (ICEME 2014).* Kuala Lumpur, Malaysia. September 2-3, 2014.			
20	Mai Ngoc Khuong and Nguyen ThaoTrinh (2014, September 2-3). Factors Affecting Tourists' Return Intention towards Vung Tau City, Vietnam - A Mediation Analysis of Destination Satisfaction. *Proceeding of the 2014 5th International Conference on E-business, Management and Economics (ICEME 2014).* Kuala Lumpur, Malaysia. September 2-3, 2014.			
19	Hoang Thanh Nhon and Mai Ngoc Khuong (2014, August 16-			

	17). The Effects of Consumer-Generated Media on Vietnamese Travelers' Decision Making – A Mediation Analysis of Perceived Credibility and Trust. *Proceeding of 5th International Conference on Internet Studeis (NETs2014).* Singapore, August 16-17, 2014.			
18	Ho Nhut Quang, Mai Ngoc Khuong, and Nguyen Hoang Le (2014, June 3-4). The Effects of Leaders' Emotional Intelligence on Employee Engagement in Vietnamese Construction Companies – A Case of Hoa Binh Corporation. *Proceeding of the 2014 2nd International Conference on Computer and Business Management (ICCBM 2014). London, UK. June 3-4, 2014.*			
17	Ho Nhut Quang, Mai Ngoc Khuong, and Nguyen Truong Thuy Anh (2014, March 24-25). A Study of Factors Affecting Consumer Purchase Intention toward Home-Use Blood Pressure Monitor of OMRON Healthcare Vietnam in Ho Chi Minh City. *Proceeding of 5th International Conference on Business and Economic Research (5th ICBER-2014).* Kuching, Malaysia. 24th – 25th March, 2014, pp.425-437.		ISBN: 978-967-5705-13-7	
16	Mai Ngoc Khuong and Do Thu Thao (2014, March 24-25). The Impacts of Corportate Social Responsibility on Brand Image and Customer Brand Loyalty – A Case Study of VinaMilk Corporation in Vietnam. *Proceeding of 5th International Conference on Business and Economic Research (5th ICBER-2014).* Kuching, Malaysia. 24th – 25th March, 2014, pp.327-338.		ISBN: 978-967-5705-13-7	
15	Mai Ngoc Khuong and Nguyen Thoai Ngoc (2014, March 24-25). Factors Affecting Tourist Destination Satisfaction through Mediating Variable of Perceived Service Quality – A Study in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Proceeding of 5th International Conference on Business and Economic Research (5th ICBER-2014).* Kuching, Malaysia. 24th – 25th March, 2014, pp.312-326.		ISBN: 978-967-5705-13-7	
14	Mai Ngoc Khuong and Trinh Hoang Hiep (2014, March 24-25). Factors Affecting Customer Satisfaction on Services of Saigon Tourist Cable Television in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Proceeding of 5th International Conference on Business and Economic Research (5th ICBER-2014).* Kuching, Malaysia. 24th – 25th March, 2014, pp.399-410.		ISBN: 978-967-5705-13-7	
13	Pham Hong Hoa, Vu Thi Thanh Truc, and Mai Ngoc Khuong (2014, February 15-16). Film-Induced Tourism - Factors Affecting Vietnamese Intention to Visit Korea. *Proceeding of the 2014 3rd International Conference on Economics Business and Marketing Management– CEBMM 2014 – Hong Kong – February 15-16, 2014.*			
12	Mai Ngoc Khuong and Vu Ngoc Bich Tram (2014, February 15-16). The Effects of Emotional Marketing on Consumer Product Perception, Brand Awareness and Purchase Decision - A Study in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Proceeding of the 2014 3rd International Conference on Economics Business and Marketing Management– CEBMM 2014 – Hong Kong – February 15-16, 2014.*			
11	Nguyen Nhu Tung, Mai Ngoc Khuong, and Nguyen Van Phuong (2013, December 29-30). Factors Affecting			

	Employees' Organizational Commitment - A Study of Banking Staff in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Proceeding of the 2013 International Conference on Financial and Management Science (ICFMS2013) – Kuala Lumpur, Malaysia – December 29-30, 2013.*			
10	Mai Ngoc Khuong and Hoang Thi Hoang Anh (2013, April 8-9). Direct and Indirect Effects of Customer Satisfaction Through Product and Service Quality – A Study of Phu Nhuan Jewelry Stores in Ho Chi Minh City, Vietnam. - *Proceeding of the 3rd International Conference on Economics, Trade and Development (ICETD2013)* - Bangkok, Thailand - April 8-9, 2013.			
9	Tran Thien An and Mai Ngoc Khuong (2013). Factors affecting music learning motivation – how to enhance contemporary music education in Vietnam. Presented at the 8th International Symposium on the Sociology of Music Education (ISSME2013) - Hamar, Norway - June 16-19, 2013.			
8	Mai Ngoc Khuong (2013). Successful Relationship Marketing between International Travel Companies. *Proceeding of the 3rd International Conference on Management (3rd ICM2013).* Penang, Malaysia: 10-11 June 2013, pp. 511-525.		ISBN: 978-967-5705-11-3	
7	Mai Ngoc Khuong and Tran Khai Hoan (2013). The Impact of Brand Personality on Tablet Users' Loyalty – A Study in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Proceeding of the 3rd International Conference on Management (3rd ICM2013).* Penang, Malaysia: 10-11 June 2013, pp. 526-539.		ISBN: 978-967-5705-11-3	
6	Mai Ngoc Khuong and Bui Thi Ngoc Giau, (2013). The Direct and Indirect Effects of Advertising and Public Relation on Repurchase Intention through Brand Awareness and Consumers' Perception – A Case Study of VinaMilk, Vietnam. *Proceeding of 4th International Conference on Business and Economic Research (4th ICBER-2013).* Bandung, Indonesia. 4th – 5th March, 2013, pp. 514-529.		ISBN: 978-967-5705-10-6	
5	Mai Ngoc Khuong and Thai Cong Tien, (2013). Measuring the Relationship between Job Satisfaction and Employee Engagement in the Industrial Parks and Export Processing Zones, Ho Chi Minh City – Vietnam. *Proceeding of 4th International Conference on Business and Economic Research (4th ICBER-2013).* Bandung, Indonesia. 4th – 5th March, 2013, pp. 530-548.		ISBN: 978-967-5705-10-6	
4	Mai Ngoc Khuong (2012). Enhancing business success of the international partnership between travel companies. *Proceedings of the Network of Asia Pacific Schools and Institutes of Public Administration and Governance (NAPSIPAG) 9th International Conference 2012.* Colombo, Sri Lanka, 12-14 December, 2012.			
3	Mai Ngoc Khuong (2012). Determinants of financial benefits of inter-organizational relationship marketing between international travel companies. *Proceedings of the International Conference on Marketing Studies (ICMS2012),* Bangkok, Thailand. August 17-19, 2012.			
2	Mai Ngoc Khuong (2010). Sustainable Tourism Development through Community-Based Ecotourism Approach for the			

	Mekong Delta Provinces, Vietnam. *Proceedings of the 2nd Asia Pacific Alliance on Tourism and Hospitality Education and the 10th Annual Conference in Hospitality & Tourism.* National Kaohsiung Hospitality University, Taiwan, 20-21 May, 2010.			
1	Mai Ngoc Khuong (2010). Enhancing Successful Inter-Organizational Relationship between Thai and Vietnamese Travel Companies. *Proceedings of the 4th Asian Public Administration Network Doctoral Student Conference (APANDS 2010)*, National Institute of Development Administration (NIDA), Bangkok – Thailand, September 2 – 3, 2010.			

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	*Tên giải thưởng*	*Nội dung giải thưởng*	*Nơi cấp*	*Năm cấp*
5	Advancing Open and Distance Learning: Research and Practices – **28th Annual Conference of the Asian Association of Open Universities** (AAOU 2014). Hong Kong. October 28-31, 2014. "Factors Affecting Adult Learners' Persistence in E-Learning Programs in Ho Chi Minh City, Vietnam – A Mediation Analysis of Learners' Motivation."	The best paper award – 2014 - Silver Medal	- Asian Association of Open Universities - The Open University of Hong Kong - the Commonwealth of Learning (COL) - the United Nations Educational, Scientifi and Cultural Organization (UNESCO)	2014
4	**2014 5th International Conference on E-business, Management and Economics** (ICEME 2014). Kuala Lumpur, Malaysia. September 2-3, 2014. "Factors Affecting Tourists' Return Intention towards Vung Tau City, Vietnam - A Mediation Analysis of Destination Satisfaction."	The best paper award	- International Economics Development and Research Center (IEDRC) – Hong Kong - International Journal of e-Education, e-Business, e-Management and e-Learning (IJEEEE) - International Journal of Trade, Economics and Finance (IJTEF) - Journal of Advanced Management Science (JOAMS)	2014
3	**2014 2nd International Conference on Aviation Engineering and Management** (ICAEM2014). Kuala Lumpur, Malaysia. September 2-3, 2014. "The Factors Affecting Vietnam Airlines Service Quality and Passenger Satisfaction — A Mediation Analysis of Service Quality."	The best paper award	- International Economics Development and Research Center (IEDRC) – Hong Kong - Journal of Traffic and Logistics Engineering (JTLE)	2014

2	**5th International Conference on Internet Studeis** (NETs2014). Singapore, August 16-17, 2014. "The Effects of Consumer-Generated Media on Vietnamese Travelers' Decision Making — A Mediation Analysis of Perceived Credibility and Trust."	The distinguished paper award	- Academy of Taiwan Information Systems Research(ATISR) - National Taipei University	2014
1	Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học cấp thành phố) với đề tài: "Xây dựng định hướng quy hoạch du lịch sinh thái vườn quốc gia Côn Đảo".	Bằng khen – "Giải thưởng khoa học sinh viên – Eureka"	BCH thành đoàn TP.HCM cấp	2001

TP.HCM, ngày ..... tháng..... năm .....

Thủ trưởng Đơn vị

(ký tên, đóng dấu)

Ngày 30 tháng 05 năm 2018

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

Mai Ngọc Khương

LÝ LỊCH KHOA HỌC

Hình 4x6

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: Bùi Quang Thông

2. Ngày sinh: 16 tháng 11 năm 1975 **3. Nam/nữ: Nam**

4. Nơi đang công tác:

Trường/viện: Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc Gia, Tp. HCM

Phòng/ Khoa: Quản Trị Kinh Doanh

Bộ môn:Kinh Doanh Quốc Tế

Phòng thí nghiệm:

Chức vụ: Phó Trưởng Khoa

5. Học vị: Tiến Sĩ **năm đạt: 2007**

6. Học hàm: **năm phong:**

7. Liên lạc: 090955. 8081

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	**Địa chỉ**	P. 308, Khu A1, ĐH Quốc Tế	88D Trần Huy Liệu, P15, Q. PN, TP. HCM
2	**Điện thoại/ fax**		
3	**Email**	bqthong@hcmiu.edu.vn	
4	**Website**		

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
	Anh	x			x			x			x		
	Pháp												

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
1.1999 – 1.2001	**Caltex Gas Viet Nam**	Nhân viên kinh doanh
1.2008 - 12.2008	**Quỹ Đầu Tư EMA Việt Nsm**	Giám đốc Đầu tư
1.2009 – 12.2010	**Công ty Tư Vấn Win-Win**	Phó Giám Đốc

12.2010 – 1.2012	**Công ty Tư Vấn Cowan Việt Nam**	Giám đốc Chiến lược
11.2013 - nay	**Trường Đại học Quốc Tế**	Giảng viên

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
Cử nhân	1993-1998	Đại học Ngoại Thương, TP. HCM	Kinh tế Đối ngoại	Yếu tố thành công của Doanh nghiệp kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Việt Nam
Thạc sĩ	2002-2004	Đại học Kỹ Thuật Lulea, Thụy Điển	Quản trị Kinh doanh	Yếu tố thành công của các sàn giao dịch hàng hóa điện tử
Tiến sĩ	2004-2007	Đại học Kỹ Thuật Lulea, Thụy Điển	Thương mại Điện tử	Yếu tố quyết định hành vi chọn sử dụng nhạc trên điện thoại di động – Trường hợp người tiêu dùng Thụy Điển

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- **Lĩnh vực:** Quản trị Kinh doanh
- **Chuyên ngành:** Marketing
- **Chuyên môn:** Thương mại điện tử, Hành vi người tiêu dùng

2. Quá trình nghiên cứu

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	*Tên SV ,HVCH, NCS*	*Tên luận án*	*Năm tốt nghiệp*	*Bậc đào tạo*	*Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)*
1	Nguyễn Lê Thanh Tuấn	Tác động của niềm tin lên thời gian tác dụng của thực phẩm	2014	Đại học	
2	Bùi Vân Anh	Cách thức tác động của số đầu bên trái và giá niêm yết có đuôi là số 9 lên cảm nhận giá của	2014	Đại học	

		người tiêu dùng			
3	Nguyễn Thành Nam	Sự tác động của âm thanh quanh môi trường sống lên sự sáng tạo của con người	2014	Đại học	
4	Phan Thị Thủy Tiên	Tác động của kích cỡ bao bì lên lượng tiêu dùng sản phẩm	2014	Đại học	
5	Nguyễn Thị Như Ngọc	Phương pháp quy kết (attributional approach) đối với đánh giá sự công bằng về giá của người tiêu dùng	2014	Đại học	
6	Nguyễn Trung Hưng	Các yếu tố tác động đến trải nghiệm thương hiệu	2015	Đại học	
7	Võ Vương Bách	Mối quan hệ giữa xuất xứ thương hiệu và quyết định mua hàng	2015	Đại học	
8	Lê Thục Nghi	Các cách thức khách hàng xử lý khi dịch vụ gặp vấn đề	2015	Đại học	
9	Nguyễn Phương Hoàng Cúc	Các yếu tố tác động đến hành vi mua hàng bất ngờ trong ngành thời trang và tác động điều hòa của mối quan tâm đến thời trang	2015	Đại học	
10	Tạ Bảo Trân	Các yếu tố tác động đến việc mua hàng bất ngờ	2015	Đại học	
11	Lê Minh Khoa	Các yếu tố tác động đến việc thay đổi thương hiệu sử dụng trong ngành mỹ phẩm	2015	Đại học	
12	Vũ Thị Ngọc Nhung	Các yếu tố tác động đến ý định mua mỹ phẩm trên mạng	2015	Đại học	
13	Bành Ngọc Như	Các yếu tố tác động đến hành vi nghiện mua sắm	2015	Đại học	
14	Hồ Lê Hạnh Như	Vai trò của tính độc đáo và trải nghiệm thương hiệu trong việc quyết định mua hàng	2015	Đại học	
15	Nguyễn Vĩnh Hậu	Tác động của marketing mix lên sự trung thành với thương hiệu chuỗi cà phê	2015	Đại học	
16	Lại Hiếu Phương	Tác động của sự bảo trợ từ người nổi tiếng lên ý định mua hàng	2015	Đại học	
17	Đỗ Đình Xuân Trường	Các yếu tố tác động lên quyết định thay đổi công việc	2015	Cao học	
18	Trần Gia Trung Đình	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của các bạn sinh viên đại học tại thành phố Hồ Chí Minh	2015	Cao học	
19	Mai Thị Thùy My	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng và sự trung thành của khách hàng đối với dịch vụ phòng khám bác sĩ gia đình tại Việt Nam.	2015	Cao học	
20	Nguyễn Thanh Vân	Các yếu tố tác động đến ý định tham gia Festival Biển Nha Trang	2015	Cao học	

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh
1						
2						

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1	Bùi Quang Thông, Magnus Hultman, Robert Opoku, Esmail Salehi-Sangari, Pejvak Oghazi, "Private label competition: the perspective of Swedish branded goods manufacturers", Management Research News, Vol. 31, 135-141		0140-9174	

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1	Bùi Quang Thông, Magnus Hultman, "Factors influencing the success of e-marketplaces", The 29th Institute for Small business and Entrepreneurship conference, Blackpool, UK, November 1-3, 2005.			
2	Berglund A., Nath A., Karlsson T., Opoko R., Wang J., & Bui,			

	Quang Thong. (2006), "E-readiness of University Divisions in Online Education", Netlearning Conference 2006, Ronneby, Sweden 8-10 May			
3	Nguyen Phuong Hoang Cuc, **Bui Quang Thong**: Interpersonal Effects on Fashion-Oriented Impulse Buying: The Mediating Role of Fashion Involvement – A Study among Vietnamese Consumers. Paper presented at New perspective in business, economics and management research and practice. (July 2015).			
4	Ho Le Hanh Nhu, **Bui Quang Thong**: The Role of Consumers' Need for Uniqueness and Brand Experience in Purchase Intentions - A Study of Nike Sportswear Brand in Vietnam. Paper presented at New perspective in business, economics and management research and practice. (July 2015)			
5	Le Thuc Nghi, **Bui Quang Thong**: CUSTOMERS' RESPONSES IN SERVICE FAILURES - A CASE OF VIETNAMESE YOUNG CUSTOMERS. Paper presented at New perspective in business, economics and management research and practice. (July 2015).			
6	Banh Ngoc Nhu , **Bui Quang Thong**: Investigating Psychological Antecedents of Compulsive Buying - The Case of Clothing Market in Ho Chi Minh City. Paper presented at New perspective in business, economics and management research and practice. (July 2015)			
7	Vu Thi Ngoc Nhung , **Bui Quang Thong**: Factors Affecting Customers' Intention toward Cosmetic Online Purchase – A study of Vietnamese Consumers. Paper presented at New perspective in business, economics and management research and practice. (July 2015)			
8	Ta Bao Tran, **Bui Quang Thong**: Antecedents of the Level of Impulse Buying – A study among Vietnamese consumers. Paper presented at New perspective in business, economics and management research and practice.			
9	Nguyen Thi Van, **Bui Quang Thong**, Pham Hoang Thai Huy : Work Relations, Job Satisfaction, Employee Loyalty and Perceived Switching Costs – A Study of Luxury Hotels in Vietnam. Paper presented at New perspective in business, economics and management research and practice.			
10	Nguyen Phuong Hoang Cuc, **Bui Quang Thong**, Nguyen Do Thuy Nhi, Nguyen Trung Hung: Antecedents of attitudes toward sustainable business practices - A study among Vietnamese business students. Paper presented at The international conference on business 2015 - Corporate social responsibility & sustainable business development. (November 2015)			

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISBN*	*Ghi chú*

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	*Tên giải thưởng*	*Nội dung giải thưởng*	*Nơi cấp*	*Năm cấp*
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	*Tên bằng*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	*Tên giải pháp*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	*Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao*	*Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng*	*Năm chuyển giao*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	*Thời gian*	*Tên chương trình*	*Chức danh*

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	*Thời gian*	*Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị*	*Chức danh*

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	*Thời gian*	*Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu*	*Nội dung tham gia*

TP.HCM, ngày ..... tháng..... năm .....
Thủ trưởng Đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

TP.HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2018 .
Người khai
(ký tên)

Bùi Quang Thông

7

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: Nguyễn Hồng Anh

2. Ngày sinh: 18 / 06 / 1974 **3. Nam/nữ: Nữ**

4. Nơi đang công tác:

- *Trường/viện:* **Trường Đại Học Quốc Tế - Đại Học Quốc Gia**
- *Phòng/ Khoa:* *Khoa Quản Trị Kinh Doanh*
- *Bộ môn:* *Quản Trị*
- *Phòng thí nghiệm:*
- *Chức vụ:* Giảng viên

5. Học vị: Tiến Sĩ **năm đạt:** **2014**

6. Học hàm: **năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	**Địa chỉ**	Bình Dương	402/21B An Dương Vương – P4. Q5
2	**Điện thoại/ fax**	08 37244270	0918278387
3	**Email**	nhanh@hcmiu.edu.vn	nhanh@hcmiu.edu.vn
	Website	*www.hcmiu.edu.vn*	

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
1	Tiếng Anh	v			v			v			v		
2													

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
2006 - 2017	Trường Đại Học Quốc Tế	Giảng viên

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
Thạc sĩ	2 năm	Bangkok – Thailand	Kinh doanh quốc tế	Outsourcing in textile industry.

Tiến Sĩ	3 năm	Manila - Philippines	Kinh Doanh Quốc Tế	BOP - Business outsourcing process.

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- **Lĩnh vực:** Quản Trị kinh doanh
- **Chuyên ngành:** Kinh doanh quốc tế
- **Chuyên môn:** Các môn thuộc nhóm quản trị
- *Hướng nghiên cứu:*

2. Quá trình nghiên cứu

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	*Tên SV ,HVCH, NCS*	*Tên luận án*	*Năm tốt nghiệp*	*Bậc đào tạo*	*Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)*

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISSN*	*Điểm IF*

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISSN*	*Điểm IF*
	• Improving cooperative management qualifications in Vietnam. • Franchise Business Model – case of Taiwan takeout beverage.	232-235 (Tạp chí công thương) 348-351 (Tạp chí công thương)		0.5 0.5

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISBN*	*Ghi chú*

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISBN*	*Ghi chú*

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Tp.Hồ Chí Minh
Ngày 06 /06/2018
Nguyễn Hồng Anh



LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: Nguyễn Tấn Minh

2. Ngày sinh: 17 tháng 01 năm 1982 **3. Nam/nữ:** Nam

4. Nơi đang công tác:

Trường/viện: Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc Gia, Tp. HCM

Phòng/ Khoa: Quản Trị Kinh Doanh

Bộ môn: Quản trị Kinh doanh

Phòng thí nghiệm:

Chức vụ: Giảng viên

5. Học vị: Thạc sĩ **năm đạt:** 2009

6. Học hàm: **năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	**Địa chỉ**	Trường Đại học Quốc tế - ĐHQG TP.HCM Khu phố 6, phường Linh Trung, Q. Thủ Đức	197 Nguyễn Chí Thanh, P12, Q5
2	**Điện thoại/ fax**	(028) 37244270	0942 556 009
3	**Email**		ntminh@hcmiu.edu.vn
4	**Website**	www.hcmiu.edu.vn	

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
1	Tiếng Anh	x			x			x			x		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
2013 - 2018	Trường Đại học Quốc tế	Giảng viên
2011 - 2013	Công ty TNHH Kết Nối Sáng Tạo	Giám đốc phát triển thị trường
2010 - 2011	Công ty cổ phần đầu tư Red Ant	Giám đốc Nhân sự

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
Thạc sĩ	2008 - 2009	Trường đại học Houston – Clear Lake (Hoa Kỳ)	Quản trị Kinh doanh	
Đại học	2001 - 2006	Trường Đại học Bách khoa TP.HCM	Điện tử Viễn thông	

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- **Lĩnh vực:** Quản trị Kinh doanh
- **Chuyên ngành:** Quản trị Kinh doanh
- **Chuyên môn:** Quản trị Nhân sự

2. Quá trình nghiên cứu

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	*Tên SV ,HVCH, NCS*	*Tên luận án*	*Năm tốt nghiệp*	*Bậc đào tạo*	*Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)*

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1	Nguyen Tan Minh, Pham Thi Thu Huong, Nguyen Hai Ngoc. (May 2017). Provincial Hospital, International Standards. *Asian Management Briefs.* Retrieved August 2017 from https://cmp.smu.edu.sg/amb/article/20170509/provincial-hospital-international-standards			
2	Giang Sơn Thanh Nga, Nguyen Tan Minh. (June 2017). An Investigation of the Impact of Interior Design on Job Performance: A Study on Hospitality Employees in Vietnam. *International Journal of Social Science and Humanity* 7(6), 386-391.		2010-3646	
3	Vuong Gia Han, Nguyen Tan Minh. (June 2018). Factors Influencing Millenials' Purchase Intention Towards Fast Fashion Products: A Case Study in Vietnam. *International Journal of Social Science and Humanity.*		2010-3646	

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	*Tên bằng*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	*Tên giải pháp*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	*Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao*	*Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng*	*Năm chuyển giao*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	*Thời gian*	*Tên chương trình*	*Chức danh*

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	*Thời gian*	*Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị*	*Chức danh*

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	*Thời gian*	*Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu*	*Nội dung tham gia*

TP.HCM, ngày ..... tháng..... năm .....
Thủ trưởng Đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

TP.HCM, ngày 30 tháng 05 năm 2018
Người khai
(ký tên)

Nguyễn Tấn Minh

MẪU

Hình 4x6

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: Phan Triều Anh

2. Ngày sinh: 04/10/1972 **3. Nam/nữ: Nam**

4. Nơi đang công tác:

Trường/viện: Đại học Quốc tế

Phòng/ Khoa/ Bộ môn: Quản trị Kinh doanh

Phòng thí nghiệm:

Chức vụ: Giảng viên

5. Học vị: Tiến sĩ **năm đạt: 2008**

6. Học hàm: **năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	**Địa chỉ**	Đại học Quốc tế - Linh Trung, Thủ Đức, TPHCM	AA2-12 chung cư Mỹ Khang, Nguyễn Lương Bằng, Q.7
2	**Điện thoại/ fax**	0837244270	0862616071
3	**Email**	ptanh@hcmiu.edu.vn	aphan01@gmail.com
4	**Website**	www.hcmiu.edu.vn	

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
1		X			X			X			X		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
1993 – 2007	**Các công ty, cơ quan nước ngoài, học cao học, nghiên cứu sinh**	
2008 – nay	**Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia HCM**	**Giảng viên**
2010 – 2013	**Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia HCM**	**Phó trưởng khoa**

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
Tiến sĩ	2004-08	ĐH Brunel, Anh Quốc	QTKD	Đánh giá công tác đào tạo và ứng dụng kỹ năng quản trị trong các doanh nghiệp tư nhân ở TP.HCM, Việt Nam

Thạc sĩ (MBA)	1997-99	AIT, Thái Lan	QTKD	Đánh giá ứng dụng Internet trong doanh nghiệp ở TP.HCM.

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

Lĩnh vực: **Quản trị kinh doanh**
Chuyên ngành: **Quản trị kinh doanh quốc tế**
Chuyên môn: **Quản trị dự án, quản trị học, quản trị nhân sự, quản trị chiến lược, quản trị đa văn hoá**

Hướng nghiên cứu:

Quản trị trong các doanh nghiệp nhỏ, liên hệ giữa đào tạo và kết quả kinh doanh, các yếu tố văn hoá trong quản lý, ứng dụng công nghệ trong quản lý

2. Quá trình nghiên cứu (trong vòng 5 năm gần đây)

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*
1	Văn hoá và khởi sự doanh nghiệp	ĐHQG	2012-2014		Đồng chủ nhiệm	2014	

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	*Tên SV, HVCH, NCS*	*Tên luận án*	*Năm tốt nghiệp*	*Bậc đào tạo*	*Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)*
1	Phan Minh Nhật	Determining factors influencing risk perception and consequences on sales management activities of companies in Ho Chi Minh city	2012	Cao học	
2	Trần Ngọc Sơn	Understanding behavioral intention to use ERP system in Ho Chi Minh city, Viet Nam	2012	Cao học	
3	Đặng Minh Trí	B2B Hospitality Project Business: Approach to win sale	2013	Cao học	
4	Phạm Ngọc Diễm	The Influence of Organizational Culture on Employee Commitment in German Companies in Ho Chi Minh City	2013	Cao học	

5	Nguyễn Thị Minh	Influence of Management Competence on Personal Work Effectiveness of Middle Managers - Case Study in Enterprises Under Ministry Of Agriculture and Rural Development	2013	Cao học	
6	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	Analysis of Factors Impacted on Buying Decision of Vietnam B2B Customers- The Case Of Canon Oce Wide Format Printer (WFP)	2014	Cao học	
7	Tôn Thất Nam Trân	Vietnamese Students and Engineer's Soft Skills Compared to Foreigner's and Lessons Learned	2014	Cao học	
8	Nguyễn Thị Phương Trang	Factors Contribute to Adults' Perceptions and Behaviors towards Personal Financial Planning	2014	Cao học	
9	Tô Trần Phương Thảo	Study on factors influencing the decision to study abroad for Vietnamese students.	2014	Cao học	

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*
1	Chương *Trade Unions in Vietnam – From Socialism to Market Socialism* trong quyển *Trade Unions in Asia – An Economic and Sociological Analysis* của J. Benson và Y. Zhu		Routledge	2008	V. Edwards	
2	Managers and Management in Vietnam – 25 Years of Economic Renovation		Routledge	2013	V. Edwards	
3	Edwards V., A. Phan (2017) Employers' Associations in Vietnam: Inching towards Tripartite Engagement. In: Benson J. , Zhu Y. and Gospel H. (eds) *Employers' Associations in Asia – Employer Collective Action.* Oxford: Routledge pp. 144-161.		Routledge	2017	V. Edwards	

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*
1						

2						

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1	Brauer T., V. Edwards và A. Phan (2007) The Gambler, the Carrots, and the Cook: A Critical Evaluation of Investment Potential in the Vietnamese Software Industry; Asia Pacific Business Review 13(1), pp. 41-58			
2	Kocak A., A. Phan (2013) Role of social capital and self-efficacy in opportunity recognition of female entrepreneurs: insights from Turkey and Vietnam; Int. J. Entrepreneurship and Small Business, 18(2), pp. 211-228			
3	Nguyen M, A. Phan (2014) Entrepreneurial Traits and Motivations of the Youth – an Empirical Study in Ho Chi Minh City – Vietnam; International Journal of Business and Social Science 5(5.1), pp. 53-62			

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1				
2				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1	Phan A., (2005) Training Evaluation Models: Critical Review and Proposal. *In: The Third International Conference in Management Education in Vietnam*. Ho Chi Minh City, Vietnam September, 7-8, 2005			
2	Phan A., (2006) Management Training as a Change Agent – Lessons from Vietnam. *In: Organisational Change and Development in Transitional Economies*. Tallinn, Estonia November, 9-10, 2006			
3	Phan A., (2008) Cultural Impediments to Learning Transfer: the case of Vietnamese Private Businesses. *In: The 3rd Workshop on Organisational Change and Development:*			

	Advances, Challenges and Contradictions. Bucharest, Romania September 26-27, 2008			
4	Kocak A., A. Phan, V. Edwards, (2010) Role Of Social Capital And Self-efficacy In Opportunity Recognition Of Female Entrepreneurs: Insights From Turkey And Vietnam. *In: The 30th Babson College Entrepreneurship Research Conference.* Lausanne, Switzerland June, 10-12, 2010			
5	Phan, A., and Do, T. Decision Making Styles - Profiles and Effectiveness of Managers in Ho Chi Minh City, *In: New Perspective in Business, Economics and Management Research and Practice* Ho Chi Minh City, Vietnam July 9-11, 2015			
6	Phan A, Q. Huynh (2017). Endless Ambition – VinGroup Ventures into New Industries for Renewed Market Growth. *Asian Management Briefs, 13*. Retrieved from https://cmp.smu.edu.sg/amb/article/20171115/endless-ambitions			

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISBN*	*Ghi chú*
1				
2				
3				

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	*Tên giải thưởng*	*Nội dung giải thưởng*	*Nơi cấp*	*Năm cấp*
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	*Tên bằng*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	*Tên giải pháp*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*
1						
2						

1

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	*Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao*	*Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng*	*Năm chuyển giao*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	*Thời gian*	*Tên chương trình*	*Chức danh*

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	*Thời gian*	*Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị*	*Chức danh*

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	*Thời gian*	*Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu*	*Nội dung tham gia*

TP.HCM, ngày ..... tháng..... năm .....
Thủ trưởng Đơn vị

TP.HCM, ngày 15 tháng 05 năm 2018
Người khai

Phan Triều Anh

PHAN NGOC ANH

Masteri Thao Dien Tower T1., Thu Duc, HCMC; Cell (+84)989 942 870;
pnanh@hcmiu.edu.vn

EDUCATION

University of Missouri, Columbia MO, United States 2008-2010
Fully funded scholarship – Summa Cum Laude

- Master of Business Administration – Finance concentration
- MBA Academic Achievement Award (awarded to Top 5% of Class 2010)
- Merit-based Ponder scholarship and Trulaske MBA scholarship
- One of two students to represent the University of Missouri in the National Women MBA Conference 2009 (US)

Hanoi Foreign Trade University, Hanoi Vietnam 2002-2006
GPA 8.45/10 – High Distinction

- BA, major in Business & English – minor in International Business
- Valedictorian (Thủ Khoa), graduation year 2006 - awarded to 98 top students of Vietnam's 57 universities/colleges graduating in 2006 for academic excellence), name recorded in the Golden Book, The Temple of Literature of Hanoi, Vietnam.

PROFESSIONAL EXPERIENCE

International University – Vietnam National University HCMC (Apr. 2012 - Present)
Full-time Lecturer in Finance

- Instructor of Finance courses: Financial Management, Financial Statement Analysis and Business Valuation, Credit Analysis and Lending, Corporate Governance…

University of Missouri, Columbia MO, United States (Aug. 2008 – Aug. 2010)
Graduate Teaching/Research Assistant – Finance Department

- Assisted in developing curriculum, prepared outlines and slides for the two courses: Managerial Finance and Investment Fund Management for the undergraduate level
- Instructed and mentored students on their assignments.
- Assisted in analyzing Real Estate Investment Trusts (REITS) and Closed-End Funds' financials

Mizzou Investment Fund, Columbia MO, United States (April. 2009 – 2011)
Financial Analyst

- Developed detailed stock reports and make buy/sell/hold recommendations based on comprehensive quantitative and qualitative research
- Researched and analyzed Energy and Retail industry.

Vietnam Television – Hanoi, Vietnam **(**June. 2005 – Aug. 2008)
Content Editor-In-Chief, Stock Market News

- Directed stock market news – a daily fifteen-minute news program on stock market
- Key accountabilities include developing news format and priorities, coordinating coming stories, assigning stories to reporters, proofreading and approving news content and limit.

LEADERSHIP/AFFILIATIONS

- Vice President, Financial Management Association (FMA) and MBA Association, University of Missouri, US.
- http://www.thukhoa.org Coordinator, "Valedictorian Club" (members are valedictorians of Vietnam's universities).
- USGuide, VietMBA. Mentoring MBA applicants. Assisted with resume and essays critique, interview mocking, career development/orientation.

RESEARCH ACTIVITIES

- Interested research areas: Policy Uncertainty and Corporate decision making, Asset Pricing.
- Does economic policy uncertainty affect trade credit and firm value in Korea? A comparison of chaebols vs. non-chaebol firms. Economic Analysis and Policy 73, 474-491 (2022)
- (ISI, Scimago Q1, IF:4.44) https://doi.org/10.1016/j.eap.2021.12.011. Hong Vo, Anh Phan, Quoc-Dat Trinh, Linh Nhat Vu
- Profitability and the source of value premium: evidence from an emerging market. Working paper. Hong Vo, Anh Phan
- Economic policy uncertainty and trade credit: International evidence. Working paper

LÝ LỊCH KHOA HỌC

Hình 4x6

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: LÊ ĐÌNH MINH TRÍ

2. Ngày sinh: 03 tháng 06 năm 1986 **3. Nam/nữ:** Nam

4. Nơi đang công tác:

Trường/viện: Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc Gia, Tp. HCM

Phòng/ Khoa: Quản Trị Kinh Doanh

Bộ môn: Marketing

Phòng thí nghiệm:

Chức vụ: Giảng viên

5. Học vị: Thạc sĩ **năm đạt:** 2010

6. Học hàm: **năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	**Địa chỉ**	Khu phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức	
2	**Điện thoại/ fax**		
3	**Email**	ldmtri@hcmiu.edu.vn	
4	**Website**		

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
	Tiếng Anh	X			X			X			X		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
2/2011 – 6/2014	Khoa Quản trị Kinh doanh, Đại học Quốc tế - Đại học Quốc Gia, Tp. HCM	Giảng viên
7/2014 – 4/2018	Trường Kinh doanh, Đại học RMIT, Melbourne, Úc	Nghiên cứu sinh
5/2018 – nay	Khoa Quản trị Kinh doanh, Đại học Quốc tế - Đại học Quốc Gia, Tp. HCM	Giảng viên

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
Cử nhân	2004 – 2008	ĐH Khoa học Tự nhiên – ĐHQG Tp.HCM	Vật lý (Cử nhân Tài năng)	
Thạc sĩ	2009 – 2010	ĐH La Trobe, Melbourne, Úc	Thạc sĩ Điện tử	
Thạc sĩ	2009 – 2010	ĐH La Trobe, Melbourne, Úc	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh	
Tiến sĩ	2014 – 2018	ĐH RMIT, Melbourne, Úc	Tiến sĩ Marketing	

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- **Lĩnh vực:** Quản trị Kinh doanh
- **Chuyên ngành:** Marketing
- **Chuyên môn:**

2. Quá trình nghiên cứu

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	*Tên SV ,HVCH, NCS*	*Tên luận án*	*Năm tốt nghiệp*	*Bậc đào tạo*	*Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)*

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh
1						
2						

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1	Tri D. Le, Angela Dobele, Linda Robinson: WOM source characteristics and message quality: the receiver perspective. *MARKETING INTELLIGENCE & PLANNING* 36(4): 440-454 (April 2018).			
2	Tri D. Le: Influence of WOM and content type on online engagement in consumption communities: The information flow from discussion forums to Facebook. *ONLINE INFORMATION REVIEW* 42(2): 161 - 175 (February 2018).			1.534
3	Tri D. Le, Hien Vo: Consumer attitude towards website advertising formats: a comparative study of banner, pop-up and in-line display advertisements. *International Journal of Internet Marketing and Advertising* 11(3): 202 - 217 (October 2017).			
4	Tri D. Le, Nguyen Ho Bao Tran: Attitudes Toward Mobile Advertising: A Study of Mobile Web Display and Mobile App Display Advertising. *Asian Academy of Management Journal* 19(2): 87-103 (December 2014).			

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1	Le Dinh Minh Tri, Vo Bao Loc: Factors influencing the trust of young customers while using e-commerce websites. *Journal of Science Ho Chi Minh City Open University* 2(7): 79-94 (June 2013).			

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1	Tri D. Le, Angela Dobele, Linda Robinson: Word-of-Mouth Effects on Student Choice Behaviour: The Dual-Process Conceptual Framework. In proceedings of Australian and New Zealand Marketing Academy Conference. (December 2015).			

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	*Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao*	*Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng*	*Năm chuyển giao*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	*Thời gian*	*Tên chương trình*	*Chức danh*

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	*Thời gian*	*Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị*	*Chức danh*

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	*Thời gian*	*Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu*	*Nội dung tham gia*

TP.HCM, ngày ..... tháng..... năm .....
Thủ trưởng Đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

TP.HCM, ngày 29 tháng 05 năm 2018 .
Người khai

Lê Đình Minh Trí

LÝ LỊCH KHOA HỌC

Hình 4x6

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: Mai Thế Kiên

2. Ngày sinh: 21 tháng 02 năm 1988 **3. Nam/nữ: Nam**

4. Nơi đang công tác:

Trường/viện: Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc Gia, Tp. HCM

Phòng/ Khoa: Quản Trị Kinh Doanh

Bộ môn:Quản Trị Kinh Doanh

Phòng thí nghiệm:

Chức vụ:

5. Học vị: Thạc sĩ năm đạt: 2011

6. Học hàm: năm phong:

7. Liên lạc:

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	**Địa chỉ**	Trường Đại học quốc tế- ĐHQG tp HCM	170 Lê Hồng Phong, Phú Lợi, Thủ Dầu Một, Bình Dương
2	**Điện thoại/ fax**		0983223344
3	**Email**		mtkien@hcmiu.edu.vn
4	**Website**		

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
	Tiếng Anh	X			X			X			X		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
Từ 2012 đến 2018	**Trường Đại học quốc tế, ĐH QG Tp HCM**	Giảng viên

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
Đại Học	2007-2010	University of Bath, UK	Bsc in Politics with Economics	
Thạc Sĩ	2010-2011	University of Bath, UK	Msc International Development	

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- **Lĩnh vực:** Quản trị Kinh doanh
- **Chuyên ngành:**
- **Chuyên môn: Luật kinh doanh**

2. Quá trình nghiên cứu

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	*Tên SV ,HVCH, NCS*	*Tên luận án*	*Năm tốt nghiệp*	*Bậc đào tạo*	*Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)*

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*
1						
2						

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISSN*	*Điểm IF*
	Van Bui, Nguyen Van Phuong, Dung Pham, Mai The Kien: UNDERSTANDING CUSTOMERS' E-LOYALTY IN THE AIRLINE INDUSTRY: A CASE STUDY OF VIETNAM AIRLINES COMPANY LIMITED. International Journal of Applied Business and Economic Research 13(5): 3039-3064 (September 2015).			

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1	Phan Hoang Phuong Uyen, Nguyen Van Phuong, Mai The Kien, Le Phuong Thao: Key Determinants of SMEs in Vietnam. Combining Quantitative and Qualitative Studies. Review of European Studies (July 2015)		ISSN 1918-7181	
	Nguyen Van Phuong, Dang Hien Xuan Nhi, Le Nguyen Do Quyen, Mai The Kien: The Impacts of Consumers' Familiarity on Their Behavioral Intentions towards Frozen Pangasius Products: A Study in Ho Chi Minh City, Vietnam. Review of European Studies (February 2015)		ISSN 1918-7181	

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				

2				

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	*Tên bằng*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	*Tên giải pháp*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	*Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao*	*Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng*	*Năm chuyển giao*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	*Thời gian*	*Tên chương trình*	*Chức danh*

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	*Thời gian*	*Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị*	*Chức danh*

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	*Thời gian*	*Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu*	*Nội dung tham gia*

TP.HCM, ngày ..... tháng..... năm .....
Thủ trưởng Đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

TP.HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2018 .
Người khai
(ký tên)

Mai Thế Kiên

LÝ LỊCH KHOA HỌC

Hình 4x6

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: VÕ TƯỜNG HUÂN

2. Ngày sinh: 28 tháng 2 năm 1988 **3. Nam/nữ:** Nam

4. Nơi đang công tác:

Trường/viện: Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc Gia, Tp. HCM

Phòng/ Khoa: Quản Trị Kinh Doanh

Bộ môn: Quản trị kinh doanh

Phòng thí nghiệm:

Chức vụ: Giảng viên

5. Học vị: Tiến sĩ **năm đạt:** 2018

6. Học hàm: Không **năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	**Địa chỉ**	Khu phố 6, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, Tp.HCM	B11.01 Green Valley, Phú Mỹ Hưng, P.Tân Phú, Q.7, Tp.HCM
2	**Điện thoại/ fax**	02837244270	0918449149
3	**Email**	vthuan@hcmiu.edu.vn	huanvo282@gmail.com
4	**Website**	https://www.hcmiu.edu.vn/	

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
1	Tiếng Anh	×			×			×			×		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
1/2012 - Hiện tại	Khoa Quản trị Kinh doanh – trường Đại Học Quốc Tế (ĐHQG.HCM)	Giảng viên

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
Phổ thông	1/2004 - 12/2005	Trường Carey Baptist Grammar School, Melbourne, bang Victoria, Úc		
Cử nhân	1/2006 - 12/2009	Đại Học Monash, Melbourne, bang Victoria, Úc	Luật kinh tế & quản lý kinh doanh	The Impacts of Aviation Legislation Amendment (International Airline Licences and Carriers' Liability) Act 2008 on Australian International Airlines and Insurance premiums
Thạc sĩ	1/2010 - 12/2010	Đại Học Monash, Melbourne, bang Victoria, Úc	Luật kinh tế	The 'Responsibility to Protect' implementation after the 2005 World Summit – United Nations General Assembly
Tiến sĩ	4/2014 - 3/2018	Đại Học Waseda, Tokyo, Nhật Bản	Nghiên cứu quốc tế (luật quốc tế)	Socialist State Behavior toward the Ratification of the Convention against Torture (CAT): The Case of Vietnam

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- **Lĩnh vực:** Luật, Quản trị
- **Chuyên ngành:** Luật Việt Nam, Luật kinh tế, Luật quốc tế
- **Chuyên môn:** Luật, Quản trị kinh doanh

2. Quá trình nghiên cứu

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	*Tên SV ,HVCH, NCS*	*Tên luận án*	*Năm tốt nghiệp*	*Bậc đào tạo*	*Sản phẩm của đề tài/dự án*

					(chi ghi mã số)

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*
1						
2						

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1	Michael H Vo, The Impact of Aviation Legislation Amendment (International Airline licences and Carriers' Liability) Act 2008 on Australian International Airlines and Insurance premiums, Journal for Global Business and Community, Vol.1, No.2, 2010			
2	Huan Tuong Vo, Did 'Sovereignty Fears' Hinder Socialist State's Ratification of International Civil and Political Rights Treaties?: The Case of Vietnam's Ratification of the Convention against Torture, Journal of the Graduate School of Asia-Pacific Studies, No.32, 85-98, 2016			

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án	Số hiệu ISBN	Ghi chú

		(chỉ ghi mã số)		

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	*Tên giải thưởng*	*Nội dung giải thưởng*	*Nơi cấp*	*Năm cấp*
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	*Tên bằng*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	*Tên giải pháp*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	*Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao*	*Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng*	*Năm chuyển giao*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	*Thời gian*	*Tên chương trình*	*Chức danh*

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị

về KH&CN

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

TP.HCM, ngày ..... tháng..... năm .....
Thủ trưởng Đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

TP.HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2018 .
Người khai
(ký tên)

Võ Tường Huân

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: Bùi Thị Thảo Hiền

2. Ngày sinh: 03/08/1989 **3. Nam/nữ: Nữ**

4. Nơi đang công tác:

- *Trường/viện: Đại Học Quốc Tế - Đại Học Quốc Gia TP.HCM*
- *Phòng/ Khoa: Khoa Quản Trị Kinh Doanh*
- *Bộ môn: Quản Trị Kinh Doanh*
- *Phòng thí nghiệm:*
- *Chức vụ:* Giảng viên

5. Học vị: Thạc Sĩ **năm đạt: 2013**

6. Học hàm: **năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	**Địa chỉ**	Khu phố 6, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, TP.HCM	22/5 Huỳnh Đình Hai, phường 24, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.
2	**Điện thoại/ fax**	(028)37244270	0906690389
3	**Email**	btthien@hcmiu.edu.vn	buithaohien@gmail.com
	Website		

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
1	Tiếng Anh	x				x			x		x		
2													

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
1/4/2014 – hiện nay	Khoa Quản Trị Kinh Doanh, trường Đại Học Quốc Tế - ĐHQG TP.HCM	Giảng Viên
9/10/2013 – 2/1/2014	Trung Tâm Đại Học Pháp, ĐHQG TP.HCM	Giảng Viên Thỉnh Giảng

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*

Thạc Sĩ	11/2011 - 07/2013	University of Newcastle, Australia	Business Administration	
Đại Học	10/2008 – 05/2011	Curtin University, Australia	Commerce	

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn: Quản Trị Kinh Doanh

- **Lĩnh vực:** Quản Trị Kinh Doanh
- **Chuyên ngành: Quản Trị Kinh Doanh**
- **Chuyên môn: Quản Trị**
- *Hướng nghiên cứu:* *Quản Trị, Kinh Tế Vi Mô, Kinh Tế Vĩ Mô, Kinh Doanh Quốc Tế*

2. Quá trình nghiên cứu

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	*Tên SV ,HVCH, NCS*	*Tên luận án*	*Năm tốt nghiệp*	*Bậc đào tạo*	*Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)*
1	Nguyễn Đàm Nhật Ánh	How to maintain the he quality of customer service in 5 star hotels?	2017	Đại Học	
2	Trịnh Phương Thảo	The impact of brand on Vietnamese female consumers in purchasing foreign cosmetics products.	2017	Đại Học	
3	Đoàn Lê Phương Uyên	Factors affecting consumer's purchasing behavior on beauty products: A case study in HCM city.	2016	Đại Học	
4	Võ Lê Ngân Hạnh	The study of factors affecting purchase intention toward foreign and domestic fashion brands of young customers in HCM city	2016	Đại Học	

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1	Bùi Thị Thảo Hiền, Nông nghiệp công nghệ cao – Bài học từ Israel và Hà Lan, Viet Nam Trade and Industry Review số 1 – tháng 1/2018, trang 218, xuất bản năm 2018.		ISSN:0866-7756	0.5

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	*Thời gian*	*Tên chương trình*	*Chức danh*
1	12/2016	Asia Pacific Conference on economic dynamics 2016	Nhân viên

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	*Thời gian*	*Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị*	*Chức danh*

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	*Thời gian*	*Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu*	*Nội dung tham gia*
1	08/05/2018	ACCA Việt Nam	Tham gia lớp tập huấn F1 của ACCA.

Ngày 06/06/2018

Bùi Thị Thảo Hiền

LÝ LỊCH KHOA HỌC

Hình 4x6

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: Cao Minh Mẫn

2. Ngày sinh: 01 tháng 5 năm **1962** **3. Nam/nữ: Nam**

4. Nơi đang công tác:

Trường/viện: Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc Gia, Tp. HCM

Phòng/ Khoa: Quản Trị Kinh Doanh

Bộ môn:Kinh Doanh Quốc Tế

Phòng thí nghiệm:

Chức vụ: Phó khoa

5. Học vị: PhD **năm đạt: 2012**

6. Học hàm: **năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	**Địa chỉ**	Trường ĐHQT, ĐHQG, TP HCM	
2	**Điện thoại/ fax**		
3	**Email**		
4	**Website**		

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
	English	x			x			x			X		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
1986 2015	**ĐH Nông Lâm TPHCM**	
2015-nay	**ĐHQT, ĐHQG TPHCM**	Phó khoa

1

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
ĐH	1981-1985	DHNL	economics	
Master	2001-2003	AIT	Business	
PhD	2003-2012	SNHU	International Business	

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- **Lĩnh vực:** Quản trị Kinh doanh
- **Chuyên ngành: Finance**
- **Chuyên môn:**

2. Quá trình nghiên cứu

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*
	Không						

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	*Tên SV ,HVCH, NCS*	*Tên luận án*	*Năm tốt nghiệp*	*Bậc đào tạo*	*Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)*
1	Hoàng Vũ Cường	The relationships between macroeconomic variables and stock price in Vietnam: an empirical research	2016	MBA	
2	Võ Thị Mai Hương	THE IMPLICATIONS OF TARIFF REDUCTION IN TRANS-PACIFIC PARTNERSHIP ON TEXTILES & GARMENT INDUSTRY IN VIETNAM	2016	MBA	
3	Nguyễn Dư Phương Thúy	SOLUTIONS TO ENHANCING THE QUALITY OF SERVICES AT CO.OP FOOD IN HO CHI MINH CITY.	2015	MBA	
4	Dương Võ Hùng Mạnh	Stock liquidity and stock return: Evidence from HOSE	2017	MBA	
5	Nguyễn Thị Hoài Tâm	Testing the pecking order theory of capital	2017	MBA	

		structure for listed real estate firms in Ho Chi Minh			
6	Phạm Thị Tố Lê	The impact of foreign direct investment (FDI) and trade on economic growth: Evidence from developing countries in Asia	2017		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*
1	Không					
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*
1	Không					
2						

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án*	*Số hiệu ISSN*	*Điểm IF*

		(chỉ ghi mã số)		
	Không			

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISSN*	*Điểm IF*
1				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISBN*	*Ghi chú*

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISBN*	*Ghi chú*

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	*Tên giải thưởng*	*Nội dung giải thưởng*	*Nơi cấp*	*Năm cấp*
1	**Không**			
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1	Không					
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1	Không					
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	Không			
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh
	Không		

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị	Chức danh
	Không		

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia
	Không		

TP.HCM, ngày ..... tháng..... năm	*TP.HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2018*
Thủ trưởng Đơn vị	**Người khai**
(ký tên, đóng dấu)	*(ký tên)*

LÝ LỊCH KHOA HỌC

Hình 4x6

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: Bùi Đoàn Danh Thảo

2. Ngày sinh: 12 tháng 08 năm 1988 **3. Nam/nữ: nữ**

4. Nơi đang công tác:

Trường/viện: Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc Gia, Tp. HCM

Phòng/ Khoa: Quản Trị Kinh Doanh

Bộ môn: Quản trị

Phòng thí nghiệm:

Chức vụ: Giảng viên

5. Học vị: thạc sĩ **năm đạt: 2012**

6. Học hàm: **năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	**Địa chỉ**	Trường Đại học Quốc tế - ĐHQG TPHCM	Chung cư Aroma, Tôn Đức Thắng, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương
2	**Điện thoại/ fax**		0988 871 005
3	**Email**		bddthao@hcmiu.edu.vn
4	**Website**		

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
1	Tiếng Anh	X			X			X			X		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
1/2013 – 2/2013	Công ty luật EPlegal	Thực tập viên
2/2013 – 8/2014	Viện Đào tạo mở và nghiên cứu phát triển – Đại học Bình Dương	Nhân viên pháp chế
9/201 – 8/2014	Đại học Bình Dương	Giảng viên thỉnh giảng
12/2014 đến nay	Đại học Quốc tế - ĐHQG TPHCM	Giảng viên

1

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
Đại học	2006 – 2010	Đại học Luật TPHCM	Luật quốc tế	
Thạc sĩ	2011 – 2012	Đại học Tây Anh Quốc	Luật kinh tế quốc tế	Trách nhiệm pháp lý của người vận chuyển trong vận tải hàng hóa đa phương tiện

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- **Lĩnh vực:** pháp lý
- **Chuyên ngành:** luật kinh tế quốc tế
- **Chuyên môn:** Luật kinh doanh, pháp luật đại cương

2. Quá trình nghiên cứu

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	*Tên SV ,HVCH, NCS*	*Tên luận án*	*Năm tốt nghiệp*	*Bậc đào tạo*	*Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)*

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh
1						
2						

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1	Pham Bich Uyen, Nguyen Van Phuong, **Bui Doan Danh Thao**, Sity Rohay Ni: Celebrity Endorsement as the Drivers of an Advertising Strategy: The Case of Toc Tien Endorsing OPPO, VNU Journal of Science: Economics and Business 33(2): 87-100 (June 2017)		ISSN 0866-8612	
2	**Bui Doan Danh Thao**: Inconsistence in settlement of legal issues relating to examination of documents in letters of credit transactions under common law jurisdiction Vietnam Trade and Industry Review (13)14 (December 2017)		ISSN 0866-7756	

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú

3

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISBN*	*Ghi chú*

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	*Tên giải thưởng*	*Nội dung giải thưởng*	*Nơi cấp*	*Năm cấp*
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	*Tên bằng*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	*Tên giải pháp*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	*Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao*	*Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng*	*Năm chuyển giao*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	*Thời gian*	*Tên chương trình*	*Chức danh*

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	*Thời gian*	*Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị*	*Chức danh*

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	*Thời gian*	*Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu*	*Nội dung tham gia*

TP.HCM, ngày ..... tháng..... năm .....
Thủ trưởng Đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

TP.HCM, ngày 28 tháng 05 năm 2018
Người khai
(ký tên)

Bùi Đoàn Danh Thảo

5

Đại học Quốc gia TP.HCM
Trường Đại học Quốc tế

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: NGUYỄN NGỌC DUY PHƯƠNG

2. Ngày sinh: 15-01-1981 **3. Nam/nữ:** Nam

4. Nơi đang công tác:

- *Trường/viện:* Trường Đại học Quốc tế ĐHQG TPHCM
- *Phòng/khoa:* Khoa Kinh tế Tài chính Kế toán
- *Bộ môn:*
- *Phòng thí nghiệm:*
- *Chức vụ:* Phó Trưởng Phòng Quản lý Khoa học

5. Học vị: Tiến sĩ **Năm đạt:** 2013

6. Học hàm: **Năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	**Địa chỉ**	Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	
2	**Điện thoại/fax**		0961286868
3	**Email**	nndphuong@hcmiu.edu.vn	
4	**Website**		

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh	X			X			X			X		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Kinh tế

- Chuyên ngành: Quản trị Phát triển

- Chuyên môn: Quản trị Doanh nghiệp

Hướng nghiên cứu:

Quản trị chiến lược

Hành vi khách hàng

Hành vi tổ chức

Đổi mới và sáng tạo trong kinh doanh

Quản trị Khởi nghiệp

2. Quá trình nghiên cứu

TT	Tên đề tài/dự án	Mã số & cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Kinh phí *(triệu đồng)*	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	Tên SV, HVCH, NCS	Tên luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1. Sách xuất bản Quốc tế

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh
1	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh		Nhà Xuất Bản Tài Chính	2018	Dinh Phi Ho, Vo Thi Lan, Nguyen Ngoc Duy Phuong, Ha Van Son	

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục SCI-E/ SSCI

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Xếp hạng (Q1, Q2, Q3, Q4)
1	Le Dang Lang, Abhishek Behl, Nguyen Ngoc Duy Phuong, Jighyasu Gaur, Nguyen Tien Dzung: Toward SME digital transformation in the supply chain context: the role of structural social and human capital. International Journal of Physical Distribution & Logistics Management : Published online (December 2022).		0960-0035	6.5	Q1
2	Ha Minh Tri, Vo Thi Kim Ngan, Nguyen Ngoc Duy Phuong: Greenwash and green brand equity: The mediating role of green brand image, green satisfaction and green trust and the moderating role of information and knowledge. Business Ethics, the Environment and Responsibility : Published online (July 2022).	T2020-06-BA	2694-6424	5.056	Q1
3	Nguyen Thi Minh Phuong, Mai Ngoc Khuong, Nguyen Ngoc Duy Phuong: Alliance Management Practices for Higher Trust, Commitment and Inter-Organizational Relationship Performance: Evidence from Travel Companies in Vietnam. Sustainability : Published online (August 2021).		20711050	3.251	Q2
4	Nguyen Thi Minh Phuong, Mai Ngoc Khuong, Nguyen Ngoc Duy Phuong: Alliance Management Practices for Higher Trust, Commitment and Inter-Organizational Relationship Performance: Evidence from Travel Companies in Vietnam. Sustainability : Published online (August 2021).		20711050	3.251	Q2
5	Nguyen Thi Minh Phuong, Mai Ngoc Khuong, Nguyen Ngoc Duy Phuong: Alliance Management Practices for Higher Trust, Commitment and Inter-Organizational Relationship Performance: Evidence from Travel Companies in Vietnam. Sustainability : Published online (August 2021).		20711050	3.251	Q2
6	Long Thang Nguyen Van, Nguyen Ngoc Duy Phuong, Thang Nguyen Quyet, Khai The Nguyen: Employee engagement in brand value co-creation: An empirical study of Vietnamese boutique hotels. Journal of Hospitality and Tourism Management : Accepted (May 2021).		1447-6770	5,444444	Q1

7	Mai Ngoc Khuong, Nguyen Ngoc Duy Phuong, Phuong Thi Minh Nguyen: International tourists' loyalty to Ho Chi Minh City destination - A mediation analysis of perceived service quality and perceived value. Sustainability 11(19): 5447 (October 2019).		2071-1050	2.075	Q2

2.2. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục Scopus

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1	Le Dinh Minh Tri, Nguyen Thanh Tan, Nguyen Ngoc Duy Phuong, Nguyen Thi Quynh Trang: The Distribution of Information Sources within the University Selection Decision-Making Process: A Longitudinal Study. Journal of Distribution Science 20(11): 89-98 (December 2022).		1738-3110	0
2	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Vi Dieu Tran, Dong Nguyen-Thanh Le: Does Organizational Citizenship Behavior Predict Organizational Commitment of Employees in Higher Education Institutions?. Frontiers in Education : Accepted (July 2022).	C2020-28-05	2504-284X	0,87
3	Le Dinh Minh Tri, Le Doan Kim Linh, Phan Vu Diem Quynh, Tran Tien Khoa, Nguyen Ngoc Duy Phuong: Participating anonymous online student communities and university brand relationship outcomes. Cogent Business & Management : Published online (July 2021).	T2019-04-BA	2331-1975	0
4	Ha Nam Khanh Giao, Bui Nhat Vuong, Nguyen Ngoc Duy		2065-1198	0

	Phuong, Ngo Tan Dat: A model of factors affecting domestic tourist satisfaction on eco-tourism service quality in the Mekong Delta, Vietnam. GeoJournal of Tourism and Geosites : Published online (June 2021).			
5	Mai Ngoc Khuong, Nguyen Ngoc Duy Phuong, Nguyen Khoa Truong An, Tran Minh Ngoc: THE EFFECTS OF MANAGERIAL PERCEPTIONS ON CSR PRACTICES AND CORPORATE FINANCIAL PERFORMANCE: AN EVIDENCE FROM VIETNAM. ENTREPRENEURSHIP AND SUSTAINABILITY ISSUES : Published online (September 2020).		2345-0282	7
6	Bui Nhat VUONG, Nguyen Ngoc Duy Phuong, Dao Duy HUAN, Tran Nhu QUAN: . A Model of Factors Affecting Entrepreneurial Intention among Information Technology Students in Vietnam. Journal of Asian Finance, Economics and Business 7(8): 461-472 (August 2020).		2288-4645	0
7	Le Dinh Minh Tri, Nguyen Ngoc Duy Phuong, Tai Anh Kieu: Ethical Consumption in Vietnam: An Analysis of Generational Cohorts and Gender. Journal of Distribution Science 18(7): 37-48 (August 2020).	20/2019/HĐ-KHCN-VƯ	1738-3110	0
8	Khai T. Nguyen, Nguyen Ngoc Duy		1923-9343	0

	Phuong, Truc T.T. Do, Anh Th. Trinh, Vu A.N. Truong: Proactive personality, value congruence, perceived organizational support, and problem prevention behavior: A reciprocal moderated mediation model. Management Science Letters 10(16): 4045-4054 (July 2020).			
9	Mai Ngoc Khuong, Nguyen Khoa Truong An, Truong Nhu Doanh, Le Dinh Minh Tri, Nguyen Ngoc Duy Phuong, Truong Lam Thanh: The impact of legal environment on business success through the practices of corporate social responsibility. Management Science Letters 10(13): 3033–3040 (May 2020).		1923-9343	0
10	Long Thang Van Nguyen, Rajkishore Nayak, Jerry Watkins, Nguyen Ngoc Duy Phuong: Drivers of social media disengagement: a study of young consumers in Vietnam. Young Consumers : Published online (September 2019).		1747-3616	https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21100299417&tip=sid&clean=
11	Le Nguyen Thanh Dong, Nguyen Ngoc Duy Phuong: Organizational Justice, Job Satisfaction and Organizational Citizenship Behavior in Higher Education Institutions: A Research Proposition in Vietnam. Journal of Asian Finance, Economics and Business 5(3): 113-119 (September 2018).		22884637, 22884645	0.19
12	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Mai Ngoc		22884637, 22884645	0.19

	Khuong, Le Huu Phuc, Le Nguyen Thanh Dong: The Effect of Two-Dimensional Factor on Municipal Civil Servants' Job Satisfaction and Public Policy Implications. Journal of Asian Finance, Economics and Business 5(3): 133-142 (September 2018).			
13	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Nguyen Tien Dat, Tran Quoc Cuong: On Application of Partial Least Square Structural Equation Modeling in Understanding Customer Purchase Intention of Supplementary Food. Global and Stochastic Analysis 5(6): 383-394 (June 2018).		22489444	0.14

2.3. Đăng trên tạp chí Quốc tế khác

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1	Mai Ngoc Khuong, Nguyen Thi Thanh Thao, Nguyen Ngoc Duy Phuong, Tran Tien Khoa: Intra-Organizational Factors Affecting Business Performance: An Empirical Study in Vietnam. Journal of Asian Finance, Economics and Business 8(10): 119-128 (September 2021).		2288-4637	0
2	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Nguyen Le Khanh Linh, Le Nguyen Thanh Dong: The Impact of Extrinsic Work Factors on Job Satisfaction and Organizational Commitment at Higher Education Institutions in Vietnam. Journal of Asian Finance, Economics and Business : Accepted (August 2021).		2288-4645	0,91
3	Bui Nhat Vuong, Nguyen Ngoc Duy Phuong, Hasanuzzaman Tushar: The effects of Psychological climate factors on job performance in joint-stock commercial banks in Vietnam. Journal of Asian Finance, Economics and Business 8(4): 1021-1032 (March 2021).		2288-4645	0,91

4	Nguyen Thi Minh Phuong, Mai Ngoc Khuong, Nguyen Ngoc Duy Phuong: The factors affecting inter-organizational relationship success in Vietnam tourism sector. Management Science Letters : Published online (January 2021).		1923-9343	2.8
5	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Ly Thien LUAN, Vu Van DONG, Nguyen Le Nhat KHANH: Examining Customers' Continuance Intentions towards E-wallet Usage: The Emergence of Mobile Payment Acceptance in Vietnam. Journal of Asian Finance, Economics and Business : Accepted (September 2020).		2288-4645	0,70
6	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Vinh Tan Nguyen, Nguyen Ngoc Thao Vo: Key determinants of repurchase intention toward organic cosmetics . Journal of Asian Finance, Economics and Business 6(3): 205-214 (July 2019).		2288-4637	https://www.scopus.com/sourceid/21100877173
7	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Le Thi Huyen Trang: Key Determinants and Effect of Organizational Commitment on Employee's Intention to Stay: A PLS-SEM Approach . The Turkish Online Journal of Design, Art and Communication 8 : 1277-1284 (September 2018).		2146-5193	0
8	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Nguyen Le Minh Anh: The Effects of Product Recall Management on Customer Attitude: The Mediating Role of Brand Reputation. International Journal of Latest Engineering and Management Research (IJLEMR) 3(6): 124-131 (June 2018).		2455-4847	0
9	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Huynh Quoc Tuan: Examining The Structural Relationships of Destination Image, Environmental Landscape, Infrastructure, Price, Financial Risk, Tourist Satisfaction and Destination Loyalty. International Journal of Applied Business and Economic Research 16(1): 113-120 (April 2018).		09727302	0
10	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Nguyen Le Minh Anh: Repurchase Intention: The Effect of Service Quality, System Quality, Information Quality, and Customer Satisfaction as Mediating Role: A PLS Approach of M-Commerce Ride Hailing Service in Vietnam. Marketing and Branding Research 2(5): 78-91 (April 2018).		2476-3160	0
11	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Nguyen Duy Long: Key Determinants and the Effects of Perceived Value on E-Commerce Repurchase Intention in Vietnam. Global Journal of Emerging Trends in e-business, Marketing and Consumer Psychology (GJETeMCP) 3(1): 367-377 (August 2017).		2311-3170	0

2.4. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Dinh Hoang Tu, Dang Thao Van Anh, Tran Anh Tu: The antecedents and outcomes of export market orientation: A bibliometric review. HCMC Open University Journal of Science - Economics and Business Administration 12(2): 44-64 (April 2022).		2734-9314	
2	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Nguyen Thanh Han: Ứng dụng mô hình ROPMIS đánh giá sự hài lòng khách hàng về chất lượng dịch vụ khai thác bãi Container. Kinh tế và Dự báo 12(4): 29-32 (April 2022).		0866-7120	
3	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Le Nguyen Thanh Dong: Organizational citizenship behavior: Scale development and validation. HCMC Open University Journal of Science 11(1): 15-24 (November 2021).		2734-9357	
4	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Dương Hoài Ngọc: Tác động của thực tiễn quản lý nguồn nhân lực đến hiệu suất tổ chức tại các ngân hàng thương mại: Vai trò trung gian của đổi mới tổ chức. Kinh tế và Dự báo : Accepted (January 2021).		0866-7120	
5	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Le Dinh Minh Tri, Vo Tuong Huan, Trần Quốc Cường, Trinh Thi Thuy Duong: Mối quan hệ giữa hành vi đồng tạo sinh giá trị, sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng lĩnh vực y tế. Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh 15(2): 100 (November 2020).		1859-3453	
6	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Trịnh Thị Thuỳ Dương: Mối quan hệ giữ hành vi tham gia của bệnh nhân và lòng trung thành đối với cơ sở khám chữa bệnh. Kinh tế và Dự Báo : Accepted (September 2020).		0866-7120	
7	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Ly Thien Luan, Huynh Quoc Phong: The emergence of mobile payment acceptance in Vietnam: A exploratory study. Journal of Development and Integration : (September 2020).		1859-428X	
8	Giang Hán Minh, Nguyen Ngọc Duy Phuong, Huynh Thanh Tu: Đề xuất khung phân tích về vốn tâm lý, căng thẳng nghề nghiệp và sự gắn kết với công việc của các nhân viên y tế. Kinh tế và Dự báo : Accepted (September 2020).		0866-7120	
9	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Quang Ngoc Thuy Van, Nguyen Duc Dung: The effect of perceived educational support, self-efficacy and planned behavior predictors on entrepreneurial intention of Ho Chi Minh City university students. Journal of Science Ho Chi Minh City Open University 10(2): 149-163 (June 2020).		1859-3453	
10	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Nguyen Xuan Vinh: Các nhân tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng thương mại điện tử trong các Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bến Tre. Kinh tế và Dự báo 15(5): 3-7 (May 2020).		0866-7120	
11	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Tran Hoai Nam: Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thực thi chính sách công của cán bộ, công chức Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Kinh tế và Dự báo 33(11): 50 (November 2019).		0866-7120	
12	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Mai Thị Thanh Trang, Trương Ngọc Anh Vũ: Mối quan hệ giữa chính sách duy trì nguồn nhân lực và lòng trung thành nhân viên: nghiên cứu trường hợp tập đoàn Hoa Sen. Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh 14(5): 92-106 (October 2019).			
13	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Đinh Kiệm, Huỳnh Văn Hậu: Nâng cao chất lượng dịch vụ và giữ chân khách hàng tại khu du lịch Hồ Tràm Osaka. Kinh tế và Dự báo 27(9): 27-30 (September 2019).		0866-7120	
14	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Đinh Kiệm, Huỳnh Văn Hậu: Nâng cao chất lượng dịch vụ và giữ chân khách hàng tại khu du lịch Hồ Tràm Osaka. Tạp chí Kinh tế và Dự báo 9(27): 27-30 (September 2019).			

15	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Nguyễn Tiến Chí: Hàm ý chính sách nâng cao động lực làm việc của cán bộ, công chức và người lao động tại nhà máy Z735 Quân khu 7. Tạp Chí Công Thương 5(8): 271-278 (May 2019).			
16	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Huỳnh Thụy Thùy Linh: Đo lường cung ứng dịch vụ hành chính công cấp Quận theo kinh nghiệm thực tiễn của doanh nghiệp và người dân Quận Gò Vấp, TPHCM. Tạp Chí Công Thương 3(3): 105-110 (March 2019).			
17	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Đào Thu Hương: Đo lường động lực phụng sự công của công chức các cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước. Tạp Chí Công Thương 3(3): 105-110 (March 2019).			
18	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Trần Thị Việt Anh: Hàm ý chính sách nâng cao động lực làm việc của cán bộ công chức Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh. Vietnam Trade and Industry Review 16(12): 132-139 (December 2018).		08667756	
19	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Phung Van Cuong: Mối quan hệ giữa động lực phụng sự công, sự hài lòng công việc, nhận diện của tổ chức và hành vi công dân trong tổ chức khu vực công: Nghiên cứu tại Huyện Đạ Tẻh - Tỉnh Lâm Đồng. Vietnam Trade and Industry Review 16(12): 117-123 (December 2018).		08667756	
20	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Vũ Thị Hương: Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định gửi tiền tiết kiệm của khách hàng cá nhân - Nghiên cứu tại ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam, Khu vực tỉnh Lâm Đồng. Vietnam Trade and Industry Review 14(11): 278-284 (November 2018).		08667756	
21	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Pham Thai Son: Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi chia sẻ tri thức của nhân viên ngân hàng - Nghiên cứu tại ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam, Khu vực tỉnh Lâm Đồng. Vietnam Trade and Industry Review 14(11): 289-294 (November 2018).		08667756	
22	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Nguyen Manh Viet: Ứng dụng mô hình SERVQUAL đo lường mối quan hệ giữa chất lượng dịch vụ cảm nhận và sự hài lòng của doanh nghiệp và người dân đối với dịch vụ Công tại Huyện Đa Tẻh - Tỉnh Lâm Đồng. Vietnam Trade and Industry Review 16(12): 206-213 (November 2018).		08667756	
23	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Nguyen Van Nam: Đo lường cung ứng dịch vụ công cấp quận theo kinh nghiệm thực tiễn của doanh nghiệp và người dân: Hàm ý thực thi chính sách. Vietnam Trade and Industry Review 7(5): 218 - 224 (May 2018).		08667756	
24	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Đặng Trần Quang Tuấn, Nguyễn Bảo Vi: Gắn kết tổ chức trong thời kỳ hội nhập: Nghiên cứu bối cảnh ngành Công nghiệp Dệt may. Vietnam Trade and Industry Review 6(4): 213-219 (April 2018).		08667756	
25	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Tran Ba Sang: Sự gắn kết của người lao động với tổ chức: Nghiên cứu bối cảnh tổng công ty vốn nhà nước. Vietnam Trade and Industry Review 3(3): (March 2018).		08667756	
26	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Do Anh Thao: Mối quan hệ giữa thuộc tính bên trong và bên ngoài của chất lượng sản phẩm với ý định mua hàng: Trường hợp sản phẩm xe gắn máy tay ga. Vietnam Trade and Industry Review 2(2): 131-136 (February 2018).		08667756	
27	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Doan Le Thuy Duong: Ứng dụng mô hình chấp nhận công nghệ (TAM) đo lường hành vi mua điện thoại thông minh. Vietnam Trade and Industry Review 1(1): 299-305 (January 2018).		08667756	
28	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Huynh Nguyet Tu: Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên VNPT tại Bình Dương. Vietnam Trade and Industry Review 13(12): 90-95 (December 2017).		08667756	
29	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Le Duc Ngon: Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của ngân hàng thương mại cấp chi nhánh: Nghiên cứu khám phá. Vietnam Trade and Industry Review 13(12): 211-217 (December 2017).		08667756	
30	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Tran Duc Toan: Ứng dụng mô hình PSM đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc khu vực công. Vietnam Trade and Industry Review 13(12): 103-109 (December 2017).		08667756	

2.5. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1	Luu Quang Minh, Nguyen Ngoc Duy Phuong: From service recovery to post-recovery customer satisfaction: A review the role of customer control and transparency. In proceedings ofThe 4th International conference on Business. ISBN 978-604-79-3072. Ho Chi Minh City, Vietnam: (November 2021).		978-604-79-3072	
2	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Tran Yen Xuan, Nguyen The Khai: Talent management in the public sector: A SLR approach. In proceedings ofThe 4th International conference on Business HCMC Open University, HCMC. ISBN 978-604-79-3072-2. Ho Chi Minh City, Vietnam: (November 2021).		978-604-79-3072-2	
3	Pham Ngoc Quynh Nhu, Nguyen Ngoc Duy Phuong, Nguyen The Khai: Talent retention: A critical review. In proceedings ofThe 4th International conference on Business HCMC Open University, HCMC. ISBN 978-604-79-3072-2. Ho Chi Minh City, Vietnam: (November 2021).		978-604-79-3072-2	
4	Nguyen Thi Minh Phuong, Mai Ngoc Khuong, Nguyen Ngoc Duy Phuong: Alliance Management Practices for Higher Trust, Commitment and Inter-Organizational Relationship Performance: Evidence from Travel Companies in Vietnam. , ISBN 20711050. : (August 2021).		20711050	
5	Nguyen Thi Minh Phuong, Mai Ngoc Khuong, Nguyen Ngoc Duy Phuong: Alliance Management Practices for Higher Trust, Commitment and Inter-Organizational Relationship Performance: Evidence from Travel Companies in Vietnam. , ISBN 20711050. : (August 2021).		20711050	
6	Le Dinh Minh Tri, Tan T. Nguyen, Nhi V. Le, Tran Tien Khoa, Nguyen Ngoc Duy Phuong: How Vietnamese students select universities: A study proposal. In proceedings ofAssociation of Collegiate Marketing Educators Conference. ISBN 2476-2555. USA: (March 2021).		2476-2555	
7	Tai Anh Kieu, Nguyen Ngoc Duy Phuong, Nguyen The Khai: Artificial intelligence-enabled marketing in emerging economies: A review and research agenda. In proceedings of. ISBN 978-604-79-2604-6. Ho Chi Minh City, Vietnam: (November 2020).		978-604-79-2604-6	
8	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Le Nguyen Thanh Dong, Nguyen Le Khanh Linh: Employee's perceived fairness in staff-organization relations: A conceptual model research organization citizenship behaviors in higher education context. In proceedings ofThe first international conference on science, economics and society studies UEF 2020. ISBN 978-604-79-2604-6. Ho Chi Minh City, Vietnam: (November 2020).		978-604-79-2604-6	
9	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Nguyen Le Khanh Linh, Le Nguyen Thanh Dong: Job satisfaction in higher education: Key determinants and measurements. In proceedings ofThe first international conference on science, economics and society studies UEF 2020. ISBN 978-604-79-2604-6. Ho Chi Minh City, Vietnam: (November 2020).		978-604-79-2604-6	
10	Đinh Kiệm, Nguyen Ngoc Duy Phuong, Trần Quốc Việt: NHẬN DIỆN CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH LOGISTICS VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ. In proceedings ofHUFLIT International Conference 2020. ISBN 978-604-9985-00-3. http://vap.ac.vn/proceedingvap/proceeding/detail/view/6: (October 2020).		978-604-9985-00-3	
11	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Truong Huyen Dieu: A conceptual model of cultural impact on entrepreneurial intention of university students. In proceedings ofProceeding of The 2nd		978-604-73-7383-3	

	International Conference on Economics, Business and Tourism (ICEBT - 2020). ISBN 978-604-73-7383-3. Ho Chi Minh City, Vietnam: (January 2020).			
12	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Nguyen Bao Han: Conceptual perspective on intention to repurchase drugstore cosmetics from Facebook based online stores of young consumers. In proceedings ofProceeding of The 2nd International Conference on Economics, Business and Tourism (ICEBT - 2020). ISBN 978-604-73-7383-3. Ho Chi Minh City, Vietnam: (January 2020).		978-604-73-7383-3	
13	Nguyen Thi Minh Phuong, Nguyen Ngoc Duy Phuong: Determinants of features impact on leadership behaviors towards organization commitment through the mediation of employee job satisfaction – an empirical study on Vietnamese tourism sector of Ho Chi Minh city. In proceedings ofProceeding of The 2nd International Conference on Economics, Business and Tourism (ICEBT - 2020). ISBN 978-604-73-7383-3. Ho Chi Minh City, Vietnam: (January 2020).		978-604-73-7383-3	
14	Long Nguyen, Nguyen Ngoc Duy Phuong, Thanh Huynh Pham, Nguyen Hoang Nguyen: The influence of corporate social responsibility activities on brand love: the conceptual framework for emerging brands in Vietnam. In proceedings ofProceeding of The 2nd International Conference on Economics, Business and Tourism (ICEBT - 2020). ISBN 978-604-73-7383-3. Ho Chi Minh City, Vietnam: (January 2020).		978-604-73-7383-3	
15	Nguyen Thi Minh Phuong, Nguyen Ngoc Duy Phuong: A critical review of inter-organizational relationships and its application in Tourism industry. In proceedings of1st International Conference on Economics, Business and Tourism (ICEBT-2019). ISBN 978-604-73-7056-6. HCMIU: (June 2019).		978-604-73-7056-6	
16	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Vo Ngoc Thao Nguyen: A conceptual model of the antecedents of organic cosmetic repurchase intention. In proceedings ofNIDA International Business Conference. ISBN 978-616-482-005-0. Bangkok, Thailand: (March 2019).		978-616-482-005-0	
17	Nguyen Thi Huong Thanh, Nguyen Ngoc Duy Phuong: Exploring customer satisfaction in fast food industry: A descriptive analysis. In proceedings ofGlobal Conference on Business, Hospitality and Tourism Research. ISBN 978-1-7321275-2-4. Hoa Sen University : (October 2018).		978-1-7321275-2-4	
18	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Mai Ngoc Khuong, Thai Hoang Quoc, Le Nguyen Thanh Dong: Ethical Leadership, Organizational Justice and Supporting Environment on Employee Engagement: Empirical Evidences for Public Policy Implications. In proceedings ofThe 2018 International Conference of Business and Economics. ISBN 978-981-10-4360-4. Korea: Korea Distribution Science Association (June 2018).		978-981-10-4360-4	
19	Le Nguyen Thanh Dong, Nguyen Ngoc Duy Phuong: The Impact of Organizational Justice on Employee's Job Satisfaction and Organizational Citizenship Behavior in Higher Education Institutions: A Conceptual Model and Research Propositions. In proceedings ofThe 2018 International Conference of Business and Economics. ISBN 978-981-10-4360-4. Korea: Korea Distribution Science Association (June 2018).		978-981-10-4360-4	
20	Nguyen Le Thanh Dong, Nguyen Ngoc Duy Phuong: The Impact of Organizational Justice on Employee's Job Satisfaction and Job Performance: A PLS-SEM Approach. In proceedings ofTHE 2018 UHD-CTU-UEL International Economics and Business Conference. ISBN 978-981-10-4360-4. Korea: (May 2018).		978-981-10-4360-4	
21	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Bui Thuong Thuong: Effects of perceived ease of use, confirmation, perceived usefulness and satisfaction on online purchase intention. In proceedings ofNIDA International Business Conference 2018 - Dealing with Disruption. ISBN 978-974-231-986-1. Thailand: (March 2018).		978-974-231-986-1	
22	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Tran Quang Thai Hien: Key determinant and effect of attitude toward online shopping on customers' purchase intention: A PLS-SEM approach. In proceedings ofNIDA International Business Conference 2018 - Dealing with Disruption. ISBN 978-974-231-986-1. Thailand: (March 2018).		978-974-231-986-1	

23	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Nguyen Thanh Thao: A Study of Fashion-oriented Impulse Buying: The Mediating Role of Fashion Involvement. In proceedings ofThe Sixth International Conference on Entrepreneurship and Business Management. ISBN 977-2-5987-9700-6. Hà Nội, Việt Nam: (November 2017).		977-2-5987-9700-6	
24	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Le Thi Huyen Trang: Factors Affecting Employee's Intention to Stay through Organizational Commitment: Evidence from Big-Four Auditing Firms in Vietnam. In proceedings ofAnnual Vietnam Academic Research Conference on Global Business, Economics, Finance & Management Sciences. ISBN 978-1-943579-61-7. Hai Phong, Vietnam: (August 2017).		978-1-943579-61-7	
25	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Nguyen Thanh Thao: The Effect of Materialism, Self-Monitoring, and Media Influence on Fashion Clothing Involvement: A Study among Vietnamese Consumers. In proceedings ofAnnual Vietnam Academic Research Conference on Global Business, Economics, Finance & Management Sciences. ISBN 978-1-943579-61-7. Hai Phong, Vietnam: (August 2017).		978-1-943579-61-7	

2.6. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Dinh Hoang Tu: The impact of corporate social responsibility campaigns on generation z buying behavior in a e-commerce platform during emergence situation. In proceedings ofHội thảo khoa học quốc gia về quản trị, tài chính, kế toán và thương mại (BFAC2022). ISBN 978-604-79-3149-1. Ho Chi Minh City, Vietnam: (May 2022).		978-604-79-3149-1	
2	Huynh Nhat Nhu Vy, Nguyen Ngoc Duy Phuong: E-learning: A review on its limitation from different conceptions of expectation and learning among Vietnamese higher-education students. In proceedings ofHội thảo khoa học quốc gia 2021 Blended learning. ISBN 978-604-80-6126-5. Ho Chi Minh City, Vietnam: (December 2021).		978-604-80-6126-5	
3	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Nguyen Nhat Minh: Perspectives in using information and communication technology in universtiy. In proceedings ofProceeding of The 1st International Conference on Economics, Business and Tourism. ISBN 978-604-73-7056-6. HCMIU: (June 2019).		978-604-73-7056-6	
4	Nguyen Ngoc Duy Phuong, Ly Thien Luan: What is interdependence relationship of supply chain management in higher education. In proceedings ofProceeding of The 1st International Conference on Economics, Business and Tourism. ISBN 978-604-73-7056-6. HCMIU: (June 2019).		978-604-73-7056-6	

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(Chỉ ghi mã số)*	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(Chỉ ghi mã số)*	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

4. Ứng dụng thực tiễn

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

TP.HCM, ngày 1 tháng 2 năm2023

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

Người khai



Nguyễn Ngọc Duy Phương



LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: Hà Minh Trí

2. Ngày sinh: 19 tháng 12 năm 1970 **3. Nam/nữ:** Nam

4. Nơi đang công tác:

Trường/viện: Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc Gia, Tp. HCM

Phòng/ Khoa: Quản Trị Kinh Doanh

Bộ môn: Marketing

Phòng thí nghiệm:

Chức vụ: Giảng viên

5. Học vị: Tiến sĩ **năm đạt:** 2015

6. Học hàm: **năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	**Địa chỉ**	Khu phố 6, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, Tp.HCM	6 đường 817 Tạ Quang Bửu, P5, Q8, Tp.HCM
2	**Điện thoại/ fax**	(028) 37244270	0903189699
3	**Email**	hmtri@hcmiu.edu.vn	trihaminh5@gmail.com
4	**Website**	https://www.hcmiu.edu.vn/Gioi-thieu-About-IU	

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
1	Anh ngữ	x			x			x			x		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
Từ 11/2017 -> nay	Trường ĐH Quốc tế, ĐH Quốc gia TPHCM	Giảng viên
Từ 10/2015 -> 10/2017	Khoa Xã hội học-Công tác xã hội-Đông Nam Á Trường ĐH Mở TPHCM, 97 Võ Văn Tần, Q3, TPHCM	Phó trưởng khoa-Phụ trách khoa
Từ 03/2015 -> 09/2015	Khoa XHH-CTXH-ĐNA Trường ĐH Mở TPHCM, 97 Võ Văn Tần, Q3, TPHCM	Phó trưởng khoa
2005-2009	Nhiều tổ chức, dự án/chương trình phát triển, một số trường	Chuyên gia tư vấn độc

	đại học	lập, Giảng viên
2004-2005	Tổ chức ACDI-VOCA, Tp. Hồ Chí Minh	Điều phối viên về giám sát-đánh giá
2003-2004	Tổ chức The Norwegian Mission Alliance, Tp. Hồ Chí Minh	Điều phối viên dự án
2000-2002	Tổ chức CARE Quốc tế tại Việt Nam	Điều phối viên vùng đệm – Dự án Bảo tồn và Phát triển Vườn Quốc gia U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang
1999-2000	Tổ chức CARE Quốc tế tại Việt Nam	Quản lý dự án
1993-1995	Xí nghiệp Ô tô Saigontourist, Tp. Hồ Chí Minh	Cán bộ phòng Kế hoạch – Kinh doanh

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
Tiến sĩ	2009-2015	Vương quốc Bỉ	Development Studies	An analysis of evaluation influence in the context of socio-economic development plan implementation in Vietnam – the case of Hai Lang district, Quang Tri province.
Thạc sĩ	1995-1997	Việt Nam	Development Economics	Rural reforms, structural change and agricultural growth in Vietnam
Cử nhân	1988-1992	Việt Nam	Kinh tế vận tải	
Cử nhân	1989-1992	Việt Nam	Anh ngữ	

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- **Lĩnh vực:** Quản trị Kinh doanh
- **Chuyên ngành:** Marketing, Quản Trị Công
- **Chuyên môn:** Kinh tế Phát triển, Nghiên cứu Phát triển

2. Quá trình nghiên cứu

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*
1	Vốn xã hội và sự thành công của lao động di cư đến Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố	2014-2016	470	Tham gia	12/2016	Xuất sắc
2	Vốn xã hội với sự thành công trong tìm việc làm của sinh viên tốt	B2017-MBS-04,	2017-2019	190	Tham gia	Chưa	

	nghiệp đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh	cấp Bộ					

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	*Tên SV, HVCH, NCS*	*Tên luận án*	*Năm tốt nghiệp*	*Bậc đào tạo*	*Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)*
1	Đặng Lê Hải An	An analysis on the impact of packaging's elements on customer purchase intention	2017	Đại học	
2	Lê Thái Thư	Attitudes toward mobile advertising	2017	Đại học	
3	Lương Vũ Ngọc Anh	Patient's satisfaction on healthcare service at Gia Dinh People's hospital in Ho Chi Minh city	2017	Đại học	
4	Nguyễn Hà Thái Sang	Phân tích hoạt động cho vay bất động sản đối với khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP Sài gòn Thương tín – chi nhánh Gò Vấp	2017	Đại học	
5	Huỳnh Nguyễn Chí Hải	The impacts of celebrity endorsement on customer's brand perception in vietnam mareket-the case of hochiminh city	Chưa	Thạc sĩ	
6	Nguyễn Thị Minh Thảo	Đánh giá sự hài lòng của người lao động thất nghiệp về việc giải quyết chế độ Bảo hiểm thất nghiệp tại Trung tâm dịch vụ việc làm Bình Dương	2018	Thạc sĩ	
7	Nguyễn Thị Phương Dung	Các yếu tố ảnh hưởng đến nợ thuế của doanh nghiệp tại tỉnh Bình Thuận	2017	Thạc sĩ	
8	Nguyễn Thị Thu Hằng	Tác động của FDI đến việc làm tại các địa phương ở Việt Nam giai đoạn 2008 - 2014	2016	Thạc sĩ	
9	Huỳnh Thanh Trúc	Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình dân tộc thiểu số tại huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	2016	Thạc sĩ	
10	Văn Thị Thanh Chi	Phân tích tác động của chính sách khuyến công đến quy mô lao động của cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2005 – 2015	2017	Thạc sĩ	

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*

		(chỉ ghi mã số)		bản		
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh
1						
2						

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1	Ha Minh Tri, & Nguyen Van Phuc. (2017). Factors Affecting Evaluation Influence in the Public Sector of Cam Lo District, Vietnam. *International Review of Management and Marketing*, 7(1), 309-318.		21464405	

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1	Le Long Hau, De Ceuster Marc J.K., Plasmans Joseph, Le Tan Nghiem, Ha Minh Tri, Do Vietnamese State-Dominated Listed Firms Face Finance Constraints?, Journal of Science HCMC Open University, No. 2(18), 76-88, 2016.		1859-3453	
2	Ha Minh Tri, Evaluation use and influence – A review of related literature, Journal of Science HCMC Open University, No. 2(14), 96-104, 2015.		1859-3453	
3	Hà Minh Trí, Lê Long Hậu, Sự tham gia của Xã hội Dân sự trong công tác Giám sát và Đánh giá lĩnh vực Hỗ trợ Phát triển Chính thức tại Việt Nam, Journal of Science HCMC Open University, 28-39, 2012.		1859-3453	

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1	Nguyễn Bảo Thanh Nghi, Đỗ Hồng Quân, Hà Minh Trí, Distance Education and MOOC at HCMC Open University, The International Conference on Education and Social Integration (ICESI), 11-8-2016,		978-0-99453 91-0-6	

	Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Tp.HCM.			

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1	Hà Minh Trí, Nguyễn Trùng Dương, Gia đình trẻ ở Thành phố Hồ Chí Minh – Thực trạng và khuynh hướng phát triển, tháng 6/2015, Trường Đại học Mở Tp.HCM			
2	Hà Minh Trí, Sử dụng Kết quả Đánh giá – Rà soát các tài liệu thứ cấp, Nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn phục vụ Phát triển Kinh tế - Xã hội tỉnh An Giang, tháng 7/2012, Trường Đại học An Giang.			

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	*Thời gian*	*Tên chương trình*	*Chức danh*
1	Tháng 3-10/2017	Fostering multi-lateral knowledge networks of transdisciplinary studies to tackle global challenges (KNOTS)	Project Manager

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	*Thời gian*	*Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị*	*Chức danh*
1	2/2008-nay	American Evaluation Association (AEA)	Member
2	7/2015-nay	International Development Evaluation Association (IDEAS)	Member

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	*Thời gian*	*Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu*	*Nội dung tham gia*
1	2015 - nay	Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM	Chấm luận văn thạc sĩ Giảng viên
2	Tháng 11/2017 - nay	Trường Đại học Mở Tp.HCM	Giảng viên
3	Tháng 12/2017-tháng 1/2018	Trường Đại học Quốc tế Sài gòn	Giảng viên
4	Tháng 1/2018 - nay	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Giảng viên

TP.HCM, ngày ..... tháng..... năm .....
Thủ trưởng Đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

TP.HCM, ngày 5 tháng 02 năm 2018
Người khai
(ký tên)



Hà Minh Trí

Đại học Quốc gia
Thành phố Hồ Chí Minh

(Biểu mẫu 2)

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Thông tin trong 5 năm gần nhất và có liên quan trực tiếp đến đề tài/dự án đăng ký)



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: VŨ THUÝ MAI UYÊN

2. Ngày sinh: 04/02/1990

3. Nam/nữ: NỮ

4. Nơi đang công tác: ……

Trường/viện: ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Phòng/ Khoa: KHOA KINH TẾ, TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN

Bộ môn: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Phòng thí nghiệm:……

Chức vụ: GIẢNG VIÊN

5. Học vị: THẠC SĨ năm đạt: 2014

6. Học hàm: …… năm phong: ……..

7. Liên lạc: ……

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	**Địa chỉ**	KHU PHỐ 6, P. LINHT RUNG, TP. THHỦ ĐỨC, TP.HCM	28 ĐƯỜNG 30B TRẦN NÃO, P. AN KHÁNH, TP. THỦ ĐỨC, TP.HCM
2	**Điện thoại/ fax**		0968893688
3	**Email**	vtmuyen@hcmiu.edu.vn	vtmuyen@hcmiu.edu.vn

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
1	TIẾNG ANH	X			X			X			X		
2													

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
Từ 2016 đến nay	**Trường Đại học Quốc tế**	**Giảng viên**
Từ 2014 đến 2016	**Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Vua Cà Phê**	**Trợ lý Giám đốc tài chính**

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
Đại học	2008 – 2012	Trường Đại học Quốc tế	Quản trị kinh doanh	
Thạc sỹ	2012 – 2014	University of South Florida	Tài chính	
Tiến sỹ				
Tiến sỹ Khoa học				

11. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

11.1 Lĩnh vực chuyên môn:……..

- **Lĩnh vực: Tài chính Ngân hàng**
- **Chuyên ngành: Tài chính**
- **Chuyên môn: ……**

11.2 Hướng nghiên cứu:

1. Tài chính hành vi
2. …….

……...

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Đề tài/dự án

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*
1							
2							

2. Hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	*Tên SV , HVCH, NCS*	*Tên luận án*	*Năm tốt nghiệp*	*Bậc đào tạo*	*Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)*
1				Đại học	
2				Thạc sỹ	
				Tiến sỹ	

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của*	*Nhà xuất bản*	*Năm*	*Tác giả/*	*Bút*

		đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*		*xuất bản*	*đồng tác giả*	*danh*
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án* *(chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*
1						
2						

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án* *(chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISSN* *(ghi rõ thuộc ISI hay không)*	*Điểm IF*
1	Vu Thuy Mai Uyen: Impact of COVID-19 on stock market performance: The evidence in Vietnam. International Journal of Social Science and Economic Research: Published online (August 2022).		2455-8834	
2	Pham Thi Van Anh, Vu Thuy Mai Uyen: DOES BANK RISK DRIVE COMPETITION IN ASIAN EMERGING MARKETS? International Journal of Social Science and Economic Research: Published online (May 2020).		2455-8834	

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án* *(chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISSN*	*Ghi chú*
1				
2				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án* *(chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISBN*	*Ghi chú*
1				
2				

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án* *(chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISBN*	*Ghi chú*

1				
2				

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	*Tên giải thưởng*	*Nội dung giải thưởng*	*Nơi cấp*	*Năm cấp*
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế (patent)

TT	*Tên bằng*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án* *(chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	*Tên giải pháp*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án* *(chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	*Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao*	*Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng*	*Năm chuyển giao*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án* *(chỉ ghi mã số)*
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	*Thời gian*	*Tên chương trình*	*Chức danh*

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	*Thời gian*	*Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị*	*Chức danh*

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	*Thời gian*	*Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu*	*Nội dung tham gia*
1	08/05/2018	ACCA Việt Nam	Tham gia lớp tuấn F2 của ACCA

Ngày 27 tháng 02. năm 2023.
Người khai
(Họ tên và chữ ký)

VŨ THUÝ MAI UYÊN

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: NGUYỄN TRẦN NGUYÊN KHAI

2. Ngày sinh: 27/05/1990 **3. Nam/nữ: NAM**

4. Nơi đang công tác:

- *Trường/viện:* Trường Đại học Quốc Tế - ĐHQG TPHCM
- *Phòng/ Khoa:* Khoa Quản Trị Kinh Doanh
- *Bộ môn:* Quản trị Nhà Hàng Khách Sạn
- *Phòng thí nghiệm:*
- *Chức vụ:* Giảng viên

5. Học vị: THẠC SỸ **năm đạt: 2015**

6. Học hàm: **năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	**Địa chỉ**	Khu Phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức	3C1Đường 21 Trần Não, P.Bình An, Q2, TPHCM
2	**Điện thoại/ fax**	(08) 372 44270	0975.336.353
3	**Email**	ntnkhai@hcmiu.edu.vn	khainguyenminh@gmail.com
	Website	www.hcmiu.edu.vn	

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
1	Tiếng Anh	x			x			x			x		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
02/2012 – 10/2012	Officience	Nhân viên phân tích dữ liệu
10/2012 – 8/2015	Đại học Quốc Tế -ĐHQG	Trợ giảng
8/2015 - Nay	Đại học Quốc Tế -ĐHQG	Giảng viên

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
Cử nhân	2008-2012	ĐH Quốc Tế - ĐHQG	QTKD – Marketing	

Thạc sĩ	2014-2015	Bournemouth University	Quản trị du lịch và Marketing	Student motivations to study abroad and their travel behaviours – The case of Vietnamese students in UK

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- **Lĩnh vực: Du lịch**
- **Chuyên ngành: Marketing**
- **Chuyên môn:**
- *Hướng nghiên cứu: Hành vi tiêu dùng, marketing cho du lịch lữ hành, online marketing*

2. Quá trình nghiên cứu

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*
	Xây dựng và quảng bá mô hình du lịch cộng đồng tại làng Kon Bring, làng Viôlắc trên địa bàn huyện Kon Plông		12/2015-7/2016	~ 400		7/2016	

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	*Tên SV ,HVCH, NCS*	*Tên luận án*	*Năm tốt nghiệp*	*Bậc đào tạo*	*Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)*
	Sinh viên đại học (6 SV)				

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của*	*Nhà xuất*	*Năm xuất*	*Tác giả/*	*Bút danh*

		đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	*bản*	*bản*	*đồng tác giả*	

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISSN*	*Điểm IF*

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISSN*	*Điểm IF*
1	Mai Ngoc Khuong, Nguyen Tran Nguyen Khai, Pham Thanh Huyen, Nguyen Vo Hoai Thuong, Nguyen Thi Minh Phuong, 2016: Factors affecting employee performance through a mediation of job satisfaction: An Empirical study ò hospitality industry in HCMC, Vietnam. Journal of Science HCM Open University, Vol 2 (18)		1859 - 3453	
2	Mai Ngoc Khuong, Nguyen Tran Nguyen Khai, Do Ai Dao, 2016: Factors affecting Chinese tourist's loyalty towards Ho Chi Minh City – A mediation analysis of tourist' perceived value Vietnam, Journal of Science HCM Open University, Vol 19 p23-34		1859 - 3453	
3	Nguyen Tran Nguyen Khai, 2017. Student motivations to study abroad – an empirical study of Vietnamese students in UK, Journal of Science HCM Open University, 7 (4) p103-111		1859 - 3453	

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1	Higher education and immediate entrepreneurship intension after graduation – An empirical study of Students of Vietnam National University HCMC, International Conference of Vietnam Study, Ha Noi, 15-16 Dec 2016. Ha Noi: Dai hoc Quoc Gia Ha Noi			
2	Giáo dục đại học và ý định khởi nghiệp ngay sau khi tốt nghiệp của sinh viên trường ĐHQG TPHCM - Gợi ý chính sách nguồn nhân lực cho tỉnh An Giang, Paper presented at Phát triển nguồn nhân lực phục vụ ngành kinh tế mũi nhọn tỉnh An Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. (April 2017)			

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	*Tên giải pháp*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	*Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao*	*Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng*	*Năm chuyển giao*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	*Thời gian*	*Tên chương trình*	*Chức danh*

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	*Thời gian*	*Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị*	*Chức danh*

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	*Thời gian*	*Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu*	*Nội dung tham gia*

TP.HCM, ngày ..... tháng..... năm .....
Thủ trưởng Đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

TP.HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2018 .
Người khai
(ký tên)

NGUYỄN TRẦN NGUYÊN KHAI

Đại học Quốc gia
Thành phố Hồ Chí Minh

Biểu mẫu 2 – Lý lịch khoa học

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Chỉ nêu thông tin trong 3 năm gần nhất)



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: Nguyễn Như Tỷ

2. Ngày sinh: 20/05/1986

3. Nam/nữ: Nam

4. Nơi đang công tác:

Trường/viện: **Trường Đại học Quốc tế**

Phòng/ Khoa:Quản trị Kinh doanh

Bộ môn: Business Management

Phòng thí nghiệm:

Chức vụ: Giảng viên, Trợ lý Giáo vụ chương trình NCS

5. Học vị: Tiến sĩ **năm đạt: 1/2015**

6. Học hàm: **năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	**Địa chỉ**	Khu phố 6, P. Linh Trung, Thủ Đức	**Số 18, tổ 5, Kp 1, Phường Bửu Long, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai**
2	**Điện thoại/ fax**		
3	**Email**	nhutynguyen@hcmiu.edu.vn	nhutynguyen@gmail.com

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
1	Tiếng Anh	v			v			v			v		
2	Tiếng Trung		v			v				v			v

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
Từ 10/2016	**Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Quốc tế**	**Giảng viên, Trợ lý Giáo vụ**

1

nay		
Từ 2015 đến nay	**Đại học Mở, Tp. HCM, Đại học Tài chính Marketing**	**Thỉnh giảng MBA**
Từ 9/2009 đến 10/2016	**Đại học Lạc Hồng**	**Giảng viên**

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
Đại học	2005 - 2009	ĐH Tôn Đức Thắng	Tiếng Anh thương Mại	
Thạc sỹ	2010-2012 2012-2015	- National Kaohsiung University of Applied Sciences - National Kaohsiung First University of Technology and Science	- Quản lý Công nghiệp - TESOL & Linguistics	- Predicting the Numbers of Students and Faculty Members in Vietnamese Tertiary Institutions by Using Grey System Theory - An Empirical Study on the Attitudes of Non-English Majors towards English Learning in Taiwanese and Vietnamese Universities
Tiến sỹ	2012-2015	National Kaohsiung University of Applied Sciences	Quản lý Công nghiệp	An Integrating Approach of Grey Theory, Neural Network and DEA Model on Strategic Alliance of Indian Mining Industry

11. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

11.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- **Lĩnh vực: Quản trị Kinh doanh**
- **Chuyên ngành: Quản trị Sản xuất và Điều hành**
- **Chuyên môn: Đánh giá hoạt động, dự báo, Quản trị Dự án**

11.2 Hướng nghiên cứu:

1 Quản trị Sản xuất và Điều hành

2 Dự báo

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Đề tài/dự án

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*
1							
2							

2. Hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	*Tên SV , HVCH, NCS*	*Tên luận án*	*Năm tốt nghiệp*	*Bậc đào tạo*	*Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)*
1	Nguyễn Vân Thùy Trang	A Study of Strategic Alliance for Asean Aviation Industry: The Application of Dea Model and Grey System	2017	Đại học	
2	Nguyễn Xuân Khoa	A STUDY OF THE STRATEGIC ALLIANCE FOR VIETNAM DOMESTIC PHARMACEUTICAL INDUSTRY: THE APPLICATION OF A HYBRID DEA AND GM (1,1) APPROACH	2017	Thạc sỹ	
3	Trần Lê Phương Thảo	THE SELECTION STRATEGIC ALLIANCE PARTNER IN VIETNAM FERTILIZER INDUSTRY USING GREY THEORY AND DEA	2017	Thạc sỹ	
				Tiến sỹ	

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*
1						
2						

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)*	*Điểm IF*
1	Wang, C. N., Nguyen, N. T., & Tran, T. T. (2014). An empirical study of customer satisfaction towards bank payment card service quality in Ho		ISSN 1916-971X (Print) ISSN 1916-	

3

	Chi Minh banking branches. *International Journal of Economics and Finance*, *6*(5), 170.		9728 (Online) Non-ISI	
2	Chia-Nan, W., & Ty, N. N. (2013). Forecasting the manpower requirement in Vietnamese tertiary institutions. *Asian Journal of Empirical Research*, *3*(5), 563-575.		Online ISSN: 2224-4425 Print ISSN: 2306-983X Non-ISI	
3	Wang, C. N., Nguyen, N. T., & Tran, T. T. (2015). Integrated DEA models and grey system theory to evaluate past-to-future performance: a case of Indian electricity industry. *The Scientific World Journal, 2015.*		ISSN · 2356-6140 (print) 1537-744X (web). ISI; Scopus	1.250 (2015)
4	Nguyen, N. T., Tran, T. T., Wang, C. N., & Nguyen, N. T. (2015). Optimization of strategic alliances by integrating DEA and grey model. *Journal of Grey System*, *27*(1), 38-56.		ISSN: 0957-3720 ISI	0.725 (2017)
5	Wang, C. N., Nguyen, N. T., & Tuyen, T. T. (2014). The Study of Staff Satisfaction in Consulting Center System-A Case Study of Job Consulting Centers in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Asian Economic and Financial Review*, *4*(4), 472.		**Online ISSN:** 2222-6737 **Print ISSN:** 2305-2147 Non-ISI	
6	Nguyen, N. T., & Tran, T. T. (2015). Mathematical development and evaluation of forecasting models for accuracy of inflation in developing countries: a case of Vietnam. *Discrete Dynamics in Nature and Society, 2015.*		ISSN, 10260226, 1607887X ISI	0.711 (2017)
7	Wang, L. W., Tran, T. T., & Nguyen, N. T. (2015). An empirical study of hybrid DEA and grey system theory on analyzing performance: a case from Indian mining industry. *Journal of Applied Mathematics, 2015.*		ISSN, 16870042, 1110757X (web). ISI; Scopus	0.812 (2015)
8	Nguyen, N. T., Tran, T. T., & Wang, C. N. (2015). Management styles and organisational effectiveness in Vietnam: A comparison in terms of management practices between state-owned and foreign enterprises. *Research in World Economy*, *6*(1), 85.		ISSN 1923-3981(Print)ISSN 1923-399X(Online) Non-ISI	
9	Thanh-Tuyen, T., & Nguyen, N. T. (2016). Determinants Affecting Vietnamese Laborers' Decision to Work in Enterprises in Taiwan. *J Stock Forex Trad*, *5*(173), 2.		ISSN: 2168-9458 Non-ISI	
10	Wang, L. W., Tran, T. T., & Nguyen, N. T. (2014). Analyzing Factors to Improve Service Quality of Local Specialties Restaurants: A Comparison with Fast Food Restaurants in Southern Vietnam. *Asian Economic and Financial Review*, *4*(11), 1592.		**Online ISSN:** 2222-6737 **Print ISSN:** 2305-2147 Non-ISI	
11	Nguyen, N. T., & Tran, T. T. (2016). Facilitating an advanced product layout to prioritize hot lots in 450 mm wafer foundry in the semiconductor industry. *International Journal of Advanced and Applied Sciences*, *3*(6), 14-23.		EISSN: 2313-3724, Print ISSN:2313-626X ESCI – ISI	
12	Wang, C. N., Nguyen, N. T., Tran, T. T., & Huong, B. B. (2015). A Study of the Strategic Alliance for EMS Industry: The Application of a Hybrid DEA and GM (1, 1) Approach. *The Scientific World Journal, 2015.*		ISSN · 2356-6140 (print) 1537-744X (web). ISI; Scopus	1.250 (2015)
14	Wang, L. W., Tran, T., & Nguyen, N. T. (2013). An analysis of manpower in Vietnamese undergraduate educational system. *International Journal of Economics, Business and Finance*, *1*(1), 398-408.		ISSN: 2327-8188 (Online) Non-ISI	
14	Nguyen, N. T., & Tran, T. T. (2017). A Novel Integration of DEA, GM (1, 1) and Neural Network in Strategic Alliance for the Indian Electricity Organizations. *Journal of Grey System*, *29*(2).		ISSN: 0957-3720 ISI	0.725 (2017)
15	Nguyen, N. T., & Tran, T. T. Optimizing mathematical parameters of Grey system theory: an empirical forecasting case of Vietnamese tourism. *Neural Computing and Applications*, 1-15.		ISSN: 0941-0643 (Print) 1433-3058 (Online) ISI	2.505 (2017)

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISBN*	*Ghi chú*

1	Advanced Modeling to Control the Conveyor Priorities for 450 mm Wafer Foundry in the Semiconductor Industry	Proceedings of the 16th APIEMS		
2				

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISBN*	*Ghi chú*
1				
2				

Ngày 02 tháng 02 năm 2018
Người khai
(Họ tên và chữ ký)

Nguyễn Như Tỷ

QUY THI VO

Contact Information	International University - VNU HCMC School of Economics, Finance, and Accounting Quarter 6, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam	Tel. (84) 379 821 443 vtquy@hcmiu.edu.vn

Research Fields: Organizational behavior, customer behavior, firm performance, stock price

Education:
Bachelor (1981 – 1985): Major: Industrial Management; Academic Institution: University of Economic of Ho Chi Minh City (UEH).
Master (1993 – 1995): International Business; Academic Institution: Asian Institute of Technology, Bangkok, Thailand (AIT)
Doctor of Philosophy (1999 – 2004): Major: Economics; Academic Institution: University of Economic of Ho Chi Minh City (UEH).
Doctor of Philosophy (2005 – 2013): Major: International Business; Academic Institution: Academic Institution: Asian Institute of Technology, Bangkok, Thailand (AIT).

Positions Held:
Current:
Senior lecturer – Shool of Economics, Finance, and Accounting
International University – VNU Ho Chi Minh, Vietnam
2015 – 2018: Head of Finance and Banking Department
School of Business Administration
International University – VNU Ho Chi Minh, Vietnam
2012 – 2014: Dean of Business School, Saigon Technology University, Vietnam
1985 – 2014: Lecturer – School of Business
University of Economics Ho Chi Minh, Vietnam

Honors and Awards:
1993 – 1995: AIT - Swiss Government Scholarship for master's degree
2005 - 2013: AIT - Swiss Government Scholarship for PhD Degree.

Publications:

Published in International Journals

1. Nguyen Manh Hoang, Vo Thi Quy: Residual State Ownership and Firm Performance A Case of Vietnam. Journal of Risk and Financial Management. Published online (June 2022): 1-28.
   EISSN 1911-8074 (SCOPUS)
2. Nguyen Thi Cam Le, Vo Thi Quy, Hoang Thi Kim Quy. Impact of personal values on customer satisfaction and word of mouth for luxury hotel service consumption in Confucian culture: Evidence from Vietnam, International Journal of Culture, Tourism, and Hospitality Research 15(4): 509-521(May 2021).
   DOI: https://doi.org/10.1108/IJCTHR-09-2020-0216

Print ISSN 1750-6182 (SCOPUS)

3. Nguyen Minh Hoang & Vo Thi Quy. Government control and privatized firms' performance: Evidence from Vietnam, Journal of Asian Finance, Economic and Business 7(10): 663 - 667 (Oct 2020). DOI: https://doi.org/10.13106/jafeb.2020.vol7.no10.663.
Print ISSN 2288-4637 / Online ISSN 2288 – 4645 (SCOPUS)
4. Nguyen Thi Cam Le & Vo Thi Quy. Dimensions of Luxury Hospitality Service Personal Values in Confucian Culture: Scale Development and Validation, Journal of International Consumer Marketing, Vol. 32(5).
DOI: 10.1080/08961530.2020.1777922 (June 2020)
ISSN: 0896-1530 (Print) 1528-7068 (SCOPUS)
5. Nguyen Thi Cam Le & Vo Thi Quy. Personal Values of Luxury Services Consumption: A Confucian Culture Perspective, Journal of International Consumer Marketing, Vol. 32(4). (2 2020)
DOI: 10.1080/08961530.2020.1712292
ISSN: 0896-1530 (Print) 1528-7068 (SCOPUS)
6. Nguyen Manh Hoang & Vo Thi Quy. Investigating the Association between Residual State Ownership and Privatized Firm Efficiency. Journal of Asian Finance, Economic and Business 7(5): 225 - 236 (5 2020). DOI: https://doi.org/10.13106/jafeb.2020.vol7.no5.225
Print ISSN 2288-4637 / Online ISSN 2288 – 4645 (SCOPUS)
7. Vo Thi Quy. Export Performance and Stock Return: A Case of Fishery Firms listing on Vietnam Stock Markets. Journal of Asian Finance, Economic and Business 6(4): 37-43 (9 2019). DOI:
https://doi.org/10.13106/jafeb.2019.vol6.no4.37
Print ISSN 2288-4637 / Online ISSN 2288 – 4645 (SCOPUS)
8. Pham Chi Trung & Vo Thi Quy. Margin Trading as a Put Option. American Scientific Research Journal for Engineering, Technology, and Science (ASRJETS) 61(1): 247 – 267 (2019)
ISSN (Print) 2313-4410, ISSN (Online) 2313-4402
9. Ho Huu Tin & Vo Thi Quy. The Relationship between Market Power and Income Diversity with Ownership Structure as a Moderator – A Study of Vietnamese Commercial Banks. Asian Journal of Economics, Business and Accounting 10(3): 1-16 (March 2019). DOI: 10.9734/AJEBA (2019)
ISSN 2456-639X (online)
10. Vo Thi Quy & Dang Diem Phuong Consumer Ethnocentrism and Purchase Intention towards Foreign Processed Foods: A Case of Vietnam. International Journal of Social Science and Economic Research 3(2): 745 – 773 (2018)
ISSN: 2455-8834

11. Vo Thi Quy. Organizational Culture and Firm Performance – A Comparative Study between Local and Foreign Companies Located in Ho Chi Minh City. International Journal of Scientific Research and Innovative Technology 5(2): 45-53. (2018). ISSN: 2313-3759
12. Vo Thi Quy & Duong Trong Nhan. Detecting Earning Management of Companies Listing on HOSE, Asian Journal of Social Sciences and Management Studies 4(2): 82-87. (2017)
https://doi.org/10.20448/journal.500.2017.42.82.87
ISSN(E): 2313 – 7401, ISSN(P) 2518 - 0096
13. Vo Thi Quy & Phan Truong Quoc. Strategic nuts and Bolts. The Asian Management Briefs. Singapore Management University. (2016)
ISSN 2315 -4284
14. Vo Thi Quy & Le Van Phung. Consumers' Perception towards Corporate Social Responsibility and Repurchase Intention: A Study of Consumer Industry in Vietnam. Industrial Engineering & Management Systems 15(2): 174-181. (2016). ISSN: 1598 -7248 (Print), ISSN: 2234 - 6473 (Online) **(ISI)**
15. Duong Trong Nhan & Vo Thi Quy. The Impact of Director Board's Characteristics on Firm Value: A Study on HOSE. International Journal of Science and Research (IJSR) 5(2): 646-650. (2015). ISSN 2319 -7064
16. Vo Thi Quy. The Impact of Organizational Responses to Complaints on Post Purchase Behavioral Intentions via Recovery Satisfaction – The Case of Saigon Commercial Bank. Strategic Management Quarterly, 2(2), pp. 49-79. (2014). ISSN 2372-4951 (Print) 2372-496X (Online)
17. Vo Thi Quy, Fredric William Swierczek, and Duc Khuong Nguyen. The Corporate Performance of Privatized Firms in Vietnam. The Journal of Applied Business Research, N. 5, Vol.29, 1437 – 1449. (2013)
ISSN 0892-7626 (print), ISSN 2157-8834 (online) (SCOPUS)
18. Vo Thi Quy & Duc Khuong Nguyen. Corporate Ownership Structure and Organizational Culture in a Transition Economy: The Case of Vietnam. International Journal of Economics and Finance, Vol. 3, No. 4. (2011)
ISSN(Print): 1916-971X, ISSN (Online): 1916-9728

Published in Domestic Journals

19. Vo Thi Quy & Vo Duy Huy. The Relationship between Service Quality, Price Perception, Customer Satisfaction, and Customer Loyalty: A Case of Nguoi Ban Vang – A Pawn Service Company in Ho Chi Minh City. Journal of Science, Ho Chi Minh Open University, Vol 9(4), pp. 39-50. (2019). ISSN 1859 – 3453
20. Nguyen Quang Thinh & Vo Thi Quy. Applying three VaR approaches in measuring market risk of stock portfolio: A case study of VN30 stock portfolio basket in HOSE. Journal of Economic Development 24(2): 90-114. (2017). ISSN 1859 – 1116

21. Cao Quốc Việt, Vo Thi Quy, và Lê Nhật Hạnh. Mối quan hệ giữa đánh giá mang tính ác cảm, cảm xúc tiêu cực và hành vi tẩy chay hàng xuất xứ Trung Quốc. Tạp chí Khoa học Kinh tế 5(4) (2017). ISSN 0866 – 7969
22. Võ Thị Quý & Cao Quốc Việt. Tác động của chủ nghĩa yêu nước, vị chủng tiêu dùng, đánh giá chất lượng sản phẩm và sự thờ ơ trong mô hình hành vi tẩy chay của người tiêu dùng. Nghiên cứu Kinh tế 7(470): 42 - 51 (2017). ISSN 0866 – 7969
23. Vo Thi Quy & Dang Thi Ngoc Loi. Macroeconomic Factors and Stock Prices – A Case of Real Estate Stocks on Ho Chi Minh Stock Exchange. Journal of Science Ho Chi Minh City Open University 2(18): 63-75. (2016). ISSN 1859 -3453
24. Vo Thi Quy & Bui Thanh Truc. Adopting F-Score Model to Test Value Investment Strategy – A Study on Ho Chi Minh Stock Exchange. Journal of Economic Development – University of Economics of HCM City. No. 26 (12), pp. 69-87. (2015). ISSN 1859 – 1116
25. Vo Thi Quy, Phạm Xuan Lan, & Đam Tri Cương. Testing the Measurement Scale of Higher Education Quality from Students' Perception – A Study in Business School located in Ho Chi Minh City. Journal of Science – Ho Chi Minh Open University. No 4(43), pp. 89-102. (2015). ISSN 1859 -3453
26. Nguyễn Duy Kha & Võ Thị Qúy. Rủi ro và tỷ suất sinh lợi vượt trội của cổ phiếu ngành bất động sản Việt Nam. Tạp chí Kinh tế & Phát triển. Số. 219, Tr. 38-45. (2015). ISSN 1859 – 0012
27. Đàm Trí Cường & Võ Thị Quý. Khám phá các thành phần của chất lượng đào tạo đại học trên góc độ sinh viên – Một nghiên cứu tại Việt Nam. Tạp chí Kinh tế & Phát triển. Số. 215, Tr. 128-132. (2015). ISSN 1859 – 0012
28. Vo Thi Quy. Testing Capital Structure Theory through Finance Behavior of Real Estate Companies Listed in Ho Chi Minh Stock Exchange. Journal of Science – Ho Chi Minh Open University. No 96, pp. 50-57 (2014). ISSN 1859 -3453
29. Vo Thi Quy & Bui Ngoc Toan. Determinants of Credit risk of Vietnamese Commercial Banks. Journal of Science – Ho Chi Minh Open University. No 3(36). (2014). ISSN 1859 -3453
30. Vo Thi Quy. Learning Orientation, Innovation, and Firm Development. Journal of Science – Ho Chi Minh Open University. No 2(20), pp. 20-26. (2011). ISSN 1859 -3453
31. Vo Thi Quy & Nguyen Thi Lien Huong. VAS and IAS with the Viewpoint of Investors. Journal of Economic Development – University of Economics of HCM City. No. 233, pp. 49-55. (2010). ISSN 1859 – 1116
32. Vo Thi Quy & Phan Thi Minh Chau. Management Ownership and the Firm Performance of Vietnamese Privatized Enterprises. Journal of Economic Development – University of Economics of HCM City. No. 205, pp. 45-50. (2009). ISSN 1859 – 1116

33. Vo Thi Quy & Ngo Ngoc Cuong. Financial Management Practices of Vietnamese State-Owned Enterprises and Privatized SOEs – A Comparison Study. Journal of Economic Development – University of Economics of HCM City. No. 205, 27 – 29. (2007). ISSN 1859 – 1116
34. Vo Thi Quy. Privatization Process in Vietnam. Economic Development Review. No. 98, October 2002, pp. 14-16. (2002). ISSN 1859 – 1116
35. Vo Thi Quy. The Valuation of State-Owned Enterprises for Privatization – A Study in Vietnam. Journal of Economic Development – University of Economics of HCM City. No. 103, pp. 27 -28. (1999). ISSN 1859 - 1116

Working Papers

1. Export support policies and Export Perormance – A Case Study in Ho Chi Minh City, Vietnam
2. Determinants o Interest Rate Spread – A Case o Vietnam
3. Trade Liberalization and Export Intensity – A Case of Vietnam
4. Working Capital Management and Firm Profitability

Presentations

Conferences

1. Tran Van Khoat, Ho Thanh Phong, and Vo Thi Quy. The Quality of Manufacturer - Distributor Relationship - A Case of Plastic Industry in Vietnam. In Proceedings of the 13th International Congress on Logistics and SCM Systems. (July 2018). Ho Chi Minh City, Vietnam. ISBN 978-604-919-783-3.
2. Vo Thi Quy & Le Thi Minh Nguyen. Effects of Working Capital Management on Firm Operation Effectiveness in Fisheries Industry of Vietnam. In Book of Abstracts of International Fisheries Symposium – IFS 2016. (Nov 2016). Can Tho, Vietnam. ISBN 978-604-73-5981-3
3. Nguyen Quoc Khanh & Vo Thi Quy. Evaluating Vietnamese Commercial Bank performance with A Camel Approach and Bank Performance Determinants. In proceedings of the International Conference on New Perspective in Business, Economics and Management Research and Practice. (July 2015). Ho Chi Minh, Vietnam. ISBN 978-616-9240-0-5.
4. Lai Đai Nghia & Vo Thi Quy. Firm Performance under Balanced Scorecard Approach and Firm Value – A Case of Listed Companies in HOSE. In Proceedings of the International Conference on Business (Nov 2015). Ho Chi Minh, Vietnam. ISBN: 978-604-73-3756-9.
5. Vo Thi Quy & Le Hoang Yen Khanh. The Impact of Agency Cost on Firm Value: A Comparison between Private and Privatized Corporations Listed on HOSE. In Proceedings of the International Conference on Business (Nov 2015). Ho Chi Minh, Vietnam. ISBN: 978-604-73-3756-9
6. Quy Vo Thi & Phung Le Van. The Relationship between Consumers' perception on Corporate Social Responsibility and Purchasing Intention in Consumer Goods Industry in Vietnam. In Proceedings of the 16th Asia Pacific Industrial Engineering and Management Systems Conference. (Dec 2015). Ho Chi Minh, Vietnam. ISSN: 2350-742X

ISBN: 978-604-3787-3

7. Vo Thi Quy & Pham Thi Bich Lan. The Impact of Bank Responses to Recovery Service Satisfaction. In Proceedings of the 2nd International Conference on Economics, Finance and Management Outlooks (Dec 2014). Pearl International Hotel, Kuala Lumpur, Malaysia. ISBN: 978-969-9952-06-7
8. Vo Thi Quy & Fredric W. Swierczek. Factors Related to Corporate Performance of Privatized Firms in Vietnam. In Proceedings of the 7th International Conference on Business and Management Research. (Nov 2012). Ho Chi Minh, Vietnam. ISBN: 978-602-17114-0-8

Đại học Quốc gia
Thành phố Hồ Chí Minh

LÝ LỊCH KHOA HỌC

Ảnh 3x4
Cập nhật

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: VÕ XUÂN HỒNG

2. Ngày sinh: 17-10-1976 **3. Nam/nữ:** Nam

4. Nơi đang công tác:

- *Trường/viện:* Trường Đại học Quốc tế ĐHQG TPHCM
- *Phòng/khoa:* Khoa Kinh tế Tài chính Kế toán
- *Bộ môn:*
- *Phòng thí nghiệm:*
- *Chức vụ:* Giảng viên Khoa Quản trị Kinh doanh

5. Học vị: Tiến sĩ **Năm đạt:** 2015

6. Học hàm: **Năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	**Địa chỉ**	Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	C2.11.09, Vinhomes Central Park, 208 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
2	**Điện thoại/fax**		0901448669
3	**Email**	vxhong@hcmiu.edu.vn	hongvo0117@gmail.com
4	**Website**		

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh	X			X			X			X		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 2003 đến 2007	Đại Học Công Nghiệp TP.HCM	Giảng viên Khoa Quản trị Kinh doanh
Từ 2016 đến 2016	Đại Học Công Nghiệp TP.HCM	Giảng viên Khoa Tài chính - Ngân hàng
Từ 2016 đến nay	Đại Học Quốc Tế TP.HCM	Giảng viên Khoa Quản trị Kinh doanh

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học	Từ 1994 đến 1998	Đại Học Kinh Tế TP.HCM	QTKD	
Cao Học	Từ 1999 đến 2001	Dự Án Việt Nam - Hà Lan Đào tạo Kinh tế Phát triển	Kinh tế Phát triển	
Tiến sĩ	Từ 2008 đến 2015	Đại Học Hawaii tại Manoa	Quản lý Quốc tế (Tài chính - Ngân hàng)	Essays in asset pricing

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Tài chính - Ngân hàng

- Chuyên ngành:

- Chuyên môn:

Hướng nghiên cứu:

2. Quá trình nghiên cứu

TT	Tên đề tài/dự án	Mã số & cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Kinh phí *(triệu đồng)*	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	Tên SV, HVCH, NCS	Tên luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1. Sách xuất bản Quốc tế

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục SCI-E/ SSCI

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Xếp hạng (Q1, Q2, Q3, Q4)
1	Vo Xuan Hong, Phan Ngoc Anh, Trinh Quoc Dat, Vu Thi Nhat Linh: Does Economic Policy Uncertainty Affect Trade Credit and Firm Value in Korea? A Comparison of Chaebol vs. Non-Chaebol Firms. Economic Analysis and Policy 73: 474-491 (March 2022).		0313-5926	4.444	Q1
2	Vo Xuan Hong, Trinh Quoc Dat, Minh Le, Thuy-Ngan Nguyen: Does economic policy uncertainty affect investment sensitivity to peer stock prices?. Economic Analysis and Policy 72: 685-699 (October 2021).		0313-5926	4.444	Q1
3	Nam H.Nguyen, Hieu V. Phan, Hung V. Phan, Judy Tran (Dung), Vo Xuan Hong: Tournament-based incentives and mergers and acquisitions. International Review of Financial Analysis 0: 0 (July 2020).		1057-5219	5.373	Q1
4	Khoa Cai, Minh Le, Vo Xuan Hong: The cost of being safer in banking: Market power loss. Economic Analysis and Policy 62: 116-130 (June 2019).		0313-5926	4.444	Q1

2.2. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục Scopus

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Xếp hạng (Q1, Q2, Q3, Q4)

2.3. Đăng trên tạp chí Quốc tế khác

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.4. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.5. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú

2.6. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(Chỉ ghi mã số)*	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(Chỉ ghi mã số)*	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

4. Ứng dụng thực tiễn

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

TP.HCM, ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

Vo Xuan Hong

LÝ LỊCH KHOA HỌC

Hình 4x6

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: PHƯỚC VÂN HẠNH

2. Ngày sinh: 23 tháng 6 năm 1990 **3. Nam/nữ:** Nữ

4. Nơi đang công tác:

Trường/viện: Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc Gia, Tp. HCM

Phòng/ Khoa: Quản Trị Kinh Doanh

Bộ môn: Marketing/Quản trị doanh nghiệp

Chức vụ: Giảng viên

5. Học vị: Thạc sĩ **năm đạt:** 2014

6. Học hàm: **năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	**Địa chỉ**	KP6, p. Linh Trung, q. Thủ Đức	Hẻm 315 Lê Văn Sỹ, p13, q3
2	**Điện thoại/ fax**	02837244270	0934175764
3	**Email**		pvhanh@hcmiu.edu.vn
4	**Website**	hcmiu.edu.vn	

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
	Tiếng Anh	√			√			√			√		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
2014 – hiện tại	**ĐH Quốc tế, ĐH Quốc gia TPHCM**	Giảng viên

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
Thạc sĩ	2013 2014	University of Western Sydney	Human Resource Management	coursework
Cử nhân	2009 2012	Victoria University of Wellington	International Business Money and Finance	coursework

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- **Lĩnh vực:** Quản trị Kinh doanh
- **Chuyên ngành: Quản trị doanh nghiệp**
- **Chuyên môn: Nguyên lý quản trị**

2. Quá trình nghiên cứu

TT	Tên đề tài/dự án	Mã số & cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm /Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	Tên SV ,HVCH, NCS	Tên luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh

1.2 Sách xuất bản trong nước

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú
	TS. Nguyễn Văn Tân, Trường Đại học Lạc Hồng; Th.S Phước Vân Hạnh, Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia TPHCM. Cho vay xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai: thực trạng và giải pháp. Hội thảo khoa học "Bàn giải pháp về chính sách tín dụng nhằm chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp, nông thôn ở các tỉnh, thành phía Nam". Tháng 12/2016. Trường Đại học Ngân hàng TPHCM.			

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				

2			

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	*Thời gian*	*Tên chương trình*	*Chức danh*

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	*Thời gian*	*Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị*	*Chức danh*

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	*Thời gian*	*Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu*	*Nội dung tham gia*

TP.HCM, ngày ..... tháng..... năm .....
Thủ trưởng Đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

TP.HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2018 .
Người khai
(ký tên)

Phước Văn Thanh

Đại học Quốc gia TP.HCM
Trường Đại học Quốc tế

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: TRỊNH QUỐC ĐẠT

2. Ngày sinh: 27-12-1982 **3. Nam/nữ:** Nam

4. Nơi đang công tác:

- *Trường/viện:* Trường Đại học Quốc tế ĐHQG TPHCM
- *Phòng/khoa:* Khoa Kinh tế Tài chính Kế toán
- *Bộ môn:*
- *Phòng thí nghiệm:* Bộ môn Tài chính Ngân hàng
- *Chức vụ:* Trưởng BM TCNH Khoa Quản trị Kinh doanh

5. Học vị: Tiến sĩ **Năm đạt:** 2019

6. Học hàm: **Năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	**Địa chỉ**	Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Phường An Phú, Tp Thủ Đức, HCM
2	**Điện thoại/fax**		0985459599
3	**Email**	tqdat@hcmiu.edu.vn	tqdat@hcmiu.edu.vn
4	**Website**		

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh	X			X			X			X		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 2004 đến 2007	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Chuyên viên Tín dụng
Từ 2009 đến 2012	Công ty cổ phần Công nghệ Viettel	Trưởng phòng Tài chính
Từ 2012 đến 2014	Công ty Tài chính Vinaconex Viettel	Phó giám đốc - Ban Đầu Tư và Tư vấn Tài chính
Từ 2018 đến 2020	Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia HCM	Giảng viên
Từ 2020 đến nay	Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia HCM	Trưởng bộ môn Tài chính Ngân hàng

10. Quá trình đào tạo:

Trình độ đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học	Từ 2000 đến 2004	Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội	Tài chính Ngân hàng	
Thạc sỹ	Từ 2007 đến 2009	Đại học Quốc gia Singapore	Kinh tế	
Thạc sỹ	Từ 2010 đến 2012	Đại học Lille 2 - Pháp	Tài chính	
Tiến sỹ	Từ 2012 đến 2017	Đại học Lille 2 - Pháp	Tài chính	

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Khoa học xã hội

- Chuyên ngành: Tài chính Ngân hàng và Đầu tư

- Chuyên môn:

Hướng nghiên cứu:

Tài chính doanh nghiệp

Đầu tư, Quản trị rủi ro

Lý thuyết hành vi

2. Quá trình nghiên cứu

TT	Tên đề tài/dự án	Mã số & cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Kinh phí *(triệu đồng)*	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	Tên SV, HVCH, NCS	Tên luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1. Sách xuất bản Quốc tế

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục SCI-E/ SSCI

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Xếp hạng (Q1, Q2, Q3, Q4)
1	Trinh Quoc Dat, Christian Haddad , Elie Salameh: Financial institutional blockholders and earnings quality: Do blockholders contestability and countries' institutions matter?. International Review of Financial Analysis: Accepted (February 2023).		1057-5219	8.235	Q1
1	Vo Xuan Hong, Phan Ngoc Anh, Trinh Quoc Dat, Vu Thi Nhat Linh: Does Economic Policy Uncertainty Affect Trade Credit and Firm Value in Korea? A Comparison of Chaebol vs. Non-Chaebol Firms. Economic Analysis and Policy 73: 474-491 (March 2022).		0313-5926	4.444	Q1
2	Trinh Quoc Dat, Christian Haddad, Tran Kim Thuan: Financial reporting quality and dividend policy: New evidence from an international level. International Review of Financial Analysis : Published online (January 2022).		1057-5219	8.235	Q1
3	Vo Xuan Hong, Trinh Quoc Dat, Minh Le, Thuy-Ngan Nguyen: Does economic policy uncertainty affect investment sensitivity to peer stock prices?. Economic Analysis and Policy 72: 685-699 (October 2021).		0313-5926	4.444	Q1

2.2. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục Scopus

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Xếp hạng (Q1, Q2, Q3, Q4)

2.3. Đăng trên tạp chí Quốc tế khác

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1	Trinh Quoc Dat, Le Hoai Phuc Nguyen: IMPACTS OF DETERMINANTS ON THE SUCCESS OF CROWDFUNDING CAMPAIGNS. International Journal of Social Science and Economic Research 05(7): 1774-1796 (August 2020).		2455-8834	
2	Trinh Quoc Dat, Trinh Nhat Hoang Anh: Determinants of Dividend Policy in Emerging Markets: New Evidence from Asian Countries. International Journal of Science and Research (IJSR) 9(7): 1185 - 1190 (July 2020).		2319-7064	

2.4. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.5. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1	Trinh Quoc Dat, Tran Minh Hanh: DOES ECONOMIC POLICY UNCERTAINTY AFFECT FIRM INVESTMENT IN SOUTH KOREA? A COMPARISON OF CHAEBOL VS. NON-CHAEBOL FIRMS. In proceedings of 5th International Conference on Economics, Business and Tourism. ISBN 978-604-73-9144-8. https://bs.hcmiu.edu.vn/?fbclid=IwAR2WOxGTLK2el2DkZcK3nglG9f39-0unQfzfIw2508kXLqhK9En_KZ8bHwg#/researches/15: (August 2022).		978-604-73-9144-8	
2	Trinh Quoc Dat, Thai Thien Kim: INDIVIDUAL DETERMINANTS OF FINANCIAL INCLUSION: THE CASE OF VIETNAM. In proceedings ofInternational Conference on Economics, Business and Tourism (ICEBT-2019). ISBN 978-604-73-7056-6. International University – Vietnam National University in Ho Chi Minh City: (June 2019).		978-604-73-7056-6	

2.6. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(Chỉ ghi mã số)*	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(Chỉ ghi mã số)*	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

4. Ứng dụng thực tiễn

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

TP.HCM, ngày.01.tháng.03.năm.2023.
Người khai

Trịnh Quốc Đạt



LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: Phạm Thanh Huyền

2. Ngày sinh: 10 tháng 02 năm 1990 **3. Nam/nữ:** Nữ

4. Nơi đang công tác:

Trường/viện: Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc Gia, Tp. HCM

Phòng/ Khoa: Quản Trị Kinh Doanh

Bộ môn:Quản lý Khách sạn – Nhà hàng

Phòng thí nghiệm:

Chức vụ: Giảng viên

5. Học vị: Thạc sĩ **năm đạt: 2014**

6. Học hàm: **năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	**Địa chỉ**	Đại học Quốc Tế, khu phố 6, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, TP.HCM	1181 Bùi Văn Hòa, Biên Hòa, Đồng Nai
2	**Điện thoại/ fax**	0837244270	0938424999
3	**Email**		pthuyen@hcmiu.edu.vn
4	**Website**	www.hcmiu.edu.vn	

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
1	Tiếng Anh	x			x			x			x		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
6/2014 – 9/2015	Đại học Hoa Sen	Giảng viên
9/2015 - nay	Đại học Quốc Tế	Giảng viên

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
Cử nhân	2008-2012	Đại học Quốc Tế	Tài chính – Kế toán	Quản lý rủi ro và nợ xấu của ngân hàng Việt Nam.
Thạc sĩ	2013-2014	Bournemouth University	Quản trị du lịch	Đánh giá độ hài lòng của du khách qua mạng xã hội.

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- **Lĩnh vực:** Quản trị Kinh doanh
- **Chuyên ngành:** *Quản lý Khách sạn – Nhà hàng*
- **Chuyên môn:** *Quản lý Khách sạn – Nhà hàng*

2. Quá trình nghiên cứu

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	*Tên SV ,HVCH, NCS*	*Tên luận án*	*Năm tốt nghiệp*	*Bậc đào tạo*	*Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)*

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh
1						
2						

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1	Mai Ngoc Khuong, Nguyen Tran Nguyen Khai, Pham Thanh Huyen, Nguyen Vo Hoai Thuong, Nguyen Thi Minh Phuong: Factors Affecting Employee Performance through a Mediation of Job Satisfaction – An Empirical Study of Hospitality Industry in Ho Chi Minh City,		1859-3453	

	Vietnam. *Journal of Science Ho Chi Minh City Open University*. 2(18): 49-62 (June 2016).			

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISBN*	*Ghi chú*
1	Mai, N. K., Pham, T. H., & Nguyen, T. M. P. (2016). Factors Affecting Employee Job Satisfaction and Job Performance – A Study in the fields of Informatics, Electronics and Telecommunication in Ho Chi Minh City. 5th International Conference on Vietnam Studies - Sustainable Development in the Context of Global Change. 15 – 18 December, 2016, Vietnam.			
2	Pham, H. & Do, A., (2017). The Effect of Electronic Word of Mouth on Consumer Purchase Intention Through the Mediation of Consumer Trust: A case Study of Restaurant Sector in Ho Chi Minh City. International Conference Place and the Tourist Experience: Heritage, Sustainability and Economy. June 28 – July 1, 2017, Thailand.			
3	Phan, K. & Pham, H. (2018). The identification of factors affecting guest satisfaction: An application of online reviews analysis at Six Senses Ninh Van Bay. International Conference on Advances in Business Management and Information Technology. 1 - 2 May, 2018, Singapore.			

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISBN*	*Ghi chú*

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	*Thời gian*	*Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu*	*Nội dung tham gia*

TP.HCM, ngày ..... tháng..... năm .....
Thủ trưởng Đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

TP.HCM, ngày 30 tháng 05 năm 2018 .
Người khai
(ký tên)

Pham Thanh Huyen

Đại học Quốc gia TP.HCM
Trường Đại học Quốc tế

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC TRÍ ANH

2. Ngày sinh: 02/09/1993 **3. Nam/nữ:** Nam

4. Nơi đang công tác:

- *Trường/viện:* Trường Đại học Quốc tế ĐHQG TPHCM
- *Phòng/khoa:* Khoa Kinh tế Tài chính Kế toán
- *Bộ môn:* Kế toán
- *Phòng thí nghiệm:*
- *Chức vụ:* Giảng viên Khoa Quản trị Kinh doanh

5. Học vị: Thạc sĩ **Năm đạt:** 2018

6. Học hàm: **Năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	**Địa chỉ**	Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	
2	**Điện thoại/fax**		
3	**Email**	ndtanh@hcmiu.edu.vn	
4	**Website**	hcmiu.edu.vn	

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh	x			x			x			x		
2													

9. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
07/2015-07/2019	Khoa Kinh tế Tài chính Kế toán	Trợ giảng
08/2019-nay	Khoa Kinh tế Tài chính Kế toán	Giảng viên

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Cử nhân	2011-2015	Arkansas, USA	Information Systems	
Thạc sĩ	2016-2019	Toulouse, France	Business economics	
Nghiên cứu sinh	2021-nay	Louisiana, USA	Economics	

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Kinh tế

- Chuyên ngành: Kinh tế ứng dụng

- Chuyên môn: Kinh tế phát triển

Hướng nghiên cứu:tác động của chính sách giáo dục, y tế ở Việt Nam và các nước đang phát triển

2. Quá trình nghiên cứu

TT	Tên đề tài/dự án	Mã số & cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Kinh phí *(triệu đồng)*	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1							

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	Tên SV, HVCH, NCS	Tên luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*
1					

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1. Sách xuất bản Quốc tế

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh
1						

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh
1						

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục SCI-E/ SSCI

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Xếp hạng (Q1, Q2, Q3, Q4)
1					

2.2. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục Scopus

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Xếp hạng (Q1, Q2, Q3, Q4)
1					

2.3. Đăng trên tạp chí Quốc tế khác

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1	Nguyen Thi Le Ha, Nhan Hoang Dieu Khanh, Nguyen Duc Tri Anh: EMPLOYEE BENEFITS AND REWARD AT ABC COMPANY. International Journal of Information, Business and Management : Published online (August 2021).		ISSN 2218-046X	0
2	Nguyen Thi Le Ha, Thai Thanh Nguyen, Nguyen Duc Tri Anh: Mediating Effects of Brand Reputation on the Relationship between CSR, Customer Repurchases Intentions and Perceived Service Quality of Fast Food in Vietnam. International Journal of Information, Business and Management : Published online (May 2021).		ISSN 2218-046X	0

2.4. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1				

2.5. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1				

2.6. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1				

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(Chỉ ghi mã số)*	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(Chỉ ghi mã số)*	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						

4. Ứng dụng thực tiễn

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*
1				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh
1			

2. Tham gia các Hiệp hội khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị	Chức danh
1			

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia
1			

TP.HCM, ngày 27 tháng 02 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

Người khai



NGUYỄN ĐỨC TRÍ ANH

Curriculum Vitae

Surname:	Le
First Name:	Nhung, H.
Date of Birth:	Jan 19, 1980
Academic Qualification:	Master of Business (Banking and Finance), Monash University, 2008 M.Phil. Finance and Banking, Université de Lille 2, France 2016
Venia Legendi (qualification to teach):	• M.Phil. Finance and Banking, Université de Lille 2, France 2016 • M.Sc. Banking and Finance, Monash University, Australia 2008
Further Qualifications:	Certificate of Teaching at Higher Education – Ho Chi Minh City University of Pedagogy

At the Higher Education Institution since:	2009
Level of Employment (full-time/part-time/guest lecturer):	Full time
Teaching Focus:	Finance and Banking
Interdisciplinary Aspects:	Financial Management, Portfolio Theory and Investment, M&As
Activities in the Areas:	
- **Further Education**	
- **Research**	Family firms, Ownership, and corporate finance
- **Consultancy**	
How are personal research activities reflected in teaching activities?	-Through thesis advising

Work experience:	
- **General**	2009-Present: International University – Vietnam National University HCMC - Full-time Lecturer in Finance 2002_2006: Financial analyst – Hochiminh Investment Fund for Urban (HIFU)
- **Activities as an Expert:**	
Publications:	- Godlewski, C.J. and Le, N.H., 2022. Family firms and the cost of borrowing: empirical evidence from East Asia. *Research in International Business and Finance*, *60*, p.101570. - Le, N. (2019), "Do family ties affect family firm performance? Evidence from East Asia". The 2019 Vietnam Symposium in Banking and Finance (VSBF2019) (24-26 October, 2019)

	- Le, N. (2017), "The impact of family ownership status on determinants of leverage. Empirical evidence from South East Asia". World Finance – Banking Symposium Conference (14-15 December, 2017) - Ho, N., Le, N. and Vuong, Q. (2015), "An Application Of Non-Linear Co-Integration Test Model To Gold Inflation Hedging Ability". World Finance – Banking Symposium Conference (17-18 December, 2015)
Memberships:	CFA
International experience in: - **Corporate Management**	
- **Academic Activities**	- Journal Reviewer for: Emerging Markets Finance and Trade, Financial Innovation
- **Personal Background/ Experience**	

Other:	

Đại học Quốc gia TP.HCM
Trường Đại học Quốc tế

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: NGUYỄN THẾ NAM

2. Ngày sinh: 07-11-1985 **3. Nam/nữ:** Nam

4. Nơi đang công tác:

- *Trường/viện:* Trường Đại học Quốc tế ĐHQG TPHCM
- *Phòng/khoa:* Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán
- *Bộ môn:*
- *Phòng thí nghiệm:*
- *Chức vụ:* Giảng viên

5. Học vị: Tiến sĩ **Năm đạt:** 2021

6. Học hàm: **Năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	**Địa chỉ**	Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	37 Đường 43, P. Tân Phong, Quận 7, TPHCM
2	**Điện thoại/fax**		0939393049
3	**Email**	ntnam@hcmiu.edu.vn	
4	**Website**		

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh	X			X			X			X		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 2011 đến nay	Đại học Quốc Tế - ĐHQG TPHCM	Giảng viên - Trưởng bộ môn Kế toán - Kiểm toán
Từ 2007 đến 2009	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định	Cán bộ phòng Khách hàng

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Tiến sĩ	Từ 2017 đến 2021	Macquarie University	Accounting and Corporate Governance	The Economics of Board Diversity
Thạc sĩ	Từ 2009 đến 2010	The University of Adelaide	Applied Finance	
Cử nhân	Từ 2003 đến 2007	Đại học Ngân Hàng TPHCM	Tài chính - Ngân hàng	

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Kế toán - Tài chính

- Chuyên ngành: Kế toán tài chính, quản trị doanh nghiệp

- Chuyên môn: Kế toán tài chính, quản trị doanh nghiệp

Hướng nghiên cứu:

Các vấn đề về quản trị doanh nghiệp cấp cao.

2. Quá trình nghiên cứu

TT	Tên đề tài/dự án	Mã số & cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Kinh phí *(triệu đồng)*	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	Tên SV, HVCH, NCS	Tên luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1. Sách xuất bản Quốc tế

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục SCI-E/ SSCI

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Xếp hạng (Q1, Q2, Q3, Q4)

2.2. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục Scopus

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Xếp hạng (Q1, Q2, Q3, Q4)

2.3. Đăng trên tạp chí Quốc tế khác

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.4. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.5. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1	Nguyen The Nam, Dang Thi Vinh Hao: Behind Organizational Slack and Firm Performance of Non-listed Vietnamese Enterprises: the Moderating Effects of State Ownership and Competitive Intensity. In proceedings ofThe 5th International Conference on Economics,		978-604-73-9144-8	

	Business and Tourism. ISBN 978-604-73-9144-8. International University - Vietnam National University, Ho Chi Minh City: (July 2022).			
2	Nguyen The Nam, Tran Hoang Lam: The Effect of Corporate Governance Board Committee on Real Earning Management. In proceedings ofThe 5th International Conference on Economics, Business and Tourism. ISBN 978-604-73-9144-8. International University - Vietnam National University, Ho Chi Minh City: (July 2022).		978-604-73-9144-8	
3	Nguyen The Nam, Le Phu Quy: The Effect of Institutional Investors' Ownership on Real Earnings Management: an Empirical Analysis on US Firms. In proceedings ofThe 5th International Conference on Economics, Business and Tourism. ISBN 978-604-73-9144-8. International University - Vietnam National University, Ho Chi Minh City: (July 2022).		978-604-73-9144-8	
4	Nguyen The Nam, Phan Anh Bao Hoang: The Effect of State Ownership on Earnings Management: an Empirical Analysis on Chinese Firms. In proceedings ofThe 5th International Conference on Economics, Business and Tourism. ISBN 978-604-73-9144-8. International University - Vietnam National University, Ho Chi Minh City: (July 2022).		978-604-73-9144-8	

2.6. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(Chỉ ghi mã số)*	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(Chỉ ghi mã số)*	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

4. Ứng dụng thực tiễn

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

TP.HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

Người khai



Nguyễn Thế Nam

Đại học Quốc gia TP.HCM
Trường Đại học Quốc tế

LÝ LỊCH KHOA HỌC

Ảnh 3x4
Cập nhật

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: LÊ VĂN CHƠN

2. Ngày sinh: **3. Nam/nữ:**

4. Nơi đang công tác:

- *Trường/viện:* Trường Đại học Quốc tế ĐHQG TPHCM
- *Phòng/khoa:* Khoa Kinh tế Tài chính Kế toán
- *Bộ môn:*
- *Phòng thí nghiệm:*
- *Chức vụ:* Trưởng Bộ môn QTKD Khoa Quản trị Kinh doanh

5. Học vị: Tiến sĩ **Năm đạt:**

6. Học hàm: **Năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	**Địa chỉ**	Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	
2	**Điện thoại/fax**		
3	**Email**	lvchon@hcmiu.edu.vn	
4	**Website**		

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh	X			X			X			X		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực:

- Chuyên ngành:

- Chuyên môn:

Hướng nghiên cứu:

2. Quá trình nghiên cứu

TT	Tên đề tài/dự án	Mã số & cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Kinh phí *(triệu đồng)*	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	Tên SV, HVCH, NCS	Tên luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1. Sách xuất bản Quốc tế

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh
1	Data Science for Financial Econometrics		Springer, Cham	2020	Hamza Alkhatib, Ingo Neumann, Vladik Kreinovich, Le Van Chon	
2	Beyond Traditional Probabilistic Methods in Economics		Springer, Cham	2019	Le Van Chon	

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh
1	Smoothing Spline as A Guide to Elaborate Explanatory Modeling		Springer	2018	Le Van Chon	
2	What Firms Must Pay Bribes and How Much? An Empirical Study of Small and Medium Enterprises in Vietnam		Springer	2016	Thi Truong Vu, Le Van Chon	

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục SCI-E/ SSCI

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Xếp hạng (Q1, Q2, Q3, Q4)
1	Jirakom Sirisrisakulchai - Chiang Mai University, Le Van Chon, Uyen Pham - UEL: On Statistics of Random Sets for Partial Identification of Econometric Structures. International Journal of Uncertainty, Fuzziness and Knowledge-Based Systems : Published online (September 2020).		1793-6411	1.375	Q3
2	Roengchai Tansuchat - Chiang Mai University, Uyen Pham - University of Economics and Law, Le Van Chon: On soft computing with random fuzzy sets in econometrics and machine learning. Soft Computing 24: 0 (July 2020).		1432-7643	3.05	Q2

2.2. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục Scopus

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Xếp hạng (Q1, Q2, Q3, Q4)
1	Ly Dan Thanh, Nguyen Nhu Ty, Bui Quang Thong, Le Van Chon: Building Organizational Commitment: The Analysis of Indicators. Academy of Strategic Management Journal : Published online (December 2020).		1939-6104	0	Q2

2.3. Đăng trên tạp chí Quốc tế khác

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1	Ly Dan Thanh, Le Van Chon, Bui Quang Thong, Nguyen Nhu Ty: Critical Factors for Organizational Commitment: An Empirical Study in Vietnam. The Journal of Asian Finance, Economics, and Business : Published online (May 2021).		2288-4645	0
2	Ly Dan Thanh, Bui Quang Thong, Le Van Chon, Nguyen Nhu Ty: A model of antecedents strengthening organizational commitment. Management Science Letters : Published online (November 2020).		1923-9343	0
3	Ly Dan Thanh, Bui Quang Thong, Le Van Chon, Nguyen Nhu Ty: DETERMINANTS TO GAIN MORE EFFECTIVE MEETINGS IN THE CONTEXT OF VIETNAMESE ORGANIZATIONS. International Journal of Analysis and Applications 18(3): 461-481 (April 2020).			0
4	Bui Quang Thong, Le Van Chon, Ngo Minh Tan, Phan Thanh Nhan: APPLICATION OF IMPORTANT – PERFORMANCE ANALYSIS AND SEGMENTATION ANALYSIS IN HERITAGE TOURISM: THE CASE OF THE SPECIAL NATIONAL HERITAGE OF CENTRAL OFFICE FOR SOUTH VIETNAM. Journal of Tourism Research 21: 47-59 (December 2018).		2241 - 7931	0

2.4. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1	Le Van Chon, Nguyen Manh Hung - UEL, Nguyen Thi Lan Anh - Banking Academy: Tác động kinh tế của biến đổi khí hậu đến ngành đánh cá Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á 31(5): 0 (September 2020).		2615-9104	
2	Le Van Chon: How to Choose Tuning Parameters in Lasso and Ridge Regression?. Asian Journal of Economics and Banking 4(1): 61-76 (March 2020).		2615-9821	

2.5. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1	Vladik Kreinovich, Le Van Chon: Predicting (Economic) Trends: Why Signature Method in Machine Learning. In proceedings ofInternational Conference of the Thailand Econometrics Society. ISBN 978-3-030-97273-8. New York City: Springer, Cham (July 2022).		978-3-030-97273-8	
2	Vladik Kreinovich, Kevin Alvarez, Le Van Chon: Distributions on an Interval as a Scale-Invariant Combination of Scale-Invariant Functions: Theoretical Explanation of Empirical Marchenko-Pastur-Type Distributions. In proceedings ofInternational Econometric Conference of Vietnam. ISBN 978-3-030-98689-6. New York City: Springer, Cham (May 2022).		978-3-030-98689-6	
3	Le Van Chon: Incentives for R&D in Northern Italy Revisited. In proceedings ofInternational Econometric Conference of Vietnam. ISBN 978-3-030-98689-6. New York City: Springer, Cham (May 2022).		978-3-030-98689-6	

4	Le Van Chon: A Comment on Hansen's Risk of James-Stein and Lasso Shrinkage. In proceedings ofInternational Econometric Conference of Vietnam. ISBN 978-3-030-77094-5. New York City: Springer, Cham (September 2021).		978-3-030-77094-5	
5	Laxman Bokati, Vladik Kreinovich, Le Van Chon: How to Explain the Anchoring Formula in Behavioral Economics. In proceedings ofInternational Econometric Conference of Vietnam. ISBN 978-3-030-77094-5. New York City: Springer, Cham (September 2021).		978-3-030-77094-5	
6	Le Van Chon: Smoothing Spline as a Guide to Elaborate Explanatory Modeling. In proceedings ofVietnam Economist Annual Meeting 2017. ISBN . Vietnam: (August 2017).			
7	Mai Thi Thuy My, Bui Quang Thong, Le Van Chon, Tran Gia Trung Dinh: Family doctor service in Vietnam: an investigation of factors affecting customer satisfaction and customer loyalty. In proceedings ofThe 6th International conference on the development of Biomedical engineering in Vietnam. ISBN . International University – Vietnam National University in Ho Chi Minh City: (June 2016).			
8	Le Minh Khoa, Nguyen Phuong Hoang Cuc, Bui Quang Thong, Le Van Chon: The antecedents of brand switching in cosmetic products – a study among Vietnamese consumers. In proceedings ofNIDA International Business Conference 2016. ISBN . Bangkok, Thailand: (March 2016).			
9	Vu Thi Khanh, Le Van Chon: Financial Development and Firms' Financial Constraints: An Empirical Study of Manufacturing Firms in Vietnam. In proceedings ofFree Trade Agreements: an Assessment of Economic, Financial and Environmental Effects. ISBN . Vietnam: (January 2016).			

2.6. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(Chỉ ghi mã số)*	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(Chỉ ghi mã số)*	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

4. Ứng dụng thực tiễn

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

TP.HCM, ngày.....tháng.....năm.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

Người khai

Lê Văn Chơn

Anh Tuan Vu

(+84)902.441.781 anhtv@hcmiu.edu.vn

EDUCATION

DREXEL UNIVERSITY, Lebow College of business **Philadelphia, PA**
Masters of Science in Accounting (master by courseworks) 06/2017

- Cumulative GPA: 3.95/4.00 – Summa Cum Laude
- Relevant Courses: Economics, Financial Accounting, Business Statistics, Managerial Accounting, Corporate Financial Management, Auditing, Individual Tax and Corporate Tax, Accounting Theory and Analysis, Law for the CPA exam, Current Issues in Accounting.

HO CHI MINH UNIVERSITY OF ECONOMICS **Ho Chi Minh City, Vietnam**
Bachelor of economics: Accounting 06/2014

- Cumulative GPA equivalent: 8.43/10 – Very good

RESEARCH INTERESTS

Financial accounting, Managerial accounting, economics, and Marketing

RESEACH EXPERIENCE

Undergraduate thesis supervisor

School of business, International University – Vietnam National University

+ Advised in total 9 students during their thesis period, guiding students on various topics in Finance, Accounting, and Economics field.

TEACHING EXPERIENCE

Teaching Assistant, Financial Accounting **04/2018- 04/2019**

IU School of Business, International University – Vietnam National University

+Prepared lectures and class activities focusing on the analysis of accounting principles for 15-25 freshman and sophomore level undergraduates.

+Created and graded course assessments to ensure students understood material and stayed on track.

+Recognized as List of Teachers Ranked Excellent by QATO office

Instructor, Managerial Accounting **04/2019- present**

IU School of Business, International University – Vietnam National University

+ Combined multimedia approaches and used instructional technology to enhance pedagogical approach.

+ Illustrated demanding concepts using planned lessons, assignments and targeted discussions for 65 freshmen and sophomore students

Visiting Instructor, F2 ACCA, IFRS courses **09/2022 - present**

Van lang University

+ Planned and taught an exam-intensive course based upon current events.

+ Used instructional technology to enhance pedagogical capability.

+Taught in part with an innovative, interdisciplinary team-teaching program design

HONORS AND AWARDS

+Obtained lifetime designation in the International Honor Society Beta Gamma Sigma (business school's highest academic honor) for excellence in academics **2016**

+Achieved CPA Australia scholarship offered by EY Vietnam for Accounting students of University of Economics Ho Chi Minh City **2013**

+Obtained four consecutive semester scholarships for best performance student offered by University of economics HCMC; **2010, 2011, 2014**

+Obtained the highest mark Paper FA2 in Vietnam in the ACCA examinations **2012**

GRANTS

N/A

CONFERENCE PRESENTATIONS

N/A

PUBLICATIONS

Vu Tuan Anh: Solutions to expand cashless payments in the case of the Covid-19 disease outbreak. International Journal of Latest Engineering and Management Research : Published online (June 2022).

Vu Tuan Anh, Tran Ngoc Khanh Linh: Foreign Direct Investment and Economic Growth relationships: The moderation role of institutional quality. Journal of Social Science Research : Published online (April 2021).

Vu Tuan Anh, Nguyen Ngoc Minh Dan: Determinants of Bank Profitability: Empirical Evidence From Vietnamese Commercial Banks in the periods of 2013 to 2018. JOURNAL OF SOCIAL SCIENCE RESEARCH 15(1): 176-184 (May 2020).

PROFESSIONAL EXPERIENCE

Ho Chi Minh International University – VNU, Ho Chi Minh city, Vietnam **4/2018 – Present**
Full-time Lecturer in Accounting

- Arranging and delivering classroom lecturers to students.
- Appraising a student's class work and assignments
- Preparing classroom and coursework materials, homework assignments, and handouts.
- Conducting research projects with supervised students

PwC VIETNAM, Ho Chi Minh city, Vietnam **8/2017 – 01/2018**
Audit Associate, Assurance Service

- Understanding and applied audit methodology, complying with both Vietnamese and International standards of accounting and auditing.
- Understanding client's operation and performing audit procedures for financial line items (FSLI) in the financial statements.
- Reporting findings to senior associates
- Doing administration tasks to ensure smooth audit progresses
- Main industries: manufacturing, services, and alike

EY VIETNAM, Ho Chi Minh city, Vietnam
Audit Intern, Assurance Service **12/2013 – 03/2014**

- Performed observing inventory stock take of three clients at the year-end
- Assisted audit seniors in checking audit reports before sending to clients
- Took part in five different audit clients in preparing cash and expense audit
- Performed bank reconciliation and audit documentation

UNIVERSITY SERVICE

Quality Assurance Assistant for school of EFA **09/2022-present**

- Counsel dean and vice dean on programs accreditation, application procedures and funding

PROFESSIONAL MEMBERSHIPS

- US certified management accountants (US CMA)

TECHNICAL SKILLS

- **Software:** Microsoft Office Suite, and Photoshop

LANGUAGES

Vietnamese: Fluent

English: Fluent

REFERENCES

N/A

Tran Nhat Minh

51/33B Pham Ngu Lao • Hanoi 100000 • Vietnam • trannhatminh15111997@gmail.com

EDUCATION

Bocconi University | Milan, Italy **|** ***MSc in Finance*** **September 2019 – December 2021**

Dickinson College | Pennsylvania, United States **|** ***Bachelor of Science*** **August 2015 - May 2019**

- Graduated Magna Cum Laude with double major in Mathematics and Economics.

PROFESSIONAL EXPERIENCES

Deloitte | Hanoi, Vietnam | Financial Advisory Intern **June 2020 - September 2020**

- Built the lead sheet (Balance Sheet, Income Statement, and Cash Flow Statement) to come up with key findings about the target company.
- Utilized Pivot Table in Excel to sort out relevant data which provide meaningful market insights.
- Gained substantial knowledge of Vietnamese energy sector by conducting market research and liaised with Deloitte's colleagues in Singapore through active participation in Project Helios (a project concerning District Cooling System (DCS) and Energy Saving System (ESS) in Vietnam).
- Performed translation and data input of essential contents to evaluate the feasibility of Da Lat flower trading center.
- Summarized, translated, and provided necessary amendment of a complete Power Purchasing Agreement (PPA).
- Keyed in payroll of a Target's employees (1700 rows of data) to support the Senior Analyst in a M&A deal.
- Received formal training on valuing a company using Discounted Cash Flow model and earnings multiplier.

Vietcombank | Hanoi, Vietnam | Credit Risk Intern **June 2018 - September 2018**

- Utilized SPSS to assess the discriminatory power of financial ratios. Became proficient at main credit risk management tools such as ROC curves, Normality test (using Kolmogorov – Smirnov and Shapiro – Wilk method), Q-Q plots, Pearson vs Spearman correlation, t-test, and Box-plot analysis.
- Joined data of borrower's loans and performed data cleaning using SQL.
- Performed data entry by filling financial and non-financial information of 50 companies into the bank's testing system.
- Collaborated with colleagues in gathering and cleaning essential data to assist Quantitative Team.
- Supported the credit risk manager by extracting crucial information from the business financial statements.
- Acquired essential knowledge of credit risks terminologies like stress tests, VaR (value-at-risk), or Basel regulations.

Saigon Hanoi Securities | Hanoi, Vietnam | Stock Broker Intern **June 2017 - September 2017**

- Gathered annual financial information of Vietnamese's companies listed on Ho Chi Minh Stock Exchange (HOSE), and calculate their financial ratios to aid analysts in giving buy/sell advices.
- Mastered typical patterns of technical analysis and learnt how to spot the stock trend using trendline.
- Provided assistance to customers who want to open new accounts.

EXTRACURRICULAR ACTIVITIES

Chess Club | Dickinson College | Founder and President **March 2016- May 2019**

- Led Dickinson team to 1st place in the Pennsylvania State Chess Championship 2018.
- Managed $3000 fund to organize chess events, hire chess coaches, and especially, hosted Timur Gareyev (Chess Grandmaster and World Record Holder)'s visit to Dickinson College.
- Organized weekly meeting with 10 members and recruited more members every year.
- Worked with the coaches to make final decisions regarding the short-term and long-term growth of the club.
- Solicited and secured funding from the Student Senate to finance club's activities.

SKILLS

Languages: Fluent in English, intermediate in Italian, and native in Vietnamese.
Technical Skills: proficient in Excel, PowerPoint and data analysis tools (SQL and Power BI).

CERTIFICATES

Google Data Analytics (in progress) **June 2021 - Current**
Analyzing Data with Power BI by Microsoft **July 2021 - Current**

NGOC HOANG

DOCTOR OF ECONOMICS

CONTACT

(+84)36 907 80 62

htangoc@hcmiu.edu.vn; htangoc@gmail.com

www.linkedin.com/in/ngoc-hoang-au/

SKILLS

- STATA | EXPERIENCED
- EVIEWS | BEGINNER
- R | BEGINNER
- MS OFFICE | EXPERIENCED

EDUCATION

PhD in Economics

Macquarie University, Australia | 2017 - 2020

Doctoral Thesis: "Firm Productivity/Efficiency and Its Determinants – Evidence from SMEs in Vietnam and Two Other Southeast Asian Countries".

Master of Research

Macquarie University, Australia | 2016 - 2017

Master Thesis: "Productivity growth, efficiency, and export orientation – Evidence from Vietnamese SMEs".

Master of Accounting and Finance

University of Adelaide, Australia |
2008 – 2010

Bachelor of Economics

University of Economics Ho Chi Minh city, Vietnam | 2000 – 2004

PROFILE

10-year experience of teaching units in Accounting, Finance, and Econometrics.

Several-year experience of using STATA to analyze longitudinal datasets in research projects and PhD study.

EXPERIENCE

University Lecturer

International University – Vietnam National University Ho Chi Minh City, Vietnam | Jun 2022 - now

- Teaching Business Statistics to undergraduate students.

Sessional Teaching Academic

Macquarie Business School, Macquarie University, Australia | 2017 – Jun 2022

- Taught Introductory Econometrics to undergraduate students.
- Taught Econometrics and Business Statistics to graduate students.

University Lecturer

International University – Vietnam National University Ho Chi Minh City, Vietnam | 2010 - 2015

- Used English as the primary language in teaching and researching.
- Taught Financial Accounting, Managerial Accounting, Working Capital Management, Fundamentals of Financial Management, and Management Information Systems.

PUBLICATIONS AND CONFERENCES

- Hoang, N., Nahm, D., & Dobbie, M. (2021). Innovation, gender, and labour productivity: Small and medium enterprises in Vietnam. World Development, 146, 105619. doi:https://doi.org/10.1016/j.worlddev.2021.105619.
- Hoang, N., Nahm, D., & Dobbie, M. (2019). Corruption, Government Assistance and Firm Efficiency: SMEs in Vietnam. Singapore Economic Review Conference.

REFERENCES

Available upon request.

Đại học Quốc gia TP.HCM
Trường Đại học Quốc tế

LÝ LỊCH KHOA HỌC

Ảnh 3x4
Cập nhật

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: NGUYỄN TRÀ MY

2. Ngày sinh: 21-05-1993 **3. Nam/nữ:** Nữ

4. Nơi đang công tác:

- *Trường/viện:* Trường Đại học Quốc tế
- *Phòng/khoa:* Khoa Kinh tế Tài chính Kế toán
- *Bộ môn:*
- *Phòng thí nghiệm:*
- *Chức vụ:*

5. Học vị: Tiến sĩ **Năm đạt:** 2020

6. Học hàm: **Năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	**Địa chỉ**	Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM	
2	**Điện thoại/fax**		
3	**Email**	ntmy@hcmiu.edu.vn	
4	**Website**		

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh	X			X			X			X		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 2020 đến 2022	Trường đại học Mở TP HCM	Giảng viên

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học	Từ 2011 đến 2015	Đại học Ngoại Thương Hà Nội	Kinh tế	
Tiến sĩ	Từ 2015 đến 2020	Louisiana State University	Kinh tế	Essays on the Economics of Education

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Kinh tế

- Chuyên ngành: Kinh tế

- Chuyên môn: Kinh tế

Hướng nghiên cứu:

2. Quá trình nghiên cứu

TT	Tên đề tài/dự án	Mã số & cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Kinh phí *(triệu đồng)*	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	"Sốc nhiệt và cân nặng trẻ lúc sinh" (Temperature shocks and birth weight)	E2021.10.1 Đề tài cấp cơ sở	từ 28/01/2021 đến 28/07/2022	120	Chủ nhiệm	7/2022	Đạt
2	Biến động khí hậu và sức khỏe trẻ em (Climate Volatility and Child Health)	E2021.11.1 Đề tài cấp cơ sở	28/01/2021 đến 28/07/2022	120	Tham gia	7/2022	Đạt
3	Tác động của covid-19 tới tâm lý và thể chất của người dân	10/2020/HĐ-KHCNT-VƯ Đề tài cấp Thành phố	12/2020-11/2021	100	Chủ nhiệm	11/2021	Đạt
4	Tác động của môi trường bạo lực đối với sức khỏe trẻ em	11/2020/HĐ-KHCNT-VƯ Đề tài cấp thành phố	12/2020-11/2021	100	Tham gia	11/2021	Đạt
5	Tác động của luật điều chỉnh bạo lực gia đình tới nguy cơ đối mặt với bạo hành ở phụ nữ	32/2021/HĐ-KHCNT-VƯ Đề tài cấp thành phố	12/2021-11/2022	90	Chủ nhiệm	11/2022	Đạt
6	Ảnh hưởng dài hạn của chính sách nghỉ thai sản có trả lương đến phát triển con người	31/2021/HĐ – KHCNT – VƯ Đề tài cấp thành phố	12/2021-11/2022	90	Tham gia	11/2022	Đạt

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	Tên SV, HVCH, NCS	Tên luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1. Sách xuất bản Quốc tế

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục SCI-E/ SSCI

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Xếp hạng (Q1, Q2, Q3, Q4)
1	Nguyen Tra My, Le Kien: Armed Conflicts and Women's Authority in Intra-household Decision Making. Scottish Journal of Political Economy : Published online (March 2023).		1467-9485	0.913	Q2

2.2. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục Scopus

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Xếp hạng (Q1, Q2, Q3, Q4)

2.3. Đăng trên tạp chí Quốc tế khác

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.4. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.5. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú

2.6. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(Chỉ ghi mã số)*	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(Chỉ ghi mã số)*	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

4. Ứng dụng thực tiễn

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị	Chức danh

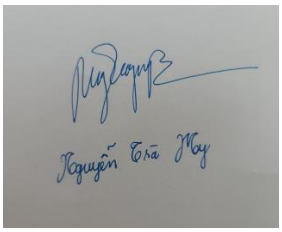
3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

TP.HCM, ngày..1..tháng..3...năm..2023

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

Người khai



Đại học Quốc gia TP.HCM
Trường Đại học Quốc tế

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: TRỊNH CÔNG TÂM
2. Ngày sinh: 14 tháng 06 năm 1982 3. Nam/nữ: Nam
4. Nơi đang công tác:
Trường/viện: Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc Gia, Tp. HCM
Phòng/ Khoa: Quản Trị Kinh Doanh
Bộ môn:
Phòng thí nghiệm:
Chức vụ:
5. Học vị: Tiến sĩ năm đạt: 2017
6. Học hàm: năm phong:
7. Liên lạc:

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	Địa chỉ	Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	49/28 Bùi Thế Mỹ, Phường 10, Quận Tân Bình, TPHCM
2	Điện thoại/ fax	(84-28) 37244270 - Ext: 3815	0939979890
3	Email	tctam@hcmiu.edu.vn	congtam.trinh@gmail.com
4	Website	https://bs.hcmiu.edu.vn/#/full-time-lecturers/1/	

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
	Tiếng Anh	x			x			x			x		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
06/2021-Nay	Đại học quốc tế (Đại học quốc gia TPHCM)	Giảng viên Kinh tế
06/2014-03/2021	Đại học Deakin, Úc	Trợ giảng và trợ lý nghiên cứu
09/2019-09/2020	Đại học Tôn Đức Thắng	Nghiên cứu viên (adjunct researcher)
06/2017-10/2017	Đại học Bách Khoa TPHCM	Giảng viên kinh tế

04/2006-06/2014	Bảo hiểm Bảo Việt – Chi nhánh Gia Định	Trưởng phòng bảo hiểm sức khỏe
05/2005-03/2006	Coast Phong Phú	Kỹ sư sản xuất

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
Tiến sĩ	04/2014-06/2017	Đại học Deakin, Úc	Kinh tế	Non-life Insurance Expenditure in Developed and Developing Economies
Thạc sĩ	06/2012-12/2013	Đại học Deakin, Úc	Thương mại (bảo hiểm và quản trị rủi ro	Master by Coursework
Thạc sĩ	09/2008-01/2011	Đại học quốc tế Hồng Bàng	Quản trị kinh doanh	Business strategies for non-life insurance at Bao Viet Insurance Corporation in period 2010 to 2015 and view up to 2025
Đại học	09/2000-05/2005	Đại học Bách Khoa TPHCM	Kỹ thuật Hóa Dầu	Investigating Wolfram Carbide-activated carbon (WC) catalysts to boost the octane number of gasoline.

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

Lĩnh vực: Quản trị Kinh doanh

Chuyên ngành: kinh tế

Chuyên môn: thương mại quốc tế, kinh tế phát triển, kinh tế bảo hiểm, văn hóa quốc gia

Quá trình nghiên cứu

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*

Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	*Tên SV ,HVCH, NCS*	*Tên luận án*	*Thời điểm nhận hướng dẫn*	*Năm tốt nghiệp*	*Bậc đào tạo*	*Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)*
01	Bùi Trọng Nguyễn	Các yếu tố của chi tiêu chăm sóc sức khỏe: Phân tích quốc tế *(Determinants of healthcare expenditure: International analysis)*	11/2021	Chưa	Thạc sĩ	
02	Lê Khánh Huân	Các yếu tố của thu hút đầu tư tại tỉnh Tiền Giang: Phân tích thực nghiệm *(Determinants of investment attraction in Tien Giang province: empirical analysis)*	03/2022	Chưa	Thạc sĩ	

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*
1						
2						

2. Các bài báo đã xuất bản

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục SCI-E/ SSCI

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISSN*	*Điểm IF*	Xếp hạ (Q1, Q Q4)
1	Trinh, T, Nguyen, X, Sgro, P. 2016. Determinants of Non-life Insurance Expenditure in Developed and Developing Countries: An Empirical Investigation. Applied Economics, 48 (58): 5639-5653		1466-428 3	1.835	Q2
2	Trinh, C.T., Nguyen, X., Sgro, P., and Pham, C., 2020. Culture, financial crisis and the demand for property and accident and health insurance in the OECD countries, Economic Modelling, 93, 480-498		0264-999 3	3.127	Q1
3	Trinh, C.T., Nguyen, X., and Sgro, P., 2021. Culture and the demand for non-life insurance: Empirical evidences from middle-income and high-income economies. Economics of Transition and Institutional Change, 1-28, doi: 10.1111/ecot.12274		2577-6983	0.900	Q2
4	Trinh Cong Tam, Chi-Chur Chao, Ho Nhut Quang: Private health insurance consumption and public health-care provision in OECD countries: Impact of culture, finance, and the pandemic. North American Journal of Economics and Finance : Published online (November 2022).		1062-9408	3.136	Q2

2.2. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục Scopus

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Xếp hạng (Q1, Q2, Q3, Q4)

2.3. Đăng trên tạp chí Quốc tế khác

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.4. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.5. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1	Le Dau Thao Vy, Alang Tho, Trinh Cong Tam: INVESTIGATING DETERMINANTS OF WORK-FROM-HOME PRODUCTIVITY DURING COVID-19 PANDEMIC: A CASE STUDY OF TEACHERS. In proceedings of5th International Conference on Economics, Business and Tourism. ISBN 978-604-73-9144-8. International University: (August 2022).		978-604-73-9144-8	
2	Trinh Cong Tam, Ha Minh Tri, Ho Nhut Quang, Alang Tho: Do Culture, Public Health Spending, and Economic Freedom Explain Life Insurance Consumption? An International Comparison. In proceedings of38th EBES CONFERENCE. ISBN 978-605-80042-8-3. University of Warsaw: (January 2022).		978-605-80042-8-3	

2.6. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú

V. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	*Tên giải thưởng*	*Nội dung giải thưởng*	*Nơi cấp*	*Năm cấp*
1				

2				

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	*Tên bằng*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	*Tên giải pháp*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	*Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao*	*Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng*	*Năm chuyển giao*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*
1				
2				

VI. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	*Thời gian*	*Tên chương trình*	*Chức danh*

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	*Thời gian*	*Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị*	*Chức danh*
01	12-14/July/2022	Women Entrepreneurs in Asia (WEA 2022): Empowering vulnerable communities, do Monash University và Đại học quốc tế đồng tổ chức	Co-organizer
02	28-30/October/2021	2021 Vietnam Symposium in Banking and Finance	Chair of Session
03	31/Oct-01/Nov/2022	2022 Vietnam Symposium in International Business	Chair of Session

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	*Thời gian*	*Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu*	*Nội dung tham gia*

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

TP.HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2023.
Người khai
(ký tên)



TRỊNH CÔNG TÂM

CURRICULUM VITAE

TIEN NGUYEN (REI)

Tien Nguyen (Rei), Ph.D.
Department of Finance and Banking
International University -
National University of Vietnam HCMC
Email: nctien@hcmiu.edu.vn
Phone: (+84) (0)906318893



Qualifications

- Ph.D. Accounting, Auckland University of Technology, New Zealand 2019
- M.Phil. Finance and Banking, Université de Lille 2, France 2014
- M.Sc. International Economics and Finance, University of Queensland, Australia 2006

Awards and Honors

- Doctoral Scholarship, Vietnam International Education Development (VIED) - Auckland University of Technology, 2015 – 2019.
- PhD Student Grant, the American Accounting Association (AAA), International Accounting Section (IAS). Paper was selected to be presented in the 14th IAS Doctoral/New Faculty Consortium, January 2018, California, US.
- CPA Best PhD Paper Award, for the paper titled "Value relevance of goodwill under impairment and amortization regimes - The role of country institutional environment and governance", The 16th Annual Auckland Region Accounting (ARA) Conference, November 2017, Auckland NZ.
- PhD Student Grant, American Accounting Association, International Section, for presenting the paper "The relevance of goodwill accounting and disclosure practice in Vietnam" at the AAA Annual Meeting, August 2015, Chicago, US.
- Research Grant, Vietnam National University HCMC - International University, 2010.
- HCMC People Committee's Chairman's Commendation for Highest Achievement, the Baccalaureate Exam 1999, VN.

Areas of interest

Financial Reporting, International Accounting, Accounting Regulation, and Institutional Governance Mechanisms.

Memberships and Affiliations

- American Accounting Association (AAA)
- Accounting and Finance Association of Australia and New Zealand (AFAANZ)

Academic Positions

- Senior Lecturer in Finance & Banking, Vietnam National University HCMC – International University, 2006 – now
- Visiting Scholar in Finance, University of Massachusetts, Amherst, USA 2010

Teaching Experience

Vietnam National University HCMC - International University

- Financial Reporting Analysis and Business Valuation, 2010 – now (Paper Co-ordinator)
- Financial Management, 2006 – now (Paper Co-ordinator)
- International Financial Management, 2006 - 2014

Auckland University of Technology

- Accounting Practice and System, 2016 - 2017

Professional Service

- Reviewer for: Pacific Accounting Review (2018, 2022)

Conferences

Nguyen, C.T., Rahman, A. R. and Kabir, H. (2019), How do firm delay goodwill impairment, External Reporting Board (XRB) Research Forum 2020, Auckland, NZ

Nguyen, C.T., Rahman, A. R. and Kabir, H. (2019), Does strength of enforcement lead to more real activities management? – An unintended consequence of stronger enforcement, Accounting

and Finance Association of Australia and New Zealand (AFAANZ) Annual Meeting July 2019, Auckland, NZ

Nguyen, C.T., Rahman, A. R. and Kabir, H. (2019), Is goodwill impairment under IFRS timely?, American Accounting Association (AAA), International Accounting Section Annual Meeting 2019, Florida, USA

Nguyen, C.T., Rahman, A. R. and Kabir, H. (2018), Goodwill with impairment or with amortization?, American Accounting Association (AAA), Annual Meeting August 2018, Washington D.C., USA

Nguyen, C.T., Rahman, A. R. and Kabir, H. (2018), Goodwill relevance in an international setting, Accounting and Finance Association of Australia and New Zealand (AFAANZ) Annual Meeting July 2018, Auckland, NZ

Nguyen, C.T. (2017), Value relevance of goodwill under impairment and amortization regimes - The role of country institutional environment and governance, The 16th Annual Auckland Region Accounting (ARA) Conference, November 2017, Auckland NZ.

Nguyen, C. T., Rahman, A. R. and L. Nguyen (2015), The relevance of goodwill accounting and disclosure practice in Vietnam, American Accounting Association (AAA), Annual Meeting August 2015, Chicago, USA.

Referees

Professor Asheq R. Rahman

Head of Department of Accounting, Faculty of Business & Law, Auckland University of Technology

Email: asheq.rahman@aut.ac.nz; Phone: +64 9 921 9999 – ext. 7919

Dr. Humayun Kabir

Senior Lecturer, Faculty of Business & Law, Auckland University of Technology

Email: humayun.kabir@aut.ac.nz; Phone: +64 9 921 9999 – ext. 5143

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: NGUYỄN PHƯƠNG ANH

2. Ngày sinh: 07 tháng 11 năm 1975 **3. Nam/nữ:** Nữ

4. Nơi đang công tác:

Trường/viện: Đại Học Quốc Tế

Phòng/ Khoa: Khoa Kinh tế Tài chính Kế toán

Bộ môn: Tài chính Ngân hàng

Phòng thí nghiệm:

Chức vụ: Giảng viên

5. Học vị: Tiến sĩ **năm đạt:** 2000

6. Học hàm: **năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	**Địa chỉ**	Trường Đại Học Quốc Tế - Đại học Quốc gia TPHCM Khu Phố 6, Linh trung, TP Thủ đức, TPHCM	
2	**Điện thoại/ fax**		0903800018
3	**Email**	npanh@hcmiu.edu.vn	nguyen_pa@yahoo.fr
4	**Website**	www.hcmiu.edu.vn	

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
	Anh	x			x			x			x		
	Pháp	x			x			x			x		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
2001 – 2004	Giảng viên Đại học Quốc tế RMIT, TP. Hồ Chí Minh.	

2004 – 2005	Giảng viên Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.	
2005 – 2012	Giảng viên Khoa Toán Tin ứng dụng, Đại học Bách khoa Hà Nội.	Trưởng Bộ môn Toán ứng dụng (từ 2008 đến 2012)
Từ 1/2013 đến 9/2022	Giảng viên Khoa Quản trị Kinh doanh, Đại học Quốc tế, ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh	Phó Trưởng phòng Quản lý Khoa học (từ 3/2014 đến 8/2018)
Từ 9/2022 đến nay	Giảng viên Khoa Kinh tế Tài chính Kế toán, Đại học Quốc tế, ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh	

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
Cử nhân	19921995	Đại học Tổng hợp Toulouse III, CH Pháp	Toán ứng dụng	
Cao học	1995-1997	Đại học Tổng hợp Toulouse III, CH Pháp	Toán ứng dụng	Điều khiển tối ưu điểm cho phương trình truyền nhiệt - khuyếch tán
Tiến sĩ	1997-2000	Đại học Tổng hợp Toulouse III, CH Pháp	Toán ứng dụng	Điều khiển tối ưu với điều khiển giới hạn trên đa tạp của phương trình bán tuyến tính và hệ Boussinesq

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- **Lĩnh vực:** Kinh Tế và Quản Lý, Toán ứng dụng
- **Chuyên ngành:** Toán ứng dụng trong Quản lý, Kinh tế và Tài chính
- **Chuyên môn:** Kinh tế lượng, Các phương pháp định lượng ứng dụng

2. Quá trình nghiên cứu

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*
1	Điều khiển tối ưu của dòng chảy	T2009-38 Đề tài cấp trường	2009		Chủ nhiệm	31/12/2009	Đạt
2	Một số vấn đề nghiên cứu chọn lọc trong Quy hoạch toán học và ứng dụng	101.01.43.09 Đề tài NCCB cấp nhà nước	12/2009-12/2012	316	Chủ nhiệm	3/2013	Đạt

		Nafosted					
3	Hội tụ năng suất, hiệu quả và hội tụ thu nhập theo vùng: Lý thuyết và thực nghiệm.	II2.2-2012.18 Đề tài NCCB cấp nhà nước Nafosted	2013-2015		Tham gia	2015	
4	Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng Việt Nam: một số kết quả mới dùng phương pháp phi tham số	Đề tài cấp ĐHQG loại C	2017-2020	120	Chủ nhiệm	2020	Tốt
5	Các tình huống giảng dạy sinh viên ngành Quản trị Kinh doanh	Đề tài cấp ĐHQG loại C	2016-2018		Tham gia	10/2018	

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	*Tên SV, HVCH, NCS*	*Tên luận án*	*Năm tốt nghiệp*	*Bậc đào tạo*	*Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)*
1	Vũ Minh Tâm	Phương pháp SQP giải bài toán quy hoạch phi tuyến	2010	Thạc sĩ	
2	Nguyễn Trần Hoàng Bảo	Mô hình xác định ảnh hưởng của FDI đến năng suất doanh nghiệp Việt nam trong lĩnh vực Vận tải và Viễn thông từ 2000 đến 2008	2010	Thạc sĩ	
3	Trần Nam Trung	Điều khiển tối ưu: lý thuyết và ứng dụng trong Kinh tế	2012	Thạc sĩ	
4	Trần Tuấn Thanh	Mô hình Toán học cho mối liên hệ dài hạn giữa lãi suất danh nghĩa và lạm phát.	2013	Thạc sĩ	
5	Võ Hoàng Khánh	Comparing returns generated by various investment strategies of Listed companies on HOSE	2013	Đại học	
6	Nguyễn Phương Quý	Evaluating the Efficiency of Vietnamese Commercial Banks using DEA	2013	Đại học	
7	Nguyễn Phan Tuấn Đạt	Constructing the efficiency scoring model for Vietnamese Banking System	2014	Đại học	
8	Huỳnh Ngọc Anh	Malmquist TFP Index and DEA Frontiers in Efficiency and Productivity Analysis : Vietnamese	2014	Đại học	

		Commercial Banks			
9	Nguyễn Việt Thịnh	Longterm relationship between gold and stock prices in Vietnam	2014	Đại học	
10	Nguyễn Việt Long	Vietnamese commercial banks Efficiency And Productivity in consideration of Non-Performing Loans: a DEA and Malmquist Index	2015	Đại học	
11	Phạm Huỳnh Trâm	Measuring the efficiency and productivity of commercial banks in Vietnam using Fare-Primont TFP index approach	2015	Đại học	
12	Phan Thị Thanh Trúc	Foreign exchange exposure of domestic corporations in Vietnam: a study of listed companies on HOSE	2015	Đại học	
13	Nguyễn Thanh Thảo	The longterm relationship between real exchange rate and real interest rates in Vietnam	2015	Đại học	
14	Hứa Đình Huy	Evaluating the efficiency of Vietnam's Commercial Banks: the comparison of DEA and SFA	2015	Đại học	
15	Nguyễn Tiến Đạt	Measurement of competitiveness degree in Vietnamese Commercial Banks: An application of the Panzar and Rosse Model.	2015	Đại học	
16	Nguyễn Việt Long	Impact of diversification on the efficiency of Vietnamese Commercial Banks	2018	Thạc sĩ	
17	Cheol Lee	Comparative Analysis of determinants on ODA flowed from Japan and Korea to Asia	2018	Thạc sĩ	
18	Bùi Khánh An	The effect of mergers and acquisitions on the efficiency of Vietnamese commercial banks using Fare-Primont Index	2019	Thạc sĩ	
19	Nguyễn Thị Kiều Nương	Measuring Market Risk with Expectiles	2019	Thạc sĩ	
	Nguyễn Thị Thanh Tâm	CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ LÀM VIỆC NHÓM	2020		

		CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC NGÀNH TUYÊN GIÁO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH		Thạc sĩ	
	Trương Ngọc Thu Oanh	CREDIT RATING BY LOGISTIC REGRESSION: A CASE STUDY OF COMMERCIAL BANK IN VIETNAM	2018	Thạc sĩ	
	Trần Thanh Thảo	MERGERS, ACQUISITIONS AND BANK EFFICIENCY: AN APPLICATION USING THE DATA ENVELOPMENT ANALYSIS IN VIETNAM	2017	Thạc sĩ	

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	***Tên sách***	***Sản phẩm của đề tài/ dự án*** *(chỉ ghi mã số)*	***Nhà xuất bản***	***Năm xuất bản***	***Tác giả/ đồng tác giả***	***Bút danh***
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	***Tên sách***	***Sản phẩm của đề tài/ dự án*** *(chỉ ghi mã số)*	***Nhà xuất bản***	***Năm xuất bản***	***Tác giả/ đồng tác giả***	***Bút danh***
1						
2						

2. Các bài báo (5 năm gần nhất)

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục SCI-E/ SSCI

TT	**Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản**	**Sản phẩm của đề tài/ dự án** *(chỉ ghi mã số)*	**Số hiệu ISSN**	**Điểm IF**	**Xếp hạng** (Q1, Q2, Q3, Q4)
1	Nguyen Phuong Anh, Nguyen Nhu Phuong, Le Huu Minh Duc: SYSTEMIC		1466-4283	1.9	Q2

	RISK AND FINANCIAL SYSTEM NETWORK USING FINANCIAL RISK METER: THE CASE OF VIETNAM. Applied Economics : Published online (February 2023).				
2	Nguyen Phuong Anh, Uong Thuy Anh Tram, Nguyen Quang Dung: How Small and Medium-sized Enterprise Innovation Affects Credit Accessibility: the case of Vietnam. Sustainability : Published online (November 2020).		2071-1050	2.798	Q2
3	Nguyen Phuong Anh, Jean-Pierre Raymond: Boundary stabilization of the Navier-Stokes equations in the case of Mixed boundary conditions. SIAM JOURNAL ON CONTROL AND OPTIMIZATION 53(5): 3006-3039 (September 2015).		10957138	2.267	Q1
4	Nguyen Phuong Anh, Michel Simioni: Productivity and Efficiency of Vietnamese Banking System: New evidence using Fare-Primont Index Analysis. Applied Economics : 4395-4407 (April 2015).		00036846	1.9	Q2

2.2. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục Scopus

TT	**Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản**	**Sản phẩm của đề tài/ dự án** *(chỉ ghi mã số)*	**Số hiệu ISSN**	**Điểm IF**	**Xếp hạng** (Q1, Q2, Q3, Q4)
1	Nguyen Phuong Anh, Nguyen Thi Thanh Thuy: THE EFFECT OF MERGERS AND ACQUISITIONS ON THE EFFICIENCY OF VIETNAM BANKING SYSTEM DURING THE RESTRUCTURING PERIOD. Cogent Economics and Finance : Published online (September 2022).		2332-2039		Q2
2	Nguyen Phuong Anh, Tran Bich Le, Michel Simioni: OPTIMAL CAPITAL ADEQUACY RATIO: AN INVESTIGATION OF VIETNAMESE COMMERCIAL BANKS USING TWO-STAGE DEA. Cogent Business & Management : Published online (January 2021).		2331-1975		Q2
3	Nguyen Phuong Anh, Pham Linh Dan: Non-parametric Analysis of Bank Merger Gains: the case of Vietnam. Cogent Business & Management : Accepted (August 2020).		2331-1975		Q2
4	Nguyen Phuong Anh, Pham Linh Dan: Non-parametric Analysis of Bank Merger Gains: the case of Vietnam. Vol 7 (1) . Cogent Business & Management : Published online (August 2020).		23311975		Q2
5	Ta Minh Tri, Nguyen Phuong Anh: EFFECT OF BANK MERGER ON EFFICIENCY USING STOCHASTIC FRONTIER ANALYSIS: THE CASE OF VIETNAM. Journal of Critical Reviews 7(16): 320-329 (June 2020).		2394-5125		
6	Nguyen Thi Thuy Huong, Nguyen Phuong Anh: ESTIMATING POTENTIAL GAINS FROM BANKS MERGERS IN VIETNAM USING TWO-STAGE DATA ENVELOPMENT ANALYSIS. Journal of Critical Reviews 7(16): 330-339 (June 2020).		2394-5125		

2.3. Đăng trên tạp chí Quốc tế khác

TT	**Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản**	**Sản phẩm của đề tài/ dự án** *(chỉ ghi mã số)*	**Số hiệu ISSN**	**Điểm IF**
1	Nguyen Hoang Le Trang, Nguyen Phuong Anh: The Impacts of Fiscal and Macroeconomic Factors on Vietnam Government Bond Yield. International Journal of Economics and Finance 14(8): 23-35 (August 2022).		1916-971X	0
2	Nguyen Bao Ngoc, Nguyen Phuong Anh: An Investigation of the Efficiency of Insurance Companies in Vietnam - Using Data Envelopment Analysis and Malmquist Index. Journal of Asian Finance, Economics and Business : Published online (July 2022).		2288–4637	0
3	Nguyen Phuong Anh, Dinh Thi Thuy Trang: Factors Affecting Bank Risks in Vietnam. International Journal of Economics and Finance : Accepted (August 2021).		1916-9728	0
4	Luong Thi Minh Nhi, Nguyen Phuong Anh: Optimal CAR for commercial banks: empirical evidence from Vietnam. Journal of Asian Finance Economics Business : Accepted (August 2021).		2288-4645	0

2.4. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1	Huynh Thi My Linh, Nguyen Thi Ngoc Tram, Nguyen Phuong Anh: Target Risk of Portfolio with Return Constraints: Portfolio Optimization using Conditional Value-At-Risk. Journal of Mathematical Applications 16(1): 85-100 (December 2018).		18594492	
2	Nguyen Phuong Anh, Michel Simioni: Non-parametric Methods and Applications in Economics. Vietnam Journal of Mathematical Applications 12(2): 1-24 (December 2014).		1859-4492	

2.5. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1	Huynh Tuan Cuong, Vo Xuan Hong, Nguyen Phuong Anh: Bank efficiency analysis and the choice of risk control variables: the case of Vietnamese commercial banks. In proceedings ofICBMATH. ISBN 978-967-15509-6-0. Thailand: (August 2018).		978-967-15509-6-0	
2	Le Ngoc Truc Anh, Nguyen Phuong Anh: Applying PCA to stock portfolio management in HOSE. In proceedings ofVIAMC. ISBN 978-604-80-3259-3. Vietnam: (December 2017).		978-604-80-3259-3	
3	Cheol Lee, Nguyen Phuong Anh: Comparative analysis of determinants of ODA flowed from Korea and Japan to Asia. In proceedings of VIAMC. ISBN 978-604-80-3259-3. Vietnam: (December 2017).		978-604-80-3259-3	
4	Nguyen Ngoc Son An, Nguyen Phuong Anh: Pricing the insurance products with GLM. In proceedings ofVIAMC. ISBN 978-604-80-3259-3. Vietnam: (December 2017).		978-604-80-3259-3	
5	Nguyen Thao Uyen, Le Dang Thuy Trang, Nguyen Phuong Anh: THE EFFICIENCY OF VIETNAMESE COMMERCIAL BANKS DURING THE RESTRUCTURING PERIOD USING DATA ENVELOPMENT ANALYSIS. In proceedings ofVietnam International Applied Mathematics Conference. ISBN 978-604-80-3259-3. Vietnam: (December 2017).		978-604-80-3259-3	
6	Nguyen Viet Long, Nguyen Phuong Anh: Impact of diversification on efficiency of commercial banks: evidence from Vietnam. In proceedings ofNIDA. ISBN 978-974-231-927-4. Thailand: (March 2017).		978-974-231-927-4	
7	Nguyen Viet Long, Nguyen Phuong Anh, Michel Simioni: How non-performing loans affect the efficiency and productivity of Vietnamese commercial banks: a non-parametric assessment . In proceedings ofAPIEMS. ISBN APIEMS. Vietnam: (December 2015).		APIEMS	
8	Nguyen Phan Tuan Dat, Nguyen Phuong Anh, Phan Tat Hien, Michel Simioni: Financial Ratios and Efficiency of Vietnamese Commercial Banks: a Semi-parametric Approach. In proceedings ofNew Perspectives in Business, Economics and Management Research and Practice. ISBN 978-616-92401-0-5. Vietnam: (July 2015).		978-616-92401-0-5	

2.6. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	*Tên giải thưởng*	*Nội dung giải thưởng*	*Nơi cấp*	*Năm cấp*
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	*Tên bằng*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án* *(chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	*Tên giải pháp*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án* *(chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	*Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao*	*Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng*	*Năm chuyển giao*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án* *(chỉ ghi mã số)*
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	*Thời gian*	*Tên chương trình*	*Chức danh*
	2012	**Báo cáo thường niên Chỉ số tín nhiệm Việt Nam**, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, 2012	Thành viên Hội đồng biên soạn
	2013	**Báo cáo thường niên Chỉ số tín nhiệm Việt Nam**, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, 2013	Thành viên Hội đồng biên soạn
	2014	**Báo cáo thường niên Chỉ số tín nhiệm Việt Nam**, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, 2014	Thành viên Hội đồng biên soạn
	Từ 2013	**Thành viên Hội đồng Khoa học Công ty CP Xếp hạng Tín nhiệm doanh nghiệp Việt Nam CRV**	Chuyên gia cao cấp

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	*Thời gian*	*Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị*	*Chức danh*
	12/2014 và 12/2017	**Hội nghị Quốc tế về Toán ứng dụng, ĐH Sài gòn, TP HCM**	Ban Tổ chức
	12/2015	**Hội nghị Châu Á Thái Bình Dương về Quản lý Hệ thống Công nghiệp APIEMS, ĐH Quốc tế, TP HCM**	Ban Tổ chức

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	*Thời gian*	*Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu*	*Nội dung tham gia*
	6-7/2010	Đại học Tổng hợp Toulouse 3, CH Pháp	Hợp tác nghiên cứu
	4/2011	Đại học Kyoto, Nhật Bản	Báo cáo mời tại Hội thảo Toán ứng dụng và Tin học tại Kyoto
	6-7/2011	Đại học Tổng hợp Toulouse 3, CH Pháp	Hợp tác nghiên cứu
	12/2011	ĐH Ecole Centrale de Paris, CH Pháp	Báo cáo mời và thảo luận hợp tác nghiên cứu
	6/2012	Đại học Tổng hợp Toulouse 3, CH Pháp	Hợp tác nghiên cứu
	7/2012	Viện Quản trị Rủi ro, ĐH Quốc gia Singapore (NUS)	Thảo luận hợp tác nghiên cứu và phát triển các chương trình về Quản trị Rủi ro
	12/2012	ĐH Ecole Centrale de Paris, CH Pháp	Hợp tác nghiên cứu
	12/2012	RiskLab, ĐH Bách khoa Thụy Sĩ (ETH), Zurich	Thảo luận hợp tác nghiên cứu và phát triển các chương trình về Quản trị Rủi ro
	9-10/2012	Viện Toán cao cấp	Báo cáo và hợp tác nghiên cứu
	12/2015	Đại học Quốc gia Singapore (NUS)	Tổ chức chủ trì tiểu ban chuyên môn và báo cáo mời tại Hội nghị Quốc tế về Computing Statistics IASC-ARS
	2016	RiskLab, ĐH Bách khoa Thụy Sĩ (ETH), Zurich	Thảo luận hợp tác nghiên cứu
	11/2019	Humboldt University of Berlin, Germany	Hợp tác nghiên cứu và giảng dạy
	7/2022	University of Zurich	Hợp tác nghiên cứu

TP.HCM, ngày 26 tháng 2 năm 2023

Nguyễn Phương Anh

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

(Biểu mẫu 2)

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Thông tin trong 5 năm gần nhất và có liên quan trực tiếp đến đề tài/dự án đăng ký)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: Võ Khánh Thiện
2. Ngày sinh: 25/03/1995
3. Nam/nữ: Nam
4. Nơi đang công tác:

Trường/viện: Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh
Phòng/ Khoa: Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế Toán
Bộ môn:Tài Chính
Phòng thí nghiệm:
Chức vụ: Giảng viên

5. Học vị: Thạc sỹ năm đạt: 2019
6. Học hàm: không
7. Liên lạc: 0789684999

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	Địa chỉ	Khu phố 6, Tp Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh	27 đường số 9, Phước Kiểng, Nhà Bè, Tp Hồ Chí Minh
2	Điện thoại/ fax	02837244270	0789684999
3	Email		vkthien@hcmiu.edu.vn

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
1	Anh Văn	x			x			x			x		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
Từ 2021 đến nay	Trường Đại học Quốc tế	Giảng viên
Từ 2020 đến 2021	Đại học RMIT Việt Nam	Nhân viên nghiên cứu

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
Đại học	2013 – 2017	RMIT University	Economics and Finance	Không
Thạc sỹ	2017 – 2019	RMIT University	Finance	Không

Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu
Lĩnh vực chuyên môn:
Lĩnh vực: Business
Chuyên ngành: Finance, Management
Chuyên môn: Financial Management, Investment, Derivative, Evaluation, Innovation Management
Hướng nghiên cứu:
Fintech; Policy, legal framework stimulating Fintech
Innovation management

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

Đề tài/dự án

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*
1	Không						

Hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	*Tên SV , HVCH, NCS*	*Tên luận án*	*Năm tốt nghiệp*	*Bậc đào tạo*	*Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)*
1	Không			Đại học	

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*
1	Không					

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*
1	Không					

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)*	*Điểm IF*
1	Không			

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISSN*	*Ghi chú*
1	Không			

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISBN*	*Ghi chú*
1	Vo Khanh Thien: The Impact of Covid 19 on Digital Transformation Progress - A general outlook. In proceedings of In proceedings of 5th International Conference on Economics, Business and Tourism. ISBN 978-604-73-9144-8. https://bs.hcmiu.edu.vn/?fbclid=IwAR2WOxGTLK2el2DkZcK3nglG9f39-0unQfzfIw2508kXLqhK9En_KZ8bHwg#/researches/15: International University_VNU HCMC (August 2022).		978-604-73-9144-8	

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISBN*	*Ghi chú*

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	*Tên giải thưởng*	*Nội dung giải thưởng*	*Nơi cấp*	*Năm cấp*
1	Không			

2. Bằng phát minh, sáng chế (patent)

TT	*Tên bằng*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*
1	Không					

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	*Tên giải pháp*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*

		(chỉ ghi mã số)				
1	Không					

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	*Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao*	*Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng*	*Năm chuyển giao*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*
1	Không			

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	*Thời gian*	*Tên chương trình*	*Chức danh*

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	*Thời gian*	*Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị*	*Chức danh*

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	*Thời gian*	*Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu*	*Nội dung tham gia*

Ngày 26 tháng 02 năm 2023
Người khai
(Họ tên và chữ ký)



Võ Khánh Thiện

Đại học Quốc gia TP.HCM
Trường Đại học Quốc tế

LÝ LỊCH KHOA HỌC

Ảnh 3x4
Cập nhật

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: TRỊNH THU NGA
2. Ngày sinh: 21 tháng 02 năm 1980 3. Nam/nữ: Nữ
4. Nơi đang công tác:
- *Trường/viện:* Trường Đại học Quốc tế - ĐHQG TPHCM
- *Phòng/khoa:* Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán
- *Bộ môn:* Tài chính-Ngân hàng
- *Phòng thí nghiệm:*
- *Chức vụ:* Giảng viên

5. Học vị: Tiến sĩ Năm đạt: 2016
6. Học hàm: Năm phong:
7. Liên lạc:

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	Địa chỉ	Khu phố 6, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, TP.HCM	36 Đường số 2 Cư xá Bình Thới, P.8, Q.11, TP.HCM
2	Điện thoại/ fax	(028) 37244270 (ext: 3230) / (028) 37244271	0939489597
3	Email	ttnga@hcmiu.edu.vn	ngattri@gmail.com
4	Website	http://www.hcmiu.edu.vn	

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
1	Tiếng Anh	X			X			X			X		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
10/2019-nay	Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc gia TP.HCM	Giảng viên
8/2016-5/2019	Đại học Minnesota Duluth (Hoa Kỳ)	Giáo sư trợ lý
2/2009-6/2011	Đại học Hoa Sen	Giảng viên
4/2003-1/2006	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh TP.HCM	Chuyên viên tín dụng

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
Tiến sĩ	2011-2016	Đại học Texas Tech, Hoa Kỳ	Tài chính	Điều chỉnh giá IPO: Tác động cạnh tranh và thông tin
Thạc sĩ	2007-2008	Đại học Monash, Úc	Tài chính-Ngân hàng	
Đại học	1998-2003	Đại học Luật TP.HCM	Luật Thương mại	Pháp luật trong lĩnh vực cho vay theo quy chế đồng tài trợ
Đại học	1998-2002	Đại học Kinh tế TP.HCM	Tài chính-Tiền tệ-Tín dụng	Các biện pháp bảo đảm tín dụng

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Kinh tế - Tài chính
- Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng
- Chuyên môn: Tài chính doanh nghiệp, Đầu tư và định giá tài sản, Thị trường và các tổ chức tài chính

Hướng nghiên cứu: Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng

2. Quá trình nghiên cứu

TT	Tên đề tài/dự án	Mã số & cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Kinh phí *(triệu đồng)*	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Tác động của sự bất ổn về chính sách kinh tế và các yếu tố khác đến việc duy trì thanh khoản của doanh nghiệp ngành năng lượng Úc	T2020-03-BA Cấp trường	18 tháng (2/2021-8/2022)	30	Chủ nhiệm	20/6/2022	Đạt

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	Tên SV, HVCH, NCS	Tên luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1. Sách xuất bản Quốc tế

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục SCI-E/ SSCI

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Xếp hạng (Q1, Q2, Q3, Q4)

2.2. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục Scopus

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Xếp hạng (Q1, Q2, Q3, Q4)
1	Trinh Thu Nga, Nguyen Pham Thien Thanh, Nghiem Hong Son: Economic policy uncertainty and other determinants of corporate cash holdings of Australian energy companies. International Journal of Energy Sector Management : Published online (March 2022).	T2020-03-BA	1750-6220	1.721	Q2

2.3. Đăng trên tạp chí Quốc tế khác

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.4. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.5. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1	Nga Trinh, Điều chỉnh giá IPO: Tác động cạnh tranh và thông tin, Hội nghị thường niên của FMA, tháng 10/2015, Orlando, Florida, U.S.			

2.6. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(Chỉ ghi mã số)*	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(Chỉ ghi mã số)*	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

4. Ứng dụng thực tiễn

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị	Chức danh
1	2014-2019	Hiệp hội Tài chính Hoa Kỳ (AFA)	Thành viên
2	2013-2019	Hiệp hội Quản trị tài chính Hoa Kỳ (FMA)	Thành viên

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

TP.HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

Người khai



Trịnh Thu Nga



Đại học Quốc gia
Thành phố Hồ Chí Minh

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: TRƯƠNG DIỆU KHIÊM

2. Ngày sinh: **3. Nam/nữ:**

4. Nơi đang công tác:

- *Trường/viện:* Trường Đại học Quốc tế ĐHQG TPHCM
- *Phòng/khoa:* Khoa Kinh tế Tài chính Kế toán
- *Bộ môn:*
- *Phòng thí nghiệm:*
- *Chức vụ:* Giảng viên Khoa Quản trị Kinh doanh

5. Học vị: Thạc sĩ **Năm đạt:**

6. Học hàm: **Năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	**Địa chỉ**	Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	
2	**Điện thoại/fax**		
3	**Email**	tdkhiem@hcmiu.edu.vn	
4	**Website**		

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB

9. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực:

- Chuyên ngành:

- Chuyên môn:

Hướng nghiên cứu:

2. Quá trình nghiên cứu

TT	Tên đề tài/dự án	Mã số & cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Kinh phí *(triệu đồng)*	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	Tên SV, HVCH, NCS	Tên luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1. Sách xuất bản Quốc tế

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục SCI-E/ SSCI

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Xếp hạng (Q1, Q2, Q3, Q4)

2.2. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục Scopus

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Xếp hạng (Q1, Q2, Q3, Q4)
1	Truong Dieu Khiem: CORPORATE GOVERNANCE AND FINANCIAL DISTRESS: AN ENDOGENOUS SWITCHING REGRESSION MODEL APPROACH. Cogent Economics and Finance : Published online (August 2022).		2332-2039	2.3	Q2

2.3. Đăng trên tạp chí Quốc tế khác

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF
1	Truong Dieu Khiem: Firm Characteristics and Cash Holdings Speed of Adjustment: Evidence from Vietnam. Journal of Asian Finance, Economics and Business : Accepted (August 2021).		2288-4645	3.1
2	Truong Dieu Khiem: The determinants impacts on the profitability of the Vietnamese commercial banks in the periods of 2010 to 2017. JOURNAL OF SOCIAL SCIENCE RESEARCH 14: 3282-3303 (August 2019).		2321-1091	0

2.4. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.5. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú

2.6. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(Chỉ ghi mã số)*	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(Chỉ ghi mã số)*	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

4. Ứng dụng thực tiễn

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

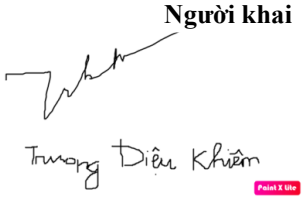
TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

TP.HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2023

Người khai



Đại học Quốc gia TP.HCM
Trường Đại học Quốc tế

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: LÊ ĐẶNG THÙY TRANG

2. Ngày sinh: **3. Nam/nữ:**

4. Nơi đang công tác:

- *Trường/viện:* Trường Đại học Quốc tế ĐHQG TPHCM
- *Phòng/khoa:* Khoa Kinh tế Tài chính Kế toán
- *Bộ môn:*
- *Phòng thí nghiệm:*
- *Chức vụ:* Phó Trưởng Phòng Kế hoạch Tài chính

5. Học vị: Thạc sĩ **Năm đạt:**

6. Học hàm: **Năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	**Địa chỉ**	Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	
2	**Điện thoại/fax**		0357596610
3	**Email**	ldttrang@hcmiu.edu.vn	
4	**Website**		

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB

9. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực:

- Chuyên ngành:

- Chuyên môn:

Hướng nghiên cứu:

2. Quá trình nghiên cứu

TT	Tên đề tài/dự án	Mã số & cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Kinh phí *(triệu đồng)*	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	Tên SV, HVCH, NCS	Tên luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1. Sách xuất bản Quốc tế

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh
1	Phân tích những nhân tố tác động đến công ty cổ phần sữa TH		Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	2018	Le Dang Thuy Trang	

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục SCI-E/ SSCI

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Xếp hạng (Q1, Q2, Q3, Q4)

2.2. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục Scopus

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Xếp hạng (Q1, Q2, Q3, Q4)

2.3. Đăng trên tạp chí Quốc tế khác

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.4. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.5. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1	Nguyen Thao Uyen, Le Dang Thuy Trang, Nguyen Phuong Anh: THE EFFICIENCY OF VIETNAMESE COMMERCIAL BANKS DURING THE RESTRUCTURING PERIOD USING DATA ENVELOPMENT ANALYSIS. In proceedings ofVietnam International Applied Mathematics Conference. ISBN 978-604-80-3259-3. Vietnam: (December 2017).		978-604-80-3259-3	
2	Le Minh Hung, Le Dang Thuy Trang, Phan Hoang Phuong Uyen, Nguyen Van Phuong: FACTORS AFFECTING TURNOVER INTENTION AND JOB SATISFACTION OF FRONTLINE EMPLOYEES. CASE STUDY OF SEVEN HOTELS IN VUNG TAU AND HO CHI MINH CITY, VIETNAM. In proceedings ofNew Perspectives in Business, Economics and Management Research and Practice. ISBN . Vietnam: (July 2015).			
3	Nguyen Ba Huan, Le Dang Thuy Trang, Nguyen Van Phuong: Factors Impacts on Entrepreneurship Intention of University Students. A Study in Vietnam National University. In proceedings ofNew Perspectives in Business, Economics and Management Research and Practice. ISBN . Vietnam: (July 2015).			

2.6. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(Chỉ ghi mã số)*	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(Chỉ ghi mã số)*	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

4. Ứng dụng thực tiễn

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

TP.HCM, ngày.....tháng.....năm.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

Người khai



Lê Đặng Thùy Trang

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: NGUYỄN PHƯƠNG THẢO

2. Ngày sinh: 09/06/1989 **3. Nam/nữ:** Nữ

4. Nơi đang công tác:

- *Trường/viện:* Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh
- *Phòng/ Khoa:* Quản trị kinh doanh
- *Bộ môn:* Kế toán Kiểm toán
- *Phòng thí nghiệm:*
- *Chức vụ:* Giảng viên

5. Học vị: Thạc sĩ **năm đạt:** 2012

6. Học hàm: **năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	**Địa chỉ**	Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Khu phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.	12 Tôn Dân, Phường 13, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.
2	**Điện thoại/ fax**	(+84 8) 372 44 270 Ext. 3230	
3	**Email**	thaonp@ hcmiu.edu.vn	
	Website	http://www.hcmiu.edu.vn	

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
1	Tiếng Anh	X			X			X			X		
2													

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
Từ 01/06/2014 đến nay	Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.	Giảng viên
Từ 03/06/2013 đến 31/05/2014	Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.	Chuyên viên trợ giảng

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
Thạc sĩ	10/2011 – 11/2012	University of Bristol, United Kingdom	MSc in Economics, Finance and Management	Forecasting Inflation: An Empirical Comparison of Models' Accuracy - A Case in Vietnam
Đại học	01/2009 – 06/2011	Birmingham City University, United Kingdom	BA (Hons) Business Studies	

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- **Lĩnh vực:** Khoa học xã hội
- **Chuyên ngành:** Kinh tế tài chính
- **Chuyên môn:** Tài chính kế toán
- *Hướng nghiên cứu:* Tài chính kế toán

2. Quá trình nghiên cứu

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	*Tên SV ,HVCH, NCS*	*Tên luận án*	*Năm tốt nghiệp*	*Bậc đào tạo*	*Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)*
	Nguyễn Kim Thanh	The Relationship between Ownership Concentration, Equity Liquidity and Captial Structure: A Case Study on Non-financial Firms Listed in HOSE during 2013-2016	2017	Đại học	
	Trần Thái Yến Bình	The impact of market size through gross regional domestic product on foreign direct investment in four cities/provinces: Ho Chi	2016	Đại học	

		Minh city, Hanoi, Ba Ria – Vung Tau and Dong Nai, 2005-2014			
	Huỳnh Như	Relationship betweeb Stock Return and Trading Volume Evidence from VN30 – Index	2016	Đại học	
	Nguyen Thi Ngoc Bich	Debt Financing & Firm Performance	2016	Đại học	
	Nguyễn Vân Thanh	Determinants of Capital Structure: The Case of Listed Pharmaceutical Companies in Vietnam	2015	Đại học	

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	*Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu ISSN*	*Điểm IF*

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	*Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao*	*Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng*	*Năm chuyển giao*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	*Thời gian*	*Tên chương trình*	*Chức danh*

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	*Thời gian*	*Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị*	*Chức danh*

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	*Thời gian*	*Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu*	*Nội dung tham gia*

TP.HCM, ngày ..... tháng..... năm .....
Thủ trưởng Đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

TP.HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2018
Người khai
(ký tên)

Nguyễn Phương Thảo

MẪU

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: Lê Ngọc Anh Khoa

2. Ngày sinh: 20/06/1988 **3. Nam/nữ:** Nam

4. Nơi đang công tác:

Trường/viện: Trường Đại học quốc tế

Phòng/ Khoa: Quản trị kinh doanh

Bộ môn: Kế Toán – Kiểm Toán

Phòng thí nghiệm:

Chức vụ: Giảng viên

5. Học vị: Thạc sĩ **năm đạt:** 2013

6. Học hàm: **năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		*Cơ quan*	*Cá nhân*
1	**Địa chỉ**	Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Khu phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.	25 Lê Đình Thụ, Q.Tân Phú
2	**Điện thoại/ fax**	(08) 372 44270 – Ext. 3724	0939456447
3	**Email**	lnakhoa@hcmiu.edu.vn	anhkhoa_ngocle@yahoo.com
4	**Website**		

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	*Tên ngoại ngữ*	*Nghe*			*Nói*			*Viết*			*Đọc hiểu tài liệu*		
		Tốt	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*	*Tốt*	*Khá*	*TB*
	Tiếng Anh	x			x			x			x		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	*Nơi công tác*	*Chức vụ*
Tháng 6/2014 – Hiện nay	Trường Đại học Quốc tế	**Giảng viên**

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	*Thời gian*	*Nơi đào tạo*	*Chuyên ngành*	*Tên luận án tốt nghiệp*
Đại học	2006 - 2010	Trường Đại học Bách khoa	Điện - Điện Tử	
Sau đại học	2011 - 2013	ĐH Houston - Clear Lake	Tài chính	

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- **Lĩnh vực:** Giảng dạy, nghiên cứu
- **Chuyên ngành:** Tài Chính
- **Chuyên môn:**

Hướng nghiên cứu: Kế toán tài chính, Tài chính doanh nghiệp

2. Quá trình nghiên cứu

TT	*Tên đề tài/dự án*	*Mã số & cấp quản lý*	*Thời gian thực hiện*	*Kinh phí (triệu đồng)*	*Chủ nhiệm /Tham gia*	*Ngày nghiệm thu*	*Kết quả*
1							
2							

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	*Tên SV ,HVCH, NCS*	*Tên luận án*	*Năm tốt nghiệp*	*Bậc đào tạo*	*Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)*
1					
2					

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất bản*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	*Tên sách*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án*	*Nhà xuất bản*	*Năm xuất*	*Tác giả/ đồng tác giả*	*Bút danh*

		(chỉ ghi mã số)		bản		
1						
2						

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú

3

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	*Tên giải thưởng*	*Nội dung giải thưởng*	*Nơi cấp*	*Năm cấp*
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	*Tên bằng*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	*Tên giải pháp*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*	*Số hiệu*	*Năm cấp*	*Nơi cấp*	*Tác giả/ đồng tác giả*
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	*Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao*	*Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng*	*Năm chuyển giao*	*Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)*
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	*Thời gian*	*Tên chương trình*	*Chức danh*

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị

về KH&CN

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

TP.HCM, ngày ..... tháng..... năm .....
Thủ trưởng Đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

TP.HCM, ngày 28 tháng 5 năm 18
Người khai
(ký tên)

Lê Ngọc Anh Khoa

Đại học Quốc gia TP.HCM
Trường Đại học Quốc tế

LÝ LỊCH KHOA HỌC

Ảnh 3x4
Cập nhật

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: NGUYỄN BÁ TRUNG

2. Ngày sinh: 16-01-1987 **3. Nam/nữ:** Nam

4. Nơi đang công tác:

- *Trường/viên:* Trường Đại học Quốc tế ĐHQG TPHCM
- *Phòng/khoa:* Khoa Kinh tế Tài chính Kế toán
- *Bộ môn:*
- *Phòng thí nghiệm:*
- *Chức vụ:* Giảng viên Khoa Quản trị Kinh doanh

5. Học vị: Tiến sĩ **Năm đạt:**

6. Học hàm: **Năm phong:**

7. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	**Địa chỉ**	Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	
2	**Điện thoại/fax**		
3	**Email**	nbtrung@hcmiu.edu.vn	
4	**Website**		

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh	X			X			X			X		

9. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 2020 đến Nay	Đại học Quốc Tế, ĐHQG Hồ Chí Minh	Giảng viên

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Tiến sỹ	Từ 2016 đến 2019	Waseda Unviersity, Japan	Economics	Essays in Applied Econometrics

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực:

- Chuyên ngành:

- Chuyên môn:

Hướng nghiên cứu:

2. Quá trình nghiên cứu

TT	Tên đề tài/dự án	Mã số & cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Kinh phí *(triệu đồng)*	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	Tên SV, HVCH, NCS	Tên luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học *(chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)*

1.1. Sách xuất bản Quốc tế

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục SCI-E/ SSCI

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Xếp hạng (Q1, Q2, Q3, Q4)
1	Nguyen Ba Trung: Output fluctuations, portfolio capital flows to emerging economies: role of monetary policy uncertainty. International Finance : Published online (March 2022).		1468-2362	1.204	Q2

2.2. Đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục Scopus

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Xếp hạng (Q1, Q2, Q3, Q4)

2.3. Đăng trên tạp chí Quốc tế khác

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.4. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISSN	Điểm IF

2.5. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1	Che Nhat Nguyen, Alang Tho, Nguyen Ba Trung: Employee engagement and job performance in generationally diverse workplace: A study of generation Z in Vietnam. In proceedings of5th International Conference on Economics, Business and Tourism. ISBN 978-604-73-9144-8. International University: (August 2022).		978-604-73-9144-8	

2.6. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*	Số hiệu ISBN	Ghi chú

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp

2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(Chỉ ghi mã số)*	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(Chỉ ghi mã số)*	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

4. Ứng dụng thực tiễn

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án *(chỉ ghi mã số)*

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

TP.HCM, ngày.....tháng.....năm.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

Người khai



Nguyen Ba Trung

PHỤ LỤC 3

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ

CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ chương trình đào tạo Kinh tế

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)	Môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	142	9775.54			= 1.1 + 1.2 + 1.3 + 1.4 + 1.6
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	0	0			
1.2	Phòng học từ 100-200 chỗ	9	1987.6			Tất cả các phòng học tại IU đều là phòng học đa phương tiện
1.3	Phòng học từ 50-100 chỗ	56	4136.38			
1.4	Phòng học dưới 50 chỗ	33	1622			
1.5	Phòng học đa phương tiện	98	7745.98			1.5 = 1.1 + 1.2 + 1.3 + 1.4
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	44	2029.56			Văn phòng Khoa, Bộ môn, Ban Giám hiệu, phòng Giảng viên
2	Thư viện, trung tâm học liệu	3	1435			
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	66	4732			

Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước (Sách in)	Số lượng bản	Tên môn học sử dụng	Mã môn học	Ghi chú
1	Critical Thinking: A Student's Introduction	Bassham, Irwin, Nardone, and Wallace	McGraw Hill, New York, 2019	15	Tư duy phản biện	PE008IU	Sách in
2	Principles of Microeconomics	Mankiw			Kinh tế vi mô	BA117IU	Chỉ có E-book
3	Principles of Economics	Mankiw	Mason, South - Western Cengage Learning,2008.	20	Kinh tế vi mô	BA117IU	Sách in + Ebook
4	Principles of Macroeconomics	Mankiw	Singapore:Cengage, 2021	3	Kinh tế vĩ mô	BA119IU	Sách in + Ebook
5	Principles of Economics	Mankiw	Australia, South - Western, 2012.	20	Kinh tế vĩ mô	BA119IU	Sách in + Ebook
6	Introduction to Psychology, 9th ed.	Rod Plotnik	USA, Cengage Learning,2011.	20	Tâm lý học	BA118IU	Sách in
7	Sociology: A Brief Introduction	Schaefer	Mc Graw Hill, New York,2019	15	Xã hội học	BA118IU	Sách in + Ebook
8	Mathematics for Economics and Business	Ian Jacques	Harlow, England :FT Prentice Hall,2006.	1	Toán trong Kinh doanh	BA282IU	Sách in
9	Applied Statistics in Business and Economics	Doane, Seward	Mc Graw Hill :New York,2019	16	Thống kê Trong Kinh Doanh	BA080IU	Sách in + Ebook
10	Lecture Ready 3	Laurie Frazie, Shalle Leming	New York , Oxford University Press, 2013.	10	Kỹ năng nghe AE1	EN008IU	Sách in
11	Lecture Ready 3	Laurie Frazie, Shalle Leming	New York , Oxford University Press, 2013.	10	Kỹ năng viết AE1	EN007IU	Sách in
12	Study Writing	Hamp-Lyons, Heasley	U.K, Cambridge University Press, 2013.	10	Kỹ năng viết AE2	EN011IU	Sách in
13	Financial & Managerial Accounting	Carl S. Warren, James M. Reeve	Mason, Thomson/South - Western, 2007.	2	Kế toán tài chính 1	BA283IU	

14	Understanding Business, 13th ed.	William G. Nickels, James M. McHugh, Susan M.McHugh	New York, Mc Graw Hill ,2022	15	Quản trị Kinh Doanh Đại Cương	BA115IU	Sách in
15	Principles of Marketing, 18th ed.	Philip Kotler, Gary Armstrong	England:Pearson,2021	3	Nguyên lý tiếp thị	BA003IU	Sách in + Ebook
16	Business ethics: Now	Andrew Ghillyer			Đạo đức kinh doanh	BA020IU	Chỉ có E-book
17	Essentials of International Economics	Feenstra, Taylor	New York, Worth Publishers, 2014.	3	Kinh tế quốc tế	BA068IU	Sách in
18	Financial Management: Theory and Practice	Brigham, Ehrhardt	Australia, Cengage Learning, 2017.		Nguyên lý Quản trị Tài chính	BA016IU	Sách in
19	Business Research Methods, 14th ed.	Cooper, Schindler	New York, Mc Graw Hill ,2022	15	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	EFA209IU	Sách in
20	International Corporate Finance	Madura	Australia, South - Western, 2012.	20	Quản Trị Tài Chính Quốc Tế	BA051IU	Sách in
21	*Macroeconomics , 7th ed.*	Mankiw	New York, Worth Publishers, 2010.	1	Kinh tế vĩ mô 2	EFA202IU	Sách in
22	Introductory Econometrics: A Modern Approach	Wooldridge	Ohio, Thomson, 2003.	1	Nhập môn Kinh tế lượng	EFA203IU	Sách in
23	Environmental Economics: An Introduction	Field, Field	New York, McGraw Hill, 2013.	20	Kinh tế môi trường	EFA206IU	Sách in
24	Economics of development	Perkins, Radelet, Lindauer, Block	New York, W. Norton & Co., 2001.	1	Kinh tế phát triển	EFA207IU	Sách in
25	Modern labor economics: Theory and public policy	Ehrenberg, Smith, Hallock	Boston, Pearson Addison-Wesley,|2009.	1	Kinh tế lao động	EFA208IU	Sách in

26	The Visual Display of Quantitative Information	Edward R. Tufte	Cheshire Conn Graphics Press, 2015.	5	Trực quan hoá và khoa học dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	IT138IU	Sách in
27	Database System Concept, 6th ed.	Abraham Silberschatz, Henry F. Korth, S. Sudarshan	New York, McGraw-Hill, 2011.	35	Nguyên lý quản trị cơ sở dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	IT079IU	Sách in
28	Investments	Zvi Bodie, Alex Kane, Alan J. Marcus	New York, Mc Graw Hill, 2014.	2	Kinh tế học tài chính	EFA213IU	Sách in

PHỤ LỤC 4

BẢN NHẬN XÉT CỦA CÁC CHUYÊN GIA, CÁC NHÀ QUẢN LÝ VÀ ĐẠI DIỆN CÁC TỔ CHỨC BÊN NGOÀI

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Số: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

BẢN NHẬN XÉT
HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế học
- Bậc đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 3710101
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia TP.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Võ Tất Thắng ..... Mã số thuế/CMND/CCCD:.....
2. Chức vụ hiện tại: Trưởng Khoa ..... Đơn vị công tác: ĐH Kinh tế TPHCM
3. Học hàm – học vị: GS ☐; PGS ☑; TS ☐; ThS ☐; Khác: .....

II. Nội dung

1. Nhu cầu xã hội

Việt Nam đang có nhu cầu cao đối với ngành kinh tế học

2. Chỉ tiêu tuyển sinh (căn cứ theo khả năng, điều kiện của trường và nhu cầu xã hội)

phù hợp với điều kiện của nhà trường và nhu cầu xã hội

3. Nội dung, chương trình đào tạo:

3.1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra:

1

3.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân có kiến thức, kỹ năng và tinh thần phục vụ xã hội.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể

Có kỹ năng chuyên môn thuần thục và linh hoạt.

3.1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình (kiến thức, kỹ năng và thái độ của sinh viên)

Đạt yêu cầu.

3.1.4. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo:

Phù hợp.

3.2. Cơ hội việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp (vị trí việc làm)

Có nhiều cơ hội việc làm.

3.3. Mối quan hệ giữa các môn học/nhóm môn học và chuẩn đầu ra

phù hợp.

3.4. Chương trình đào tạo

3.4.1. Khối lượng kiến thức

Hợp lý, cập nhật, phù hợp xu thế phát triển?

3.4.2. Kế hoạch giảng dạy

Phù hợp với người học.

2

3.4.3. Tính hòa nhập của chương trình so với một số trường trong khu vực và thế giới

Chưa thấy có tiếp liên hợp quốc tế cao

3.4.4. Khả năng liên thông với các chương trình gần khác:

Có nhưng khả năng liên thông

3.4.5. Các môn học trong chương trình có thể hiện được những kết quả dự kiến đạt được của chương trình đào tạo chuyên ngành *Phân tích Dữ liệu trong Kinh tế* hay không?

Có thể hiện được

3.4.6. Tính hợp lý của việc bố trí các môn học, có nên thêm hoặc bớt môn nào hay không?

Hợp lý.

3.4.7. Đề cương chi tiết môn học

Đạt yêu cầu

3.5. Khả năng về đội ngũ các bộ, giảng viên

Đủ khả năng

3.6. Về cơ hội thực tập của sinh viên

Nhiều cơ hội thực tập cho sinh viên

3.7.Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập

Đủ điều kiện

3

.....

3.8. Tài liệu học tập đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành đào tạo

.....Đầy đủ và cập nhật.....

.....

4. Kế hoạch chuẩn hóa chương trình và kiểm định chất lượng đào tạo

.....Đã có kế hoạch thẩm tra.....

.....

.....

.....

5. Ý kiến khác (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Xác nhận của cơ quan:

.....TPHCM....., *ngày* 14 *tháng* 4 *năm* 2023

Ký tên

(ghi rõ họ tên)

Võ Tất Thắng

4

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .....

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

BẢN NHẬN XÉT
HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế học
- Bậc đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 3710101
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia TP.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Phạm Khánh Nam Mã số thuế/CMND/CCCD:.....
2. Chức vụ hiện tại: Phó HT Đơn vị công tác: Trưởng khoa Quản trị
3. Học hàm – học vị: GS ☐; PGS ☑; TS ☐; ThS ☐; Khác: .....

II. Nội dung

1. Nhu cầu xã hội

.....
Đáp ứng nhu cầu thị trường lao động
.....

2. Chỉ tiêu tuyển sinh (căn cứ theo khả năng, điều kiện của trường và nhu cầu xã hội)

.....
- Phù hợp với khả năng đào tạo của nhà trường
.....

3. Nội dung, chương trình đào tạo:

3.1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra:

1

3.1.1. Mục tiêu chung

- phù hợp với ngành đào tạo và thị trường lao động.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể

- phù hợp

3.1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình (kiến thức, kỹ năng và thái độ của sinh viên)

- phù hợp theo năng lực quy định
- phù hợp mục tiêu chương trình đào tạo

3.1.4. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo:

- phù hợp

3.2. Cơ hội việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp (vị trí việc làm)

- có thể đáp ứng tốt nhu cầu thị trường lao động

3.3. Mối quan hệ giữa các môn học/nhóm môn học và chuẩn đầu ra

- phù hợp

3.4. Chương trình đào tạo

3.4.1. Khối lượng kiến thức

- khối lượng kiến thức 136 tín chỉ là khá nhiều so với chuẩn khung 120 TC - Tổ chức sinh viên không có thời gian học

3.4.2. Kế hoạch giảng dạy

- phù hợp

2

3.4.3. Tính hòa nhập của chương trình so với một số trường trong khu vực và thế giới

- Khá tương tự với chương trình quốc tế

3.4.4. Khả năng liên thông với các chương trình gần khác:

- Có khả năng, tuy nhiên còn phụ thuộc vào thiết kế của chương trình khác

3.4.5. Các môn học trong chương trình có thể hiện được những kết quả dự kiến đạt được của chương trình đào tạo chuyên ngành *Phân tích Dữ liệu trong Kinh tế* hay không?

- Có thể đạt được

3.4.6. Tính hợp lý của việc bố trí các môn học, có nên thêm hoặc bớt môn nào hay không?

- Hợp lý

3.4.7. Đề cương chi tiết môn học

- Đạt yêu cầu

3.5. Khả năng về đội ngũ các bộ, giảng viên

- Phù hợp

3.6. Về cơ hội thực tập của sinh viên

- Nhiều cơ hội thực tập cho sinh viên

3.7.Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập

phù hợp

3

.....

3.8. Tài liệu học tập đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành đào tạo

.....

- đáp ứng

.....

4. Kế hoạch chuẩn hóa chương trình và kiểm định chất lượng đào tạo

.....

- Đề cs kế hoạch thẩm định

.....

.....

5. Ý kiến khác (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Xác nhận của cơ quan:

TP Hcm, ngày 14 tháng 4 năm 2023

Ký tên

(ghi rõ họ tên)

Phạm Khánh Nam

4

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .....

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

BẢN NHẬN XÉT
HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế học
- Bậc đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 3710101
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia TP.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Trần Tiến Khai ..... Mã số thuế/CMND/CCCD:.....
2. Chức vụ hiện tại: Trưởng phòng ..... Đơn vị công tác: Đh. Kinh tế TP. HCM
3. Học hàm – học vị: GS ☐; PGS ☑; TS ☐; ThS ☐; Khác: .....

II. Nội dung

1. Nhu cầu xã hội

Có nhu cầu mở ngành về khối ngành kinh tế học
.....
.....

2. Chỉ tiêu tuyển sinh (căn cứ theo khả năng, điều kiện của trường và nhu cầu xã hội)

Trường Đh. Quốc tế có chỉ tiêu tuyển sinh khối ngành theo nhu cầu xã hội
.....
.....
.....
.....

3. Nội dung, chương trình đào tạo:

3.1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra:

1

3.1.1. Mục tiêu chung

Đạt yêu cầu. Thể hiện rõ định hướng phát triển của ngành

3.1.2. Mục tiêu cụ thể

Đạt yêu cầu. Thể hiện rõ nội dung của từng loại sản phẩm tốt hơn

3.1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình (kiến thức, kỹ năng và thái độ của sinh viên)

Các chuẩn đầu ra phù hợp, bao gồm từng loại sản phẩm này

3.1.4. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo:

Có mối quan hệ mật thiết

3.2. Cơ hội việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp (vị trí việc làm)

Khả năng có thể làm việc ở các lĩnh vực khác nhau

3.3. Mối quan hệ giữa các môn học/nhóm môn học và chuẩn đầu ra

Các môn học được thiết kế phù hợp với chuẩn đầu ra

3.4. Chương trình đào tạo

3.4.1. Khối lượng kiến thức

Đạt chuẩn của Bộ Giáo dục đào tạo (135 TC)

3.4.2. Kế hoạch giảng dạy

Phù hợp với khung đào tạo hợp lý

2

3.4.3. Tính hòa nhập của chương trình so với một số trường trong khu vực và thế giới

Có thể nhập và hòa hợp với các chương trong khu vực và thế giới.

3.4.4. Khả năng liên thông với các chương trình gần khác:

Có khả năng liên thông hợp lý với ngành và chuyên ngành học khác.

3.4.5. Các môn học trong chương trình có thể hiện được những kết quả dự kiến đạt được của chương trình đào tạo chuyên ngành *Phân tích Dữ liệu trong Kinh tế* hay không?

Có các môn học phù hợp.

3.4.6. Tính hợp lý của việc bố trí các môn học, có nên thêm hoặc bớt môn nào hay không?

Hợp lý

3.4.7. Đề cương chi tiết môn học

Có đầy đủ thể hiện chi tiết

3.5. Khả năng về đội ngũ các bộ, giảng viên

Khá và tốt, có nhiều kinh nghiệm giảng dạy

3.6. Về cơ hội thực tập của sinh viên

Có thực tế

3.7.Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập

Có thực tế

3

.....

3.8. Tài liệu học tập đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành đào tạo

..... Hệ thống tài liệu đáp ứng đầy đủ, phù hợp, cập nhật.

.....

4. Kế hoạch chuẩn hóa chương trình và kiểm định chất lượng đào tạo

.....

..... Có kế hoạch cụ thể, rõ ràng .....

.....

.....

5. Ý kiến khác (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Xác nhận của cơ quan:

TP. HCM, ngày..... tháng.....năm.....
Ký tên
(ghi rõ họ tên)

Trần Tiến Khai

4

PHỤ LỤC 5

KHẢO SÁT NHU CẦU NHÂN LỰC

Phân tích dữ liệu trong Kinh tế sử dụng các công cụ toán học,và công nghệ thông tin nhằm thu thập, phân tích,các dữ liệu lớn và phức tạp nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định, dự đoán xu hướng tương lai, và hoạch định chiến lược của các doanh nghiệp, cơ quan chính phủ, và các tổ chức khác.

Ứng dụng của phân tích dữ liệu giúp các tổ chức tăng hiệu suất hoạt động, tối ưu chi phí, đáp ứng nhanh với các thay đổi của thị trường, và nâng cao năng lực cạnh tranh. Vì vậy, công việc phân tích dữ liệu có tầm quan trọng lớn đối với bất kỳ tổ chức nào, đặc biệt các doanh nghiệp lĩnh vực gân hàng, tài chính, đầu tư, bảo hiểm, du lịch, quốc phòng, hàng không vũ trụ,và y học…

Triển vọng và mức lương ngành Phân tích dữ liệu trong Kinh tế

Theo Glassdoor (2023) [15], trang web tuyển dụng nổi tiếng của Mỹ, mức lương trung bình của một nhà phân tích dữ liệu vào khoảng 90,000 USD/năm. Tại Việt Nam, mức lương trung bình này rơi vào khoảng 21 triệu đồng/tháng (theo salaryexplorer.com, 2023 [16]). Thống kê của TopDev [17](nền tảng tuyển dụng và giới thiệu việc làm uy tín tại Việt Nam) cho thấy Các chuyên viên phân tích dữ liệu cũng có mức lương đáng mơ ước ở các nước Châu Á như Singapore ($3,700 cho Junior và $5,200 cho Senior), Nhật Bản ($4,500 cho Junior và $6,800 cho Senior).

Mức lương ở trên có thể thay đổi tùy theo kinh nghiệm và vị trí của người phân tích dữ liệu. Nhu cầu của ngành này đang trên đà tăng mạnh trong những năm gần đây. Và những chuyên gia đi đầu trong linh vực phân tích dữ liệu luôn được các headhunters (chuyên gia săn đầu người) săn đón thường xuyên.

Vì vậy, sinh viên tốt nghiệp ngành Phân tích dữ liệu trong Kinh tế sẽ có nhiều cơ hội việc làm đang chờ đón và một lộ trình nghề nghiệp đầy triển vọng trong tương lai.

[15] Glassdoor. “Business Data Analyst Salaries, https://www.glassdoor.com/Salaries/business-data-analyst-salary-SRCH_KO0,21.htm.” Accessed Feb 27, 2023.

[16] http://www.salaryexplorer.com/salary-survey.php?loc=236&loctype=1&job=131&jobtype=3. Accessed Feb 27, 2023

[17] https://topdev.vn/blog/luong-cua-business-analyst/. Accessed Feb 27, 2023.

PHỤ LỤC 6

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TƯƠNG ĐỒNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ VÀ CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHÁC

Các chương trình Kinh tế	Quốc gia	Bậc trình độ	Đường dẫn tham khảo chương trình đào tạo	Mức độ tương đồng
Macquarie University	Úc	Đại học	https://www.mq.edu.au/study/find-a-course/courses/bachelor-of-economics	78%
University of New South Wales	Úc	Đại học	https://www.unsw.edu.au/study/undergraduate/bachelor-of-economics?studentType=Domestic	73%
Monash University	Úc	Đại học	https://handbook.monash.edu/current/courses/B2031	70%
Imperial College London	Anh	Đại học	https://www.imperial.ac.uk/business-school/programmes/bsc-economics-finance-data-science/	74%
Đại học Kinh tế Tp.HCM	Việt Nam	Đại học	https://student.ueh.edu.vn/Public/TraCuuNganh	51%

	Các môn học bắt buộc và lựa chọn chuyên ngành		Đánh giá		
STT	**Đại học Quốc Tế**	**Macquarie University (Australia)**	**Tương đương**	**Tương đương một phần**	**Không có/không tương đương**
1	Introduction to Microeconomics	Principles of Economics 1	x		
2	Introduction to Macroeconomics	Principles of Economics 2	x		
3	Statistics for Business	Business Statistics	x		
4	International Economics	International Finance		x	
5	Intermediate Microeconomics	Microeconomic Analysis and Applications	x		
6	Intermediate Macroeconomics	Macroeconomic Analysis and Applications	x		
7	Introductory Econometrics	Introductory Econometrics	x		

8	Time Series Econometrics	Financial Econometrics (elective)	x		
9	Environmental Economics	Environmental Economics (elective)	x		
10	Development Economics	Economic Development (elective)	x		
11	Labor Economics	Labor Economics and Inequality (elective)	x		
12	Fundamentals of Programming with Economic Applications				x
13	Machine Learning Platforms with Economic Applications				x
14	Data Science and Visualization with Economic Applications				x
15	Principles of Database Management with Economic and Business Applications				x
16	Experimental Economics				x
17	Behavioral Economics	Behavioral Economics (elective)	x		
18	Game Theory and Business Strategy	Industrial Organization		x	
19	Financial Eonomics	Economics of Financial Institutions		x	
20	Panel Data Econometrics				x
21	Marketing Analytics				x
22	Workshop 2 on Economic Issues	Current Issues in Economics		x	
23		Econometric Principles			x
24		Public Economics			x
25		Macroeconomic Policy			x
26		Health Economics (elective)			x

	Các môn học bắt buộc và lựa chọn chuyên ngành		Đánh giá		
STT	**Đại học Quốc Tế**	**University of New South Wales (Australia)**	**Tương đương**	**Tương đương một phần**	**Không có/không tương đương**
1	Introduction to Microeconomics	Microeconomics 1	x		
2	Introduction to Macroeconomics	Macroeconomics 1	x		
3	Statistics for Business	Statistics for Econometrics	x		
4	Intermediate Microeconomics	Microeconomics 2	x		
5	Intermediate Macroeconomics				x
6	Introductory Econometrics	Introductory Econometrics	x		
7	Time Series Econometrics	Financial Econometrics	x		
8	Environmental Economics				x
9	Development Economics				x
10	Labor Economics				x
11	Fundamentals of Programming with Economic Applications				x
12	Machine Learning Platforms with Economic Applications				x
13	Data Science and Visualization with Economic Applications				x
14	Principles of Database Management with Economic and Business Applications				x
15	Experimental Economics	Evidence-based Intervention Design and Evaluation (elective)		x	
16	Behavioral Economics				x
17	Game Theory and Business Strategy				x

18	Financial Eonomics				x
19	Panel Data Econometrics				x
20	Marketing Analytics				x
21	Workshop 2 on Economic Issues				x
22		Econometrics Theory and Method (elective)			x
23		Business Forecasting (elective)			x
24		Applied Econometrics Methods (elective)			x
25		Big Data Econometrics (elective)			x

	Các môn học bắt buộc và lựa chọn chuyên ngành		**Đánh giá**		
STT	**Đại học Quốc Tế**	**Monash University (Australia)**	**Tương đương**	**Tương đương một phần**	**Không có/không tương đương**
1	Introduction to Microeconomics	Principles of Microeconomics	x		
2	Introduction to Macroeconomics	Principles of Macroeconomics	x		
3	Statistics for Business	Business Statistics	x		
4	Intermediate Microeconomics	Intermediate Microeconomics	x		
5	Intermediate Macroeconomics	Intermediate Macroeconomics	x		
6	Introductory Econometrics	Introductory Econometrics	x		
7	Time Series Econometrics	Applied Time Series Econometrics (elective)	x		
8	Environmental Economics				x
9	Development Economics				x
10	Labor Economics				x

11	Fundamentals of Programming with Economic Applications				x
12	Machine Learning Platforms with Economic Applications	Introduction to Machine Learning	x		
13	Data Science and Visualization with Economic Applications	Introduction to Data Analysis		x	
14	Principles of Database Management with Economic and Business Applications	Harnessing Big Data for Business and Society (elective)		x	
15	Experimental Economics	Design and Evaluation of Economic, Public, and Social Programs		x	
16	Behavioral Economics				x
17	Game Theory and Business Strategy	Game Theory and Strategic Thinking (elective)	x		
18	Financial Eonomics				x
19	Panel Data Econometrics				x
20	Marketing Analytics				x
21	Workshop 2 on Economic Issues	Big Ideas in Economics		x	
22		Introduction to Quantitative Skills for Social Sciences			x
23		Statistical Thinking			x
24		Advanced Statistical Modelling			x
25		Industrial Organization and Regulation (elective)			x
26		Applied Econometrics (elective)			x
27		European Economy and Global Business (elective)			x

	Các môn học bắt buộc và lựa chọn chuyên ngành	**Đánh giá**

STT	Đại học Quốc Tế	Imperial College London (UK)	Tương đương	Tương đương một phần	Không có/không tương đương
1	Organizational Behavior	Organizational Behavior (elective)	x		
2	Fundamentals Of Financial Management	Corporate Finance		x	
3	Financial Accounting 1	Accounting	x		
4	Mathematics for Business	Mathematics Foundations	x		
5	Introduction to Microeconomics	Microeconomics 1	x		
6	Introduction to Macroeconomics	Macroeconomics 1	x		
7	Statistics for Business	Statistics	x		
8	Intermediate Microeconomics	Microeconomics 2	x		
9	Intermediate Macroeconomics	Macroeconomics 2	x		
10	Introductory Econometrics	Econometrics 1	x		
11	Time Series Econometrics	Econometrics 2		x	
12	Environmental Economics				x
13	Development Economics				x
14	Labor Economics				x
15	Fundamentals of Programming with Economic Applications				x
16	Machine Learning Platforms with Economic Applications	Machine Learning	x		
17	Data Science and Visualization with Economic Applications	Introduction to Data Science	x		
18	Principles of Database Management with Economic and Business Applications	Database and Cloud Computing	x		
19	Experimental Economics				x
20	Behavioral Economics				x

21	Game Theory and Business Strategy				x
22	Financial Eonomics				x
23	Panel Data Econometrics				x
24	Marketing Analytics	Marketing Analytics (elective)	x		
25	Workshop 2 on Economic Issues				x
26		Data Structures			x
27		Operations Research			x
28		Laboratory of Methods in Economics, Finance and Data Science			x
29		Advanced Machine Learning (elective)			x
30		Text-Mining in the Social Sciences (elective)			x
31		Innovation and Entrepreneurship (elective)			x

	Các môn học bắt buộc và lựa chọn chuyên ngành		**Đánh giá**		
STT	**Đại học Quốc Tế**	**Đại học Kinh tế Tp.HCM (Việt Nam)**	**Tương đương**	**Tương đương một phần**	**Không có/không tương đương**
1	Maths for Business	Tối ưu hoá		x	
2	Fundamentals Of Financial Management	Tài chính Doanh nghiệp	x		
3	International Economics	Kinh tế quốc tế	x		
4	Intermediate Microeconomics	Kinh tế vi mô ứng dụng	x		
5	Intermediate Macroeconomics	Kinh tế vĩ mô trung cấp	x		
6	Introductory Econometrics	Kinh tế lượng	x		
7	Time Series Econometrics	Kinh tế lượng chuỗi thời gian	x		
8	Environmental Economics	Kinh tế môi trường	x		

9	Development Economics	Kinh tế Phát triển	x		
10	Labor Economics	Kinh tế lao động	x		
11	Fundamentals of Programming with Economic Applications				x
12	Machine Learning Platforms with Economic Applications				x
13	Data Science and Visualization with Economic Applications				x
14	Principles of Database Management with Economic and Business Applications				x
15	Research Methods in Economics	Phương pháp Nghiên cứu trong Kinh tế	x		
16	Experimental Economics				x
17	Behavioral Economics				x
18	Game Theory and Business Strategy	Kinh tế học tổ chức ngành		x	
19	Financial Eonomics				x
20	Panel Data Econometrics				x
21	Marketing Analytics	Phân tích hành vi người tiêu dùng		x	
22	Workshop 2 on Economic Issues				x
23		Thị trường tiền tệ và thị trường vốn			x
24		Kinh tế lượng ứng dụng			x
25		Phương pháp thu thập và quản lý dữ liệu			x
26		Kinh tế Nông nghiệp			x
27		Kinh tế công			x
28		Lịch sử Tư tưởng Kinh tế			x
29		Phân tích Lợi ích Chi phí			x
30		Kinh tế Vĩ mô Ứng dụng			x

31		Chính sách Thương mại và Công nghiệp			x
32		Kinh tế Vĩ mô Quốc tế			x
33		Chính sách Kinh tế Vĩ mô			x
34		Hệ thống tài chính: thể chế và thị trường			x

PHỤ LỤC 7

BIÊN BẢN HỘI THẢO, KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐỂ LẤY Ý KIẾN XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Đại học Quốc Tế - ĐHQG HCM
Khoa Kinh Tế, Tài Chính, và Kế Toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc
TPHCM, Ngày 30 Tháng 12 Năm 2022

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA

Về việc: **Mở ngành Kinh Tế**

Thời gian: 10:00 ngày 30/12/2022

Địa điểm: O2.706

IV. Thành phần tham dự:

4. Chủ trì: TS. Lê Văn Chơn, Phó Khoa EFA và Leader của nhóm làm Hồ sơ mở ngành Kinh Tế
5. Thư ký: TS. Hoàng Thị Ánh Ngọc
6. Thành phần khác:
   - TS. Trịnh Quốc Đat, Trưởng khoa EFA
   - PGS.TS. Nguyễn Văn Phương
   - PGS.TS. Võ Thị Quý
   - TS. Nguyễn Phương Anh
   - TS. Nguyễn Thị Lê Hà
   - TS. Võ Xuân Hồng
   - TS. Trịnh Thu Nga
   - TS. Nguyễn Ngọc Duy Phương
   - TS. Nguyễn Bá Trung

V. Nội dung cuộc họp:

TS. Lê Vơn Chơn trình bày hồ sơ mở ngành Kinh Tế – ngành phụ Phân tích Dữ Liệu, bao gồm:

- Lý do mở ngành, nhu cầu đối với ngành, khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp của sinh viên trong các cơ quan tổ chức nào.
- Kết quả khảo sát với sinh viên về ngành học mới rất khả quan (hơn 80% sinh viên muốn học ngành này)
- So sánh chương trình đào tạo của ngành Kinh Tế với các chương trình đào tạo trong nước và ngoài nước.

- Liệt kê các môn học trong chương trình học.

Các ý kiến thảo luận về hồ sơ mở ngành và hai tên ngành: Kinh Tế – ngành phụ Phân tích Dữ Liệu, và Kinh Tế Số.

- PGS.TS. Nguyễn Văn Phương:
  - Đề xuất sửa tên gọi ngành.
  - Cân nhắc syllabi các môn học về Khoa Học Dữ Liệu có thể thiên về IT nhiều
  - Cân nhắc các môn học elective từ các Khoa khác (ví dụ bộ môn Vật Lý có môn Định Vị)
  - Kiểm tra lại việc có thể cho phép không bắt buộc làm luận văn đối với tất cả sinh viên hay không.
  - Có thể sẽ không được thu học phí theo chuẩn kiểm định nếu ngành mới chưa được kiểm định. Vì vậy, giải pháp đề xuất: chương trình tiên tiến hoặc kiểm định ngành học trước khi đào tạo.
  - Xem xét việc mở chuyên ngành mới.
- PGS.TS. Võ Thị Quý:
  - Cân nhắc tên ngành để có thể cạnh tranh với các trường khác.
  - Cân nhắc về tên Kinh Tế Quản Lý
  - Hướng tới thiết lập các chỉ số kinh tế Việt Nam để tạo tên tuổi
  - Rà soát lại chuẩn đầu ra của ngành Kinh Tế Số.
  - Xem xét đổi tên môn Financial Accounting thành Principle of Accounting.
  - Xem xét khả năng double degree với chương trình Data Science của Khoa IT.
- TS. Nguyễn Ngọc Duy Phương
  - Tên ngành Kinh Tế Số sẽ dễ tuyển sinh hơn.
- TS. Trịnh Quốc Đat
  - Cần so sánh phần trăm similarities giữa chương trình đào tạo ngành mới và chương trình đào tạo ngành tương tự ở các trường top ở nước ngoài.
  - Xem xét bỏ môn Khoa Học Môi Trường.
  - Cân nhắc đổi tên môn elective Marketing Analytics theo hướng không tạo ấn tượng là môn này chỉ dành cho bộ phận Marketing.

- Rà soát các môn đại cương không cần thiết, và thay thế bằng một số môn Coding (ví dụ: Advanced Excel).

- TS. Nguyễn Phương Anh
  - Đồng ý tên Kinh Tế Số
  - Làm rõ sự khác biệt về khả năng làm việc tại các cơ quan tài chính với chương trình đào tạo của ngành tài chính.
  - Cân nhắc thêm kiến thức toán và kinh tế lượng.
- TS. Nguyễn Bá Trung
  - Trên thế giới không có ngành Kinh Tế Số (Digital Economics) nên tạo khó khăn cho việc tham khảo chương trình đào tạo.
  - Xem xét chức danh Giám Đốc chương trình đào tạo để các chương trình đạo tạo được cập nhật kịp thời theo yêu cầu của thị trường.

VI. Kết luận cuộc họp

5. Sử dụng tên ngành Kinh Tế để tạo thuận lợi cho việc tuyển sinh, thu hút được phụ huynh và học sinh, cạnh tranh với các trường khác.
6. Vì trên thế giới chưa có ngành Kinh Tế Số (chỉ có môn học Kinh Tế Số), nên việc tham khảo các chương trình đào tạo tương tự của các trường top trên thế giới có khó khăn. Nhóm làm hồ sơ mở ngành đã tham khảo một số chương trình đào tạo có kết hợp giữa kinh tế với Khoa Học Dữ Liệu hoặc với Phân Tích Dữ Liệu hoặc với Phân Tích Kinh Doanh của các trường uy tín ở Úc, Mỹ, và Anh.
7. Xem xét bỏ một số môn đại cương không cần thiết, và thay thế bằng một số môn phù hợp hơn với ngành Kinh Tế Số.
8. Xem xét đổi tên một số môn chuyên ngành.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 11:20 ngày 30/12/2022.

THƯ KÝ	**CHỦ TỌA**
(*Ký và ghi rõ họ tên)*	(*Ký và ghi rõ họ tên)*
	(đã ký)
Hoàng Thị Ánh Ngọc	Lê Văn Chơn

PHỤ LỤC 8

QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG ĐỀ ÁN, BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TRƯỜNG VÀ HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Số: 1050.../QĐ-ĐHQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng xây dựng đề án mở ngành Kinh tế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Căn cứ Quyết định số 260/2003/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Quốc tế thuộc Đại học QUốc gia TP Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 190/QĐ/ĐHQG/TCCB ngày 16 tháng 04 năm 2004 của Giám Đốc Đại học Quốc Gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 05 tháng 4 năm 2010 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Quốc tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-ĐHQT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế về việc phân công công tác các thành viên Ban Giám hiệu;

Căn cứ Chiến lược của trường Đại học Quốc tế giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định mở ngành đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 265/QĐ-ĐHQT ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế về việc ban hành Quy định mở ngành đào tạo đại học;

Căn cứ Quyết định số 266/QĐ-ĐHQT ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế về việc ban hành Quy trình mở ngành đào tạo đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học tại Tờ trình số 92 ngày 29 tháng 11 năm 2022.

2

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo bậc Đại học ngành Kinh tế, gồm các nhận sự sau đây:

1. TS. Lê Văn Chơn- Giảng viên	Chủ tịch hội đồng
2. TS. Hoàng Thị Ánh Ngọc- Giảng viên	Ủy viên
3. TS. Nguyễn Bá Trung- Giảng viên	Ủy viên
4. TS. Nguyễn Trà My- Giảng viên	Ủy viên
5. ThS. Dương Minh Hoàng- Giảng viên	Ủy viên

Điều 2. Hội đồng xây dựng đề án mở ngành có nhiệm vụ soạn thảo chương trình đào tạo của ngành Kinh tế theo đúng quy định. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, Hội đồng tự giải thể.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng phòng Phòng Đào tạo Đại học, Trưởng khoa Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán, các giảng viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 4;
- Lưu: VT, P. ĐTĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Đinh Đức Anh Vũ

HỘI ĐỒNG ĐẠI HỌC
ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/NQ-HĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Phiên họp thứ Mười của Hội đồng trường Trường Đại học Quốc tế Ngày 10 tháng 4 năm 2023

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐHQG ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Quốc tế;

Căn cứ kết quả biểu quyết của thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Quốc tế tại Phiên họp thứ Mười của Hội đồng trường Trường Đại học Quốc tế vào ngày 10 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung 09 Kế hoạch, 01 Đề xuất, 04 Đề án, 05 Chủ trương và 02 Thông báo Trường Đại học Quốc tế và thống nhất chủ trương thực hiện, gồm:

1. Kế hoạch hoạt động trọng tâm năm 2023: Phần nhiệm vụ, Giải pháp và Mục tiêu;
2. Kế hoạch đào tạo đại học của Trường Đại học Quốc tế năm học 2022-2023;
3. Kế hoạch đào tạo sau đại học của Trường Đại học Quốc tế năm học 2022-2023;
4. Kế hoạch mở ngành Thống kê Ứng dụng thuộc Bộ môn Toán;
5. Kế hoạch mở ngành Kinh tế thuộc Khoa Kinh tế Tài chính Kế toán;
6. Kế hoạch mở ngành thạc sĩ Kỹ thuật Xây dựng;
7. Kế hoạch mở ngành thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng;
8. Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2023;
9. Nội dung thanh tra theo Quyết định số 3838/QĐ-BGDĐT ngày 24/11/2022 Về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

10. Đề xuất tăng thêm số lượng định biên nhân sự năm 2023: 01 nhân sự chuyên trách công tác Đảng;

11. Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2023;

12. Đề án tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ chương trình do Trường Đại học Quốc tế cấp bằng năm 2023;

13. Đề án Nâng cấp Bộ môn Công nghệ Thực phẩm thuộc Khoa Công nghệ Sinh học thành Khoa Công nghệ Thực phẩm;

14. Đề án thành lập Phòng thí nghiệm Phân tích và Nghiên cứu liên ngành Hóa, Thực phẩm và Môi trường;

15. Chủ trương mua xe phục vụ công tác giảng dạy và mua xe phục vụ chương trình hợp tác liên kết đào tạo quốc tế;

16. Chủ trương về thành lập Phòng truyền thông;

17. Chủ trương về tái cấu trúc Bộ môn Toán và Bộ môn Vật lý;

18. Chủ trương Quy định về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử tại Trường Đại học Quốc tế;

19. Chủ trương bổ nhiệm các chức danh quản lý nhiệm kỳ mới;

20. Thông báo thay đổi Trưởng Ban giám sát của Hội đồng trường;

21. Thông báo thay đổi thành viên Hội đồng trường;

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Hội đồng ĐHQG-HCM (để b/c);
- Đảng ủy trường (để chỉ đạo);
- Hội đồng Trường (để giám sát);
- Ban Giám hiệu (để thực hiện);
- VP: ĐU, CĐ, ĐTN (để phối hợp);
- Lưu: VT, HĐT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Hồ Nhựt Quang

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:203/BB-HĐKH&ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 06 năm 2023

BIÊN BẢN HỌP

Hội đồng Khoa học và Đào tạo

Thời gian: Lúc 09 giờ 00 phút, thứ Năm, ngày 08 tháng 6 năm 2023.

Địa điểm: Phòng O2.706, trường Đại học Quốc tế (ĐHQT), Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM), khu phố 6, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thành phần tham dự:

1. PGS. TS. Trần Tiến Khoa, Hiệu trưởng trường ĐHQT, Chủ tịch Hội đồng;

2. GS. TS. Lê Văn Cảnh, Phó Hiệu trưởng, Ủy viên;

3. PGS. TS. Đinh Đức Anh Vũ, Phó Hiệu trưởng, Ủy viên;

4. GS. TS. Phạm Văn Hùng, Trưởng Phòng Quản lý Khoa học (QLKH), Thư ký Hội đồng;

5. ThS. Trần Quỳnh Hoa, Trưởng Phòng Tổ chức Cán bộ (TCCB), Ủy viên;

6. TS. Huỳnh Khả Tú, Trưởng Phòng Đào tạo Đại học (ĐTĐH), Ủy viên;

7. PGS.TS. Lê Đình Minh Trí, Trưởng Phòng Đào tạo Sau Đại học (ĐTSĐH), Ủy viên;

8. TS. Nguyễn Thị Thanh Sang, Trưởng Phòng Bảo đảm Chất lượng Giáo dục & Khảo thí (BĐCLGD&KT), Ủy viên;

9. PGS. TS. Nguyễn Văn Sinh, Trưởng Khoa Công nghệ Thông tin (CNTT), Ủy viên.

10. PGS. TS. Nguyễn Văn Thuận, Trưởng Khoa Công nghệ Sinh học (CNSH), Ủy viên;

11. PGS. TS. Nguyễn Văn Hợp, Trưởng Khoa Kỹ thuật và Quản lý Công nghiệp (KT&QLCN), Ủy viên;

12. PGS. TS. Huỳnh Kim Lâm, Trưởng Khoa Kỹ thuật Hóa học và Môi trường (KTHH&MT), Ủy viên;

13. TS. Trịnh Quốc Đạt, Trưởng Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán (KT,TC&KT), Ủy viên;

14. TS. Nguyễn Hoài Nghĩa, Trưởng Khoa Kỹ thuật và Quản lý Xây dựng (KT&QLXD),Ủy viên;

15. TS. Võ Tấn Phước, Phó trưởng Khoa, phụ trách Khoa Điện - Điện tử (Đ-ĐT), Ủy viên;

16. TS. Nguyễn Huy Cường, Trưởng Khoa Ngôn ngữ (NN), Ủy viên;

17. GS. TS. Phạm Hữu Anh Ngọc, Trưởng Bộ môn Toán (BMT), Ủy viên;

18. PGS. TS. Nguyễn Văn Phương, Trưởng Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu Quản lý công (TTĐT&NCQLC), Ủy viên.

Thành viên vắng mặt (có lý do):

1. GS. TS. Võ Văn Tới, Trợ lý Ban Giám hiệu về phát triển khoa học kỹ thuật và công nghệ về sự sống và sức khỏe, Ủy viên;

2. PGS. TS. Nguyễn Thị Hiệp, Trưởng Khoa Kỹ thuật Y Sinh (KTYS), Ủy viên;

3. TS. Hà Minh Trí, Trưởng Khoa Quản trị Kinh Doanh (QTKD), Ủy viên;

4. PGS. TS. Phan Bảo Ngọc, Trưởng Bộ môn Vật lý (BML), Ủy viên.

Chủ trì: PGS. TS. Trần Tiến Khoa, Hiệu trưởng trường ĐHQT.

Thư ký: GS. TS. Phạm Văn Hùng, Trưởng Phòng QLKH.

NỘI DUNG

PGS. TS. Trần Tiến Khoa, Hiệu trưởng trường ĐHQT, Chủ tịch Hội đồng phát biểu:

1. Mục đích buổi họp, chương trình và nguyên tắc làm việc: Đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo (HĐKH&ĐT) thống nhất thông qua;

2. Nội dung buổi họp:

a) Đề án mở ngành chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Kinh tế;

b) Đề án mở ngành CTĐT ngành Thống kê ứng dụng;

c) Đề án bổ sung danh mục ngành phù hợp:

- CTĐT ngành Tiến sĩ Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp;

- CTĐT ngành Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh;

- CTĐT ngành Thạc sĩ Kỹ thuật Y sinh;

- CTĐT ngành Thạc sĩ Công nghệ Sinh học.

d) Đề án chấp nhận chứng chỉ NAT-TEST, J-TEST song song với chứng chỉ JLPT khi xét chuẩn trình độ ngoại ngữ Tiếng Nhật.

I. ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH CTĐT NGÀNH KINH TẾ.

1. Trình bày nội dung

TS. Lê Văn Chơn, Phó trưởng khoa Khoa KT,TC&KT.

Tổ xây dựng đề án kính đề nghị HĐKH&ĐT xem xét thông qua Đề án mở ngành CTĐT ngành Kinh tế, cụ thể như sau:

a) Tên ngành đào tạo:

- Tiếng Anh: Economics;

- Tiếng Việt: Kinh tế.

b) Mã ngành: 7310101;

c) Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh;

d) Thời gian đào tạo: 4 năm;

đ) Tổng số tín chỉ của chương trình: 130 tín chỉ;

e) Đơn vị đào tạo: Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán;

g) Phương thức tuyển sinh:

- Phương thức 1 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT);

- Phương thức 2 – Ưu tiên xét tuyển học sinh giỏi tốt nghiệp THPT 2023 theo quy định của ĐHQG-HCM;

- Phương thức 3 – Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) hoặc thí sinh giỏi nhất trường THPT năm 2023;

- Phương thức 4 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực;

- Phương thức 5 – Xét tuyển đối với thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài;

- Phương thức 6 – Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT.

h) Tổ hợp tuyển sinh:

- Tổ hợp môn dự tuyển:

+ Phương thức 1 và 2: Khối A, A1, D1;

+ Phương thức 4: Toán (bắt buộc) và 1 môn tự chọn trong các môn: Vật lý, Hoá học và tiếng Anh.

- Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo:

Năm	2023	2024	2025	2026	2027	2028	Từ 2029 trở đi
Tuyển sinh mới	50	50	50	70	70	70	80
Quy mô đào tạo	50	100	150	220	240	260	290

i) Chuẩn đầu ra:

- Kiến thức và lập luận ngành (PLO1);

- Kỹ năng, thái độ cá nhân và nghề nghiệp (PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO9);

- Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp (PLO2, PLO7);

- Năng lực thực hành nghề nghiệp (PLO8, PLO10).

k) Điều kiện tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và An ninh (GDQP-AN), Giáo dục thể chất (GDTC) và hoàn thành các học phần điều kiện theo quy định của ĐHQG-HCM và của trường ĐHQT;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo các quy định, quy chế của nhà trường đã được ban hành chính thức.

l) Khung chương trình đào tạo:

- Cấu trúc chương trình đào tạo:

1. Giáo dục đại cương	**47 (36.15%)**
1.1 Các môn lý luận chính trị	11
1.2 Khoa học xã hội và nhân văn, quản trị và kinh tế	18
1.3 Khoa học tự nhiên	10
1.4 Ngoại ngữ	8
2. Giáo dục chuyên nghiệp	**68 (52.31%)**
2.1 Cơ sở ngành	24
2.2 Chuyên ngành Kinh tế	
a. Bắt buộc	35
b. Tự chọn	9
3. Thực tập và Luận văn tốt nghiệp	**15 (11.54%)**

- Danh sách môn học và trình độ năng lực:

1. Giáo dục đại cương	**Trình độ năng lực**
1.1 Các môn lý luận chính trị	
Triết học Mác-Lênin	2.0
Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2.0
Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Đảng CSVN)	2.0
Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0
1.2 Khoa học xã hội và nhân văn, quản trị và kinh tế	
Tư duy phản biện	3.0
Kinh tế vi mô	3.0
Kinh tế vĩ mô	3.0
Tâm lý học	3.0
Xã hội học	3.0
Địa lý kinh tế thế giới	3.0
Lịch sử và văn hoá Việt Nam	3.0
1.3 Khoa học tự nhiên	
Toán trong kinh doanh	3.5
Thống kê trong kinh doanh	3.5
Tin học đại cương	3.5
1.4 Ngoại ngữ	
Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng nghe)	3.0
Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng viết)	3.0

Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng nói)	3.0
Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng viết)	3.0
2. Giáo dục chuyên nghiệp	
2.1 Cơ sở ngành	
Kế toán tài chính 1	4.0
Quản trị kinh doanh đại cương	3.5
Nguyên lý tiếp thị	3.5
Đạo đức kinh doanh	3.5
Kinh tế quốc tế	3.5
Hành vi tổ chức	3.5
Quản trị tài chính đại cương	3.5
Pháp luật đại cương	3.5
Luật kinh doanh	3.5
Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	3.5
Workshop 1	3.0
2.2 Chuyên ngành Kinh tế	
Kinh tế Vi mô 2	5.0
Kinh tế Vĩ mô 2	5.0
Nhập môn Kinh tế lượng	5.0
Kinh tế lượng chuỗi thời gian	5.0
Kinh tế môi trường	5.0
Kinh tế phát triển	5.0
Kinh tế lao động	5.0
Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế	5.0
Nền tảng học máy với ứng dụng trong kinh tế	5.0
Trực quan hoá và khoa học dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	5.0
Nguyên lý quản trị cơ sở dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	5.0
Workshop 2 cho ngành kinh tế	4.0
Kiến thức tự chọn	
Kinh tế học thực nghiệm	3.5
Kinh tế học hành vi	3.5
Lý thuyết trò chơi và chiến lược doanh nghiệp	5.0
Kinh tế học tài chính	5.0
Kinh tế lượng số liệu bảng	5.0
Phân tích dữ liệu marketing	5.0
3. Thực tập và Luận văn tốt nghiệp	

Thực tập	5.0
Luận văn tốt nghiệp	5.0

m) Tên trên bằng tốt nghiệp:

- Tiếng Anh: Bachelor of Arts in Economics;

- Tiếng Việt: Cử nhân Kinh tế.

2. Thảo luận, góp ý

PGS. TS. Trần Tiến Khoa, Hiệu trưởng trường ĐHQT, Chủ tịch Hội đồng.

Kính đề nghị HĐKH&ĐT đóng góp ý kiến, xây dựng Đề án để đảm bảo kế hoạch triển khai của Đề án theo đúng tiến độ đã đề ra.

TS. Huỳnh Khả Tú, Trưởng Phòng ĐTĐH, Ủy viên.

Phòng ĐTĐH xin kính thông tin đến HĐKH&ĐT về quy định mở ngành mới vừa được ĐHQG-HCM ban hành có yêu cầu các đề án mở ngành mới phải được trình bày trước HĐKH&ĐT và được thông qua trước khi được trình bày trước Hội đồng thẩm định đề án. Bên cạnh đó, đề án mở ngành CTĐT ngành Kinh tế đã được Phòng ĐTĐH phối hợp rà soát với Khoa KT,TC&KT và đảm bảo đề án đã phù hợp với các quy định hiện hành.

PGS. TS. Trần Tiến Khoa, Hiệu trưởng trường ĐHQT, Chủ tịch Hội đồng.

Đề nghị Phòng ĐTĐH làm rõ về vấn đề học phí của các chương trình mở mới sẽ điều chỉnh theo khung giá được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

TS. Huỳnh Khả Tú, Trưởng Phòng ĐTĐH, Ủy viên.

Vấn đề về học phí, Phòng ĐTĐH kính đề xuất HĐKH&ĐT và Ban Giám hiệu (BGH) nguồn kinh phí đào tạo sẽ thu theo số tín chỉ đang học và theo quy định hiện hành của trường ĐHQT.

PGS. TS. Trần Tiến Khoa, Hiệu trưởng trường ĐHQT, Chủ tịch Hội đồng.

- Xin kính thông tin đến HĐKH&ĐT về khung giá trần được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ đối với các CTĐT mở mới và chưa thực hiện công tác kiểm định chất lượng;

- Đề nghị Phòng BĐCLGD&KT tham mưu cho HĐKH&ĐT về kế hoạch và phương thức thực hiện công tác kiểm định chất lượng đối với các CTĐT mới.

TS. Nguyễn Thị Thanh Sang, Trưởng Phòng BĐCLGD&KT, Ủy viên.

Phòng BĐCLGD&KT xin ghi nhận và thông tin đến HĐKH&ĐT trong thời gian sớm nhất.

TS. Trịnh Quốc Đạt, Trưởng Khoa KT,TC&KT, Ủy viên.

- Khoa KT,TC&KT xin kính thông tin đến HĐKH&ĐT về tình hình giảng dạy các môn chung giữa CTĐT hiện nay của Khoa và CTĐT mở mới và kính đề nghị HĐKH&ĐT tham mưu cho BGH nhằm đảm bảo quyền lợi của Quý thầy/cô tham gia giảng dạy các chương trình mới;

- Về phía Khoa KT,TC&KT cam kết sẽ tham gia đầy đủ các chương trình kiểm định chất lượng để sớm ổn định vấn đề học phí của CTĐT mở mới này.

PGS. TS. Nguyễn Văn Phương, Trưởng TTĐT&NCQLC, Ủy viên.

- TTĐT&NCQLC đồng ý đề xuất của tổ xây dựng đề án về việc mở ngành CTĐT ngành Kinh tế;

- Qua quá trình tham gia góp ý xây dựng đề án tại Khoa, TTĐT&NCQLC cũng nhận thấy nội dung CTĐT đã phù hợp với các quy định hiện hành;

- Về vấn đề học phí, TTĐT&NCQLC kính đề xuất HĐKH&ĐT tham khảo ý kiến tách học phí CTĐT thành hai nhóm: nhóm các môn học chung với các ngành khác sẽ giữ nguyên mức giá hiện nay của trường ĐHQT và nhóm các môn học thuộc chuyên ngành của CTĐT mới mở sẽ theo quy định khung giá trần khung giá trần được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ cho đến khi CTĐT tham gia kiểm định.

GS. TS. Lê Văn Cảnh, Phó Hiệu trưởng, Ủy viên.

Kính đề xuất HĐKH&ĐT tham khảo ý kiến mở chương trình liên kết song song với các CTĐT mới để hài hòa lợi ích các bên liên quan.

PGS. TS. Trần Tiến Khoa, Hiệu trưởng trường ĐHQT, Chủ tịch Hội đồng.

- BGH xin nghi nhận đóng góp của HĐKH&ĐT và kính đề nghị HĐKH&ĐT hôm nay tập trung bỏ phiếu về việc có thông qua đề án này;

- BGH sẽ xem xét, tổng hợp các ý kiến đóng góp và trình ĐHQG-HCM xin phê duyệt về cơ chế mở ngành đặc thù giảng dạy bằng ngoại ngữ cho các CTĐT mà ĐHQT sẽ triển khai trong thời gian tới.

II. ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH CTĐT NGÀNH THỐNG KÊ ỨNG DỤNG.

1. Trình bày nội dung

TS. Nguyễn Minh Quân, Phó trưởng BMT.

Tổ xây dựng đề án kính đề nghị HĐKH&ĐT xem xét thông qua Đề án mở ngành CTĐT ngành Thống kê ứng dụng, cụ thể như sau:

a) Tên ngành đào tạo:

- Tiếng Anh: Statistics (specialization: Applied Statistics);

- Tiếng Việt: Thống kê (chuyên ngành: Thống kê ứng dụng).

b) Mã ngành: 7460201;

c) Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh;

d) Thời gian đào tạo: 4 năm;

đ) Tổng số tín chỉ của chương trình: 139 tín chỉ;

e) Đơn vị đào tạo: Bộ môn Toán;

g) Phương thức tuyển sinh:

- Phương thức 1 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT);

- Phương thức 2 – Ưu tiên xét tuyển học sinh giỏi tốt nghiệp THPT 2023 theo quy định của ĐHQG-HCM;

- Phương thức 3 – Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng năm 2023 của Bộ GD&ĐT hoặc thí sinh giỏi nhất trường THPT năm 2023;

- Phương thức 4 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực;

- Phương thức 5 – Xét tuyển đối với thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài;

- Phương thức 6 – Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (chỉ dành cho các chương trình liên kết).

h) Tổ hợp môn xét tuyển: A00: Toán – Vật lý – Hoá học; A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh.

i) Chuẩn đầu ra:

Stt	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực (theo thang Bloom)
1.	Kiến thức và lập luận ngành (Cognitive/knowledge/thinking)	
1.1	Có kiến thức nền tảng về Xác suất, Thống kê, các mô hình Toán học, bao gồm mô hình hóa và mô phỏng, phân tích dữ liệu, học máy và trí tuệ nhân tạo.	Bậc 2 (Understand)
1.2	Có khả năng đánh giá và vận dụng các phương pháp Thống kê trong các mô hình thống kê ứng dụng trong cuộc sống, bao gồm trong tài chính, kinh doanh, và kinh tế-xã hội.	Bậc 5 (Evaluate)
1.3	Có khả năng ứng dụng tư duy Thống kê và tư duy phản biện nhằm giải quyết các vấn đề thực tế.	Bậc 3 (Apply)
2.	Kỹ năng, năng lực thực hành nghề nghiệp (Psychomotor/skill/doing)	
2.1	Thiết kế và xây dựng tính toán cho các mô hình Thống kê dữ liệu; bao gồm mô phỏng mô hình, phân tích và dự báo các mô hình Thống kê, với ứng dụng trong tài chính, quản trị kinh doanh, và kinh tế xã hội.	Bậc 5 (Mechanism-basic proficiency)
2.2	Có kỹ năng giao tiếp (viết, nói, …) tốt, trong các môi trường chuyên môn, nghiên cứu, cũng như không chuyên môn. Có khả năng sử dụng tiếng Anh lưu loát trong giao tiếp. Có những kỹ năng làm việc tốt trong môi trường quốc tế, môi trường đa văn hóa. Có tinh thần và kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả, tính chuyên nghiệp cao.	Bậc 3 (response)
2.3	Có kỹ năng lựa chọn, phân tích và cải tiến phương pháp thống kê và các mô hình dự báo. Xây dựng và tổ chức mô hình thống kê cho doanh nghiệp và xã hội.	Bậc 4 (articulation)
3.	Thái độ, ý thức (Affective/attitude/feeling)	
3.1	Có đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp tốt và có trách nhiệm với cộng đồng. Có hiểu biết đúng đắn về pháp luật đại cương và pháp luật nghề nghiệp, về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Có thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và có khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng một cách logic và tích cực.	Bậc 4 (Organization)

3.2	Có tính chủ động, tích cực, có nhu cầu tự hoàn thiện nghề nghiệp và thích nghi với những biến động của xã hội. Có ý thức và khả năng học tập suốt đời.	Bậc 5 (Characterization)

k) Điều kiện tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, chứng chỉ GDQP-AN, GDTC và hoàn thành các học phần điều kiện theo quy định của ĐHQG-TPHCM và của trường ĐHQT;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo các quy định, quy chế của nhà trường đã được ban hành chính thức.

l) Khung chương trình đào tạo:

- Cấu trúc chương trình đào tạo:

1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	**42 (30%)**
1.1 Các môn lý luận chính trị	
1.2 Khoa học xã hội và nhân văn, quản trị và kinh tế	
1.3 Khoa học tự nhiên	
1.4 Ngoại ngữ	
2. Khối kiến thức cơ sở ngành	**32 (23%)**
3. Kiến thức chuyên ngành	**39 (28%)**
4. Kiến thức bổ trợ	**11 (8%)**
5. Thực tập và Luận văn tốt nghiệp	**15 (11%)**

- Danh sách môn học và trình độ năng lực:

Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1. Kiến thức giáo dục đại cương	
1.1 Các môn lý luận chính trị	
Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	2.0
Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0
Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	2.0
Kinh tế chính trị Mác-Lênin	3.0
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3.0
Pháp luật đại cương	3.0
1.2 Khoa học tự nhiên - Công nghệ	
Giải tích 1	3.0
Giới thiệu về Python	3.0

Giải tích 2	3.0
Đại số tuyến tính	4.0
1.3 Khoa học xã hội và nhân văn, quản trị và kinh tế	
Tài chính kế toán	3.5
1.4 Ngoại ngữ	
Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng nghe)	3.0
Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng viết)	3.0
Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng nói)	3.0
Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng viết)	3.0
Kiến thức giáo dục chuyên ngành	
2. Kiến thức cơ sở ngành	
Giải tích thực	3.0
Giải tích 3	3.0
Xác suất	3.0
Hệ quản trị dữ liệu	3.0
Giới thiệu về thống kê	3.0
Giải tích số	3.0
Phương trình vi phân	3.0
Giới thiệu về học máy	3.0
Lý thuyết ra quyết định	3.0
Môn học tự chọn 1	3.0
3. Kiến thức chuyên ngành	
3.1. Kiến thức bắt buộc	
Mô hình ngẫu nhiên	4.5
Thống kê	4.5
Mô hình hồi quy	4.5
Thống kê tính toán	4.5
Phân tích chuỗi thời gian ứng dụng	4.5
Học sâu	4.5
Thống kê Bayes	4.5
Tối ưu hoá 1	4.5
Tối ưu hoá 2	4.5
3.2. Kiến thức ngành tự chọn	
Môn học tự chọn 2	4.5
Môn học tự chọn 3	4.5
Môn học tự chọn 4	4.5

4. Kiến thức bổ trợ	
Lập trình hướng đối tượng	4.5
Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4.5
Giới thiệu về quản trị kinh doanh	4.0
5. Nghiên cứu, thực tập và luận văn tốt nghiệp	
Thực tập hè	4.0
Luận văn tốt nghiệp	4.5

m) Tên trên bằng tốt nghiệp:

- Tiếng Anh: Bachelor of Science in Statistics;

- Tiếng Việt: Cử nhân Thống kê.

2. Thảo luận, góp ý

PGS. TS. Trần Tiến Khoa, Hiệu trưởng trường ĐHQT, Chủ tịch Hội đồng.

Đề nghị Phòng ĐTĐH xác nhận quy trình mở ngành và nội dung CTĐT ngành Thống kê có phù hợp với các quy định hiện hành.

TS. Huỳnh Khả Tú, Trưởng Phòng ĐTĐH, Ủy viên.

Phòng ĐTĐH xin kính thông tin đến HĐKH&ĐT về đề án mở ngành CTĐT ngành Thống kê đã được Phòng ĐTĐH phối hợp rà soát với Bộ môn Toán và đảm bảo đề án đã phù hợp với các quy định hiện hành.

PGS. TS. Nguyễn Văn Thuận, Trưởng Khoa CNSH, Ủy viên.

Đề nghị tổ xây dựng dự án xem xét bổ sung thêm tên chuyên ngành để làm rõ nội dung chương trình đào tạo và tạo sự lôi cuốn đối với sinh viên tiềm năng.

GS. TS. Lê Văn Cảnh, Phó Hiệu trưởng, Ủy viên.

Đề nghị tổ xây dựng dự án xem xét mở chương trình song ngành Thống kê với các chương trình đào tạo khác trong trường ĐHQT.

GS. TS. Phạm Hữu Anh Ngọc, Trưởng BMT, Ủy viên.

- BMT xin kính thông tin đến HĐKH&ĐT về tên ngành đào tạo bắt buộc phải theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT; tuy nhiên BMT cũng ghi nhận ý kiến đóng và sẽ bổ sung phụ đề tên ngành với tên định hướng đào tạo Thống kê ứng dụng trong bảng điểm chính thức và khi triển khai tư vấn tuyển sinh;

- BMT cũng xin thông tin đến HĐKH&ĐT về kế hoạch triển khai các chương trình song ngành với ngành Thống kê và quy trình thực hiện sẽ phải tuân thủ các quy định hiện hành.

PGS. TS. Nguyễn Văn Phương, Trưởng TTĐT&NCQLC, Ủy viên.

Đề nghị tổ xây dựng dự án xem xét tổng số tín chỉ yêu cầu của ngành Thống kê vì 139 tín chỉ là rất nhiều cho một chương trình đào tạo đại học. Tổng số tín chỉ tối thiểu của một chương trình đào tạo đại học quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT là 120 tín và 150 đối với các chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7.

GS. TS. Phạm Văn Hùng, Trưởng Phòng QLKH, Thư ký Hội đồng.

Phòng QLKH đồng ý với góp ý của TTĐT&NCQLC về tổng số 139 tín chỉ của ngành Thống kê là rất lớn và đề nghị tổ xây dựng dự án xem xét để tăng khả năng thu hút sinh viên tiềm năng.

PGS. TS. Trần Tiến Khoa, Hiệu trưởng trường ĐHQT, Chủ tịch Hội đồng.

- BGH xin xác nhận với BMT là tất cả các yêu cầu điều chỉnh và cập nhật CTĐT mà các đơn vị trình bày trước HĐKH&ĐT đều xuất phát từ sự thay đổi về quy định và chính sách quản lý của Nhà nước, của cơ quan quản lý chức năng là Bộ GD&ĐT, của cơ quan chủ quản là ĐHQG-HCM hoặc từ nhu cầu cấp thiết của đơn vị nhưng vẫn phải đảm bảo các quy định hiện hành;

- Có một sự thật là tổng số 139 tín chỉ của ngành Thống kê so với mặt bằng chung các CTĐT ngành Thống kê của các Đại học và trường Đại học khác, điều này sẽ gây bất lợi trong công tác tuyển sinh và gây băn khoăn đối với sinh viên tiềm năng khi so sánh các CTĐT và học phí giữa các đơn vị đào tạo. Đó là lý do các thành viên HĐKH&ĐT đề nghị tổ xây dựng đề án xem xét.

TS. Nguyễn Minh Quân, Phó trưởng BMT.

Tổ xây dựng đề án xin ghi nhận ý kiến đóng góp của HĐKH&ĐT và cũng xin thông tin đến HĐKH&ĐT rằng tổ xây dựng đề án sau khi tham khảo rất nhiều CTĐT ngành Thống kê của các Đại học và trường Đại học quốc tế vẫn rút ra kết luận về CTĐT hiện nay là hợp lý.

GS. TS. Lê Văn Cảnh, Phó Hiệu trưởng, Ủy viên.

Đề nghị tổ xây dựng đề án xem xét, thể hiện và lý giải tính ứng dụng kỹ thuật của CTĐT ngành Thống kê hiện nay so với các chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7.

PGS. TS. Đinh Đức Anh Vũ, Phó Hiệu trưởng, Ủy viên.

Đề nghị tổ xây dựng đề án xem xét lại kế hoạch đào tạo hiện nay của CTĐT ngành Thống kê cân đối và hợp lý hơn, tránh gây quá tải lực học cho sinh viên năm nhất.

GS. TS. Phạm Hữu Anh Ngọc, Trưởng BMT, Ủy viên.

BMT xin giải trình về kế hoạch đào tạo hiện nay của CTĐT ngành Thống kê đang phân bổ theo mức độ phức tạp về nội dung các môn học; BMT xin cam kết đảm bảo sự cân đối và hợp lý đối với sinh viên theo học.

III. ĐỀ ÁN BỔ SUNG DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP.

1. CTĐT ngành Tiến sĩ Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp.

Đối tượng dự thi	Danh mục hiện tại	Danh mục bổ sung	Lý do bổ sung
Thạc sĩ	**1. Ngành đúng:** Kỹ thuật hệ thống công nghiệp (8520118). **2. Ngành phù hợp** - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng (8510605); - Công nghệ kỹ thuật (851);	- Kinh doanh và quản lý (834); - Sản xuất và chế biến (854); - Khoa học tự nhiên (844) *(thay thế Khoa học vật chất - 84401)*.	Đặc trưng của ngành KTHTCN là tối ưu các quá trình trong các hệ thống khác nhau, lĩnh vực ứng dụng đa dạng như kỹ thuật, kinh tế, quản lý, công

	- Kỹ thuật (852); - Máy tính và công nghệ thông tin (848); - Toán và thống kê (846); - Kinh tế học (83101); - Khoa học vật chất (84401); - Khoa học sự sống (842).		nghệ, khoa học tự nhiên và ứng dụng. Do đó Khoa đề nghị thay đổi bổ sung thêm các nhóm ngành như ở trên.
Đại học	**1. Ngành đúng:** - Kỹ thuật hệ thống công nghiệp (7520118); - Kỹ thuật công nghiệp (7520117). **2. Ngành phù hợp** - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng (7510605); - Quản lý công nghiệp (751 0601); - Công nghệ kỹ thuật (751); - Kỹ thuật (752); - Máy tính và công nghệ thông tin (748); - Toán và thống kê (746); - Kinh tế học (73101); - Khoa học vật chất (74401); - Khoa học sự sống (742).	- Kinh doanh và quản lý (734); - Sản xuất và chế biến (754); - Khoa học tự nhiên (744) *(thay thế Khoa học vật chất -74401).*	

2. CTĐT ngành Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh.

Đối tượng dự thi	Danh mục hiện tại	Danh mục bổ sung	Lý do bổ sung
Đại học Thạc sĩ	**1. Ngành đúng:** - Quản trị Kinh doanh (8340101); - Kinh doanh thương mại (8340121). **2. Ngành phù hợp:** - Tài chính - Ngân hàng (8340201); - Bảo hiểm (8340204); - Kế toán (8340301); - Quản lý Công (8340403); - Khoa học Quản lý (8340401); - Chính sách công (8340402);	1. Nhóm ngành Kinh tế học (83101) gồm: Kinh tế học (8310101); Kinh tế chính trị (8310102); Kinh tế đầu tư (8310104); Kinh tế phát triển (8310105); Kinh tế quốc tế (8310106); Thống kê kinh tế (8310107); Toán kinh tế (8310108); Quản lý kinh tế ((8310110); 2. Nhóm ngành Quản lý công nghiệp (85106): Quản lý công nghiệp (8510601); Quản lý năng lượng (8510602); Logistics và	- Những ngành có cơ sở khoa học thuộc lĩnh vực Kinh tế, Quản trị, Quản lý và Kinh doanh theo tiêu chuẩn của Hội đồng giáo sư, PGS nhà nước; - Những ngành phù hợp với danh mục đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ theo Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017

	- Quản trị nhân lực (8340404); - Hệ thống thông tin quản lý (8340405); - Quản trị văn phòng (8340406); - Quản lý Khoa học và công nghệ (8340412); - Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (8340417); - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (8810103).	quản lý chuỗi cung ứng (8510605); 3. Nhóm ngành Quản lý xây dựng (85803) gồm: Kinh tế xây dựng (8580301); Quản lý xây dựng (8580302); 4. Nhóm ngành Quản lý Y Tế (87208) gồm: Quản lý Y tế (8720801); Quản lý bệnh viện (8720802); 5. Nhóm ngành Du lịch (88101) gồm: Du lịch (8810101).	của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; - Các nhóm ngành đào tạo đều có cơ sở khoa học tương đồng; - Đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong và ngoài nước.

3. CTĐT ngành Thạc sĩ Kỹ thuật Y sinh.

Đối tượng dự thi	Danh mục hiện tại	Danh mục bổ sung	Lý do bổ sung
Đại học	- Kỹ thuật điện (7520201); - Kỹ thuật điện tử - viễn thông (7520207); - Kỹ thuật ra đa – dẫn đường (7520204); - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (7520216); - Kỹ thuật Cơ Điện tử (7520114); - Toán học (7460101); - Vật lý học (7440102); - Hóa học (7440112); - Tâm lý học (7310401); - Nhóm ngành Máy tính (74801); - Sinh học (7420101); - Công nghệ Sinh học (7420201); - Y Khoa (7720101); - Y học dự phòng (7720110); - Y học cổ truyền (7720115); - Răng – Hàm – Mặt (Nha Khoa) (7720501); - Dược học (7720201); - Nhóm ngành Kỹ thuật Y học (77206).	1. Khoa học Dữ liệu (7460108); 2. Công nghệ Thực phẩm (7540101); 3. Kỹ thuật Hóa học (7520301); 4. Kỹ thuật Môi trường (7520320); 5. Kỹ thuật Sinh học (7420202); 6. Sinh học ứng dụng (7420203); 7. Vật lý nguyên tử và hạt nhân (7440106); 8. Khoa học vật liệu (7440122); 9. Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử (7510203); 10. Kỹ thuật hóa học (7520301); 11. Kỹ thuật vật liệu (7520309); 12. Kỹ thuật thực phẩm (7540102); 13. Thú y (7640101); 14. Hóa dược. (7720203); 15. Y tế công cộng (7720701);	Giúp những ứng viên có nhu cầu có thể đăng ký dự tuyển và thực tế các ngành nêu trên có sự tương đồng với ngành KTYS, với các hướng nghiên cứu, giảng dạy của Khoa KTYS

		16. Y sinh học thể dục thể thao (7729001); 17. Nhóm ngành điều dưỡng – hộ sinh (77203); 18. Nhóm ngành Vật lý kỹ thuật (75204); 19. Nhóm ngành Quản lý Y tế (77208); 20. Nhóm ngành Công nghệ Thông tin (74802); 21. Nhóm ngành Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông (75103); 22. Công nghệ hóa học, vật liệu và môi trường (75104).	

4. CTĐT ngành Thạc sĩ Công nghệ Sinh học.

Đối tượng dự thi	Danh mục hiện tại	Danh mục bổ sung	Lý do bổ sung
Đại học	- Sinh học (7420101); - Y Khoa (7720101); - Y học dự phòng (7720110); - Y học cổ truyền (7720115); - Dược học (7720201); - Hóa Dược (7720203); - Kỹ thuật y sinh (7520212); - Lĩnh vực Nông, Lâm nghiệp và thủy sản (762).	- Kỹ thuật hoá học (7520301); - Hóa học (7440112).	Các nghiên cứu của ngành công nghệ sinh học có liên quan đến mảng nghiên cứu của ngành Kỹ thuật Hóa học như proteins, hoạt động màng tế bào và ứng dụng của nanomaterials trong vận chuyển thuốc…

IV. ĐỀ ÁN CHẤP NHẬN CHỨNG CHỈ NAT-TEST, J-TEST SONG SONG VỚI CHỨNG CHỈ JLPT KHI XÉT CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ TIẾNG NHẬT.

1. Trình bày nội dung

TS. Nguyễn Huy Cường, Trưởng Khoa Ngôn ngữ, Ủy viên.

a) Thực trạng:

- Khoa Ngôn ngữ đang thực hiện xét công nhận đạt cho các sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh dựa trên Quyết định số 170/QĐ-ĐHQG ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành quy chế chuẩn trình độ ngoại ngữ tại ĐHQG-HCM;

- Chứng chỉ JLPT N4 (tương đương Bậc 3 trong Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) đang là tiêu chuẩn tối thiểu trình độ ngoại ngữ tiếng Nhật đối với bậc đại học có một số hạn chế;

- Chứng chỉ NAT-TEST, J-TEST là hai chứng chỉ công nhận trình độ ngoại ngữ tiếng Nhật đối với bậc đại học được nhiều tổ chức đại học uy tín sử dụng.

b) Giải pháp:

- NAT-TEST là kỳ thi kiểm tra và đánh giá trình độ và năng lực tiếng Nhật do Ủy ban quản lý Japanese NAT – TEST (Senmon Kyouiku Publishing Co., Ltd) tổ chức;

- J-TEST (Japaneses Test) là bài thi đánh giá trình độ tiếng Nhật trong giao tiếp hàng ngày và làm việc do Văn phòng J-TEST tổ chức và quản lý;

- So sánh với cấp độ NAT-TEST, J-TEST, JLPT như sau:

	Thấp		→		Cao
JLPT	N5	N4	N3	N2	N1
NAT-TEST	5Q	4Q	3Q	2Q	1Q
J-TEST	250 points	350 points	400 - 450 points	550 - 600 points	650 - 700 points

c) Khoa Ngôn ngữ kính đề nghị HĐKH&ĐT xem xét thông qua đề án chấp nhận chứng chỉ NAT-TEST, J-TEST song song với chứng chỉ JLPT khi xét chuẩn trình độ ngoại ngữ Tiếng Nhật, cụ thể như sau:

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	JLPT	NAT-TEST	J-TEST
Bậc 3 (CEFR B1)	N4	3Q	D (500 points)

2. Thảo luận, góp ý:

PGS. TS. Trần Tiến Khoa, Hiệu trưởng trường ĐHQT, Chủ tịch Hội đồng.

Đề nghị Khoa Ngôn ngữ làm rõ sự không ổn định giữa bảng so sánh cấp độ NAT-TEST, J-TEST, JLPT với bảng đề xuất chứng chỉ NAT-TEST, J-TEST song song với chứng chỉ JLPT khi xét chuẩn trình độ ngoại ngữ Tiếng Nhật mà khoa trình bày.

TS. Nguyễn Huy Cường, Trưởng Khoa Ngôn ngữ, Ủy viên.

Khoa Ngôn ngữ xin kính thông tin đến HĐKH&ĐT, cụ thể như sau:

- Căn cứ theo Phụ lục III Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1, B2 Khung CEFR ban hành kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/2/2012 và Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ban hành ngày ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT thì Trình độ B1 Khung CEFR tương đương với cấp độ N4 JLPT, tương đương bậc 3 của Khung NLNNVN và là chuẩn tối thiểu trình độ ngoại ngữ tiếng Nhật đối với bậc đại học;

- Bảng so sánh cấp độ NAT-TEST, J-TEST, JLPT được ghi nhận từ kết quả của 02 kỳ thi cấp chứng chỉ gần nhất của 03 chứng chỉ nêu trên; và 2 chứng chỉ NAT-TEST và J-TEST là 02 chứng chỉ còn mới nên độ tin cậy chưa cao;

- Bảng mức điểm tối thiểu của các chứng chỉ NAT-TEST, J-TEST, JLPT khi xét chuẩn trình độ ngoại ngữ Tiếng Nhật, mà Khoa Ngôn ngữ đề nghị HĐKH&ĐT xem xét thông qua, dựa trên đề xuất của Đại học Quốc gia Hà Nội.

PGS. TS. Trần Tiến Khoa, Hiệu trưởng trường ĐHQT, Chủ tịch Hội đồng.

Đề nghị Khoa Ngôn ngữ tham khảo các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín và cập nhật bảng mức điểm tối thiểu của các chứng chỉ NAT-TEST, J-TEST, JLPT khi xét chuẩn trình độ ngoại ngữ Tiếng Nhật.

GS. TS. Lê Văn Cảnh, Phó Hiệu trưởng, Ủy viên.

Kính đề nghị HĐKH&ĐT xem xét bỏ phiếu tán thành về chủ trương chấp nhận chứng chỉ NAT-TEST, J-TEST song song với chứng chỉ JLPT khi xét chuẩn trình độ ngoại ngữ Tiếng Nhật.

V. HỘI ĐỒNG BỎ PHIẾU

Hội đồng biểu quyết các đề án với kết quả như sau:

STT	Đề án	Kết quả
1	Đề xuất mở ngành chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Kinh tế	18/18 = 100% thành viên đồng ý thông qua
2	Đề xuất mở ngành CTĐT ngành Thống kê ứng dụng	18/18 = 100% thành viên đồng ý thông qua
3	Đề xuất danh sách bổ sung danh mục ngành phù hợp	
3.1	CTĐT ngành Tiến sĩ Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	18/18 = 100% thành viên đồng ý thông qua
3.2	CTĐT ngành Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh	17/18 = 94% thành viên tán thành
3.3	CTĐT ngành Thạc sĩ Kỹ thuật Y Sinh	18/18 = 100% thành viên đồng ý thông qua
3.4	CTĐT ngành Thạc sĩ Công nghệ Sinh học	18/18 = 100% thành viên đồng ý thông qua
4	Đề xuất chủ trương chấp nhận chứng chỉ NAT-TEST, J-TEST song song với chứng chỉ JLPT khi xét chuẩn trình độ ngoại ngữ Tiếng Nhật	18/18 = 100% thành viên đồng ý thông qua

Cuộc họp kết thúc hồi 11 giờ 30 phút, cùng ngày./.

THƯ KÝ | **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Phạm Văn Hùng | **Trần Tiến Khoa**

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Các thành viên dự họp (để thực hiện);
- Lưu: VT, QLKH.

PHỤ LỤC 9

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KINH TẾ Ở CÁC NƯỚC

UNIVERSITY OF NEW SOUTH WALES (UNSW SYDNEY, AUSTRALIA)

BACHELOR OF ECONOMICS

SPECIALISATION: DATA ANALYTICS AND ECONOMETRICS

https://www.unsw.edu.au/study/undergraduate/bachelor-of-economics?studentType=Domestic

Majoring in Data Analytics and Econometrics offers you the opportunity to study the methods used by economists for organising, modelling, and analysing large and complex data relevant to decisions made within businesses, governments and other organisations. Careful organisation and interpretation of data helps improve business decisions and inform policy-making.

This major includes courses that will provide students with an advanced technical background in quantitative methods, computation, and econometrics. The Data Analytics and Econometrics major enables a student to select electives to suit various settings and applications (including in economics, financial technology, and AI) in which interpreting, understanding and predicting data are essential. The training provided in this major opens a pathway to exciting careers in quantitative analysis, big data analytics, and statistical modelling.

Students must complete 144 UOC (3 years) when taken as a standalone program.

Introductory Business Courses (6 UOC)

Collaboration and Innovation in Business (6 UOC)

Financial Management (6 UOC)

Data, Insight, and Decisions (6 UOC)

Organizations in Their Environment (6 UOC)

Core Courses (36 UOC)

Microeconomics 1 (6 UOC)

Macroeconomics 1 (6 UOC)

Microeconomics 2 (6 UOC)

Introductory Econometrics (6 UOC)

Econometrics Theory and Method (6 UOC)

Statistics for Econometrics (6 UOC)

Elective Courses (12 UOC)

Business Forecasting (6 UOC)

Financial Econometrics (6 UOC)

Applied Econometrics Methods (6 UOC)

Big Data Econometrics (6 UOC)

Evidence-Based Intervention Design and Evaluation (6 UOC)

UNSW Economics and Business Electives (42 UOC)

Students must take 30 UOC level 2 and level 3 Economics courses, and 12 UOC of Business School electives.

Free Electives (36 UOC)

General Education (12 UOC)

MONASH UNIVERSITY (AUSTRALIA)
BACHELOR OF ECONOMICS

https://handbook.monash.edu/current/courses/B2031

Economics is the science of allocating scarce resources to achieve desired ends. It has evolved into a broad discipline that helps us understand historical trends, interpret current events, and make reasoned predictions about the future. Economists study the incentives that shape the decisions individuals, businesses and governments, and the organisation and functioning of societies. Modern economic analysis draws upon insights from other social sciences and technological advances in data analysis to develop creative solutions for local and global problems.

SPECIALISATION: BUSINESS ANALYTICS FOR ECONOMICS

Structure

This course comprises four parts: Part A. Foundation commerce knowledge, Part B. Specialist discipline knowledge, Part C Capstone experience, and Part D. Elective study.

Part A. Foundation commerce knowledge

These units will provide you with a comprehensive study of economics and econometrics disciplines and the impact they have on multi-discipline decision-making in organisations. The units consider the impact on the business, professional and public policy communities.

Part B. Specialist discipline knowledge

These units will develop your capacity as a critical and creative professional who is able to apply your knowledge of a specialised area to provide discipline based solutions to commerce and economic policy.

Part C. Capstone experience

The capstone unit is designed to consolidate the knowledge and skills acquired throughout the study of your specialisation.

Part D. Free elective study

This will enable you to further develop your knowledge of economics or commerce more broadly, or select any units from across the University in which you are eligible to enrol including to complete a major or minor from another course.

You can enrich your degree to hone your academic and professional skills with a range of flagship rich experiences, including the Monash Immersion Guarantee and Global Immersion Guarantee. These flagship rich experience units may be credited in place of your free electives if approved by the faculty. There are both 6 and 12 credit point unit options available.

Requirements (144 credit points)

Course Rules

In choosing your units, you must ensure that you complete no more than 10 units (60 credit points) at level 1 and at least six units (36 credit points) at level 3, including four units (24 credit points) at level 3 offered by the Faculty of Business and Economics.

Part A. Foundation commerce knowledge (48 credit points)

ECC1000	Principles of microeconomics	6 CP
ECC1100	Principles of macroeconomics	6 CP
ECX1200	Macroeconomics	6 CP
ECC1050	Big ideas in economics	6 CP
MTH1020	Analysis of change	6 CP
MTH1030	Techniques for modelling	6 CP

MTH1035	Techniques for modelling (advanced)	6 CP
ECC1550	Introduction to quantitative skills for social sciences	6 CP
ETC1000	Business and economic statistics	6 CP
ETX1100	Business statistics	6 CP
ECC2000	Intermediate microeconomics	6 CP
ECC2010	Intermediate macroeconomics	6 CP
ETC2410	Introductory econometrics	6 CP

Part B. Specialist discipline knowledge (42 credit points)

Business Analytics For Economics Specialization (42 credit points)

Core Units (30 credit points)

Design and evaluation of economic, public, and social programs	6 CP
Introduction to Data Analysis	6 CP
Statistical Thinking	6 CP
Introduction to Machine Learning	6 CP
Advanced Statistical Modeling	6 CP

Additional Business analytics for economics units (12 credit points)

Harnessing big data for business and society	6 CP
Game theory and strategic thinking	6 CP
Industrial organisation and regulation	6 CP
Applied econometrics	6 CP
Applied time series econometrics	6 CP
Financial econometrics	6 CP
Applied forecasting	6 CP
Statistical machine learning	6 CP
European economy and global business	6 CP

IMPERIAL COLLEGE LONDON (THE UNITED KINGDOM)

BACHELOR OF ECONOMICS, FINANCE AND DATA SCIENCE

https://www.imperial.ac.uk/business-school/programmes/bsc-economics-finance-data-science/

A first-of-its-kind degree that offers you rigorous study of economics and finance, combined with data science and its applications.

The curriculum you'll study has been designed with input from industry and public policy leaders, ensuring you access to expertise in each discipline.

You'll develop analytical skills and coding capabilities through in-depth study across all three subject areas.

The rich array of modules gives you the flexibility to study all three subjects in the final year, or specialise in one.

You'll also take specialist modules on essential skills identified by employers, from effective communication and teamwork, to emotional intelligence and corporate social responsibility.

On the course, you'll have the opportunity to develop the skills to join the next generation of economists, policy experts, business leaders, and researchers, and address the big issues of our time.

Year 1

Big Issues in Economics, Finance, and Business

Introduction to Data Science

Mathematics Foundations

Statistics

Data Structures

Macroeconomics 1

Microeconomics 1

Accounting

Essential Skills 1

Year 2

Corporate Finance

Macroeconomics 2

Microeconomics 2

Econometrics 1

Econometrics 2

Databases and Cloud Computing

Machine Learning

Operations Research

Essential Skills 2

Year 3

You'll take all the modules below.

Laboratory of Methods in Economics, Finance and Data Science

Final Project

Essential Skills 3

I-Explore

Optional modules

You'll take six modules - either entirely from one of the three disciplines, or a selection from across all three.

Economics

Industrial Organisation

Game Theory

Energy Economics

Health Economics

Public Economics

Monetary Economics

Applied Econometrics

Finance

Asset Pricing

Advanced Macroeconomics

Advanced Corporate Finance

Risk Management

Climate Change and Finance

Project Management

Data Science

Advanced Machine Learning

Text-mining in the social sciences

Marketing Analytics

Organisational Behaviour

Innovation & Entrepreneurship

ĐẠI HỌC KINH TẾ TPHCM (UEH)

NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ

Chương trình Kinh tế đầu tư có mục đích đào tạo sinh viên có được phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế – xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng và kiến thức nền tảng về quản lý và quản trị kinh doanh; có các kiến thức chuyên sâu về kinh tế đầu tư.

Kiến thức giáo dục đại cương: 50 tín chỉ

Triết học Mác-Lênin

Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Chủ nghĩa xã hội khoa học

Tư tưởng Hồ Chí Minh

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Tiếng Anh HP1

Tiếng Anh HP2

Tiếng Anh HP3

Tiếng Anh HP4

Kinh tế vi mô

Kinh tế vĩ mô

Toán dành cho kinh tế và quản trị

Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh

Khoa học dữ liệu

Luật kinh doanh

Nguyên lý kế toán

Khởi nghiệp kinh doanh

Kỹ năng mềm

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 60 tín chỉ

Cơ sở ngành

Nguyên lý thẩm định giá

Kinh tế học tài chính

Phân tích dự án đầu tư

Phân tích và quản lý đầu tư

Kinh tế vi mô ứng dụng

Kinh tế vĩ mô ứng dụng

Kinh tế lượng ứng dụng

Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu

Phương pháp nghiên cứu kinh tế

Trực quan hóa và hệ thống thông tin địa lý

Kinh tế phát triển

Thực hiện quản trị dự án

Chuyên ngành

Thực hành thẩm định dự án

Phân tích và quản lý đầu tư nâng cao

Học phần tự chọn tự do 2

Đánh giá tác động các chương trình và dự án

Thẩm định tín dụng

Cơ sở dữ liệu

Kỹ thuật lập trình với Stata và Python

Đầu tư và Marketing kỹ thuật số

Học phần tự chọn tự do số 1

Phương pháp định tính ứng dụng

Phân tích dữ liệu đa phương tiện trong đầu tư và kinh doanh

Phát triển và marketing địa phương

Kế hoạch và chính sách công

Kinh tế công

Chiến lược và kế hoạch kinh doanh

Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng

Chiến lược Marketing

Thực tập và tốt nghiệp: 10 tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 120 tín chỉ

Cơ hội việc làm

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế Kế hoạch & Đầu tư có thể đảm nhận công việc:

Ở cấp doanh nghiệp: các đơn vị nghiên cứu & phát triển; đơn vị kế hoạch & điều độ; đơn vị phát triển dự án; đơn vị tín dụng, thẩm định hay quản trị rủi ro ở các ngân hàng…

Ở cấp địa phương: các sở kế hoạch & đầu tư, sở công thương, sở du lịch, sở tài nguyên môi trường, sở khoa học công nghệ của các tỉnh, thành; phòng kế hoạch & tài chính của các quận, huyện, các văn phòng ủy ban nhân dân…

Ở cấp trung ương, các trường, viện nghiên cứu, các cơ quan.

PHỤ LỤC 10

BIÊN BẢN GHI NHỚ HỢP TÁC VỚI

CÁC DOANH NGHIỆP, CƠ QUAN HÀNH CHÍNH

GREMSY

BIÊN BẢN GHI NHỚ HỢP TÁC

CÔNG TY CỔ PHẦN GREMSY

VỚI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ
ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 6 năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
————o0o————

BIÊN BẢN GHI NHỚ

(V/v: Hợp tác trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ giữa Công ty cổ phần Gremsy và Trường Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 6 năm 2022, các bên gồm:

1. Bên A: Công ty cổ phần Gremsy *(sau đây gọi là "Gremsy")*

Địa chỉ: 2841, Phạm Thế Hiển, Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 37 205 221

Người đại diện: Tống Vũ Thân Dân

Chức vụ: Giám đốc vận hành

2. Bên B: Trường Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh *(sau đây gọi là "Trường ĐHQT")*

Địa chỉ: Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3724 4270

Người đại diện: PGS. TS. Trần Tiến Khoa

Chức vụ: Hiệu trưởng

Các bên cùng đồng ý ký kết biên bản ghi nhớ, hợp tác trong các nội dung sau:

Điều 1: Các điều khoản hợp tác về chuyển giao công nghệ:

1.1. Trường ĐHQT xây dựng và phát triển nghiên cứu khoa học và công nghệ có liên quan đến hướng phát triển sản phẩm của Gremsy, các nghiên cứu có thể bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau đây:

1.1.1. Nghiên cứu phát triển trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực Công nghệ thông tin để củng cố và phát triển sản phẩm cho Gremsy.

1.1.2. Nghiên cứu phát triển trong lĩnh vực Điện tử Viễn thông về các linh kiện cần thiết trong việc cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm của Gremsy.

1.1.3. Nghiên cứu phát triển trong lĩnh vực Viễn thám, phát triển sản phẩm có các tính năng cải tiến có khả năng phục vụ trong viễn thám, tạo bản đồ 2D và 3D.

1.2. Gremsy có trách nhiệm trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm và chuyển giao công nghệ, trong đó bao gồm:

1.2.1. Gremsy hỗ trợ cung cấp các thiết bị, máy móc, sản phẩm cần thiết trong việc nghiên cứu sản phẩm của Gremsy.

1.2.2. Gremsy hỗ trợ chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn cho các giảng viên và sinh viên của Trường ĐHQT.

Điều 2: Phối hợp khai thác và phát triển nguồn nhân lực:

2.1. Gremsy sẽ hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực là sinh viên của Trường ĐHQT từ các ngành có liên quan đến hướng phát triển của Gremsy tại các vị trí phù hợp.

2.2. Gremsy hỗ trợ tạo điều kiện đến công ty thực tập dành cho các sinh viên của Trường ĐHQT từ các ngành có liên quan đến hướng phát triển của Gremsy.

2.3. Trường ĐHQT và Gremsy phối hợp hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của hai bên.

Điều 3: Các điều khoản thỏa thuận chung:

3.1. Biên bản ghi nhớ này có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị trong 03 (ba) năm. Trường hợp một trong hai bên không có nhu cầu tiếp tục hợp tác, việc chấm dứt Biên bản ghi nhớ này sẽ được hai bên thống nhất bằng văn bản.

3.2. Mỗi bên sẽ định kỳ cung cấp thông tin tiến độ triển khai các chương trình, dự án khoa học và công nghệ có triển vọng cho nhau.

3.3. Sau khi ký kết Biên bản ghi nhớ này, hai bên cam kết cùng công bố và giới thiệu về quan hệ hợp tác giữa hai bên trên website và các phương tiện truyền thông khác của mình.

3.4. Hai bên thực hiện công khai và bảo mật thông tin theo đúng quy định như sau:

3.4.1. Mỗi bên được phép sử dụng tên, logo, hoặc hình ảnh do bên còn lại cung cấp nhằm mục đích công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng để phục vụ cho việc thực hiện các chương trình, dự án trong khuôn khổ các nội dung hợp tác đã được hai bên thống nhất, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

3.4.2. Không bên nào được phép tiết lộ những thông tin được một trong hai bên hoặc cả hai bên xác định là Thông tin Bảo mật cho bất kỳ bên thứ ba nào, trừ trường hợp được sự chấp thuận của bên còn lại bằng văn bản.

3.4.3. Không phụ thuộc vào bất kỳ điều kiện nào, các bên đồng ý rằng bất kỳ thông tin nào liên quan đến nội dung kế hoạch thực hiện, báo cáo kết quả hoạt động và các tài liệu khác liên quan đến chương trình, dự án và Biên bản ghi nhớ này sẽ chỉ được tiết lộ cho bên thứ ba khi được sự đồng ý của cả hai bên bằng văn bản.

3.4.4. Các chi phí, lợi ích liên quan đến việc triển khai các chương trình, dự án hợp tác giữa hai bên sẽ được quy định chi tiết trong Biên bản thỏa thuận hợp tác riêng biệt, cho từng chương trình và dự án cụ thể.

3.5. Biên bản ghi nhớ này kết hợp các nỗ lực hiện có của cả hai bên và không được hiểu là một thỏa thuận độc quyền hoặc có ý chứng thực các ý kiến, sản phẩm hoặc dịch vụ của một trong hai bên.

3.6. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh sửa đổi, bổ sung nội dung hợp tác mới, hai bên sẽ cùng ký kết thêm Phụ lục của Biên bản ghi nhớ này. Việc sửa đổi, bổ sung bất cứ điều khoản nào trong Biên bản ghi nhớ này chỉ có hiệu lực khi cả hai bên nhất trí và cùng ký kết Phụ lục của Biên bản ghi nhớ.

3.7. Hai bên khẳng định Biên bản ghi nhớ này không tạo ra bất kỳ ràng buộc trách nhiệm pháp lý nào. Mọi tranh chấp liên quan đến việc giải thích và thực thi Biên bản ghi nhớ này sẽ được giải quyết thông qua đám phán, thạm khảo ý kiến lẫn nhau và được thể hiện bằng văn bản giữa các bên.

3.8. Biên bản ghi nhớ này được thành lập thành 02 (hai) bản gốc có nội dung và giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 (một) bản để theo dõi thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN GREMSY	**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ**
GIÁM ĐỐC VẬN HÀNH	**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH**
	HIỆU TRƯỞNG
TỐNG VŨ THÂN DÂN	**TRẦN TIẾN KHOA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THỎA THUẬN HỢP TÁC

Số: 62 / HĐ-SVHTTDL

Căn cứ Bộ Luật Dân sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015;

Căn cứ Luật Du lịch; Luật Giáo dục Đại học nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên trên tinh thần trung thực và thiện chí hợp tác.

Hôm nay, ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Long An. Chúng tôi gồm có:

BÊN A: SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH LONG AN

Đại diện : Ông Nguyễn Anh Dũng Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế : 1101281687

Địa chỉ : Số 03, Võ Văn Tần, Phường 2, thành phố Tân An, Long An

Điện thoại : 0272.3939 585

BÊN B: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đại diện : PGS. TS. Trần Tiến Khoa Chức vụ: Hiệu trưởng

Mã số thuế : 0303844612

Địa chỉ : Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 37244270

Sau khi trao đổi, xem xét các nội dung công việc đã và đang hợp tác, hai bên thống nhất ký kết Thỏa thuận Hợp tác chiến lược về giới thiệu, quảng bá du lịch, hỗ trợ sinh viên ngành du lịch với các nội dung sau:

Điều 1. MỤC TIÊU HỢP TÁC

Thiết lập, sử dụng, vận hành có hiệu quả các chủ trương, thế mạnh, khả năng đáp ứng yêu cầu của hai bên để xúc tiến, quảng bá hình ảnh, giới thiệu du lịch Long An đến sinh viên trường Đại học Quốc Tế và hỗ trợ sinh viên ngành du lịch và các ngành có liên quan như Việt Nam học, Quản trị nhà hàng, khách sạn, bếp và ẩm thực của trường Đại học Quốc Tế (nay gọi chung là sinh viên ngành du lịch) trong công tác nghiên cứu khoa học, thực tập, thực tế và giới thiệu việc làm sau tốt nghiệp.

Triển khai các điều kiện, chương trình, kế hoạch cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả công việc, đẩy mạnh hợp tác sâu rộng trong các lĩnh vực mà hai bên có thế mạnh.

Thúc đẩy công tác đảm bảo an toàn, an ninh, hợp pháp trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi.

Điều 2. NGUYÊN TẮC HỢP TÁC

Hai bên thỏa thuận hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, làm việc trên cơ sở đồng thuận, tuân thủ chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Thỏa thuận hợp tác này là một tuyên bố chính thức thể hiện thiện chí hợp tác giữa hai bên, và không nhằm tạo ràng buộc pháp lý, tài chính giữa hai bên.

Điều 3. NỘI DUNG HỢP TÁC

Dựa trên nhu cầu chung, bên A và bên B sẽ cùng nhau hợp tác trên phạm vi thực hiện công việc cụ thể như sau:

Khảo sát và lập báo cáo chiến lược xây dựng hình ảnh, vị thế du lịch Long An, giới thiệu hỗ trợ trường Đại học Quốc Tế trong thực hiện phương án tuyển sinh các chương trình đào tạo phục vụ sinh viên ngành du lịch.

Xây dựng các kế hoạch cụ thể phục vụ cho công tác quảng bá, xúc tiến du lịch, nghiên cứu khoa học, phát triển sản phẩm du lịch, tổ chức các cuộc thi liên quan đến tour, tuyến, nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn, bản đồ số tuyến điểm và cơ sở phục vụ du lịch Long An,…

Sử dụng thông tin, hình ảnh và logo của nhau trong các hoạt động, sự kiện, ấn phẩm truyền thông mà các bên tổ chức hoặc phối hợp tổ chức, khi được sự đồng thuận và thống nhất của các bên.

Điều 4. CƠ CHẾ, PHƯƠNG THỨC HỢP TÁC

Các nội dung hợp tác chi tiết sẽ được hai bên thông nhất triển khai cụ thể trong từng hợp đồng theo cơ chế phối hợp và hỗ trợ theo kế hoạch triển khai chương trình hợp tác đã ký giữa hai bên. Đồng thời, nguồn lực về tài chính và con người để thực hiện nội dung hợp tác được hai bên thống nhất trước khi ký các bản thỏa thuận khác.

Điều 5. QUYỀN LỢI, TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

5.1. Trách nhiệm bên A

Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B tham gia vào công việc của bên A

Chỉ đạo các bộ phận trực thuộc phối hợp với bên B thực hiện có hiệu quả các công việc hợp tác.

Hỗ trợ bên B trong công tác quảng bá hình ảnh, nội dung đào tạo, chương trình đào tạo; Hỗ trợ sinh viên bên B trong công việc thực tập (thực tập ngắn hạn, tham quan mô hình và thực tập tốt nghiệp), thực tế tuyến điểm; Ưu tiên tuyển dụng, giới thiệu đến các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng sinh viên bên B sau khi tốt nghiệp, đạt các yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu.

Ưu tiên mời bên B tham gia các sự kiện, chương trình, hội thảo, hạng mục nghiên cứu khoa học mà bên A chủ trì hoặc được giao nghiên cứu, chủ trì.

Giới thiệu và đề nghị các doanh nghiệp kinh doanh điểm đến, khu du lịch trên địa bàn tỉnh Long An ưu tiên miễn, giảm vé tham quan, dịch vụ trong quá trình phục vụ sinh viên ngành du lịch của bên B.

Tôn trọng và bảo mật các thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của bên B.

5.2. Trách nhiệm bên B

Cam kết bảo mật, bí mật thông tin liên quan đến nhân sự, dữ liệu của bên A cũng như các đối tác, các thỏa thuận hợp tác; các thông tin trong nội bộ.

Hỗ trợ bên A trong việc quảng bá, giới thiệu hình ảnh, xúc tiến du lịch Long An đến với sinh viên ngành du lịch và các đối tác khác của bên B.

Tham gia và là thành viên tích cực trong các công trình nghiên cứu khoa học về du lịch của bên A, vận động sinh viên ngành du lịch tham gia các cuộc thi có liên quan đến chuyên ngành du lịch do bên A tổ chức. Cử lãnh đạo, nhà chuyên môn tham gia các đoàn

khảo sát sản phẩm mới của bên A (kinh phí cho việc tham gia do bên A chi trả theo quy định)

Ưu tiên mời bên A tham gia các hội nghị, hội thảo về du lịch do bên B tổ chức.

Điều 6. CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM

Các bên tự chịu hoàn toàn trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến tính hợp pháp của thỏa thuận này.

Điều 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Các bên đã đọc, đã hiểu rõ và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong thỏa thuận này trước khi ký tên.

Trong trường hợp có bất kỳ điều khoản nào của thỏa thuận này bị vô hiệu theo quy định của pháp luật Việt Nam thì việc vô hiệu điều khoản đó không làm ảnh hưởng tới hiệu lực của tất cả các điều khoản còn lại của thỏa thuận.

Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thỏa thuận hợp tác chiến lược này được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH LONG AN	HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ
Ông Nguyễn Anh Dũng	**PGS. TS. Trần Tiến Khoa**

BIÊN BẢN GHI NHỚ HỢP TÁC

(Số: /BBHT-ĐHQT)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH BÌNH DƯƠNG

VỚI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TP. HCM, ngày 23 tháng 8 năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN GHI NHỚ HỢP TÁC

Căn cứ Luật Sở hữu Trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu Trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 16 tháng 6 năm 2012 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên;

Hôm nay, ngày 23. tháng 8 năm 2022, Chúng tôi gồm:

BÊN A	:	**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH BÌNH DƯƠNG**
Địa chỉ	:	Số 1A Xa lộ Xuyên Á, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại	:	(84-8) 37240240 Fax: (84-8) 38974768
Mã số thuế	:	3700144838
Đại diện	:	Bà **Nguyễn Thị Vui**
Chức vụ	:	Tổng Giám đốc

BÊN B	:	**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Địa chỉ	:	Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	:	(028) 37244270 Ext: 3996 Email: citt@hcmiu.edu.vn
Mã số thuế	:	0303 844 612
Đại diện	:	PGS. TS. **Trần Tiến Khoa**
Chức vụ	:	Hiệu trưởng

Cùng tiến hành ký Biên bản Ghi nhớ Hợp tác với nội dung như sau:

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

1.1. Tuân thủ luật pháp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các quy định, quy chế liên quan của các cơ quan quản lý chủ quản liên quan.

1.2. Mối quan hệ hợp tác giữa hai bên được xây dựng và phát triển trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi.

1.3. Tất cả các quan hệ hợp tác đều hướng đến sự phát triển bền vững và tích cực của hai bên, công việc được phân công theo đặc thù, ưu thế của mỗi bên.

1.4. Biên bản Ghi nhớ Hợp tác này là cơ sở để hai bên cùng hỗ trợ nhau trong quá trình triển khai các hoạt động.

1.5. Biên bản Ghi nhớ Hợp tác này là một tuyên bố chính thức thể hiện thiện chí hợp tác giữa hai bên, và không nhằm tạo ràng buộc pháp lý, tài chính giữa hai bên.

II. MỤC TIÊU HỢP TÁC

Biên bản Ghi nhớ Hợp tác này nhằm thiết lập mối quan hệ hợp tác và phối hợp giữa hai bên, phát huy năng lực và thế mạnh của mỗi bên, khai thác và tận dụng các tiềm năng về cơ sở vật chất, con người, chuyên môn trong hoạt động đào tạo một cách hiệu quả:

2.1. Thực hiện các chương trình đào tạo, tập huấn, dự án/đề tài nghiên cứu chuyển giao công nghệ và những hoạt động khác có liên quan đến việc xây dựng, phát triển các ý tưởng, dự án nghiên cứu trong lĩnh vực kỹ thuật và quản lý công nghiệp của giảng viên, sinh viên.

2.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hai bên và tăng cường khả năng hỗ trợ kinh nghiệm, chuyên môn, máy móc và thiết bị khoa học kỹ thuật cho các giảng viên, sinh viên có ý tưởng hoặc nghiên cứu khoa học kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực kỹ thuật và quản lý công nghiệp.

III. NỘI DUNG HỢP TÁC

Hai bên thỏa thuận hợp tác trong các lĩnh vực sau:

3.1. Đào tạo – Hội thảo:

- Phối hợp thiết kế, tổ chức và thực hiện các khóa đào tạo chuyên ngành về logistics và quản lý chuỗi cung ứng cũng như kỹ thuật hệ thống công nghiệp cho nhân sự bên A với đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm và chuyên môn sâu từ bên B;
- Tập huấn về các phần mềm và máy móc cho nhân sự bên A tại các phòng thí nghiệm của bên B, dựa theo nhu cầu và tình hình thực tế của hai bên;

- Tổ chức các hội thảo chuyên đề và chia sẻ kinh nghiệm thực tế ngành nhằm hỗ trợ cho nhân sự bên A có thể tiếp cận thông tin và xu hướng mới của ngành trên thế giới và của Việt Nam nhằm vận dụng vào công tác hoạch định, xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh cho bên A;
- Bên A tham gia và chia sẻ tại các buổi hội thảo của bên B với các chủ đề chuyên môn gắn liền thực tiễn về lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng cũng như về kỹ thuật hệ thống công nghiệp.

3.2. Tuyển dụng và thực tập cho sinh viên:

- Bên A tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên bên B thực tập (tối thiểu là 8 tuần trong năm học);
- Bên A gửi thông tin về nhu cầu tuyển dụng bao gồm số lượng, vị trí công việc và yêu cầu tuyển dụng cho bên B, bên B hỗ trợ truyền thông thông tin đến sinh viên và thực hiện sàng lọc lựa chọn sinh viên phù hợp để gửi danh sách cho bên A.

3.3. Đề tài - dự án:

- Phối hợp thực hiện các đề tài và dự án liên quan lĩnh vực nghiên cứu chung của hai bên;
- Bên B cung cấp các dự án chuyển giao công nghệ phù hợp với nhu cầu của bên A (nếu có) và trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chuyển giao công nghệ và các văn bản có liên quan của các cơ quan có thẩm quyền.

3.4. Quỹ học bổng khuyến học và đầu tư nâng cấp phòng thí nghiệm

- Bên B lên kế hoạch cụ thể về nhu cầu nâng cấp phòng thí nghiệm với kinh phí dự kiến, lộ trình thực hiện, các phương án sử dụng chung phòng thí nghiệm. Nếu có thể, bên A hỗ trợ máy móc, trang thiết bị và hỗ trợ tài chính cho bên B để bên B thực hiện các kế hoạch này;
- Bên A lên kế hoạch lập quỹ học bổng và phối hợp bên B lên phương án cấp học bổng cho sinh viên.

3.5. Quảng bá:

Bên A và bên B sử dụng thông tin, hình ảnh và logo của nhau trong các hoạt động, sự kiện, ấn phẩm truyền thông mà các bên tổ chức hoặc phối hợp tổ chức khi được sự đồng thuận và thống nhất của các bên.

Hai bên sẽ trực tiếp trao đổi và ký kết các Hợp đồng trong từng nội dung hợp tác cụ thể căn cứ theo Biên bản Ghi nhớ Hợp tác này.

IV. TRÁCH NHIỆM

4.1. Bên A và bên B có trách nhiệm thực hiện đúng nguyên tắc và nội dung hợp tác đã quy định tại điều II và III của Biên bản này.

4.2. Mỗi bên cử một cá nhân hoặc nhóm cá nhân có trách nhiệm làm đầu mối liên lạc để tổ chức thực hiện nội dung hợp tác.

4.3. Hai bên hỗ trợ lẫn nhau để tiến hành công việc hiệu quả nhằm thực hiện mục tiêu hợp tác.

4.4. Hai bên thực hiện công khai và bảo mật thông tin theo đúng quy định như sau:

- Không bên nào được phép tiết lộ những thông tin được một và/hoặc cả hai bên xác định là thông tin bảo mật cho bất kỳ bên thứ ba nào, trừ trường hợp được sự chấp thuận của bên còn lại. Các thông tin được xem là thông tin bảo mật bởi một và/hoặc cả hai bên sẽ được thể hiện dưới dạng tài liệu cần được bảo mật được trao đổi trong quá trình hợp tác.
- Mỗi bên sẽ sử dụng những nỗ lực hợp lý để ngăn chặn việc tiết lộ bất kỳ thông tin mật của bên kia cho bên thứ ba trong thời gian 2 năm sau khi kết thúc thỏa thuận hợp tác này.
- Không phụ thuộc vào bất kỳ điều kiện nào, các bên đồng ý rằng bất kỳ thông tin nào liên quan đến nội dung kế hoạch thực hiện, báo cáo kết quả hoạt động và các tài liệu khác liên quan đến chương trình và Biên bản này sẽ chỉ được tiết lộ cho bên thứ ba khi được sự đồng ý của cả hai bên hoặc theo yêu cầu của pháp luật.

V. TRAO ĐỔI – CUNG CẤP THÔNG TIN

Mỗi Bên cử một cán bộ thực hiện việc duy trì liên lạc giữa hai bên như sau:

Bên A cử : ThS. **Trần Thanh Tấn**
Chức vụ: : Phó phòng Hành chính – Nhân sự
Điện thoại : 09 4646 7799 Email: tan.tran@tbslogistics.com
Bên B cử : TS. **Trần Thị Ngọc Diệp**
Chức vụ: : Trưởng Trung tâm Đổi mới Sáng tạo và Chuyển giao công nghệ
Điện thoại : (028) 3724 4270 Ext: 3996 Email: ttndiep@hcmiu.edu.vn

Trong trường hợp một trong hai bên có sự thay đổi về nhân sự, bên này có trách nhiệm phải thông báo cho bên kia trong thời gian sớm nhất.

VI. SỬA ĐỔI BỔ SUNG – HIỆU LỰC BIÊN BẢN

6.1. Trong quá trình thực hiện Biên bản Ghi nhớ Hợp tác, nếu phát sinh các vướng mắc hoặc những vấn đề hợp tác mới, hai bên sẽ cùng trao đổi, bàn bạc để sửa đổi, bổ sung thỏa

thuận cho phù hợp với các điều kiện và hoàn cảnh mới. Mọi sửa đổi, bổ sung Biên bản này phải được lập thành văn bản, có chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền của các bên.

6.2. Biên bản Ghi nhớ Hợp tác này sẽ được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Hai bên đồng ý chấm dứt và thanh lý Biên bản này bằng văn bản (Có chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền của hai bên);
- Một trong các bên chấm dứt thỏa thuận bằng cách gửi văn bản yêu cầu chấm dứt biên bản thỏa thuận trước ít nhất 30 (ba mươi) ngày làm việc tính đến ngày dự định chấm dứt nếu:

+ Một bên không thể tiếp tục thực hiện được những nghĩa vụ của mình như đã cam kết theo Biên bản này; hoặc

+ Bên kia có vi phạm thỏa thuận hoặc không thực thi thỏa thuận và sự vi phạm này không có khả năng khắc phục; hoặc

+ Bên kia không thực hiện đúng các trách nhiệm của mình như đã liệt kê tại Phần IV, mà việc này, về cơ bản, gây nguy hiểm cho khả năng của một bên trong việc vận hành các chương trình có liên quan đến thỏa thuận này; hoặc

+ Theo ý kiến của bên đề nghị chấm dứt, bên kia có tham gia vào bất kỳ hoạt động nào mà có thể gây tổn hại đến danh tiếng chuyên môn hoặc học thuật; hoặc

+ Bên kia tiếp tục vi phạm hoặc không thực thi thỏa thuận này, đồng thời không có hành động khắc phục vi phạm trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản từ bên không vi phạm nêu rõ mức độ vi phạm và yêu cầu khắc phục.

6.3. Biên bản Ghi nhớ Hợp tác này có hiệu lực ngay khi được ký bởi các đại diện có thẩm quyền của hai Bên.

VII. HIỆU LỰC – TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

7.1. Biên bản có hiệu lực 05 (năm) năm kể từ ngày ký. Cả hai bên đều có quyền đàm phán gia hạn thỏa thuận này trong vòng 06 (sáu) tháng trước ngày hết hạn thỏa thuận.

7.2. Ngay khi Biên bản có hiệu lực, hai bên triển khai tổ chức thực hiện những nội dung của Biên bản. Các bộ phận chức năng của hai bên phải thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện các nội dung Biên bản giữa hai bên cho lãnh đạo của mỗi bên;

7.3. Nội dung hợp tác chi tiết được quy định trong từng hợp đồng cụ thể;

7.4. Biên bản Ghi nhớ Hợp tác này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản.

VIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Thỏa thuận này tuân thủ pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Trong trường hợp có tranh chấp, các bên sẽ cùng giải quyết tranh chấp một cách thiện chí, nếu các bên không đạt được thỏa thuận chung thì vấn đề sẽ được giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

BÊN A	BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC	HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Vui	Trần Tiến Khoa

BIÊN BẢN GHI NHỚ HỢP TÁC

(Số: /BBHT-ĐHQT)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ
ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

VỚI

CÔNG TY TNHH LEAD THE CHANGE

TP. HCM, ngày 12 tháng 10 năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GHI NHỚ HỢP TÁC

- Căn cứ vào nhu cầu hợp tác của Trường Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh nhằm hỗ trợ sinh viên nhà trường thông qua hoạt động đào tạo và tuyển dụng nguồn nhân lực;

- Căn cứ nhu cầu hợp tác của Công ty TNHH Lead The Change để hoàn thành mục tiêu hướng nghiệp và đào tạo nguồn nhân lực tương lai;

- Xét khả năng đáp ứng nhu cầu trên của hai bên.

Hôm nay, ngày 12 tháng 10 năm 2022 tại Trường Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc gia TP.HCM.

Chúng tôi gồm:

BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đại diện theo pháp luật : Trần Tiến Khoa
Chức vụ : Hiệu trưởng
Địa chỉ : Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : 028 37244270

BÊN B: CÔNG TY TNHH LEAD THE CHANGE

Đại diện theo pháp luật : Hoàng Thị Mỹ Linh
Chức vụ : Giám đốc Điều hành
Địa chỉ : 133 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : 02873012989

Hai Bên cùng thống nhất ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác (gọi tắt là "Biên bản") với các điều khoản sau:

Điều 1: **Mục tiêu hợp tác**

Biên bản này nhằm cung cấp một khung điều khoản để các bên có thể thực hiện các hoạt động chung trong tương lai, bao gồm nhưng không giới hạn những nội dung sau:

1. Các hoạt động khoa học và học thuật chung;

2. Chuyển giao công nghệ;

3. Chương trình thực tập;

4. Phát triển năng lực cho Khoa, Bộ môn và chuyên viên;

5. Các hoạt động khác được hai bên đồng thuận.

Điều 2: Nguyên tắc hợp tác

1. Biên bản này mang tính chất định hướng để Bên A và Bên B chủ động thảo luận, thống nhất kế hoạch triển khai cụ thể ở từng nội dung hợp tác.

2. Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc Biên bản này. Biên bản này không tạo bất kỳ ràng buộc pháp lý và tài chính nào giữa các bên.

Điều 3: Nội dung hợp tác

Hai Bên hợp tác triển khai các hoạt động và sự kiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng của hai bên, trong đó tập trung thực hiện các nội dung sau đây:

1. Hoạt động thực tập nhằm giúp cho sinh viên của Bên A có cơ hội tham gia các đề tài, dự án thực tế, tăng cường kỹ năng và kiến thức chuyên môn

2. Hoạt động tham quan các doanh nghiệp trong hệ sinh thái đối tác của Bên B với mục tiêu quảng bá hình ảnh, môi trường làm việc thực tế, công nghệ, quy trình, cơ hội thực tập và làm việc tại các doanh nghiệp cho sinh viên của Bên A, đặc biệt sinh viên bước vào giai đoạn chuyên ngành.

3. Tổ chức hội thảo chuyên đề để chia sẻ kiến thức, kỹ năng, công nghệ, … đến sinh viên của bên A.

4. Hỗ trợ truyền thông song phương dựa trên các Dự án, Chương trình của cả hai bên.

5. Các hoạt động khác phù hợp với định hướng của Bên A và Bên B.

6. Các hoạt động, sự kiện hợp tác của hai bên được lên kế hoạch cụ thể, nhằm đảm bảo tốt nhất các mục tiêu chung đã đề ra theo Biên bản này.

Điều 4: Trách nhiệm của mỗi Bên

4.1. Trách nhiệm của Bên A

1. Hỗ trợ Bên B đưa những thông tin liên quan đến việc tuyển dụng nhân sự, thực tập tại Bên B, cùng với các doanh nghiệp trong hệ sinh thái đối tác của Bên B đến với sinh viên của Bên A.

2. Phối hợp với Bên B tổ chức các buổi tham quan doanh nghiệp trong hệ sinh thái đối tác của Bên B cho sinh viên của Bên A theo thời gian thỏa thuận giữa hai Bên.

4.2. Trách nhiệm của Bên B

1. Tuyển dụng sinh viên của Bên A vào các vị trí thực tập, làm việc tại Bên B, Doanh nghiệp trong hệ sinh thái đối tác Bên B theo nhu cầu và yêu cầu tuyển dụng ở thời điểm hiện tại của Bên B.

2. Hỗ trợ Bên A về nhân lực/diễn giả tham gia chia sẻ những công nghệ mới hoặc những chủ đề liên quan đến chương trình học của sinh viên.

3. Hỗ trợ tư vấn tuyển dụng, tư vấn những công nghệ thực tiễn áp dụng tại Bên B cho Bên A.

Điều 5: Các điều khoản khác

1. Hai bên phối hợp tổ chức cuộc họp thường niên hàng năm để trao đổi chi tiết hơn về việc hợp tác và triển khai các hoạt động đã được thỏa thuận giữa Bên A và Bên B.

2. Biên bản này có thể được sửa đổi hoặc thay đổi theo từng thời kỳ với điều kiện là sự sửa đổi hoặc thay đổi đó phải được thể hiện bằng văn bản và có chữ ký của các bên.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh thuộc phạm vi các nội dung đã thống nhất thì các bên có trách nhiệm thông báo kịp thời cho đối tác để cùng phối hợp giải quyết trên tinh thần hợp tác hai Bên cùng có lợi.

4. Biên bản này có hiệu lực trong vòng 05 năm kể từ ngày ký. Hai bên có quyền đàm phán gia hạn Biên bản trong vòng 06 tháng trước ngày hết hạn của Biên bản.

6. Biên bản này có thể được chấm dứt bởi một trong hai bên ở bất cứ thời điểm nào nhưng bên đề xuất chấm dứt phải gửi thông báo bằng văn bản về ý định chấm dứt hợp tác tối thiểu 6 tháng trước khi chấm dứt hợp tác. Việc chấm dứt hợp tác sẽ không gây ảnh hưởng đến những chương trình hợp tác hiện hành hoặc các ràng buộc phát sinh trước ngày nhận được thông báo chấm dứt hợp tác.

7. Biên bản này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Hiệu trưởng	Giám đốc Điều hành
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ	CÔNG TY TNHH LEAD THE CHANGE
Trần Tiến Khoa	Hoàng Thị Mỹ Linh

grand-place puratos
Food Innovation for Good

MEMORANDUM OF UNDERSTANDING

between

PURATOS GRAND PLACE VIETNAM CO Ltd.

and

INTERNATIONAL UNIVERSITY – VIET NAM NATIONAL UNIVERSITY HO CHI MINH CITY

Puratos Grand Place Vietnam Co Ltd., a company incorporated under the laws of Vietnam, with registered factory at 51 VSIP, Street No 8, Vietnam Singapore Industrial Zone, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong province, registered under investment License N°6508480201 and tax code 3700423510, represented by Mr **Gricha Andre Jules Safarian**, acting as General Manager, (hereinafter referred to as "**Puratos Vietnam**"), and International University – Viet Nam National University Ho Chi Minh City (hereinafter referred to as "**IU-VNU**"), with campus located at Quarter 6, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam; in recognition of their common interests in developing bilateral relations are convinced that both Parties to this Memorandum of Understanding (MOU) hereby agree to the following points based upon the principles of mutual equality, respect and friendship.

I. Purpose

This MOU will generally promote activities in the following principle areas:

- IU-VNU's student internship at the Puratos Vietnam
- Collaborative research support in terms of facilities of IU-VNU and Puratos Vietnam,
- Opportunities of working for fresh graduates.
- Knowledge and Experience Exchange in term of seminar, talk show

II. Scope of Collaboration

All activities developed under the auspices of this Agreement will respect and conform to the corresponding norms, traditions and regulations of each organization.

III. Interpretation of MOU

This MOU is the reflection of the Parties' intentions and does not create any legal and financial obligations or duties under domestic or international law. In the event that issues or misunderstandings occur in the interpretation or implementation of this MOU, both Parties shall consult each other in good faith to amicably resolve any such differences that may arise. In case of such issues or misunderstandings cannot be resolved, the MOU will be terminated.

IV. Duration of MOU

The effective time period for this MOU shall begin from the date of execution by both Parties and shall continue for a term of five (5) year, and may be renewed for successive collaborations upon mutual written agreement.

This MOU may be terminated by mutual written agreement of both Parties or by one Party providing the other party with a written notice of termination two (2) months prior to the intended date of termination.

V. Archive

Four copies of this original English version of the Agreement are hereby signed by authorized representatives of Puratos Vietnam and IU-VNU.

Signed by and on behalf of	*Signed by and on behalf of*
PURATOS VIETNAM	**INTERNATIONAL UNIVERSITY - VNUHCM**
Gricha Andre Jules Safarian	Tran Tien Khoa, A/Professor
General Manager	President
Puratos Vietnam	International University – VNUHCM
Date: 07 Dec 2022	Date: 07 Dec 2022

BIÊN BẢN GHI NHỚ HỢP TÁC

GIỮA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU

Hôm nay, ngày 23 tháng 03 năm 2023, chúng tôi gồm:

BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (Trường ĐHQT)

Đại diện theo pháp luật : Trần Tiến Khoa

Chức vụ : Hiệu trưởng

Địa chỉ : Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 0303844612

Điện thoại : 028 37244270

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU (LHC)

Người đại diện : **NGUYỄN THANH TÂM**

Chức vụ : Phó Giám Đốc Kinh Doanh

Địa chỉ : Ấp 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An

Mã số thuế :1100727545

Điện thoại : (028) 37818929

(Theo giấy ủy quyền số 069/2022/UQ-LHC-TGĐ ký ngày 30/12/2022 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Long Hậu)

Hai Bên cùng thống nhất ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác (gọi tắt là "Biên bản") với các điều khoản sau:

1. MỤC TIÊU

Biên bản này nhằm cung cấp một khung điều khoản để các bên có thể thực hiện các hoạt động chung trong tương lai, bao gồm nhưng không giới hạn những nội dung sau:

(a) Chương trình thực tập, kiến tập;

(b) Hợp tác đào tạo, tư vấn;

(c) Hỗ trợ tuyển dụng;

(d) Các hoạt động khác được hai bên đồng thuận.

2. NGUYÊN TẮC CHUNG

(a) Biên bản này mang tính chất định hướng để Bên A và Bên B chủ động thảo luận, thống nhất kế hoạch triển khai cụ thể ở từng nội dung hợp tác.

(b) Biên bản này không tạo bất kỳ ràng buộc pháp lý và tài chính nào giữa các bên, hai bên thống nhất nguyên tắc hợp tác cùng có lợi và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. NỘI DUNG HỢP TÁC

3.1. Chương trình thực tập, kiến tập

- LHC hỗ trợ sinh viên trường ĐHQT thực tập, kiến tập liên quan phù hợp với chương trình đào tạo của trường ĐHQT và nhu cầu thực tế của LHC và doanh nghiệp trong Khu công nghiệp Long Hậu.
- LHC hỗ trợ sinh viên trường ĐHQT đến tham quan, kiến tập tại LHC và các công ty, doanh nghiệp thuộc Khu công nghiệp Long Hậu.

3.2. Hợp tác đào tạo, tư vấn:

- Đại diện LHC và các công ty, doanh nghiệp thuộc Khu công nghiệp Long Hậu tham gia giảng dạy, nói chuyện tại các hội thảo được tổ chức tại trường ĐHQT.
- LHC và các công ty, doanh nghiệp thuộc Khu công nghiệp Long Hậu được mời tham dự vào Ngày hội Việc làm được tổ chức tại trường ĐHQT.
- Giảng viên trường ĐHQT giảng dạy các khóa đào tạo ngắn hạn theo đặt hàng từ LHC và các công ty, doanh nghiệp thuộc Khu công nghiệp Long Hậu.
- Giảng viên trường ĐHQT tham gia tư vấn cho các dự án của LHC và các công ty, doanh nghiệp thuộc Khu công nghiệp Long Hậu.
- Trường ĐHQT hỗ trợ trưng bày ngắn hạn các sản phẩm, công nghệ LHC và các công ty, doanh nghiệp thuộc Khu công nghiệp Long Hậu tại khuôn viên nhà trường.

3.3. Hỗ trợ tuyển dụng:

- Căn cứ theo nhu cầu tuyển dụng tại khu công nghiệp Long Hậu, sinh viên mới tốt nghiệp được xem xét theo chính sách ưu tiên loại giỏi, xuất sắc của trường ĐHQT đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, phẩm chất đạo đức… theo quy định tuyển dụng

đến làm việc tại khu công nghiệp Long Hậu.

- LHC thông báo kế hoạch tuyển dụng đến trường ĐHQT khi có nhu cầu, trường ĐHQT hỗ trợ đăng tin tuyển dụng phù hợp tại khu công nghiệp Long Hậu trên website, fanpage và bảng thông tin của trường…

3.4 Hợp tác về lĩnh vực truyền thông, phát triển thương hiệu

- Quảng bá và phát triển thương hiệu thông qua các hội thảo, hội nghị chuyên môn cũng như các sự kiện quan trọng.

- Trường ĐHQT và LHC sử dụng thông tin về việc hợp tác giữa hai bên để thực hiện các hình thức quảng bá thương hiệu như: công bố thông tin với báo chí, quảng cáo logo và kết nối link trên website của cả hai bên và tuân thủ theo quy định của các bên:

+ Thông tin website LHC: https://longhau.com.vn

+ Thông tin website ĐHTQ: https://hcmiu.edu.vn

4. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

- Được tham gia giới thiệu và kết nối các Doanh nghiệp trong khu công nghiệp Long Hậu trong các sự kiện liên quan đến tư vấn, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực do LHC tổ chức.

- Hàng năm, dựa vào nhu cầu của doanh nghiệp, Bên A sẽ đề xuất phối hợp với Bên B đánh giá, triển khai các chương trình về nguồn nhân lực, đào tạo cho doanh nghiệp trong khu công nghiệp Long Hậu.

- Bên A cử cán bộ phụ trách kết hợp với bên B triển khai, thực hiện, kiểm soát các hoạt động nhằm đảm bảo tính hiệu quả của chương trình hợp tác.

5. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

- Được mời tham gia các chương trình ngày hội việc làm do Bên A tổ chức; được tuyển chọn, phỏng vấn các ứng viên xuất sắc của bên A sau khi tốt nghiệp.

- Được đề xuất với Bên A tổ chức các hoạt động, chương trình phát triển nguồn nhân lực cho các Doanh nghiệp trong Khu công nghiệp Long Hậu; các khóa đào tạo, hướng nghiệp dành cho người lao động nhằm phát triển kỹ năng làm việc hiệu quả.

- Phối hợp với Bên A tổ chức triển khai các chương trình hợp tác để đạt hiệu quả

trong việc tuyển dụng cho các Doanh nghiệp trong khu công nghiệp Long Hậu.

- Bên B cử cán bộ phụ trách phối hợp với bên A triển khai thực hiện, kiểm soát các hoạt động nhằm đảm bảo tính hiệu quả của chương trình hợp tác.

6. CÁC ĐIỀU KHOẢN

(a) Biên bản này có thể được sửa đổi hoặc thay đổi theo từng thời kỳ với điều kiện là sự sửa đổi hoặc thay đổi đó phải được thể hiện bằng văn bản và có chữ ký của các bên.

(b) Biên bản này là cơ sở để các bên triển khai các nội dung hợp tác như tại Điều 3. Các hoạt động cụ thể cho từng nội dung và thời điểm hai Bên sẽ trao đổi chi tiết kế hoạch thực hiện, nội dung các hạng mục cần phối hợp.

(c) Đối với các hoạt động liên quan đến công tác tuyển dụng, đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực cho các Doanh nghiệp tại khu công nghiệp Long Hậu hai Bên sẽ thống nhất nội dung hợp tác cho từng hạng mục công việc bằng các Hợp đồng hợp tác hoặc các thỏa thuận bằng văn bản cụ thể.

(d) Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh thuộc phạm vi các nội dung đã thống nhất thì các bên có trách nhiệm thông báo kịp thời cho đối tác để cùng phối hợp giải quyết trên tinh thần hợp tác hai Bên cùng có lợi.

(e) Biên bản này có thể được chấm dứt bởi một trong hai Bên ở bất cứ thời điểm nào nhưng bên đề xuất chấm dứt phải gửi thông báo bằng văn bản về ý định chấm dứt hợp tác tối thiểu 06 tháng trước khi chấm dứt hợp tác. Việc chấm dứt hợp tác sẽ không gây ảnh hưởng đến những chương trình hợp tác hiện hành hoặc các ràng buộc phát sinh trước ngày nhận được thông báo chấm dứt hợp tác.

(f) Biên bản này có hiệu lực trong vòng 05 năm kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực khi được thay thể bởi một bản thỏa thuận có hiệu lực khác. Hai bên có quyền đàm phán gia hạn Biên bản trong vòng 06 tháng trước ngày hết hạn của Biên bản.

(g) Biên bản này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.

7. ĐIỀU PHỐI VIÊN

Đơn vị điều phối của mỗi bên là đầu mối liên lạc và chịu trách nhiệm quản lý sự phát triển và cách thực hiện các hoạt động đã được đồng thuận.

Đơn vị điều phối của Trường ĐHQT là Phòng Quan hệ Đối ngoại; email: qhdn@hcmiu.edu.vn; Điện thoại: 028.37244270 (số máy lẻ: 3220).

Điều phối viên của Công ty cổ phần Long Hậu là: Huỳnh Thị Phạm Thương; email: thuong.htp@longhau.com.vn; Điện thoại: 0908. 222. 152

Đại diện Bên A	**Đại diện Bên B**
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ – ĐHQG-HCM	**CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU**
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ	CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU
PGS. TS. Trần Tiến Khoa	**Nguyễn Thanh Tâm**
Hiệu trưởng	Phó Giám Đốc Kinh Doanh

MEMORANDUM OF UNDERSTANDING

BETWEEN

INTERNATIONAL UNIVERSITY
VIET NAM NATIONAL UNIVERSITY HO CHI MINH CITY, VIETNAM

AND

FEEDEM INVESTMENT LLC
(FLYFEED GROUP)

Ho Chi Minh City, Vietnam
2023

PARTY A: INTERNATIONAL UNIVERSITY – VIET NAM NATIONAL UNIVERSITY HO CHI MINH CITY

Duly authorized representative : Assoc. Prof. Tran Tien Khoa
Position : President
Address : Quarter 6, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City
Phone : (84) 28 37244270 (ext.: 3220)

PARTY B: FEEDEM INVESTMENT LLC, incorporated in the United Arab Emirates with license number 1087619 and address at Office FF-05 Building BC (129-294) Port Saeed, Dubai, United Arab Emirates
Duly authorized representative : Mr. Arsenii Olkhovskii
Position : Authorized representative based on a power of attorney
Address : Vinhomes Landmark 5, Ho Chi Minh City
Phone : +84901877205

The Parties hereby agreed to sign the Memorandum of Understanding ("**MOU**") with the following terms:

1. PURPOSE

The purpose of this MOU is to provide a framework by which the Parties may in future undertake joint activities together, which includes but is not limited to the following areas:

a. Joint academic and scientific activities in form of research projects, conferences, seminars, symposia, lectures and other similar means;
b. Exchange of expertise and knowledge related to technology and other matters;
c. Facilitation of practical training for students and young professionals, by means of organizing internships, workshops, etc.;
d. Promotion of advanced training for the Parties' staff for improved capacity building and career enhancement;
e. Promotion of each Party's technological and research achievements, subject to the relevant Party's consent;
f. Other activities as may be agreed by the Parties.

2. STATUS

This MOU does not create any legal and financial bindings between the Parties. Any specific arrangements undertaken by the Parties will be detailed in other agreements.

3. TERMS

a. This MOU may be amended from time to time and such amendments shall be approved by the Parties in writing.
b. The Parties shall in good faith attempt to resolve any dispute relating to or in connection with this MOU.
c. This MOU commences on the date specified on the last page of this document and remains in effect for a period of five (05) years from commencement.
d. Either Party may terminate this MOU at any time by notifying the other Party in

writing at least six (06) months in advance. Termination of this MOU shall not affect the collaboration activities ongoing at the relevant time.

e. This MOU is made in two (02) copies with the same validity; one for each Party.

4. COORDINATOR

The coordinator of each Party will be the point of contact and be responsible for managing the development and conduct of any activities upon which the Parties agree.

The coordinator of Party A is Office of External and Public relations; email: qhdn@hcmiu.edu.vn; phone: 028.37244270 (ext. 3220).

The coordinator of Party B is Dr. Nathalie Berezina, email: nathalie@flyfeed.eco

SIGNED for and on behalf of	**SIGNED** for and on behalf of
INTERNATIONAL UNIVERSITY – VIET NAM NATIONAL UNIVERSITY HO CHI MINH CITY	**FEEDEM INVESTMENT LLC**
Assoc. Prof. Tran Tien Khoa	**Mr. Arsenii Olkhovskii**
President	Authorized representative

COMMENCEMENT DATE:

PHỤ LỤC 11

HỒ SƠ THẨM ĐỊNH

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ..634.../QĐ-ĐHQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định Đề án mở ngành Kinh tế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Căn cứ Quyết định số 260/2003/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Quốc tế thuộc Đại học QUốc gia TP Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tư, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 05 tháng 4 năm 2010 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 540/QĐ-ĐHQG ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Quốc tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quốc tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học tại Tờ trình số 185/TTr-ĐTĐH ngày 12 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định Đề án mở ngành Kinh tế, gồm các nhân sự như danh sách đính kèm.

Điều 2. Hội đồng thẩm định có nhiệm vụ nhận xét, đánh giá nội dung Đề án mở ngành Kinh tế theo đúng chuyên môn và quy định. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, Hội đồng tự giải thể.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2

Điều 4. Trưởng phòng Phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Phòng Tổ chức Cán bộ, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng phòng Bảo đảm Chất lượng Giáo dục và Khảo thí, Trưởng phòng Phòng Quản lý Khoa học, và các nhân sự có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, P. ĐTĐH.

HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Trần Tiến Khoa

ĐẠI H
THÀNH
TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

I [redacted] ỆN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN
H ĐÀO TẠO KINH TẾ

QĐ-ĐHQT ngày 02 tháng 6 năm 2023 của
Trường Đại học Quốc tế)

1. PGS. TS Trần Tiến Khoa, Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐKH&ĐT Trường, Chủ tịch
2. TS. Dương Tôn Thái Dương, Phó Trưởng Ban Đào tạo ĐHQG TPHCM, Phó Chủ tịch
3. TS. Huỳnh Khả Tú, Trưởng phòng Phòng Đào tạo Đại học, Ủy viên
4. ThS. Trần Quỳnh Hoa, Trưởng phòng Phòng Tổ chức Cán bộ, Ủy viên
5. ThS. Nguyễn Hùng Thái, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch Tài chính, Ủy viên
6. TS. Nguyễn Thị Thanh Sang, Trưởng phòng Phòng Bảo đảm Chất lượng Giáo dục và Khảo thí, Ủy viên
7. GS.TS. Phạm Văn Hùng, Trưởng phòng Phòng Quản lý Khoa học, Ủy viên
8. PGS. TS. Võ Tất Thắng, Trưởng khoa Khoa Kinh tế-Trường Đại học Kinh tế TPHCM, Ủy viên phản biện
9. PGS.TS. Lê Thanh Tùng, Phó trưởng khoa Khoa Kinh tế và Quản lý công, Trường Đại học Mở TPHCM, Ủy viên phản biện
10. TS. Trần Anh Tuấn, Trưởng ban Ban đổi mới quản lý doanh nghiệp (đại diện cho đơn vị sử dụng lao động), Ủy viên phản biện
11. ThS. Lưu Thị Hạnh, chuyên viên Phòng Đào tạo Đại học, Thư ký.

(Danh sách gồm 11 ngườ

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2023

BẢN NHẬN XÉT
HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế
- Bậc đào tạo: Đại học chính quy
- Mã ngành: 7310101
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Tp.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Trần Thế Khoa ..... Mã số thuế/CMND: .....
2. Chức vụ hiện tại: Giảng viên ..... Đơn vị công tác: Trường ĐH Quốc Tế .....
3. Học hàm - học vị: GS ☐; PGS ☒; TS ☐; ThS ☐; Khác .....

II. Nội dung

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

Nhu cầu tài trợ ngành kinh tế học thì là rất cao và tuyển sinh được, phục vụ cho xã hội

2. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra

Đạt Tốt

3. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo (Cấu trúc, nội dung, chương trình đào tạo)

Đủ điều kiện mở ngành

4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

Đạt tiêu về số lượng và chất lượng

5. Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo

Đạt Tiêu phòng học và thực tập

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2023

BẢN NHẬN XÉT
HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế (Phân tích dữ liệu trong kinh tế)
- Bậc trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7460201
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Tp. HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Dương Tôn Thái Dương Mã số thuế/CMND: 8055900893
2. Chức vụ hiện tại: Phó Trưởng ban phụ trách Đơn vị công tác: Ban Đào tạo, ĐHQG-HCM
3. Học hàm - học vị: GS ☐; PGS ☐; TS ☒; ThS ☐; Khác .....

II. Nội dung

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

- Đề án có nêu sự cần thiết và lý do mở ngành đào tạo, Tổ xây dựng có khảo sát nhu cầu các cá nhân, doanh nghiệp, có tìm hiểu về tình hình đào tạo ngành Kinh tế ở tại Việt Nam và các nước trong khu vực và thế giới và có bảng so sánh tỷ lệ tương đồng chương trình đào tạo đang xây dựng với chương trình đào tạo các trường đại học trong nước và các nước trên thế giới. Tuy nhiên, một số ý kiến trao đổi Tổ xây dựng xem xét:

- Về căn cứ pháp lý: cập nhật Quy định mở ngành của ĐHQG-HCM (Quyết định số 540/QĐ-ĐHQG ngày 09/5/2023) thay cho Quyết định 622; bổ sung Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ

- Điều chỉnh cụm từ "bậc cử nhân" thành "trình độ đại học", "bậc" thành "bậc trình độ"

- Về khảo sát nhu cầu thực tiễn mở ngành, Tổ xây dựng bổ sung thêm các thông tin về mẫu khảo sát, cách thức triển khai khảo sát để xác định rõ được ý nghĩa của các số liệu.

2. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra

- Đề án có nêu mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Về chuẩn đầu ra, Đề án xác định 10 chuẩn đầu ra cấp độ 2 tương ứng với trình độ năng lực và có 3 chuẩn đầu ra đạt cấp độ 5.
- Đề án có ma trận giữa mục tiêu đào tạo chung và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.
- Về căn cứ pháp lý: cập nhật Quy chế đào tạo theo Quyết định 1342/QĐ-ĐHQG ngày 30/9/2022 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại ĐHQG-HCM
- Ma trận môn học và chuẩn đầu ra: Đề án nêu các mức đáp ứng của từng môn học với các CĐR theo 3 mức độ từ 1->3 (không đóng góp, đóng góp ít, đóng góp nhiều). Chưa rõ cơ sở xác định đóng góp ít và đóng góp nhiều.
- Khuyến nghị Tổ Biên soạn xây dựng ma trận môn học với chuẩn đầu ra tương ứng.

3. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo (Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo)

Đề án xây dựng theo quy định.

4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

- Đề án có nêu đội ngũ giảng viên cơ hữu là 42 giảng viên cơ hữu trong đó có 05 Phó Giáo sư và 22 Tiến sĩ và 17 ThS trong đó có 02 Tiến sĩ ngành Kinh tế.
- Đề án chưa nêu đội ngũ giảng viên thỉnh giảng. đề nghị bổ sung.
- Đề án cần nêu rõ đội ngũ giảng viên cơ hữu có đáp ứng khối lượng chương trình đào tạo theo quy định tại Điều 5 Quyết định 540.

5. Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo

Đề án có nêu (phòng học, phòng thực hành, giáo trình,..).

6. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo

Có bộ phận tổ chức thực hiện chương trình. Đề án có nêu danh sách cố vấn học tập.

7. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

Đề án chưa nêu. Đề nghị bổ sung

8. Các minh chứng kèm theo đề án

- Đề án có các minh chứng về Nghị quyết Hội đồng trường,
- Phụ lục xác nhận điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo theo quy định (bản chưa đóng dấu).
- Bổ sung biên bản/Nghị quyết Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

9. Kết luận

a) Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (phải hoàn thiện hồ sơ): [x]

b) Chưa đủ điều kiện mở ngành đào tạo: [ ]

Lý do: .....

.....

.....

10. Ý kiến khác (nếu có)

Tổ xây dựng bổ sung các văn bản và minh chứng kèm theo có chữ ký và đóng dấu theo quy định

Đề án cần lưu ý chỉnh sửa và bổ sung các góp ý chi tiết đã nhận xét trực tiếp trong cuộc họp Hội đồng thẩm định./.

Cán bộ thẩm định

(Ký, ghi rõ họ tên)



Dương Tôn Thái Dương

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2023

BẢN NHẬN XÉT
HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế
- Bậc đào tạo: Đại học chính quy
- Mã ngành: 7310101
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Tp.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Huỳnh Khả Tú ..... Mã số thuế/CMND: 340948498
2. Chức vụ hiện tại: Trưởng Phòng ĐTĐH ..... Đơn vị công tác: Trường ĐH Quốc Tế
3. Học hàm - học vị: GS ☐; PGS ☐; TS ☑; ThS ☐; Khác .....

II. Nội dung

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

Hội nhập kinh tế quốc tế đang là xu hướng phát triển kinh tế, tạo ra nhiều cơ hội và thách thức cho Việt Nam, nhu cầu đào tạo ngành kinh tế là cần thiết

2. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra

Mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng

3. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo (Cấu trúc, nội dung, chương trình đào tạo)

Cấu trúc, nội dung của CTĐT phù hợp

4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

Đáp ứng đủ điều kiện về đội ngũ giảng viên theo quy định

5. Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo

Đủ điều kiện và cần để mở ngành đào tạo

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 *tháng* 6 *năm* 2023

BẢN NHẬN XÉT
HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế
- Bậc đào tạo: Đại học chính quy
- Mã ngành: 7310101
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Tp.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Trần Quỳnh Hoa ..... Mã số thuế/CMND: 805682671
2. Chức vụ hiện tại: Trưởng phòng ..... Đơn vị công tác: Phòng Tổ chức Cán bộ
3. Học hàm - học vị: GS ☐; PGS ☐; TS ☐; ThS ☑; Khác .....

II. Nội dung

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

Rất cần thiết

2. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra

Đảm bảo

3. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo (Cấu trúc, nội dung, chương trình đào tạo)

Đảm bảo

4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

Tốt

5. Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo

Đảm bảo

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 06 năm 2023

BẢN NHẬN XÉT
HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế
- Bậc đào tạo: Đại học chính quy
- Mã ngành: 7310101
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Tp.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Sang.....Mã số thuế/CMND: 023476556.....
2. Chức vụ hiện tại: Trưởng P.BĐCLGD&KT Đơn vị công tác: Trường ĐHQT.....
3. Học hàm - học vị: GS ☐ ; PGS ☐ ; TS ☒ ; ThS ☐ ; Khác .....

II. Nội dung

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

Theo khảo sát nhu cầu xã hội, có hơn 70% đồng ý tầm quan trọng của ngành Kinh tế học trong các hoạt động doanh nghiệp, tổ chức tài chính; và hơn 50% khảo sát đồng ý ngành này có nhu cầu tuyển dụng cao. Từ các khảo sát này, cho thấy sự cần thiết của việc mở ngành Kinh tế học.....

2. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra

Đề án mô tả mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra (CĐR) rõ ràng phù hợp với CTĐT. Tuy nhiên, việc ánh xạ giữa mục tiêu đào tạo và CĐR cần xem xét lại, ví dụ PLO8.....

3. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo (Cấu trúc, nội dung, chương trình đào tạo)

Cấu trúc chương trình đào tạo (CTĐT) gồm 130 tín chỉ, phân bổ hợp lý gồm Khối kiến thức đại cương (36.15%), Khối kiến thức cơ sở ngành (18.46%), Khối kiến thức chuyên ngành (26.92%), Kiến thức bổ trợ (6.92%), Thực tập/ Khóa luận/ Luận văn tốt nghiệp (11.54%).

Nội dung CTĐT với các kiến thức đại cương, cơ sở, chuyên ngành đào tạo trong lĩnh vực kinh tế và kỹ năng chuyên môn kết hợp với các kỹ năng công nghệ thông tin phù hợp với ngành đào tạo.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2023

BẢN NHẬN XÉT
HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế
- Bậc đào tạo: Đại học chính quy
- Mã ngành: 7310101
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Tp.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Phạm Văn Hùng. Mã số thuế/CMND: 803.129.7644
2. Chức vụ hiện tại: Trưởng phòng Quản lý Khoa học. Đơn vị công tác: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc Gia TP HCM
3. Học hàm - học vị: GS ☒ ; PGS ☐; TS ☒ ;ThS☐; Khác .....

II. Nội dung

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, ngoài các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhà nước, còn có các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các doanh nghiệp hộ gia đình. Tất cả các doanh nghiệp này đều cần có chiến lược tối ưu để hoạt động và phát triển. Ngoài ra các doanh nghiệp này cũng cần các chuyên viên về phân tích dữ liệu nhằm phân tích, đánh giá các hoạt động kinh doanh trên thị trường thế giới và các dữ liệu lớn về khách hàng. Do đó, việc mở ngành Kinh tế tại trường Đại học Quốc tế, ĐHQG-HCM với mục tiêu và nội dung chương trình đáp ứng các yêu cầu trên là thực sự cần thiết.

2. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra

Đề án đã đặt ra 05 mục tiêu cho các nhóm về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp và nhận thức phù hợp với quy định hiện hành.

Đề án đưa ra 10 chuẩn đầu ra phù hợp với mục tiêu đào tạo. Lưu ý cần bổ sung ký hiệu PLO1 - PLO10 vào Bảng 2 cho dễ theo dõi.

3. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo (Cấu trúc, nội dung, chương trình đào tạo)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2023

BẢN NHẬN XÉT
HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế
- Bậc đào tạo: Đại học chính quy
- Mã ngành: 7310101
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Tp.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Nguyễn Hưng Thái ..... Mã số thuế/CMND: 038086004523
2. Chức vụ hiện tại: Trưởng phòng ..... Đơn vị công tác: P. KHTC .....
3. Học hàm - học vị: GS ☐; PGS ☐; TS ☐; ThS ☑; Khác .....

II. Nội dung

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

Phù hợp với sự phát triển của khoa và nhu cầu người học, xã hội

2. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra

Phù hợp với ngành đào tạo, phù hợp với nhu cầu thị trường tuyển dụng

3. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo (Cấu trúc, nội dung, chương trình đào tạo)

Thực hiện đúng quy định về mở ngành đào tạo

4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

Đủ điều kiện

5. Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo

Đủ điều kiện

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2023

BẢN NHẬN XÉT
HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế
- Bậc đào tạo: Đại học chính quy
- Mã ngành: 7310101
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Tp.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Võ Tất Thắng Mã số thuế/CMND: .....
2. Chức vụ hiện tại: Trưởng khoa Đơn vị công tác: Trường ĐH Quốc tế TPHCM
3. Học hàm - học vị: GS ☐; PGS ☒; TS ☐; ThS ☐; Khác .....

II. Nội dung

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

Cần thiết trong bối cảnh hiện tại và tương lai

2. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra

Đạt yêu cầu.

3. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo (Cấu trúc, nội dung, chương trình đào tạo)

Đủ điều kiện, có tham khảo quốc tế

4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

Đủ điều kiện

5. Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo

Đủ điều kiện

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2023

BẢN NHẬN XÉT
HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế
- Bậc đào tạo: Đại học chính quy
- Mã ngành: 7310101
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Tp.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Lê Thanh Tùng Mã số thuế/CMND: 8007001751/001079068451
2. Chức vụ hiện tại: Phó Trưởng Khoa Đơn vị công tác:Trường ĐH Mở TpHCM
3. Học hàm - học vị: GS ☐; PGS ☒; TS ☒; ThS ☐; Khác/

II. Nội dung

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

Đáp ứng yêu cầu. Đã nêu được nhu cầu thực tiễn về cử nhân Kinh tế trong bối cảnh thị trường lao động hiện nay.

2. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra

- Mục tiêu đào tạo (trang 26) cần xếp lại về thứ tự của thang đo Bloom. Mục tiêu (iii) lên đầu tiên, sau đó là mục tiêu (i), (ii)...

- Vị trí việc làm nên cụ thể bằng một số gạch đầu dòng và mô tả cho từng vị trí mà sinh viên tốt nghiệp có thể tham gia.

3. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo (Cấu trúc, nội dung, chương trình đào tạo)

– Chương trình đào tạo thiết kế 130 tín chỉ, nhìn chung cao hơn đáng kể so với mức 120 tín chỉ theo quy định.

– Phần kiến thức bắt buộc đang được thiết kế khá nặng về tính toán và các môn đòi hỏi tư duy toán học. Như vậy, người học sẽ được trang bị nhiều kiến thức/kỹ năng liên quan đến nghiên cứu và cần cân nhắc rà soát để phù hợp với vị trí việc làm đầu tiên là làm việc trong các doanh nghiệp.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2025

BẢN NHẬN XÉT
HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế
- Bậc đào tạo: Đại học chính quy
- Mã ngành: 7310101
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Tp.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Trần Anh Tuấn ..... Mã số thuế/CMND: 038077000363
2. Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban ..... Đơn vị công tác: Ban Đào tạo mở ngành
3. Học hàm - học vị: GS ☐; PGS ☐; TS ☒; ThS ☐; Khác .....

II. Nội dung

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

Mở ngành đào tạo ngành kinh tế tại trường ĐH quốc tế là cần thiết, vì là ngành cung cấp kiến thức cho người học về kinh tế vĩ mô lẫn vi mô, sinh viên tốt nghiệp có kiến thức toàn diện có thể làm việc ở khu vực công tư.

2. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra

Trang bị kiến thức vĩ mô vững vi mô và các kỹ năng cần thiết về công nghệ thông tin để làm việc, đáp ứng yêu cầu đổi mới của xã hội.

3. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo (Cấu trúc, nội dung, chương trình đào tạo)

Điều kiện về chương trình đào tạo mở ngành đào tạo kinh tế là phù hợp.

4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành kinh tế là đáp ứng yêu cầu.

5. Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo

Đáp ứng yêu cầu để mở ngành đào tạo kinh tế/ học.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ..217.../BB-ĐHQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 *tháng* 7 *năm 2023*

BIÊN BẢN HỌP

Hội đồng thẩm định Đề án mở ngành Kinh tế

Thời gian: Lúc 9 giờ 00 , thứ Năm, ngày 29 tháng 6 năm 2023.

Địa điểm: Phòng O2.706, trường Đại học Quốc tế, ĐHQG-HCM, Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thành phần tham dự:

I. Hội đồng thẩm định:

1. PGS. TS Trần Tiến Khoa, Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐKH&ĐT Trường, Chủ tịch
2. TS. Dương Tôn Thái Dương, Phó Trưởng Ban Đào tạo ĐHQG TPHCM, Phó Chủ tịch
3. TS. Huỳnh Khả Tú, Trưởng phòng Phòng Đào tạo Đại học, Ủy viên
4. ThS. Trần Quỳnh Hoa, Trưởng phòng Phòng Tổ chức Cán bộ, Ủy viên
5. ThS. Nguyễn Hùng Thái, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch Tài chính, Ủy viên
6. TS. Nguyễn Thị Thanh Sang, Trưởng phòng Phòng Bảo đảm Chất lượng Giáo dục và Khảo thí, Ủy viên
7. GS.TS. Phạm Văn Hùng, Trưởng phòng Phòng Quản lý Khoa học, Ủy viên
8. PGS. TS. Võ Tất Thắng, Trưởng khoa Khoa Kinh tế-Trường Đại học Kinh tế TPHCM, Ủy viên phản biện
9. PGS.TS. Lê Thanh Tùng, Phó trưởng khoa Khoa Kinh tế và Quản lý công, Trường Đại học Mở TPHCM, Ủy viên phản biện
10. TS. Trần Anh Tuấn, Trưởng ban Ban đổi mới quản lý doanh nghiệp (đại diện cho đơn vị sử dụng lao động), Ủy viên phản biện
11. ThS. Lưu Thị Hạnh, chuyên viên Phòng Đào tạo Đại học, Thư ký.

II. Hội đồng xây dựng đề án mở ngành và Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán:

1. TS. Trịnh Quốc Đạt, Trưởng Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán
2. TS. Lê Văn Chơn, Phó Trưởng Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán- Chủ tịch Hội đồng xây dựng đề án mở ngành

Nội dung buổi họp

1. **TS. Huỳnh Khả Tú**: đọc quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đề án mở ngành Kinh tế.
2. **PGS.TS Trần Tiến Khoa**: Chủ tịch Hội đồng phát biểu lý do và giới thiệu chương trình họp.

3. **TS. Lê Văn Chơn**: trình bày đề án mở ngành Kinh tế
4. **PGS.TS Võ Tất Thắng**:

- Về sự cần thiết mở ngành: nhu cầu xã hội về ngành Kinh tế trong bối cảnh hiện tại và tương lai đều rất cần thiết, hiện tại ngành Kinh tế ở trường Đại học Kinh tế TPHCM tuyển sinh ngành này hàng năm đều tốt.
- Mục tiêu: nhìn chung đầy đủ và bao quát các mục tiêu chung.
- Chuẩn đầu ra của chương trình phù hợp với định hướng đào tạo nghề nghiệp chuyên môn
- Khối lượng kiến thức phù hợp với các khung quy định hiện hành
- Chương trình đào tạo là hợp lý, có tham khảo các chương trình quốc tế.
- Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất là đủ điều kiện để mở ngành.
- Kết luận là đủ điều kiện mở ngành.

5. PGS. TS Lê Thanh Tùng:

- Về sự cần thiết mở ngành: cần thiết
- Mục tiêu đào tạo cần sắp xếp lại về thứ tự của thang đo Bloom, mục tiêu (iii) lên đầu, sau đó là mục tiêu (i), (ii)
- Ví trị việc làm nên cụ thể bằng một số đầu dòng và mô tả cho từng vị trí mà sinh viên tốt nghiệp có thể tham gia
- Chương trình đào tạo thiết kế 130 tín chỉ nhìn chung cao hơn so với mức tối thiểu 120 tín chỉ theo quy định
- Phần kiến thức bắt buộc đang thiết kế khá nặng về tính toán và các môn đòi hỏi tư duy toán học. Như vậy, người học sẽ được trang bị nhiều kiến thức/ kỹ năng liên quan đến nghiên cứu và cần cân nhắc rà soát để phù hợp với vị trí việc làm đầu tiên là làm việc trong các doanh nghiệp
- Sinh viên ngành kinh tế sau khi ra trường có thể làm việc trong khu vực Nhà nước nên cân nhắc đưa thêm các môn vào danh mục tự chọn như Kinh tế công hoặc Chính phủ điện tử. Sau này đã có số lượng sinh viên ổn định, nên chia chuyên ngành, ví dụ chuyên ngành Kinh tế quốc tế và Kinh tế công.
- Các nội dung về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, bộ máy quản lý…là đáp ứng yêu cầu.
- Kết luận là đủ điều kiện mở ngành.

6. **TS. Trần Anh Tuấn**

- Việc mở ngành đào tạo ngành Kinh tế tại Trường Đại học Quốc tế là cần thiết, đây là ngành cung cấp kiến thức cho người học về kiến thức kinh tế vi mô lẫn vĩ mô.

- Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra: đáp ứng yêu cầu.

- Điều kiện về chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất là đạt yêu cầu.

- Giải pháp sự khác biệt trong đào tạo bằng tiếng Anh và ứng dụng khoa học máy tính, trang bị kỹ năng công nghệ thông tin tốt, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Tuy nhiên nên tập trung thêm kỹ năng về xử lý dữ liệu, thông tin, đưa công nghệ số vào từng môn học

- Kết luận là đủ điều kiện mở ngành.

7. TS. Dương Tôn Thái Dương

- Đề án có nêu sự cần thiết là lý do mở ngành đào tạo, Tổ xây dựng có khảo sát nhu cầu các cá nhân, doanh nghiệp, có tìm hiểu về tình hình đào tạo ngành Kinh tế trong và ngoài nước.

- Đề nghị bổ sung vào hồ sơ Quy định mở ngành của ĐHQG-HCM (Quyết định số 540/QĐ-ĐHQG ngày 09/5/2023), Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Điều chỉnh cụm từ "bậc cử nhân" thành "trình độ đại học", "bậc" thành "bậc trình độ"

- Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra: bổ sung căn cứ pháp lý Quy chế đào tạo theo Quyết định 1342/QĐ-ĐHQG ngày 30/9/2022 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại ĐHQG-HCM

- Ma trận môn học và chuẩn đầu ra: Đề án nêu các mức đáp ứng của từng môn học với CĐR theo 3 mức độ từ 1 đến 3 (không đóng góp, đóng góp ít, đóng góp nhiều). Khuyến nghị tổ xây dựng ma trận môn học với chuẩn đầu ra tương ứng.

- Trong chương trình có yêu cầu sinh viên làm thesis, do đó nên bổ sung môn học có làm project hoặc thiết kế thêm project trong một số môn học cốt lõi để sinh viên làm quen trước.

- Khoa xem xét thực hiện đồng kiến tạo một số môn học với Khoa Kinh tế của trường Đại học Kinh tế- Luật, ĐHQG HCM để thể hiện tính liên kết giữa các trường trong khối ĐHQG HCM.

- Về đội ngũ giảng viên: đề án chưa nêu đội ngũ giảng viên thỉnh giảng, đề nghị bổ sung. Đồng thời đề án cần nêu rõ đội ngũ giảng viên cơ hữu có đáp ứng khối lượng chương trình đào tạo theo quy định tại Điều 5, Quyết định 540/QĐ-ĐHQG.

- Bổ sung Biên bản của Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua chương trình đào tạo.

- Kết luận đủ điều kiện mở ngành

8. **TS. Trịnh Quốc Đạt, thay mặt Tổ xây dựng đề án trả lời một số ý kiến của các phản biện**

- Phản hồi ý kiến Thầy Tùng: Thời gian đầu mới tuyển sinh, số lượng sinh viên còn ít, nếu tách chuyên ngành và mở nhiều môn tự chọn sẽ dẫn đến việc khó khăn trong mở lớp học, sau một vài năm tuyển sinh, số lượng sinh viên tăng thêm thì Khoa sẽ bổ sung thêm các môn tự chọn cũng như tách chuyên ngành.

- Phản hồi ý kiến Thầy Tuấn: Việc bổ sung kỹ năng phân tích dữ liệu, thông tin vào các môn học là cần thiết, mang lại lợi thế cho sinh viên khi ra trường, Tổ xây dựng sẽ tiếp thu ý kiến.

- Phản hồi ý kiến Thầy Dương: trong chương trình đào tạo có môn Business Research Methods trước khi làm Thesis, môn học này có nhiều project và hướng dẫn sinh viên chạy dữ liệu.

9. **TS. Nguyễn Thị Thanh Sang**

- Một số môn học chưa có ánh xạ từ chuẩn đầu ra môn học vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, đề nghị kiểm tra lại và bổ sung.

- Đề xuất kiểm định chương trình theo chuẩn FIBAA và có kế hoạch thiết kế đề cương chi tiết theo mẫu của chuẩn kiểm định và đo chuẩn đầu ra, cũng như khảo sát các đối tượng liên quan mỗi học kỳ để có dữ liệu phục vụ báo cáo tự đánh giá cho kiểm định.

10. **TS. Huỳnh Khả Tú**

- Phòng Đào tạo Đại học đã xuyên suốt cùng Tổ xây dựng đề án trong quá trình làm hồ sơ, đã có nhiều góp ý để hoàn thiện đề án nên không có ý kiến gì thêm

11. **ThS. Trần Quỳnh Hoa**

- Tổ xây dựng đề án bổ sung thông tin của giảng viên thỉnh giảng.

12. **PGS.TS. Trần Tiến Khoa- Kết luận**

5

- Tổ xây dựng đề án tiếp thu các ý kiến của Hội đồng và các bản nhận xét đính kèm để hoàn thiện hồ sơ

- Điểm trung bình đánh giá của Hội đồng là 95.2 điểm, đủ điều kiện mở ngành. Tổ xây dựng hoàn thiện hồ sơ và không cần gửi lại Hội đồng để lấy ý kiến lần 2.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 10g35 cùng ngày.

Thư ký	Chủ tọa HIỆU TRƯỞNG
Lưu Thị Hạnh	Trần Tiến Khoa

Nơi nhận:
- Hội đồng thẩm định;
- Hội đồng xây dựng đề án;
- Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán;
- Lưu VT, P.ĐTĐH.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2023

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

(dành cho Cán bộ thẩm định đề án mở ngành)

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế
- Bậc đào tạo: Đại học chính quy
- Mã ngành: 7310101
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Tp.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Trần Tiến Khoa
2. Ngày, tháng, năm sinh: 23/9/1966 Số CMND/CCCD: .....
3. Chức vụ hiện tại: Hiệu Trưởng
4. Đơn vị công tác: Trường ĐH Kinh tế
5. Học hàm – học vị: ☐ GS; ☒ PGS; ☐ TS; ☐ ThS; khác .....
6. Chức danh trong Hội đồng thẩm định:

II. Phần thẩm định hồ sơ

Stt	Nội dung	Điểm tối đa	Phần cho điểm	Ghi chú
1.	Sự cần thiết (nhu cầu kinh tế, xã hội, …)	10	10	
2.	Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra	20	18	
3.	Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo	40	38	
4.	Đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo	15	15	
5.	Cơ sở vật chất (lớp học, thư viện, giáo trình, cơ sở thực tập bên ngoài,…);	15	14	
	Tổng cộng	**100**	95	

III. Kết luận

1. Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (phải hoàn thiện hồ sơ): ☒
2. Chưa đủ điều kiện mở ngành đào tạo: ☐

Lý do .....

3. Ý kiến khác (nếu có): Tiếp thu ý kiến của thầy để hoàn thiện đề án, hồ sơ mở ngành.

Lưu ý:

- Điểm đánh giá trung bình thấp hơn 70 điểm là không đạt

- Điểm đánh giá trung bình từ 70 điểm đến dưới 90 điểm là đạt, cần điều chỉnh hồ sơ theo ý kiến Hội đồng, và lấy ý kiến Hội đồng lần 2.

- Điểm đánh giá trung bình từ 90 điểm trở lên là đạt, cần điều chỉnh hồ sơ theo ý kiến Hội đồng, và không cần lấy ý kiến Hội đồng lần 2.

Cán bộ thẩm định
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Tiến Khoa

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

(dành cho Cán bộ thẩm định đề án mở ngành)

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế
- Bậc đào tạo: Đại học chính quy
- Mã ngành: 7310101
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Tp.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Dương Tôn Thái Phương
2. Ngày, tháng, năm sinh: 14/03/1982 Số CMND/CCCD: 075592008893
3. Chức vụ hiện tại: Phó Trưởng Bom phụ trách
4. Đơn vị công tác: Bom Đào tạo, PHCC-HCM
5. Học hàm – học vị: ☐ GS; ☐ PGS; ☒ TS; ☐ ThS; khác .....
6. Chức danh trong Hội đồng thẩm định:

II. Phần thẩm định hồ sơ

Stt	Nội dung	Điểm tối đa	Phần cho điểm	Ghi chú
1.	Sự cần thiết (nhu cầu kinh tế, xã hội, …)	10	10	
2.	Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra	20	15	
3.	Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo	40	37	
4.	Đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo	15	15	
5.	Cơ sở vật chất (lớp học, thư viện, giáo trình, cơ sở thực tập bên ngoài,…);	15	15	
	Tổng cộng	**100**	92	

III. Kết luận

1. Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (phải hoàn thiện hồ sơ): ☒
2. Chưa đủ điều kiện mở ngành đào tạo: ☐

Lý do .....

3. Ý kiến khác (nếu có): .....

Lưu ý:

- Điểm đánh giá trung bình thấp hơn 70 điểm là không đạt

- Điểm đánh giá trung bình từ 70 điểm đến dưới 90 điểm là đạt, cần điều chỉnh hồ sơ theo ý kiến Hội đồng, và lấy ý kiến Hội đồng lần 2.

- Điểm đánh giá trung bình từ 90 điểm trở lên là đạt, cần điều chỉnh hồ sơ theo ý kiến Hội đồng, và không cần lấy ý kiến Hội đồng lần 2.

Cán bộ thẩm định
(Ký, ghi rõ họ tên)

Dương Tôn Thái Phương

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
(dành cho Cán bộ thẩm định đề án mở ngành)

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế
- Bậc đào tạo: Đại học chính quy
- Mã ngành: 7310101
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Tp.HCM

I. Một số thông tin cá nhân
1. Họ và tên: Huỳnh Khả Tú
2. Ngày, tháng, năm sinh:..... Số CMND/CCCD: 3[illegible]8998
3. Chức vụ hiện tại: Trưởng Phòng Đào tạo Đại học
4. Đơn vị công tác: Trường Đại học Quốc tế, ĐHQGHCM
5. Học hàm – học vị: ☐ GS; ☐ PGS; ☐ TS; ☑ ThS; khác .....
6. Chức danh trong Hội đồng thẩm định:

II. Phần thẩm định hồ sơ

Stt	Nội dung	Điểm tối đa	Phần cho điểm	Ghi chú
1.	Sự cần thiết (nhu cầu kinh tế, xã hội, …)	10	10	
2.	Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra	20	17	
3.	Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo	40	38	
4.	Đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo	15	15	
5.	Cơ sở vật chất (lớp học, thư viện, giáo trình, cơ sở thực tập bên ngoài,…);	15	15	
	Tổng cộng	**100**	95	

III. Kết luận
1. Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (phải hoàn thiện hồ sơ): ☑
2. Chưa đủ điều kiện mở ngành đào tạo: ☐
Lý do .....
3. Ý kiến khác (nếu có): .....

Lưu ý:

- Điểm đánh giá trung bình thấp hơn 70 điểm là không đạt

- Điểm đánh giá trung bình từ 70 điểm đến dưới 90 điểm là đạt, cần điều chỉnh hồ sơ theo ý kiến Hội đồng, và lấy ý kiến Hội đồng lần 2.

- Điểm đánh giá trung bình từ 90 điểm trở lên là đạt, cần điều chỉnh hồ sơ theo ý kiến Hội đồng, và không cần lấy ý kiến Hội đồng lần 2.

Cán bộ thẩm định
(Ký, ghi rõ họ tên)

Huỳnh Khả Tú

1

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2023

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

(dành cho Cán bộ thẩm định đề án mở ngành)

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế
- Bậc đào tạo: Đại học chính quy
- Mã ngành: 7310101
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Tp.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Trần Quỳnh Hoa
2. Ngày, tháng, năm sinh: 01/02/1975 Số CMND/CCCD: .....
3. Chức vụ hiện tại: Trưởng phòng
4. Đơn vị công tác: Phòng Tổ chức Cán bộ
5. Học hàm – học vị: ☐ GS; ☐ PGS; ☐ TS; ☑ ThS; khác .....
6. Chức danh trong Hội đồng thẩm định:

II. Phần thẩm định hồ sơ

Stt	Nội dung	Điểm tối đa	Phần cho điểm	Ghi chú
1.	Sự cần thiết (nhu cầu kinh tế, xã hội, …)	10	10	
2.	Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra	20	20	
3.	Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo	40	40	
4.	Đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo	15	15	
5.	Cơ sở vật chất (lớp học, thư viện, giáo trình, cơ sở thực tập bên ngoài,…);	15	10	
	Tổng cộng	**100**	95	

III. Kết luận

1. Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (phải hoàn thiện hồ sơ): ☑
2. Chưa đủ điều kiện mở ngành đào tạo: ☐

Lý do .....

3. Ý kiến khác (nếu có): .....

Lưu ý:

- Điểm đánh giá trung bình thấp hơn 70 điểm là không đạt

- Điểm đánh giá trung bình từ 70 điểm đến dưới 90 điểm là đạt, cần điều chỉnh hồ sơ theo ý kiến Hội đồng, và lấy ý kiến Hội đồng lần 2.

- Điểm đánh giá trung bình từ 90 điểm trở lên là đạt, cần điều chỉnh hồ sơ theo ý kiến Hội đồng, và không cần lấy ý kiến Hội đồng lần 2.

Cán bộ thẩm định
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Quỳnh Hoa

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

(dành cho Cán bộ thẩm định đề án mở ngành)

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế
- Bậc đào tạo: Đại học chính quy
- Mã ngành: 7310101
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Tp.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Sang
2. Ngày, tháng, năm sinh: 26/04/1981 Số CMND/CCCD: 023476556
3. Chức vụ hiện tại: Trưởng Phòng Đảo tạo chất lượng giáo dục và khảo thí
4. Đơn vị công tác: Trường Đại học Quốc tế
5. Học hàm – học vị: ☐ GS; ☐ PGS; ☑ TS; ☐ ThS; khác .....
6. Chức danh trong Hội đồng thẩm định:

II. Phần thẩm định hồ sơ

Stt	Nội dung	Điểm tối đa	Phần cho điểm	Ghi chú
1.	Sự cần thiết (nhu cầu kinh tế, xã hội, …)	10	10	
2.	Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra	20	17	
3.	Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo	40	40	
4.	Đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo	15	15	
5.	Cơ sở vật chất (lớp học, thư viện, giáo trình, cơ sở thực tập bên ngoài,…);	15	15	
	Tổng cộng	**100**	97	

III. Kết luận

1. Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (phải hoàn thiện hồ sơ): ☑
2. Chưa đủ điều kiện mở ngành đào tạo: ☐

Lý do .....

3. Ý kiến khác (nếu có): .....

Lưu ý:

- Điểm đánh giá trung bình thấp hơn 70 điểm là không đạt

- Điểm đánh giá trung bình từ 70 điểm đến dưới 90 điểm là đạt, cần điều chỉnh hồ sơ theo ý kiến Hội đồng, và lấy ý kiến Hội đồng lần 2.

- Điểm đánh giá trung bình từ 90 điểm trở lên là đạt, cần điều chỉnh hồ sơ theo ý kiến Hội đồng, và không cần lấy ý kiến Hội đồng lần 2.

Cán bộ thẩm định
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thanh Sang

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

(dành cho Cán bộ thẩm định đề án mở ngành)

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế
- Bậc đào tạo: Đại học chính quy
- Mã ngành: 7310101
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Tp.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Phạm Văn Hùng
2. Ngày, tháng, năm sinh: 13/12/1974 Số CMND/CCCD: 079074019...
3. Chức vụ hiện tại: Trưởng phòng Quản lý Khoa học
4. Đơn vị công tác: Trường Đại học Quốc tế - ĐHQG-HCM
5. Học hàm – học vị: ☑ GS; ☐ PGS; ☑ TS; ☐ ThS; khác .....
6. Chức danh trong Hội đồng thẩm định: Ủy viên

II. Phần thẩm định hồ sơ

Stt	Nội dung	Điểm tối đa	Phần cho điểm	Ghi chú
1.	Sự cần thiết (nhu cầu kinh tế, xã hội, …)	10	10	
2.	Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra	20	20	
3.	Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo	40	38	
4.	Đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo	15	15	
5.	Cơ sở vật chất (lớp học, thư viện, giáo trình, cơ sở thực tập bên ngoài,…);	15	15	
	Tổng cộng	**100**	98	

III. Kết luận

1. Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (phải hoàn thiện hồ sơ): ☑
2. Chưa đủ điều kiện mở ngành đào tạo: ☐

Lý do .....

3. Ý kiến khác (nếu có): .....

Lưu ý:

- Điểm đánh giá trung bình thấp hơn 70 điểm là không đạt

- Điểm đánh giá trung bình từ 70 điểm đến dưới 90 điểm là đạt, cần điều chỉnh hồ sơ theo ý kiến Hội đồng, và lấy ý kiến Hội đồng lần 2.

- Điểm đánh giá trung bình từ 90 điểm trở lên là đạt, cần điều chỉnh hồ sơ theo ý kiến Hội đồng, và không cần lấy ý kiến Hội đồng lần 2.

Cán bộ thẩm định
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phạm Văn Hùng

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2023

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

(dành cho Cán bộ thẩm định đề án mở ngành)

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế
- Bậc đào tạo: Đại học chính quy
- Mã ngành: 7310101
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Tp.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Nguyễn Hùng Thái
2. Ngày, tháng, năm sinh: 13/12/1984 Số CMND/CCCD: 038086004523
3. Chức vụ hiện tại: Trưởng phòng
4. Đơn vị công tác: K.H.T.C
5. Học hàm – học vị: ☐ GS; ☐ PGS; ☐ TS; ☑ ThS; khác .....
6. Chức danh trong Hội đồng thẩm định:

II. Phần thẩm định hồ sơ

Stt	Nội dung	Điểm tối đa	Phần cho điểm	Ghi chú
1.	Sự cần thiết (nhu cầu kinh tế, xã hội, …)	10	9	
2.	Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra	20	20	
3.	Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo	40	40	
4.	Đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo	15	13	
5.	Cơ sở vật chất (lớp học, thư viện, giáo trình, cơ sở thực tập bên ngoài,…);	15	15	
	Tổng cộng	**100**	97	

III. Kết luận

1. Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (phải hoàn thiện hồ sơ): ☑
2. Chưa đủ điều kiện mở ngành đào tạo: ☐

Lý do .....

3. Ý kiến khác (nếu có): .....

Lưu ý:

- Điểm đánh giá trung bình thấp hơn 70 điểm là không đạt

- Điểm đánh giá trung bình từ 70 điểm đến dưới 90 điểm là đạt, cần điều chỉnh hồ sơ theo ý kiến Hội đồng, và lấy ý kiến Hội đồng lần 2.

- Điểm đánh giá trung bình từ 90 điểm trở lên là đạt, cần điều chỉnh hồ sơ theo ý kiến Hội đồng, và không cần lấy ý kiến Hội đồng lần 2.

Cán bộ thẩm định
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hùng Thái

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2023

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

(dành cho Cán bộ thẩm định đề án mở ngành)

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế
- Bậc đào tạo: Đại học chính quy
- Mã ngành: 7310101
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Tp.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Võ Tất Thắng
2. Ngày, tháng, năm sinh: 20-11-1978 Số CMND/CCCD: .....
3. Chức vụ hiện tại: Trưởng khoa Kinh tế
4. Đơn vị công tác: Trường ĐH Kinh tế TP.HCM
5. Học hàm – học vị: ☐ GS; ☒ PGS; ☐ TS; ☐ ThS; khác .....
6. Chức danh trong Hội đồng thẩm định: Ủy viên phản biện.

II. Phần thẩm định hồ sơ

Stt	Nội dung	Điểm tối đa	Phần cho điểm	Ghi chú
1.	Sự cần thiết (nhu cầu kinh tế, xã hội, …)	10	10	
2.	Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra	20	20	
3.	Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo	40	35	
4.	Đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo	15	15	
5.	Cơ sở vật chất (lớp học, thư viện, giáo trình, cơ sở thực tập bên ngoài,…);	15	15	
	Tổng cộng	**100**	95	

III. Kết luận

1. Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (phải hoàn thiện hồ sơ): ☒
2. Chưa đủ điều kiện mở ngành đào tạo: ☐

Lý do .....

3. Ý kiến khác (nếu có): .....

Lưu ý:

- Điểm đánh giá trung bình thấp hơn 70 điểm là không đạt

- Điểm đánh giá trung bình từ 70 điểm đến dưới 90 điểm là đạt, cần điều chỉnh hồ sơ theo ý kiến Hội đồng, và lấy ý kiến Hội đồng lần 2.

- Điểm đánh giá trung bình từ 90 điểm trở lên là đạt, cần điều chỉnh hồ sơ theo ý kiến Hội đồng, và không cần lấy ý kiến Hội đồng lần 2.

Cán bộ thẩm định
(Ký, ghi rõ họ tên)

Võ Tất Thắng

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2023

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

(dành cho Cán bộ thẩm định đề án mở ngành)

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế
- Bậc đào tạo: Đại học chính quy
- Mã ngành: 7310101
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Tp.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Lê Thanh Tùng
2. Ngày, tháng, năm sinh: 12/08/1979 Số CMND/CCCD: 001079068451
3. Chức vụ hiện tại: Phó Trưởng Khoa
4. Đơn vị công tác: Trường ĐH Mở TpHCM, Khoa Kinh Tế và QLC
5. Học hàm – học vị: ☐ GS; ☒ PGS; ☒ TS; ☐ ThS; khác .....
6. Chức danh trong Hội đồng thẩm định:

II. Phần thẩm định hồ sơ

Stt	Nội dung	Điểm tối đa	Phần cho điểm	Ghi chú
1.	Sự cần thiết (nhu cầu kinh tế, xã hội, …)	10	10	
2.	Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra	20	17	
3.	Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo	40	38	
4.	Đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo	15	15	
5.	Cơ sở vật chất (lớp học, thư viện, giáo trình, cơ sở thực tập bên ngoài,…);	15	15	
	Tổng cộng	**100**	95	

III. Kết luận

1. Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (phải hoàn thiện hồ sơ): X
2. Chưa đủ điều kiện mở ngành đào tạo: ☐

Lý do .....

3. Ý kiến khác (nếu có): .....

Lưu ý:

- Điểm đánh giá trung bình thấp hơn 70 điểm là không đạt

- Điểm đánh giá trung bình từ 70 điểm đến dưới 90 điểm là đạt, cần điều chỉnh hồ sơ theo ý kiến Hội đồng, và lấy ý kiến Hội đồng lần 2.

- Điểm đánh giá trung bình từ 90 điểm trở lên là đạt, cần điều chỉnh hồ sơ theo ý kiến Hội đồng, và không cần lấy ý kiến Hội đồng lần 2.

Cán bộ thẩm định
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lê Thanh Tùng

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

(dành cho Cán bộ thẩm định đề án mở ngành)

- Tên ngành đào tạo: Kinh tế
- Bậc đào tạo: Đại học chính quy
- Mã ngành: 7310101
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Tp.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Trần Anh Tuấn
2. Ngày, tháng, năm sinh: 1/7/1974 Số CMND/CCCD: 080074003163
3. Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Đào tạo sau đại học, quản lý Doanh nghiệp, Khởi nghiệp
4. Đơn vị công tác: Ban Đào tạo sau đại học, quản lý Doanh nghiệp, Khởi nghiệp
5. Học hàm – học vị: ☐ GS; ☐ PGS; ☒ TS; ☐ ThS; khác .....
6. Chức danh trong Hội đồng thẩm định:

II. Phần thẩm định hồ sơ

Stt	Nội dung	Điểm tối đa	Phần cho điểm	Ghi chú
1.	Sự cần thiết (nhu cầu kinh tế, xã hội, …)	10	10	
2.	Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra	20	18	
3.	Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo	40	35	
4.	Đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo	15	15	
5.	Cơ sở vật chất (lớp học, thư viện, giáo trình, cơ sở thực tập bên ngoài,…);	15	15	
	Tổng cộng	**100**	93	

III. Kết luận

1. Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (phải hoàn thiện hồ sơ): ☒
2. Chưa đủ điều kiện mở ngành đào tạo: ☐

Lý do .....

3. Ý kiến khác (nếu có): .....

Lưu ý:

- Điểm đánh giá trung bình thấp hơn 70 điểm là không đạt

- Điểm đánh giá trung bình từ 70 điểm đến dưới 90 điểm là đạt, cần điều chỉnh hồ sơ theo ý kiến Hội đồng, và lấy ý kiến Hội đồng lần 2.

- Điểm đánh giá trung bình từ 90 điểm trở lên là đạt, cần điều chỉnh hồ sơ theo ý kiến Hội đồng, và không cần lấy ý kiến Hội đồng lần 2.

Cán bộ thẩm định
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Anh Tuấn